

## Thư tòa soạn

(Chim Việt Cảnh Nam số 26 ngày 17-02-2007)

**B**ính Tuất ra đi, Đinh Hợi vừa tới! Những tưởng " Lợn ủn ỉn ăn no lại nằm ", chẳng bận tâm đến đo tính toán . Nào hay, vừa lò dò trước cửa , Lợn đã lên tiếng hỏi dồn : " Ăn Tết ngày nào đây ? " .



Tại quê nhà người ta đón Giao thừa vào tối 16/2 sang ngày 17/2. Người Trung Quốc và đa số người Việt tại Hải Ngoại lại chọn đêm 17/2 sang ngày 18/2.

Vậy ngày mừng 1 Tết là ngày nào ? 17/2 hay 18/2 ? Dựa trên tiêu chuẩn nào để định ngày mừng 1 Tết? Phải chăng chính quyền các nước muốn định lịch thế nào cũng được ? muốn "Ban Sóc " thế nào cũng được ?

Để mào đầu suy ngẫm, mời bạn đọc các bài liên quan đến phong tục Tết.

Trước hết , ta cùng Nguyễn Thị Chân Quỳnh,qua hai bài - [Tết Nguyên Đán và Lễ Nghênh Xuân](#) - [Tết dưới mắt người Tây Phương](#), tìm hiểu ngày xưa dân ta ăn Tết - đón Xuân như thế nào ? Chỉ cần lướt qua, hai chữ Lễ Ban Sóc và Lễ Tiến Lịch cũng đủ cho ta thấy vấn đề chọn lịch, viết lịch không đơn giản , mà đã là một "quốc sách", liên quan đến sự độc lập, nền kinh tế nông nghiệp của quốc gia, và không phải như ngày nay, chỉ cần qua Đài Loan hay Bắc Kinh mua Lịch đem về dịch ra tiếng Việt là xong !

Qua bốn bài trong mục : "[Tết Hà Nội ? Tết Bắc Kinh ?](#)" , Lê Kim Chi cho thấy : cái tội chia rẽ Tết Ta - Tết Tàu là của ông "Thần Lịch Sử " đã trớ trêu để Hà Nội và Bắc Kinh ở hai múi giờ (fuseau horaire) khác nhau. Cùng một phương pháp tính Âm lịch, vậy mà cách một giờ , lệch một ngày (2007)! Có năm lệch cả tháng (1985) ! Nếu ta chọn Hà Nội làm chuẩn mốc để tính lịch thì ngày 17/2 là ngày mừng 1 Tết (mà dù có chọn Sài gòn, hay Huế cũng vậy mà thôi ), còn nếu ta chọn Bắc Kinh làm Trung điểm thì Tết rơi vào ngày 18/2.

Việc tính toán lịch cần dựa vào khoa học, còn ăn mừng Tết ngày nào là tùy tâm mỗi người ... !

Ăn Tết, đón xuân là phong tục từ ngàn xưa của người Việt . Qua ngàn năm đô hộ, rất nhiều phong tục được truyền qua từ Trung Quốc , nhưng cạnh đó cũng có những phong tục là của riêng dân ta, từ trước thời Bắc thuộc, có khi lại của riêng một vùng một làng hay một xóm, mời bạn nghe bài [Phong tục Tết Việt Nam \(bài để nghe\)](#) của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ .

Năm Đinh Hợi, hẳn cũng phải nói về chuyện con lợn, hay con heo, như Nguyễn Dư với bài [Tranh lợn](#) , Nguyễn Quý Đại với bài [Năm Hợi nói chuyện heo](#) .

Ngày nay, người Việt nhộn nhịp đón xuân khắp nơi trên thế giới . Ngày Tết, ai điện thoại sang gia đình vùng Los Angeles - Westminster , hẳn nghe pháo nổ rền vang vọng lại qua ống nghe. Nguyễn Dư nhớ lại ngày xa xưa, cách đây vài chục năm, lúc đó người mình ra nước ngoài chưa đông, những sinh viên xa nhà nhất nhạnh vá víu từng mảnh Tết qua hồi ký [Một lần đón Tết](#) , Quỳnh Chi kể [Chuyện phiếm về 12 con giáp](#)

\*\*\*

Chuyện lịch sử Việt Nam - Trung Quốc lại được nhắc tới qua tập truyện dã sử "[Nữ tướng thời Trung Vương](#) " , lần này tiếp theo với : [8 - Nàng Quỳnh, Nàng Quế](#) / [9 - Đàm Ngọc Nga](#) / [10 - Thiệu Hoa](#) , / [11 - Quách A](#) , / [12 - Vĩnh Hoa](#) , / [13 - Lê Ngọc Trinh](#) , / [14 - Lê Thi Lan](#) .

Dĩ nhiên, đây không phải là lịch sử mà chỉ là tiểu thuyết dã sử, như tác giả Nguyễn Khắc Xương đã nói rõ. Với thể loại này, ai cũng biết rằng tác giả không có ý "viết lịch sử " mà dựa lên một số dữ kiện lịch sử - ít nhiều chính xác - rồi thêm thắt qua tưởng tượng.

Gần đây, trên mạng lưới , cũng có người " viết lịch sử " về thời hai bà Trưng , trích sách của sử gia Trung Quốc ( được viết vài thế kỷ sau thời hai bà, nói qua về cuộc khởi nghĩa ), nhưng xem cho kỹ bài viết dựa lên một số **tiên quyết** võ đoán , nào là lịch sử do sách Trung Quốc viết luôn luôn đúng hơn lịch sử của người Việt, nào là sử gia Việt Nam chỉ biết sao chép tư liệu sử gia Trung Quốc , và bất kỳ một người Tây Phương nào viết sách cũng luôn luôn khách quan ... !!!

Nước Việt ta với Trung Quốc, xưa nay, có nhiều tương quan đối kháng . Từ đó, nhiều sự kiện lịch sử được mỗi bên đánh giá khác nhau, rất nhiều khi ngược nhau. Thời nay, nhìn khắp nơi trên thế giới, cứ xem các phe lâm chiến nhận định về một trận đánh thì rõ ràng đôi bên đều thắng lớn cả , đê bẹp bên địch. Ngay cả trong một nước, lúc ứng cử, tranh cử , các đảng phái cũng cùng một thái độ "phe ta đúng phe địch sai" .

Do đó, một sự kiện lịch sử - dù do người Tây hay người Trung Quốc kể ra - cần được kiểm chứng qua nhiều nguồn, suy luận từ nhiều phía. Những gì nhiều nguồn tư liệu khác nhau cùng công nhận sẽ có nhiều khả năng là đúng. Còn trên một sự kiện, nếu ta và Trung Quốc khác nhau thì nên coi là không chắc, phải thận trọng, không thể khẳng định. Về lý ta không thể chắc chắn ta đúng, nhưng không có lý do gì để khẳng định rằng lập trường Trung Quốc đúng hơn ta. (Đúng về "tình" thì khác rồi - những người như Lê Tắc dĩ nhiên thường hay lấy lập trường của Trung Quốc).

Ngày trước, Trung Quốc vẫn thường xem các nước nhỏ chung quanh là chư hầu, man di mọi rợ, nếu người Trung Quốc có viết về các nước đó chắc cũng chẳng cần đắn đo suy nghĩ kỹ. Thậm chí nhiều khi vua quan Trung Quốc còn có chính sách đồng hóa dân chư hầu bằng cách xóa bỏ lịch sử, văn hóa. Chuyện đốt sách sử của ta thời nhà Minh hẳn không phải là bịa đặt.

Dù sao, vua quan Trung Quốc ngày xưa chỉ biết có dân Man di xứ Giao Châu, xứ An Nam xa xôi... Người Tây Phương xưa kia chỉ biết có dân An-Nam-Mít, dân chinois !

Người Việt mình thấy được cả hai mặt của lịch sử, vừa biết rõ người ta gọi mình là An Nam, An Nam Mít, nhưng cũng biết thêm là xứ ta còn có tên là Văn Lang, Đại Việt, Đại Cồ Việt, Việt Nam ... (và chuyện này chắc chắn không sao chép từ sách sử Trung Quốc).



\*\*\*

Đã từ ba kỳ, Chim Việt Cành Nam mở mục âm nhạc . Ngoài những mục quen thuộc [Những bài hát tôi yêu \( thêm 65 bài\)](#) , mục [Cổ nhạc- Dân ca \( Bắc-Trung-Nam, Ca Trù, Chèo, Hát văn, Hát xẩm, Hát ru, Quan họ, Cải Lương \)](#) ... lần này xin gửi đến bạn 13 bài trong thể loại [Nhã Nhạc Cung Đình](#) , đã được UNESCO ghi nhận là " **kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại** " . CVCN cũng xin giới thiệu các tác giả [Hà Lan Phương ,Mùi Quý Bông , Văn Sơn Trường , Võ Tá Hân , Thông Đạt, Phạm Anh Dũng, với các ca sĩ : Thu Hiền, Hương Mơ, Nguyễn Thảo, Hà Lan Phương.](#)

Muốn cùng nhà thơ loay hoay với con chữ , đi về chốn vô ngôn, hay vào thế giới của kỷ niệm ... có lẽ mọi lời giới thiệu đều vô nghĩa, xin mời bạn thể nhập hồn thơ với Nguyễn Thế Tài : [. Lũng thưng lên đời - Paris-Sàigòn, một trời ngào ngát](#) - [Em và vũ trụ](#) ; Nghiêu Minh : [Cùng Đội Chuyến Em Về](#) , Quỳnh Chi : [Giọt mưa - Nhà anh](#) -

[Hoc đan - Sơn cao thủy trường](#) , Lê Hưng Tiên : [Lời tựa - Má tôi - Sự viết hoa - Sầu lên khơi](#), Vũ Tiến Lập : [nhỏ niêm](#), Tâm Minh Ngô Tằng Giao : [Ngoài vườn \(Katherine Mansfield\)](#) - [Đảo hồ Innisfree \(William Butler Yeats\)](#) - [Bác thơ rèn trong làng \( Henry Wadsworth Longfellow\)](#)

### Truyện ký :

Những ai từng đọc truyện Tây Du Ký hẳn nhớ đoạn Tôn Hành Giả gặp [Hỏa Diệm Sơn](#) chặn đường, tra hỏi được Thổ Địa vùng này, trả lời : *"Nguyên thuở xưa không có hòn núi này, từ khi Đại Thánh bị Lão Quân bỏ vào lò bát quái mà đốt, bị Đại Thánh nhảy ra đá lò đổ than và rớt ít tám gạch xuống đất, mới hóa ra núi này"*.

Tưởng rằng đây chỉ là tiểu thuyết, không ngờ Hỏa Diệm Sơn lại có thật. Muốn biết ngọn núi này ở đâu, xin đọc bài [Hỏa Diệm Sơn](#) của Nguyễn Tường Bách.

Trên đường thỉnh kinh, Huyền trang cũng lại đã đi ngang qua [Ngọc Môn Quan](#) , một nơi hẻo lánh, lạnh lẽo.

"Vương Chi Hoán, nhà thơ sống sau Huyền Trang khoảng một trăm năm viết về Ngọc Môn quan như sau trong bài thơ nổi tiếng *Xuất tái* :

*Hoàng hà viễn thượng bạch vân gian  
Nhất phiến cô thành vạn nhận san  
Khương địch hà tu oán dương liễu  
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan*

Xa xa, sông Hoàng Hà leo lên tận khoảnh mây trắng  
Một vuông thành cô quạnh, muôn trượng núi cao  
Tiếng sáo người Khương cần chi thổi bài Chiết Liễu  
Vì gió xuân nào có qua cửa ải Ngọc Môn đâu! "

Hiền hòa, thanh thoát hơn, tránh xa hỏa Diệm Sơn nóng bỏng hay Ngọc Môn Quan giá buốt, Võ Quang Yến đưa ta tới tỉnh Katmandu xứ Népal để chiêm ngưỡng [Bón Đồi Mắt Chùa Swayambunath](#) .

Carlotta Gall (Trần Trúc-Lâm Việt dịch ) : [Một lịch sử lớn dậy từ những đồ nát của các tượng Phật ở A-Phú-Hãn](#)

Võ Kỳ Điền : [Những vết chân chim](#)

*"Mà anh em mình có cùng một mẫu số chung, đó là quê hương thân yêu. Nơi đó ngày xưa, có vui có buồn. Nhưng thời gian xa cách quê hương đã quá dài lâu, sự hiện diện của anh em mình, những người thân mình, ở nơi đất ngọt cây lành đó, còn ai nhớ được! Như bầy chim bay trên trời, bóng nó lướt qua trên mặt đất và trong phút giây mất hút, không để lại tông tích. Phải không em, thiệt ra không phải*

vậy! Năm vừa qua một học sinh cũ ở Sóc Trăng, Phan Trường Đạm (anh của thi sĩ Phan Trường Ân) có gởi tặng anh một bài thơ của một thiền sư, anh thích nhất là hai câu cuối: -Thùy vị điều quân đô khứ tạn, di lai túc tích mẫn trường không.

Anh tạm dịch cho em nghe -ai nói bầy chim bay đi hết, ta vẫn thấy dấu chân chim còn đầy trên bầu trời. "

### Truyện ngắn :

. Phạm Xuân Hy : [Thúy Thúy truyện \(Tiễn Đăng Tân Thoại /Cù Hưu\)](#) / [ [PDF](#) ]

*Thúy Thúy Truyện được trích từ Tiễn Đăng Tân Thoại của Cù Hưu.*

*"Tiễn Đăng Tân Thoại" được viết vào khoảng Hồng Võ thập nhất niên, tức 1378, gồm bốn quyển, hai mươi truyện. Phần lớn những truyện trong Tiễn Đăng Tân Thoại đều lấy ma quỷ quái dị, hôn nhân luyến ái, làm đề tài phản ánh những hiện thực xã hội hắc ám, hủ bại dưới triều nhà Nguyên, cũng như chống lại những điều vô lý trong chế độ hôn nhân phong kiến cũ. Nhưng Tiễn Đăng Tân Thoại lại mạnh dạn tuyên dương tư tưởng "Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa" và những phong tục mê tín quỷ thần. Một số truyện có màu sắc của thuyết nhân quả báo ứng của nhà Phật.*

. Phạm Xuân Hy : [Nghị án : Dương Quý Phi chết ở Nhật Bản ?](#) [ [PDF](#) ]

*Sự tích về cuộc đời Dương Quý Phi, có thể nói là được phổ biến và lưu truyền rộng rãi hơn tất cả những mỹ nhân khác. Nhưng cuối cùng, có thật Dương Quý Phi bị thất cố chết ở Mã Ngôi Pha? Hay được kình đảo cứu thoát, vượt biển đưa sang Nhật Bản và sống cho hết cuộc đời ? Còn ngôi mộ Dương Quý Phi hiện tồn tại trong chùa Trường Thọ Tự ở Nhật Bản có đúng là thật là ngôi mộ của nàng không? Đây là một vấn đề nan giải đã được bàn luận từ ít lâu nay trong giới các nhà nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc để xác định lại tầm tích cuối đời của người đàn bà có vẻ đẹp phải e thẹn này.*

Hoài Ziang Duy : [Nhan sắc thịnh không](#)

" \_ Tôn sư. Vậy người là ai?

\_ Người thấy ta không?

*Người đàn ông chồm về phía trước trong tư thế ngồi. Dưới ánh trăng, bóng người ngả dài. Gã đứng lên, phân vân rồi chợt hiểu. Thì ra tôn sư chính là bóng của ta. Người thầy của ta là ta. Ta đi tìm*

*người học đạo. Ta đi bốn bể ngàn phương, lập thân cứu quốc, cõi lốt trần đời, chạy trốn vinh hoa phú quý. Rồi cũng thấy lại ta, thấy lại bóng của chính mình."*

. Quỳnh Chi : [Căn nhà có bốn phòng](#)

*"khi tôi đi thuê nhà, người ta giới thiệu cho tôi một căn nhà có bốn phòng*

*Một phòng chan hòa ánh nắng mặt trời huy hoàng rực rỡ yêu đời, một phòng màu hồng nhạt dịu dàng của những bông hồng ngát hương thương yêu và mơ mộng, một phòng màu xanh hy vọng của bầu trời rộng mở đến vô cùng và căn phòng thứ tư, thật ra là căn gác dưới mái nhà, là một cái kho ngổn ngang chứa nhiều thứ đồ chưa kịp vứt đi. Căn gác này u tối như mây đen u ám giăng đầy trời."*

. Tâm Minh Ngô Tằng Giao : [Một bông hồng trắng \(phóng tác\)](#)

*"Nhưng cậu bé trả lời tôi, giọng thật buồn: "Không đâu! Ông già Nô En không thể mang món quà này tới chỗ em của con bây giờ được đâu! Con phải đưa búp bê cho mẹ con để mẹ trao lại cho em con khi mẹ về nơi đó." Mắt cậu bé thật sâu thẳm. "Em con đã về với bố con rồi. Bố nói mẹ cũng sẽ về với bố sớm thôi, nên con nghĩ rằng mẹ sẽ có thể mang búp bê theo rồi đưa lại cho em con!"*

. TchyA (Đái Đức Tuấn) : [Thủ Xú \(1936\)](#) - [Bói Tét](#)

*Chuyện Thủ Xú lần đầu đăng Báo Phổ Thông Bán Nguyệt San tháng 7 năm 1936. Chuyện đáng để ý đây là TchyA, theo Tây học, viết một chuyện ngắn về đồng tình luyến ái*

. Việt Hải : [Ông Địa Của Tôi](#)

*"Riêng tôi, Ông Địa là đáng vạ năng trong đời sống tâm linh của tôi. Tại sao vậy ? Bởi vì tôi xin ngài thứ gì thì ngài cho ngay không một chút lưỡng lự, ngoại trừ điều ước cuối cùng là trúng Superlotto Jackpot tuần này vô cùng nóng hổi: US\$100M, có thể chọn cash value option, tiền tươi. Tôi nguyện lòng khi nào ngài cho tôi vào danh sách ưu ái nhận giải Superlotto Grand Prize này thì tôi bé ngài đi mỗi bước du hành từ Tahiti sang Cancun, từ Jamaica sang Bahamas..."*

. Chu Tất Tiến : ["Yoga" hay "Thiền Công" có lợi cho sức khoẻ như thế nào](#)

\*\*\*

**Truyện dịch nhật :**



. Quỳnh Chi : [Con mèo đã sống một triệu lần](#) (Sano Yoko vẽ và viết)

"Đây là một truyện tranh nhi đồng rất nổi tiếng ở Nhật, được chọn vào danh sách các truyện chọn lọc dành cho trẻ em. Hơn nữa, ngay sau khi xuất bản, các tạp chí đã bình luận rằng đây cũng là một truyện dành cho người lớn. Và cứ đến dịp Valentine Day cũng có những người lớn mua làm quà tặng cho nhau. Truyện xuất bản lần đầu vào năm 1977, và cho đến năm 2006 đã tái bản đến lần thứ 86."

. Phạm Vũ Thịnh : - [Murakami Haruki ,Tiểu Thuyết Gia Hiện Đại Nhật Bản](#) - [Đom đóm](#) - [Chuyện trong nhà](#)

"Từ Điển Bách Khoa Columbia, ấn bản năm 2001, ghi rằng Murakami Haruki "được công nhận một cách phổ biến là một trong những tiểu-thuyết-gia-thế-kỷ-XX quan trọng nhất của Nhật Bản". Đề cập đến thời đại lăm bão tố hiện nay ở Nhật, Matsuda Tetsuo của Báo Yomiuri Shimbun, tờ nhật báo có số in lớn nhất Nhật Bản, viết: "Trong bất cứ trận bão lớn nào cũng có những nhà văn giương cao ngọn đèn soi cho quần chúng. Murakami Haruki đang và sẽ lãnh vai trò đó". Báo The Guardian ở nước Anh viết: "không có nhiều tác giả cùng thời với ông mà tác phẩm lôi cuốn được giới độc giả trẻ trực tiếp đến như thế, không chỉ trong nước ông mà còn trên khắp thế giới".

. Nguyễn Nam Trân : . [Miyazawa Kenji, Người viết truyện nhi đồng cho mọi lứa tuổi](#) : - [Quán ăn mè neho lăm chuyên](#) - [Thỏ Thần và Con Chồn](#) - [Đám hạt dẻ và mèo rừng](#)

" Miyazawa Kenji (Cung Trạch, Hiên Trị, 1896-1933) chỉ là nhà văn Nhật muốn đi tìm một cõi đời không tưởng (Utopia) nghĩa là không thể nào thực hiện trong thế giới hữu hạn của chúng ta. Ông vừa cố vấn về nông nghiệp, vừa rao giảng kinh Pháp Hoa, lại làm thơ và viết truyện nhi đồng, sống một cuộc đời vị tha, nhân ái.

(...)

Trong các tác phẩm của ông, ảnh hưởng của Phật Giáo phái Nhật Liên (Nichiren) và tư tưởng xã hội nhân đạo được nhận thấy rõ ràng. Truyện nhi đồng của ông giống như truyện thần tiên, khác hẳn với loại cổ tích mà trẻ em Nhật Bản vẫn được nghe. Nhất là từ khi ông mất, giới phê bình và quần chúng mới bắt đầu tìm thấy những cái hay đẹp trong các tác phẩm của ông (năm 1934, sau khi Đem theo đường sắt lên Ngân Hà được phát hành). Không những giàu nhạc tính, tươi tắn, dí dỏm, đậm đà ngôn ngữ địa phương, tình yêu thiên nhiên và cuộc đời, truyện của ông còn có tính quốc tế, đầy chất thơ, không bị thời gian xoi mòn dù đã trải qua hơn nửa thế kỷ.

. [Hayashi Mariko \(Lâm, Chân Lý Tử \) : Đêm đầu](#)

*"Bà vốn người tỉnh Yamanashi, một vùng gần Tôkyô. Sau khi tốt nghiệp ngành nghệ thuật ở Đại Học Nihon, đã hành nghề trong lĩnh vực thảo án quảng cáo (copywriter). Năm 1982, nổi tiếng với Runrun wo katte okô ni kaeru " Đi mua Runrun rồi về !". Sang năm 1986, viết tiếp Saishuubin ni ma ni aeaba " Nếu kịp chuyến bay cuối " và Kyôto made " Cho đến Kyôto ". Lần lượt đoạt các giải thưởng văn chương lớn như Naoki (1986), Shibata Rentarô (1995) và Yoshikawa Eiji (1998), những giải mang tên các nhà văn danh tiếng Nhật Bản. Viết rất dồi dào và ăn khách. Tác phẩm tiêu biểu của bà là Fukigen na Kajitsu " Những trái cây khó ở ", trong đó nhân vật nữ chính đã ngoại tình và không làm sao rứt ra khỏi một anh nhân tình giỏi việc truy hoan. Lý do là dù có yêu chồng, nàng không tìm thấy được lạc thú nhục thể bên cạnh ông ta. Cảnh tượng này đã phản ánh tình trạng xã hội Nhật Bản hiện đại khi sự ngoại tình của các bà chứ không phải của các ông mới trở thành thời sự."*

*Trong một ý nghĩa nào đó, Hayashi Mariko cũng là một tiếng nói đòi quyền sống và mưu cầu hạnh phúc của người phụ nữ.*

. [Những bài viết bằng tiếng Pháp](#)

- . Trịnh Nguyên Phước : [L'approche bouddhiste de la mort \(PDF\)](#)  
và trích báo Good Morning của Cựu học sinh JJR :
- . Natsuki Nguyễn Cao Đức : [L'Abecedaire de Tokyo](#)
- . Georges Nguyễn Cao Đức : [9 Mars 1945: l'Annam laisse la place au Viet Nam](#)
- [Bảy Viên, le Vidocq vietnamien](#) - [Les Costumes de Cour des Mandarins d'Annam](#)

**Cổ Văn**

Thơ cổ Trung Quốc  
Bạch Cư Dị : - [Đai Lâm Tư Đào Hoa \( Quỳnh Chi phóng dịch\)](#)  
Đỗ Phủ : [Giang bạn độc bộ tâm hoa](#) - [Tuyệt cú](#)  
Lâm Bô : - [Mai Hoa \( QC pd \)](#)  
Lý Bạch : [Xuân nhật túy khởi ngôn chí](#)  
Mạnh Hạo Nhiên : - [Xuân Hiếu](#)  
Tiết Đào : [Vọng xuân từ](#)  
Vương An Thạch : - [Mai Hoa \( QC pd \)](#)

\*\*\*

**Dân tộc học, Văn hoá học, Lịch sử**





## . Hát Quan họ

"Trong dòng văn hoá và nghệ thuật âm nhạc dân gian chảy từ ngàn xưa, giữa sự đa dạng và đa diện của các dòng dân ca: chèo của Thái Bình, Nam Định, chèo tàu của Hà Tây, hát dặm Nghệ An, Hà Tĩnh, ca trù ca Huế, dân

ca Nam bộ... vẫn lấp lánh một dòng dân ca riêng biệt, đặc sắc và độc đáo, tựa như:

"Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc...  
Chị Hai xinh chị Hai đứng một mình vẫn xinh"

Đó là dân ca Quan họ vùng Kinh Bắc - Bắc Ninh."

. Vĩnh Đào : [André Malraux và Việt Nam](#) - [Quelques notes sur Eugène Dejean de la Batie \(bài tiếng Pháp\)](#)

" Khi **André Malraux** bước lên chiếc tàu **Angkor** tại hải cảng Marseille một ngày tháng 10 năm 1923 để thực hiện một chuyến du hành dài sang Đông Dương, ông chưa được 22 tuổi tròn.

...

André Malraux sau này trở thành một trong những nhà văn lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của nền văn học Pháp thế kỷ 20. "

. Lê Văn Hảo : [Việt Nam Văn Hiến Ngàn Năm \(tiếp theo\) : 9. Thời Tiền Nguyễn \(1558-1777\) - hay Hai thế kỉ hình thành và bước đầu hưng khởi của văn hóa Phú Xuân](#) - [10. Thời Tây Sơn \(1771-1802\) - và 15 năm văn hóa Phú Xuân](#)

## **Văn học - Luận - Thời đại -Ngữ Văn**

. Nguyễn Phú Phong : [Chữ quốc ngữ bành trướng từ Nam ra Bắc](#)

" từ đầu thế kỷ 20 trở đi, sau khi cuộc đấu tranh vũ trang của Phong trào Cần Vương tan rã, nước Việt Nam dưới mắt người Pháp, xem như đã được bình định, nhà cầm quyền Pháp bắt đầu đặt để những cơ chế về hành chánh, giáo dục để cai trị các xứ thuộc địa và bảo hộ. Các cơ chế chính quyền của Triều đình nhà Nguyễn dần dần hoặc bị thay thế hoặc bị làm suy yếu đi không còn thực quyền. Hán học, nền tảng của công cuộc đào tạo sĩ phu, quan chức nhà Nguyễn, theo đó cũng tàn tạ nhường chỗ cho lớp quan chức mới xuất thân từ các trường Pháp-Việt. Chữ quốc ngữ từ trong Nam lan ra đất Bắc, xen

*vào các kỳ thi; biết quốc ngữ trở thành một yêu cầu để bước vào quan trường. Tuy vậy vào cuối thế kỷ 19, những bước đầu của quốc ngữ ở miền Bắc còn rất e dè, như lời tự thuật của nhà nho Nguyễn Bá Học: "Tôi lúc mới học quốc-ngữ thường không dám học to tiếng, chợt có khách đến phải giấu ngay sách vào trong túi áo, hình như có hai mươi bốn mẫu-tự quốc ngữ, là một cái sách bí-mật cấm thư".*

. Nguyễn Thị Chân Quỳnh : [Khoa Cử Việt Nam \( tập thượng \)](#) :  
Thi Hương (tiếp theo)

. Nguyễn Nam Trân : [Văn Học Sử Nhật Bản \(tiếp theo\)](#) : 10) Từ Konjaku Monogatari (Truyện giờ đã xưa) đến Shaseki-shuu (Góp nhặt đá cát) - Văn học thuyết pháp và răn đời của Nhật Bản - 11) Sân khấu Nô, Kyôgen cùng các hình thức văn học Tuồng tương cận - Đỉnh Cao Nghệ Thuật Nô Với Cha Con Kan.ami Và Zeami - 12) Sân khấu Jôruri, Kabuki và Văn học Tuồng - Vai trò chủ đạo của Chikamatsu Monzaemon (Cận Tùng , Môn Tả Vệ Môn) , Shakespeare Nhật Bản - 22) Akutagawa Ryuunosuke, Shiga Naoya, Hai đỉnh cao, hai phong cách của thể loại truyện ngắn Nhật Bản

\*\*\*

### **Chim Việt Cành Nam (\*)**

-----  
(\*)1 - *Chim Việt Cành Nam, lấy từ chuyện Chim Trĩ , do vua Việt ở phương Nam tân cống cho vua nhà Chu (Chu Thành Vương). Chim chọn cành phía Nam để làm ổ . "Việt điều sào nam chi" (Sào là làm tổ chim) , ý nói nhớ quê hương phía Nam.*

2 - *Ngựa Hồ hí gió Bắc , là chuyện ngựa của rợ Hồ (Mông Cổ) dâng cho vua Hán Vũ Đế , khi gió Bắc thổi, thì hí lên "Hồ mã tề bắc phong", ý nói nhớ quê, phương bắc.*

# TẾT NGUYÊN ĐÁN & LỄ NGHÊNH XUÂN

-  
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

*Nguyên* = đầu, *Đán* = buổi sớm mai. *Nguyên Đán* là buổi sớm mai của đầu năm. Tết *Nguyên Đán* là cái lễ đầu tiên của năm mới, vào ngày mồng một tháng giêng âm lịch, song không phải tháng giêng bao giờ cũng bắt đầu vào tháng Dần như hiện nay vì thuở xưa mỗi triều đại lên ngôi lại đổi ngày *Chính sóc* (*sóc* = mồng một, đầu tháng âm lịch).

Âm lịch lấy tên 12 chi (Tý, Sửu, Dần, Mão...) đặt tên cho 12 tháng, 6 tháng thuộc dương, 6 tháng thuộc âm, theo luật "tiêu trưởng" : hễ *âm tiêu* thì *dương trưởng*, *âm trưởng* thì *dương tiêu* vv.

Nhà *Tân* chọn tháng *Hợi* (tháng 10) làm tháng giêng. Theo *Kinh Dịch* thì quẻ *Khôn* ở *Hợi* cung (*Khôn* là Đất, là đầu mỗi mọi cuộc biến thiên) và tháng 10 thì khí dương đã hàm chứa ở dưới.

Nhà *Chu* chọn tháng *Tý* (tháng 11) làm tháng giêng. Quẻ *Phục* ở *Tý* cung, tháng 11 thuộc tiết *Đông chí*, dương bắt đầu sinh, khôi phục lại nguyên khí.

Nhà *Thương*, sau đổi gọi là nhà *Ân*, chọn tháng *Sửu* (tháng 12) làm tháng giêng. Quẻ *Lâm* ở *Sửu*, *Sửu* là trâu, trâu thuộc *Thổ* là Đất, Đất có thể ngăn nước, chống rét nên trong lễ *Lập Xuân* người ta làm trâu bằng đất để tống khí lạnh đi.

Nhà *Hạ*, nhà *Hán* và hiện thời chọn tháng *Dần* làm tháng giêng. Quẻ *Thái* ở *Dần* cung (*Thái*=hanh thông), khí hậu ấm áp trở lại, tiện cho việc nông, nên ngày Tết *Nguyên Đán* vừa là ngày lễ mừng mùa Xuân trở lại, vừa là ngày lễ bắt đầu năm mới (1).

Chúng ta ăn Tết *Nguyên Đán* chắc là theo Trung quốc vì có nhiều tục lệ của Trung quốc thấy bên ta cũng áp dụng :

**1 - Lập Xuân** : *Kinh Lễ* ghi rằng trước *Tiết Lập Xuân* ba ngày, quan Thái sử tâu ngày hôm ấy lập Xuân, thình đức ở *Mộc*, thiên tử bèn trai giới.

Ngày Lập Xuân, thiên tử dẫn các quan và chư hầu ra cửa thành phía Đông đón Xuân. Khi quay về thưởng cho các công khanh, đại phu ở triều đình rồi ra lệnh ban bố ân đức cho muôn dân, hoàn tất lễ lớn (2).

**2 - Lễ Ban Sóc** : Tương truyền đời vua Nghiêu (2357-2257 tr. TL) sai Hy Hòa làm lịch, phân định bốn mùa để dân thuận theo mùa và thời tiết mà cấy cấy, trồng trọt. Do đó có lệ đầu năm triều đình phát lịch, gọi là *Lễ Ban Sóc*.

Lịch ấy tính một năm có 360 ngày và có tháng nhuận, song độ số mặt trời tính còn sai. Đời Nam Tề, Tô Xung Chi sửa lại ; đời Minh, châm chước theo lịch Hồi Hồi cũng vẫn chưa đúng. Đến đời Thanh, Thang Nhược Vọng (Adam Schall) sửa lại lần nữa, theo cách tính của Âu châu (3).

**3 - Tết Nguyên Tiêu :** Ở Trung quốc có tục chơi đèn suốt đêm rằm tháng giêng, có thể kéo dài từ 13 đến 17 tháng giêng. Khắp thành phố nhà nào cũng chăng đèn ngũ sắc trước cửa, bày biện trong nhà như ngày đại hội, làm những tòa giả sơn trên kết rồng xanh hoặc trắng, có tới mấy nghìn ngọn đèn sáng, có khi giả sơn kết hai con rồng đỏ, vây rất lớn, mỗi cái vây rồng là một ngọn đèn, miệng rồng phun nước trong vv... Trên cầu, dưới sông thả đèn rực rỡ, hát múa đủ trò, tiếng ca nhạc vang xa hàng chục dặm, du khách chật đường.

Lê Quý Đôn cho biết : Hán Vũ Đế thờ thần Thái Nhất (Thiên Hoàng Đại Đế), cúng từ tối đến sáng. Về sau cứ ngày *Thượng nguyên* (rằm tháng giêng) người ta trưng đèn, tục trưng đèn ngày rằm tháng giêng có từ đây (4).

Theo Văn Hòe thì nguồn gốc Tết Nguyên Tiêu là ở đạo Lão. Đạo Lão cho là có ba vị thần chủ tế việc giáng phúc, xá tội cho người trần :

a - *Thiên quan* giáng phúc vào lễ *Thượng nguyên* là lễ long trọng hơn cả nhất là về ban đêm. Từ đời Đường đã làm lễ này, cũng gọi là lễ *Cầu Phúc*.

*Đường Thư* chép rằng đêm *Nguyên tiêu* hay *Nguyên tịch*, tức đêm rằm tháng giêng, vua Đường Duệ Tông sai làm một cây đèn cao 20 trượng, thả 5 vạn ngọn đèn, ánh sáng chiếu khắp nơi, gọi là *Hỏa Thụ* (cây lửa), vì thế đêm Nguyên tiêu cũng gọi là *Đăng Tiết* (Tết Đèn) (5).

b - *Địa quan* xá tội vào lễ *Trung nguyên*, ngày rằm tháng 7 ;

c - *Thủy quan* giải ách nạn vào lễ *Hạ nguyên*, ngày rằm tháng 10.

## I - TẾT NGUYÊN ĐÁN THỜI CỔ

Nước ta ăn Tết từ bao giờ thì chưa rõ. Nếu căn cứ vào tục ăn bánh chưng ngày Tết và truyền thuyết cha ông ta biết làm bánh chưng từ thời Hùng vương thì ta đã ăn Tết từ đời các vua Hùng, song đây chỉ là phỏng đoán, không có bằng chứng.

Sách sử của ta chép về Tết rất sơ lược, đặc biệt cho thấy từ đời Lê Đại Hành (980-1005) ta đã có tục chơi đèn vào tháng giêng :

"Năm 992, tháng giêng, Vua ngự điện Càn nguyên để xem đèn".

"Năm 1100, tháng giêng, Lý Nhân Tông bày hội *Quảng-chiếu đăng* ở ngoài cửa Đại-hung" (cửa Nam, Thăng-long).

"Năm 1116, tháng giêng, Lý Nhân Tông mở hội *Quảng-chiếu hoa đăng* ở ngoài cửa Đại-hung. Lại tạc tượng nhà sư bằng gỗ có đeo chuông bên mình".

"Năm 1126, Lý Nhân Tông mở hội đèn *Quảng-chiếu* bảy ngày đêm. Tha người có tội giam ở phủ đô hộ".

"Năm 1136, ngày Lập Xuân vua ngự điện Sùng-uyên, các quan dâng biểu mừng".

## A - NHÀ TRẦN

### 1 - Tết Nguyên Đán

Trong *An-nam Chí Lược*, Lê Tắc chép tương đối khá nhiều tục lệ ăn Tết thời nhà Trần :

Trước Tết hai ngày, vua đi xe ngự dụng, các quan mặc triều phục hầu đạo tiền, tế điện *Đế-Thích* (một vị thần trong Phật giáo, làm chủ chư thiên) ở ngoài thành Thăng-long.

30 Tết, vua ngồi giữa cửa Đoan-cung cho bề tôi làm lễ, rồi xem con hát múa trăm lối. Đến tối qua cung Động-nhân, bái yết tiên vương. Đêm, cho thầy tu làm lễ *Khu-na* (đuổi tà ma) ở trong nội.

Dân gian mở cửa, đốt pháo tre, cỗ bàn, trà rượu, cúng tế.

Ngày *Nguyên Đán*, khoảng canh năm, vua ngự điện Vĩnh-thọ cho các tôn tử (con cháu) và cận thần làm lễ hạ trước, rồi vào cung Trường-xuân vọng bái các lăng tẩm.

Sáng sớm, vua ngự điện Thiên-an, các phi tần sắp lớp ngồi, các quan trong nội đứng lộn xộn trước điện tấu nhạc. Các tôn tử và bề tôi sắp hàng bái hạ, ba lần dâng rượu xong, các tôn tử lên điện chầu dự yến. Các quan nội thân (hoạn quan) ngồi ở tiểu điện phía Tây, các ngoại thân ngồi ở Tả vu, Hữu vu (nhà bên trái và bên phải nối vào chính điện). Tiệc đến trưa mới tan.

Lại sai thợ khéo làm đài *Chứng tiên* hai tầng, ở trước điện. Làm một lúc thì xong, vàng ngọc chói ngời. Vua ngồi ăn trên đài, các quan làm lễ chín lạy, dâng chín tuần rượu rồi giải tán.

Mùng 2, các quan làm lễ riêng ở nhà.

Mùng 3, vua ngồi trên gác *Dại-hung* xem các tôn tử, các quan nội cung đánh cầu, ai bắt được, không để cầu rơi xuống, là thắng. Quả cầu to bằng nắm tay, làm bằng gấm thêu, có 20 sợi tua dài lòng thông.

Mùng 5, làm lễ *Khai-hạ* (hạ nêu, trở lại cuộc sống bình thường). Ăn yến xong, các quan và dân chúng đi lễ chùa, miếu hay đi du ngoạn các vườn hoa.

Đêm *Nguyên tiêu* (rằm tháng giêng) trồng những cây đèn *Quảng-chiếu* ở giữa sân rộng, thấp mấy vạn ngọn, sáng rực trời đất. Chư tăng đi quanh tụng kinh Phật (...) các quan lễ bái, gọi là lễ *Chầu đèn*.

Tháng 2, làm cái *Xuân Đài*. Con hát hoá trang thành 12 vị thần, múa hát trên đài.

Vua coi các trò tranh đua dưới sân, lực sĩ và trẻ con đấu nhau, ai thắng được thưởng. Công hầu cư  ngựa, đánh cầu, quan nhỏ thì đánh cờ, đánh vu bồ (bài thẻ)... (6).

### 2 - Tiết Lập Xuân và Lễ Nghênh Xuân

Sách *Lễ ký*, thiên "Nguyệt lệnh" chép : "Tháng cuối mùa Đông, vua sai quan Hữu-ty (chuyên viên) đem con *Trâu đất* ra lễ để đuổi khí lạnh đi, trâu giỏi cày có thể chỉ bảo việc làm ruộng sớm hay muộn.

*Tùy Thư, Lễ Nghi Chi* chép : 5 ngày trước *Tết Lập Xuân*, làm tượng con *Trâu đất*, *Người cày ruộng* và *Cái cày* để ở ngoài cửa Đông môn. Rạng sáng ngày hôm ấy, quan cầm roi ngũ sắc đánh trâu ba roi để tỏ ý khuyến nông.

Điền nhà Thanh chép rằng trong ngày *Lập Xuân*, dâng vua tượng *Mang thần* (thần Cỏ Mang, hoa nở sớm hơn các loài hoa khác, hay thần Câu Mang, trông coi tháng giêng, tượng trưng cho mùa Xuân mới đến), tượng *Trâu đất* và tượng *Núi mùa Xuân*, đều bày trên án để làm lễ đón Xuân cùng khí hòa âm. Đánh trâu ngụ ý trọng nông (7).

Thời nhà Trần, ngày *Lập Xuân*, vua quan làm lễ *Nghênh Xuân* ở phương Đông (Đông giao). Vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh *Trâu đất*. Sau đó, các quan cài hoa lên mũ rồi vào cung dự tiệc.

Trong tháng Xuân, người làm mối bưng trầu cau đến nhà gái hỏi và tặng lễ vật, thường dân giá trăm, nhà cao sang giá hàng nghìn, những người chuộng lễ nghĩa thì không kể ít nhiều. Con trai, con gái nhà nghèo không có người mai dong để làm hôn lễ thì tự mình phối hợp với nhau [xin xem chú thích (6)].

## B - NHÀ LÊ

Sử chép rất ít về Tết đầu thời Lê :

- Năm 1435, mồng một, vua (Thái Tông) dẫn các quan làm lễ yết miếu. Khi về cung mặc áo trắng coi châu, nổi nhạc, thét đường. Các quan mặc cát phục dâng biểu yên ủi (Thái Tổ mới băng).

Ban yến trong 5 ngày cho các quan văn võ trong ngoài, phát tiền cho các quan làm việc ở ngoài theo thứ bậc (8).

- Năm 1449, tháng giêng ban yến cho các quan. Múa nhạc *Bình Ngô Phá Trận* do vua Thái Tông làm, nhớ lại công khó nhọc sáng nghiệp của Thái Tổ, dùng vũ công định thiên hạ. Công thần có người cảm xúc phát khóc (9).

## - CÁC LỄ NGHÊNH XUÂN THỜI TRUNG HÙNG

### 1 - Lễ Tiến lịch - Lược Phan Huy Chú :

*Hàng năm, Tư-thiên-giám tính trước lịch cho năm sau, đến tháng 6 viết hai bản dự thảo, một bản dâng lên Vua và khải Chúa xin tiền in. Vua xem xong, giao cho Trung-thư-giám viết lại, Tri-giám coi việc khắc, khắc rồi Tư-thiên-giám đối chiếu trước khi đem in. Trong tháng chạp chọn ngày dâng lên Vua chuẩn. Đến ngày 24 tháng chạp làm lễ Tiến lịch.*

*Sáng hôm ấy, các quan mặc phẩm phục, theo chỉ của Chúa vào triều làm lễ.*



Sáng sớm, Nghi-chế-ty và các Tự-ban đặt cái án dâng lịch ở giữa ngự đạo trước sân rồng. Bốn viên Thông-tán, hai viên đứng ở phía Đông và phía Tây, hai viên đứng ở bên Tả và bên Hữu cửa Đoan-môn.

Ba hồi trống nghiêm, Tự-ban dẫn hai viên Tiến-lịch quan vào bên Đông sân rồng. Vua ngự lên ngai. Tự-ban dẫn quan Tiến-lịch đến giữa ngự đạo. Xướng : "Cúc cung, bái, hưng (bốn lần), bình thân". Lễ quan xướng : "Tiến hoàng lịch", Tự-ban dẫn quan Tiến-lịch đến trước án lịch giấy vàng. Xướng : "Quy, tiến lịch", quan Tiến-lịch để lịch lên án. Xướng : "Phủ phục, hưng, bình thân, phục vị", Tự-ban dẫn quan Tiến-lịch từ phía Đông ngự đạo xuống đến vị bái. Xướng : "Cúc cung, bái, hưng (bốn lần), bình thân", Tự-ban nhắc cái án để lịch lui ra. Cáp-môn xướng : "Bài ban, ban tề", các quan chia thứ bậc đứng vào ban tề chỉnh. Lại xướng : "Cúc cung, bái, hưng (bốn lần), bình thân".

Quan Truyền-chế đến giữa ngự đạo quỳ : "Tấu truyền chế" rồi lạy xuống, vãn quỳ. Quan Tư-lễ-giám đem tờ chế trao cho quan Truyền-chế. Viên này đỡ lấy lui ra, đứng phía Đông, hô : "Hữu chế". Cáp môn xướng : "Bách quan giai quỳ", các quan quỳ xuống. Quan Truyền-chế đọc chế xong lui về chỗ đứng cũ. Xướng : "Phủ phục, hưng, bái (bốn lần), bình thân". Lại xướng : "Bách quan phân ban thị lập", các quan phân ban đứng hai bên mà hầu. Nghi-chế-ty đến giữa ngự đạo quỳ : "Tấu lễ tât". Vua ngự về cung.

Tư-thiên-giám bưng cái án lịch trước ngự tọa sang tiến ở phủ Chúa. Quan Lễ khoa đem lịch ban cho các quan. Các quan quỳ xuống nhận, giờ lịch ngang trán. Xong lễ lui ra(10).

## 2 - Lễ Khóa ấn

25 tháng chạp làm lễ Khóa ấn trong một tháng, hộp đựng ấn úp mặt xuống. Chỉ những việc trọng đại như sát nhân, phản quốc... mới được xét ngay, còn trộm cắp vặt, đánh nhau, đòi nợ vv. thì đình chỉ, đợi ngày khai ấn mới xét xử (11).

## 3 - Lễ Tiên Xuân Ngu

Hàng năm đến tháng 11, Tư-thiên-giám tâu ngày nào, tháng nào là tiết *Lập Xuân* và kê cả kiểu mẫu làm *Xuân ngu* (*Trâu đất*) giao cho Công bộ sai Thường-ban-cục làm. Tượng trâu to bằng thật, mỗi năm nhuộm một màu, ứng với năm đó, tính theo âm dương, ngũ hành.

Trước tiết *Lập Xuân* một ngày, buổi chiều, Thường-ban-cục đem Trâu đến đàn tế, dựng ở phường Đông-hà. Lễ tế vào giờ Tý (nửa đêm), mở đầu ngày *Lập Xuân*. Quan Phủ-doãn và hai quan huyện Thọ-xương và Quảng-đức làm lễ xong thì sai rước đến đàn ở phường Hà-khẩu. Hôm sau rước đi sớm. Quan Phủ-doãn và các quan huyện lấy cành dâu đánh con *Trâu đất*, rồi đem vào sân điện Vua làm Lễ *Tiên Xuân Ngu*.

Các quan vâng chỉ của Chúa, mặc phẩm phục làm lễ. Lễ xong, quan Tư-lễ-giám bưng cái án để *Xuân ngu* trước ngự tọa sang tiến ở phủ Chúa (12).

## - CÁC NGHI TIẾT THỜI TRUNG HƯNG

### 1 - Nghi tiết ở điện Kính-thiên (lược Phan Huy Chú) :

Sáng sớm mùng một, Tiết-chế-phủ (con cả của Chúa Trịnh) vâng chỉ Chúa, dẫn trăm quan mặc phẩm phục vào châu Vua để chúc mừng năm mới.

Trước một ngày, Thượng-thiết-ty đặt ngự tọa của Hoàng thượng ở chính giữa cửa Kinh-thiên, đặt bảo án ở phía Đông, hương án ở trước ngự tọa. Liễn-giá-ty đặt tàn vàng ở hai bên tả hữu ngự tọa. Giáo phường đặt Thiệu nhạc (nhạc đòi vua Thuần, chính trị tốt, đức hiện rõ) và Đại nhạc (gồm nhiều kèn, trống lớn, thanh la, tù và...) ở hai bên Đông và Tây sân rồng. Thủ-vệ-ty dàn cờ xí, khí giới. Nghi-chế-ty đặt cái án để các tờ biểu của Thừa-ty các xứ ở công đường Lễ bộ. Quan Lễ bộ và quan Thừa-ty các xứ trực đêm ở công đường Lễ bộ. Khi canh đã điểm lần thứ năm, trời sáng, trống và nhạc đi trước, các quan Thị-dạ (hầu đêm) rước án biểu, Nghi-vệ-ty mang tàn che. Thừa-du-cục khiêng án biểu đến ngoài cửa Đoan-môn, tiến vào để ở phía Đông sân rồng, hơi ngoảnh về Bắc. Các quan rước án biểu đều đứng.

Trống nghiêm hồi đầu, các quan văn võ [kể cả Cháp-sự (Đạo Lễ) và Triều-yết] đứng sắp ban ở ngoài cửa Đoan-môn.

Trống hồi thứ hai, quan Đạo-lễ dẫn Tiết-chế-phủ vào chỗ điểm ở Tả, Hữu sân rồng ngôi tạm. Các quan Đạo-lễ tiến vào sân điện Vạn-thọ rước Vua lên ngự giá, làm lễ năm lạy ba vái. Lễ xong lui về chỗ cũ ở hai bên Đông, Tây sân rồng.

Ngự giá đến cửa Kinh-thiên thì quan Đạo-lễ dẫn Tiết-chế-phủ đứng phía Đông sân rồng, hơi về hướng Bắc. Tự-ban dẫn các quan vào sắp hàng hai bên Đông, Tây sân rồng. Các quan Thừa-ty, Triều-yết chia đứng ở ngoài cửa Đoan-môn. Vua lên ngai. Giáo phường tấu khúc nhạc Văn-quang. Dứt tiếng chuông, vút roi (ra lệnh yên lặng khi làm lễ triều bái), nhạc nghỉ. Tư-thần-lang báo trời sáng. Thông-tán xướng : "Ban tề". Lại xướng : "Cúc cung, bái, hưng (bốn lần), bình thân".

Quan Điện-nghi xướng : "Tiến biểu". Nhạc lại nổi lên. Hai viên Khoa quan dẫn bốn Tự-ban rước án biểu có tàn vàng che từ bên Đông sân rồng đem đặt giữa ngự đạo. Các Khoa quan, Tự-ban lui ra chia đứng hai bên Đông, Tây. Dẫn-tán xướng : "Tuyên biểu mục", quan Tuyên-biểu vào giữa ngự đạo quỳ đọc biểu chúc mừng của công hầu và các quan văn võ 12 đạo. Đọc xong, lạy rồi lui về chỗ đứng trước. (Đến lượt đọc biểu phó của các quan triều thần, cũng theo nghi tiết trên).

Thông-tán xướng : "Phủ phục, hưng, bình thân, cúc cung tam vũ đạo". Lại xướng : "Bách quan giai quỳ, tung hô", các quan quỳ xuống, giơ tay ngang trán hô theo : "Vạn tuế", ba lần như thế. Mỗi lần hô thì quân sĩ, phường nhạc, đồng thanh hô theo. Lại xướng : "Phủ phục, hưng, cúc cung, bái (nhạc nổi lên), hưng (bốn lần), bình thân". Nhạc nghỉ.

Quan Đạo-lễ dẫn Tiết-chế-phủ đến bên Đông, đứng ở vị trước. Thông-tán xướng : "Bách quan phân ban thị lập". Nghi-chế-ty đến giữa ngự đạo quỳ tâu : "Tấu lễ tât". Giáo phường ty cùng các Thự Đồng văn, Nhã nhạc (nhạc khí nhỏ hơn Đại nhạc) tấu khúc Hưu-minh. Vút roi. Vua về cung. Quan Tư-lễ-giám bùng tờ biểu để tiến vào nội điện. Nhạc nghỉ. Tiết-chế-phủ và các quan lui ra (13).

## 2 - Nghi tiết ở phủ Chúa (lược) :

Sáng mùng một, hiệu Thiên-hùng bắn súng hiệu, hiệu Thị-trung đánh trống nghiêm. Tướng sĩ thuộc các đội thuyền đứng hầu hoặc đi tuần sát.

Tư-thiên-giám đã chọn giờ và phương hướng tốt để Chúa đi lễ. Các quan rước Chúa đến *Thái miếu* và *Cung miếu* hành lễ rồi về phủ.

Chúa ngự long tọa. Quan và lính hiệu *Thị-hậu* đứng hầu. Binh phiên ban tiền thưởng Xuân theo cấp bậc : nhất phẩm được 5 quan tiền, nhị phẩm được 4 quan... cửu phẩm một quan, Tư-thiên-giám được 6 tiền, nhạc công một tiền.

Tư-thiên-giám chọn giờ tốt khai Chúa khai ấn.

Tiết-chế-phủ dẫn các quan từ cửa Cáp-môn tiền vào phủ đường. Bốn viên Điện-giám (dùng Khoa quan), hai đứng ở bên Tả và bên Hữu trong phủ, hai đứng ở ngoài phủ. Tiết-chế-phủ và các quan theo thứ tự lay mừng. Chúa ban yến. Dự yến xong, các quan làm lễ tạ ơn. Chúa về cung, Tiết-chế-phủ về phủ.

Các quan lại đến phủ Tiết-chế chúc mừng (13).

### 3 - Tết Đàng Trong

Lê Quý Đôn cho biết ở Thuận-hóa, năm Canh-Dần, Tết Chính Đán thì 2 viên Cai cơ công tặc chỉ mừng tiền trâu 2 quan ; Cai đội 11 viên đều một con lợn thay tiền 10 quan, tiền trâu 1 quan ; chư tướng Ngoại tả 1 viên, Chưởng dinh 2 viên, Chưởng cơ 4 viên đều lợn một con thay tiền 10 quan, tiền trâu 5 hay 10 quan tùy hạng ; Cai cơ 10 viên chỉ mỗi viên 2 tiền trâu ; Cai đội 28 viên cũng như lệ Cai đội công tặc ; văn ban 5 viên, mỗi viên 2 tiền trâu vv. (14).

### 4 - Tết qua ngòi bút của một chứng nhân ở thế kỷ 17

Năm 1659, Bento Thiện, một "Thầy giảng" đạo Thiên chúa đã viết về Tết như sau :

*"Thời nước Annam, đầu năm mừng một tháng giêng, gọi là ngày Tết. Thiên hạ đi lạy Vua, đoạn lạy Chúa, mới lạy ông bà ông vải, cha mẹ cùng kẻ cả bề trên. Quan quyền thì lạy Vua Chúa, thứ dân thì lạy Bụt trước. Ăn Tết ba ngày, mà một ngày trước mà xem ngày mừng hai, mừng ba, ngày nào tốt, thì Vua Chúa đi đền Giao, gọi là nhà thờ Trời, hiệu Thiên Thượng Đế Hoàng Địa Kì. Vua Chúa đi lạy mà xin cho thiên hạ được mùa cùng dân an. Đến mừng bảy mừng tám mới hết, cùng làm cỗ cho thiên hạ ăn mười ngày. Lại xem ngày nào tốt mới mở ăn ra cho thiên hạ đi châu cùng làm việc quan, cùng hỏi kiện mọi việc ; lại làm như trước mới khai quốc, thiên hạ vào châu Vua. Từ ấy mới có phiên đi châu. Nội Đài, Ngoại Hiến, Phủ Huyện, quan đảng nha môn, mới có kiện cáo. Đến trung tuần mới có Khánh thọ bảo thần cho thiên hạ mừng tuổi Vua. Ai có nghề nghiệp gì thì làm cho Vua xem. Đến hạ tuần tháng giêng, Đức Chúa lại Tế Kỳ Đạo dưới bãi cát, làm đàn thờ. Trước thì thờ Thiên Chúa Thượng Đế một đàn, là một đàn từ Vua Lê Thái Tổ cho đến nay, một đàn thì thờ Thần Kì Đạo. Đức Chúa lạy ba đàn này. Đoạn đến đàn Thần Kì Đạo, Đức Chúa lạy đoạn, liền chỉ gươm cùng chém, lại bắn cung. Đoạn lại đánh trống mà chỉ gươm cho thiên hạ mới đuổi đi, thì gọi là khao quân. Đoạn liền về tập voi tập ngựa, gọi rằng đã hết năm mới (15).*

## II - TẾT NGUYÊN ĐÁN THỜI NHÀ NGUYỄN

### A - NGHI TIẾT TRONG TRIỀU

#### 1 - Lễ Ban Sóc (ban lịch mới)

Lễ **Ban Sóc** được coi trọng vì lịch liên quan đến việc cày cấy, sinh tồn của dân. Theo Đào Trinh Nhất thì từ đầu thế kỷ 14 ta đã phái người sang Nguyên triều khảo cứu Thiên văn học và phép làm lịch, tức là lịch **Hiệp kỷ** (lịch xem ngày tốt xấu). Sau đây là luật lệ thời nhà Nguyên :

- Năm 1820, bộ Lễ tâu về việc ban lịch **Hiệp Kỷ**: "Ban bảo **Chính sóc** là việc chính trị lớn của vương giả kính Trời chăm dân. Xin lấy ngày 1 tháng 12 đặt **Đại triều** ở điện **Thái-hòa** để truyền chỉ ban lịch theo phép cũ".

- Năm Minh Mệnh 13 (1833) định lệ : Lễ **Chính Sóc** là một lễ lớn để tỏ trong nước dùng cùng một thứ chữ. Nguyên trước lịch do Kinh ban ra, in ở địa phương, chuyển cấp cho dân. Từ nay các tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh do Kinh cấp phát. Từ Ninh-bình ra Bắc cứ tháng 5 mỗi năm Khâm-thiên-giám đưa mẫu lịch cho Hà-nội in và cấp phát. Đến tháng 9, Khâm-thiên-giám làm tờ bì mặt quyển lịch, bì vàng có chữ **Hiệp kỷ lịch**, đến ngày mùng một tháng چاپ các tỉnh làm lễ **Chính Sóc** và phụng hành cấp phát.

- Năm Minh-Mệnh 20 (1840) lại đổi : Lễ cũ ngày 1 tháng 12 đặt nghi lễ **Đại triều** ở điện **Thái-hòa** để ban lịch **Hiệp Kỷ** năm sau cho trăm quan. Nay đổi : Trước một ngày, ty chức trách đặt một cái án vàng trước Ngọ môn, chính giữa, một bàn vàng ở phía nam cái án, đều có lòng vàng che. Hai bên tả hữu sân đặt chỗ đứng lạy của các hoàng thân, các quan từ tam phẩm trở lên ở trước sân Ngọ môn, từ tứ phẩm trở xuống đặt vị đứng lạy ở phía nam cầu Kim thủy. Ở viện Tả đái lậu đặt một long đình. Nghi trượng, nhã nhạc xếp hàng hai bên trước sân Ngọ môn.

Sớm hôm ấy các quan đều mặc triều phục đứng ngoài cửa Ngọ môn. Khâm-thiên-giám bùng hòm đựng lịch đặt lên long đình. Bộ Lễ xướng : "Hành tiến lịch lễ !" (làm lễ dâng lịch). Khâm-thiên-giám bùng hòm đựng lịch đến cạnh viên quản lý quỹ dâng hòm. Tất cả làm lễ 5 lạy. Vệ-loan-nghi khiêng án vàng do cửa Ngọ môn đi vào, nhã nhạc, nghi trượng đi trước, qua cầu Trung đạo đến cửa Đại cung, án vàng đi vào cửa giữa đến sân điện Cần chính đặt ở dưới thềm giữa. Khâm-thiên-giám trao hòm lịch cho viên Nội các chuyển cho nội giám đệ vào cung.

Ngày hôm ấy trăm quan đến viện Tả-đái-lậu lĩnh lịch. Phủ Thừa-thiên họp nhân viên 6 huyện lĩnh lịch cấp phát cho các làng xã để dân chúng xem chung, lịch do các thầy Chánh, thầy Lý giữ (16).

- Năm 1919, lễ **Ban Sóc** diễn ra ở trước cửa **Ngọ môn** vào ngày 1 tháng 12 âm lịch, tức là ngày 2/1/1919.

## 2 - Lễ Phát-thức và lễ Phong ấn

- Năm 1807, định lệ hàng năm đến ngày 25 tháng چاپ âm lịch thì khóa ấn, mùng 7 tháng giêng thì khai ấn.

- Năm 1827, vua dụ : " Hết năm có lệ phong ấn để các nha dành ít ngày nghỉ ngơi, nhàn hạ trong khi cả năm phải siêng năng, chăm chỉ làm việc. Đáng vương giả theo phép Trời làm việc mạnh mẽ, tự cường, không nghỉ ngơi còn sợ chưa hợp ý Trời, chưa thỏa mãn nguyện vọng của nhân dân nên trăm không muốn một ngày nhàn rồi. Từ nay ấn tín quốc gia, hành dụng vẫn theo thường lệ. Còn các nha môn trong ngoài, cuối năm phong ấn, đầu giêng, khai Xuân, khai ấn, cứ theo lệ cũ mà làm".

Trước khi khai ấn phải rửa ấn, gọi là lễ *Phát-thức*. Nguyễn Công Hoan viết : Rửa ấn chỉ được phép ngâm rượu cho các chất bẩn giắt trong kẽ rãnh, không được lấy tăm khều cho nhanh vì làm thế sẽ độc, trong năm có nhiều án mạng xảy ra (17).

Nhưng đây là ở các nha môn, trong triều lễ *Phát-thức* long trọng hơn nhiều :

Nội Các chọn một trong mười ngày cuối tháng chạp làm lễ, được vua chuẩn. Các Hoàng thân, các quan trong viện Cơ Mật, trong Nội Các dự lễ cũng do Nội Các đề cử. Sáng hôm *Phát-thức*, bộ Lễ sai bày bàn ở điện Cần-chánh. Sáu cái tủ khảm lớn đặt ở hai bên cửa điện, trong đựng các hộp ấn được mở ra trước mặt Hoàng thượng. Các ấn triện bằng vàng, ngọc, pha lê vv. của các tiên đế, Hoàng thượng, phi tần, được rửa bằng nước hương thủy (nước có ngâm các thứ hoa) rồi chùi bằng nhiễu điều. Ban đầu, các quan dự lễ mặc thường triều, sau thấy bất tiện nên đổi ra mặc áo thụng xanh. Sau khi rửa xong, ấn triện được cất lại vào trong tủ, rồi vua ban yến (18).

- Năm 1830, định lệ sau ngày phong ấn, gấp những việc cần, Lục bộ, các nha và Nội Các tâu lên dùng ấn vàng. Đến ngày khai ấn triện quan phòng, chưa rõ năm, tháng, ngày nào dùng để làm bằng chiếu.

- Lễ *Phát-thức* đầu tiên của triều Nguyễn diễn ra vào năm 1837. Lễ *Phát-thức* năm 1919 được cử hành vào ngày 24 tháng chạp, tức là ngày 25/1/1919.

### 3 - Nghi tiết Lễ Trừ tịch và Tiết Nguyên Đán

- Năm 1807, Lễ bộ dâng nghi tiết :

Lễ *Trừ-tịch*, vua đến nhà Thái miếu làm lễ, các quan văn võ từ ngũ phẩm trở lên làm bồi tế. Lễ *Nguyên Đán* cũng thế.

Ở miếu Triệu tổ và miếu Hoàng khảo, đêm *Trừ tịch*, sai quan làm lễ. Các quan văn võ từ tứ phẩm trở lên túc trực hai bên công thự tả hữu, các lễ quan túc trực ở các miếu. Nhạc công hát thờ.

Ngày *Nguyên Đán*, vua đến Thái miếu và miếu Hoàng khảo làm lễ. Miếu Triệu tổ thì sai quan làm lễ.

Lễ xong vua đem các quan đến cung Trường-thọ làm lễ chúc mừng, rồi vua ngự điện Thái-hoàn hạn lễ chiêu mừng, sau đó các quan xin phép đến cung Khôn-đức lạy mừng.

Mồng 2, sai các quan làm lễ ở các miếu.

Mồng 3, vua đến nhà Thái miếu làm lễ. Miếu Triệu tổ và miếu Hoàng khảo thì sai các quan làm lễ.

Sai chép làm lệ (19).

- Năm 1848 vua Thiệu-Trị mất, có quốc tang nên nghi lễ hơi đổi : Ngày mồng 1, vua mặc áo cát phục đến cung Hoàng mẫu kính dâng 100 lạng vàng, 1000 lạng bạc, biếu tâu làm lễ người nhà. Lễ xong vua ngự điện Văn-minh, trăm quan mặc áo đẹp lần lượt lễ năm lạy. Mồng 2, vua mặc lễ phục đến điện Long-an (chỗ để quan tài vua Thiệu-Trị) làm lễ, các quan mặc lễ phục



theo lay. Mồng 3, vua mặc lễ phục đến Dao-cung làm lễ, các thân phiên, Hoàng thân, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm mặc lễ phục theo vào lay. Những cuộc châu mừng, ban yến, nhạc đều đình, duy có ban thưởng thân phiên, Hoàng thân, trăm quan, gia cấp cho các lính trạm, lính gián binh đều như lệ (20).

- Năm 1853 định lại lệ mở cửa cung thành ba đêm Tết Nguyên-Đán. Lệ trước, các đêm 30 tháng chạp, mồng 1 và mồng 2 các cửa cung thành, hoàng thành, kinh thành đều mở rộng. Nay phải chiều lệ thường canh giữ.

#### 4 - Ban yến

Năm 1823, ngày mồng một tháng giêng, vua đến cung Từ-thọ làm lễ *Khánh hạ*, dâng mười lạng vàng. Xong, ngự điện Thái-hòa, bày tiệc châu mừng. Lễ xong ban yến và thưởng theo thứ bậc :

Các Hoàng tử tước công, mỗi người 20 lạng bạc ;

Quan văn võ chánh nhất phẩm, mỗi người 12 lạng bạc ;

Tùng nhất phẩm, mỗi người 10 lạng bạc ;

Chánh nhị phẩm, mỗi người 8 lạng bạc ;

Chánh ngũ phẩm, mỗi người 2 lạng bạc ;

Hành tẩu, Thị nội, Chánh đội trưởng, Suất đội... mỗi người 1 lạng bạc (21).

#### 5 - Lễ Nghênh Xuân

Năm 1829 bắt đầu làm lễ Nghênh Xuân. Sau Tiết Đông-chí, ngày Thìn, Khâm-thiên-giám và Vũ Khố lấy đất và nước ở phường Tuế-đức (*Tuế-đức* là vị sao tốt của năm ấy) chế tạo ba bộ *Mang thần* và *Trâu đất*, dùng gỗ dâu làm cốt. Tính theo ngũ hành và ngày Lập Xuân là can chi gì để rõ hình sắc. Thân trâu cao 4 thước, tượng trưng 4 mùa, đuôi dài 1 th 2, tượng trưng 12 tháng. *Mang thần* cao 3 thước 6 tấc 5 phân, tượng trưng 365 ngày (22).

##### a - Lễ Nghênh Xuân ở Kinh

Hàng năm sai Hữu ty chế ba bộ *Mang thần* và *Trâu đất*, cùng hai bộ *Núi Xuân* (*Xuân Sơn Bảo Tọa*). Trước lễ *Lập Xuân* một ngày, phủ Thừa-thiên để *Mang thần* và *Trâu đất* lên *Núi Xuân* đặt trên án, bày đàn tế ở *Đông giao*, làm lễ *Nghênh Xuân*. Tế vào đúng nửa đêm, giờ *Tý*, mở đầu ngày *Lập Xuân*. Lễ xong, rước hai án về để ở Lễ bộ.

Ngày *Lập Xuân*, quan Bộ, viên Kinh dẫn, Khâm-thiên-giám đem đến cửa *Tiên-thọ* và cửa *Hưng-khánh*, có thái-giám tiếp nhận dâng vào cung, gọi là *Tiến Xuân*. Còn một cặp *Mang thần* và *Trâu đất* bày ở phủ thự. Viên Kinh dẫn đánh *Trâu đất* ba roi để tỏ ý khuyến khích việc nông [xem chú thích (22)].

Năm 1841, vua Minh-Mệnh vừa băng hà, Phủ Thừa-thiên chỉ đem tiến *Trâu đất* và *Mang thần* nhưng không làm *Núi Xuân* vì đang có quốc tang.



## **b - Lễ Nghênh Xuân ở các tỉnh Trục lệ**

Theo *Đại-Nam Diển Lệ*, năm Minh-Mệnh 13, định hàng năm sau ngày *Đông-chí*, gập ngày *Thìn*, quan địa phương (quan tỉnh, quan đạo) đem thợ nặn đến phường *Tuế-đứcl* ấy nước và đất chế tạo (theo thể thức ở Kinh) một con *Trâu đất* và một thần *Câu-mang*, dùng gỗ cây dâu làm cốt trâu và thần, xem *can chi* trong ngày *Lập Xuân* rồi hô thần và vẽ hình sắc con trâu (Trâu phải theo năm mà tô sắc vàng, đen hay loang lổ). Đến ngày *Lập Xuân*, quan địa phương đem các thuộc viên mặc Đại triều và hành nghi (cờ, quạt, tàn, lọng) rước *Trâu đất* và *Mang thần* đi làm lễ đón Xuân ở *Đàn Xã-tắc*. Lễ xong, đưa *Trâu* và *Thần* về công đường, quan địa phương lấy roi đánh *Trâu đất* ba cái. Xong rồi để *Trâu đất* và *Mang thần* một thời hạn sau mới đem chôn ở cạnh *Đàn Xã-tắc*. Bia sửa chùa Bạch-Mã ở Thăng-long ghi là hàng năm lễ đánh Trâu, rước Xuân làm ở đền này rất long trọng (23).

## **6 - Vua Miên chúc Tết**

Trong *Ký ức lịch sử về Saigon* Trương Vĩnh Ký cho biết hàng năm vào ngày Tết Nguyên-Đán quốc vương Miên phải sang chúc thọ vua Việt nên đêm 30 đã phải có mặt để canh năm hôm sau cùng Tổng trấn Lê văn Duyệt hành lễ Chúc thọ ở Vọng cung. Một năm, vua Miên phá lệ, nghỉ đêm ở Chợ-lớn, sáng hôm sau không kịp đến dự lễ lúc canh năm, bị Lê văn Duyệt phạt phải nộp 3000 lạng bạc mới cho về nước.

## **B - PHONG TỤC DÂN GIAN**

### **1 - "Tháng giêng ăn Tết ở nhà"**

Cuối tháng chạp, mọi nhà đều nhộn nhịp quét dọn, đánh bóng sập gụ, tủ chè, đồ đồng trên bàn thờ, trang hoàng nhà cửa bằng tranh Tết, câu đối, hoa vv...



**a - Ông Đồ** - Đã có nhiều sách viết về tranh Tết con lợn, con gà, Cóc dậy học vv. nên tôi chỉ nhắc đến một phong tục ít người biết : Ở Hà-nội, trước 1945, bắt đầu khoảng 20 tháng chạp là thấy các ông Đồ khăn đóng, áo dài, đến xin giải chiếu ngồi nhờ ở vỉa hè phố hàng Bò, bày câu đối giấy đỏ, giấy trang kim để bán. Có ông "văn minh" chép cả thơ bằng chữ quốc ngữ, đến nay tôi còn nhớ một câu tả cảnh

Xuân vì mẹ tôi đọc xong cứ tùm-tùm cười, nhắc đi nhắc lại mãi :

*Lá ngọc, cành vàng tóe nở ra !*

**b - Hoa** - Trang hoàng nhà cửa, ngoài câu đối, tranh Tết, dĩ nhiên phải có hoa. Người ta thường sắm các chậu hoa đủ đôi để bày cho cân đối : hai chậu quất màu cam, hai chậu cúc

màu vàng, hai chậu hải đường màu hồng tía... chỉ hoa đào là cấm có một cành. Tục cấm cành đào ngày Tết, theo *Sơn Hải Kinh*, là vì xưa kia ở núi Sóc sơn có một cây đào cổ thụ rất đẹp. Hai vị thần Trà và Uất Lung, cư ngụ ở đây, có công đánh đuổi ma quỷ đến tận gốc cây đào nên từ đây ma quỷ thấy cây đào là sợ. Nhưng đến cuối năm, hai Thần phải lên Thiên-cung chúc Tết Ngọc Hoàng Thượng Đế, ma quỷ thừa cơ Thần vắng mặt, không ai kiềm chế, bèn từ Địa-ngục lên dương gian quấy nhiễu. Người ta biết chúng sợ cây đào nên cấm cành đào trước cửa, trên cành treo bùa, nhà nào không có đào thì treo tranh hai vị Thần để trừ tà đuổi ma đi. Ngày nay người ta không treo bùa hay tranh vẽ Thần nữa mà treo tranh Tết (24).

Ngày Tết đến chơi nhà ai thấy không cấm đào lại cấm một cành hoa mai trắng thì biết là nhà ấy đang có tang. Hà-nội không có mai vàng nên khi còn nhỏ, đọc thơ Huyền Kiều :

*Hồi hồi cô mai vàng...*

tôi cứ băn khoăn tự hỏi sao thi sĩ lại có thể tự tiện đổi cả sắc hoa ?

*Thủy tiên* cũng là thứ hoa chỉ ngày Tết mới xuất hiện. Những người khoe khéo mua củ về tía lấy, phải tính toán sao cho hoa nở đúng giao-thừa hay mừng một Tết mới là khéo. Nếu thấy hoa có triệu chứng nở sớm thì hãm bằng cách quấn bông xung quanh, để ở chỗ thật lạnh ; ngược lại, nếu hoa ra chiều nở muộn thì thúc giục nó bằng cách thay nước ấm, để ở chỗ có nhiều nhiệt khí. Chơi thủy tiên, người ta không chỉ chơi hoa mà chơi cả lá (tía sao cho lá uốn cong xuống theo ý mình) và cả rễ nữa, vì thế hoa thường được bày trong cốc thủy tinh trong suốt, có chân cao nâng ngang tầm mắt người thưởng thức.

Tía thủy tiên dĩ nhiên phải nhẹ tay. Trong bài thơ *Vết thương lòng*, nhà thơ Lan Sơn tả một thiếu nữ đang ngồi tía thủy tiên, chợt thấy :

*Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng,  
Em đã vô tình vội ngừng lên.  
Em vội ngừng tay, vội ngó ra,  
Dao cầm xẩy chạm tới giò hoa ;  
Giò hoa ngày lụi, màng hoa úa,  
Hoa đã vì em chịu xót xa...(25)*

Tôi nghĩ là thi sĩ chưa từng tía thủy tiên bao giờ, cái "xẩy tay" của thiếu nữ trong thơ xem ra phải dùng đến "bây thành công lực" mới làm cho giò hoa lụi được ! Củ thủy tiên giống như củ hành, có nhiều lớp, mà giò hoa thường ẩn sâu bên trong chứ không nằm ở lớp ngoài cùng. Muốn cho cành hoa đừng vươn lên cao, có khi người ta phải gọt cả chân giò hoa, mỗi ngày một tí, thế mà hoa vẫn nở.

Sự tích hoa thủy tiên : Xưa có một ông nhà giàu chia gia tài làm bốn phần đều nhau cho bốn con, nhưng sau khi ông chết, ba người anh chiếm hết chỉ cho em út một mảnh đất nhỏ cằn cỗi. Người em buồn rầu, chợt có bà tiên hiện lên an ủi rằng mảnh đất ấy có giống một loại cây đến mùa xuân sẽ nở hoa rất đẹp và thơm, bán được nhiều tiền. Quả nhiên, người em út nhờ bán hoa mà thành giàu có, và để tưởng nhớ ơn bà tiên đã đặt tên cho hoa là *Thủy tiên* [xin xem chú thích (22)].

**c - Tết ông Công, ông Táo** - 30 tháng chạp, cúng "ông Công, ông Táo", tục gọi là Vua Bếp, lên châu Trời để phúc trình những hành vi của gia chủ trong năm qua. Tiếng gọi là "ông Công, ông Táo" nhưng thực sự lại là "hai ông, một bà". Có nhiều "sự tích" khác nhau chẳng hạn, theo Benito Thiện :

*(...) Bếp thì thờ Táo quân, gọi là Vua Bếp. Nó lấy chồng trước thì sa vào lửa mà chết, nó lại lấy chồng sau mà lòng còn thương nghĩa chồng trước, thì chồng sau đi xem nơi lỗ xưa, thì mình cũng sa xuống mà chết. Chồng sau thấy vợ chết, thì cũng gieo mình xuống mà chết, thì ba người vào một lỗ ấy ; thì người ta nói bầy đặt rằng : ấy là Vua Bếp, thì phải cậy cho làm mọi việc nên"*[xem chú thích [\(13\)](#)].

Vì họ là Vua Bếp nên cái kiềng trong bếp mới có ba chân. Người ta cúng một cỗ mũ nữ màu vàng, đặt ở giữa, hai cỗ mũ nam màu đen ở hai bên. Có nhà chỉ cúng một cỗ mũ với một đôi hia, nhưng tuyệt nhiên không nhà nào cúng quần áo, nên mới có câu giễu Vua Bếp :

*Đội mũ, đi hia, chẳng mặc quần !*

Cúng ông Táo có cả cá chép sống thả trong chậu nước, cúng xong đem ra sông, hồ, phóng thích. Cá là phương tiện di chuyển duy nhất của Vua Bếp để lên châu Trời vì thời xưa chưa có phi cơ, phi thuyền.

**d - Cây nêu.** Ở nông thôn có tục trồng cây nêu trong sân đình hay trước cửa nhà vào ngày cuối năm. Cây nêu là một cây tre cao độ 10 thước, gọt hết cành lá chỉ chừa một chùm ở trên đỉnh, có treo phướn, giấy đỏ vẽ hình *Bát quái*, một chùm lông gà nhuộm ngũ sắc, một lồng trầu cau để mời Thần Phật, khánh sênh... mỗi khi có gió, cờ bay phát phới vui mắt, khánh kêu lanh canh vui tai.

Tương truyền xưa kia ma quỷ hay quấy nhiễu dân gian, bị Phật trừng phạt nên quỷ hứa sẽ không dám động đến đất nhà Phật, chỗ nào có cây nêu, cảnh phướn, biết là đất Phật, ma quỷ tránh xa. Vì cuối năm Phật lên châu Ngọc Hoàng Thượng Đế 7 ngày mới về nên người ta trồng cây nêu 7 ngày mới hạ để ma quỷ khỏi ám.

**e - Cung tên vôi bột.** Ta còn có tục trong sân hay trước ngõ vẽ cung tên bằng vôi bột. Tương truyền khi xưa Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn xong lại gặp lúc nước phải nạn dịch hạch. Vua cầu khẩn thì có một ông thần hiện ra bảo lấy vôi bột rắc hình cung tên trước cửa nhà để trị, quả nhiên bệnh dịch lui. Từ đó thành lệ [xem chú thích [\(22\)](#)].

**f - Súc sắc, súc sể.** Thời xưa, cũng vào những ngày gần Tết, trẻ con trong làng họp thành đoàn, rủ nhau đi chúc Tết xin tiền, vừa đi vừa lúc lắc cái ống tre đựng tiền, đèn từng nhà hát :



Táo Công ( 2 ông 1 bà )

*Súc sắc, súc sẻ,  
Nhà nào còn đèn, còn lửa,  
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.  
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng áp,  
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu,  
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp,  
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm.  
Ông sống một trăm linh năm tuổi lẻ,  
Vợ ông sinh đẻ những con tốt lành,  
Những con như tranh, những con như vẽ...*

**g - Giao thừa.** Vào khoảng nửa đêm 30 tháng chạp, cũng gọi là đêm *Trừ-tịch*, mọi nhà đều bày cỗ cúng hoa quả, bánh trái ở giữa sân rồi đốt pháo cúng giao thừa, làm lễ *Tống cựu, Nghênh tân*, tiễn vị *Hành khiển* năm cũ đi, đón vị *Hành khiển* năm mới đến. Có tất cả 12 vị *Hành khiển* thay mặt *Ngọc Hoàng Thượng Đế* điều khiển mọi việc ở nhân gian ; mỗi năm cứ đến lúc giao thừa thì vị *Hành khiển* cũ bàn giao công việc lại cho vị *Hành khiển* mới.

**h - Tục kiêng quét nhà :** Xưa có một nhà buôn đi qua Động Đình Hồ gặp cô gái đẹp đem về làm thiếp, từ đó làm ăn phát đạt hẳn lên. Một hôm, ngày mùng một Tết, người thiếp lỡ tay đánh vỡ một chiếc bình quý, bị chồng đánh đập, nàng bèn trốn trong đồng rác, đến khi người ta tìm bới rác ra thì nàng đã đi đâu mất. Từ đấy người lái buôn làm ăn thua lỗ đến sạch nghiệp. Dân gian thành lệ ngày Tết không quét nhà, đổ rác, sợ làm ăn lụn bại [xem chú thích (22)].

**i - Món ăn ngày Tết.** Trước hết phải kể đến *bánh chưng*. Có nhà treo cả dầy trên một cái sào, gác ở trần nhà cho thoáng gió, giữ được lâu. Tuy nhiên, khí hậu ẩm ướt của Hà-thành thường làm bánh bị mốc, lúc ấy người ta gọt chỗ mốc đi đem tán nhuyễn, rán ròn, thành những chiếc bánh mỏng và tròn như chiếc đĩa. Hà-nội có hai loại bánh chưng : bánh mặn nhân đậu xanh, thịt và cà-cuống, bánh ngọt thì có đường nhưng không có cà-cuống. Tôi vốn không thích ngọt nhưng ăn bánh chưng rán thì lại chọn bánh đường.

Bánh chưng được dọn chung với "*cá kho ngày Tết*". "*Cá ngày Tết*" phải là những con cá chép to, kho đầy nồi với thịt rọi thái miếng vuông quân cờ, giềng và nước chè (không dùng nước hàng bằng đường trắng) cho khỏi tanh. Kho đi kho lại sao cho miếng cá còn nguyên nhưng thật dừ, ăn được cả xương mới là khéo.

Ngoài bánh chưng, cá kho, Tết còn phải có *thang* và *cuốn*. *Cuốn* ở Hà-nội khác cuốn ở miền Nam ở chỗ cuốn từng khúc ngắn nhỏ, bún, tôm, thịt rọi luộc để ở trong, rau diếp xanh quấn ngoài, buộc bằng hành lá. Khi bày, dựng đứng khúc cuốn trên đĩa, trông thấy rõ nhân bún trắng, tôm hồng bên trong, viền một vòng rau xanh bên ngoài.

Nhìn bát *thang*, khách có thể đoán biết trình độ "nữ công" của bà chủ. Bún đơm phải khơi lên chứ không được nén chặt, mặt phải bằng phẳng để bày mặt cho dễ. Các thứ bày mặt : ruốc tôm, gà luộc, giò lụa, trứng tráng, rau răm thái nhuyễn. Lúc bày, chọn màu sắc đối chọi để cạnh nhau cho vui mắt, chẳng hạn không nên để thịt gà luộc cạnh giò lụa. Bày khéo thì đường phân chia ranh giới hai món cạnh nhau thẳng tắp, không có chuyện "giao lưu văn hóa" món này lem nhem xen lẫn với món kia. Thường chỉ bày bốn món rồi ở giữa để một miếng trứng muối luộc với nhiều lòng đỏ. Ăn thang phải thật nóng nên trước khi dọn ra người ta đem *chao*, tức là nước dùng thật sôi đổ vào bát thang cho nóng rồi chặt đi, mức thêm nước lần



thứ nhì, có khi thứ ba rồi mới bung ra mời khách. Chao khéo thì bát thang bung ra các thứ bày mặt vẫn nằm nguyên chỗ. Ăn thang có cà-cuống và dưa hành đi kèm mới đủ vị.

Khách đến chơi nếu không gấp bữa cơm, không muốn ăn bánh chưng hay thang, thì được mời những món ăn vặt như hạt dưa, kẹo, mứt... Hà-nội đặc biệt có bánh *Xuân-cầu* hình vuông, rán lên nở phồng, mỗi bề bằng ngón tay, màu trắng, vàng, hồng, trên mặt rắc mật nấu với thảo quả thành những đường chỉ chằng chịt màu nâu. Chủ nhà còn mời uống rượu ngày Tết để trừ tà khí.



**j - Tết Thây.** Người ta thường nói "ăn Tết ba ngày" nhưng đến mùng bảy mới hạ cây nêu nên cũng nói "ăn Tết bảy ngày". Trong ba ngày Tết, ngày mùng một quan trọng hơn cả, dành để đi thăm họ hàng thân ; mùng hai, thăm bạn bè, họ xa ; mùng ba, mùng bốn hóa vàng, tiễn ông vải. Sau đó, các nhà buôn chọn ngày tốt, cúng và đốt pháo mở cửa hàng.

Thời Nho học còn thịnh, mùng ba Tết có lệ học trò đến mừng tuổi Thầy học :

*Mùng một thì ở nhà cha ;  
Mùng hai, nhà vợ ; mùng ba, nhà Thầy.*

Sau đây tôi lược lại một cảnh Tết Thây học thời xưa, dưới ngòi bút của Chu Thiên :

*"Mùng ba Tết, các đại danh sư không tiếp ai ngoài học trò mình. Đệ tử giai kỳ tử, học trò cũng là con, những đứa con tinh thần. Hôm ấy không ai dám đến chơi nhà những bậc thầy danh tiếng, e phạm đến cái không khí nghiêm trang, đầm ấm giữa tình thầy trò thân mật buổi đầu Xuân.*

*Từng bọn một, học trò đem những quả lễ, trong bày cam, rượu, chè, cau, đặt lên trình quan Hoàng-giáp rồi xin phép đưa lên lễ tổ. Bọn này ra, bọn kia vào. Hết lượt, cả bọn trở xuống nhà học xin phép quan Hoàng-giáp đem trầu đến chúc thọ cụ Cố. Thấy cụ Cố đang ngồi trên giường, học trò bước cả vào, quỳ lạy hai lạy, cùng nói :*

*- Học trò chúng con năm mới gọi là đem đầu sang chúc mừng Cố sống lâu trăm tuổi, con cháu mỗi ngày một nhiều.*

*Cụ Cố cười đáp :*

*- Quý hóa quá, lão cảm tạ các thầy. Lão cũng xin chúc các thầy văn hay chữ tốt, đỗ cao và làm quan to.*

*- Chúng con xin bái tạ Cố.*

*Xong, cả bọn xin phép về nhà học. Bây giờ mới chính thức có lễ mừng tuổi quan Hoàng-giáp. Tất cả học trò, người đã làm quan cũng như người chưa thành đạt, đứng thành ba hàng trên dưới, quỳ xuống. Quan Hoàng-giáp ngồi trên giường nói :*

*- Thầy miễn lễ cho các anh.*

*Học trò vẫn quỳ, một người ở hàng đầu lên tiếng thay mặt cả bọn :*

*- Thưa Thầy, nhân lúc cảnh đẹp, Xuân vui, anh em chúng con đem đầu lại bái chúc Thầy tuổi thọ thêm cao, tinh thần thêm sáng, văn chương thêm chói, đạo đức thêm thịnh để giắt túi chúng con theo Thánh đạo. Thầy mãi mãi như núi Thái sơn, sao Bắc đẩu, đời đời không mất.*

*Quan Hoàng-giáp đáp :*

*- Năm mới Xuân tươi, ta cũng chúc tất cả các anh ai cũng giữ được cái chí và cái đức. Người đỗ rồi thì phải biết làm sáng đạo Thánh và chính lòng người. Kẻ chưa có duyên với trường ốc phải biết phấn chí học hành, cố noi giữ đạo Tu, Tề, Tri, Bình. Ai ai cũng phải giữ khí tiết nhà Nho, đừng làm mấy may điều gì trái đạo, nhục cho cả sĩ lâm. Thế là Thầy mừng.*

*Học trò đứng lên xin phép xuống mừng tuổi hai Cô. Quan Hoàng-giáp ngăn ngừa rồi cho đi. Hai Bà thấy học trò qua sân, xuống nhà dưới, vội ra đứng ở cửa đón chào. Bà Hai bưng coi trà ra mời mỗi người một miếng, bà Cả nói :*

*- Năm mới, chào các anh, các anh không phải lễ lạy gì cả, đến mừng tuổi Thầy là đủ. Chị em chúng tôi đã tạ các anh, mời các anh lên chơi nhà trên, ăn bánh với Thầy.*

*Học trò chào hai bà, trở về nhà học.*

*(...) Năm nào quan Hoàng-giáp cũng tiếp đãi học trò ngày đầu Xuân rất vui vẻ. Năm nào cũng định một cuộc vui chung khác nhau. Có khi ngài ra một bài thơ để họa vần, có khi bắt mỗi người vịnh một thứ hoa để bói chí, có khi bày cuộc xướng họa, có khi ra câu đối để thử tài. Thường thì ngài chỉ cho uống chè Tàu, ăn bánh, ăn cơm, ít khi cho uống rượu" (26).*





### - Tết qua ngòi bút của Hocquard (1886) :

Ngày Tết, trước ngưỡng cửa nhà nào cũng vạch vôi hình cung tên treo nhau để nhắc lại tích Phật đánh dẹp ma quỷ. Có người còn lấy cây xương rồng hay những cành cây có gai bịt kín cửa để ma quỷ không vào được nhà quấy nhiễu. Ngoài cổng, bên trái bức tường có một bàn thờ nhỏ thấp đèn hương cúng thần giữ cửa, nhà giàu bày hoa, giấy trang kim, bánh trái, ngày hai buổi làm cỗ cúng. Trong nhà, bàn ghế được đổi chỗ, cuối sân kết hoa, chăng giấy sặc sỡ thờ thần giếng. Thầy bói đến cân nước để bói : nếu lọ nước mức trước ngày mồng một nặng hơn lọ mức sau mồng một thì là điềm gỡ, trong năm phải cẩn thận. Vào dịp Tết người ta ăn uống phè phỡn, mỗi ngày ba bữa thịnh soạn, bữa nào cũng đem lên cúng tổ tiên. Trong bếp suốt ngày thấp hương nghi ngút cúng ông Táo.

Chỉ những người giúp việc là sung sướng nhất vì ngày Tết chủ nhà kiêng, không ai mắng mỏ (27).

### 2 - "Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè"

Nước ta nông nghiệp là chính nên đầu năm chưa bận mùa màng, dân chúng thường tổ chức hội hè mừng Xuân suốt tháng giêng, qua tháng hai, tháng ba, có khi kéo đến tận tháng tư như làng Phù-đông, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh. Suốt tháng giêng, đi đâu cũng nghe tiếng trống thùng thùng, thấy cờ bay phấp phới.

Trong dịp Xuân, người ta tổ chức các trò chơi bách hí : thi đua, treo giải thưởng. Có những trò cổ truyền như đánh đu, leo cột mỡ, múa rối, cờ bỏi, cờ người... Lại có những trò riêng từng địa phương như hát quan họ, chơi kéo co, đánh phết... cả trăm trò khác nhau. Xin kể hai trò : đánh phết và đánh cờ người.

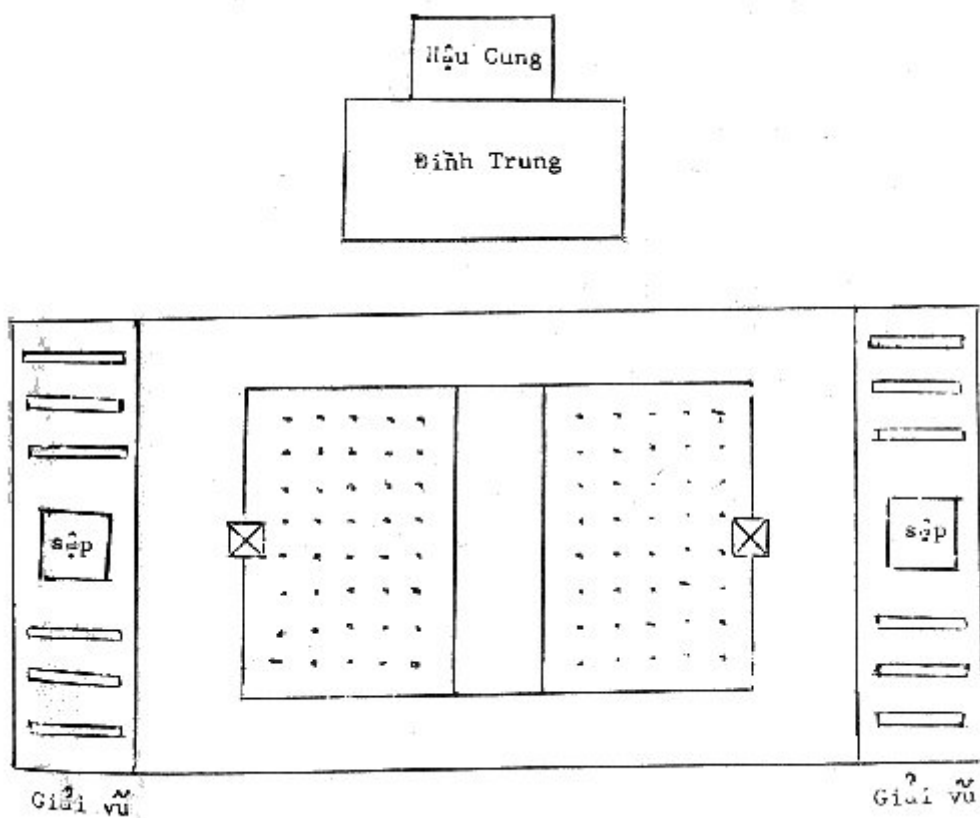
**a - Đánh Phết.** Đánh phết là một trò chơi đông người, chia làm hai phe. Chơi trên một khu đất rộng, gọi là sân phết. Sân chia làm hai phần, ở phía cuối mỗi phần vẽ một cái vòng tròn hoặc đào một cái hố. Người bên này dón phết về phía bên kia, bao giờ quả phết lăn vào vòng tròn hay rơi xuống hố phe kia là thắng.

Quả phết làm bằng gỗ, to bằng cái bong bóng trâu thổi phồng. Gậy bằng gốc tre đực, đào cả củ, cắt bỏ cành rễ, dài độ một sải tay rưỡi, uốn cong khoằm khoằm.

Người chơi phải có sức mạnh mang nổi cây gậy phang vào quả phết bằng cái đầu có củ tre. Quả phết lăn đi, cũng có khi bị móc kéo đi. Lại phải nhanh nhẹn để tránh những đòn phang lắm rất mạnh.

Tương truyền, khi xưa hai bà Trưng huấn luyện nữ binh đã khuyến khích tinh thần chiến đấu và tình đoàn kết đồng đội bằng cách cho chơi phết. Mỗi khi chơi, Hai Bà thường ngự lãm và treo giải thưởng. Để ghi nhớ thời kỳ oanh liệt của Hai Bà, những làng có thờ các vị danh tướng của Hai Bà đều giữ tục đánh phết. Chẳng hạn, ngày 13 tháng giêng, dân làng Song-quan cúng tế *Đông cung Nữ tướng quân Thiều-Hoa*, người đã lĩnh ấn tiên phong, đánh đuổi Tô-Định. Đẹp giấc xong, *Thiều-Hoa* không nhận phong thưởng, xin về quê, Trưng vương cho xã Song-quan làm thực ấp. Hàng năm, cúng tế xong bao giờ cũng mở hội cho trai gái tập trận giả rồi đánh phết. Ngày xưa, chơi phết toàn đàn bà, sau này có nơi trai làng giả nữ binh.

Có những làng không thờ danh tướng của Hai Bà cũng giữ tục này. Đây là một trò chơi ô ạt, đông người cười nói rầm rĩ. Từ ngữ *Vui ra phết* do đó mà ra (28).



**b - Đánh cờ người** - Nếu đánh phết phải dùng sức mạnh thì đánh cờ phải đầu trí tuệ nhiều hơn. Khác với *cờ bỏi* mà quân là những cái biển mang tên, cắm ở vị trí quân cờ, quân của *cờ người* là người thực sự. Sau đây, tôi sơ lược lời của một tiền bối từng chứng kiến nhiều cuộc đấu cờ khoảng cuối thập niên 20, ở làng Đại-yên, sát Ngọc-hà, vùng Hồ Tây, Hà-nội.

**a - Bàn cờ** là sân đình, có làm một cái rạp mái lợp cốt để che mưa nắng, bốn phía để trống. Bàn cờ không có vạch, chia từng ô, mỗi góc ô có cái lỗ để cắm biển. (Cũng có nơi dùng vôi trắng kẻ vạch, hay vạch sâu xuống đất).

**b - Giải vũ.** Bên phải và bên trái của *Đình trung* (nơi thờ Thành-hoàng) có hai dãy *giải vũ* bằng gạch lợp ngói. Ngày thường là chỗ cất lọng, kiệu, đồ thờ, ngày làng vào đám dùng làm nơi cỗ bàn, ngày đầu cò một *giải vũ* dành cho Tướng Ông, một dành cho Tướng Bà và các quân cò sau khi bị loại ngồi nghỉ. *Giải vũ* có ba gian, trang hoàng, trần thiết như nhà riêng : vách treo y môn và trướng, giữa kê sập gụ trái chiếu hoa cạp điều, nệm nhiều, gối xếp, sát tường bày tủ chè, hai bên là tràng kỷ, án thư, có cả trầu nước để tiếp khách. Gian giữa, chỗ Tướng ngồi, thì treo màn.

**c - Tế cò.** Suốt thời gian 10, 15 ngày từ khi mở hội cho tới khi rã đám, sáng nào cũng có tục tế cò trước khi ra quân. Mỗi sáng, sau khi ăn cỗ linh đình tại nhà Tướng cò, cả đoàn trang điểm rồi kéo nhau ra đình làm lễ tế Thành-hoàng, gọi là *Tế cò*. Bên nam tế trước, nữ tế sau. Đứng đầu là Tướng, quân sắp hàng ba đứng sau, đi đến trước bàn thờ Đình. Có người điều khiển cuộc tế theo nhịp bát âm, tiên, lui, quỳ, bái, dâng rượu, hoa, nhang. Lúc tế có đốt pháo. Tế rồi ra sân, ai vào vị trí nấy, theo sự cất đặt từ trước của Tướng cò. Xong xuôi, Tướng cò lui vào trong giải vũ, chỗ Tướng ngồi ở bàn cò ngoài sân chỉ có cái biển. Ai tò mò muốn xem mặt Tướng -đặc biệt là các chàng trai Hà-thành muốn xem mặt Tướng Bà- có thể đến cửa *giải vũ*, chỗ treo màn, ngó vào.

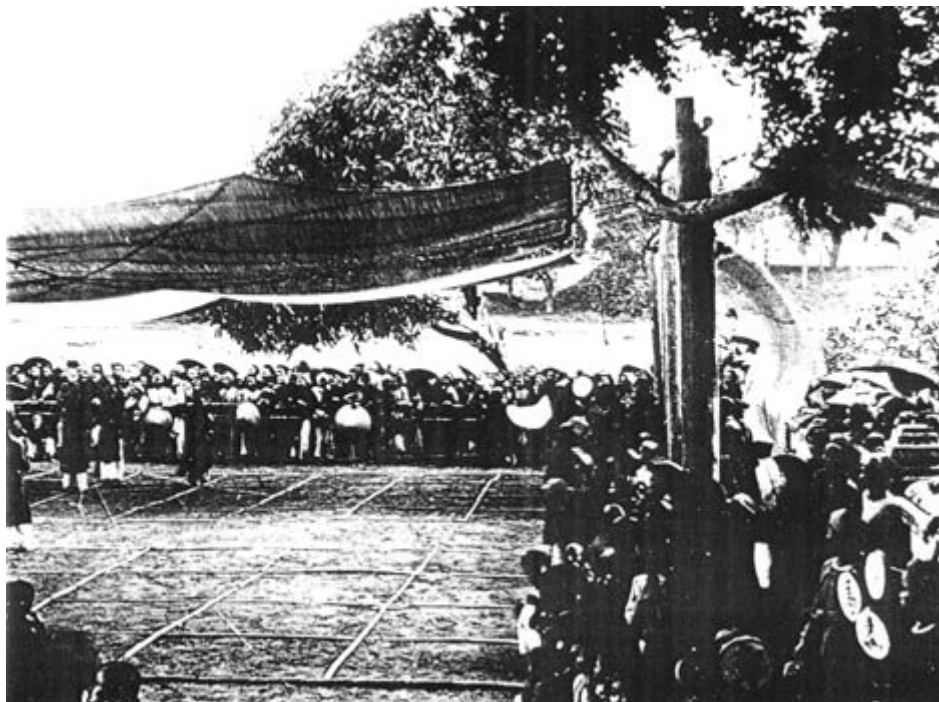
**d - Tướng cò.** Người được chọn làm Tướng là một vinh dự nhưng phải *đăng cai*, chịu tốn kém, đài thọ quân cò ngày nào cũng cỗ bàn, ăn uống, người phục dịch, lại phải may sắm quần áo cho quân.

Bà Tướng mặc áo hồng, khăn vành giấy vàng, đi giày cườm hay vân hài bọc đoạn màu, thêu rồng phượng, hoa lá, chỉ vàng chỉ bạc, ngồi trên sập trong *giải vũ* trông ra sân, trước sập có treo màn.

**e - Quân cò.** Quân là những thanh niên nam nữ do làng cất cử, nhưng cũng có người tự nguyện. Thường thì người ta chọn thừa 4, 5 người để quân cò có thể thay phiên nhau cho đỡ mệt vì phải ngồi trên ghế đầu ở ngoài sân có khi cả 4, 5 tiếng. Quân cò sợ nhất phải ngồi dai, bị điều khiển nhiều lần. Vất vả là những quân *xe, pháo, mã*, người ta thích làm quân *tốt ba*, dễ được giải ngũ sớm. Mỗi quân cầm một cái biển sơn son, chữ vàng, có cán dài độ một thước rưỡi tây, cầm xuống cái lỗ của vị trí mình

Các quân nữ vẫn khăn nhung, áo màu, có nơi thêu tên quân cò ở giữa ngực và sau lưng.

Quân nam mặc áo the hoặc áo tấc xanh, quần trắng ống sớ, thắt giây lưng điều, chân đi giày Gia-định.



**Quân cờ người**

**f - Người đấu cờ.** Người đấu phải qua một lần khảo sát, đấu với người cầm trịch trên bàn cờ gỗ xem có "sạch nước cản" không, nghĩa là không đi quân lầm lỗi. Được chấm đầu mới rút thăm đấu vòng loại : đấu giải nhất thắng, rồi nhị thắng, tam thắng, tứ thắng, cứ loại dần cho tới khi chỉ còn hai người vào chung kết.

Mỗi người đấu có cây cờ lệnh (kiểu cờ đuôi nheo, hình tam giác, viền răng cưa) khi muốn đi nước nào thì lấy cờ phát một cái trên đầu quân cờ rồi tự tay cầm biên cờ cắm vào chỗ muốn đi, quân cờ sách ghế đi theo, ngồi xuống vị trí mới.

Người đấu phải quyết định tương đối nhanh, nghĩ nước lâu quá thì có người cầm trống khẩu kê bên mang tai mà gõ liên hồi để giục khiến cho tâm trí càng thêm rối loạn.



Cuộc đấu mà kéo dài đến đêm thì người ta đốt đèn đất (đèn khí đá, hydrocarbure) để tiếp tục cho đến khi phân thắng bại.

Sau đây tôi xin lược trích một truyện ngắn của Khái Hưng :



**Quần cờ người**

*Làng Đông vào đám, mở cuộc đánh cờ người. Khóa Nghị là người giữ giải. Đã hơn một tuần lễ, ngày nào cũng có người đến đấu nhưng đều bị thua.*

*Hôm ấy là ngày tan đám, lại cũng là ngày phá giải cờ. Trai gái các làng lân cận đến xem rất đông. Người ta đặc biệt chú ý đến 16 cô quân cờ ngồi trên ghế đầu, từ cô Tướng đến cô Tốt đều xinh đẹp, ăn mặc lịch sự, phấn sáp điểm trang công phu, tóc bôi dầu dừa, vắn khăn nhung, áo cẩm châu sắc sỡ, giày mũi nhọn...*

*Hai Phùng, người đến phá giải, nổi tiếng cao cờ khắp mấy tỉnh vùng xuôi, lại cũng là một tay "hào hoa phong nhã" nên vừa hiện diện lập tức gây sóng nổi, bàn tán. Lệ thường, người phá giải được quyền đi trước, còn người giữ giải được chọn bên. Lần này Hai Phùng phá lệ, tình nguyện nhường Khóa Nghị đi trước. Khóa Nghị tưởng Hai Phùng nhường vì muốn tỏ ra mình là tay "hào hiệp" bèn cũng*

*không chịu kém, không những nhường cho Hai Phùng chọn bên, lại nhường luôn cả nước đi trước. Hai Phùng dĩ nhiên chọn bên nữ.*

*Trống đánh giục mở đầu, Hai Phùng tiến đến bên cô Sĩ, phát cờ đuôi nheo, mời cô đi lên. Khóa Nghị thấy Hai Phùng vào đầu ghềnh sĩ, cho là đối thủ không muốn tranh tiên đi trước, cam bỏ phí nước đầu. Khóa Nghị cũng tỏ ra mình "anh hùng", đâm tốt ba. Mặc cho Khóa Nghị đi nước gì Hai Phùng cũng không để mắt tới, cứ quanh quẩn bên cô Sĩ tán chuyện. Khi bị trống thúc ầm ỉ, không thể nói chuyện được thì Hai Phùng phát cờ mời cô Sĩ lui về chỗ cũ. Mọi người ngơ ngác, Khóa Nghị cho là đối phương khinh chiến, tức mình mở cuộc đại công kích. Nhưng hễ đến phiên Hai Phùng đi, vừa nghe tiếng trống giục là phát cờ mời cô Sĩ tiến lên hoặc lui xuống. Khóa Nghị đã vào pháo đầu mà bên địch còn xuống Sĩ. Khóa Nghị sang tốt đầu, người đánh trống thấy Hai Phùng lâu quá không đi bèn đem trống đến gõ bên tai. Hai Phùng vội giục cô Sĩ lên. Lần này cờ vừa phát, cô Sĩ vừa ngồi xuống thì ông Chánh Hội cười ngặt nghễ, mời Hai Phùng đi ra.*

*Năm ấy Khóa Nghị đoạt được giải.*

*Nhưng Hai Phùng được quả tim cô Sĩ"(29).*

**Châtenay-Malabry, tháng 11, 1996  
(Thế Kỷ 21, số Xuân Đinh Sửu, tháng 2, 1997)  
Sửa lại tháng 6-2001**



## CHÚ THÍCH

[1] - *Sử Ký Tư Mã Thiên*, tr. 135 - *Kinh Dịch*, tr. XXIV, 2, 19-20 - *Lão Tử Tinh Hoa*, tr. 128 - *Nho Giáo*, I, tr. 177 - *Khổng Tử*, tr. 137 - *Thực lục*, IX, tr. 168.

[2] - *Kinh Lễ*, tr. 101-2.

[3] - *Trung Quốc Sử Cương*, tr. 9, 157, 303.

[4] - *Vân Đài Loại Ngữ*, tr. 197.

[5] - *Thủy Hử*, IV, tr. 1310-11 - Văn Hoè, *Trung Bắc Chủ Nhật*, số 100.

[6] - Lê Tắc, tr. 46-7, 129

- Đài Chúng tiên không đặc biệt dành riêng cho Tết, *Đại Việt Sử Lược*, tr. 187 và 211 :

Năm 1120, mùa đông, tháng 10, Lý Nhân Tông sai dựng đài *Chúng Tiên*. Có đua thuyền.

Năm 1162, mùa thu, dựng đài *Chúng Tiên*, từng trên lợp ngói vàng, từng dưới lợp ngói bạc.

[7] - *Minh Mệnh Chính Yếu*, II, 153-4 - *Thực Lục*, IX, tr. 168-9.

[8] - *Sử Ký Toàn Thư*, III, tr. 98.

[9] - *Sử Ký Toàn Thư*, III, tr. 150.

[10] - Phan Huy Chú, *Lễ Nghi Chí*, tr. 149-50.

[11] - S. Baron, tr. 36.

[12] - Phan Huy Chú, tr. 150-1 - *Thăng-long, Đông đô, Hà-nội*, tr. 194.

[13] - Phan Huy Chú, tr. 148-9 - *Đỗ Đoàn Bằng*, tr. 183-4.

[14] - *Phủ Biên Tạp Lục*, tr. 339.

[15] - *Đỗ Quang Chính*, tr. 119-20, 128.

[16] - *Minh Mệnh Chính Yếu*, I, tr. 13, 20 ; III, tr. 43 ; II, tr. 206 - *Thực Lục* XXII, tr. 354-6.

[17] - *Thanh Dạm*, tr.. 275.

[18] - J. Jacnal, tr. 104-5.

[19] - *Thực Lục*, III, 359.

[20] - *Thực Lục*, XXVII, tr. 65.

[21] - *Thực Lục*, VI, 133.

[22] - *Thực Lục*, IX, tr. 168-70.

[23] - *Đại-Nam Điển Lệ*, tr. 333 - *Tuyển tập Văn Bia Hà-nội, I*, tr. 47-8. Bia soạn năm 1820.

[24] - *Coutumes et Légendes...*

[25] - *Thi Nhân Việt-Nam*, tr. 80-1.

[26] - *Nhà Nho*, tr. 151-2.

[27] - Hocquard, tr. 624-5.

[28] - *Hội Hè Đình Đám*, II, tr. 284-5.

[29] - *Tiếng Suối Reo*, tr. 178-84.

## SÁCH THAM KHẢO

BARON, Samuel : *Description du Royaume de Tonquin*. Bản dịch của H. Deseille.

CHU THIÊN : *Nhà Nho*. Hà-nội, 1943 (?) ; Đại Nam tái bản ở Mỹ.

ĐÀO TRINH NHẤT : "Quyển lịch của Quách Thủ Kính", *Trung Bắc Chủ Nhật*, số 184, 21/11/1943.

ĐỖ BẰNG ĐOÀN & ĐỖ TRỌNG HUỀ : *Những Đại Lễ và Vũ khúc của Vua Chúa Việt-Nam*. Văn Học, 1992.

Đ&trade; QUANG CHÍNH : *Lịch sử chữ quốc ngữ. (1620-59)*. Saigon : Ra Khơi, 1972 ; Paris : Đường Mới tái bản, 1985.

GIẢN CHI & NGUYỄN HIẾN LÊ : *Sử Ký Tư Mã Thiên*. Saigon : Lá Bối, 1970 ; tái bản, 1972 ; tái bản ở Mỹ.

GIANG QUÂN & PHAN TẤT LIÊM : "Lễ thức và Phong tục", *Thăng-long, Đông đô, Hà-nội*. Hà-nội : Sở Văn Hóa & Thông Tin, 1991.

JACNAL, Jean : "Mémoires de S.E. Huỳnh Côn dit Đan Tương. Ancien Ministre des Rites", *Revue Indochinoise*, No 1-2, Jan.-Fév. 1924.

KHÁI HÙNG : "Lên Sĩ... Xuống Sĩ...", *Tiếng Suối Reo*. Tái bản ở Mỹ.

KIÊM THÊM : *Tết Việt-Nam*. California : Xuân Thu, 1987.

LAN SƠN : "Vết thương lòng", *Thi Nhân Việt-Nam*. Hà-nội, 1942 ; Hoa Tiên tái bản lần thứ hai ở miền Nam, 1968.

LÊ QUÝ ĐÔN : *Phủ Biên Tạp Lục*. Dịch giả Mai Ngọc Mai. Hà-nội : KHXH, 1977.

*Vân Đài Loại Ngữ*. Dịch giả Tạ Quang Phát. Saigon : Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa, 1972, 1973.

LÊ TẮC : *An-Nam Chí Lược*. Viện Đại Học Huế, 1961.

NGÔ SĨ LIÊN : *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, I, II. Hà-nội : KHXH, 1967. Cao Huy Giu dịch.

NGUYỄN CÔNG HOAN : *Thanh Đạm*. Hà-nội : Đời Mới, 1943 ; Đại Nam tái bản ở Mỹ.

NGUYỄN DUY CẦN (Thu Giang) : *Lão tử Tinh Hoa*. Saigon : Khai Trí, 1963.

" " " : *Dịch Học Tinh Hoa*. Saigon : Khai Trí, 1969 ; Xuân Thu tái bản ở Mỹ.

NGUYỄN ĐỒNG CHI : *Nguồn Gốc Sự Vật*, I. Paris : Đông Nam Á, 1986.

NGUYỄN HIỂN LÊ : *Khổng Tử*. California : Văn Nghệ, 1992.

PHAN HUY CHÚ : *Lịch Triều Hiến Chương - Lễ Nghi Chí*. Hà-nội. Tổ Phiên dịch Viện Sử Học, 1961.

PHAN KẾ BÌNH : *Việt-Nam Phong Tục*. Sống Mới tái bản ở Mỹ.

PHAN KHOANG (?) : *Trung Quốc Sử Cương*. Saigon : 1958 ; Đại Nam tái bản ở Mỹ.

THI NI AM : *Thủy Hử*, IV. Á Nam Trần Tuấn Khải dịch. Sống Mới, 1978.

TOAN ÁNH : *Phong Tục Việt-Nam*. Đại Nam tái bản ở Mỹ.

: *Hội Hè Đình Đám*, II. Nam Chi Tùng Thư, 1974.

TRƯƠNG VĨNH KÝ : *Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs*. Saigon : Imprimerie coloniale, 1885. Bản dịch của Nguyễn Đình Dầu, *Ký ức về Saigon và các vùng phục cận*. Trẻ, 1997.

VĂN HOÈ : "Lễ Phật quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng", *Trung Bắc Chủ Nhật*, số 100, 1/3/1942.

"Costumes et Légendes de la Fête du Tết au Việt-nam". Edition spéciale publiée par la Revue *Horizon*. Saigon. Không đề năm và tên tác giả.

*Đại-Nam Thực Lục*. Hà-nội : KHXH, Khoa Học, 1963, 1964, 1967, 1973.

*Đại-Nam Điển Lệ*. Nguyễn Sĩ Giác dịch. Saigon : Đại Học Luật Khoa, 1962.

*Đại Việt Sử Lược*. Khuyết danh. Dịch giả : Nguyễn Gia Tường. TP HCM, 1993.

*Kinh Lễ*. Dịch giả Nguyễn Tôn Nhan. Văn Học, 1999.

*Minh-Mệnh Chính Yếu*, I, II, IV. Huế : Thuận Hóa, 1994.

*Tuyển tập Văn Bia Hà-nội, tập I. Hà-nội : KHXH, 1978.*

# Tết Dưới Mắt Người Tây Phương

Nguyễn Thị Chân Quỳnh

**T**rong "*Lối Xưa Xe Ngựa...*" tập II, tôi có viết ba bài về những tục lệ liên quan đến Tết Nguyên đán (1), song là viết theo sách sử của ta. Ở đây tôi trích dịch một số bài viết về Tết, từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, dưới mắt quan sát của Tây phương. Họ đã ghi lại nhiều phong tục mà ngày nay không còn. Là ngoại quốc với một nền văn hóa khác hẳn, họ có những suy diễn có thể sai lầm song vẫn là những tài liệu quý giúp ta rõ phần nào xưa kia cha ông ta ăn Tết ra sao.

**gs alexandre de rhodes** (1593-1660) - Người Pháp, tu Dòng Tên. Năm 1624, giáo sĩ định sang Nhật giảng đạo nhưng lúc ấy Nhật đang đóng cửa ngoại giao nên đành đến Đàng Trong. Năm 1627, Tòa Thánh ủy thác cho ông dựng thêm cơ sở ở Đàng Ngoài. Lúc đầu giảng đạo ông được Chúa Trịnh tiếp đãi nồng hậu, nhưng đến 1630 thì bị trục xuất chính vì vấn đề truyền giáo. Nhiều lần ông lên quay lại song lúc ấy Đàng Trong cũng cấm đạo rất ngặt. Năm 1645, ông bị kết án tử hình, sau được ân xá nhưng phải lập tức rời Việt-Nam và từ đấy không trở lại nữa. Khoảng 1646 ông viết xong *Histoire du Royaume de Tunquin (Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài)* trong có nhắc đến một vài tục lệ ăn Tết của ta (2). Tôi lược dịch :

"Có một tục lệ lâu đời nhưng nực cười mà khắp Đàng Ngoài còn giữ là những người già, cả nam lẫn nữ, cứ đến cuối năm thì sợ hãi trốn vào các đền chùa để tránh con quỷ mà họ gọi là *Votuan*(3). Họ cho rằng *Votuan* có nhiệm vụ sát hại và bóp cổ tất cả những người già thuộc cả hai phái. Thế là trong ba hay bốn ngày cuối năm, những kẻ khốn khổ đó đến trú ẩn trong các đền chùa, ngày đêm không dám thò mặt ra cho mãi tới mùng một Tết mới về nhà, vì họ tin rằng uy quyền của con quỷ đó, kẻ thù của những người già, đến hôm ấy chấm dứt (...). Những người khác có phận sự trong nhà như các gia trưởng thì vào ngày cuối năm có thói quen dựng gần cửa một cây cột cao vượt mái nhà, trên ngọn treo cái giỏ hay cái hộp đựng thùng nhiều lỗ, đựng đầy những đồng tiền vàng bạc nhỏ làm bằng giấy bồi cứng. Họ rờ đại đình ninh rằng vào cuối năm tổ tiên họ có thể bị túng thiếu, cần đến vàng bạc để trả nợ. Sự kiện này dẫn đến một tục lệ khác là bất cứ già trẻ sang hèn, không ai khát nợ quá một năm, trừ trường hợp không thể trả nổi. Hành động của họ rất đáng ngợi khen nếu họ làm không phải vì tin nhảm, như họ thường làm, tức là sợ chủ nợ không đòi được tiền, tức giận, nói năng động chạm tới tổ tiên họ khiến tổ tiên oán hờn con cháu. Điều mà họ rất sợ là nếu có ai bị tố cáo và tòa kết tội đã xúc phạm tới danh dự người khác, đụng chạm tới tổ tiên người ta thì người đó sẽ bị quan tòa trừng phạt cũng nghiêm khắc như phạm một trọng tội. Họ còn lo trả nợ trước cuối năm vì một tin nhảm khác, sợ chủ nợ đến đòi vào ngày mùng một Tết, bắt đồ đạc trừ, họ cho thế là xúi quẩy và là một điềm gở".

**samuel baron** là người Hòa Lan lai Bắc. Cha làm đại diện cho công ty Ấn độ-Hòa-lan ở Kẻ chợ (Thăng-long) vào năm 1663. S. Baron sinh ở Kẻ chợ, sống nhiều năm ở miền Bắc, lớn lên cũng làm cho công ty này, lấy quốc tịch Anh, rồi bỏ đi buôn quanh vùng Đông Nam Á. Những năm 1678/80/82 đều có trở lại Kẻ chợ. Năm 1685-6, S. Baron viết cuốn *A Description*



of the Kingdom of Tonqueen (Mô tả Vương quốc Đàng Ngoài) cũng nhắc đến một vài tục ăn Tết thời Hậu Lê (4) :

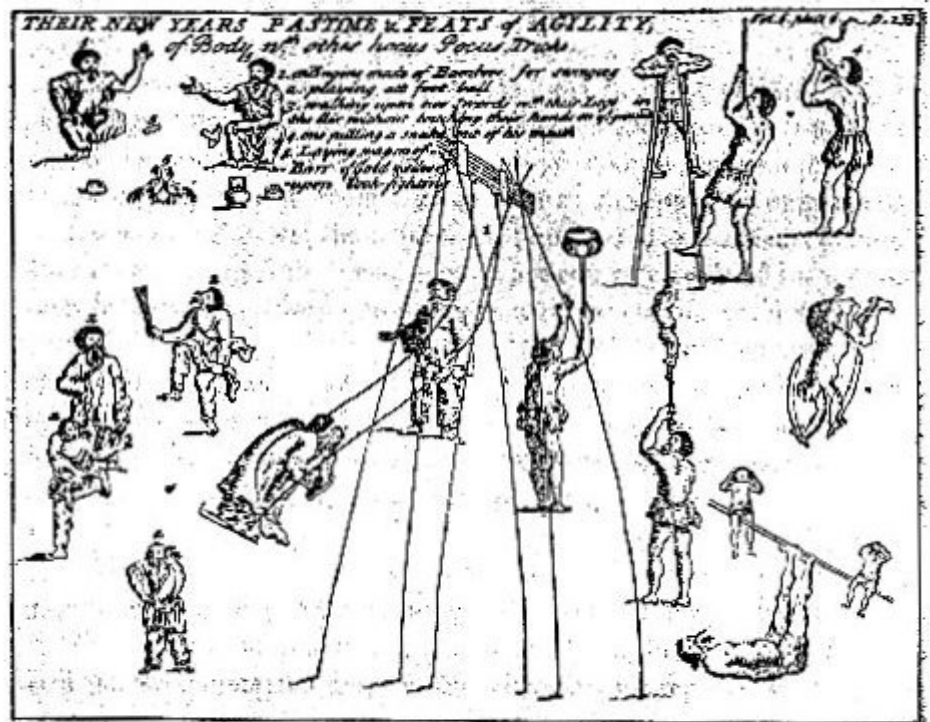
"Cái lễ vui nhất là Tết, thường rơi vào khoảng 25 tháng giêng tây lịch và kéo dài một tuần. Vào dịp ấy, ngoài múa hát và những thú tiêu khiển (chơi gà, đi cà kheo...) họ còn bày nhiều trò chơi như đá cầu hay đánh đu, cột đu làm bằng tre dựng ở mọi góc phố, đàn ông khoe sức mạnh và tài khéo léo trong khi những gái hát rong trình diễn các trò ảo thuật, múa rối. Họ không bao giờ chênh mảng trong việc chuẩn bị lễ Tết, cỗ bàn khá tươm tất. Tùy hoàn cảnh, mỗi người đều tìm cách trội át láng giềng trong ba, bốn ngày Tết. Đây là

thời gian người ta mặc sức ăn ngon, phóng túng, ai mà không cố tiếp đãi họ hàng, bạn bè chu tất thì mang tiếng là bủn xỉn, bần tiện, nên dẫu họ biết rằng tiêu hoang vào dịp này thì rồi sẽ khánh kiệt, cả năm đến phải sống bằng cách đi ăn xin cũng không quản ngại.

Mùng một Tết không ai ra ngoài đường (trừ những tùy thuộc của các lãnh chúa) người nào cũng ở trong nhà và chỉ tiếp cận họ hàng gần và gia nhân. Đối với tất cả những người khác thì dù một ngụm nước, một thanh củi họ cũng không cho và còn khó chịu thấy ai dám ngỏ lời xin vì họ mê tín, sợ rông : mùng một mà cho ai cái gì thì cả năm cứ phải tiếp tục cho đến nỗi cuối cùng phải đi ăn mày. Tục lệ không đi ra đường cũng chung một lý do : sợ nhờ ra đường mà gặp điềm xấu thì cả năm sẽ khổ. Người Bắc còn tin nhiều điều như gặp may hay không may tùy vào một vài sự kiện vớ vẩn.

Mùng hai, họ đi chúc Tết nhau và đến chào người trên để làm tròn bốn phận : lính tráng, gia nhân cũng đi mừng tuổi quan thầy hay chủ nhà. Tuy nhiên, các quan thì lại đi châu vua chúa vào ngày mùng một, theo đúng nghi lễ.

Có người tính Tết bắt đầu từ 25 tháng chạp là tính bậy. Họ làm vì thấy hôm ấy cái ấn/trịện được xếp vào hộp, mặt ngửa lên, tỏ ý không dùng đến, nghỉ việc trong một tháng (khóa ấn, phong ấn). Trong thời gian ấy các vụ kiện tụng đều đình hoãn, không một tờ biên bản nào được đóng triện, những con nợ không bị tịch biên gia sản, những đám trộm cắp vặt, đánh nhau đều không sợ bị phạt. Các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Tri huyện chỉ đếm xỉa đến những tội phản loạn, sát nhân, bắt giam phạm nhân lại chờ ngày khai ấn mới đem ra xử. Thực ra Tết bắt đầu vào ngày mùng một tháng giêng âm lịch, tức là khoảng 25 tháng giêng dương lịch và theo Trung quốc thì kéo dài tới một tháng" (5).



Les divertisements des Tonquinois à l'occasion du jour de l'an.

Tranh vẽ của Samuel Baron

**dampier w.** là tác giả quyển *Un Voyage au Tonkin en 1688 (Một chuyến du lịch Bắc kỳ năm 1688)* đăng trong *Revue Indochinoise* (6) :

"Cái lễ lớn nhất là Tết, vào ngày đầu trăng thượng tuần tháng giêng, tức là khoảng giữa tháng giêng dương lịch. Dân chúng thông dong trong mười, mười hai ngày, ai cũng nghỉ việc, cổ ăn mặc sạch sẽ, tươm tất, nhất là dân đen. Những người này tiêu khiển bằng các trò chơi hay vận động. Đường phố đông như nêm cối, nhà quê cũng như kẻ chợ, nô nức đi xem các trò giải trí. Có người dựng cột đu ở các hè phố và thu tiền của những ai muốn đánh đu, lối đu tựa như của ta, phẳng phất giống quang cảnh những cánh đồng phụ cận Luân-đôn, dân chúng dạo chơi ngày lễ hội. Nhưng người đánh đu ở đây đứng thẳng dưới chân cột, dẫm lên một cái ngang nằm ngang, hai đầu buộc chặt vào hai sợi dây thừng treo ở trên, người đu nắm giữ bằng hai tay và rún chân đưa bổng lên cao tít, ví thử dây chèo mà đứt thì ít ra cũng ngã gãy xương nếu không chết. Những người khác dùng thì giờ vào việc uống trà là thứ giải khát thường nhật, nhưng họ cũng ưa khê khà, nhấm nháp một loại rượu hâm nóng, cất bằng gạo, pha chung với trà, song dù pha cách nào thì chung quy nó cũng rất khó uống dầu không pha nồng quá. Chính vì thế mà họ thích, thứ nhất trong cái mùa họ được tự do bê tha, rượu say bí tỉ. Những người giàu có là những người có chừng mực nhất nhưng cũng chơi bời thỏa thích. Người sang thì đãi bạn bè những món cao lương mỹ vị, rượu nhất hạng không thiếu dầu rằng, nói cho đúng sự thật, loại rượu này chẳng ra quái gì. Tuy nhiên, họ coi nó là thuốc rất bổ, đặc biệt khi ngâm với rắn độc, bọ cạp (ấy là tôi nghe nói thế), không những rượu ấy được coi là một thứ rượu bổ mà còn là thứ thuốc rất mạnh để trị bệnh hủi, chữa mọi nọc độc, phải là người họ trọng vọng ghê lắm mới có diễm phúc được thưởng thức thứ rượu trân quý ấy. Tôi biết chuyện này là qua một người đã được những nhà quyền quý bậc nhất mời như thế. Chính vào lúc ấy họ ăn rất nhiều trầu và trao tặng nhau trầu cau.

Tôi đã được một người ở thôn quê mời đến nhà ăn Tết. Tôi lên bộ cùng với các thủy thủ cũng được mời đi ăn Tết. Không rõ những người kia được tiếp đãi ra sao, riêng tôi thì trông cung cách tiếp đón quá xoàng xĩnh, tôi vội vàng cáo từ. Món ăn chính không bao giờ thiếu là cơm, món thường nhật của họ, ngoài ra, ông bạn tôi muốn cho tôi và những người khách của ông nếm của ngon, sáng hôm ấy đã đi câu ở cái ao gần nhà được rất nhiều ếch và hớn hờ đem ra khoe khi tôi tới nhà. Tôi ngạc nhiên thấy ông ta xếp rất nhiều những con vật nhỏ đó vào cái giỏ và khi tôi hỏi để làm gì thì ông trả lời là để ăn, song tôi không hiểu ông ướp thịt ếch ra sao. Những món ninh nấu của ông trông không đủ hấp dẫn để giữ tôi ở lại đánh chén với ông".



Táo Công ( 2 ông 1 bà )

**gs benigne** là tác giả *Vingt ans en Annam (Hai mươi năm sống ở An-nam)*. Viết về Tết, giáo sĩ có những nhận xét khá tỉ mỉ, xin lược dịch (7) :

"Hôm trừ tịch, mỗi người trồng ở góc nhà một cây tre đẹp nhất, trên ngọn, chõ những chùm lá, người ta treo cái giỏ nhỏ đựng trầu cau đã tẽ sẵn, thuốc lá gói từng điếu, thuốc lào (...). Trên bàn thờ đèn nến sáng choang, trước các bài vị cổ bản bày la liệt (...). Chiều hôm ấy thiên hạ đốt pháo. Tôi đã thấy có nhà đốt tới 5000 cái pháo (...). Vong hồn tổ tiên trở về xum họp với con cháu và ở lại ăn Tết mấy ngày đầu năm. Thoạt đầu hồn dừng lại ở ngọn tre, ăn trầu, hút thuốc rồi mới vào nhà sau ba lần cung thỉnh của gia chủ. Hồn ngồi dự tiệc giữa những tiếng chiêng trống âm ỹ. Mỗi người xì xụp quỳ lạy ba lần (8) để tiếp rước ông bà ông vải. Hôm sau, sáng chiều họ đều làm như thế, và cứ như thế suốt cả một tuần lễ.

Trong ba ngày Tết, ai cũng diện quần áo mới toanh, hết sức tránh không to tiếng trong nhà, tất cả mọi công việc đều ngừng vì ngại làm phiền tổ tiên muốn yên tĩnh, đòi

hỏi con cháu phải kính cẩn giữ yên lặng (...). Người ta tiêu khiển bằng cách đi mừng nhau đã sống lâu được đến hôm ấy và chúc phúc năm mới. Những kẻ dưới đi Tết người trên thì đem theo lễ vật và quỳ lạy ít ra là một lễ (8), không bao giờ người ta đi chúc Tết người trên mà lại đi tay không. Sau đó họ được phép tha hồ bê tha cờ bạc trong ba ngày Tết, say mê đến nỗi thua sạch cả quần áo. Nhưng họ không được phép chơi ở gian nhà chính mà chơi ở dưới mái hiên và với điều kiện chỉ nói cười khe khẽ. Đáng phục là điều kiện này đến cả các bà cũng tuân theo !".

**Bs COURTOIS Edmond** là bác sĩ quân y và tác giả quyển *Le Tonkin français contemporain (Bắc kỳ Pháp thuộc, hiện đại)*. Tết năm 1886 (Bính Tuất) đặc biệt ở chỗ có tới bốn người đã dự và viết bài tường thuật. Xin lược dịch đoạn trích trong *Le Tonkin français contemporain*(9) :

"Tết năm 1886 rơi vào ngày mùng 3 tháng hai dương lịch. Tôi đang ở với một đội ngũ coi mấy nghìn phu an-nam làm đường. Tết đến, tất cả mọi công việc đều ngừng lại như có phép lạ. Viên đội trưởng phân phát vô số thịt lợn, trà, và cho phu nghỉ việc với điều kiện là phần đông phải thuận ở lại chỗ làm việc. Rất nhiều người xin về ăn Tết với gia đình.

Tôi có hai tên gia nhân an-nam rất tận tâm, quá tận tâm nữa bởi vì chúng không bao giờ đợi tôi sai bảo mà cứ tự tiện làm mọi việc thành thử chúng làm bậy lung tung. Hôm trừ tịch, chúng nghiêm trang báo tôi bằng thứ tiếng Pháp chưa rành : "Hết việc *năm*" và xin phép tôi về nhà cha mẹ tuy ở khá xa. Tôi còn như thấy trước mắt chúng trình trọng mang những gói quà (một nắm cơm) rồi chắp tay, cúi rạp xuống cung kính chào theo kiểu an-nam, rất cảm động. Tôi tò mò rất muốn biết cái lễ Tết ấy ra sao, bèn hỏi một nhà buôn an-nam giàu có và là người đôi khi tôi đã giúp đỡ vài việc vặt, ngờ ý muốn ăn Tết với gia đình ông ta. Khi tôi vừa nói tôi rất tôn kính những tục lệ cổ truyền, rất thần phục cái tục trọng vọng gia đình mà không xứ nào sánh bằng ở đây thì ông ta thuận để tôi tự do đến nhà suốt thời gian có lễ Tết.



Tết trước hết là lễ thờ phụng tổ tiên, nhà nào cũng đóng cửa ăn Tết trong gian phòng trang hoàng đẹp nhất vào dịp đặc biệt này. Nhiều người chỉ đến Tết mới thay áo quần, thành ra ở xứ Bắc ngày hôm ấy ai cũng diện bánh chọe, mọi khi họ ăn mặc rách rưới, nhếch nhác thì hôm ấy trông gần như sạch sẽ. Người ta tặng nhau quà, trẻ con chúc Tết cha và được mừng tuổi một xu tiền kẽm buộc lạt, ngoài bọc giấy đỏ hay giấy trắng. Cũng vào ngày Tết người chủ gia đình giúp đỡ họ hàng nghèo và bao giờ trong gói quà cũng nói rõ để cúng ông bà ông vải. Cái chỗ vinh dự nhất nhà dành cho bàn thờ tổ tiên. Đó là một cái bàn thờ sơn son trên bày bình hương đựng cát, những chân nến cũng sơn son, những thoi giấy vàng giấy bạc và những đĩa đựng cơm, thịt (...) mỗi ngày người ta hạ và thay cỗ mới mấy lần. Tất cả gian phòng bày rất đồ thờ cúng, nào tàn quạt, nào bình phong. Bên trên bàn thờ treo những tờ giấy lớn viết đặc những chữ nho ca tụng công đức tổ tiên và lòng tôn sùng của con cháu. Cạnh bàn là chỗ các cung văn ngồi dạo nhạc liên tục những ngâm khúc lê thê, uể oải, kèm theo những bài ca. Tất cả mọi người cung kính lắng nghe gần như say mê.

Nhưng Tết không phải chỉ là lễ cúng tổ tiên, nó còn là cái cơ để người ta tiệc tùng, chè rượu thả cửa, tất cả những đĩa đồ ăn bày la liệt trên bàn thờ mỗi ngày thay mấy lần, có thể nói là họ ăn uống từ sáng đến tối. Chiều mùng một hiếm khi gặp một người an-nam nào không chuẩn choáng hơi men, say khướt thứ rượu "choum choum", rượu trắng cất bằng gạo, rất dở mà khắp xứ Bắc đâu đâu cũng có.

Thỉnh thoảng người ta ngừng ăn uống, các cung văn nghỉ đàn hát, rồi bỗng những tiếng súng nổ đùng đùng đình tai nhức óc, chiêm khua trống gióng inh ỏi, mỗi người đều ra sức đập một vật như thẻ họ thi đua xem ai đập to hơn. Thế rồi lại ca hát ê a, và Tết kéo dài khoảng một tuần ở nhà giàu, nhà nghèo thì ngắn hơn. Số tiền nhỏ mọn họ dành dụm ky cốp đã tiêu sạch.

Đến một lúc nào đó họ đốt vàng mã, những thỏi vàng bạc bằng giấy, cho ông bà ông vải. Và còn rất nhiều lễ kỳ dị, thay đổi tùy vùng. Ở đồng bằng thường thấy họ cân nước lã để bói. Nếu nước năm mới nặng hơn nước năm cũ là điềm tốt, năm ấy sẽ có nạn hồng thủy ghê gớm (10).

Tổ tiên được coi như linh hiển, về ăn Tết, vì thế người ta mới luôn luôn thay đổi món ăn trên bàn thờ. Dân chúng cũng đi tảo mộ, nhổ cỏ, đắp mộ. Họ đi tảo mộ quanh năm. Nếu ruộng có mộ chôn đã bán đi thì trong văn tự phải chua rõ chỗ đất ấy không nhượng.

Ngày Tết, Phật cũng được dự phần cúng bái nhưng xếp vào hàng phụ, sau tổ tiên. Người ta trồng một cái cột tre trước cửa, trang hoàng những mảnh giấy để làm dấu hiệu cho tổ tiên biết đường về nhà (...). Tất cả cái lễ Tết ấy tựa như một lễ tuyên tôn (béatification) tổ tiên.

Vua chúa cũng ban hiệu lệnh cho dân chúng ăn chơi, nghỉ việc trong nửa tháng".

**Bs HOCQUARD** cũng là Bác sĩ quân y và là tác giả cuốn *Une campagne au Tonkin (Một chuyến viễn chinh ở Bắc kỳ)*, viết từ 11 tháng giêng 1884 đến 31 tháng 5 năm 1886 kèm theo những tấm ảnh rất hiếm quý do chính ông chụp. Tập Hồi ký của ông được đánh giá cao. Xin lược dịch đoạn tả cái Tết năm 1886 ở Huế (11) :

"Từ sáng nay cả thành phố Huế tung bừng, nô nức : sắp đến Tết đầu năm an-nam. Trong non một tháng trời dân chúng, giàu cũng như nghèo, đình hết mọi việc để ăn uống, dong chơi : không ai buôn bán, cày bừa, không làm những việc chán ngán, lớn bé đều diện quần áo ngày Tết. Những người nghèo khó bán cả đồ đạc còn sót trong nhà, đi vay nợ, để có tiền tiêu Tết. Tục ngữ an-nam có câu "Đầu năm phải tốt đẹp không thì rông cả năm". Các bộ, viên đều

đóng cửa. Từ 25 tháng chạp âm lịch chính phủ ngừng làm việc, không ký và đóng dấu các công văn nữa, hộp đựng ấn tử sẽ khóa cho tới ngày 11 tháng giêng năm sau. Những hạng cùng đinh mà họ gọi là [danlan\(12\)](#), một năm chỉ được nghỉ ba lần mỗi lần một ngày, còn thì phải phục vụ những người giàu sang, nhưng họ bắt phải trả đất, vì không mấy người làm việc nên họ có thể đòi hỏi nhiều.

Tất cả mọi cửa hiệu đều đóng cửa im ỉm, thành phố như chết nếu không có tiếng pháo của khách trú và tiếng các nhạc khí. Những người thuộc hạng trung lưu và các quan thì mặc lễ phục đi chúc Tết, trao đổi những cánh thiệp lớn màu đỏ cùng quà cáp. Tết cũng là ngày vui của trẻ con, để đáp lại những lời chúc tụng, chúng được mở hàng những đồng tiền kẽm bao giấy đỏ. Chỗ nào cũng thấy đồ rực, màu đỏ vốn là màu của vui mừng. Trước cửa mỗi nhà người ta trồng những cành tre lớn còn đầy lá, cũng có những cột trên ngọn trang trí bằng tàu là dừa hay chùm lông gà, đèn treo đủ mọi màu sắc. Cây cột này trồng cho tổ tiên hay cha mẹ đã mất. Dân chúng tin rằng hàng năm vào dịp Tết vong linh tổ tiên trở về thăm gia đình và ở lại ăn Tết, thế thì cần phải để hồn người chết nhận biết nhà của con cháu mà vào, cây cột có mục đích chặn họ lại không để đi quá nhà.

Trước ngưỡng cửa, nhà nào cũng vạch xuống đất những hình cung tên xếp chéo nhau bằng vôi bột. Tục lệ này nhắc lại tích đức Phật đánh dẹp ma quỷ [\(13\)](#). Có người còn lấy cây xương rồng và những cành cây có gai bịt kín cửa để ma quỷ không vào được nhà quấy nhiễu mất vui. Ngoài cổng, mé trái bức tường, dựng một bàn nhỏ thấp đèn hương thờ thần giữ cửa, nhà giàu bày hoa, vàng giấy, bánh trái, cỗ bàn ngày hai buổi cúng bái.

Trong nhà, bàn ghế được kê lại, đổi chỗ, cuối sân chằng dây kết hoa hay giấy sặc sỡ, thờ thần giêng. Những ông thầy bói thì đến cân nước để đoán quẻ : trong hai cái lọ dung tích bằng nhau người ta đổ hai khối nước như nhau, một đựng nước mức trước ngày Tết và một đựng nước mức sau Tết. Nếu lọ nước mức trước ngày mỏng một nặng hơn lọ mức sau thì thầy bói cho là điềm gở, trong năm phải cẩn thận.

Chỉ những người đầy tớ là sung sướng nhất trong dịp lễ này : chẳng ai mắng mỏ họ một câu, nếu mắng ắt cả năm sẽ rông, họ bảo thế.

Vào dịp Tết dân an-nam ăn nhậu của ngon vật lạ phê phỡn, mỗi ngày họ ăn ba bữa chính và bao giờ cũng đem lên cúng một mâm cỗ mới. Trong bếp luôn luôn thấp hương cúng ba vị thần (Vua Bếp hay Táo công) sống ở ba hòn đá trong bếp (cái kiềng bếp ba chân) [\(14\)](#).

Từ khi Tết bắt đầu, dân chúng lũ lượt đi sửa sang mộ mả (có ngôi mộ chỉ là nắm đất, người giàu sang xây mộ đá, tường vây xung quanh...). Không gì kỳ dị bằng quang cảnh từng đoàn lũ thợ thuyền xúm xít nhỏ cỏ và sơn phết lại các lăng mộ.

Tết năm nay rơi vào ngày 18 tháng giêng dương lịch [\(15\)](#). Ngay từ sáng thành phố Huế đã nhộn nhịp khác thường : các ông quan, các ông hoàng, và lũ lượt theo sau là một đám đông tùy tùng, mặc phẩm phục tiến vào thành nội để chúc Tết vua (Đông Khánh). Khắp nơi, các Ngự lâm quân vũ trang gươm giáo giám thị bờ sông để giữ trật tự đám thuyền bè đông đảo chuyên chở các quan chức. Tất cả quân đội Pháp đều trưng dụng, đứng làm hàng rào từ cổng thành tới cung điện (Thái-hòa), suốt thời gian vua thiết đại triều đón tiếp Thiếu tướng Prudhomme và viên Khâm sứ [\(16\)](#).



Tại sân thứ nhất của Hoàng thành, quang cảnh thật là ngoạn mục : từ cửa Ngọ môn đến sân châu, các đội Hải quân bộ binh mặc lễ phục, đội mũ trắng, đeo binh khí, dàn thành hai hàng hai bên thành cái cầu nhỏ dẫn tới cung điện. Cái mũ trắng này đã khiến bộ Lễ phải thương lượng rất lâu vì màu trắng là màu tang tóc, trong dịp Tết vui mừng mà dùng màu trắng là điềm chẳng lành cho năm mới. Trong hai ngày dòng dã, Lễ bộ Thượng thư liên tiếp gửi cho Prudhomme hết thư này đến thư khác, điều đình xin đổi màu mũ nhưng viên tướng Pháp khẳng khái một mực : trời nắng chang chang mà đội mũ đen có thể khiến quân sĩ bị say nắng (17).

Giữa sân châu, đại đội lính khố đỏ Bắc kỳ đứng thành hai hàng để chừa ở giữa một khoảng rộng làm lối đi cho tướng Prudhomme. Đằng sau lính khố đỏ, cách quãng đều nhau là những bia đá chạm trổ, khắc chữ nhỏ, các quan đứng sắp hàng theo thứ bậc cạnh những cái bia ấy, bên trái dành cho quan văn, bên phải là quan võ. Tất cả đều mặc triều phục, áo bào dài thườn thượt, tay áo rộng thùng thình, lưng thắt đai khảm ngọc quý nhiều màu, đằng sau lại trang điểm cái gì như hai cái cánh rung rinh mỗi khi họ cất bước, chân mang hia tàu bằng vải thảm, đế dạ (feutre) dày dặn. Mỗi ông quan cầm trong tay một cái giống như cái vương vị (hốt) bằng ngà. Mũ hơi giống mũ tế của các giám mục, phủ trán, bọc vải đen tô điểm bằng kim tuyến và những viên ngọc màu, trùm lên trên cái lưới bao tóc sát thái dương. Hình dáng mũ và xiêm áo của tất cả các quan giống nhau nhưng gấm vóc may áo, những hình thêu trên áo hay những đồ trang sức trên mũ thay đổi tùy phẩm tước : áo quan văn thêu con *phong* (phụng ?), một loại chim ung đang giang cánh, quan võ thì thêu hình đầu con hổ (18).

Với quan chức cấp dưới thì những trang sức đều ở vương lụa trước ngực chiếc áo thụng bằng gấm đồng màu xanh lam, mũ điểm trang cũng sơ sài thôi. Các đại thần bận áo bào xa hoa sắc màu lộng lẫy, nhiều nhất là màu quan lục. Áo gấm thêu hoa lá, hai bên mũ tô điểm vàng, đính hai miếng vải cứng giống như cánh con chuồn chuồn, trên thêu rồng (19).

Các hoàng thân tụ tập ở phía trên các quan, ngay trong cung điện : họ khoác những tấm áo đỏ thêu kim tuyến lóng lánh rực rỡ Ở góc sân châu, hai bên cung điện là các nhạc công mặc sắc phục đỏ, người thì mang nhạc khí tựa như kèn tây, kẻ đặt trống trên cái giá ở trước mặt. Bên cạnh là lính hầu cầm tàn lọng, gươm giáo, lấp vào cái cán gỗ dài là búa rìu, rồng trượng, bàn tay ngà biểu thị vương quyền.

Hai bên sân châu, những con voi khổng lồ trang sức mỹ lệ, chân đeo vòng kim khí, ngà treo vòng chạm trổ những hình kỳ dị, đứng trầm ngâm, lưng mang ghế bành thếp vàng trong đặt một hình nhân ngồi, trang phục choáng lộn, che một chiếc lọng vàng to do tên thủ hạ cầm, đứng đằng sau, trên lưng con voi. Hình nhân này đại diện cho các lãnh chúa từng phục triều đình, từ các miền xa xôi nhân dịp lễ Tết về châu.

Thình lình, một sự yên lặng sâu thẳm lan ra khắp các quan và lính. Một điệu nhạc vọng ra như từ chốn xa xăm, phía sau cung điện mà các cửa trong cùng đều mở, báo hiệu vua sắp lâm triều. Tiếng nhạc to dần, tựa như một bản hành quân nhịp điệu kỳ lạ, cứ giờ đi giờ lại mãi một âm điệu trầm buồn, u hoài, phát ra từ những nhạc khí có âm thanh rất êm nhẹ tựa như một dàn nhạc gồm ống tiêu, vĩ cầm, đàn ghi-ta. Một tiếng lanh lảnh kéo dài vang lên ở cuối cung điện và được các truyền lệnh sứ thay nhau nhắc lại, đứng rải rác từ tấm cung ra đến sân châu, qua các hành lang và những con đường vua phải đi qua để ra ngự triều.

Và đây mở đầu đám rước : Trước tiên là đoàn Ngự lâm bận áo điều, đầu đội mũ lưỡi trai xuống đến gáy bằng giấy bồi sơn, tay dựng tua tủa những thanh gươm rất dài tra trong vỏ gỗ,

cán bịt bạc. Rồi đến các môn vệ vắc búa trượng khắc những hình kỳ quặc, Thị vệ cầm những sợi xích sắt treo trên cán ngắn, những đỉnh trầm hương khói nghi ngút. Bọn khác cầm quạt lông ngựa xua ruồi, cờ thêu viền răng cưa giả hình ngọn lửa. Cả đoàn khoan thai tiến từng bước rồi dần ra hai bên ngự tọa.

Cuối cùng nhà vua xuất hiện giữa bốn tên Thị vệ ăn mặc rất đẹp, khiêng bốn cái lọng vàng che cho vua. Vua vận một bộ áo hình dáng cũng tựa như áo các quan nhưng bằng vóc vàng thêu chỉ vàng. Mầu vàng là mầu dành riêng cho vua dùng, ở nước Nam chỉ có vua mới được mặc mầu vàng, các quan mà dám dùng mầu này trước công chúng là mang tội khí quân, lập tức bị án tử hình. Vua dận đôi ủng tàu đen, dát vàng, tay cầm một cái vương quyền bằng ngà (hốt ngà), đầu đội mũ cùng mầu với áo, khảm kim cương, ngọc trai, hoàng ngọc. Chiếc kim khánh bằng vàng chạm ngọc trai và kim cương đeo lưng lẳng ở cổ bằng một sợi dây chuyền vàng. Trên ngực áo cầm bào thêu hai chữ nho "Vạn thọ".

(...) Vua vừa ngồi xuống thỉnh lĩnh vang lên từ phía đầu thành tiếng kèn tây rộn rã của binh sĩ Pháp. Tướng Prudhomme, bên phải s ống vai viên Khâm sứ, nối đuôi là các sĩ quan và rất nhiều công chức, thông ngôn, vừa mới tiến vào sân thứ nhất, đi giữa hai hàng rào quân đội Pháp bỗng s ống chào trong khi lính thổi kèn tấu nhạc. Khi Prudhomme bước lên thềm sân châu thứ nhất thì vua đứng dậy, rời long ỷ, đường bệ bước xuống, tiến ra cửa cung đón tiếp viên đại diện nước Pháp, bốn tên Thị vệ theo sau che lọng. Tướng Prudhomme ngỏ lời chúc mừng năm mới, được người thông ngôn chính của tòa Khâm [\(20\)](#) dịch ngay ra, vua đáp lại mấy lời nhã nhặn rồi tướng Prudhomme cáo từ ra về với những nghi thức y như khi đến.

Nhưng chưa hết. Bây giờ mới tới những nghi lễ hấp dẫn, thú vị nhất. Các hoàng thân, đại thần làm lễ tuyên thệ trung thành với vua theo đúng thủ tục mỗi khi bước sang năm mới. Các quan sắp thành sáu hàng, quay mặt về phía cung điện. Theo hiệu lệnh của Thượng thư bộ Lễ, tất cả quỳ xuống, dập đầu sát đất, tuyên thệ trong khi âm nhạc nổi lên gọi cho ta phải phát nhớ tới những buổi lễ hát trong giáo đường. Các quan lom khom lên gối xuống gối ba lần như thế, và giữa hai lần phủ phục, âm nhạc trong cung văng vẳng đưa ra, vẫn cái điệu u hoài, uể oải.

Tôi rất chú ý đến cái cảnh tượng đặc biệt tôn nghiêm ấy : đám đông các quan bận phẩm phục rực rỡ, lóng lánh dưới ánh dương quang, quỳ rạp giữa hai hàng voi đứng im phăng phắc, điệu nhạc kỳ dị, hương trầm bát ngát bay trong không gian, tất cả chập chờn, như ẩn như hiện trong bóng tối mờ mờ của gian ngự điện rộng thênh thang, một ông vua trẻ tuổi, trạc đôi mươi, trong chiếc long bào mầu vàng rộng thùng thình, nét mặt vô cảm hệt như một pho tượng, và người ta quỳ gối s ống bái như phụng thờ một vị thần linh trong một khung cảnh tuyệt vời với những tòa cung điện, một quang cảnh không thể nào quên được.

Buổi lễ triều kiến kết thúc, vua vừa ra khỏi ngự điện thì những vệ sĩ và quan thuộc cấp từ từ giải tán dần. Các hoàng thân, đại thần được vua ban yến trong cung. Những lời khen tặng, những phần thưởng đã được vua ưu ái ban phát cho những người làm việc xứng đáng trong năm qua.

(...) Ngày xưa, hoàng đế an-nam mỗi năm xuất hiện cho thần dân chiêm ngưỡng tôn nhan một lần vào dịp Tết nhưng sau khi Nam kỳ bị thất thủ vào tay quân Pháp, vua Tự Đức buồn rầu, ẩn lánh trong cung và chỉ ra ngoài bằng thuyền hay kiệu che kín mít (...). Vua Đồng Khánh từ khi mới lên ngôi muốn quay lại noi theo cổ tục của tổ tiên [\(21\)](#).

Đồng hồ điểm đúng 3 giờ, một tiếng súng vang ra từ thành nội báo hiệu vua xuất hành. Đám rước vượt qua chiếc cầu gỗ lớn vắt ngang sông, tiến sang mỏm Đông ba, đi đứng đỉnh giữa hai hàng lính Pháp, đằng sau lũ lượt hộ giá có cả nghìn người gồm các hoàng thân, Thượng thư, đại thần, Thị vệ, các nhạc công, Ngự lâm quân mang guơm giáo, cờ quạt, tàn lọng. Vua ngự trên chiếc kiệu thếp vàng do bốn người lực lưỡng khiêng, che bốn lọng vàng. Dân chúng xúm đông hai bên đường, phủ phục khi vua đi qua. Những tràng pháo an-nam nổ liên thanh, không khí tỏa ngát trầm hương từ những cái án thư nhỏ bày lộc bình, phủ vải điều thêu, dựng khắp nơi bên đường vua đi qua. Đứng trước án thư là các kỳ lão ở Huế đến chào mừng hoàng đế và cũng để tiếp nhận phần thưởng dành cho những bộ lão trường thọ do vua ban theo đúng [Kinh Lễ](#).

Vua dừng lại trước tòa Thương bạc để thăm viên chủ soái quân đội Pháp. Từ sân, vua được tướng Prudhomme song song sánh bước cùng viên Khâm sứ và toàn thể binh sĩ ra nghênh giá. Một tiệc chiêu đãi nhỏ đã bày sẵn. Vua ngồi giữa Prudhomme và viên Khâm sứ ở chiếc bàn đặc biệt, kê trên một cái bục hơi cao trong khi tại phòng bên, các đại thần và các ông hoàng ngồi ăn uống ở những cái bàn thấp hẳn hơn".

Thiếu tướng Prudhomme giữ chức Lĩnh Trú sứ ở Trung kỳ năm 1886 đã tường thuật lại cái Tết Bính Tuất ở Huế mà ông đóng một vai chủ chốt, có những nhận xét khác với Bs Hocquard. Bài được Cosserat trích đăng trong [Bulletin des Amis du Vieux Hué\(22\)](#), xin dịch thêm để bổ sung :

"Vào dịp Tết này, thể theo lời yêu cầu của tướng Prudhomme, vua (Đồng Khánh) thuận đặc cách bãi bỏ tất cả tục lệ cổ truyền mà ra mắt công chúng để cho mọi người thấy nhà vua không phải là tù nhân của người Pháp như thiên hạ đồn đại, mà là đồng minh của Pháp quốc.

Sáng ngày mùng 3 tháng 2 dương lịch, bảy tiếng súng lớn báo hiệu một năm mới bắt đầu vào ngày mùng 4 tháng 2 năm 1886, và sáng hôm ấy vua dành để tiếp tướng Prudhomme, các sĩ quan và công chức tòa Khâm ở cung điện (Thái-hòa).

Trên những sân bên trong, các binh lính an-nam dàn thành hàng rào. Giữa sân châu, các quan sắp theo thứ bậc. Bên trái là ban nhạc cung đình, bên phải là quân nhạc đại đội Lạp bộ binh thứ 11 (chasseurs à pied). Hai bên là Ngự lâm quân với cờ xí, tàn lọng, đằng trước đàn voi trận. Viên Kinh lược sứ và hai viên Thượng thư quan trọng nhất [\(23\)](#) tiến ra đón tướng Prudhomme và đoàn tùy tùng, dẫn lên ngự điện. Vua Đồng Khánh đợi ở đấy, bận long bào vóc vàng thêu chỉ vàng, đội mũ nam bảo ngọc, ngồi trên long ỷ thếp vàng xung quanh có các quan thị phụng.

Khi tướng Prudhomme đến nơi, vua từ ngự tọa bước xuống đón, bắt tay rồi trở lại ngồi nghe những lời chúc mừng của Prudhomme. Cha Hoàng, thông ngôn của triều đình, quỳ lạy ba lần rồi mới dịch bài diễn văn ấy. Nghe xong, vua đứng lên thông thả đáp lễ, cũng do cha Hoàng dịch. Buổi triều kiến kết thúc với lễ ban phát huy chương cho các viên chủ sự, văn và võ. Sau khi những lời cảm tạ của tướng Prudhomme được dịch xong, viên chủ soái quân đội Pháp cáo từ, cũng do viên Kinh lược sứ và hai quan Thượng thư tiễn đưa. Một lúc sau khi trở về đại bản doanh thì những huy chương bằng vàng to nhỏ được đưa đến một cách long trọng và lập tức được phân phát cho các viên chủ sự kèm với lời căn dặn là phải đeo trong buổi diễn binh trưa nay.

(...) 2g30 vua, cùng với tướng Prudhomme và toàn bộ tham mưu văn võ, ra khỏi cung điện, vua ngồi trên kiệu sơn son thếp vàng không mui để ra mắt công chúng. Ngự lâm quân hộ giá, binh sĩ Pháp đi tiên phong và tập hậu đám rước... diễu hành khắp Hoàng thành và Đông ba trong tiếng nhạc an-nam. Tất cả mọi chùa chiền đều thắp đèn sáng và cầm cờ xí... Khi vua đi qua, dân chúng phủ phục sát đất rồi đứng dậy biểu lộ sự vui mừng âm ỹ và đốt rất nhiều pháo.

(...) Đến chiều, vua đãi tướng Prudhomme và viên Khâm sứ cùng tùy tùng của họ một đại tiệc theo kiểu Tây phương trong tiếng nhạc cung đình. Ngày lễ chấm dứt bằng mục đốt pháo bông rất huy hoàng.

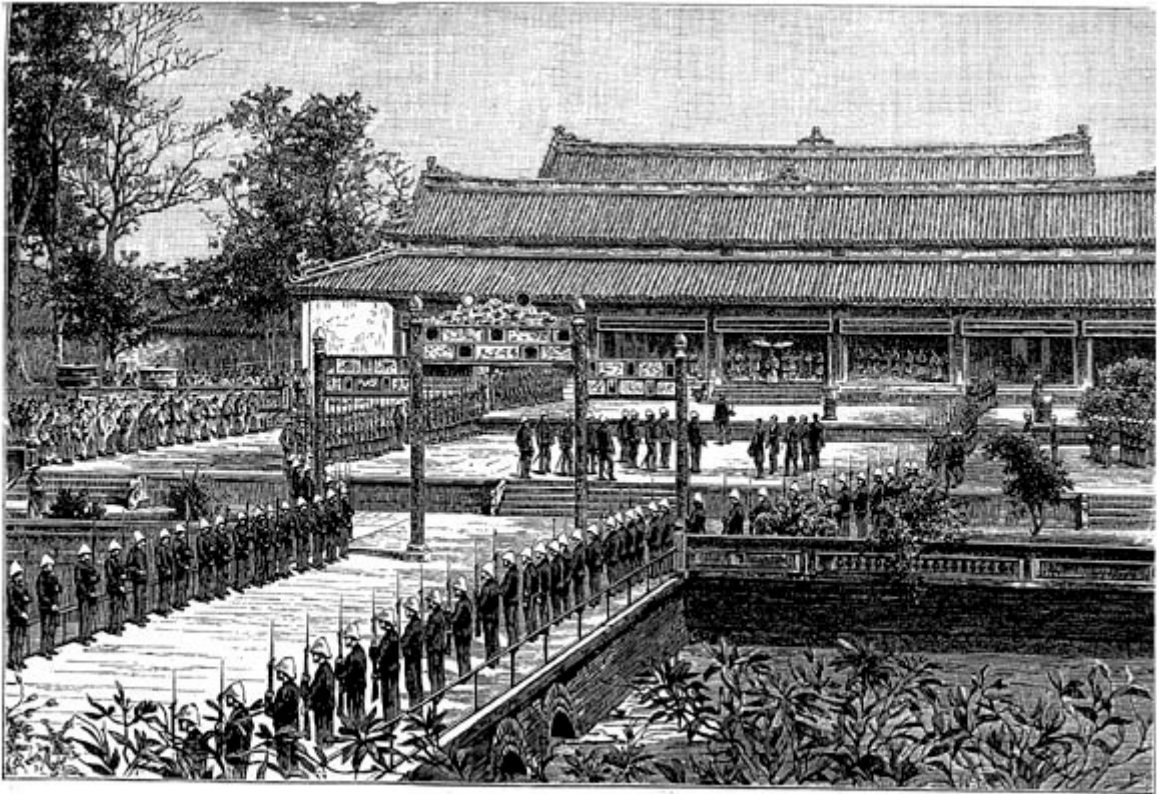
Lễ Tết, và đặc biệt là chuyến xuất hành ra mắt thần dân của vua Đồng Khánh rất có tiếng vang. Ngoài bằng chứng cho thấy nhà vua hoàn toàn tự do, Đồng Khánh còn biểu lộ ý muốn cắt đứt với những hủ tục mấy trăm năm của chế độ quân chủ, khiến cho ông vua trở thành một nhân vật có tính chất huyền thoại, xa cách nhân dân. Đồng Khánh chứng tỏ ông ta muốn cải cách cổ tục và sống theo văn hóa Thái Tây. Cuộc viếng thăm đại bản doanh xác nhận lòng tôn kính đối với nước Pháp và mối giao tình hoàn hảo với đại diện Pháp... Tin tưởng rằng chỉ cần nhà vua xuất hiện trước công chúng là thu phục được những phần tử chống đối, tướng Prudhomme, qua cha Hoàng, đã đề nghị ý muốn đi dẫn đầu đám rước".

**Phóng viên báo *Figaro*** cũng có mặt ở Huế vào dịp Tết 1886 và đã tường thuật với con mắt bàng quan. Cosserat trích lại trong *BAVH*([24](#)) :

"Dẫn đầu đám rước là hai con voi, hai con ngựa của vua do ba tên thị vệ dắt, rồi đến nhạc đội Lạp bộ binh thứ 11, một trung đội Lạp binh, âm nhạc an-nam, các *quan* mang gươm giáo, tàn lọng...

Vua ngồi trên kiệu, bên phải có tướng Prudhomme, bên trái là Đại tá Brissaud, cả hai đều cưỡi ngựa, theo sau là đội lính thổi kèn, rồi đến các ông Hoàng, Thượng thư, nhân viên tòa Khâm, sĩ quan Pháp, các quan Nam đủ mọi cấp bậc, một đám phu an-nam mang vũ khí bằng gỗ thếp vàng, bạc, cờ xí. Đám người này trông như vừa mới ở cửa hiệu bán đồ cũ bước ra. Đi đoạn hậu là 6 con voi, một toán bộ binh xứ Algérie (zouaves), trông như dân Lilliput (tí hon) bên cạnh những con vật khổng lồ... Đường phố Đông ba lúc này ồn ào, náo nhiệt là thế, giờ vắng tanh, ai về nhà nấy, vì không ai được phép nhìn vua. Trước cửa mỗi nhà đều đặt một án thư trên đốt trầm hương. Khi đám rước đã đi qua rồi, đường phố lại ồn ào đông nghịt những người, pháo liên thanh nổ... 5 giờ chiều chấm dứt buổi diễu hành, vua trở về cung và sau đó gửi tặng tướng Prudhomme một thanh gươm rất quý trị giá 2000 quan. Chiều tối, tướng Prudhomme dự một tiệc yến trong vòng thân hữu ở cung điện".





AUDIENCE SOLENNELLE DONNÉE PAR LE ROI AUX REPRÉSENTANTS DE LA FRANCE

Tranh vẽ của Dr Hocquard

Châtenay-Malabry, tháng 11, 2006  
Nguyễn Thị Chân Quỳnh sưu tầm và lược dịch

## CHÚ THÍCH

[1] - Ba bài ấy là : "Tết Nguyên đán và lễ Nghênh Xuân", "Khai bút đại cát", "Tê Nam giao" in trong *"Lối Xưa Xe Ngựa..."* tập II. Paris : An Tiêm, 2003.

[2] - A. de Rhodes, *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài*, tr. 104-5.

[3] - "Votuan" : chưa rõ nghĩa.

[4] - S. Baron, *Description du Royaume de Tonquin*, tr. 34-5.

[5] - Cuối năm có lễ Phong ấn hay Khóa ấn : hộp đựng ấn úp mặt xuống, công sở nghỉ làm việc cho đến ngày Khai ấn, làm việc trở lại vào đầu năm mới. Xin xem "Tết Nguyên đán và lễ Nghênh Xuân", *"Lối Xưa Xe Ngựa..."* tập II.

Chính S. Baron lầm : người ta tính Tết kể từ ngày cúng ông Táo lên chầu Trời vào 23 tháng chạp chứ không phải 25 (theo luật năm 1807, 25 là ngày phong ấn). Ngoài ra, Tết có thể rơi vào tháng giêng hay tháng hai dương lịch chứ không nhất thiết "vào khoảng 25 tháng giêng dương lịch".

[6] - W. Dampier, "Un voyage au Tonkin en 1688", *Revue Indochinoise*, Sept. 1909.

[7] - Père Bénigme, *Vingt ans en Annam*, tr. 113.



[8] - Không hiểu tác giả nhằm hay tục lệ đã thay đổi vì tới giữa thế kỷ XX thì lễ người sống chỉ có hai lễ một vái, lễ người chết phải bốn lễ hai vái, không thấy có lễ lễ một lạy hay ba lạy.

[9] - Dr Edmond Courtois, *Le Tonkin français contemporain*, tr. 347-9.

[10] - Bs Hocquard viết ngược lại trong *Une campagne au Tonkin* : nếu nước năm cũ nặng hơn nước năm mới là điềm gở.

[11] - Hocquard, tr. 623-33.

[12] - "Danlan" : chưa rõ nghĩa. Papin đoán là "dân làng".

[13] - Tương truyền sự tích vẽ cung tên là từ Đinh Tiên Hoàng (chứ không phải Phật), trong nước có nạn dịch hạch, vua cầu khẩn và được một ông thần chỉ cách vẽ cung tên bằng vôi bột để trị.

Còn sự tích Phật trừ ma quỷ thì dính líu đến cây nêu trồng 7 ngày mới hạ vì trong 7 ngày Tết Phật lên châu Trời, ma quỷ tự do hoành hành, chỉ hứa tránh đất nhà Phật, tức là những chỗ nào có cây nêu, cảnh phước. Xin xem "Tết Nguyên đán và lễ Nghênh Xuân", *"Lối Xưa Xe Ngựa..."* tập I I.

[14] - 23 tháng chạp (trong *Lối Xưa Xe Ngựa..."* in nhầm là 30 tháng chạp) cúng ông Táo (tức Vua Bếp) lên châu Trời để phúc trình những hành vi của gia chủ trong năm qua. "Ông Táo" gồm một bà và hai ông (hai đời chồng), cái kiềng bếp có ba chân tượng trưng cho ba Vua Bếp. Xin xem "Tết Nguyên đán và lễ Nghênh Xuân", *"Lối Xưa Xe Ngựa..."* tập II.

[15] - Hocquard nhầm, Tết năm 1886 rơi vào ngày 4-2-1886, không phải 18-1-1886. Nếu tính từ lễ cúng ông Táo thì phải kể từ ngày 23 tháng chạp, một tuần lễ trước, tức là ngày 28-1-1886. Có lẽ Hocquard tính từ lễ Phong ấn hoặc nhầm ngày 18 với ngày 28 ?

[16] - Thiếu tướng Prudhomme (nổi danh về cướp phá các kho tàng trong cung khi vua Hàm Nghi xuất bôn) là phụ tá của Trung tướng de Courcy, người lập Đồng Khánh lên ngôi ngày 19-9-1885. Ngày 20-9-1885 de Courcy phải ra Bắc vì tình hình bất ổn, giao chính quyền lại cho de Champeaux và binh quyền cho Prudhomme.

Tháng 10-1885 de Champeaux bất hòa với de Courcy, từ chức. Hector , quan cai trị từ Nam ra thay thế ngày 3-10-1885, vậy Khâm sứ ở Huế tết Bình Tuất (4-2-1886) chắc là Hector, trong khi Prudhomme giữ chức Résident délégué en Annam, tạm dịch là Đại diện Pháp lĩnh chức Trú sứ ở Trung kỳ, và de Courcy là Tổng Trú sứ Bắc kỳ.

[17] - Chắc Hocquard nhầm, không có lý bộ Lễ lại xin đổi màu trắng sang màu đen vì màu đen cũng là màu tang.

[18] - Hocquard nhầm, vương lụa dính trước ngực áo, gọi là bỏ tử, quan văn thêu hình các loài chim, quan võ thêu hình các loài thú, chim hay thú thay đổi tùy phẩm trật.

[19] - Mũ cánh chuồn.

[20] - Theo Prudhomme thì viên Thông ngôn ấy là cha Hoàng, làm việc với triều đình chứ không phải thuộc tòa Khâm như Hocquard viết, tuy nhiên ở đoạn sau (tr. 608) Hocquard sửa

lại, gọi cha Hoàng là thông ngôn chính của triều đình. Nguyễn Xuân Thọ (tr. 403) cho cha Hoàng là tay sai của Pháp đặt bên cạnh Đồng Khánh để do thám. Rất có thể cha Hoàng chính là gm Nguyễn Hoàng từng làm thông ngôn cho cả hai triều Tự Đức và Đồng Khánh (chữ "Hoàng" không bỏ dấu thành "Hoang", người đọc tự sửa thành "Hoàng") mà thời Tự Đức thì Pháp chưa có quyền áp đặt người của mình vào làm quan với triều đình.

[21] - Trong phần chú thích tr. 626 Papin nói là ở một đoạn sau Hocquard viết rằng tướng Prudhomme đã yêu cầu Đồng Khánh cùng đi điều hành với ông ta... song tôi chỉ thấy Hocquard cho biết là Đồng Khánh muốn ra mắt công chúng để đoạn tuyệt với những tục lệ cổ truyền (tr. 632), không có chỗ nào nói đó là ý của Prudhomme. Có lẽ Papin đã lẫn Hocquard với Prudhomme ? Chính Prudhomme kẻ đã đưa ra ý kiến (ngây thơ) muốn cùng đi điều hành với Đồng Khánh để cho dân chúng thấy nhà vua không phải là tù nhân của người Pháp. Nhưng dù che đậy cách nào bài của Prudhomme cũng vẫn bộc lộ vai trò bù nhìn của Đồng Khánh. (Xin xem bài tường thuật của Prudhomme).

[22] - Cosserat, *Bulletin des Amis du Vieux Hué* viết tắt là *BAVH* (*Hiếu cổ Tập san*), Juil. Sept. 1924, tr. 302-4.

[23] - Viên Kinh lược sứ có lẽ là Nguyễn Hữu Độ, nhạc phụ của Đồng Khánh, Chủ tịch Viện Cơ mật, người đã đề nghị lập Chánh Mông tức Đồng Khánh lên ngôi.

Chưa rõ hai viên "Thượng thư quan trọng nhất" là ai.

[24] - Cosserat, *BAVH*, tr. 305.

## SÁCH THAM KHẢO

Samuel BARON, *A Description of the Kingdom of Tonqueen* viết khoảng 1685-6, bản dịch sang Pháp văn của H. Deseille không đề năm xuất bản.

Père BENIGME, *Dix ans en Annam*, Paris, 1884.

H. COSSERAT, "Les fêtes du Têt en 1886 à Hué - Promenade publique du Roi". *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (*BAVH*), Juil.-Sept., 1924. Trích tướng Prudhomme và phóng viên báo *Figaro*.

Dr Edmond COURTOIS, *Le Tonkin français contemporain*, Paris : Charles Lavauzelle, 1891.

W. DAMPIER, "Un voyage au Tonkin en 1688", *Revue Indochinoise*, No 9, Sept. 1909.

Dr HOCQUARD, *Une campagne au Tonkin*, Paris : Hachette, 1892 ; 2e édition annotée par Papin. Paris : Arléa, 1999.

NGUYỄN XUÂN THỌ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt-Nam (1858-1897)*, 1994, không đề nơi xuất bản..

PHAN KHOANG, *Việt-Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)*, 1961 ; tái bản ở Mỹ, không đề năm.

*A. de RHODES, Histoire du Royaume de Tunquin, bản tiếng Ý năm 1650, bản dịch sang Pháp văn của Henri Albi, Lyon, 1651 ; bản Việt ngữ của Hồng Nhuệ, TPHCM : Ủy ban Đoàn kết Công giáo, 1994. (Đoạn trích dịch in trong bài này không phải của Hồng Nhuệ).*

## Tết Hà Nội - Tết Bắc Kinh ?

**T**ừ ngàn xưa, theo cách tính của Âm lịch Trung Quốc và Việt Nam cùng một số nước vùng Đông Á, khi **hiện tượng Sóc (không trăng-nouvelle lune) đầu tiên của năm rơi đúng vào ngày nào thì ngày đó là ngày mừng 1 Tết**, bắt đầu một năm mới .  
Dù hiện tượng có thể xảy ra sáng, chiều hay tối , bất cứ lúc nào, cả ngày hôm đó được coi là ngày đầu năm.

Hà Nội và Bắc Kinh thuộc 2 múi giờ khác nhau, do đó giờ Hà Nội cách Bắc Kinh một giờ.

Năm nay khi hiện tượng Sóc xảy ra, Hà Nội vẫn còn trong ngày 17/2 (23 giờ 14 phút), nhưng lúc đó Bắc Kinh đã bước sang ngày 18/2 ( 0 giờ 14 phút).

Theo cách tính âm lịch, nếu ta lấy **Hà Nội làm chuẩn mốc** cho lịch thì ngày **17/2** là ngày Tết.

Còn nếu ta lấy **Bắc Kinh làm mốc** chính thì ngày Tết là ngày **18/2**.

Trung Quốc rộng lớn, rải ra trên 4 múi giờ. Tỉnh cực Đông Trung Quốc cách tỉnh cực Tây 4 giờ. Tuy nhiên, khắp nơi trên đất nước Trung Quốc đều lấy giờ Bắc Kinh làm chuẩn. Con dân Trung Quốc tại chính quốc hay sống nơi hải ngoại đều hướng về Bắc Kinh, do đó xem ngày 18/2 là ngày mừng một Tết.

Cả nước Việt Nam từ Hà Nội đến Sài Gòn đều cùng nằm trong một múi giờ. Vấn đề sai biệt giờ giấc từ Nam chí Bắc không đặt ra. Dù lấy bất cứ một địa điểm nào trên đất nước làm chuẩn, Huế, Sài Gòn hay Hà Nội, hiện tượng Sóc luôn luôn rơi đúng vào ngày 17/2, ngày Tết rơi đúng vào ngày 17/2.

Theo Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn, Việt Nam và Trung Quốc đã có những thời kỳ không đồng nhất trong cách tính lịch, thí dụ như trong thời Lý , trong vòng 300 năm, Lịch Việt Nam và lịch Trung Quốc khác nhau. Nhà Tống có 2 lần Ban lịch cho Đại Việt (1176 và 1206) nhưng xứ ta vẫn giữ lịch riêng (xem : Lịch và Lịch Việt Nam, Hoàng Xuân Hãn, Tập San Khoa Học Xã Hội, 9-2-1982) .

Xin quý vị đọc đôi lời bàn về vấn đề này qua 4 tài liệu do

**Lê Kim Chi** soạn thảo:

**1 - Năm Âm Lịch Đinh Hợi (2007), tại sao Tết Trung Quốc (18-2-2007) đến trễ một ngày so với Tết Việt Nam (17-2-2007) ? (giải thích tóm lược)**

**2 - Năm Âm Lịch Đinh Hợi (2007), tại sao Tết Trung Quốc (18-2-2007) đến trễ một ngày so với Tết Việt Nam (17-2-2007) ?**

### **3 - Le Calendrier Âm Dương Lịch**

### **4 - Les Dates du Tết**



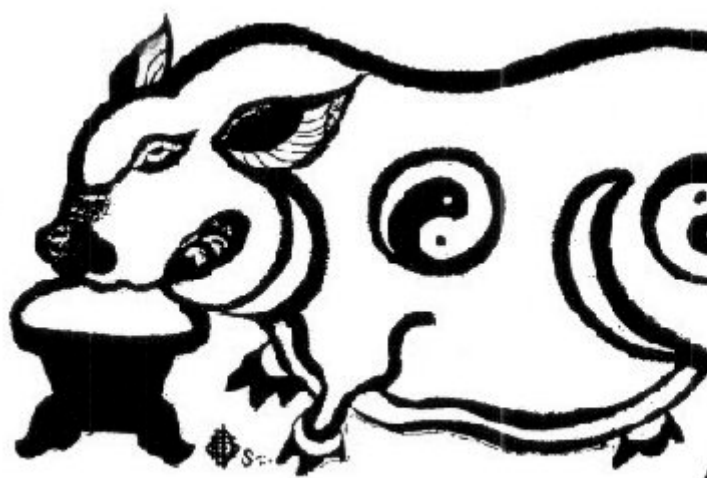
## Tranh Lợn

Nguyễn Dư

**H**ai tấm tranh dân gian *Lợn nái* và *Lợn ỷ* (tấm này còn có tên là *Lợn ăn cây dáy*) đã được rất nhiều người tìm hiểu, phân tích và ca tụng. Tranh vẽ lợn mẹ, lợn con, lợn ỷ, con nào cũng có những khoanh tròn trên mình.



Lợn nái ( bộ tranh Oger)



Lợn ỷ ( bộ tranh Dumoutier)

Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ (*Tranh dân gian Việt Nam*, Văn Hoá, 1984) giải thích ý nghĩa của khoanh tròn như sau :

*Tất cả bức tranh lợn là một sáng tác rất thực. Hai hình tròn trên mình con lợn, nghệ nhân có dụng ý tả hai cái " khoáy lông " đóng bốn bên mình lợn. Nét vẽ theo chiều lông đóng thành " khoáy " được biến pháp cho thành một hình thể có tính chất trang trí, đồng thời làm vui con mắt người xem bằng những mảng màu vàng, xanh hay đỏ, nổi trên nền tím của thân con lợn nái mẹ và các con lợn con.*

*Những con lợn nào mà có ba quý tướng : " lưng dài, bụng bị, bốn khoáy đóng chuồng " thì là giống lợn nái tốt : ăn nhiều, khoẻ mạnh, đông con, mắn đẻ, tốt giống, mà bất cứ người dân quê nào cũng muốn có để nuôi, là nguồn vui, sung túc, no đủ, hạnh phúc của gia đình mình vậy "... (tr. 56).*

Tác giả tỏ ra rất thông thạo nghề nuôi lợn. Ai không ở trong nghề thì khó mà biết được ba quý tướng " lưng dài, bụng bị, bốn khoáy đóng chuồng " của lợn. Người nào tò mò muốn tìm hiểu kinh nghiệm của người xưa thì chỉ còn nước dựa vào mấy câu tục ngữ ca dao được truyền từ đời này sang đời kia. Có còn hơn không.

Nuôi lợn nên chọn con lợn có lưng, có bụng như thế nào ?

- Lợn đực chuồng phệ, lợn sề chuồng chồm

- Đực phệ, sề vẫn.

Nuôi lợn đực thì nên chọn con bụng phệ. Giống này ăn nhiều, chóng lớn. Nuôi lợn cái, lợn sề thì phải chọn con nào nhỏ bụng để khi chữa không bị cọ xuống nền chuồng làm sút đầu vú (Phạm Đức Duật, *Văn học dân gian Thái Bình*, tập 1, Khoa Học Xã Hội, 1981, tr. 115).

Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ đã nhầm lợn cái (lợn nái, lợn sề) với lợn đực (lợn hạch) chăng ? Theo kinh nghiệm của nông dân Thái Bình thì nuôi lợn nái không nên chọn con nào có " bụng bị ".

Có nên chọn lợn có " bốn khoáy đóng chuồng " không ?

- Mua trâu xem khoáy.

- Khoáy đầu, khoáy sỏ, khoáy tai

*Tam tinh chàng ách làm giai chúa nhà.*

- *Tam tinh khoáy sọ thì chùa*

*Đóm đuôi nát chủ thì đưa vào nôi.*

" Tam tinh chàng ách " là một vết khoang trắng từ ngực kéo ra hai nách trên con trâu làm thành hình hai cái chạc ba. Những con trâu trên đầu có nhiều khoáy và có cái vết khoang trắng như trên thì cày bừa rất kém (*Văn học dân gian Thái Bình*, sđd, tr. 114).

- *Chữ tốt xem tay, ngựa hay xem khoáy.*

Nói tóm lại, ngựa có khoáy trên đầu thì tốt. Trâu có khoáy trên đầu là trâu kém. Lợn có khoáy, nhất là có " bốn khoáy đóng chuồng " trên mình, thì chưa thấy người xưa nói tới.

Điều khiến chúng ta ngạc nhiên hơn nữa là cái " khoáy lông " của Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ còn được thấy trên mặt trống cái của làng (*Tranh dân gian Việt Nam*, sđd, tr. 48-49), và trong hình bát quái của nhiều tranh thờ, tranh bùa.

Được vẽ lên mặt trống cái, vẽ giữa hình bát quái, thì cái khoanh tròn kia chắc chắn không phải là cái khoáy lông của súc vật rồi !

Đây là hình âm dương bị biến dạng.

Xin nhắc lại quan niệm âm dương của Nho giáo.

Kinh Dịch, một trong năm kinh của Nho giáo, quan niệm rằng vũ trụ ban đầu là Thái Cực. Thái Cực sinh ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh ra Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh ra Bát Quái, Bát Quái sinh ra vạn vật.

Lưỡng Nghi gồm Âm và Dương.

*Từ khi có quan niệm Thái Cực, người Trung Hoa tượng trưng âm dương bằng hình đen và hình trắng vì mới đầu, âm có nghĩa là phía không có ánh mặt trời, ở trong bóng tối, dương có nghĩa là phía có ánh mặt trời, sáng sủa.*

*Chúng ta nhận thấy vòng tròn Thái Cực gồm hai hình âm dương đỏ, và hai hình này tuy cách biệt hẳn nhau, đối lập nhau, mà lại ôm lấy nhau, xoắn lấy nhau.*

*Lại thêm chỗ hình đen phồng ra có một điểm trắng, chỗ hình trắng phồng ra có một điểm đen ; chỗ hình đen phồng ra là chỗ hình trắng thót lại, ngược lại chỗ hình trắng phồng ra là chỗ hình đen thót lại. Như vậy để diễn cái ý : âm thịnh lên thì dương suy lặn, ngược lại dương thịnh lên thì âm cũng suy lặn ; và khi âm cực thịnh đã có một mầm dương (điểm trắng) xuất hiện rồi, khi dương cực thịnh cũng thế, đã có một mầm âm (điểm đen) xuất hiện rồi.*

*Vậy, chẳng những âm dương xoắn lấy nhau mà trong âm còn có dương, trong dương còn có âm nữa.*

(Nguyễn Hiến Lê, *Kinh Dịch*, Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1991, tr. 135-136).

Nói tóm lại, trong hình âm dương thì trong phần âm (màu đen) có một chấm trắng và trong phần dương (màu trắng) có một chấm đen.

Tranh dân gian Việt Nam có nhiều tấm vẽ hình âm dương. Hình âm dương khó khắc ván vì toàn là đường cong. Trong phần ván nổi có cái chấm nét chìm và trong phần ván khắc chìm có cái chấm nét nổi. thợ khắc ván lành nghề cũng khó mà đục đều hoàn hảo những đường nét uốn lượn li ti này.

Tranh " Tử Vi chân trạch " của Oger, vẽ hình âm dương có phần âm, phần dương và hai cái chấm, tất cả đều để trắng. Tranh " Tử vi chiếu trạch " của Durand (*Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO, Paris, 1960, tr. 110) cũng chỉ có màu trắng và thiếu cả hai cái chấm.

Hầu hết các hình âm dương của tranh dân gian, nằm rải rác trong các sách, đều bị sai sót. Vì vậy mà Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ đã hiểu lầm cái hình âm dương màu trắng, không có chấm, thành cái khoáy lông của lợn.

Tấm tranh " Le cochon fétiche " ( Lợn ý ) của Dumoutier là một bằng chứng chắc chắn giúp ta nhận diện được hình âm dương trên mình lợn :

*Dans les villages du Tonkin, il arrive parfois qu'un certain nombre d'habitants se réunissent pour procéder, à frais commun, à l'élevage d'un animal fétiche. A cet effet, ils choisissent un cochon noir bien constitué, le placent dans un local spécial, très propre, très ventilé, et l'engraissent avec des aliments de choix. Il prend alors le titre*

*de ông lợn " Son Eminence " ou de ông ỷ " Monsieur le Pourceau " ; il est l'objet de soins assidus, on le nettoie chaque jour, et sa nourriture ne lui est présentée que dans des vases bien propre et parfois même luxueux. Comme marque de consécration, et afin d'empêcher que le diable ou les mauvais esprits ne viennent troubler ses digestions, on peint sur sa peau la figure symbolique du âm dương. (G. Dumoutier, Essais sur les Tonkinois, 1908, tr. 286).*

(Tại làng quê Bắc bộ, có nơi dân làng họp nhau chung tiền nuôi một con vật để làm lễ tế thần. Người ta chọn một con lợn đen tốt tướng, nuôi cho béo. Lợn, bây giờ được mọi người gọi là *ông lợn* hay *ông ỷ*, được chăm sóc, tắm rửa mỗi ngày. Thức ăn của ông phải đựng trong chậu sạch sẽ, chỗ ở của ông phải khang trang, thoáng mát.

Để tỏ lòng tôn kính ông ỷ, người ta vẽ hình âm dương lên mình ông để ngăn ngừa quỷ thần ám hại).

Hình âm dương của *Lợn ỷ* của Dumoutier được vẽ và khắc đúng.

Vô tình Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ đã biến triết lí âm dương của Nho giáo thành một tướng tốt... chưa từng thấy của lợn.

Sang thế kỉ 21 rồi mà Tranh Lợn vẫn còn chuyện để bàn !

Nguyễn Dư  
(Lyon, 10/2006)

# NĂM HỘI NÓI CHUYỆN HEO

Nguyễn Quý Đại

**N**gười Việt ngày nay hầu như sinh sống trên khắp thế giới, dù ở quốc gia nào ngày Tết theo Âm lịch mọi gia đình Việt Nam đều lo cúng rước ông bà, tổ tiên về vui Tết. Cúng Tết để nhớ về quê hương, cội nguồn theo truyền thống dân tộc. Mỗi năm cảm tình một tên khác theo Thập-địa, Can-Chi năm 2007 là năm Đinh Hợi. Người Việt gọi Hợi là heo hay lợn, Quan niệm của người Việt, người Hoa, Đại hàn.. người sinh ra năm nào thì lấy tên con giáp đó như : Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu. Nhưng gần đây ở Trung Hoa đang thảo luận nhiều về vấn đề 12 con giáp và có người đề nghị thay các con "chuột, rắn, gà, heo" bằng những con vật khác là "sư tử, cá, phượng hoàng và chim hạc". Lý do trong dân gian người Hoa luôn có một số quan niệm không tốt về những con vật trên. Ví dụ như chuột thì hay ăn vụng, gặm nhấm đồ vật, còn rắn thường có tâm địa xấu xa, heo thì tạp ăn biếng làm, gà kém may mắn hay đổi như năm Ất Dậu 1945 ngoài Bắc xảy ra nạn đói chết người? Năm mang tên 4 con giáp trên là kém may mắn. Trong khi đó sư tử oai phong chúa tể của loài thú; chim phượng hoàng biểu tượng may mắn, còn chim hạc có đời sống trường thọ....

Nếu người Trung Hoa hay Việt Nam thay đổi tên con giáp không quan trọng, nhưng thay đổi lịch là một vấn đề cần phải nghiên cứu lại. Mỗi Quốc gia ảnh hưởng tùy theo thời tiết, phong tục, bản sắc văn hóa riêng. Tết Dương lịch bắt đầu sau lễ Giáng Sinh từ ngày 31/12, các nước Tây phương áp dụng sớm nhất vào đầu thế kỷ thứ 16 và các thế kỷ tiếp theo, nước Ý năm 1522, Đức 1544, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha 1566, Tô Cách Lan 1600, Anh Quốc 1752, Nga 1918, Nam Tư và Rumani 1919. (theo Calendopaedia - Bách khoa chuyên lịch)

Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX năm 1873 thời Minh Trị Thiên Hoàng đã ăn Tết theo dương lịch, để công việc sản xuất, các ngành kỹ nghệ phù hợp theo nhu cầu với các nước Tây phương, Các nước Thái Lan, Lào, Ấn Độ...ăn Tết theo Phật lịch (ngày Phật Đản). Người Việt Nam, Trung Hoa phần lớn sống nghề nông nghiệp, ảnh hưởng theo quy luật thời tiết thiên nhiên từng mùa trăng, mùa nước.. Kinh nghiệm năm Ất Sửu 1985 Việt Nam từng đổi lịch ăn Tết sớm hơn một tháng, đã làm xáo trộn đời sống nông nghiệp. Năm Đinh Hợi 2007, lịch Việt Nam so với lịch Trung Quốc cách nhau một ngày, đã được tác giả Giáo sư Lê Thành Luân trả lời trên các báo phân tích lý do :

"Vấn đề là ở chỗ: *Năm Bính Tuất (2006) này lịch Âm của 2 nước Việt Nam và Trung Quốc khác nhau nhiều: Lịch Việt Nam có tháng Năm thiếu, tháng Sáu đủ, tháng Chạp thiếu và tháng Giêng năm sau, tức năm Đinh Hợi (2007), đủ. Ngược lại, Lịch Trung Quốc có tháng Năm đủ, tháng Sáu thiếu, tháng Chạp đủ và tháng Giêng năm sau thiếu. Việc này dẫn đến 2 sự kiện: Một là, các ngày trong cả tháng Sáu ở lịch của 2 nước khác nhau. Chẳng hạn, khi Việt Nam là ngày 15 tháng Sáu, thì Trung Quốc là ngày 14 tháng Sáu. Hai là, ta sẽ ăn Tết Đinh Hợi (2007) trước Trung Quốc 1 ngày: Tết ta vào ngày*



17-2-2007, Tết Trung Quốc vào ngày 18-2-2007. Vậy cơ quan nào, nhà xuất bản nào lấy số liệu từ lịch Trung Quốc mà soạn lịch thì lịch treo tường của họ bị sai."...

Vấn đề thay đổi lịch chúng ta khó quên Tết Mậu Thân 1968 ! Tôi xin phép được trích một đoạn trên để độc giả, chuyên gia tham khảo nghiên cứu cùng tìm một đáp số chung đúng theo khoa học và thiên văn,

## **Dòng họ nhà heo theo khoa học**

Về nguồn gốc của heo, theo tự điển các động vật (Das grosse tier lexikon nhà xuất bản Dorling Kindersly). Thời tiền sử, heo rừng bị con người bắt về nuôi thuần hoá tên khoa học (*Sus scrofa domesticus* hay *sus domesticus*). Năm 1830 lần đầu tiên ở tiểu bang Ohio nhờ khí hậu ẩm, phối giống loại heo Yorshi từ Anh quốc và Landrassen ra loại heo lớn trung bình, lông dài và da đều trắng lấy tên US Yorshire. Đến năm 1895 cũng tại Hoa Kỳ, phối giống heo với Đan Mạch thành công ra loại heo màu trắng, thân hình dài, tai lớn, thịt có phẩm chất ngon.



Heo US Yorshire.

Ở Đức, giữa thế kỷ thứ 19 vùng bắc Đức đã tạo được loại heo lông đen trắng có chấm đỏ Baldinger Tigerschwein. Năm 1926 vùng Angeln tiểu bang Schleswig Holstein lai giống loại heo Angler Sattelschwein, Việt Nam đồng bằng sông Cửu Long có loại Ba Xuyên thân, chân ngắn lông đen trắng nặng khoảng 100 kilo. Trung Quốc có loại heo đen Beijing Black. Các quốc gia khác tìm được các giống như: Bantu, Banza Pig, Arawpawa Pig, Auckland Pigs, Black Salaonian, British Landrace, British Lop, British Saddleback, Belarus Black Pied, Belgian Landrace, Berkshire Pig, Bindenschwein *Sus scrofa Vittatus*... Đáp ứng nhu cầu cung cấp thực phẩm, heo được nuôi ở các trang trại lớn trên khắp thế giới (ngoại trừ khối Hồi Giáo), thức ăn được biến chế theo công nghiệp, người nuôi heo không cần phải nấu cám, hái rau vớt bèo, heo nuôi rất mau lớn, trọng lượng từ 180 đến 250 kilo. Được chuyên viên Thú y chăm sóc sức khỏe nên tránh được những bệnh dịch gây thiệt hại về kinh tế.



Babirusa - Heo hươu

Hiện nay tại Đài Loan, họ đã gây giống được ba con heo, phát ra ánh sáng màu xanh lá cây từ đầu đến đuôi. Các con heo phát ra ánh sáng này được tạo ra từ một phôi thai heo bình thường và được cấy thêm gene từ một loài động vật khác. Tại Nhật cũng công bố thành công gây giống heo từ trong ống nghiệm. Các loại heo rừng sống ở Á Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ. Họ của heo danh từ khoa học là Suidae là một họ sinh học, được các nhà khoa học chia làm nhiều loại khác nhau. Vì ảnh hưởng khí hậu nên loài heo có sự khác nhau về hình dáng và sức nặng. Loài heo không có tuyến bài tiết mồ hôi nên heo thường thích sống nơi ẩm ướt, đặc tính dùng mõm ủi đất tìm kiếm thức ăn và khứu giác rất nhạy cảm, nhiệt độ cơ thể của heo từ 38 đến 39,5 độ C. Các loại heo rừng thuộc loại heo hươu/ *Babirusa babirusa* và heo Phi châu/ *Phacochoerus aethiopicus*. Loài heo hươu sống trên các đảo của Indonesia, sống dưới các bụi rậm rừng nhiệt đới trong các bụi lau sậy bên bờ sông hồ nước, lớp da lông dầy màu nâu và xám lông thưa, hai cặp răng nanh trên và dưới đều khác nhau, cong ngược và uốn về phía sau rồi uốn ngược lại phía trước. Heo rừng Phi châu/ *Hylochoerus* chia nhiều loại như *Hylochoerus meinertzhageni* sống khu vực xích đạo, loại u mắt / *Phacochoerus africanus* hay *Phacochoerus aethiopicus*.

Heo lông rậm *Potamochoerus larvatus*, heo lông đỏ *Potamochoerus porcus* ở sa mạc Sahara... heo tai chổi / *Potamochoerus*.. Heo Giant Forest Hog là loại heo lớn nhất trong dòng họ gia đình heo, con đực dài 2m, cao 110cm, nặng 250 kg, được bao phủ lớp lông màu đen, lớp lông sát da là màu cam đậm, tai lớn và răng nanh nhỏ hơn loại warthog & bushpig, giống heo này tìm thấy ở vùng rừng mưa nhiệt đới West & Trung tâm Africa Kenya và cao nguyên Ethiopian. Giant Forest Hog chỉ ăn cỏ và những cây trên mặt đất, không dùng mõm đào đất tìm thức ăn như các heo khác



Red River Hog - Heo đỏ

Babirusa hay pig-deer xuất hiện lâu đời nhất trong họ nhà heo, thường sinh sống ở vùng nhiệt đới dọc theo bờ sông và hồ. Giống heo này hiện nay nằm trên danh sách có nguy cơ tuyệt chủng. Bearded Pig *Sus barbatus* ở vùng Đông Nam Á -Sumatra, Borneo, và Đông Phi luật Tân. Red River Hog sống ở rừng mưa và vùng núi Africa, Heo cân nặng từ 55-80 kg, lông nâu, chân đen, mồm đen trắng, chúng sống từng đàn từ 6-20 con .

Các loại heo ở Việt nam có tên khoa học *Sus bucculentus*. Nhưng có nhiều tên gọi bình dân : heo nái, heo sữa, heo hạch (heo đực đã thiến), heo nọc (heo đực không thiến), heo lang (lông đốm đen trắng), heo mọi, heo cỏ .... Tuổi trưởng thành của heo cái từ 9 tháng, heo nái một năm sinh hai lần, mỗi lần khoảng 10 heo con, nhưng con sinh đầu tiên thường bị chết vì ngột, heo mới sinh nặng khoảng 1,5 kilo bú sữa mẹ, heo nái thường có 14 đầu vú hai bên (7 x 2 ) heo mẹ uống mỗi ngày 10 lít nước., heo con uống 1,5 lít .Tất cả các giống heo đều ăn rất tạp đủ thứ động vật, thực vật, rau cám, cỏ vv...

## Heo trong đời sống và văn học

Người đời thường chê heo là lười, ngu, bần thủ, lười thôi lếch thếch, cái gì xấu đều ám chỉ con heo !! Trong ngôn ngữ Đức có những câu chửi như "diese Sau hat wieder alles voll gekleckert / con heo ấy đã bôi bẩn khắp nơi, hay diese verdammte Sau hat mich betrogen/ con heo ấy đã lừa tôi rồi! " to make a pig of oneself ".Ngược lại nói "có con heo/ Schweinegehabt/ that's a bit of luck, có nghĩa là may mắn..

Đời sống của heo cũng thông minh, dễ dạy, khứu giác rất nhạy bén. Ở Nga, người ta cũng tổ chức "piglets seek Moscow Olympic glory" cho heo chạy đua, bơi trong những hồ nhỏ hay chơi banh, heo dùng mồm đẩy banh. Các loại heo choai choai được ưa thích từ các nơi : Mykola của Ukraine, Nelson của Nam Phi châu và kostik của Nga".. Hiện nay ở Việt Nam, ngoài trường đua chó lớn ở Vũng Tàu, cũng có trường đua heo ở một vài nơi?

Phim con heo, người ta thường liên tưởng đến các loại "phim cochon" khiêu dâm, nhưng có loại phim con heo hoạt hoạ : Pig is pigs, Porky Pig, Petunia pig, Looney Tunes được nhiều người hâm mộ, hiện nay các rạp đang chiếu phim Schweinchen Wilbur und seine Freunde/ "heo con Wilbur và người bạn" . Âm nhạc có nhiều nhạc

phẩm như : Pigs on the Wing của Pink Floyd năm 1977, War Pigs của Black Sabbath năm 1970.

Loại cá thông minh được Hải quân huấn luyện để chống đặc công là loại cá heo, quốc gia Cuba có vịnh Con Heo năm 1962 sắp xảy ra chiến tranh Nga-Mỹ dưới thời tổng thống J. F. Kennedy và chủ tịch N.S Chruschtschow. Lịch sử Hoa Kỳ năm 1859 xảy ra vụ tranh chấp các vùng biên giới giữa Anh (Canada) Mỹ. Heo từ vùng này chạy sang ăn khoai tây vùng khác bị bắn chết gây tranh cãi "keep your pigs out of my potatoes!" hãy giữ heo các anh ngoài ruộng khoai chúng tôi "keep your potatoes out of my pigs" hãy giữ khoai các anh đừng đụng tới heo chúng tôi...Nếu không được dàn xếp thì hai bên đánh nhau toi đời cũng tại vì heo !! Hiện nay một số trường học, Đại học Arkansas lấy logo là con heo rừng Razorbacks.... (Sus scrofa) cho đội thể thao của trường. Ở Đức nhiều nơi chọn hình heo con quảng cáo, biểu tượng cho sự may mắn và phát tài. Đức, Việt Nam và có thể nhiều quốc gia khác cũng có loại heo đất bỏ tiền tiết kiệm,

Trong truyện Tây Du Ký của Trung Hoa có nhân vật Trư Bát Giới, đệ tử của thầy Huyền Trang có hình dạng nửa người nửa heo, Người Hoa cũng với tục lệ trong lễ cưới, có con heo quay đầy đủ đầu đuôi, sau đêm động phòng hoa chúc, nếu người con dâu không còn trinh trắng trước khi về nhà chồng, nhà trai cắt lỗ tai con heo quay đó trả lại cho nhà gái. Tục lệ đó, không biết ngày nay có còn tồn tại hay không ? " heo lành ai nữ cắt tai, Gái ngu chồng bỏ, khoe tài nổi chi? "

Trong thiên tình sử Odysseus của Homer thủy thủ đoàn bị nữ thần Circe biến thành heo. Thời xa xưa, Hy Lạp dùng heo để tế nữ thần Demeter. Tại Việt Nam nếu ai ở gần lò thịt, buổi sáng sớm nghe tiếng eng éc của heo bị chọc tiết, nhưng ở Đức các lò thịt dùng điện châm vào tai heo điện giật heo bất tỉnh bị chọc tiết... có chuyên viên khám gan và thịt trước khi đóng dấu cho bán ra chợ, không ai được phép tự giết heo bò ở nhà. Do Thái giáo và các quốc gia theo Hồi giáo kiêng ăn thịt heo, lý do ngày xưa chiến tranh ở các nước Á Rập, nhiều người chết, xác chết không được chôn cất bị heo ăn sinh bệnh dịch, người ăn thịt heo bị truyền bệnh không có thuốc chữa trị, nên Giáo chủ Mohamed kêu gọi đừng ăn thịt heo vì heo là con vật dơ bẩn..., từ đó trở thành thói quen. Dù ngày nay người ta nuôi heo ở các trại chăn nuôi, đầy đủ tiêu chuẩn, có thức ăn biến chế, nếu phát hiện các bệnh dịch như long móng lở mồm.. thì đàn heo đó bị đốt để tránh bệnh truyền nhiễm. Thiếu số người Thổ theo đạo Hồi, sống ở vùng ngoại ô Munich lên mua cừu hay bê làm thịt lậu, Họ ăn thịt phải giết con vật theo nghi thức Hồi giáo, họ phải tự chặt đầu con vật sống...? ngược lại Phật Giáo thì cấm sát sanh

Ở thôn quê ngoài việc canh tác, ruộng vườn để thu hoạch ngũ cốc, người ta thường nuôi heo quanh năm, trong chuồng hay thả ngoài vườn, không tốn kém nhờ rau cám, chuối cây...phân heo dùng để bón ruộng lúa. Tháng chạp người ta bán heo để có tiền chuẩn bị ăn Tết, mua sắm quần áo mới cho con cháu. Có nhiều nơi những ngày cuối năm, vài gia đình, cùng làm thịt một con heo để chia nhau, ngoại trừ cái đầu heo dành cho gia chủ. Đầu heo giá trị của nó như một con heo trong việc cúng kiếng hay đi biếu người nào đó đã mang ơn.

Hai thập niên về trước ở Đức, vào tiệm thịt khó có thể tìm được đầu hay chân heo, Người Việt thích bao tử làm phá lấu, chân, đuôi để nấu bún bò Huế, đầu heo để cúng, làm giò thủ, muốn có phải vào lò thịt họ cho không lấy tiền. Thời nay kinh tế khó khăn nên các siêu thị ở Đức đều có bán : đầu, đuôi, chân heo cả móng, nhưng chưa bán bao

tử và ruột heo ? có thể đặt con heo quay cỡ 5-10 kilo, gia vị do họ ướp, không được phép bôi màu đỏ ngoài da như heo quay bên quê nhà. Bởi vậy lễ cưới người Việt ở Đức theo phong tục Việt Nam đều có heo quay, Tuy nhiên các vùng biên giới Đức Tiệp hay Ba Lan có người Việt phần lớn gốc Bắc, đi lao động trước kia, được phép ở lại sau khi chế độ CS Đông Âu sụp đổ. Họ buôn bán chợ trời, mùa hạ nắng ấm thì họ trồng rau muống, rau thơm, làm lậu thịt dê, gà, heo, bê, có đủ bộ lòng...lên bán cho người Việt ở Đức, đã bị cảnh sát Đức phát hiện

Đề cập đến thịt heo, những người lớn tuổi đều ngại thịt heo vì nhiều mỡ, nhưng không thể quên, xứ Quảng Nam ngoài đặc sản mì Quảng còn món thịt heo ba rọi luộc quán bánh tráng rau sống, chấm nước mắm ngon không chê vào đâu được, giống heo cỡ loại nhỏ nuôi ở quê ăn cám, chuối cây, rau thức ăn thiên nhiên nên thịt ít mỡ thơm ngon. Trong Nam vùng Trảng bàng cũng có món thịt heo luộc, quán bánh tráng phơi sương với bún đủ loại rau thơm, cho tới những đợt lá non như trâm bầu, xoài, cóc.. thêm món bánh canh giò heo cũng nổi tiếng. Riêng ở Munich du khách vào nhà hàng Đức, gọi cái đùi heo nướng "Schweine haxe", với cục bột " Knudel" hay rau cải trắng chua uống ly bia, ăn một bữa no hơn một ngày, bởi vì người Việt mình nhỏ con.. .

Ở Việt Nam sống tại thành phố, nếu nhà có vườn rộng,người ta cũng làm chuồng nuôi heo, "chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên", nhưng sau năm 1975 đất nước thống nhất một thời heo về thành phố, ngồi ở phòng khách, nằm ở cầu thang, cũng ăn hạt bo bo giống người...Trong thi ca bình dân, heo được nhắc đến qua câu hò tiếng hát, mà chúng ta đã nghe dưới ánh trăng thanh, bên lũy tre xanh con đường làng bé nhỏ. ..

*Em về thừa với mẹ cha  
bắt heo đi cưới, bắt gà đi cheo  
Đầu heo lớn hơn đầu mèo  
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình  
Ông xã đánh trống thành thành  
Quan viên nín áo ra đình ăn cheo*

Dưới chế độ phong kiến, cảnh đàn ông năm thê bảy thiếp, cho nên tâm tư của người đàn bà bình dân lúc nào cũng phảng phất chống đối hờn dỗi ghen tương...

*Làm cho cha mẹ vui lòng  
Đèn lên đôi ngọn bá tòng xứng đôi  
Một vợ nằm giường lèo  
Hai vợ nằm chèo queo  
Ba vợ ra chuồng heo mà nằm*

Cuộc sống hôn nhân ở thôn quê không kiêu sa đài các, chỉ có ước mơ bé nhỏ trở thành vợ chồng thật đơn giản, lễ cưới không cần đầu heo mâm thịt, hay vàng bạc châu báu. Con heo đôi khi là một tài sản lớn của nhà nông nghèo ! Họ chỉ cần một cặp vịt đôi bông làm sánh lễ, Tình yêu không đến với con người bằng ý nghĩ lý luận mà bằng sự giao cảm giữa 2 con tim, đem lại nguồn sống thanh bần và chung thủy. ..

*Người ta giàu thì đầu heo mâm thịt  
Hai đũa mình nghèo thì cặp vịt đôi bông*



*Người ta thách lợn, thách gà  
Nhà em thách cưới, một nhà khoai lang*

Quanh năm trên đồng ruộng vườn rau, nên quan niệm về hôn nhân của giới bình dân đơn sơ, mộc mạc làm sao đủ tiền để nộp cheo cho làng khi "rước nàng về dinh". Lập gia đình so sánh giống như nuôi heo phải vớt bèo... hoặc chọn một người vợ phải xem dòng họ đó ra sao ?

*Nuôi heo thì phải vớt bèo  
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng  
Lựa được một con dâu sâu con mắt  
Mua heo chọn nái, mua gái chọn dòng*

Phản ánh một phần nào sinh hoạt của xã hội, thi ca trào phúng đã đưa giá trị con heo lên để so sánh .

*Mẹ tôi tham thúng xôi rền  
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh hưng  
Tôi đã bảo mẹ rằng : " đừng "  
Mẹ hăm, mẹ hứ mẹ bùng ngay vào..  
Nước chảy dưới đèn  
Bà già lật đật mua heo cưới chồng  
Cưới về chồng bỏ chồng đông  
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo  
Còn duyên anh cưới ba heo  
hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi  
Đang khi, lửa cháy, cơm sôi  
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm ten*

Người bình dân quanh năm sống với ruộng đồng, gieo mạ, trồng rau, họ đã từng trải cách ăn uống ở miền quê hay thiên tai bão lụt, theo kinh nghiệm họ có thể đoán trước thời tiết sẽ xảy ra:

*Gió heo may chẳng mưa dai thì bão giạt  
Gió heo may, Chuồn chuồn bay thì bão  
Gió heo may mía bay lên ngọn  
Gió heo lành lạnh thổi về  
Thương người quan ải lòng tê tái sầu  
Con gà tục tác lá chanh  
Con heo ủn ỉn mua cho đồng hành*

Theo tục lệ, hằng năm ở Hà Tây vào ngày mùng 7 tháng giêng tổ chức lễ Hội "chạy lợn" nhắc lại sự tích vào đời Hùng Vương thứ 18, có một vị tướng tên húy là Nguyễn Hiền, hành quân qua đây để đánh đuổi giặc. Các bộ lão trong làng xin làm cỗ khao quân, Vị tướng yêu cầu phải làm nhanh để binh sĩ lên đường hành quân đánh giặc. vào ngày lễ hội trên, con lợn được đem ra lễ hội "chạy lợn" phải được nuôi hết sức cẩn thận. Trước lễ hội 10 ngày, chỉ cho ăn cháo gạo nếp, tắm rửa bằng nước lá thơm sạch sẽ mỗi ngày. Dân làng mở hội "chạy lợn" để nhớ về một truyền thống có ý nghĩa về tình quân dân cá nước thời xa xưa. Nhóm nào làm thật nhanh mâm cỗ đầy đủ đầu, đuôi, bộ lòng sẽ được thưởng .

Sự tích cây huyết dụ, theo truyền thuyết ngày xưa ở gần Chùa, có người chuyên làm thịt heo buổi sáng đem ra chợ bán, thời đó chưa có đồng hồ báo thức, buổi sáng Chùa thường đánh chuông, tiếng Đại hồng chung ngân xa. Người làm thịt heo nghe tiếng chuông thức dậy giết heo, nhưng đêm đó thầy Trù Trì nằm chiêm bao thấy con heo nái tới vang xin ngài đừng đánh chuông buổi sáng, để người giết heo ngủ quên, heo sắp đẻ một đàn con, nếu giết mẹ thì chết cả con..Thức giấc thầy Trù Trì không đánh chuông sáng, người chuyên làm thịt heo ngủ trễ, không thể thịt con heo đã nhốt trong chuồng để bán buổi chợ sáng, người đó đến Chùa la lối tại sao Thầy không đánh chuông sáng ? Thầy kể lại cho người đó nghe giấc mơ đêm qua, ông ta về nhà thấy con heo nái mình định làm thịt để được chục heo con. Ông ta ân hận, bởi con vật đều có sự sống, ông mang con dao sử dụng hàng ngày tới cắm ở sân Chùa, thề không sát sanh nữa, từ chỗ con dao mọc lên cây huyết dụ.

Nói về năm Hợi, tôi tham khảo một số tài liệu viết về heo trong khả năng giới hạn, mong độc giả bổ túc thêm để đề tài năm heo thêm phong phú và hấp dẫn hơn. Hàng năm thường xảy ra thiên tai, ở Đức năm nay mùa Giáng sinh không có tuyết trắng như hàng năm, Tháng Giêng bỗng dưng 2 trận bão lớn tốc độ gió mạnh 120 Km/h sau đó thì thời tiết lạnh hơn tuyết rơi. Hoa Kỳ các tiểu bang như Arizona, Texas, New Mexico thời tiết trở lạnh và có tuyết, Ở Úc Châu trời nóng làm cháy cả trăm ngàn Ha rừng, cây không còn xanh lá !.Có thể do ảnh hưởng môi sinh trái đất càng ngày bị ô nhiễm, nhiệt độ tăng vùng băng giá lớn ở Bắc và Nam cực tuyết tan dần, nạn phá rừng làm nên ngập lụt

Cầu mong năm Đinh Hợi 2007 thế giới hoà bình, bớt nạn khủng bố, Việt Nam vào WTO đất nước phát triển, dân trí tiên bộ và thật sự có tự-do dân-chủ. Đời sống được bình an và hạnh phúc đến với mọi người muôn nơi. ..



I haven't got a hat

### **Tài liệu tham khảo**

Bách khoa toàn thư Wikipedia

Tiere und Lebensräume của wissensbibliothek

Tuyển tập tục ngữ ca dao Việt nam nhà Xb văn học

(Thành thật cảm ơn các tác giả, và tôi xin mạn phép copy hình tài liệu các loại heo rừng được phổ biến trong tự điển)

# Một lần đón Tết

\*\*\*

Nguyễn Dur

(tặng Bằng, nhớ Ân)

**N**gày xưa ngày xưa, tại tỉnh Rennes bên Pháp...

Năm ấy, Ân, Bằng và tôi thuê nhà ở chung cho đỡ tốn tiền. Ba đứa học ba trường khác nhau. Công việc trong tuần cứ đều đều sáng vác cặp đi, tối vác về. Cơm trưa, cơm chiều có *Resto-U* (quán ăn sinh viên) phục dịch. Chúng tôi chỉ gặp nhau một lúc buổi sáng, buổi tối và cuối tuần.

Mùa đông năm 1967, thiên hạ xuýt xoa... sao mà rét thế. Nhiệt độ trong ngày cứ quanh quẩn ở khoảng mấy độ âm. Tuyết phủ trắng thành phố. Sáng dậy, nhìn qua cửa sổ, không muốn ra khỏi nhà...

Cử này, ngoài Bắc đang có mưa phùn, trong Nam thì vẫn nắng hừng hực.

Ba đứa chúng tôi đang ăn sáng, cười đùa, bỗng Bằng ra hiệu im lặng :

- Hôm nay hai toa về sớm cúng Giao Thừa, đón Tết nghe.

Tôi ngạc nhiên :

- Ủa, hôm nay Tết à ? Móa chưa được thư nhà nên chả biết gì cả.

Ân cười rộ, trả lời Bằng :

- Toa giỡn hoài. Nhà có gì đâu mà định cúng với lễ ?

Ân nói đúng. Nhà chả có gì. Chúng tôi chỉ có hai gói bánh mì khô và lọ mứt để ăn sáng. Mấy quả trứng, ít nui (*nouille*) ít pát (*pâte*), để buổi tối đứa nào đói thì ăn thêm. Vậy mà Bằng định làm cỗ ? Đào đâu ra đồ ăn ?

Tôi đùa thêm :

- Toa định làm cỗ bằng bánh mì, dăm bông (*jambon*) à ?

Nước Pháp vào khoảng những năm 1960-1970, còn ít người Á Đông. Ở Rennes thì chỉ lựa thưa hai, ba chục sinh viên Việt, Miên, Lào. Đồ ăn Việt Nam hoàn toàn không có gì. Của

đáng tội, đĩa nào nhớ cơm thì cũng có gạo *Taureau ailé* của Pháp, hay *Uncle Ben's* của Mỹ. Ăn với thịt bò hộp, cá hộp, hay trứng tráng cũng xong, cũng dịu được cơn thèm.

Bài ca quen thuộc của chúng tôi mỗi khi gặp nhau là nhớ, là thèm cơm Việt Nam. Cơm Tây... chán quá. Chán nhưng vẫn đều đều ngày hai bữa vì chẳng lẽ lại... nhịn đói !

Kể cũng lạ.

Hồi còn ở Việt Nam thì chê cơm của mẹ, chỉ mơ ước được ăn cơm tây, tráng miệng bằng táo tây, cam tây. Sang tây thì lại chê cơm tây, thèm cơm của mẹ. Ở Việt Nam thì sính đồ Pháp, sang Pháp thì lại kháo nhau phải *made in USA* mới đẹp, mới chiến... Nhiều đứa cứ lùng bùng không thoát ra khỏi vòng *Đứng núi này, trông núi nọ*.

Thỉnh thoảng chúng tôi thèm phở. Phải kiên nhẫn chờ đến chủ nhật, kéo thêm bạn bè. Đoàn đúm, đầu lảo động mới vui. Ăn uống đông... mới rẻ. Có rẻ... mới đông.

Phở của chúng tôi là tảng thịt bò bắp có gân, có mỡ. Thằng Quế phía là nhà có chó, ông hàng thịt cura cho cục xương đầy tuỷ, tặng thêm một ít bạc nhạc. Hoan hô chó. Chó là bạn tốt của sinh viên Việt Nam.

Thịt, xương cho vào nồi đun sôi, vớt bọt. Bỏ gia vị. Ba, bốn nụ đinh hương, *muscat*, một củ hành tây nướng, mấy cục đường, bốn năm cục *Viandox*. Hầm bếp *Camping gaz* độ một giờ là xong.

- Nghe nói tiệm *Thanh Bình* trên Paris có cánh hồi đấy, có đĩa nào lên chơi thì nhớ mua giùm.

- Nay, tụi thằng Đạt bảo là *Maggi* nhẹ mùi, khá hơn *Viandox*.

- Các cô chê bánh phở làm bằng *spaghetti* sợi tròn không đúng điệu, nui *Lustucru* ngon hơn.

Phở của chúng tôi có thêm đĩa hành tây trộn dấm. Có tiêu, có chanh, có ớt *Cayenne* cay xé lưỡi. Phở *Maubert* hay phở *Cha Giản* trên Paris cũng chỉ được như thế này là cùng.

- Giờ ăn đến rồi, giờ ăn đến rồi...Mời anh xơi, mời em xơi...

Căn phòng ồn ào như vỡ chợ. Đứa thì đòi mỡ gầu, đứa muốn thêm tí gân. Đừng cho moa nước béo. Chần cho tó ít hành. Cuối bữa là màn khê khà xiu quách với bia.

Ngon ơi là ngon...Mỗi đứa chỉ tốn xấp xỉ một *ticket Resto-U* (năm 1967, vé ăn giá 1,10 *franc*, gần bằng 0,20 *euro*).

Ăn đề nghị Bằng nấu phở cúng Giao Thừa. Bằng bác liền :

- Không được ! Ngày Tết ai lại cúng phở. Các cụ mắng cho bây giờ. Moa làm cổ. Chỉ yêu cầu hai toa về đúng giờ cho vui.

Ăn nửa đùa nửa thật :



- Moa rủ Jacqueline được không ?

Câu hỏi của Ân làm tôi chợt nhớ nàng tiên tóc vàng Monique năm MPC. Có lần ngủ mê chập chờn, thấy mình được ôm eo, tán tỉnh nàng... trong vườn Tao Đàn. Sướng như điên. Điều bất ngờ và thú vị nhất là không những Monique chịu chơi mà còn biết nhõng nhẽo... bằng tiếng Việt. Tỉnh dậy, tôi mới thấy trình độ tiếng Pháp của mình chưa đủ để phục vụ tình hữu nghị quốc tế.

Hậm hực mãi... Hôm nay tôi mới được dịp thổ lộ :

- Ăn Tết mà cứ phải chia động từ tiếng Pháp thì...mất hứng.

- Moa đồng ý với thằng Dur. Toa rủ được cô *Mít* nào thì cứ rủ, đừng rủ đám.

- Các cô nhà mình khó lắm toa ơi. Đâu có cô nào chịu bỏ học để đi ăn.

- Ê ! Chiều nay moa không có gì, đâu phải trốn học. Moa nói thật đấy, bọn toa nhớ về trước 5 giờ nghe.

Buổi chiều hôm ấy, tôi làm qua loa cho xong bài thực tập Hoá Học, rồi giả vờ đau bụng, xin phép về sớm.

Tôi về đến nhà lúc gần 5 giờ. Ân đã về trước tôi.

- Thơm quá! Kiếm đâu ra nhang vậy ?

- Nhang Ấn Độ đấy. Moa nhờ thằng Eric xin bọn *Krishna* từ tuần trước.

- Có phải bọn đầu trọc, áo vàng, khua chuông gõ mõ, múa hát ngoài đường không ?

- Chính hắn. Sắp 5 giờ rồi ! Thôi, bọn mình sửa soạn lễ là vừa.

Mâm cỗ bày gọn trên chiếc bàn ăn sáng. Giữa mâm là con gà. Bằng uốn gà khéo quá. Cánh khép, chân quỳ, cổ cong như chữ S, mỏ ngậm bông hoa màu đỏ. Bên trái là bát canh cải hoa, điểm vài lát cà rốt màu cam tia răng cưa, lấm tấm mấy hạt đậu màu xanh. Bên phải là đĩa xào cũng nhiều màu sắc sỡ. Đằng trước bày bát cơm, ba nén nhang cắm trong một chén gạo, một li nước và một đĩa cam.

Căn phòng bỗng im lặng, trang nghiêm khác thường. Hương thơm của mâm cỗ quyện vào khói nhang làm cay cay mắt. Chúng tôi lần lượt đến trước bàn thờ khấn vái.

Tôi không nghe được những lời khấn của Bằng, của Ân, nhưng tôi đoán là cả ba đưa cùng nghĩ đến gia đình. Chúng tôi cùng cầu cho mọi người bên Việt Nam sang năm mới được khoẻ mạnh, bình an...

Chắc chắn là giây phút này bố mẹ chúng tôi bên Thị Nghè, Phú Nhuận hay Sài Gòn, cũng đang cúng Giao Thừa, đang thì thầm khấn ông bà, ông vải phù hộ cho ba thằng con xa nhà.

Lễ xong, chúng tôi chúc Tết lẫn nhau.

Bằng chúc Ân :

- Chúc toa năm mới lọt vào mắt xanh cô nào.
- Toa đừng chúc bậy ! Bên Pháp chỉ có đầm mắt xanh chứ không có cô *Mít* nào mắt xanh đâu nhé. Coi chừng đấy !
- Thế thì chúc toa lọt vào mắt đen cô *Mít tổ nữ* nào vậy.

Tôi phụ hoạ thêm :

- Nhưng đừng... lọt thỏm, chết đuối nghe.

Ân chúc tôi :

- Chúc toa lấy được *certif* (chứng chỉ).

Đến lượt tôi chúc Bằng :

- Chúc toa lên lớp... Này, cho moa hỏi nhỏ, con gà ngâm hoa gì vậy ?
- Moa cũng chẳng biết là hoa gì. Đi qua vườn Thabor, mắt trước mắt sau, ngắt trộm được một bông. Đáng lẽ phải có nhiều hoa, nhưng sợ bị bắt thì... đông cả năm, moa không dám. Bàn thờ còn thiếu rượu, phải thay bằng nước lã. Nói lén các cụ, lát nữa mình có bia để nhậu.
- Toa kiếm đâu ra đủ thứ ngon lành vậy ?
- Toàn là *tây* đấy chứ. Cải *tây*, hành *tây*, tỏi *tây*, cần *tây*... Đồ ăn thuộc loại sang bên Việt Nam đấy. Tiệm *Chez Mohammed* có đủ cả.

Nhang sắp tàn. Mình lễ tạ là xong. Moa đi chặt gà, toa trộn chút muối tiêu, pha tí dấm...Ân ơi, mang xoong cơm ra đi. Đói bụng rồi. Canh, xào ăn hết, vào bếp lấy thêm...

Chúng tôi được một bữa... ăn thả cửa. Ba thằng vịt đực ca hát... như đâm vào tai. Lôi mấy cô đầm ra pha trò nhảm nhí. Vui như Tết !

Gần 12 giờ đêm mới đi ngủ.

Hè năm ấy, chúng tôi trả nhà.

Từ đây không còn dịp cùng nhau đón Tết đúng Giao Thừa bên nhà.

Chỉ một lần mà nhớ mãi không quên.



# Chuyện phiếm về 12 con giáp

Quỳnh Chi



**T**ừ thời Meiji (1868-1912) tức thời Minh Trị Duy tân của Nhật bản, người Nhật đã đổi từ âm lịch sang dùng dương lịch, nên ngày nay ngày tết ở Nhật - gọi là oshogatsu, tức Chính Nguyệt - nhằm vào ngày 1 tháng 1 dương lịch.

Tuy nhiên, tuy đã đổi ngày tết sang ngày đầu năm dương lịch, xong về tục lệ hay các nghi thức đón tết, cũng như một số lễ tết trong năm, người Nhật vẫn còn giữ lại rất nhiều phong tục tập quán cổ truyền. Họ vẫn giữ lại cả cách tính tuổi theo âm lịch, gọi là tuổi đếm. Tuổi đếm lớn hơn tuổi tính theo dương lịch - được gọi là tuổi tròn - một tuổi. Tuổi đếm tính theo âm lịch, được chia theo thập can và thập nhị chi, tiếng Nhật gộp chung lại vào hai chữ Hán can chi (干支), và đọc là eto.

Hàng năm vào dịp cuối năm dương lịch, các hiệu sách hay hiệu bán dụng cụ văn phòng thường bày bán thiệp chúc tết đặc biệt của Nhật bản, đó là trên tấm thiệp thường có in hình eto, tức là hình con giáp của năm mới.

QC rất thích những tấm thiệp này, thường mua dư ra một số, để sau đó đến tết âm lịch của mình sẽ dùng gửi về nhà, vì tấm thiệp tết của Nhật vừa có đặc điểm của Nhật, xong lại có điểm chung với mình về cách gọi Tí, Sửu, Thìn, Tị.v.v.. với hình các con giáp của từng năm, cũng gần gũi với người Việt nam.



Thiệp tết năm Thìn



Thiệp tết năm Tuất



Thiệp tết năm Dậu

Tuy vậy cũng có những năm QC đã không thể dùng tấm thiệp tết của Nhật để gửi về nhà, vì có một vài khác biệt giữa Nhật bản với Việt Nam về 12 con giáp này. Chẳng hạn như đến năm Hợi như năm nay, người Nhật cũng có năm Hợi, thế nhưng hình con vật in trên thiệp không phải là con lợn i quen thuộc, mà đó là con lợn rừng.





Thiệp tết năm Hợi



Lợn rừng



Lợn ỉ

Ngoài con lợn của năm Hợi , còn ba con vật nữa cũng khác với những con giáp trong thập nhị chi của người Việt. Đó là năm Sửu của mình là năm con trâu, thì của họ là năm con bò, năm Mão của họ là năm con thỏ chứ không phải là con mèo, và năm Mùi là năm con cừu chứ không phải là con dê .



Dê



Cừu

Tại sao lại có sự khác biệt như thế ?

Về năm Sửu với con bò, đa số người Nhật bạn QC đều cho rằng vì con trâu là con vật ở vùng nhiệt đới, ở Nhật chỉ có con bò mà thôi. Cách giải thích này nghe cũng có vẻ dễ hiểu, hợp lý.

Thế còn tại sao năm Mão lại không phải là năm con mèo mà lại là năm con thỏ ?



Thiệp tết năm Mão

Người Nhật có một chuyện cổ tích giải thích tại sao mèo không được vào danh sách 12 con vật của thập nhị chi như sau, và còn cho ta biết thêm tại sao con chuột lại là con vật đầu tiên trong thập nhị chi.

Truyện kể rằng :

*Ngày xưa trời đã cho gọi các con vật đến nhà trời, ra hẹn rằng mười hai con vật nào đến sớm nhất sẽ được chọn làm con vật của eto tức mười hai năm trong thập nhị chi. Các con vật loan tin đó cho nhau và náo nức lo sửa soạn đi đến nhà trời cho sớm để được chọn. Mèo nghe tin phong phanh còn chưa rõ, bèn đến hỏi chuột. Chuột xấu bụng nên đã nói chệch sang ngày hôm sau, Mèo nghe vậy còn thông thả ngồi rửa mặt. Bò là con vật chậm chạp nên nó đã lo khởi hành từ đêm hôm trước để khỏi bị trễ, ra đi từ lúc trời còn tối. Chuột cũng láu cá, bèn nhảy tót lên lưng bò nằm ngủ tiếp mà vẫn đi được tới nhà trời. Sáng hôm sau các con vật đến tề tựu đông đủ trước cửa nhà trời, mà bò là kẻ đến trước tiên. Thế nhưng khi cổng nhà trời vừa mở ra, chuột đã nhanh như cắt từ trên lưng bò phóng ra phía trước, cho nên chuột trở thành con vật đầu tiên trong mười hai con giáp được chọn. Bò thành con giáp thứ hai. Mèo bị chuột gạt đến trễ, nên từ đó trở đi mèo cứ đuổi theo chuột quanh năm ngày tháng để trả mối thù này.*

Câu chuyện này nghe thì hay hay nhưng dĩ nhiên là không giải tỏa được thắc mắc cho người thời nay. Tại Trung hoa và đa số những nước cũng sử dụng thập nhị chi, năm Mão thường là năm con thỏ, không biết các nước đó có truyện cổ tích nào tương tự như truyện cổ tích vừa kể của người Nhật hay không.

Nhân dịp đầu năm mới, hôm trước trên báo Nhật có người đưa giả thuyết - với tiền đề là Nhật Bản học cách tính thập nhị chi từ người Trung hoa - cho rằng: vào thời điểm đặt ra thập nhị

chi thì ở bên Tàu người ta chưa biết thuần hóa mèo để nuôi trong nhà. Nghe đâu mèo là con vật khó thuần hóa, và người Ai cập thời cổ đại biết cách nuôi mèo sớm nhất, xong họ lại giữ bí quyết nuôi mèo, cấm đưa mèo đã thuần hóa sang nước khác. Có lẽ vì vậy mà vào thời điểm đặt ra Thập nhị chi người Tàu vẫn chưa biết cách nuôi mèo, vẫn còn xa lạ với con vật này, nên họ đã dùng con thỏ cho năm Mão chẳng.

Dù sao đây mới chỉ là một giả thuyết, người đưa ra thuyết này cũng chưa đưa ra tư liệu nào minh chứng rõ rệt hơn.

\*

\* \*

Thế còn tại sao năm Mùi ở Nhật lại là năm con cừu chứ không phải là con dê, và tại sao năm Hợi lại là lợn rừng chứ không phải là lợn nhà.

Lý do mà người Nhật chọn cừu bỏ dê, có lẽ phải đi tìm lại sổ sách ghi chép về buổi họp để chọn thập nhị chi của nhà trời chẳng?

Cũng có người cho rằng cừu viết chữ Hán là dương, dê viết chữ Hán sơn dương, nên cừu hay dê cũng gần như nhau.

Nếu nói như vậy thì về năm Hợi, lợn rừng hay lợn nhà cũng cùng là lợn, việc chi phải thắc mắc.

Tuy nhiên QC không khỏi nghĩ tới tập quán của người Nhật vào khoảng một thế kỷ trước đây vẫn thường quen rau quả, rong biển và các loại tôm cá sò hến hơn là ăn các loại thịt. Như vậy phải chăng trước đây việc nuôi lợn như gia súc để ăn thịt đã không phổ biến, bởi vậy hễ nói tới lợn thì họ nghĩ tới lợn rừng trước tiên?

Người ta cho rằng từ thời đại Jomon (12.000 - 500 năm trước Tây lịch) người Nhật đã biết ăn thịt chim chóc và muông thú hoang dã như lợn rừng, nai, chồn, gấu, chim trĩ, ngỗng trời, cút, chim sẻ.

Theo " Liệt lý vật ngữ " (1643) một cuốn sách viết về món ăn của Nhật, thì món yakitori, tức thịt gà xiên nướng, một món ăn đại chúng và rất thịnh hành ở Nhật hiện nay, vào thời xưa cũng dùng thịt chim nhạn, ngỗng trời, chim trĩ.

Người Nhật đã bắt đầu nuôi gà để ăn thịt từ bao giờ ? Sách "Tục Nhật bốn kí" cho biết vào thời đại Nara( 710-794) xứ Chikugo ở Kyushu miền nam Nhật Bản đã khuyến khích nông dân nuôi gà và lợn như gia súc. "Đại Nhật bốn nông công truyện" cũng cho biết sang thời Heian ( 794-1185) người ta đã nuôi từng đàn gà từ 30 đến 50 con gà và bán trứng gà. Tuy nhiên do ảnh hưởng đạo Phật cũng được du nhập từ Trung hoa vào Nhật Bản vào thời Heian, dần dần người Nhật kiêng sát sinh nên kiêng ăn thịt, nhất là thịt những con vật bốn chân, và thậm chí triều đình đã ra lệnh cấm ăn thịt.

Hiện nay trong tiếng Nhật còn những tiếng như botan là hoa mẫu đơn nhưng còn dùng để chỉ thịt lợn rừng, ví dụ botan nabe tức " món nôi mẫu đơn" để chỉ món thịt lợn rừng; hoặc sakura tức hoa anh đào dùng để chỉ thịt ngựa, phải chăng cho thấy bối cảnh là sự cấm kỵ từ xưa, hay tập quán chung ( tránh ăn thịt ) của cả xã hội và sự lén lút thưởng thức "của cấm" của những người sành ăn ?

Từ khi du nhập văn hóa tây phương, thói quen ẩm thực của người Nhật đã có những thay đổi khiến họ dùng nhiều thịt và bơ sữa hơn xưa. Bữa ăn của người Nhật nay đã có nhiều món ăn bằng thịt và bằng sữa, bơ, pho mát, khiến trẻ em Nhật dễ bị béo phì và người lớn thì bị cao

máu, cao huyết áp hay một số bệnh khác. Cũng vì vậy, hiện nay nhiều người, nhất là những người lớn tuổi, đang hô hào quay trở lại tập quán ăn cá từ ngàn xưa của người Nhật, hay nhắc nhở rằng lịch sử ăn thịt của người Nhật chỉ mới được khoảng một thế kỷ nay, tức là từ khi tiếp xúc với văn hóa Tây phương vào thời đại Meiji, hoặc sau đó từ khi người Nhật đô hộ Triều Tiên và Mãn Châu, học cách nấu ăn của người Tàu hay cách ăn các món ăn nấu bằng nội tạng con vật (lòng gan tim bò hay lợn) của người Triều Tiên. Thực vậy, tên gọi của nhiều món ăn nấu bằng thịt trên mâm cơm gia đình của người Nhật lại có tên vay mượn từ nước ngoài như Anh, Pháp, Nga, Trung Hoa, Triều Tiên hay Ấn độ. Tên gọi các bộ phận trong thân thể con vật phần lớn cũng là từ vay mượn của tiếng nước ngoài, (tiếng Nhật gọi đó là những "ngoại lai ngữ").

Ví dụ như các từ rô su tô là mượn từ chữ roast chỉ thịt bò thui, bi-phu xi-chiu mượn tên món thịt bò hầm beef stew, ha-tsu mượn từ chữ heart để gọi tim bò hay tim lợn, mino - tên một loại thịt nội tạng của bò - hay karubi -thịt bò nướng- là tiếng Triều Tiên, korokke là từ mượn tên món ăn croquette của Pháp, katsuletsu cũng là từ mượn tên món ăn côtelette của Pháp, su-tê-ki hay ham ba ga là các món steak, hamburger; các loại thịt muối thì gọi là ha-mur -mượn từ chữ "ham" -, sô-sê-di-tức-dồi - mượn chữ "sausage" -, bê-công là thịt đùi lợn muối tức "bacon", pê-kin-đặc-ku-tô để gọi món da vịt quay của Tàu (Peking duck), cha-siu, wantan là từ mượn tiếng Tàu để gọi thịt sá sấu, hoành thánh, ka-rê-rai-xu là tên gọi cơm cà ry (curry rice) của Ấn độ v.v..



Món Katsuletsu



Món Sukiyaki

Món thịt bò có vẻ Nhật bản nhất là món sukiyaki, lại vốn là món ăn của người nông dân, với lối nấu nướng đơn sơ ngay trên chiếc lưới cây (suki là cái cây), và nghe đâu cũng là một món ăn mới ra đời vào thời Meiji

Hầu hết người Nhật nào cũng sẽ kể tên món nikujaga, hay thịt bò nấu với khoai tây như một món ăn gia đình rất phổ biến của họ. Cũng như cơm nắm hay dưa muối, tùy theo cách nêm nếm gia vị của mỗi bà mẹ mà đứa con có thể nhắm mắt lại cũng nhận ra được ngay các nắm cơm, miếng dưa muối hay món thịt bò nấu khoai tây nào có vị đặc biệt của mẹ mình (tiếng Nhật gọi là ofukuro no aji tức Hương vị của mẹ)

Thế nhưng vật liệu để nấu món nikujaga (có nghĩa là món thịt Java) này, ngoài thịt bò là khoai tây (tiếng Nhật gọi là jayaimo tức là "khoai Java"), nhưng khoai tây vốn được đem từ đảo Java của Indonesia tới Nhật lần đầu tiên là vào năm 1600 và lúc đầu khoai tây chỉ dùng để trồng làm cây cảnh. Hơn nữa lại có nguồn tư liệu cho biết món thịt bò nấu với khoai tây

này thực ra mới ra đời vào thời kỳ Meiji, vốn là một món ăn của hải quân Nhật bản. Từ xưa Nhật Bản đã có các đội thủy quân hùng cứ trên biển quanh các đảo của Nhật, nhưng tới thời Meiji Nhật bản học hỏi các nước tây phương kỹ thuật đóng tàu, và thành lập được một đội hải quân hùng mạnh đi tới nhiều vùng biển xa, như tới tận cả Nam Mỹ. Vì đi biển xa nên vấn đề dinh dưỡng cho hải quân rất quan trọng. Vào năm Meiji thứ 16, trên một chiến hạm của Nhật là tàu Long Tơng đã có 267 người trong số thủy thủ đoàn gồm 370 người bị bệnh hoại huyết, và 25 người đã bị thiệt mạng. Sau đó khi tàu tới Honolulu, nhờ ăn uống đầy đủ chất bổ, tất cả đều hồi phục. Sau đó hải quân Nhật bèn nghiên cứu mối liên quan giữa thực phẩm với tình trạng sức khỏe của binh lính và tìm cách cải thiện bữa ăn. Có thuyết cho rằng chính nguyên soái Togo Heihachiro (1848 - 1934) là người đã ra lệnh sáng chế ra món ăn mới thịt bò nấu với khoai tây này, mô phỏng cách nấu món beef stew mà nguyên soái đã biết tới trong thời gian du học tại Anh.

Các món thịt bò thì đã vậy.

Còn về các món ăn nấu bằng thịt lợn, thì món ăn gia đình phổ biến nhất là món tonkatsu hay katsuletsu nấu bằng thịt lợn. Món katsuletsu, mượn từ tên cotelette một món ăn của Pháp, là món ăn làm bằng cả thịt bò lẫn thịt lợn ( người vùng Tokyo thích nấu bằng thịt lợn, trong khi người miền Tây như ở Osaka dùng thịt bò ) do một người đầu bếp trong quân đội Nhật đã học cách nấu ăn của người Pháp mà nghĩ ra. Vào năm 1890, một nhà hàng ăn ở phố Ginza - một khu phố sang trọng - ở Tokyo, lần đầu tiên đã nghĩ ra cách làm món cotelette bằng thịt lợn. Phải đợi đến khoảng năm 1930 trở đi, món này mới thực sự trở thành món ăn đại chúng xuất hiện trên mâm cơm của các gia đình Nhật, và có tên gọi bình dân hơn là tonkatsu ( ton có nghĩa là lợn, tonkatsu là món katsuletsu làm bằng thịt lợn )

Ngoài ra trẻ em Nhật cũng rất thích món thịt lợn nấu cà ri theo kiểu Ấn độ. Các món thịt lợn tiêu biểu khác là thịt lợn xào rau, thịt lợn xào chua ngọt theo cách của người Tàu, mà phải xào bằng chiếc chảo thật lớn và sâu, mà tiếng Nhật gọi là chukanabe ( chiếc nồi Tàu ) .

\*

\* \*

Nãy giờ QC đã cố nhớ lại những món ăn Nhật khi vào bếp giúp bà Nhật chủ nhà trọ khi QC mới đến Nhật, hay các món ăn ở các hiệu ăn bình dân, ở nhà ăn của đại học ... xong vẫn chẳng nhớ ra được món ăn cổ truyền nào của Nhật nấu bằng thịt lợn !

Chẳng biết vào thời đại Jomon xa xưa, món thịt lợn rừng của người Nhật lúc đó được nấu như thế nào. Hiện nay món thịt lợn rừng không có bán khắp nơi như thịt lợn thường, mà nay chỉ có các hiệu ăn đặc sản tại các khu du lịch ở vùng đồi núi.

Rất gần Tokyo có ngọn núi Oyama, cao khoảng 1000 mét, có ngôi đền nghe nói linh thiêng và vì vùng này cũng có nguồn suối nước nóng, nên rất đông khách đến thăm.

Có những năm QC đi lễ đầu năm ở ngôi đền Isegahara trên lưng chừng núi này, khi ra về có khi ghé lại ăn trưa dưới chân núi, và có lần đã thử món thịt lợn rừng ở đây. Hiệu ăn này dọn một vài món như thịt lợn rừng ăn sống, thịt lợn rừng tẩm bột rán dầu, món nồi thịt lợn rừng ( một kiểu như món lẩu ). Thịt lợn rừng có mùi đặc biệt, có lẽ là mùi hoang dã của núi rừng, với cách nấu nướng giản dị của người thợ săn, và có thể là sau này người ta cũng cố tình không muốn dùng các thứ gia vị nào khác để làm át hương vị man dại đó đi chăng.

Người chủ quán ra sức quảng cáo rằng món lẩu thịt lợn rừng này vừa bổ, vừa ấm người, và hơn nữa là lợn rừng sẽ đem lại điều may mắn cho ta.

Vâng, đúng như vậy, người Nhật cho rằng lợn rừng là hình ảnh tượng trưng của sự dũng



mãnh, chỉ tiến mà không bao giờ lùi, vì lợn rừng chỉ biết cắm đầu cắm cổ xông tới tấn công vào con mồi trước mặt.

Vậy thì nhân dịp năm mới, QC xin kính chúc quý vị tuổi Hợi một năm mới thăng tiến, thành công mỹ mãn về mọi mặt, và tất cả chúng ta - dù tuổi nào - một năm hăng say tiến tới những mục tiêu đã, đang, hay sắp đặt ra, như chú lợn rừng trong tấm thiệp trên đây.

Quỳnh Chi ( 30/1/2007)

## Phụ lục

### Cách nấu món Nikujaga(còn gọi là Amani) của Hải quân

- 1 - Cho dầu vào nồi
- 2 - 3 phút sau cho thịt bò vào
- 3 - 7 phút sau cho thêm đường
- 4 - 10 phút sau gia vị tương xì dầu shoyu
- 5 - 14 phút sau cho thêm khoai tây và konnaku ( một loại thạch làm bằng khoai kon-nhyaku )
- 6 - 31 phút sau cho thêm hành tây vào
- 7 - Đun thêm 34 phút là xong

*Tham khảo : " Hải quân trừ nghiệp quản lý giáo khoa thư "*



Món Nikujaga



## *Lững thững lên đồi*

*ôm nỗi nhớ ta về qua triền núi  
rừng xa xưa cất tiếng gọi khôn nguôi  
con suối trong xanh soi bóng bụi ngùi  
bao kỷ niệm nghe buồn hơn yên lặng*

*đá vắng lạnh nên hồn ta cũng lạnh  
tóc thiên thu vén lại mấy tầng mây  
lững thững lên đồi hát với cỏ cây  
mắt hoang dại tìm dung nhan bất tận*

*núi vẫn đó trông xuống đời lặn độn  
cuộc phong trần đá cũng phải hư hao  
chuyện tình người như sông biển chờ nhau  
chân bước mỗi nẻo sơn khê lở vận*

*mây gọi mưa ở cuối trời hiu quạnh  
núi và rừng vẫn xanh mãi cùng ta  
lững thững lên đồi hát bản tình ca  
trong gió thoảng hương thơm ngàn hoa lạ*

*ôm nỗi nhớ ta về cùng cỏ lá  
dặm đường xa đi dưới bóng tà huy  
vật nắng cuối non ôi thật nhu mì  
nghe như tuổi thanh xuân thời mộng mị*

*lững thững lên đồi ta quên hệ lụy  
núi cùng ta to nhỏ với hư không ...*

*thyan nguyễnthétài*

## *Paris-Sàigòn, một trời ngào ngạt*

*khi mặt trời cúi xuống lưng chừng đôi  
nhỏ vật nằng cuối cùng  
lên đôi vai khắng khiu người con gái  
hãy nói cùng ta  
bằng tiếng nói thật thà  
về những nỗi nhớ dịu dàng đang sống lại  
giữa chập chùng hoang phế  
giữa vinh nhục tàn phai  
về những bước chân nào  
làm ướt đầm hồn ta  
đưa ta đi suốt khoảng đường dài  
về lớp học xưa, ngôi trường cũ,  
nơi năm ba đứa bắt đầu biết yêu  
cùng đứng trầm ngâm suốt buổi chiều  
ngóng theo khu phố nhỏ  
hạt bụi tình rơi trên tóc em  
là sợi buồn vương vấn tâm hồn ...*

*khi mùa hạ nở nụ cười nắng quái  
rải hoa trên những con đường ký ức ngọc ngà  
hãy nhìn cùng ta  
về bên kia bóng núi  
có dáng ai trở về  
chìm trong sương đục  
tiếng hát bay theo mây  
mãi mãi hát ca tuổi thanh xuân  
còn nơi nào cho hồn ta đậu lại  
ném giọt ái ân qua những tháng ngày mỗi mòn rơi rụng ?  
còn nơi nào cho lòng ta chùng xuống  
nghe âm vang từng kỷ niệm xưa  
rớt xuống mái đầu đã trắng bạc muối tiêu ?*

*khi đóa hoa hướng dương trông về phía mặt trời  
như lòng chúng ta  
mở cửa chờ nhau  
ở một giao điểm nào đó  
hơn 35 năm cách biệt ...  
một ly rượu mừng, một lời chúc thật,  
một ánh mắt tình, một nụ cười thân,  
hãy trao cho nhau với tất cả ân cần  
những xao xuyến của bao tấm lòng thổn thức*

*khi những bàn tay đưa ra háo hức  
là những mảnh đời xích lại gần nhau  
hãy lắng nghe tiếng nói nhiệm mầu  
như tiếng guốc ngọc  
bước trên thảm hoa thời niên thiếu.*

*khi đêm lên đèn trên vùng trời Paris rực chiếu  
dòng sông Seine mặn nồng mở rộng vòng tay  
hãy ngồi gần nhau  
nhìn sâu đến tận cùng khóe mắt  
để thấy giọt lệ trùng phùng  
trong như sương  
đang hóa thành những hạt kim cương  
động lại trên từng khoảng đời tản bọt  
hãy nghe tiếng vó ngựa mịt mù gió lạc  
từ những miền thảo nguyên lãng đãng đổ về  
là tiếng thầm thì theo nhịp đập đam mê  
của bao trái tim bồi hồi rung động*

*Paris, Sài Gòn,  
một trời ngào ngạt  
còn chữ nghĩa nào nói hết nỗi lòng ...*

*thyan nguyên thế tài  
09-2005, Paris, gặp lại bạn bè xưa ...*

## *Em và vũ trụ*

*anh gọi em về  
trong đêm đầy sao  
từ những hạt sáng của vũ trụ,  
tự do  
nhiệm mầu  
như tình yêu và sự sống.  
anh muốn nói cùng em  
lời nói của kẻ yếu mềm  
bao nhiêu lần bay nhảy,  
ôi một thời son trẻ  
tình yêu như nụ hoa  
thơm nồng dĩ vãng đời ta*

*anh muốn nói cùng em  
tiếc thương nào rồi cũng đi qua  
xin giữ lại nhau  
chút kỷ niệm buồn  
của một thời vàng ngọc  
một thời  
anh mãi ngắm nhìn  
ánh sáng nằm im trên tóc em  
dấu ấn triệu triệu năm  
đến từ mệnh mông vũ trụ ...*

*anh muốn gửi về em  
lời nói chân thành  
như bậc hiền triết  
về một cuộc đời say đắm  
về một ý nghĩa nào đó  
của chữ tiếc thương  
về một hạnh phúc vô thường  
mà ta mãi chạy tìm.  
anh muốn vẽ cho em  
chân dung người thiền sư  
tay lần chuỗi hạt  
pháp thân vượt thời gian  
ôi, có tiếng kinh nào  
nổi lên trái tim con người  
với bao la vũ trụ ?*

*anh muốn gọi em về  
giữa chu kỳ của thiên thu bất tận*

để cùng em ngược mặt nhìn trời  
nơi có trăng và sao,  
một ngày cuối năm,  
chúng nhân cho trăm cuộc bể dâu.  
anh muốn gửi tặng em  
đã từ lâu  
tiếng hát vô âm  
của tâm thức dạt dào  
thoát ra từ những đam mê cuồng vọng,  
thời gian như vó ngựa hồng  
vượt cánh đồng thảo nguyên  
chẳng bao giờ quay trở lại.

anh muốn kể em nghe  
cuộc đời của một nhà bác học đại tài  
đã sống với tình yêu  
vô cùng lãng mạn  
và đã chết trong yên lặng  
một nơi nào đó  
sợi tóc hao mòn.  
anh sẽ viết cho em  
lời của vũ trụ vàng son  
không ai xóa được  
như tình yêu và sự sống.

tự do  
nhiệm màu.

**thy an**

tháng 02-2007 – sau khi viết xong biên khảo về Einstein

## ***Cùng Đợi Chuyến Em Về***

***Tôi đợi em về cuộc đất chung  
Và nghe tiếng dế nỉ non cùng  
Nhìn màu trắng ảm cùng sương cỏ  
Biết vẫn còn nhau ở Cuối Cùng***

***Tôi đợi em về để kể nhau  
Bên kia đồi cỏ rực hoa đào  
Thời gian không còn hư hay thực  
Vì hương len vào mộ bia nâu***

***Tôi đợi em về thung lũng xưa  
Để mỗi chân dung mỗi giọt mưa  
Chồi thông vừa mọc bên dòng thác  
Lung linh trong những hồi chuông đưa***

***Tôi đợi em về cùng chuyến xe  
Bát âm, nhã nhạc chẳng cần theo  
Hai đứa hai vầng mây tro bụi  
Trong tro có nến và kinh reo***

***Tôi đợi em về, khác mọi khi  
Lần này sẽ mãi mãi trời chiều  
Một chỗ đầy hoa tươi thay đổi  
U tịch, nhưng không buồn quạnh hiu***

***Tôi đợi em về. Em sẽ về  
Như mọi loài trong vòng tử sinh  
Thời gian trước, sau, hay bên gót  
Cùng nghĩa lứa đôi một kiếp tình***

***Nghiêu Minh***



## *Thơ Quỳnh Chi*



### *Giọt mưa*

*Giọt mưa nghịch ngợm đóng đũa  
Đu mình theo chiếc lá thu cuối mùa  
Mưa ơi lá mỗi nẩy giờ  
Buông tay trên cỏ kéo mà ngã đau*

*Giọt mưa nhảy nhót đi đâu  
Sau đôi gót nhỏ bước mau trên đường  
Mưa ơi nhớ đừng vốc bùn  
Ném lên lấm áo bất thường đó nghe*

*Giọt mưa rơi chần lỏi về  
Chiều nao quên áo tôi che ướt đầm  
Thẹn thùng núp dưới cổng trường  
Cặp ôm trước ngực giấu lưng bên tường*

*Một mai mưa biết sầu thương  
Hòa chung giọt lệ trên đường mưa bay  
Xa rồi một thuở thơ ngây  
Giọt mưa nay biết thương vay cho đời*

*Quỳnh Chi (18/1/2007)*



## **Nhà anh**

*Này em hay ngó trời xanh  
Nhìn mông lung mãi tìm quanh trên trời  
Tìm chi cung trăng xa xôi  
Trên mây chẳng có lâu đài cho em*

*Mời em hãy đến nhà anh  
Vì em cả một kỳ công tuyệt vời  
Vườn xanh tiếp nối chân trời  
Lầu thơ đặt giữa núi đồi thiên nhiên*

*Sàn trên thảm mây bông bênh  
Vách tường là lối đi lên đỉnh trời  
Nôi con treo trên ngọn cây  
Ru con sóng gió trùng khơi rạt rào*

*Sau khung cửa kén tổ sâu  
Nhả tơ em hãy ẩn vào nhà anh  
Ngọt ngào ốc đảo thần tiên  
Mên mông vũ trụ êm đềm thời gian*

*Quỳnh Chi ( 4/12/2006)*



## ***Học đàn***

***Em cô thiếu nữ học đàn  
Đàn mây đàn nắng đàn hương vào  
đời  
Đàn hồn nhiên những niềm vui  
Đàn mơ mộng với lòng đầy mến  
thương***

***Thời gian đàn mãi vô thường  
Sợi quên sợi bỏ sợi buông sợi dừng  
Đàn vào chiếc áo hư không  
Khoác lên chẳng nhớ giận hờn đã  
qua***

***Đừng đàn sợi nhớ thiết tha  
Lỡ lòng tơ rối xót xa nỗi buồn  
Đàn chỉ những chuỗi giận hờn  
Hằn in vằng trán nếp nhăn còn  
hoài***

***Nguyện đàn mộng đẹp mỗi ngày  
Đàn yêu thương cất thật đầy trong  
tâm  
Đàn thời gian với niềm tin  
Êm đêm đàn mãi bình yên tháng  
ngày***

***Quỳnh Chi ( 9/11/2006)***



## *Sơn cao thủy trường*

*Núi cao vươn tới đỉnh trời  
Bóng lồng đáy nước sông trôi lững lờ  
Khi cuồn nước cuộn sóng xô  
Bóng hình núi cũng nhấp nhô theo giòng*

*Sông dài một nét mi cong  
Mượt mà suối tóc mềm vươn tay ngà  
Dịu dàng trù mến thiết tha  
Vỗ về chân núi khi xa khi gần*

*Núi cao hùng vĩ chập chùng  
Nhìn xa trông rộng mênh mông biển trời  
Hô phong hoán vũ tụ mây  
Non sông gấm vóc dựng xây cơ đồ*

*Đôi bờ rực rỡ cỏ hoa  
Sóng tình chan chứa phù sa nước ròng  
Núi cao vách lũy kiên cường  
Sông dài xin mãi thủy chung một lòng*

*Núi sông lưu luyến bao tình  
Ngàn năm non nước sắt son hẹn thề*

*Quỳnh Chi (23/11/2006)*

## **Lời Tựa**

*Thể hiện sự tùy tiện của võ ốc  
Cởi trần tôi những lở mớ kiến thức  
Con dộng long tong lỏng tổng lòng tòng  
Hơi thở phản sáng lần thần hồng hoang*

*Bước từng dấu ngoặc mắc vào cạn nghĩ suy  
Sự tồn tại lưỡng vương mặc định  
Con một lật lật trang sách sách  
Một một tôi hơi thở vụn làm đêm độc giả đóng ngoặc*

*Chẳng có sứ giả nào chấm một chấm than sau gáy đêm  
Để bản nháp âm thanh vò vò sột sệt  
Đôi thoại trở về cô miên  
Bản nháp nháp bản nháp thành tôi độc bản độc bản*

*Tư duy số lẻ  
Biểu thị số lẻ  
Đích thị số lẻ  
Thời khắc số lẻ  
Bản nháp số lẻ  
Bản sao số lẻ  
Số liệu số lẻ  
Số lẻ số lẻ  
Số lẻ số lẻ*

*Thể hiện sự tùy tiện của võ ốc  
Những con số lẻ lơ lửng chơm mặt nước  
Cởi trần tôi cứu vớt một ý tưởng  
Gội sạch không gian.*

## **Má tôi**

*Khởi rơm thảy tro vào miệng đất  
Cò con vạt trắng giêng hai  
Má tôi gánh mặt trời lên núi  
Để bán cánh chân con cò.*

*Người qua kẻ lại đói đồng không  
Ai mua ai bán cái lông bông lờn*

*Má tôi đông đêm ngày và đêm  
Ủ từng lớp tình sương  
Để cò con lầy bầy thềm.*

*Khi vệt sáng hắc linh tinh  
Những ngọn cỏ ngoai ngoải miền sám hối  
Má tôi cùi cùi dẹt mẳng khóỉ rạ  
Làm con cúi nhẩy tọt mồ hôi.*

*Con cò bắt đầu dói đồng chiêm  
Má tôi mới thấy tro vào miêng đất  
Mặt trời vó ngựa  
Những hạt hạt đắng đốt từ phận người sinh sôi.*

## *Sự viết hoa*

*Chân chim viết hoa  
Sự đời mệt lử những cô hồn con chữ  
Đường lên gân tái nhợt*

*Ý niệm viết hoa  
Bản thể đã nhiều lần đánh cắp tư cách  
Đêm lắm nhăm cái lục lạc leng keng*

*Bài thơ viết hoa  
Đám mây rủ rủ bầy trâu tơ về làm mưa  
Mỗi hạt lúa hoang hoải chờ mùa*

*Người ta viết hoa  
Mỗi khi thổi hồn em bằng giao cảm tích tịch tình tang  
Trầm ca mênh mang tìm nguyên chất*

*Không ai viết hoa  
Trần gian chẳng có huyền thoại Adam và Eva  
Lịch sử chỉ là nguyên thủy*

*Ai không viết hoa  
Những viên Cuội đè nặng giấc hôm  
Bình minh rồi rít thở hồng hộc hồng hộc.*

**SÂU LÊN KHƠI**



*Con ve ve ve ve vãn vãn tiếng mi cong  
Gùi lòng đất  
Gùi giấc hoang  
Cất lên cánh hồng đồng đông.*

*Nghe hơi thở nặng nợ phù sa  
Như con tu hú gọi í a vào mùa  
Nhắc lên mảng chữ không thời gian  
Trái tim bạc màu. Và trĩu nặng nỗi đau*

*Có thể là bài thơ hỏi chưa chấm  
Nên cuộc đời lắm chầm có có không không.*

*Có thể là mùa mùa lưng gánh  
Ve ve gọi bầy bay. Tu hú gọi mảy may về  
Khi chủ ngữ khơi lên sâu  
Cửa trong lòng mắt khoảnh khắc trôi...*

*Giấc em bong bóng bong bong*

*Những đêm bong bóng  
Hơi thở phập phênh mùa trắng  
Quả thận chín vữa từ giếng mồ hôi  
Ý nghĩ căng phồng hai vầng tối sáng  
Và mặt đêm nổ khói.*

*Sợi tích tắc lỏng bóng gân guốc  
Con quay bỗng hoá thành bầy chuột gặm  
nhấm từng trái cấm ả dụ  
Vết đau đau xanh ứa miền ký vãng  
Mỗi tình đầu hãy còn chùng chình vây bóng  
Và lan man phù phiếm.*

*Những đêm bong bóng  
Tôi dắt hồn con chạy con quay cõn con  
và con cõn con đội con chọi con nước  
còm cõi  
Tôi lại hong mớ tóc bong bong đen nhánh lên mùa cỏ  
tích  
Ảo ảnh em đa chiều lẫn quẩn  
Hiện thị tôi thành màng não bong bóng bong bong.*

*Nếu có thể ai đó nã đêm vào sương móc  
Con môi con môi lời lộ thoát thai  
Những con chữ cũng thành tôi nhồi nhàu đánh bóng  
Và giấc em cũng đánh văng bong bong*

*Môi tình đầu lại bắc cầu hiển thị.*

*Lê Hưng Tiến*  
(Ninh Thuận)

Thơ Vũ Tiến Lập

## ***nhỏ nhiệm***

*ngôn ngữ chẳng tương phùng  
tiếng mưa xé rách không gian  
tháng chạp lẻ loi buồn  
rớt vào trí nhớ thâm kín  
nhỏ nhiệm  
khi nhìn ta bằng tri giác tuyệt luân  
như hiểu ra khối mô hình  
mênh mông không hình hài tướng mạo  
chôn duy nhất  
bản ngã  
là thỏa mãn những tham vọng mong manh  
chừng bắt được cũng là lúc xa lìa*

*lý trí đồng lõa với mê lầm  
như hồng ân và lợi dưỡng*

***Vũ Tiến Lập***

## OUT IN THE GARDEN

*Out in the garden  
Out in the windy, swinging dark,  
Under the trees and over the flower-beds,  
Over the grass and under the hedge-border,  
Someone is sweeping, sweeping,  
Some old gardener.  
Out in the windy, swinging dark,  
Someone is secretly putting in order.  
Someone is creeping, creeping.*

**KATHERINE MANSFIELD**  
(1888-1923)

## NGOÀI VƯỜN

*Ngoài kia ở phía trong vườn  
Lao xao tiếng gió, chập chờn bóng  
đêm,  
Dưới tàn cây rủ lá mềm  
Và trên những luống hoa hiền nhẹ  
chao,  
Trên thảm cỏ, dưới hàng rào,  
Có người đang quét xạc xào trong  
sương,  
Dường như ông lão làm vườn.  
Ngoài trời gió lạnh chập chờn bóng  
đêm,  
Có người thu dọn im lìm,  
Bước khuya nhè nhẹ, dấu in thảng  
ngày.*

**Tâm Minh NGÔ TẮNG GIAO**  
*chuyển ngữ.*

## THE LAKE ISLE OF INNISFREE

*I will arise and go now, and go to Innisfree,  
And a small cabin build there of clay and wattles made:  
Nine bean-rows will I have there, a hive for the honey-bee,  
And live alone in the bee-loud glade.  
And I shall have some peace there, for peace comes dropping slow,  
Dropping from the veils of the morning to where the cricket sings;  
There midnight's all a glimmer, and noon a purple glow,  
And evening full of the linnet's wings.  
And I will arise and go now, for always night and day  
I hear the lake water lapping with low sounds by the shore;  
While I stand on the roadway, or on the pavements gray,  
I hear it in the deep heart's core.*

WILLIAM BUTLER YEATS  
(1865-1939)

**ĐẢO HỒ INNISFREE**

*Giờ đây ta sẽ đứng lên đi  
Ra nơi đảo vắng Innisfree,  
Dựng lên một cái chòi nho nhỏ  
Làm bằng đất sét với phên tre.*

*Ta trồng đậu ngon đủ chín hàng  
Nuôi một tổ ong mật óng vàng,  
Ta sống một mình nơi vắng vẻ  
Nghe ong hòa tấu khúc vo ve.*

*Đời ta sẽ hưởng chút yên lành  
Từ màn sương mỏng buổi bình minh  
Nhẹ nhàng nhỏ giọt êm đêm quá  
Thấm tới tận hang để hoan ca.*

*Nửa đêm hoang đảo sáng mơ huyền,  
Tới trưa lại đổ rục một miền,  
Chiều về rộn rã chim hồng tước  
Vui hót, lượn bay, cánh nâu hiền.*

*Ta đứng lên đi tới hồ ngay,  
Vỗ bờ nghe tiếng nước đêm ngày  
Dù đương giữa lộ hay hè lạ,  
Hồ mãi vọng trong đáy lòng ta.*

*Tâm Minh NGÔ TẶNG GIAO  
chuyển ngữ.*

---

**THE VILLAGE BLACKSMITH**

*Under a spreading chestnut-tree  
The village smithy stands;  
The smith, a mighty man is he,  
With large and sinewy hands;  
And the muscles of his brawny arms  
Are strong as iron bands.*

*His hair is crisp, and black, and long,  
His face is like the tan;  
His brow is wet with honest sweat,  
He earns whate'er he can,*

*And looks the whole world in the face,  
For he owes not any man.*

*Week in, week out, from morn till night,  
You can hear his bellows blow;  
You can hear him swing his heavy sledge,  
With measured beat and slow,  
Like a sexton ringing the village bell,  
When the evening sun is low.*

*And children coming home from school  
Look in at the open door;  
They love to see the flaming forge,  
And hear the bellows roar,  
And catch the burning sparks that fly  
Like chaff from a threshing-floor.*

*He goes on Sunday to the church,  
And sits among his boys;  
He hears the parson pray and preach,  
He hears his daughter's voice,  
Singing in the village choir,  
And it makes his heart rejoice.*

*It sounds to him like her mother's voice,  
Singing in Paradise!  
He needs must think of her once more,  
How in the grave she lies;  
And with his hard, rough hand he wipes  
A tear out of his eyes.*

*Toiling, -rejoicing, -sorrowing,  
Onward through life he goes;  
Each morning sees some task begin,  
Each evening sees it close;  
Something attempted, something done,  
Has earned a night's repose.*

*Thanks, thanks to thee, my worthy friend,  
For the lesson thou hast taught!  
Thus at the flaming forge of life  
Our fortunes must be wrought;  
Thus on its sounding anvil shaped  
Each burning deed and thought.*

**HENRY WADSWORTH LONGFELLOW**



**BÁC THỢ RÈN  
TRONG LÀNG**

*Dưới cây hạt dẻ rộng tàn  
Có lò rèn của ngôi làng nơi đây  
Thợ rèn một bác khỏe thay  
Bàn tay to lớn phô đầy đường gân  
Cánh tay bắp thịt to săn  
So cùng vành sắt mạnh gần ngang nhau.*

*Tóc quăn, dài, phủ đen đầu  
Mặt như nâu sạm từ lâu lắm rồi  
Lông mày ướt đẫm mồ hôi  
Hiền lương kiếm sống đẹp đời cần lao  
Nhìn nhân thế, đầu ngẩng cao  
Bác không quy lụy, nợ nào ai đâu.*

*Ngày trôi, sáng tới đêm thâu  
Bạn nghe tiếng bể thổi mau suốt ngày  
Bạn nghe tiếng búa nặng tay  
Bác vung chính xác trong đây nhịp nhàng  
Như người rung chiếc chuông làng  
Mỗi khi hiện ánh hôn hoàng chân mây.*

*Học về lũ trẻ xóm ngay  
Tới khung cửa mở mê say ngóng nhìn  
Trong lò lửa đỏ hừng lên  
Và nghe tiếng bể vang rền vui thay,  
Khua tay bắt tàn lửa bay  
Như sân đập lúa văng đầy trấu ra.*

*Chúa nhật đi lễ nhà thờ  
Bác ngồi giữa lũ con và lạng thỉnh  
Im nghe tu sĩ cầu kinh  
Và nghe con gái của mình hát vang  
Trong ca đoàn của ngôi làng  
Khiến cho lòng bác rộn ràng niềm vui.*

*Tưởng nghe mẹ nó vang lời  
Như là đang hát ở nơi Thiên Đình  
Bác bần khoản về vợ mình  
Nằm sâu trong mộ hiện tình ra sao,  
Đưa tay thô nhám nhẹ lau  
Bác chùi giọt lệ ứa trào trên mi.*

*Cần lao, vui thú, sâu bì  
Dòng đời của bác trôi đi nhịp nhàng  
Khởi làm từ sáng tinh sương  
Đến khi chiều tới bác thường ngưng tay*

*Dở dang hay việc xong đây  
Bác đều hưởng giấc đêm này thanh thoi.*

*Cám ơn bạn khả kính ơi  
Bạn cho bài học dạy người quý sao  
Tựa lò đời lửa dăng cao  
Phận ta cần được đưa vào luyện tôi,  
Tựa trên đe của cuộc đời  
Hành vi, tư tưởng ta thời uốn mau.*

*Tâm Minh NGÔ TẮNG GIAO  
chuyển ngữ.*



## Hỏa diệm sơn

Nguyễn Tường Bách

**K**hác với đa số các vùng dân cư khác ở Trung quốc, tỉnh Tân Cương là một vùng đất rộng người thưa. Nằm phía Tây Bắc Trung quốc, Tân Cương có một diện tích khoảng 1,6 triệu cây số vuông, rộng gần gấp năm lần nước Việt Nam. Trong một vùng đất mênh mông như thế chỉ sống 18 triệu dân, trong đó người Hán không đến quá nửa. Phần còn lại là người của các dân tộc Uyghur, Kazak mà giọng nói và nước da của họ làm khách liên tưởng đến người Nga hay Thổ Nhĩ kỳ. Mà quả thật, Tân Cương thực ra nằm trong vùng địa lý và văn hóa các nước Trung Á. Địa thế hiểm trở và khí hậu khắc nghiệt của vùng này hầu như chỉ thích hợp cho dân sống trên lưng ngựa như người Mông Cổ. Urumqi, thủ phủ của tỉnh Tân Cương, đô thành ở cực Tây của Trung quốc, chiếm một kỷ lục buồn: không đâu trên thế giới có nơi nằm xa bờ biển như thành phố này. Qua đó ta có thể biết khí hậu của Tân Cương là khí hậu đặc trưng của lục địa, mùa đông nhiệt độ có thể xuống đến  $-20^{\circ}\text{C}$ .

Thế nhưng nơi nóng nhất của Trung quốc không hề nằm tại miền Nam như Vân Nam hay Quảng Tây mà lại ngay tại Tân Cương. Rời Urumqi đi xe lửa về phía Đông chưa đầy 200km, khách sẽ đến một địa danh tên gọi là Turpan mà có người dịch âm là "Thổ-lỗ-phần". Đến gần Turpan khách sẽ bắt đầu cảm thấy một hơi nóng khủng khiếp. Xa xa sẽ hiện ra một ngọn núi màu đỏ hồng được mệnh danh là Hỏa diệm sơn mà hướng dẫn viên nói tiếng Anh gọi là

"Flaming Mountain". Xe chạy đến gần khách mới biết đây không phải chỉ là một ngọn núi mà cả một dãy núi với chiều dài khoảng 100km, chiều rộng 9km và điểm cao nhất 831m so với mặt nước biển. Đứng bên chân Hỏa diệm sơn, khách biết mình đang đến chỗ được xem là điểm nóng nhất Trung quốc. Thật vậy, Tân Cương vào ngày hôm đó nóng chừng 27°C thì tại Hỏa diệm sơn, nhiệt kế chỉ 42°C.

Tại sao trời sinh hòn núi màu đỏ quái dị với sức nóng lạ thường này? Điều này chỉ có Tôn Hành Giả mới trả lời được. Bên sườn núi sắc hồng của Hỏa diệm sơn, khách nghe lại hồi thứ 59-60 của Tây Du Ký. Thực ra Lão Tôn cũng đã quên tội lỗi tày trời của mình, lúc tra hỏi vị Thổ Địa vùng này, Tôn Hành Giả mới được nhắc nhở "Nguyên thuở xưa không có hòn núi này, từ khi Đại Thánh bị Lão Quân bỏ vào lò bát quái mà đốt, bị Đại Thánh nhảy ra đá lò đỏ than và rớt ít tằm gạch xuống đất, mới hóa ra núi này". Té ra hòn núi này là gạch xây lò từ Thiên đình rơi xuống. Vị Thổ Địa này cũng khổ sở than thở "Còn tôi là đạo sĩ giữ lò bát quái, bị Lão Quân bắt tội tôi không trông coi cho kỹ nên đầy xuống làm Thổ Địa Hỏa diệm sơn". "Tằm gạch" nhỏ bé của Thái Thượng Lão Quân rớt xuống trần liền biến thành một dãy núi lửa dài "tám trăm dặm, lửa bốc cao ngàn trượng", theo Ngô Thừa Ân, tác giả của Tây Du Ký. Dãy núi lửa này cản đường đi thỉnh kinh của thầy trò Tam Tạng. Muốn qua khỏi núi, Tôn Hành Giả phải mượn cho được chiếc quạt Ba Tiêu của Thiết Phiến công chúa vì chỉ cái quạt thần này mới quạt tắt được núi lửa. Nàng công chúa này không phải là chỗ hoàn toàn xa lạ. Nàng là vợ chính của Ngưu Ma Vương mà ông tướng hình con trâu này chính là người anh kết nghĩa của Lão Tôn "năm trăm năm trước".

Tôn Hành Giả tìm gặp Thiết Phiến công chúa, gọi nàng là "tẩu tẩu" cho thân mật để dễ bề xin mượn chiếc quạt. Nào ngờ Thiết Phiến nhất định cự tuyệt. Sau khi bị Tôn Hành Giả dùng kế trần áp, nàng đành cho mượn chiếc quạt, nhưng đó chỉ là chiếc quạt giả. Với chiếc quạt giả, Tôn Hành Giả càng quạt, lửa càng bốc cao. Muốn lấy quạt thật, Tôn Hành Giả phải tìm đến động của Ngưu Ma Vương. Tây Du Ký nói rõ là lúc Tôn Hành Giả đến, Ngưu Ma Vương đang "nằm đọc sách trong phòng". Hai bên không chịu nhường nhịn, đánh nhau bất phân thắng bại. Cuối cùng nhờ lực lượng cứu viện của Bồ-tát mà Ngưu Ma Vương mới chịu thua và bảo vợ cho mượn quạt Ba Tiêu. Trong cuộc chiến, Ngưu Ma Vương bị cắt đầu cả chục lần nhưng vẫn mọc lại đầu mới. Cuối cùng, lúc bị Na Tra xỏ mũi, Ngưu Ma Vương mà tướng tinh là con trâu trắng mới thuận phục.

Khách ngẩn ngơ nhìn quanh và trở về với nhân thế. Hỏa diệm sơn là một ngọn núi chứa đầy sa thạch đỏ nên mang sắc hồng nhạt. Nhưng sa thạch không phải là nguyên nhân của sức nóng. Cái nóng khác thường tại rặng núi kỳ dị này là do nó nằm ngay tại Turpan mà Turpan là một vùng trũng, một lòng chảo khổng lồ. Nằm ở miền Nam rặng núi Thiên sơn quanh năm phủ tuyết, Turpan có một diện tích khoảng 70.000 cây số vuông, trong đó khoảng bốn ngàn cây số vuông với ngọn Hỏa diệm sơn nằm thấp hơn mực nước biển. Điểm thấp nhất của Turpan nằm khoảng 154m dưới mặt biển, nơi đó có một cái hồ tên gọi là Aydingkol, đó là hồ đứng hạng nhì trên thế giới về mực nước thấp, chỉ thua Dead Sea (Biển Chết) tại Jordan với mức nước 391m. Lòng chảo Turpan hút hơi nóng như một chiếc thấu kính khổng lồ nên nhiệt độ có lúc lên đến 50°C, là nơi nóng nhất Trung quốc. Cát đá sa mạc tại vùng Turpan có khi nóng trên 80°C, có thể làm chín trứng gà. Nhưng tại sao đây lại là lòng chảo, hay chính vì gạch của Lão Quân rơi xuống? Khách nhớ tới Trang Tử, không biết mình là ai, không biết Hỏa diệm sơn là mộng hay thực.

Khách giật mình nhớ lại mình đang sống trong thế kỷ 21. Cách đây 13 thế kỷ, Sầm Than (715-770), một nhà thơ đời Đường sống tại miền biên giới xa xôi, viết như sau về ngọn Hỏa diệm sơn mà ông đặt tựa đề bài thơ là *Kinh hỏa sơn* :

Xích diễm thiêu lỗ vân,  
Viêm khí chưng tái không.  
Bất tri âm dương thán,  
Hà độc nhiên kỳ trung ?

*Lửa đỏ thiêu tầng mây,  
Khí nóng hun biên tây.  
Than âm dương nào biết,  
Sao chỉ đốt nơi này? (1)*

Sầm Than tự hỏi "Than âm dương nào biết?" và người trả lời chính là Ngô Thừa Ân (1506-1582), kẻ sống sau nhà thơ khoảng chừng tám trăm năm. Hẳn Ngô Thừa Ân đã lấy cảm hứng từ ý tưởng "than âm dương" của Sầm Than để sáng tạo ra lò bát quái của Lão Quân và để cho kẻ đập đồ lò, làm văng than củi lẫn gạch xây lò không thể là ai khác ngoài Tôn Hành Giả.

Tây Du Ký là kiệt tác cổ điển của văn học Trung Hoa, được người đời yêu mến từ hàng trăm năm nay. Ngày nay tại Trung quốc, hình ảnh Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh vẫn phổ biến, nhất là trong các tỉnh phía Tây, nơi Huyền Trang đã hơn một lần dừng chân. Tại Lan Châu, bên bờ sông Hoàng Hà, tại một nơi mà có lẽ ngày xưa Huyền Trang đã băng qua một bến đò để đi về hành lang Hà Tây, du khách sẽ tìm thấy một đoàn người ngựa bằng đất, diễn tả những khuôn mặt hết sức khác nhau của Tam Tạng và các vị đệ tử. Lòng nhân hậu, óc mưu trí, tính lười biếng, chí xả thân và bản năng sinh tồn, vốn là những cơ sở trong cấu trúc của tâm lý con người, được thể hiện thành những nhân vật riêng biệt.



Tại chân Hỏa diệm sơn, khách lại nhìn ngắm những tượng hình hết sức sinh động của Tôn Hành Giả, Ngưu Ma vương, Thiết Phiến công chúa...để nhớ rằng phép nhân cách hóa là một trong những nét cơ bản nhất của tôn giáo và triết học Trung quốc, thậm chí của cả loài người. Cũng như thần thoại Hy Lạp, toàn bộ quan niệm Ngọc Hoàng, Vương Mẫu, Thiên đình, Địa phủ của thần thoại Trung Hoa được xây dựng trên cách tổ chức của xã hội con người. Sự vận động nội tại của vũ trụ được biểu tượng hóa bằng một hệ thống có vua có quan, có thưởng có phạt. Trong khuynh hướng nhân cách hóa đó, tác giả tài tình nhất của văn học Trung quốc hẳn là Ngô Thừa Ân với những nhân vật của ông. Phần lớn độc giả đều biết Tôn Hành Giả là biểu tượng phần ý thức của con người, nhân vật này chính là hiện thân của óc khôn ngoan mưu trí, của sự chuyển biến đầy nhạy cảm của tư duy. Vì thế Ngô Thừa Ân chọn dạng khỉ cho Tôn Hành Giả

là vô cùng khéo léo, đúng như tính chất "vượn chuyển cành" của ý thức. Nhưng ít ai biết một

mặt khác của ý thức, nó còn có dạng chậm chạp của trâu, là "anh kết nghĩa" của khí, với dạng xuất hiện là Nguru Ma Vương "nằm đọc sách". Sách vở có thể mang lại tri kiến nhưng cũng là nguồn gốc của sự bảo thủ. Một khi ý thức trở thành cố chấp thì sức trì trệ của con trâu làm lì đó có thể "phá nường rẫy của người" như các bức tranh Thập mục nguru đồ đã cho thấy.

Chỉ khi nào Tôn Hành Giả trở thành kẻ Ngộ được tính Không như danh tính Đường Tam Tạng đặt cho, khi Nguru Ma Vương không mọc những cái đầu của cố chấp nữa, được Na Tra dùng chính niệm hướng dẫn, lúc đó thì lửa phiền não mới tắt. Sau khi lửa tắt, Tôn Ngộ Không quạt cây quạt Ba Tiêu 49 cái thì "mưa rơi xuống núi dầm dề".

Ngày khách đến, Hỏa diệm sơn không đến nổi "lửa cao ngàn trượng" nhưng cũng vẫn là một trong những nơi nóng nhất trên mặt đất, xung quanh đầy cát đá sa mạc. Tâm và cảnh chỉ là một. Khách biết rằng mình chỉ là một con người bình thường, biết còn lâu mới có được trạng thái thanh lương của mưa núi dầm dề, biết lòng mình còn pha sắc đỏ của hồng sơn sa thạch.

**Nguyễn Tường Bách**

(1) - Bản dịch Việt ngữ trích từ "Con đường tơ lụa" của Xa Mộ Kỳ, Nguyễn Phổ dịch, NXB Trẻ 2000



# Ngọc Môn Quan

Nguyễn Tường Bách

Với chuyến du hành dài 16 năm đi Ấn Độ thỉnh kinh, Huyền Trang (600-664) đã để lại dấu tích không bao giờ phai mờ trong lịch sử Phật giáo tại Trung quốc và miền Đông Á. Công trình biên khảo của vị đại dịch sư này vĩ đại đến nỗi người ta không thể tưởng tượng nền Phật giáo tại châu Á sẽ như thế nào nếu vắng bóng ông trong lịch sử hay nếu ông không may bỏ mình trên con đường gian khổ của 13 thế kỷ trước.

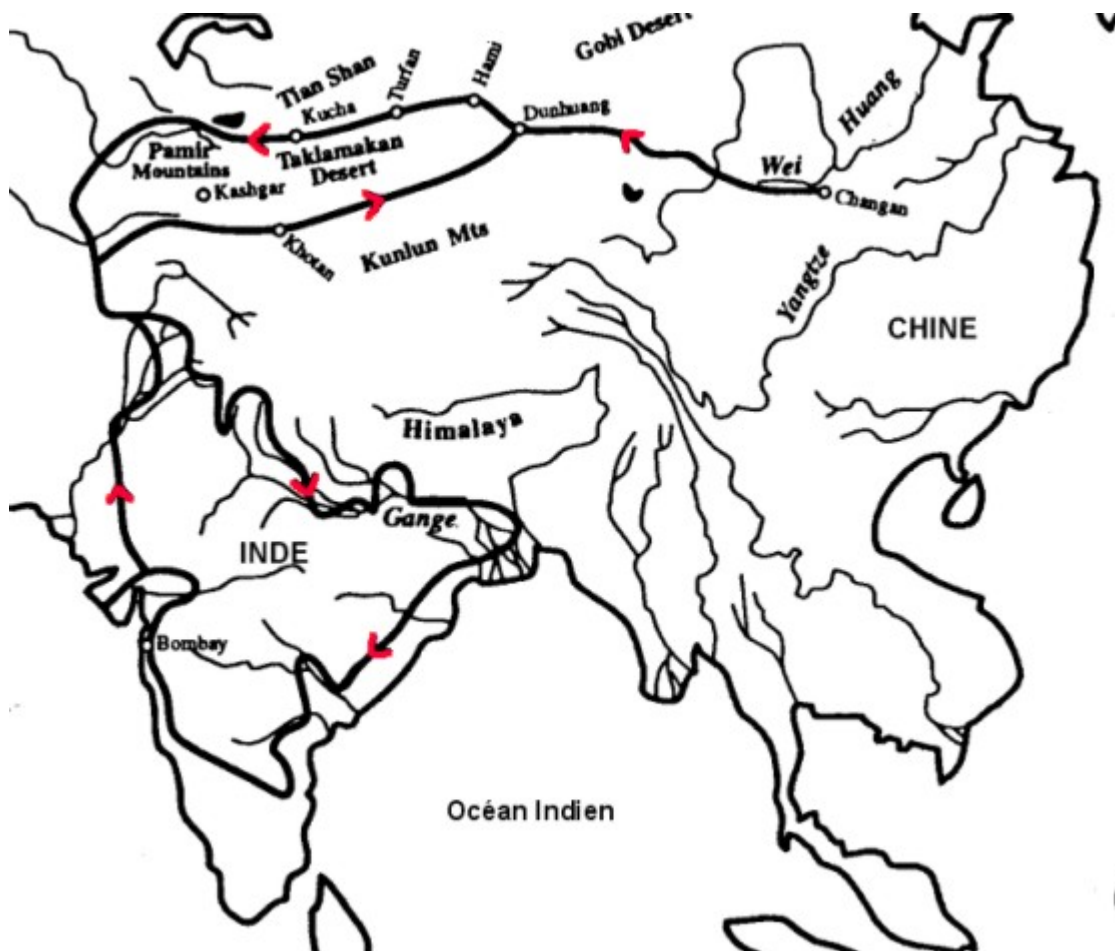


Con đường thuở xưa từ Trung quốc đi Ấn Độ của Huyền Trang là một nguồn cảm khái vô tận cho người đời sau. Dựa trên Đại Đường Tây Vực Ký của ông mà Ngô Thừa Ân đã sáng tác Tây Du Ký trong thế kỷ thứ 14. Trong thời cận đại nhiều nhà thám hiểm và khảo cổ phương Tây đã từng bước tìm lại dấu chân của ông. Trong số đó ta có thể kể Marc Aurel Stein (1862-1943), người Hung-ga-ri, mà trong tác phẩm *Innermost Asia* của ông, ta có thể dò tìm lại một vài nơi đánh dấu

tình trạng đáng gọi là thập tử nhất sinh của Huyền Trang. Gần đây nhất Richard Bernstein, trên đường theo lộ trình của ông, tìm đến thị trấn Termez, nằm trên giòng sông biên giới giữa Uzbekistan và Afghanistan. Đây là nơi Huyền Trang băng qua sông để hướng về Ấn Độ. Bernstein viết trong tác phẩm *Ultimate Journey* (1) "Vào thế kỷ thứ bảy, không có cầu nhưng dễ dàng vượt qua sông. Bây giờ tuy có cầu, nhưng không thể nào đi qua được". Lý do là trong thời kỳ khi Bernstein đến, Afghanistan còn nằm trong vòng kiểm soát của Taliban.

Những bến đò, suối nước, sa mạc, ốc đảo ngày nọ của Huyền Trang đã dần dần được xác định. Theo chân người xưa, người viết những dòng này tìm đến Lan Châu, thủ phủ của tỉnh Cam Túc, nơi mà Huyền Trang phải vượt qua sông Hoàng Hà, con sông lớn thứ hai của Trung quốc. Tuy vậy vượt sông Hoàng Hà trong thế kỷ thứ bảy hẳn không phải là quá khó khăn vì điểm này nằm trên trục chính của Con đường tơ lụa, vốn đã được thiết lập từ trước công nguyên. Qua bờ bắc của Hoàng Hà là đến "biên địa" của Trung quốc thời đó, không ai được lai vãng nếu không có phép của nhà vua. Ra đi trong lệnh cấm của triều đình, Huyền Trang phải lẩn tránh các trạm gác và thường phải đi vào đêm.

Phía tây sông Hoàng Hà là một dải đất dài và hẹp mà người Trung quốc gọi là hành lang Hà Tây (Hexi) với chiều dài khoảng 1200km. Dọc theo phía nam của Hà Tây là dãy Kỳ Liên sơn với vô số đá núi hình thù kỳ dị, chúng được mệnh danh là "quái thạch". Phía bắc Hà Tây chính là sa mạc Gobi mênh mông.



Vì lẽ đó, xưa cũng như nay, người cũng như vật đều chỉ có thể di chuyển trên hành lang này trên trục đường Đông-Tây. Trước Huyền Trang gần hai trăm năm, một nhân vật đi ngược chiều từ Tây sang Đông, đó là Cru-ma-la-thập (344-413). Ông cũng là một vị đại Dịch sư Phật giáo mà tháp của ông nằm tại Vũ Uy (Wuwei), trên Con đường tơ lụa. Qua khỏi Lan Châu chẳng đầu tiên mà Huyền Trang dừng chân chính là Vũ Uy. Hành công trình của Cru-ma-la-thập đã gieo những dự định đầu tiên trong lòng vị tăng sĩ trẻ tuổi. Một ngày nào đó trong khoảng năm 628, hai vị "gặp nhau" tại Vũ Uy, liệu hai vị có biết mình là hai cột trụ chống đỡ cho một tòa lâu đài kinh điển đồ sộ của miền Đông Á?

Trên Con đường tơ lụa đi về phía Tây, sau Vũ Uy khoảng 350km, khách du lịch sẽ sớm thấy một thành lũy to lớn mang tên là Gia Dụ quan (Jiayuguan). Đó chính là cửa ngõ xuất nhập khẩu của Trung quốc đối với các nước phương Tây và Trung Á. Ngày đó, Huyền Trang chưa gặp khó khăn với trạm canh vĩ đại này vì Gia Dụ quan chưa hề có, nó được xây khoảng sáu trăm năm sau. Cách Gia Dụ quan chừng 200km về phía Tây là một thị trấn của thời cổ đại nay vẫn còn, đó là An Tây (Anxi). Tại An Tây, Con đường tơ lụa phân ra nhiều nhánh để tránh núi non và sa mạc. Cũng chính tại đây Huyền Trang đã nghỉ chân để tìm đường đi tiếp.

Từ An Tây nhìn về phía Tây thì ốc đảo gần nhất là Ha Mật (Hami) mà ngày xưa được gọi là Y Ngô, cách khoảng 300km đường chim bay. Muốn đến, Huyền Trang phải lặn lội trong sa mạc, nhất là phải đi vòng để tránh năm phong hỏa đài, năm vọng gác rất nghiêm ngặt nằm dưới sự chỉ huy của một cửa ải mang tên Ngọc Môn quan. Ngày đó thương nhân mang đá quý và ngọc thạch từ phương Tây qua cửa quan này để đưa vào Trung quốc nên cửa ải này mang danh "Ngọc Môn", thế nhưng nó nằm trong một vùng sa mạc vô cùng hẻo lánh. Ngọc Môn quan không chỉ kinh hoàng đối với Huyền Trang mà đối với cả quan quân sống ở miền biên

tái lạnh lẽo. Vương Chi Hoán, nhà thơ sống sau Huyền Trang khoảng một trăm năm viết về Ngọc Môn quan như sau trong bài thơ nổi tiếng *Xuất tái* :

*Hoàng hà viễn thưởng bạch vân gian  
Nhất phiến cô thành vạn nhận san  
Khuông địch hà tu oán dương liễu  
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan*

Xa xa, sông Hoàng Hà leo lên tận khoảnh mây trắng  
Một vương thành cô quạnh, muôn trượng núi cao  
Tiếng sáo người Khuông cần chi thổi bài Chiết Liễu  
Vì gió xuân nào có qua cửa ải Ngọc Môn đâu!

Nơi đây Huyền Trang bắt đầu một trong những đoạn đường gian khổ nhất của chuyến Tây du. Trước khi dấn thân vào sa mạc, ngựa thì chết, hai đồ đệ đồng hành đều xin rút lui, Huyền Trang hoàn toàn bơ vơ. Bỗng nhiên một chàng trai người Hồ đến gặp, xin thụ giới và tình nguyện đưa Huyền Trang đi Ha Mật. Ông vô cùng mừng rỡ, bỏ tiền mua hai con ngựa. Sau đó một ông già người Hồ xin đổi một con ngựa mới mua bằng "một con ngựa hồng, già và yếu, từng đi Ha Mật trên mười lần".

Trên đường đi Huyền Trang suýt bị chàng trai người Hồ nọ ám hại nhưng ông vẫn thản nhiên và cho phép người đó trở lui. Qua ngày thứ sáu ông hoàn toàn kiệt sức vì thiếu nước, người và ngựa đều gục ngã. Huyền Trang biết hiểm nguy đã đến, ông không ngớt cầu nguyện Bồ-tát Quan Âm một cách chí thành. Đúng lúc đó thì con ngựa già ngẩng đầu quay sang lối khác. Huyền Trang biết ngựa đã tìm đúng đường cũ, đi theo và phát hiện ra một giòng suối ngọt, trong vắt (2) . Trong thế kỷ 20, Aurel Stein xác định được vị trí của suối nước, đó là một nơi cách Ha Mật 56km về hướng Đông Nam.

Lòng khách bồi hồi khi đến Ha Mật. Ngày nay không rõ người dân trong thị trấn buồn tẻ này còn có ai nhớ đến Huyền Trang, kẻ đã lưu dấu nơi đây trong một ngôi chùa nhỏ cách đây 13 thế kỷ. Ha Mật nổi tiếng ở Trung quốc là nơi sản xuất dưa "Ha-mi-qua", một loại như dưa gang của chúng ta nhưng vô cùng giòn và ngọt. Kể ra thiên nhiên thật là hài hước, cho mọc loại dưa này trong một vùng sa mạc khô hạn. Trên đường dài rong ruổi theo Con đường tơ lụa cổ xưa, khách thường thấy vô số xe tải chở dưa về hướng đông, cung cấp dưa Tây vực cho vùng "Trung nguyên".





### *Ngọc Môn Quan*

Liệu ngày xưa Huyền Trang được nếm thử dưa ngọt lịm này hay không thì chúng ta không biết nhưng tại Ha Mật đoạn đời thỉnh kinh của ông đã bớt khổ. Lý do là cách Ha Mật khoảng 300km về phía Tây có một vương quốc tên gọi là Cao Xương. Tên nhà vua nước Cao Xương thời đó được sử sách ghi lại là Khúc Văn Thái, vị này là một người nhiệt thành hâm mộ đạo Phật. Khúc Văn Thái nghe danh tiếng của Huyền Trang, cho người đến mời ông ghé Cao Xương dừng chân và thuyết giảng. Huyền Trang nhận lời đến Cao Xương và giảng pháp cho cả triều đình ở đó. Nhà vua Khúc Văn Thái khản khoản yêu cầu nhà sư ở lại luôn, thậm chí dùng vũ lực ép uống nhưng Huyền Trang nhất định lên đường đi Ấn Độ thỉnh kinh. Cuối cùng Khúc Văn Thái phải chiều lòng Huyền Trang và thỉnh nguyện ông hãy trở lại Cao Xương trên đường trở về. Từ Cao Xương Huyền Trang phải còn đi qua 24 tiểu quốc nữa trước khi vượt Hy Mã Lạp sơn để đến Ấn Độ. Mười mấy năm sau trên đường về Huyền Trang có ghé qua Cao Xương thực, nhưng Khúc Văn Thái đã chết, nước Cao Xương đã biến mất. Chiến tranh và tham vọng của nhà Hán đã thôn tính Cao Xương.

Khách ngậm ngùi thấp một nén hương Việt Nam nơi vị trí được xem là chỗ Huyền Trang từng đăng đàn thuyết giảng. Khách nhìn mặt đất đầy cát, cố tìm lại dấu giày của Huyền Trang. Ngày xưa Cao Xương được xây dựng như một Trường An thứ hai, nay chỉ còn là phế tích. Xung quanh là sa mạc, chỉ có xe ngựa chở ít ỏi khách du lịch vào thăm Cao Xương cổ thành. Hướng dẫn viên cho khách là một cô gái người Uyghur, cô kể lại cuộc đời hành hương của Huyền Trang và hãnh diện cho hay người Uyghur vùng này chính là hậu duệ của vương quốc Cao Xương.

Cao Xương đã biến thành cát bụi như nhiều tiểu quốc khác trong sa mạc Gobi và các nơi khác của vùng Trung Á. Cả Ngọc Môn quan cũng theo thời gian mà đổ nát. Ngày nay du khách chỉ đến thăm Gia Dụ quan vì tòa thành lũy này mới xây về sau, hùng vĩ hơn nhiều. Họ không biết đến một Ngọc Môn quan từng làm nao lòng biết bao con người lúc phải đi qua. Thời gian, chiến tranh và sự biến đổi của khí hậu đã cho biến mất những khu rừng xanh tươi, đã làm khô

kiệt những sông hồ, đã xóa bỏ nhiều ốc đảo, đã lấp đi những dấu tích xưa cũ và nhất là đã chôn vùi các nền văn hoá cổ.

Nhưng còn có một vài người đã giữ vững và trao truyền cho hậu thế các nền văn hóa đó. May thay Huyền Trang không bỏ mình tại Ngọc Môn quan. Nếu lịch sử vắng ông, nền văn hóa Phật giáo tại miền Đông Á hẳn không có diện mạo của ngày hôm nay và lũ khách cũng thiếu đi một niềm cảm khái bất tận.

**12.2006**

**Nguyễn Tường Bách**

(1) - Ultimate Journey: Retracing the Path of an Ancient Buddhist Monk Who Crossed Asia in Search of Enlightenment, Knopf 2001

(2) - Xin xem chi tiết tại "Đường Tam Tạng thỉnh kinh" của Võ Đình Cường,  
<http://www.zencomp.com/greatwisdom/uni/u-duongtamtang/duongtang-01.htm>

# Một lịch sử lớn dậy từ những đổ nát của các tượng Phật ở A-Phú-Hãn

Trần Trúc-Lâm Việt dịch  
từ bài báo "From Ruins of Afghan Buddhas, a History  
Grows" của  
**Carlotta Gall,**  
The New York Times - Dec. 6, 2006.



*Ảnh của Hiromi Yasui cho The New York Times*

Một hốc đá trống rỗng, nơi đã từng có một hay hai bức tượng  
đức Phật khổng lồ đứng, giờ điểm xuyết thung lũng Bamayan  
trang nghiêm

BAMIYAN, Afghanistan - Những hốc đá có thời chứa các tượng Phật Bamiyan khổng lồ giờ  
trống trải trên mặt núi đá - một tiếng khóc thầm cho sự tàn phá dã man đối với thung lũng  
huyền thoại này và những quý vật một ngàn năm trăm năm tuổi, những tượng Phật đứng vĩ đại  
nhất một thời của thế giới.





*European Pressphoto Agency*

Tượng Phật phía tây đứng cao 180 bộ, lớn nhất trong hai tượng (tượng kia ở phía đông), tồn tại từ năm 554 TL. đến tháng ba năm 2001 khi bị bọn Taliban phá hủy.

Đúng vào tháng ba năm 2001, vào thời cao điểm quyền lực của bọn Taliban và nhóm bảo trợ Al-Qaeda ở Afghanistan, đám lính đã đặt chất nổ dưới bệ và hai vai của hai tượng Phật rồi cho nổ tung thành mảnh theo giáo lệnh (của Hồi giáo) "hạ bệ thần linh của kẻ vô đạo". Cả thế giới bàng hoàng, hành động điên rồ này đã bộc lộ những kinh hoàng ghê tởm của chính quyền cực đoan Hồi giáo. Ngay cả thời Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan), kẻ đã làm tan hoang các phố thị dân cư của thung lũng vào thế kỷ thứ 13 cũng còn không chạm đến các tượng Phật này.

Năm năm sau khi bọn Taliban bị phế, những thánh tích Phật giáo lại trở thành đề tài thảo luận: Có thể nào tái tạo các tượng Phật vĩ đại? Và, nếu được thì làm sao biện minh cho một sự đầu tư lớn lao vào một đất nước khập khiễng bởi nghèo đói và sự nổi loạn liên tục của Taliban ở phía nam, và sau rốt trong một xứ toàn là dân Hồi giáo?

Thung lũng (Bamiyan) nằm về phía tây bắc của Kabul 140 dặm, nơi mà vào thế kỷ thứ 6 đã có hàng chục ngàn người chiêm bái lũ lượt đến lễ lạy ở những đền thờ và tu viện, và toạ thiền trong những hang đá, nay lại là mối quan tâm quốc tế.

Vào năm 2003, Liên Hiệp Quốc đã xếp hạng những tàn tích Bamiyan là một vùng Di sản Thế giới, nhưng đồng thời cũng liệt kê vào loại đang bị nguy hại vì tình trạng mong manh của chúng, dễ bị cướp phá và áp lực của sự bùng nổ xây dựng và du lịch sau thời kỳ Taliban. Nhiều nỗ lực cấp thiết đang tiến hành để chân chính những phần còn lại của điêu khắc vách núi đá và bích họa hang động.

Đồng thời các nhà khảo cổ lại muốn nhân cơ hội này khi các tượng Phật đã mất để thăm dò và khám phá thêm những phát hiện mới - và lần theo các cổ tích về một tượng Phật vĩ đại thứ ba, có thể được chôn vùi giữa hai tượng đã bị phá hủy.

Ông Kasaku Maeda, nhà sử học Nhật bản đã từng nghiên cứu Bamiyan trên 40 năm bảo: "Lần đầu tiên, lịch sử Bamiyan đang bắt đầu được làm rõ, theo nghĩa cụ thể, qua những công việc bảo tồn và đào tìm những di chỉ khảo cổ,"

Unesco đang giám sát một chương trình tu bổ khẩn cấp những hốc đá trong vài năm qua, lôi kéo được những toán khảo cổ và bảo tồn trên toàn thế giới. "Địa điểm này đang bị nguy cơ," Masanori Nagaoka, một chuyên gia trong chương trình văn hoá tại văn phòng của Unesco ở Kabul đã tuyên bố.

Gedeone Tonoli, một kỹ sư người YU về đường hầm cũng đang giám sát một công tác khẩn: làm kiên cố những vết rạn trên mặt vách đá. Một buổi sáng hai nhà leo núi YU đu lơ lửng trên chòm của hốc đá từng chứa tượng Phật phía đông cao ngất ngưỡng 125 bộ, nhưng còn bé hơn tượng kia. Vách đá sau tượng đã được ôm bọc bởi nhiều lưới sắt, vậy mà vẫn thỉnh thoảng rung rinh vì đá hay sỏi rơi xuống. Một vết sẹo lớn in dấu trên vách bên trái nơi thuốc nổ đã xé toạc một bên của hốc đá đe dọa cả vách núi.

Vách bên phải đã ổn định hai năm qua nhờ những thanh sắt neo lại cùng với hàng tấn bê-tông được bơm vào các đường nứt. Những tấm kiếng nhỏ đã được gắn vào đá, và nhiều bộ phận cảm biến được nối với một máy vi tính để theo dõi từng địa chấn trong núi đá. Tonoli bảo: "Trước đây, ta có thể nhìn thấy trời xanh và bầy chim ra vào."

Ở bộ của một thời tượng Phật lớn cao 180 bộ, công nhân đang hót dọn đá vụn do chất nổ để lại. Những nhà phục chế người Đức thuộc Ủy ban quốc tế về Đền đài và Phế tích đã trải qua hai năm trời cẩn thận gạn lọc từ những mảnh vỡ của hai tượng Phật, dùng cần cẩu nâng lên những tảng lớn nhất - nặng đến 70 hoặc cả 90 tấn - rồi cẩn thận che phủ cất giữ bởi đá mềm dễ rửa dưới mưa và tuyết. Những mảnh đá nhỏ hay đồng vụn cũng được gom lại cẩn thận bên cạnh.

Những báo cáo cho là Taliban đã chở hơn 40 xe tải đá từ các tượng đem bán đều không đúng, Edmund Melz, một nhà phục chế nói. "Từ phế tích (đá) chúng tôi nghĩ là chúng tôi có toàn bộ." Tuy vậy, ông ta nói thêm rằng chỉ còn 60 phần trăm là đá, phần còn lại thành bụi do chất nổ.

Cái oái oăm là từ sự phá hủy của các tượng Phật lại giúp cho các nhà khảo cổ trong sự nghiên cứu. Ví dụ việc định vị carbon các mảnh trát vữa thạch cao trên tượng Phật đã cho thấy tượng bé đã được tôn tạo vào năm 507, và tượng lớn vào năm 554. Những ước tính trước kia đã sai khác đến hơn 200 năm.



Một bức họa bên trong một trong vô số hang động trên vách núi.

Các tượng Phật vốn chỉ được đẽo vào đá một cách thô sơ rồi được tô lên một lớp trát vừa trộn với rơm và lông ngựa, uốn nắn thành những nếp gấp của các chiếc áo choàng, rồi được sơn màu rực rỡ. Công nhân đã thu hồi gần ba ngàn mảnh của lớp trát vừa, một số còn dính màu sơn, cũng như những chốt gỗ và dây buộc quanh thân tượng để giữ trát vừa dính với tượng. Khí hậu khô của Afghanistan và bề sâu của các hốc đá đã giúp bảo vệ cho các bức tượng và bảo tồn được chốt gỗ và dây buộc.

Bức tượng Phật lớn đã được sơn màu đỏ son và bức tượng nhỏ thì nhiều màu, Melzl bảo.

Ông ta thêm vào, phát hiện hứng thú nhất là một hòm thánh tích chứa ba chuỗi hạt bằng đất sét, một chiếc lá, những dấu ấn bằng đất sét và nhiều phần của một bản kinh Phật được viết trên vỏ cây. Người ta nghĩ là chiếc hòm này đã được đặt trên ngực của bức tượng Phật lớn rồi được phủ trát vừa vào khi đang tôn tạo tượng.

Những mảnh này đã được cất giữ cẩn thận trong khi công tác chính vẫn tiến hành: tập trung lại tất cả những mảnh vụn để chính phủ Afghan và các nhà chuyên môn có thể quyết định phải làm gì. Có nhiều kêu gọi nên tái dựng lại các tượng Phật, nhất là từ phía người Afghan bởi nhờ thế mà thu hút được nhiều du khách và làm một việc sám hối. Unesco thì khuyến cáo rằng với Bamiyan muốn giữ nguyên trạng Di sản thế giới thì không nên xây dựng thêm mà chỉ bảo tồn. Tuy thế Michael Petzet, chủ tịch của Ủy ban quốc tế về Đền đài và Phế tích nói việc chọn lựa trưng bày 200 tấn đá thu hồi trong một viện bảo tàng cũng chẳng phải dễ thực thi,

Một cách phục chế có thể được Unesco và các chuyên gia chấp nhận là anastylosis (hàn gắn tượng), thường đã được áp dụng trong các đền đài Hy - La, theo đó những khối vỡ gốc sẽ được ráp lại và được kết dính sơ sài với vật liệu mới. Michael Urbat, một nhà địa chất học ở Đại Học Cologne đã phân tích những mảnh của tượng Phật lớn và có thể tìm ra được lớp đá (thạch tầng) nào người ta dùng tạo tượng.

Nhưng ráp lại những khối nặng đến 90 tấn quả là rất khó; Melzl bảo Afghanistan không hề có cần cẩu nào đủ sức để nâng chúng lên cao được. Kế hoạch tái thiết mà tỉnh trưởng Bamiyan ước tính tốn đến 50 triệu đô-la, có thể trở thành vấn nạn chính trị trong đất nước Hồi giáo nghèo nàn này, nơi mà 10 phần trăm dân chúng còn đang cần trợ giúp lương thực.

Dù vậy, bà tỉnh trưởng Habiba Sarabi tán thành việc tái dựng các tượng Phật theo cách hàn gắn anastylosis, và rằng bà sẽ đề nghị chính phủ trung ương trao một yêu cầu chính thức cho Unesco. Giáo sư Maeda bảo ông ủng hộ ý kiến hàn ráp lại một tượng và để nguyên phần bị phá hoại của tượng kia để làm bằng chứng cho tội ác.

Chính quyền cũng chấp thuận đề nghị của nhà nghệ thuật Nhật Hiro Yamagata là sẽ dàn dựng một cảnh bằng âm thanh và tia laser phí tổn đến 64 triệu đô-la để chiếu phóng ảnh tượng đức Phật tại Bamiyan bắt đầu vào năm 2009, điện lực được cung cấp bởi hàng trăm máy quay gió, và còn có thể cung cấp điện cho dân cư trong vùng.

Trong khi ấy, việc bảo tồn những gì còn lại cũng còn năn lòng. Giáo sư Maeda bảo 80 phần trăm bích họa, vốn bao quanh tường của các hốc đá, hang, động, đã bị bọn Taliban bôi xóa. Đám trộm cắp nghệ thuật cũng đã gây hư hại, chúng dùng dây leo lên những hang cao hằng trăm bộ trên vách núi và đục mất những mảnh trang trí có tiểu tượng Phật ngồi. Một trong những món ấy tìm thấy mãi tận Tokyo, một nhà buôn bán đồ nghệ thuật nghi ngờ lai lịch bất chính đã trình cho giáo sư Maeda, và ông đã tìm cách thu lại được hơn 40 món đồ cổ.

Ông bảo: "Một ngày nào đó tôi hy vọng chúng sẽ được trao lại cho Afghanistan."

Ông tiếp tục tìm tòi ở các hang động và giữa những tàn phá đã phát hiện được những niềm vui nhỏ. Trong một hang nơi ông đã khám phá ra lần đầu vào chuyến hành trình vào đây năm 1964, đã bị khói đen của cũi lửa che phủ nên bọn Taliban và trộm đạo bỏ qua, đã cho thấy những bức vẽ đẹp về loài vật - một con sư tử và một con lợn rừng, một con khỉ, một bò và một con vật huyền thoại "phi ung sư" đầu chim ung thân sư tử có cánh (griffin) - hiếm có trong nghệ thuật Phật giáo nhưng lại đặc trưng cho Bamiyan, nơi chịu ảnh hưởng chung của Ấn, Ba tư và Gandhara.

Trong khi chú tâm bây giờ đều đặt vào bảo quản, các chuyên gia biết rằng còn nhiều thứ cần được khám phá thêm. Ít ra đã có hai toán khảo cổ bận rộn trong cuộc tranh đua đề tìem cho được bức tượng Phật không lồ thứ ba có thể nằm giữa hai bức tượng đứng.

Đại sư Đường Huyền Trang (Xuan Zang) đã viếng Bamiyan vào năm 632, không những chỉ mô tả hai tượng Phật đứng mà còn nói đến một ngôi đền không cách xa cung điện nhà vua đã có một tượng Phật nằm dài một ngàn bộ. Nhiều chuyên gia tin rằng nó nằm trên mặt đất và đã bị phá hủy từ lâu.

Nhưng hai nhà khảo cổ, Zemaryalai Tarzi của Afghanistan và Kazuya Yamauchi của Nhật bản đang bận rộn đào xới hy vọng tìm được bộ móng của nó. Tarzi, người đã đào được một tu viện Phật giáo trong năm nay, đã có thể tìm thấy được bờ tường của cung điện hoàng gia nhờ thế dẫn đến bức tượng Phật thứ ba. Ông ta định quay lại vào năm tới để tiếp tục đào xới ./.

# Những vết chân chim

Võ Kỳ Điền

Hai em Cửa và Kim Sa thân mến,

Từ hôm anh em mình gặp nhau cho tới giờ đã trên cả tháng, nay mới hờ tay được một chút viết thư này cảm ơn hai em, tuy trễ muộn nhưng phải có, nếu không thì anh áy náy không yên. Nợ tiền nợ bạc thì còn có ngày trả được, chớ nợ ân tình thì khó trả cho sòng phẳng lắm nghe hôn. Từ ngày định cư ở Toronto, đủ thứ chuyện bề bộn, anh không rảnh được chút nào, mong hai em thông cảm cho anh chị.

Nhớ lại buổi anh em mình trùng phùng sau cuộc biến dâu, anh rất sung sướng, cảm động, trong lòng thật ấm áp. Đôi phút rảnh rỗi anh thường coi lại cuộn phim ghi hình ảnh chuyến đi vừa qua. Anh qua đây gần 25 năm rồi mà mới đi Cali lần đầu, nhà quê lắm, nên cái gì cũng thấy lạ. Em bây giờ trông bệ vệ nhưng thoải mái, nói năng vui vẻ, hoạt bát, giống hịch ba em ngày xưa. Vợ em thì trang nhã, tươi đẹp và trẻ hơn trong hình chụp gửi cho anh từ trước. Các cháu ngoan quá và đều thành đạt ở xứ người, anh thật vui và mừng cho hai em.

Lần đầu bước chân đến Cali, cảnh vật và con người ở đây đều dễ thương hết sức. Bên anh, hoa trúc đào được trồng trong chậu, bón phân tưới nước chăm sóc từng chút, cứng như cứng trướng húng như húng hoa, vậy mà tụi nó cũng đôi khi làm khó dễ anh khi nở khi không, bên này được trồng dày đặc làm hàng rào bên lề đường, hoa nở đỏ um tùm thấy mà ham. Buổi sáng cùng hai em lại thăm anh Tùng, khiến anh có cảm tưởng như đang ở tỉnh nhà mình vậy. Anh Tùng tuổi cũng đã lớn hơn anh nhưng nét gân guốc vẫn còn nguyên, mắt sáng mạnh, dáng đi vững chắc y như bác năm lúc trẻ. Nhà anh gần khu Little Sai Gon rộng rãi và sau vườn hoa cỏ xanh tươi mơn mớn. Những chậu hoa lan muôn màu muôn vẻ, phô sắc phô hương trong nắng, những bụi trúc xanh cao mọc ở góc tường bên này bên kia, anh nhớ đã buột miệng: - *tuổi già mà anh Tùng có được khu vườn đầy kỳ hoa dị thảo như vậy, thì sướng như tiên.*

Khi nói như vậy có thể anh Tùng và em không hiểu hết ý của anh đâu. Bởi vì ở Cali khí hậu ôn hoà, cây cối xanh tươi dễ trồng, chuyện trồng cây này cây kia như vậy ai mà trồng không được, có gì mà sung sướng? Nhưng mà em phải hiểu dùm anh, xứ Canada của anh lạnh lắm, anh thèm thuồng và ước ao được trồng cây nhãn hay cây mận ngoài vườn. Hoa cỏ, cây trái như phong lan, bông giấy, dạ lý hương, tre, chuối, chanh, bưởi... các loại cây nhiệt đới, mùa đông phải bung vô nhà có ánh sáng và sưởi ấm, chăm sóc cực khổ lắm. Anh mê trồng cây nên hề thấy cây là nhìn ngắm mê mang, cây nào bị lạnh chết khô thì tiếc ngẩn tiếc ngơ.. Anh Tùng chạt cho anh cây mía thật to và cao, anh nhớ đã nói - *ai mà ngờ gần hai mươi lăm năm nay, được rờ tay vào cây mía, sướng quá, nói chi tới chuyện cạp sướt cái vỏ mía...*

Em nè, anh nói chơi cho vui vậy thôi, chớ răng cở của anh bây giờ đâu còn đủ sức để mà cạp cái vỏ mía cứng như đá, anh Tùng cũng vậy, xấp xỉ trên dưới sáu, bảy chục rồi. Ừ, mà vợ chồng em, vợ anh, chị Tùng, nói chung anh em mình bây giờ, còn ai trẻ đâu.

Anh đâm nhớ câu thơ quen thuộc của Lý Bạch - *quân bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát, triêu như thanh ty mộ như tuyết -thấy chẳng anh, đài gương mái tóc bạc, sớm như tơ mà tối đã như sương*. Thời gian rất vô tình, mới đó ngày nào...

Anh Tùng đào cho em bụi tre lớn, cho anh mấy loại hoa kiểng quý và rau thơm Canada không có được. Nhiều quá, điều này khi về, anh làm sao mà gói ghém, dấu cho kín được khi qua biên giới ? Mấy bà phải khệ nệ khiêng xách ra xe, anh vừa chụp hình vừa cười nói với chị Tùng: - *bà phó tỉnh trưởng Gò Công ơi, ông chủ tịch hội ái hữu Bình Dương rủ bạn từ phương xa đến, đào hết tron hoa kiểng vườn nhà ông bà rồi !*

Em biết không, anh hồi nhỏ chơi thân với Phương. Phương là em anh Tùng, rất đẹp trai và hiền lành. Hai đứa trưa trưa thường rủ nhau đi tắm piscine ở Ngã Sáu, đôi khi nghịch ngợm lượm đá sỏi chọi phá tụi tây con, đêm con đang tắm dưới hồ, bị tụi nó rượt đuổi la hét ầm ỉ, tụi anh chạy thực mạng trốn qua nhà thờ, thiệt là hồi hộp, căng thẳng và vui hết sức...

Thời gian qua đi và con người cũng qua đi, đâu có gì bền vững mãi được, có hình thì có hoại mà. Nhưng mà có cái mất đi nhưng cũng có cái còn hoài, chìm lắng thiệt là sâu trong lòng mình. Khi chúng ta rời nhà anh Tùng lên xe đi thăm người bạn kế tiếp. Em nói tên người bạn gái, cái tên đó một thời thoáng qua trong đời và khắc đậm nét trong tim anh... Ngạc nhiên, sững sốt và anh nghe như thời gian đứng chững lại và trôi tuột trở về cái thời mới biết yêu ngây thơ, vụng dại. Những sáng nhớ chiều mong, những háo hức trông chờ, những nhịp chân đưa đón, những ánh mắt e ấp hẹn hò. Dòng sông trước nhà lấp lánh ánh nắng buổi trưa gập gờ, những bàn tay run rẩy tìm nhau, những nụ hôn lén lút vội vàng, những mê say của một thời hoa mộng cũ...

- Cửa nè, em có nói lộn không, anh có nghe lộn không? Gần ba mươi mấy năm nay, anh chưa hề gặp lại người có cái tên đó ở hải ngoại này, bây giờ cố nhơn đã dọn về Cali nắng ấm rồi à... Anh hấp tấp và hồi hộp hỏi. Cũng may vợ em đáp nhanh -không phải người đẹp ở mé sông của anh đâu, người này ở Ngã Sáu, cạnh trường Nam Tiểu Học.

- Ờ, ờ, người đẹp ở ngã sáu, gần trường Nam Tiểu Học, anh nhớ ra rồi, chị là con của thầy Lương dạy anh hồi tiểu học. Nhà trong một khu phố nhỏ im ả bóng cây xanh. Căn nhà gọn gàng, đẹp đẽ, xinh xắn và dịu dàng như chủ nhân nó. Anh Thông và chị Liễu không khác ngày xưa bao nhiêu, nếu gặp nhau ngoài phố thì anh cũng nhận ra được ngay. Anh có bộ ria mép đẹp và khuôn mặt giông giống như bác sĩ Hồ Văn Châm, tổng trưởng bộ Chiêu Hồi. Chị Liễu và Thu Lý, hai người đẹp của trường Nguyễn Trãi, một thời đã khiến bao nhiêu trái tim thanh niên đất Bình Dương mình ngừng đập, phải không em ?

Ở phòng khách nhà chị, anh đã gặp lại các bạn một thời xa xưa, có bạn nhìn ra, có bạn nhìn không ra. Nhưng tất cả đều tươi vui, chững chạc, đáng yêu đời. Có một bạn ồm ồm cao cao, cái trán sồi sồi, rần nhớ hoài mà không biết là thằng nào hồi nhỏ thường chơi với mình. Nhờ em nói tên, anh mới nhớ ra. Ở tuổi này anh đã là một ông già và Định cũng là một ông già, da dẻ nhăn nheo, tóc sợi đen sợi bạc, răng rụng chiếc còn chiếc mất, nhưng khi nhận ra nhau thì anh như thấy rõ lại hình ảnh hai đứa hồi 11, 12 tuổi... Nhớ rồi, nó là con bác chín Quỳnh, thợ máy ở gần quốc lộ 13, nhỏ hơn anh vài tuổi, nó học trường Minh Tâm của thầy Thọ, lớp thằng Đức, em anh. Câu chuyện ngày



xưa anh em mình lại có dịp nhắc đi nhắc lại, nhắc hoài mà không thấy chán... Cạnh bên Thanh Thuần là Bạch Tuyết đẹp và tươi vui, cười nói nhắc lại những ngày gian khổ, cùng chị Diệp anh, lặn lội ra đất Bắc, người thăm nuôi em, kẻ thăm nuôi chồng.

An cũng nhân dịp kể lại ngày 30 tháng 4, giữa cảnh bom đạn toi bời, người người xao xác, anh nhìn qua khe cửa thấy bác năm Chi (ông huyện Chi, có nhà bảo sanh ở Lò Heo) áo sơ mi trắng, quần xám, tóc bạc trắng hớt ngắn gọn, chống ba ton đi lon ton dạo phố, anh mở cửa mời bác vào nhà tránh đạn lửa đang rơi toi bời ngoài công viên trước nhà và hỏi - *bác Năm không sợ đạn pháo kích sao mà đi khơi khơi như vậy, không đội nón ?* Bác đã trả lời tỉnh queo khiến anh chưng hửng - *đất nước sắp tan tành, tao già rồi còn gì mà sợ nữa mày....*

Chị Liễu kể lại những ngày còn ở Việt Nam, tối tối lén mở đài BBC và đài VOA nghe đọc mấy truyện ngắn của một nhà văn lạ, thắc mắc không biết tác giả là ai mà lại rành cái đất Bình Dương từng hang cùng đến ngõ hẻm... Mọi người giành nhau mà nói, căn phòng hơi chật làm sao nhốt cho hết niềm vui trùng phùng. Có bạn kể lại chuyến vượt biên hải hùng, có bạn kể chuyện tù tội, bạn kể chuyện nghèo khổ...sau đó anh Thông đã mời tất cả cùng đi ăn trưa, một quán chuyên về đồ biển nổi tiếng đất Cali. Thức ăn tôm cua đầy chật một bàn. Anh em mình đã nói nhiều hơn ăn.

Anh chợt nhớ lời thi sĩ Tản Đà - *đồ ăn ngon, chỗ ăn ngon, người ăn cùng ngon... thì ngon*. Anh muốn sửa lại câu này - *đồ ăn ngon, chỗ ăn ngon, người ăn cùng ngon ... thì nói, cũng ngon*. Mà quả tình như vậy, anh em mình tranh nhau mà nói, tranh nhau mà cười... cũng may tiệm này khách đông rần rần, bàn nào cũng ồn ào nên anh em mình tha hồ hàn huyên tâm sự mà không sợ ai bắt bẻ, cho tới khi chia tay, vậy mà cũng còn quá nhiều điều chưa kịp nói. Khi ra về rồi anh nhớ lại kể thiếu chuyện này chuyện kia, tiếc ngẩn tiếc ngơ. Trên phần tư thế kỷ rồi nhiều chuyện quá làm sao mà tóm gọn lại trong vài giờ ngắn ngủi, phải không em ?

Buổi chiều em đưa anh chị về nhà gần San Diego, thuộc thị trấn Temacula. Trời đất oi, sao mà nhà em lớn và đẹp quá vậy. Khách sạn Marriott ở Los Angeles anh muốn cho cuộc du ngoạn chỉ có 4 sao thôi mà. Bộ em tính cho anh chị ngụ trong khách sạn tư gia 5 sao hả ? Đã vậy mà cha một căn, con một căn, rồi một căn cho mướn, một căn sắp mua, thôi để khi nào rảnh anh qua chơi nữa, rủ ông bạn già Văn Bia cùng các bạn văn thi sĩ địa phương tụ họp tha hồ nói chuyện văn chương, nhà cửa, rượu thịt em cung cấp nghen. Em đã cho anh uống loại rượu khai vị xương rồng của xứ Mễ có muối, cái vị của nó lạ lắm... Dù gì thì ở đây anh cũng gặp được hai thi sĩ, một là em nè, hai là một học sinh cũ ở Sóc Trăng, thời anh mới ra trường đòi về dạy ở đó. Thi sĩ Phan Trường Ân đẹp trai và hào hoa, vợ duyên dáng, đậm thắm và rất xinh xắn, dịu dàng. Gặp Trúc rồi thì anh hiểu tại sao Phan Trường Ân (Anh Dũng) lại làm thơ hay đến như vậy.

Anh cũng rất vui khi gặp lại các bạn cũ xóm Ngả Tư piscine, có vài bạn thay đổi nhiều không cách gì nhớ nổi. Trí nhớ anh ngày càng tồi tệ. Đến khi về lại Canada, coi lại phim, hồi tưởng lại những ngày ở quê cũ, mới nhớ lại từng bạn từ từ,... Sáng hôm sau anh em mình ghé thăm tiệm Nails của vợ chồng Tươi, mới khai trương được vài tuần. Anh không ngờ Tươi lại là rể của ông bà Tạ Ngọc Tường, tất cả đều là lối xóm anh em mình. Cũng y như cái tên, Tươi buổi sáng đó thiệt là tươi trong áo choàng trắng tinh, khách đông đến nỗi thầy trò gặp lại nhau mà không rảnh để nói chuyện nhiều được. Tiệm lớn, sạch sẽ, sang trọng và đông khách, mấy bà đầm Mỹ trắng trẻo, đẹp đẽ, ngồi

trên ghế da êm ái xoè tay xoè chun, thấy mà ham. (Anh nói khách đừng thấy ham, đừng hiểu bậy bạ, coi chừng bà Diệp nghe được! ) Thấy Tươi làm ăn thành công, anh cũng muốn qua Cali mở tiệm Nails đây nè....

Sau khi từ giả tụi em thì anh chị đến San Jose, cư ngụ nhà Lê Hồng Đức hai ngày. Đức là con trai thứ cụ Thiên Lương, bậc thầy trong khoa Tử Vi lý số của Việt Nam mình. Vợ Đức cũng là học trò của anh ở trường Providence Sóc Trăng. Đức là người tỉnh mình, nhà ở dốc nhà thương xóm Bung Cải, hồi nhỏ theo học trường An Mỹ. Gặp lại Đức sau 25 năm xa cách anh nhìn ra ngay, vẫn đẹp trai, hào hoa phong nhã như ngày nào, tuy trán có cao hơn vì tóc rụng khá nhiều gần như sỏi. Anh và Đức thân nhau vì cùng một sở thích. Gia đình Đức, cụ Thiên Lương, anh Lê Trung Hưng thật là đạo đức, hiền lương và khiêm tốn. Trước ngày mất nước cho tới ngày vượt biên, tụi anh có nhiều kỷ niệm vui về bói toán. Những buổi trưa nắng chang chang anh thường lên nhà Đức, cùng anh Hưng, đôi khi gặp cụ Thiên Lương bàn luận chuyện tử vi và học hỏi. Những gì cụ Thiên Lương đoán cho anh, sau 3, 40 năm đều không trật điểm nào. Lần nào gặp Đức, anh đều nhờ coi dùm số anh chừng nào giàu sang, Đức không trả lời mà chỉ cười trừ,... Anh biết Đức khó nói và chắc đang cười thầm trong bụng -*anh bạn này biết rõ cái số nghèo mạt rệp đeo đẳng suốt đời rồi mà cứ theo hỏi mình hoài...*

Nhưng ngày vui qua mau. Đức có hỏi thăm anh về cô Ngọc Yến (mẹ ca sĩ Tâm Đoan, cùng ở Toronto) Cô Yến ngày xưa có làm việc ở Ty Thuế Vụ với Đức... Vượt biên cùng một thời gian với anh, Đức thành công lớn và sớm, có lẽ nhờ vợ biết buôn bán, đầu tư. Vợ Đức thiệt là giỏi, hai cháu gái đẹp và ngoan. Cả hai đều tốt nghiệp đại học và có nghề nghiệp vững chắc (phải chi hai cháu đi thi hoa hậu Long Beach thì dám đoạt giải nhất, nhì lắm à..)

Nhà Đức cũng lớn lắm, kiểu thoáng mát, bề thế và khang trang giống như nhà em. Vườn sau thì khỏi chê, cam quýt trái chín đầy cành, anh mê nhất là cây táo Tàu, trái lớn bằng ngón tay cái, ngon ngọt ăn thấy vui vui, có lẽ hồi nhỏ ba anh làm thuốc anh quen ăn trái táo thứ này nhiều, nên thích lắm, ăn hoài.

\*

Em nè, anh chị lần đầu tiên đi thăm Cali, gặp lại một vài bạn bè ngày xưa, tất cả những bạn anh gặp đều thành đạt và hạnh phúc, anh mừng và vui lắm. Anh nhận thấy những người hiền lành đạo đức, ăn ở có trước có sau, sớm muộn gì cũng được trời phật đền bù. Nhưng chuyện thành công, giàu sang không quan trọng lắm đâu, điều quan trọng nhất anh nhận thấy tình cảm người đồng hương mình đối đãi nhau, thật là đậm đà, đầy tình nghĩa.

Mà em biết không, không phải chỉ những người có chung nhiều kỷ niệm thương mến nhau đâu, anh còn có được những người bạn chưa hề quen trước, chỉ biết nhau qua tiếng tăm, qua tài năng, đọc của nhau một vài cuốn sách, một vài bài văn, rồi đâm coi nhau như ruột thịt, đối xử nhau như là quen thân từ lâu, chăm sóc, thương yêu, kính mến. Anh rất thích du lịch và thường xuyên đi chơi xa mỗi năm nhưng chuyến đi Cali kỳ này, anh chị không bao giờ quên được những người bạn quen và chưa quen đó. (anh không viết hết ra đây vì không thuộc chuyện Bình Dương của anh em mình... )

Đến bây giờ thì anh mới hiểu rõ và cảm thông được hai câu thơ trong Tỳ Bà Hành.

*-Đồng thị thiên nhai lưu lạc nhân, tương phùng hà tất tăng tương thức, cùng là người lưu lạc góc biển chun trời, gặp gỡ thương mến nhau đâu cần phải là người quen biết trước. Như vậy anh em mình thương nhau, ngoài tình đồng hương nhiều kỷ niệm một thời, mình còn thương nhau vì cùng chung một thân phận, thấy lại bạn bè Việt Nam ở đất khách dù thân hay không, cũng như thấy lại quê hương thân yêu, thấy lại tuổi trẻ của chính mình, phải không em và các bạn thân mến ?*

\*

Tuổi anh hơi lớn rồi, thường nghĩ về những ngày vui sống đã qua. Mà anh em mình có cùng một mẫu số chung, đó là quê hương thân yêu. Nơi đó ngày xưa, có vui có buồn. Nhưng thời gian xa cách quê hương đã quá dài lâu, sự hiện diện của anh em mình, những người thân mình, ở nơi đất ngọt cây lành đó, còn ai nhớ được! Như bầy chim bay trên trời, bóng nó lướt qua trên mặt đất và trong phút giây mắt hút, không để lại tông tích. Phải không em, thiệt ra không phải vậy! Năm vừa qua một học sinh cũ ở Sóc Trăng, Phan Trường Đạm (anh của thi sĩ Phan Trường Ân) có gởi tặng anh một bài thơ của một thiền sư, anh thích nhứt là hai câu cuối: *-Thùy vị điều quần đô khứ tận, di lai túc tích mẫn trường không.*

Anh tạm dịch cho em nghe *-ai nói bầy chim bay đi hết, ta vẫn thấy dấu chân chim còn đầy trên bầu trời.* Cũng vậy anh thường tin rằng sự hiện diện anh em mình, những hình ảnh người thân, bằng hữu, những đồng hương ngày nào, vẫn đậm nét, vẫn còn hoài còn hủ trên những nẻo phố đường quê, ở chợ Thủ Dầu Một, ở Xuân Hiệp, Chánh Hiệp, Miếu Tử Trăn, Giếng Máy, Cầu Ông Đình, Bến Thố, Bưng Cầu, Phú Văn, Lò Chén, Bà Lụa, Cầu Ngang, Búng, Lái Thiêu...

Bằng chứng rõ ràng nhứt là chuyến đi chơi kỳ này, anh đã chọn Cali vì nơi đây có tụi em, có bằng hữu đông vui. Không những cảnh đẹp mà tình cũng đẹp nữa. Gặp lại tất cả như gặp lại thời thơ ấu ngây thơ, yêu đời... như gặp lại Bình Dương hiền hoà, ấm áp, yên vui. Quê hương là gì, quê hương không phải chỉ là khu phố, mảnh đất hay miếng vườn, quê hương là tình yêu người với người. Không có tình yêu thì làm gì có quê hương. Tụi mình là những con chim bay đi xa, đùa ở chun trời đùa góc biển, nhưng dấu chun mình lúc nào, cũng vẫn còn đầy trên bầu trời Bình Dương trái ngọt cây lành thân yêu mà, phải không em ?

Hy vọng anh em mình có ngày gặp lại và mong tất cả bạn bè và đồng hương được nhiều may mắn, hạnh phúc. Anh viết thơ này thay lời cảm ơn hai em, các bạn và thăm tất cả.

**VÕ KỲ ĐIỀN**

(viết xong 10 Oct / kỷ niệm chuyến đi Cali 2003 aug)

# THUÝ THUÝ TRUYỆN 翠翠傳

Nguyên tác : Tiền Đăng Tân  
Thoại  
Tác giả : Cù Hựu  
Bản dịch của : Phạm Xuân Hy

**T**huý Thuý họ Lưu, là con gái một gia đình ở Hoài An, từ nhỏ thông minh đỉnh ngộ, đọc được Thi, Thư, cha mẹ vì thế không nỡ ngăn cản chí hướng của con, nên cho nàng đến trường theo học.

Đồng môn với Thuý, có người con trai họ Kim, tự là Định, cùng tuổi với nàng, trông vừa tuấn nhã lại thông minh. Các bạn đồng môn thường bảo đùa :

- Cùng tuổi với nhau sau sẽ thành vợ chồng.

Tuy không nói ra, nhưng cả hai trong lòng đều thầm nguyện được như vậy.

Kim từng làm một bài thơ tặng nàng và được nàng làm thơ hoạ lại.

Rồi thời gian thấm thoát thoi đưa, Thuý Thuý đã đến tuổi trưởng thành, cập kê đôi tám, nghỉ học ở nhà. Cha mẹ nàng bàn định tìm người mai mối. Nhưng nàng không chịu, buồn rầu bi phẫn, khóc lóc bỏ cả ăn uống.

Cật hỏi thực tình, mới đầu nàng không chịu nói, lâu dần thổ lộ :

- Nếu như vậy, xin cho con được kết hôn với chàng Kim ở ngõ Tây, vì lòng con đã thầm gửi gắm theo chàng. Bằng không, con chỉ có một con đường là chết mà thôi, quyết không lấy người khác !

Cha mẹ nàng bất đắc dĩ, đành chiều theo.

Song le, gia đình Thuý Thuý thì giàu sang phú quý, còn nhà Kim Định thì bần hàn nghèo khổ, dầu chàng thông minh tuấn nhã, nhưng không môn đăng hộ đối. Chừng người mai mối đến nhà Kim dạm hỏi, quả nhiên nhà Kim lấy lý do gia cảnh nghèo khổ để từ chối, tự hủ thẹn không dám nhận.

Người mai mối bàn với cha mẹ Kim rằng :

- Lưu tiểu thư, ý đã muốn cùng Kim công tử kết nghĩa đá vàng, song thân nàng cũng đồng lòng, nay lấy lễ bần túng mà tạ tuyệt, e phụ cái bụng chí thành của tiểu thư chẳng, mà lại làm mất duyên may phận đẹp của đôi lứa, chỉ bằng ông bà viết mấy lời như sau :

"Con trai nhà chúng tôi, gia cảnh bần hàn, nhưng cũng biết được đôi chút lễ nghĩa thi thư, từ lâu đã quen nghèo túng, như quả bất nộ sinh lễ, giá trang, thì sợ rằng không có khả năng đáp ứng nổi."

Như thế, ắt cha mẹ Thuý Thuý vì thương con, tất sẽ không đòi hỏi gì. Gia đình Kim nghe người mai mối bàn như vậy, bèn làm theo.

Người mai mối lại đem ý kiến bên nhà Kim thông báo cho cha mẹ Thuý Thuý biết. Quả nhiên, cha mẹ Thuý Thuý bảo với người mai mối rằng:

- Việc hôn nhân cưới hỏi mà đem chuyện tiền bạc ra bàn luận, đó là cái phong tục của dân Mán Mọi, còn họ Lưu chúng tôi chỉ biết có việc kén chọn chàng rể mà thôi, không lo đến chuyện khác. Nhưng gia đình bên ấy thiếu thốn, mà chúng tôi thì dư giả, chỉ sợ con gái chúng tôi về nhà chồng, không quen kham khổ, chỉ bằng cho Kim công tử sang ở rể bên chúng tôi thì hơn !

Người mai mối lại sang nhà Kim nói lại

Cha mẹ chàng rất lấy làm mừng, bèn chọn ngày lành tháng tốt làm lễ thành thân. Phàm tiền bạc, vải vóc, tài vật, lợn gà sính lễ, đều do bên nhà Thuý Thuý sửa soạn sẵn. Hôm đưa Kim sang nhà nàng, làm lễ giao bối, hai người gặp nhau, vui mừng không thể tưởng được. Đêm ấy, cùng nhau chần gối, Thuý Thuý mới làm một bài từ "Lâm giang tiên" để tặng Kim, rồi mời Kim hoạ lại.

Vợ chồng xum vầy hoan lạc, hạnh phúc như chim không, chim thúy bay lượn vân tiêu, như chim uyên chim ương bơi lội vui đùa trong hồ lục thủy.

Chẳng ngờ, chưa đầy một năm, xảy việc anh em Trương Sĩ Thành khởi binh ở Cao Bưu, đánh chiếm, cướp bóc hầu hết các châu quận nằm dọc theo lưu vực Hoài Hà. Thuý Thuý bị viên bộ tướng họ Lý của Trương Sĩ Thành bắt đi.

Khoảng cuối năm Chí Chính đời Nguyên Thuận Đế, đất đai chiếm được của Trương Sĩ Thành mỗi ngày càng mở rộng, vượt qua vùng Giang nam Giang bắc, thấu gồm hết vùng Triết Tây, nhưng Trương Sĩ Thành lại xin đầu hàng Nguyên Triều, nhận nhà Nguyên là chính thống, nhờ thế đường xá mới được lưu thông, lữ hành vắng lại không bị cản trở nữa.

Bấy giờ, Kim bèn từ biệt cha mẹ hai bên nội ngoại, xin đi tìm vợ, thề không tìm được thì không trở về. Khi chàng đi đến Bình Giang, thì viên tướng họ Lý đã đi nhậm chức Thủ Ngự ở Thiệu Hưng. Chàng đến Thiệu Hưng, thì họ Lý lại được điều đến đồn binh ở An Phong. Đến An Phong thì đã lại chuyển về Hồ Châu. Kim

đi đi lại lại, suốt vùng Trường Giang, Hoài Hà, chịu nhiều gian nan vất vả, khó khăn nguy hiểm.

Ngày tháng trôi đi, tiền bạc trong túi của Kim mỗi ngày mỗi cạn, tiêu cạn không còn một xu. Nhưng tâm nguyện tìm cho được vợ vẫn sắt son bền bỉ, thủy chung không đổi. Kim tiếp tục ngày đi đêm nghỉ. Khát thực dọc đường. Khốn cùng khổ sở mới đến được Hồ Châu.

Bấy giờ, viên tướng họ Lý ở Hồ Châu đang quyền cao chức trọng, uy danh hiển hách. Kim đến cổng phủ họ Lý, đứng bên ngoài trù trù do dự, ngó tới ngó lui. Muốn vào mà không dám bước. Muốn hỏi mà không dám mở mồm.

Viên quản môn thấy thái độ của chàng như vậy, thì cất hỏi.

Chàng thưa :

- Bẩm quan, tiểu sinh là người vùng Hoài An, chẳng may gặp lúc loạn lạc, có người em gái bị thất tán, nghe đồn hiện ở trong quý phủ, nhân thế, chẳng ngại thiên lý xa xôi tìm đến đây, chỉ mong được gặp lại em một lần mà thôi !

Viên quản môn lại hỏi :

- Như thế, em người tên gì, bao nhiêu tuổi, tướng mạo ra sao, cứ thực tình khai rõ, ta sẽ vào trong tìm cho !

Kim nói :

- Bẩm quan, tiểu sinh họ Lưu, tên Định, còn em gái tên là Thuý Thuý, biết chữ nghĩa thi thư. Lúc bị thất tán, em tiểu sinh mới mười bảy tuổi. Tính đến năm nay, cũng là hai mươi bốn rồi.

Viên quản môn nghe Kim nói xong, thì trả lời ngay :

- Trong phủ này quả có người con gái họ Lưu thật, người Hoài An, niên linh cũng đúng như người nói, lại biết chữ, giỏi thơ văn, tính tình thông tuệ, được Lý tướng quân thập phần sủng ái, coi là chuyên phòng. Lờn người thành thật không ngoa. Để ta vào trong thưa lại, người cứ tạm đứng chờ đợi ngoài này nhé.

Rồi chạy vào báo cáo.

Một lát trở ra, dẫn Kim vào trong phủ. Kim gặp viên tướng họ Lý ngồi ở khách sảnh. Chàng bèn rạp đầu vái hai vái, rồi đứng dậy cận kề trình bày lai lịch.

Viên tướng họ Lý vốn là kẻ võ biên, nên tin ngay lời Kim, không ngờ vực chi cả, rồi sai đồng bộc vào báo cho Thuý Thuý biết là có anh nàng từ quê đến.

Thuý Thuý vâng mệnh đi ra.



Vợ chồng gặp nhau. Chỉ đành lấy lấy lễ anh em tương kiến, xúc động hỏi thăm tin tức cha mẹ họ hàng. Tình riêng không dám hé một lời, rồi nhìn nhau, hai châu ngọc lã chã tuôn rơi.

Viên tướng họ Lý bảo với Kim :

- Người từ xa đến, đường trường bạt thiệp, chắc còn mệt mỏi, hãy cứ tạm ở trong phủ nghỉ ngơi, từ từ ta sẽ sắp xếp công việc làm cho.

Nói xong sai đầy tớ mang ra một bộ quần áo mới để cho Kim thay, cùng các thứ mừng mền, chăn gối, giường đệm đem kê ở thư phòng mé tây cho Kim nghỉ ngơi.

Hôm sau viên tướng họ Lý lại bảo Kim :

- Em người là người biết chữ, người ắt cũng vào hàng văn mặc ?

Kim đáp :

- Tiểu sinh ở quê nhà lấy nho làm nghiệp, lấy thi, thư làm gốc. Phàm là kinh, sử, tử, tập đều có đọc qua, chẳng hay tướng quân có điều gì nghỉ ngại ?

Viên tướng họ Lý lấy làm cao hứng, vui vẻ tiếp :

- Ta từ nhỏ thất học, thừa thế loạn mà nổi lên, tiếng tăm vang dội bên ngoài, nhiều kẻ xu phụ, tân khách lai vãng đầy cửa, duy không có người thay ta tiếp đãi, thơ từ xếp đầy trên án thư, không có người phúc đáp. Vậy người hãy ở lại trong phủ này giữ chân ký thất cho ta.

Kim vốn thông minh sẵn tiếp, tính nết lại ôn nhu hoà thuận, tài cán hơn người, sống trong phủ của viên tướng họ Lý lại càng thận trọng. Biết nghe lời kẻ trên. Thuận tòng người dưới. Thay thế họ Lý thảo thơ, phúc thơ, rất là khéo léo vừa ý. Vì vậy, tướng quân họ Lý rất mừng gặp được bậc nhân tài như Kim, nên thập phần ưu đãi chàng.

Song le, ý hướng của Kim là đi tìm lại vợ mà đến đây. Từ sau ngày gặp lại Thuý Thuý ở ngoài khách sảnh. Rồi khuê các thâm u. Trong ngoài cách tuyệt. Kim chẳng có cơ hội gặp lại vợ, ngay cả muốn thông tin cho nàng cũng không có dịp.

Thời gian như bạch câu quá khích, thấm thoát mấy tháng bay vèo, trời đã vào thu, kim phong hiu hắt, sương trắng thành băng buổi sáng. Kim mỗi đêm tại thư phòng, không sao chợp mắt, mới làm một bài thơ (1), bày tỏ nỗi cô đơn và lòng mong ước gặp lại Thuý Thuý, đem thơ ấy viết lên một tờ giấy, và rạch cổ áo dấu thơ vào đấy, rồi cho đưa đồng bộc một trăm quan tiền, dặn dò nó rằng :

- Trời đã bắt đầu lạnh, áo ta mỏng quá, nhờ người đem chiếc áo này đưa giúp cho em ta, bảo em ta vá dày thêm, để ta mặc ngự hàn !

Đứa đồng bộc đem áo trao cho Thuý Thuý như lời Kim dặn.

Nàng hiểu ý của Kim, rạch áo đọc thơ, lại càng sót sa thương người chồng chần gỏi nhiều hơn, cắn răng mà nức nở. Bèn làm một bài thơ khác (2) với lời thề rằng "sinh bất tương tòng, tử diệc tòng".

Rồi dẫu vào áo trả lại.

Kim đọc thơ, biết Thuý Thuý quyết đem cái chết để tạ cái tình của chàng, chẳng còn mong gì cùng nhau đoàn tụ ở kiếp này, khiến lòng Kim càng thêm buồn phiền ưu phần, rồi sinh ra bệnh nặng.

Thuý Thuý xin tướng quân họ Lý được đến bên giường thăm Kim, nhưng bệnh tình của Kim đã thập phần nguy kịch. Nàng lấy tay đỡ chồng ngồi dậy. Kim cố gắng ngẩng đầu nhìn vợ. Mà lệ thấm hai hàng, rồi nấc lên một tiếng dài. Ô hô mệnh tuyệt.

Viên tướng họ Lý thương hại Kim, đem xác chàng chôn ở dưới chân núi Đạo Trường Sơn. Còn Thuý Thuý, từ hôm chôn cất chồng trở về, thì cũng nhuốm bệnh nặng, không chịu thuốc thang, cứ lẫn lóc trên giường. Đau đớn buồn rầu, bỏ ăn bỏ ngủ. Bệnh kéo gần hai tháng trời.

Một hôm, Thuý Thuý nói với tướng quân họ Lý :

- Thiếp rời bỏ gia đình theo tướng quân, đến nay đã được tám năm, quê người đất khách, gần xa chẳng có họ hàng thân thích, duy chỉ có một người anh, thì nay lại ra người thiên cổ. Bệnh thiếp, ắt không thể qua khỏi, nếu mệnh hệ nào, xin tướng quân chôn cất thi hài thiếp bên cạnh mộ người anh, để dưới suối vàng sau này, may còn có người nhờ vả , và tránh cho thiếp khỏi cảnh làm hồn ma cô độc.

Nói xong thì tắt hơi mà chết.

Viên tướng họ Lý không nỡ phụ cái lời chối trần của Thuý Thuý, đem xác nàng chôn bên tả, cạnh mộ Kim, thành đông tây hai ngôi mộ song song với nhau.

Đến đầu năm Hồng Vũ nhà Minh, Trương Sĩ Thành đã bị Chu Nguyên Chương tiêu diệt, gia đình Thuý Thuý có một người đầy tớ cũ, làm nghề buôn bán, khi đến Hồ Châu, ngẫu nhiên đi qua chân núi Đạo Trường Sơn, gặp một dãy lâu đài phòng ốc, tường quét sơn đỏ, ngoài cổng liễu rủ hoè che, uy nghi hoa lệ, Thuý Thuý cùng với Kim đang sánh đôi đứng ở đấy.

Hai người thấy người đầy tớ cũ, thì mời vào trong nhà, hỏi thăm tin tức của cha mẹ có còn sống không, cùng nhắc lại những chuyện xưa nơi cố quận.

Người đầy tớ mới hỏi :

-Tiểu thư và công tử vì sao lại ở đây ?

Thuý Thuý đáp:

- Hồi giặc giã loạn lạc, ta bị Lý tướng quân bắt mang đi, chồng ta từ xa tìm đến, không bị Lý tướng quân cản trở, cho ta được hợp phở châu hoàn, nên mới cùng nhau kiều cư tại nơi này đây.

Người đầu tó tiếp :

-Tiểu nô ngày mai sẽ trở về Hoài An, xin tiểu thư viết sẵn một lá thư để thông tin chủ nhân biết.

Sau đó, Thuý Thuý giữ người đầy tớ đó ở lại ngủ, rồi lấy gạo nếp Ngô Hưng thổi cơm, nấu canh cá diếc Thiều Khê, và đem rượu Ô Trình ra đãi đằng.

Hôm sau viết một lá thư cho cha mẹ, kể lễ hoàn cảnh và nỗi biệt ly ngăn cách, đưa cho người đầy tớ cầm về.

Cha mẹ của Thuý Thuý nhận được tin nàng thì rất lấy làm mừng. Cha nàng thuê một chiếc thuyền cùng với người đầy tớ đi từ Hoài An sang Triết Giang, vượt Ngô Hưng, tìm đến chân núi Đạo Trường Sơn, nơi người đầy tớ đã được Thuý Thuý cho tá túc khi trước. Té ra, chỉ thấy khói hoang mờ mịt, cỏ dại um tùm, dấu chân chồn thỏ ngang dọc trên đất. Lâu đài phòng ốc mà người đầy tớ đã trú ngụ ngày trước, chỉ là hai ngôi mộ nằm song song với nhau.

Giữa lúc còn nửa tin nửa ngờ, chợt có một vị sư già vân du qua đây. Cha Thuý Thuý bèn khấu đầu hỏi thăm.

Vị sư già đáp :

- Nơi này làm gì có nhà cửa. Đó là hai ngôi mộ của Thuý Thuý và Kim lang do tướng quân họ Lý chôn cất mà thôi !

Cha Thuý Thuý lấy làm kinh dị, sợ hãi. Lấy lá thư của Thuý Thuý ra đọc lại. Hoá ra, cũng chỉ là một tờ giấy trắng, không có một chữ viết nào.

Lúc đó, viên tướng họ Lý cũng đã bị triều đình nhà Minh giết rồi, không còn người để hỏi rõ ngọn ngành nữa.

Cha Thuý Thuý nhìn mộ con, rồi khóc lóc than thở :

- Con ơi ! Con viết thư bảo cha đến đây để gặp. Thiên lý dặm trường, nay cha đến nơi, con đã chẳng cho gặp, lại ẩn hình tàng tích, không lộ chân tướng. Sinh thời, là tình cha con, chết rồi, lẽ đâu khác biệt. Hồn con như có linh thiêng, xin cho cha được gặp lại một lần, may chăng vơi lòng nghi hoặc !

Đêm hôm đó, người cha Thuý Thuý kiếm chỗ ngủ lại nơi gần mộ của nàng. Chừng khoảng sau canh ba, ông thấy Thuý Thuý và Kim cùng đến, quỳ ở trước mặt ông, vẻ mặt còn buồn rầu, đau khổ. Ông lấy tay gạt lệ, rồi vỗ về hỏi han nàng.

Thuý Thuý cũng căn kể thuật lại ngọn ngành, nói :

- Lúc xưa loạn lạc, gần xa châu quận đều bị giặc giã nổi lên cướp phá, con chẳng học được hai nàng họ Đậu trung trinh thuần tiết, để đến nỗi bị giặc bắt đi, nhẫn nhịn chịu kiếp sống thừa, xa lìa cha mẹ, phiêu lãng bình bồng, hoài thân lan huệ, lấy phải kẻ làm thuê tảo quái, chỉ biết chiêm đoạt cái cười của nàng Lục Châu trong lâu đài họ Thạch, đâu hay nỗi sầu tâm nín của người đàn bà nước Túc. Con khóc lóc kêu trời mà trời không thấu, một ngày dài bằng ba năm. Chồng con, không quên tình cũ, chẳng ngại gian khổ, vạn lý tầm thê, phải giả danh huynh muội, mới được gặp nhau một lần, còn tình nghĩa vợ chồng, thì đành cách tuyệt. Rồi chồng con nhuốm bệnh qua đời trước, con hàm oan chết theo. Xin được hợp táng, cuối cùng may được đoàn tụ. Sơ lược ít điều như vậy, tiểu tiết con không kể hết.

Người cha của Thuý Thuý nghe xong, nói :

- Ý cha đến đây là đem con trở về nhà để thị phụng cha lúc tuổi già, nay con đã ra người thiên cổ, vậy cha sẽ đem hài cốt con về táng ở bên mộ phần tổ tiên, như vậy không uổng một lần vãng lai vất vả.

Thuý Thuý lại khóc, nói:

- Con sinh ra bất hạnh, không được hầu hạ cha mẹ dưới gối, chết lại vô duyên, không được táng nơi quê nhà. Tuy thế, chốn âm gian cần nơi yên tĩnh, lễ quỷ thần thích cõi lặng thinh, vả lại, nơi đây sơn khê tú lệ, thảo mộc tươi tốt, cũng đã yên ổn rồi, nên con cũng không mong mỗi đời táng đi đâu nữa.

Nói xong, lại ôm lấy cha mà khóc lóc thảm thiết.

Người cha Thuý Thuý, giặt mình kinh hãi, tỉnh dậy. Té ra một giấc Nam Kha.

Sáng hôm sau, ông đem đồ cúng và rượu ngon đến tế trước mộ phần. Sau đó, cùng đầy tớ thuê thuyền trở về Hoài An.

Đến nay, những người qua dưới chân núi Đạo Trường Sơn, vẫn còn thấy hai ngôi mộ của Thuý Thuý với Kim lang.

---

### Vài nét về tác giả .

#### Cù Hựu (瞿佑) :

Thuý Thuý Truyện được trích từ Tiễn Đăng Tân Thoại 箭燈新話 của Cù Hựu.

Cù Hựu tự là Tông Cát, biệt hiệu là Tồn Trai người Tiền Đường, nay thuộc Hàng Huyện tỉnh Triết Giang. Ông sinh năm Chí Chính nguyên niên nhà Nguyên tức năm 1341. Hồi còn trẻ nổi tiếng là người đa tài đa nghệ, giỏi thi thơ, nhưng thường bất đắc chí. Đầu năm Hồng Vũ đời Minh Thái Tổ, Cù Hựu được lần lượt bổ nhiệm làm Huân Đạo tại Nhân Hoà, Lâm An, Tuyên Dương, rồi thăng làm Hữu Trưởng Sử trong Chu Vương Phủ. Khoảng năm Vĩnh Lạc đời Minh Thành Tổ,

nhân làm thơ bị tội, đày đến huyện Bảo An (nay là tỉnh Cam Túc) làm nhung thú, trải qua mười năm, đến năm Hồng Hy (tức năm 1425) đời vua Minh Tông mới được xá, về làm gia sư cho Anh Quốc Công ba năm, đến năm Tuyên Đức nhị niên thì mất, thọ tám mươi bảy tuổi.

"Tiễn Đăng Tân Thoại" được viết vào khoảng Hồng Võ thập nhất niên, tức 1378, gồm bốn quyển, hai mươi truyện. Phần lớn những truyện trong Tiễn Đăng Tân Thoại đều lấy ma quỷ quái dị, hôn nhân luyến ái, làm đề tài phản ánh những hiện thực xã hội hắc ám, hủ bại dưới triều nhà Nguyên, cũng như chống lại những điều vô lý trong chế độ hôn nhân phong kiến cũ. Nhưng Tiễn Đăng Tân Thoại lại mạnh dạn tuyên dương tư tưởng "Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa" và những phong tục mê tín quỷ thần. Một số truyện có màu sắc của thuyết nhân quả báo ứng của nhà Phật.

Ngoài Tiễn Đăng Tân Thoại, được người đời truyền tụng và khen là có những ngôn từ hoa lệ, uyển chuyển như "ôm thủy áp hồng", ảnh hưởng rất nhiều đối với tiểu thuyết của hai triều Thanh, như Liêu Trai Chí Dị, Dạ Đàm Tuý Lục, Cù Hựu còn để lại cho đời sau một số tác phẩm như :

- Hương Đài Tập
- Du Nghệ Lục
- Tồn Trai Loại Biên
- Qui Điền Thi Thoại.
- Vịnh Vật Biên
- Nhạc Phủ Di Âm

### **Vai hàng chú thích của Phạm Xuân Hy :**

#### **Trương Sĩ Thành 張士誠 :**

Trương Sĩ Thành sinh năm 1321, người Bạch Câu Trường Thái Châu ( nay thuộc huyện Đại Phong tỉnh Giang Tô ) thời Nguyên mạt. Thuở bé, Trương Sĩ Thành tên là Cửu Tứ, xuất thân làm nghề buôn muối. Năm 1353, Trương Sĩ Thành cùng hai em là Trương Sĩ Đức, Trương Sĩ Tín đem phu làm muối nổi loạn, đánh chiếm các vùng Cao Bưu. Năm sau xưng là Thành Vương, lấy quốc hiệu là Chu, niên hiệu là Thiên Hựu, rồi đem quân vượt sông Trường Giang đánh chiếm các vùng Hồ Châu, Thường Thục, Tòng Giang, Thường Châu. Năm Chí Chính thập lục niên đời Nguyên Thuận Đế, tức năm 1356, định đô ở Bình Giang (nay thuộc Tô Châu tỉnh Giang Tô). Năm sau thì hàng nhà Nguyên, được phong làm Thái Úy, từng cùng với Phương Quốc Trân vận lương theo đường biển tiếp tế cho kinh đô của nhà Nguyên, sau lại đánh chiếm mở rộng thêm đất đai. Phạm vi cát cứ ra phía nam Thiệu Hưng ở Triết Giang. Phía bắc đến Tế Ninh tỉnh Sơn Đông. Phía Tây đến bắc bộ tỉnh An Huy. Phía đông ra đến biển.

Năm 1363, Trương Sĩ Thành đánh chiếm An Phong, giết lãnh tụ của quân đội Khăn Đỏ - tức Hồng Cân Quân- là Lưu Phúc Thông, xưng là Ngô Vương.

Sau đó bị Chu Nguyên Chương đánh bại nhiều lần.

Mùa thu năm 1367, thành Bình Giang bị phá vỡ, Trương Sĩ Thành bị Chu Nguyên Chương bắt đưa về Kim Lăng, thất cô tự tử chết.

### **Nguyên văn bài thơ của Kim gửi Thuý Thuý :**

好花移入玉闌干  
Hảo hoa di nhập ngọc lan can  
春色無緣得再看  
Xuân sắc vô duyên đắc tái khan  
樂處豈知愁處苦  
Lạc xứ khởi tri sầu xứ khổ  
別時雖易見時難  
Biệt thì tuy dịch kiến thì nan  
何年塞上重歸馬  
Hà niên tái thượng trùng qui mã  
此處庭中獨舜鸞  
Thử xứ đình trung độc thuân loan  
霧閣雲窗深几許  
Vụ các vân song thâm kỉ hứa  
可憐辜負月團團  
Khả lân cô phụ nguyệt đoàn đoàn

### **Và nguyên văn bài thơ của Thuý Thuý :**

一自香關動戰鋒  
Nhất tự hương quan động chiến phong  
舊愁新恨几重重  
Cựu sầu tân hận kỷ trùng trùng  
腸雖已斷情難斷  
Trường tuy dĩ đoạn tình nan đoạn  
生不相從死亦從  
Sinh bất tương tòng tử diệc tòng  
長使德言藏破鏡  
Trường sử đức ngôn tàng phá kính  
Trường sử đức ngôn tàng phá kính  
終教子建賦游龍  
Chung giao Tử Kiến phú du long  
綠珠碧玉中事  
Lục Châu Bích Ngọc tâm trung sự  
金日誰知也到儂  
Kim nhật thủy tri dã đáo nông

### **Đậu thị nhị nữ 寶氏二女:**



Năm Vĩnh Thái đời Đường Đại Tông (765-766), hai người con gái họ Đậu ở Phụng Thiên bị giặc bắt đi. Người chị nhảy xuống vách núi tự tử để giữ sự trinh tiết, còn người em tự huỷ nhan sắc.

### **Lục Châu 綠珠 :**

Thời nhà Tấn, khi Thạch Quý Luân, tức Thạch Sùng, làm Thái Phỏng Sứ ở Giao Chỉ, nghe đồn họ Lương ở Bạch Châu, nay thuộc Quảng Tây, có người con gái tên là Lục Châu trông rất xinh đẹp điểm lệ, lại giỏi thổi sáo, bèn bỏ ba đấu ngọc để mua nàng về nhà làm thiếp.

Về sau, Tôn Tú phe đảng của Triệu Vương Tư Mã Luân, muốn chiếm đoạt Lục Châu, mới vu cáo cho Thạch Sùng cái tội là tham gia với Hoài Nam Vương Tư Mã Duẫn làm phản. Thạch Sùng biết mình sẽ bị hại, mới bảo với Lục Châu rằng : "Ta vì nàng mà mắc tội với bọn quyền quý, Tôn Tú là kẻ tâm lang dạ sói, thế nào ta cũng bị hại". Lục Châu nghe thế buồn rầu nói : "Vậy thiếp xin chết trước mặt tướng công". Rồi lao đầu nhảy xuống lầu tự tử.

Cái chết của Lục Châu được các văn nhân, nhà sĩ hậu thế coi là trinh liệt, liên tiếp viết thành thơ phú để ca ngợi truyền tụng đời sau. Đặc biệt, Nhạc Sử đời Tống viết "Lục Châu truyện", Phùng Mộng Long viết truyện "Lục Châu", được xếp vào loại "tình trinh" trong tập Tình Sử.

### **Tức Quốc Phu Nhân 息國夫人 :**

Theo Liệt Nữ truyện, Sở Trang Vương đem quân diệt nước Tức, bắt được vua nước này cùng vợ là Tức Phu Nhân, Tức Quy. Về nước, Sở Trang Vương bắt Tức Hầu phải làm người giữ cửa, và chuẩn bị ép Tức Phu Nhân làm thiếp. Lợi dụng lúc Sở Trang Vương đi vắng, Tức Phu Nhân lén đến gặp Tức Hầu, và bảo với chồng :

-Đời người chỉ có một lần chết mà thôi, hà tất sống mà chịu khổ. Thiếp chẳng có lúc nào quên được chúa công, nhưng cũng không thể nào lấy được hai chồng. Sống mà phải chia lìa xa cách nhau, sao bằng đoàn viên ở dưới âm thế. Tức Hầu khuyên bảo an ủi, nhưng Tức Phu Nhân không nghe, rồi tự sát. Tức Hầu cũng tự sát theo, hai cùng chết một ngày.

Người đời sau lấy sự tích này để hình dung phụ nữ gặp cường bách, nhưng im lặng thủ tiết, và gọi là Đào Hoa Phu Nhân. Như Đỗ Mục có bài thơ "Đề Đào Hoa Phu Nhân Miếu"

### **Thạch Sùng 石崇:**

Họ Thạch, tức Thạch Sùng, sinh năm 249, người Nam Bì Bột Hải thời Tây Tấn, nay thuộc huyện Nam Bì tỉnh Hà Bắc, tên chữ là Quý Luân. Mới đầu Thạch Sùng là huyện lệnh Tu Võ, rồi thăng Thị Trung. Năm Vĩnh Hy nguyên niên, tức năm 290, làm Kinh Châu Thứ Sử, cướp bóc tài sản của khách thương, trở nên đại phú.

Sung từng với Vương Khải thi đua giàu có, lấy sáp ong làm củi đốt, lấy gấm trải dài năm mươi dặm để làm đường đi, bỏ ba đấu ngọc để mua nàng Lục Châu. Vương Khải tuy được Tấn Võ Đế chỉ trì nhưng cũng không địch nổi..

Khi xảy ra cuộc nổi loạn của Bát Vương, Thạch Sung về phe với Tề Vương Quýnh, và bị Triệu Vương Luân giết năm 300. Phùng Mộng Long có ghi truyện Thạch Sùng trong Tình Sử

### **Tảng Quái 駟儻 :**

Chỉ người môi giới giữa người mua và người bán, để ăn hoa hồng thù lao.Ở đây chỉ Lý tướng quân, bộ tướng của Trương Sĩ Thành.

### **Nam Kha nhất mộng 南柯一夢:**

Theo " Nam Kha Thái Thú truyện" của Lý Công Tá đời Đường, thì Thuần Vu Phần,là người Đông Bình, một bậc du hiệp vùng Ngô, Sở , tính ham uống rượu, không câu nệ tiểu tiết. Ở phía nam trú trạch của Phần, có một cây hoè già, bóng mát che đến cả mẫu, Phần thường cùng bạn bè tụ họp uống rượu ở đây. Một hôm rượu say, được hai người bạn dìu về nhà nằm ngủ, mộng thấy có hai người mặc áo tía, xưng là tiểu thần của Hoè An Quốc Vương, đem xe đến đón, đưa đến một thành lớn, cổng son lầu tía, trên lầu có biển đề " Đại Hoè An Quốc". Sau khi bái kiến quốc vương, Phần được kết hôn với công chúa, y phục rất phong nhã mỹ lệ, đầy tớ bộc tòng rất đông, vô cùng hiển hách, sau lại được bổ nhậm làm Thái Thú quận Nam Kha, rồi lại gia phong tước vị, quyền uy rất trọng, sinh được năm trai, hai gái. Con cái cũng đều làm quan hiển quý, một thời không ai bằng. Sau, công chúa qua đời, Phần bị vua nghi ngờ, rồi bị đuổi về nhà.

Phần được hai sứ giả đưa về nhà, bước lên thềm, thấy mình vẫn còn nằm trên giường, lòng vô cùng kinh hãi, tai bỗng nghe sứ giả gọi tên, tỉnh dậy, thì thấy trời chưa tắt nắng, hai người bạn đang lấy nước rửa chân, rượu thịt uống dư thừa còn đầy trên bàn. Nhân thế mới cùng hai người bạn đến gốc cây hoè, phát giác ra một cái huyệt lớn, có thể kê một cái giường, cát ùn cao như điện đài thành quách, có hai con kiến thật lớn, cánh trắng, đầu đỏ ngự trị, tả hữu có mấy chục con kiến khác đứng hộ vệ; đó chính là kinh đô nước Đại Hoè. Còn đào sâu rộng xa thêm về phía nam, cũng thấy một cái huyệt như thổ thành, có rất nhiều kiến làm ổ sinh sống, đó, chính là Nam Kha Quận nơi mà Phần làm Thái Thú.

Về sau, trong văn thơ cổ điển, câu truyện này trở thành điển tích hình dung sự giàu sang quyền quý chỉ là huyễn ảo, hoặc chỉ điều gì như một giấc mộng mà thôi.

Phạm xuân Hy

NGHI ÁN

## DƯƠNG QUÝ PHI CHẾT Ở NHẬT BẢN ?

Dương Quý Phi là một trong "Tứ đại mỹ nhân" của Trung Quốc.

Người TQ không ai là không biết đến. Và không biết bao nhiêu là sách vở, bút mực, thi ca, từ vựng, ở TQ cũng như ngoại quốc, viết về cuộc đời đầy tính truyền kỳ và mối tình diễm lệ, đầy bi đát của nàng với vua Đường Huyền Tông.

Có người đồng tình thương cảm. Có người chỉ trích trào phúng. Và có người bôi bác, vẽ rắn thêm chân, tưởng tượng thô tục, bịa đặt mối tình yêu đương dâm dật giữa Dương Quý Phi và An Lộc Sơn. (Ngọc Phi Mị Sử 玉妃媚史.)

Sự tích về cuộc đời Dương Quý Phi, có thể nói là được phổ biến và lưu truyền rộng rãi hơn tất cả những mỹ nhân khác.

Nhưng cuối cùng, có thật Dương Quý Phi bị thất cổ chết ở Mã Ngôi Pha? Hay được kín đáo cứu thoát, vượt biển đưa sang Nhật Bản và sống cho hết cuộc đời? Còn ngôi mộ Dương Quý Phi hiện tồn tại trong chùa trong chùa Trường Thọ Tự ở Nhật Bản có đúng là thật là ngôi mộ của nàng không?

Đây là một vấn đề nan giải đã được bàn luận từ ít lâu nay trong giới các nhà nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc để xác định lại tầm tích cuối đời của người đàn bà có vẻ đẹp phải e thẹn này..

Chung quanh cái chết của Dương Quý Phi trong cuộc chính biến ở Mã Ngôi Pha có những giải thích khác nhau. Người viết xin trình bày ở đoạn sau. Đây cũng là một trong những "Thiên cổ chi mê 天古之謎" của lịch sử Trung Quốc.

A-Đôi nét về Dương Quý Phi.

Theo chính sử Trung Quốc thì Dương Quý Phi nguyên danh là Dương Ngọc Hoàn, sinh năm 719 CN và mất năm 756 CN, người Vĩnh Lạc Bồ Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây) mồ côi cha ở với chú. Ngay từ còn bé, nàng đã ham đọc sách vở, thông hiểu âm luật, giỏi ca vũ. Lại nhờ có làn da mịn màng, thể thái phong tư đầy đặn, tư dung diễm lệ, nên được nổi tiếng là mỹ nhân tuyệt sắc đương thời.

Năm nàng mười sáu tuổi, tức năm 735 CN, đúng cái tuổi trăng tròn cập kê, Dương Quý Phi được tuyển chọn làm vợ người con thứ mười tám của Đường Huyền Tông là Thọ Vương Lý Mạo.

Trong một buổi cung đình yến hội, Đường Huyền Tông trông thấy nàng, rồi đem lòng say

đắm,muốn chiếm hữu nàng,nhân thế mới bày kế cho Dương Quý Phi vào làm đạo sĩ ở chùa và lấy tự là Thái Chân.

Năm năm sau,năm 745 CN, Đường Huyền Tông đem nàng vào trong hậu cung, sách phong làm quý phi,và được Đường Huyền Tông vô cùng sủng ái, như Bạch Cư Dị mô tả lại trong Trường Hận ca:Trong cung có ba ngàn mỹ nữ giai nhân,nhưng tình yêu của vua đổ dồn hết cho Dương Quý Phi "Tam thiên sủng ái tại nhất thân 三千寵愛在一身".Nàng có hơn bảy trăm chức tước để hầu hạ phục dịch.Các cung nữ đều tôn xưng nàng và gọi nàng là "Nương tử".Mỗi lần nàng ngồi xe, đều phải do Cao Lực Sĩ cầm cương ngựa.

2

Dương Quý Phi có tính ham thích ăn lê chi tươi đầu mùa,nên mỗi năm đều do dịch mã phi ngựa đem từ miền nam xa cách hàng ngàn dặm,chuyển thẳng vào trong cung cho nàng.Vì thế người đương thời có câu ca dao,trào phúng cái tâm lý trọng nam khinh nữ của lễ giáo phong kiến : "Sinh nam vật hỷ nữ vật bi, quân kim khán nữ tác môn mi 生男勿喜女勿悲君

今看女作門楣"

Niềm ân sủng của vua, còn lây lan đến cả những người trong gia đình Dương Quý Phi nữa.Cha nàng là Dương Huyền Viêm tuy đã chết nhưng được truy phong là Thái Úy Tề Quốc Công.Những người anh cùng họ với nàng là Dương Tiêm thì được phong làm Hồng Lô Khanh.Dương Kỳ thì được phong làm Thị Ngự Sử. Ba người chị của Dương Quý Phi cũng là những người tài sắc.Người chị lớn lấy chồng họ Thôi, được vua phong làm Hà Quốc Phu Nhân.Người chị thứ hai lấy chồng là họ Bùi được phong làm Quắc Quốc Phu Nhân,còn người thứ ba lấy chồng họ Liễu, được phong làm Tần Quốc Phu Nhân.Cả ba đều là những người có nhan sắc, đều được vua cho phép tùy ý ra vào trong cung.

Ân sủng của vua đối với dòng họ Dương đến cực điểm như thế,nên nảy sinh ra sự lộng quyền.Hối lộ hủ hóa.Mua quan bán tước.Anh em họ Dương đua nhau kiến tạo trạch viện,hoa viên,mỗi lần tốn kém hàng vạn vạn tiền.

Đặc biệt là sau khi Dương Quốc Trung được nhậm làm Tể Tướng thế lực của họ Dương vinh hiển tột cùng.Chính sự trong triều đa số do Tể Tướng quyết đoán.Người đến cầu quan phong tước chen nhau đứng chật trước cửa nhà họ Dương.Việc tuyển chọn và bổ nhiệm quan lại,có khi được tuyên bố ngay tại tư dinh của Dương Quốc Trung.

Trong khi đó,Đường Huyền Tông vẫn trầm mặc đắm say nữ sắc,thường có thói quen cứ vào tháng mười mỗi năm, lại dẫn mấy chị em Dương Quý Phi đến Hoa Thanh Cung để tránh lạnh và hưởng lạc,sang đến mùa xuân năm sau mới trở về cung.Các anh em họ Dương cũng xây cất biệt dã ở phía đông Hoa Thanh Cung.Nên mỗi khi vua đi qua, đều có ghé thăm,và ban

thường cho vô số tiền, gọi là "Tiền lộ 錢路".

Ân sủng của vua Đường đối với họ Dương chỉ chấm dứt,khi nổ ra cuộc bạo loạn của An Lộc Sơn , và khi kinh thành Trường An bị vây hãm.

B-Cuộc chính biến ở Mã Ngôi Pha.

Một vài thời điểm trước khi xảy ra cuộc chính biến.

-Tháng mười 11 năm 755 CN,An Lộc Sơn lấy danh nghĩa thảo phạt Dương Quốc Trung phát động mười lăm vạn quân nổi dậy làm phản ở Phạm Dương (nay thuộc U Châu,Bắc Kinh),mở đầu cho cuộc biến loạn mà các sử gia Trung Quốc mệnh danh là "An Sử chi loạn 安史之亂"

-Tháng một năm 756 CN, An Lộc Sơn tự xưng là Đại Yên Hoàng Đế kiến nguyên Thánh Võ.

-Tháng 6 năm 756 CN, Vương Tư Lễ khuyên Ca Thư Hàn,(Ca là Tiết Độ Sứ Hà Nam, được phong làm Phó Nguyên Soái đang cầm trọng binh thảo phạt An Lộc Sơn),dâng biểu giết Dương Quốc Trung,nhưng Ca Thư Hàn không nghe.Dương Quốc Trung vì sợ Ca Thư Hàn chống lại mình,thúc đẩy Đường Huyền Tông ép Ca Thư Hàn đem quân rời khỏi Đồng Quan.Bất đắc dĩ,Ca Thư Hàn phải bỏ chiến lược cứ hiểm ngự địch, rời khỏi Đồng Quan, thì bị rơi vào phục binh của bộ tướng của An Lộc Sơn là Thôi Càn Hựu và bị bắt.(Trích từ "Trung Quốc Lịch Sử Đại Sự Niên Biểu" – PXH)

Đồng Quan thất thủ.

Tin này làm chấn động kinh thành Trường An.Dương Quốc Trung khủng hoảng sợ hãi, sui vua chạy đến Tứ Xuyên,nhưng ở tại triều đình thì lại tuyên bố là nhà vua tự đem quân xuất chinh.

Triều thần chẳng ai tin cả.

Ngay đêm ấy, Đường Huyền Tông đến trú ngụ tại bắc cung,gần Huyền Võ Môn ,rồi bí mật sai Long Vũ Đại Tướng Quân Trần Huyền Lễ tập trung cấm quân và xe ngựa.Sáng sớm ngày hôm sau,tức ngày 13 tháng 6,vua cùng mấy chị em Dương Quý Phi,các phi tần, hoàng

11

chúng Hà Bắc rần rần đắp đồn lũy chống lại,chỗ đông có đến hai vạn người,chỗ ít thì một vạn người.

Năm 756 CN,An Lộc Sơn ở đông kinh,tức Lạc Dương,xưng là Hùng Võ Hoàng Đế,lấy quốc hiệu là Yên,kiến nguyên là Thánh Võ,rời phái binh phá Đông Quan,tiến nhập Trường An,tàn sát và cướp bóc dân chúng khủng khiếp.

Mùa xuân năm 75 CN, An Lộc Sơn bị con là An Khánh Tự âm mưu cướp ngôi giết chết.

4-Cao Lực Sĩ 高力士

Cao Lực Sĩ là hoạn quan đời Đường sinh năm 684 CN mất năm 762 CN, người Lương Đức Cao Châu (nay thuộc Cao Châu Quảng Đông). Cao Lực Sĩ vốn họ Phùng, sau làm dưỡng tử của hoạn quan Cao Diên Phúc mới đổi họ là Cao. Thời Đường Huyền Tông giữ Tri Nội Sự Tỉnh Sự, rồi được phong là Bột Hải Quận Công. Các tấu chương từ bốn phương chuyển về đều phải qua tay Cao Lực Sĩ, quyền uy cực lớn. Khi Đường Túc Tông còn ở ngôi Thái Tử, coi Cao Lực Sĩ như anh. Các tể tướng như Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung, và tướng lĩnh như An Lộc Sơn thường cấu kết với Cao Lực Sĩ. Trong cuộc An Sử chi loạn, Cao Lực Sĩ theo Đường Huyền Tông chạy đến Tứ Xuyên.

Năm 760 CN, Cao Lực Sĩ bị đuổi về Vu Châu, hai năm sau được xá trở về, giữa đường bị bệnh chết.

#### 5-Trần Huyền Lễ 陳玄禮

Trần Huyền Lễ mới đầu được bổ nhậm làm Quả Nghị Đô Úy theo Lý Long Cơ (Đường Huyền Cơ) đứng lên phản đối Vi Hoàng Hậu. Khi Huyền Tông tại vị Trần Huyền Lễ coi cấm vệ quân. Trong cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn, Trần Huyền Lễ theo vua chạy đến Tứ Xuyên. Tại Mã Ngõa Dịch (nay thuộc phía tây Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), Trần Huyền Lễ cùng với binh sĩ nổi lên giết Dương Quốc Trung, và ép vua bức tử Dương Quý Phi, về sau được phong làm Thái Quốc Công. Năm 760 CN, thì từ quan.

#### 6-Lý Phu Nhân 李夫人

Là em của âm nhạc gia Lý Diên Niên và em của Nhị Sư Tướng Quân Lý Quảng Lợi đời Tây Hán, vì nghe Lý Duyên Niên tán tụng là :

Nhất cố khuynh nhân thành

Tái cố khuynh nhân quốc

Nên được Hán Võ Đế tuyển vào cung và rất mực yêu thương, phong là Lý Phu Nhân, sinh ra Xương Ấp Vương nhưng bị chết sớm.

Võ Đế thương nhớ vô cùng mới sai họa sĩ giỏi vẽ hình nàn treo ở cung Cam Tuyền để ngắm, và còn làm bài thơ « Lạc Diệp Ai Thiễn », và bài « Lý Phu Nhân Phú » để tỏ nỗi lòng khắc khoải hoài vọng. Chưa hết, Võ Đế còn mời cả đạo sĩ Thiệu Ông ban đêm là chiêu hồn Lý Phu Nhân về cho ông gặp. Tương truyền ông đã gặp được một người con gái diễm lệ như Lý Phu Nhân.

Y quan trũng 衣冠冢 :

Y quan trũng là ngôi mộ chỉ dùng để chôn những quần áo mũ mào của người đã chết. Lý Bạch khi chết táng ở Dương Đồ Huyện tỉnh An Huy, sau lại được cải táng ở núi Thanh Sơn huyện Dương Đồ.



Nhòai mộ phần trên,người ta còn biết có hai y quan trững của Lý Bạch,một gọi là Lý Bạch y quan trững ở thành phố Mã Yên Sơn,co bia đá đề « Đường thi nhân Lý Bạch y qaun trững » và một cái đề Lý Bạch y quan mộ ở làng Thanh Liên Hương thuộc thành phố Giang Do,tỉnh Tứ Xuyên,dụng năm Đồng Trị bát niên,tức năm 1869.

12

(Xin đọc thêm bản dịch Trường Hận Ca của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu )

Sách tham khảo:

1-Trung Quốc Văn Hoá Vĩ Giải Chi Mê中國文化未解支謎

2-Đường Thi Tam Bách Thủ唐詩三百手

3-Trung Quốc Văn Hoá Sử 500 Nghi Án 中國文化史 500 疑案

4-Trung Quốc Lịch Triều Sự Điển 中國曆朝事典

5-Từ Hải 辭海

6-Tứ Đại Mỹ Nhân Diễm Tình Diễn Nghĩa 四大美人艷情演義

7-Trung Quốc Văn Hoá Tri Thức Tinh Hoa 中國文化知識精華

# Nhan sắc thỉnh không

Hoài Ziang Duy

Mây là tên một cô gái. Lúc nàng có thai Rừng đã không hay. Cảm giác buồn nôn không rõ rệt, biếng ăn một mối. Làn hồi ngực căng cứng. Chung quanh đầu vú đã có quầng thâm đen. Giờ đây Mây đã thấy khác. Trong cơ thể chuyển biến từng ngày một đổi thay.

Theo Rừng lên chón nầy. Rừng bảo đi là Mây đi. Không phải cuồng nhiệt mà Mây chỉ muốn quỵên vào với Rừng làm một. Ở đây không có kiếng soi. Những đêm trăng Mây khóa thân ngồi đó. Aùnh sáng trong vắt phản chiếu hình ảnh trần truồng của Mây trên mặt nước. Mây ngồi lặng lẽ. Cảm giác một mình được trắng ve vuốt, không cần cho ai biết hay Rừng bắt gặp, Mây thấy lòng thanh thản hơn. Rừng bảo xa trần thế. Mây ơi bay đi. Chỗ không phải của người mới là của ta. Mấy ai có được cuộc sống như mình. Thực mộng trong đời chỉ là hư ảo. Non cao vực thẳm tường như bến mê.

Rừng là người, như rừng ở trần gian. Mây không cần biết tuổi tác ở người bạn đời. Chỉ cần có tấm lòng biết yêu thương Mây. Rừng muốn lập vương quốc riêng. Không có người, không có thần dân. Tự do từ mình, không phải bận tâm lo cho đời sống người khác. Rừng ích kỷ. Rừng muốn làm chủ bản thân mình để được trọn vẹn.

Thú vui của Rừng là non nước, chim muông và cá. Sinh sống ở Rừng là khai đất trồng cây, trồng lúa bên khoảnh đất cạnh giòng suối nhỏ. Suốt đời Rừng sống khao khát lấy một tình yêu, thủy chung và nên thơ chính mình.. Rừng làm bẫy bắt thú, bắt chim. Những loại chim rừng, lẫn chim họa mi, chim áo già. Mây không dám ăn thịt, Mây sợ tội. Mây muốn giữ chim. Mây muốn nghe tiếng hót và đến ngày rằm khấn nguyện thả chim. Mây muốn phóng sinh để được giải thoát, dù ở đó một người bẫy, một người thả. Mây coi đó là phúc lành.

Nhìn hang động của Mây, Rừng chỉ lặng lẽ không nói gì. Đó là nỗi cô đơn, là nỗi yên ả ở tâm hồn Mây. Đem đến niềm vui cho người khác, cho người mình yêu dấu, dấu có đau lòng nghịch lý hơn, Rừng vẫn chịu vậy. Với Rừng tù hãm và tự do là sự lẫn lộn. Mâu thuẫn hay giản dị cũng từ từng lúc nhìn. Ở đây chỉ có Rừng với Mây. Không ai nhìn thấy phê phán. Mây đã theo Rừng lên đây. Rừng là đàn ông phải biết bảo bọc chở che. Thật ra chung quanh đâu có người để Rừng phải bận tâm bảo vệ. Thiên nhiên là những xào xạc của lá của gió. Bão giông cũng không thể cuốn hút Mây của Rừng đi được. Mái nhà đơn sơ bên bờ suối, đến đêm có cánh tay trần của Rừng để Mây gối đầu. Vòng tay ôm của Mây quanh thân Rừng, quanh bóng tối bao phủ chờ đợi một ngày mai.

Buổi sáng thức dậy. Aùnh mặt trời rọi sáng. Người đầu tiên trong một ngày của Rừng là Mây. Khuôn mặt nàng đó. Đôi mắt mở to. Mái tóc dài buông xõa, vàng trán rộng thông minh. Khuôn mặt của Mây rạng rỡ từng lúc từng hồi. Trong lòng Rừng, Mây đẹp và hiền lành như tranh vẽ bỏ tất mà thuở nhỏ Rừng đã nhìn đắm đuối quên đi tạp niệm. Rừng yêu Mây như yêu một tình yêu thánh thiện. Còn quăng đời qua. Ai không có cội nguồn. Rừng không muốn nhắc, nói lại làm gì. Rừng có phạm tội không khi quỵên rũ Mây ra đi. Hay chính Mây đã lựa

chọn cho cuộc sống mình. Mây vượt thoát, Mây bay đi trên vòng lễ nghi tội lỗi, bỏ lại đàng sau cuộc thế tục. Giờ đây chỉ còn có Rừng để Mây được sống, được thở trong tình yêu, tự do.

Một ngày bắt đầu Mây hỏi.

\_ Rừng ơi. Anh có nghe không tiếng chim đó.

\_ Anh hiểu những gì chim hát, kể cả mọi điều.

\_ Anh giả bộ thôi, chim nói những gì. Mây dục.

\_ Sẽ có người đến vương quốc này, vì ở đây có sự sống. Không ai chọn lựa giữ phần được mà không mất mát.

\_ Rồi mình sẽ ra sao. Mây phân vân.

\_ Đến chừng đó mình sẽ đi. Ở đâu rồi cũng có người Mây à, vì là trần thế. Chim cũng đang sống trong vòng giành tổ. Đất có biên giới, nhưng tâm lòng không có lằn ranh giới hạn. Đất không biết nói gì, nhưng đất biết nghe tiếng thị phi, nhìn thấy sự tranh giành và tội ác.

\_ Rừng ơi. Mây nói. Thế giới chúng ta là sự thâm lặng. Tự nó đã là một tuyên ngôn độc lập.

\_ Mây có buồn không, khi sống cho chính mình là sống riêng rẽ với xã hội, là sống trong sự cô độc.

\_ Đôi lúc em không muốn mình là Mây, muốn là chim để được nói những điều mình muốn nói, muốn có đôi cánh lướt mề hời, để hiểu bay xa hơn nơi mình sẽ tới.

\_ Mây ơi. Ở đâu em cũng phải sống với người cùng chung, để nghe, để nói. Muốn làm chim? Chim hát vẫn vơ cho quên đời, chỉ là cảnh trí mua vui thoáng qua. Không ký ức, không để lại gì trong bầu trời xanh dưới cái nhìn của mỗi phận người. Còn ở ta, ta làm người, ta có nỗi đau, có chia sẻ. Có thiên đàng ở trên cao. Có địa ngục là về với đất. Có luân hồi, có chuyển hóa, có niềm vui, có ngày mai là những biến đổi không biết được. Chờ đón tương lai, phải chăng là niềm an ủi cho những kỳ vọng, hôm nay chưa đạt được.

Mây hôn Rừng. Nụ hôn ngắn ở mỗi ngày nhưng dài hơn cả đời Mây đi qua. Khi đã sống chia lìa với thực tại, trốn chạy rời bỏ tất cả để đến chốn này. Mây nghĩ là sẽ êm ấm chấp nhận. Nhưng quanh quẩn trong hạnh phúc chín muồi, lại là những lúc vẫn vơ về quãng đời qua cảnh cũ. Có phạm tội không với người đàn ông trước. Với một người mà tình yêu chỉ là nhục thể. Mây bị dày vò đau xót ở tâm hồn và trò chơi với người không yêu thương. Hẳn là biểu tượng của một xã hội, chỉ có vật chất và những đêm làm tình tiếp nối, đau đớn mà Mây nhận chịu. Với Mây, Mây muốn vượt lên những điều đó. Mây cần được yêu thương vỗ về. Cho đến lúc gặp Rừng. Gánh những ân tình mà Rừng chia sẻ bồi đắp lên vết hằn đau. Mây mới chợt hiểu tình yêu khác đi với tình cảm nhục thể. Mây khóc. Mây hiểu cảm giác đầu đời con ân ái. Mây tiếc nuối. Không phải sự giữ gìn bị phá vỡ. Lý ra Rừng phải là người đầu đời đi qua đời con gái Mây. Ở đó Mây có nỗi êm ái, có bờ hạnh phúc, có tên Rừng. Rừng ái ân. Và Mây, Mây bay lên trên cao ẩn trú tình người.

Mây kêu gọi dục dã Rừng. Chờ đợi Rừng sống một thế giới khác. Ở lại với người, Mây là kẻ phạm tội. Mây cần được sống, được thở, được chọn lựa hạnh phúc đích thực đời mình. Cho

đến ngày theo Rừng ra đi. Mây mãi nguyện. Bỏ lại đằng trước. Đi đến nơi không có chốn người. Chỉ có tình yêu. Chỉ có tấm lòng Mây muốn sống, muốn sống lại thực tế làm người. Xa đời nhưng lần hồi Mây thấy nó không xa. Vẫn những hiểm nguy rình rập. Vẫn thấy được điểm cuối thời gian đang ở trước mặt. Và Rừng vẫn phải sống, phải làm để nuôi thân.

Con người Rừng đáng vẻ không đẹp. Đời sống nội tâm ở Rừng vẫn là điều Mây không thể hiểu hết được. Có những u uất, bịt kín như những đêm không gió. Rừng yêu nước, yêu cội nguồn, không dữ dội mà trầm trầm lặng lẽ. Rừng hát những bản tình ca, mỗi lần nghe Mây phải khóc. Rừng thương cho dân tộc mình bao giờ cũng bị đánh phá, cũng có nội thù. Rừng muốn có vùng đất riêng, không gian riêng. Ở đó muôn loài sống thuận thảo yêu thương. Nô lệ cho chính bản thân mình đã là điều tội lỗi. Rừng không muốn áp đặt, kéo lê xuống mơ ước của mỗi con người. Đời sống bây giờ chỉ có Rừng và Mây. Rừng sống với tự do khát khao. Rừng sống với tình yêu tìm kiếm cho chính đời mình.

Đôi lúc Rừng cũng biểu lộ bản tính hỉ, nộ, ái, ố làm người. Không phải Rừng giận Mây, do Mây, mà chính những gây đổ Rừng đã làm hư làm hỏng. Búa riều Rừng vung vào cây, chém những vết hằn sâu. Qua cơn giận dữ, nghĩ lại. Như điều thị phi len vào chốn này. Rừng bỏ đi không dám nhìn lại. Không ai thấy. Rừng vẫn cảm nhận cái liêm sỉ làm Rừng ray rứt. Rừng chỉ muốn làm người. Muốn ăn, muốn hưởng những gì làm ra ở chính bản thân mình. Nhưng nào có được đâu. Chân lý tìm kiếm hình như không kết quả vậy. Rừng vẫn phải thụ hưởng những điều sẵn có. Tách rời một đời sống. Tách rời hệ lụy là điều không thể được. Vương mắc vào lại thêm khổ hạnh. Nói những điều không nên lại là khẩu nghiệp. Cho nên Rừng không muốn nói, không muốn ngợi ca đất trời. Cái đẹp ắt hẳn đã sẵn. Con người khi bị tước đoạt tất cả trở nên tầm thường, và tình yêu chỉ là dục tính của tình dục.

Đôi khi Rừng không hiểu chính mình là người hay đích thực là rừng của muôn vật, là ngọn cây cao, là thảo mộc đã có từ hàng bao thế kỷ, thuở đất trời chưa nổi đoạn phong ba. Rừng là người hay là rừng của muôn loài quên lãng. Đó là ý nghĩ nhiều lần Rừng tự hỏi. Sống hòa lẫn chung đụng hay đi ra ngoài cuộc sống. Sự chọn lựa hôm nay chỉ là một thể đứng. Rừng muốn hiên ngang ngẩng cao đầu. Còn có ta, còn có đất trời, và bên em, ta có tình yêu, đó là tình yêu mây. Trong bụng Mây đang có mầm sống. Rừng biết, thai nghén là tương lai, là hồi sinh, là sáng tạo sự sống mới, tiếp nối dòng máu của Rừng.

Đúng như loài chim đã báo. Giang sơn của Rừng đã có từng đoàn người đến khai phá ẩn cư. Rừng trèo lên cây cao trông về hướng họ, kể cho Mây nghe. Mây sợ. Mây không muốn mất đi cái khung cảnh dù ngắn ngủi, nhưng đã tạo cho đời sống Mây nổi bình yên ở tâm hồn. Mây cần có Rừng, cần người đàn ông chở che ở tương lai. Những đêm lạnh trời Mây thấy thiếu thốn, khát khao một điều gì đó không rõ rệt. Thu mình lại trong sự sống lâu ngày. Mây cảm thấy buồn chán. Chạy trốn cuộc đời, chạy trốn trần gian muôn màu, sống nơi hoang dã, đôi lúc Mây thèm được nghe tiếng người cùng chung nói. Sự ra đi này đúng hay sai. Sống nơi không người hay sống lẫn với người không cảm thông được với nỗi đau, nỗi cô lẻ. Sự khinh khi từ nhiều phía, ở họ hay chính mình tự cảm thấy, bị dồn về một phía chỉ còn là mình. Nhưng dấu thế nào Mây cũng không thể quên được quá vãng. Ngoài Rừng còn có ai, chỉ còn là nỗi tâm tình. Rừng không có dấu ấn đau thương, lở làng mát mát như đời Mây đi qua. Không hiểu về Rừng nhiều. Mây không muốn biết, muốn nghe. Mây sợ mất đi ấn tượng về người đàn ông lúc nào cũng che chở cho Mây. Chuyện tình của Rừng với Mây là chuyện của đất trời giao hợp. Ở chốn trần gian cũng có nỗi niềm.

Đêm nay Rừng không ngủ được. Gió nổi phong ba ở chốn nào đó. Còn ở đây rừng tĩnh mịch. Bóng tối bao phủ cõi trần, chỉ còn thấy bóng, bóng của hai người đàn ông. Một người cúi xuống.

\_ Thừa tôn sư, điều con làm đúng hay sai.

Có tiếng trả lời:

\_ Đúng sai là do tâm con nghĩ. Chuyện con không rõ. Ta không rõ thì làm sao kẻ ngoài hiểu được.

\_ Người ta bảo con là kẻ phạm phu tục tử, đội lốt cửa thiền, lòng mình cảm thấy đau xót quá.

Có tiếng thở dài lùa đi trong gió, giọng đáp khẽ:

\_ Cõi trần gian này ai không là tục tử. Cái áo che thân trùm lên thân phận, chức danh chỉ là tên gọi, sá gì con phải bận tâm. Mừng vui quá hại tâm. Lo buồn quá hại tài. Đọc sách thánh hiền con đã hiểu. Ta không đọc. Người không đọc cũng hiểu luân lý cuộc đời. Có ai xưng thánh thần trong lúc này. Họ chỉ tự đặt, tự gọi để sống lên nhau. Có coi nó là trật tự trong lúc này đi nữa, thì mai một cũng đảo lộn lật xuống mây hồi.

\_ Con muốn yên thân cho hết kiếp mà vẫn không xong.

\_ Tâm con động là bởi con sống trong vòng chuyển động. Người tới lui cho con hưởng phước cúng dường thì sao con yên. Thụ hưởng của người là phải trả. Người ta kính Phật chứ không phải kính con. Đừng làm lần điều ấy. Đằng sau lớp áo con cũng chỉ là tục tử.

\_ Vậy chỗ nào mới là chỗ an thân.

\_ Con cần chỗ dung thân chứ chưa cần phải an. Cái có của mình là tự mình biết. Cái người ta bỏ đi mới là cái của mình. Không lợi lộc, không chức quyền, không dòm ngó người lân cận. Người chung quanh không nghĩ đến mình mới là chỗ dung thân. Cây cỏ đâm lên, chỉ chỗi dậy lặng lẽ đằng sau nhịp bước. Còn phần con đã lội qua sông thì đừng mang qua bờ. Cái gì để lại được thì nên phải sạch. Giác ngộ điều này thì tâm mới tĩnh, mắt mới sáng. Còn ẩn dụ nào con không rõ.

\_ Vậy thì con được yêu hay không ?

Có tiếng thở dài. Rất lâu, rồi ngằn ngừ.

\_ Con muốn nói dưới vực sâu tâm hồn, con cũng biết yêu, thứ tình yêu người, đó có phải là điều tội lỗi?

\_ Nhân gian có chỗ trật tự. Cách nhìn lâu ngày thành thói quen, trở thành qui luật, đúng chỗ, hợp thời gian. Đi ra ngoài đám đông một mình, sẽ thành kẻ xa lạ. Giới cấm mà con mang chính mình nhận chịu, không ai bắt buộc. Muốn người ta tôn sùng thì phải tu thân. Lập thân ở hoàn cảnh nào thì trở về yên ở phận nấy.

Người đàn ông lặng lẽ. Hồi lâu, ông nhớ lại.

Mười mấy năm trước ông cũng là kẻ đi tìm tự do. Kẻ đạo người đời có ra đi cũng cùng chung cảnh ngộ, xác phàm tục tử. Sinh hoạt chung đụng để sống nuôi thân, trong hoàn cảnh cùng khổ, không có giai cấp, lớp lang bề trên kẻ trước, không phân biệt màu áo sắc da, cùng là con người, miếng đói miếng no. Có chăng là che dấu thân phận, tự tạo cho mình bóng sắc hào quang, nuôi tiếc dĩ vãng, thêu dệt trăm điều mọi chuyện. Cái tôi ở trần gian của ai cũng lớn, dù đang chen nhau sống, đương đầu với thực tại khó khăn. Trong hoàn cảnh vậy ông đã gặp người đàn bà cô lẻ, yếu đuối, sẵn sóc lo lắng cho nhau mỗi ngày mỗi buổi, như một thứ tình ở chốn đời muôn nẻo. Không ai cấm được ông, cấm ông yêu tiếng hát của người ca sĩ đó, yêu chủ nghĩa yêu tự do cho chính mình. Ông không dám thú thật để nàng biết, trước đây ông là nhà tu hay linh mục. Đằng sau lớp áo, ông chỉ là con người, cần có một thứ tình để sống. Con người ông từ tội lỗi đi ra. Cái nhân cái thiện ông biết tự kiềm chế bó buộc, như bèo trong sâu kín ông cũng có những khát khao che dấu. Đó là những lúc ông ngồi một mình lẳng lặng. Đó là những lúc không phải ở chốn trang nghiêm, ông sống thật với chính mình. Ông yêu giọng hát trước khi yêu người đàn bà. Tiếng hát đã làm ông mềm lòng, tủi thân gọi nhớ. Trong tiếng hát ông thấy lại đời mình, nghe giọng ca ông bồi hồi xúc động

Trước đây có bao giờ ông để ý đến đàn bà. Chỉ có hoàn cảnh này, lúc này, từ nỗi thương cảm lẫn mạn, đi đến một tình yêu chân thật. Có thể nàng không biết nhiều về ông lúc đó. Nàng sống dửng dưng có ông kề cận, như một người bạn thâm lặng trong cảnh ngộ. Nàng đã đi xa hơn những điều ông nghĩ. Cái vòng trói buộc lẫn quẩn, tắm mát, nàng cũng dễ rửa xong nhóp bụi hồng trần. Rồi thôi khi có cơ hội, nàng như cánh chim tung bay, để lại ông với bao nỗi niềm thẹn với chính mình. Đường trần đâu có sợi dây nào cột lại, chỉ có oan khiên mới làm khổ đau thôn thức.

Tôn sư. Mười năm sau con gặp lại nàng. Bây giờ nàng đã khác, đang đeo đuổi con đường chọn lựa. Còn con, con cũng đã hóa thân thành người khác. Nàng vừa hốt hoảng vừa buồn cười thú vị khi thấy con trong cánh áo này. Nàng không gọi con lời tôn kính như người khác đã gọi. Vẫn lời thăm thì cũ. Người đầu đời tưới nước trên nhánh cây khô, trên mầm sống, làm sao con quên được. Nàng nhắc lại câu chuyện đan dúi ở mỗi tình đầu. Tình đầu? Hỡi ơi, tình đầu tình cuối, hay tình lung chừng cũng không hiểu được. Sự đùa giỡn bốn cột trên một tình yêu tột nguyên tội lỗi. Nàng muốn kéo con trở lại trần gian, trở lại đời sống phàm tục.

\_ Vậy rồi người bỏ đi ư?

\_ Không phải bỏ đi mà cởi áo trốn sang đời khác. Tôi không thể đi suốt cuộc đời với nỗi sám hối lúc nào cũng đeo đẳng. Vậy rồi cho đến khúc quanh, đã phải rẽ sang đường khác. Người ta nói quít trồng ở Giang Nam chua, nhưng trồng đất Giang Bắc sẽ ngọt. Tôi muốn có một đời sống mới, tự do, không còn những hệ lụy ràng buộc.

\_ Tôn sư. Việc làm vậy có phải không?

\_ Cho đến bây giờ phận người ngọt hay chua, cũng chính từ gốc. Người chạy trốn đâu, cũng chỉ là mình. Đời sống còn nhiều ảo vọng. Buồn vui nắng sớm chiều mưa mới tạo nên cuộc đời. Không nên bám víu điều không giữ được. Không để gở điều mình phải mang.

\_ Người ta còn làm điều tội lỗi, thủ đoạn hơn để đạt thành mục đích, sao không ai để tâm phê phán, sá gì một phận người nhỏ bé như con.



\_ Người ta làm nhưng biết che giấu, có hậu thuẫn, có đôi chác. Còn người, người có những gì. Tâm lành chất phác, lý luận đơn giản cho một tình người, không thể yên được trong đời sống bây giờ.

\_ Vậy đời trước tôn sư yên ổn lắm sao?

\_ Lúc ta sống là lúc tìm kiếm, tìm kiếm bản năng của chính ta. Ta chỉ là kẻ cô độc thua người thua tất cả, chỉ lấy bóng sắc thời gian soi lấy chính mình. Ta có mặt trời làm bạn đường hy vọng, ước mơ. Với đêm trăng là kẻ tục huyền làm lòng ta tu tỉnh. Ta không nói lời phiến não. Hãy để tâm ta nói, một mình ta nghe, và chung quanh là muôn loài chứ không phải riêng một người đàn bà.

\_ Tôn sư. Vậy người là ai?

\_ Người thấy ta không?

Người đàn ông chồm về phía trước trong tư thế ngồi. Dưới ánh trăng, bóng người ngã dài. Gã đứng lên, phân vân rồi chợt hiểu. Thì ra tôn sư chính là bóng của ta. Người thầy của ta là ta. Ta đi tìm người học đạo. Ta đi bốn bề ngàn phương, lập thân cứu quốc, cõng lột trần đời, chạy trốn vinh hoa phú quý. Rồi cũng thấy lại ta, thấy lại bóng của chính mình. Cho đến lúc này, gã thấy lòng thanh thản hơn, dù hai chân tê cứng. Tội lỗi cu r mang vô hình dung đeo đẳng từ lâu lần hồi lịm xuống. Lý tưởng cao siêu, tham vọng ở chính bản thân mình cũng tắt.

Đời đã đổi rồi. Hay đổi một lần đời cũng thế.

Rừng ơi, bây giờ thì sao? Đã có lần hiền lành trốn chạy tình yêu, sao trói buộc chi thêm một thứ tình bằng bạc lấp nổi trống không. Là Mây đó. Mây của gần gũi, của năm tháng dài lâu. Đâu mấy ai biết mỗi tình đan díu sẵn sinh ở Mây với Rừng. Nhưng bây giờ Rừng muốn kêu lên. Hãy để Mây bay đi cho lòng mây thanh thản, cho Rừng vẫn sống với rừng trăm mặc muôn đời.

Gã đi từng bước về ngôi lều hoang vắng. Nói lời tạ từ với Mây, với mỗi tình si, rồi cũng trôi theo giòng đời?! Cuộc sống ở đây yên tĩnh quá. Đạo đời lẫn lộn hình như âm vang ở xa, chứ không phải chốn này. Nó đã thuộc về quá khứ, như những bí ẩn ở người đàn bà. Còn Rừng, Rừng bây giờ với hiện thực. Thế giới hoang vu chỉ còn có ta, có rừng cây xào xạc lá. Không còn gì, không cần thiết phải nói cho Mây biết về con người thật của mình. Tình yêu qua đi, có thực sự chẳng, hay chỉ là nỗi khát khao thêm muốn ở một con người cần được yêu thương. Xã hội có thể không tha thứ. Đang đuổi xô gã với lời thị phi. Nhưng tất cả, Rừng nhủ lòng. Ta đang trả lại, trả lại quá khứ, trả lại đầu đời trần gian niềm tôn kính.

Đến trước căn lều. Có tiếng rên khẽ. Con đau hình như đến với Mây mỗi lúc một nhiều. Gương mặt nàng tái xanh nhợt nhạt. Mái tóc xõa dài rối tung. Nàng trần truồng nằm đó. Không phải là lúc tắm trắng bên bờ suối. Không phải là lúc thơ mộng như tranh vẽ. Nàng cắn chặt hàm răng, oằn oại trong tiếng rên đau. Mây đó. Mây của Rừng đó..Nàng co hai chân lên, xoay nghiêng đuôi thẳng. Bây giờ thì Rừng đã thấy, con đau đón ở Mây thế nào. Một mình Mây chịu đựng.

Gió như đôi chiều. Con giông bất ngờ ủa đến. Àung mây mù che lấp một phần trăng. Có tiếng chân đến gần. Tiếng chân của Rừng hay tiếng chân ai dẫm theo nhịp tim đập.

Trời đất bao la nhưng lặng lẽ vô chừng. Mặt Mây tái đi. Con thôi thúc vỡ òa. Máu. Máu từ dạ  
bụng Mây chảy xuống. Trước mắt Rừng. Không là Mây của đêm trăng huyền hoặc. Giòng  
máu đỏ từ cửa mình Mây chảy ra, lan dần xuống đùi háng. Vết máu khổ đau. Vết máu của con  
người hiện thực. Vết máu thắt chặt tim Rừng.

Trời như tối lại. Trong đêm Rừng thấy nụ cười, khát vọng của Mây bay lên.

Mây bay lên ... Trời không hay. Đất cũng làm bộ không biết.

***Hoài Ziang Duy***

# *Căn nhà có bốn phòng*

*Quỳnh Chi*

**K**hi tôi đi thuê nhà, người ta giới thiệu cho tôi một căn nhà có bốn phòng

Một phòng chan hòa ánh nắng mặt trời huy hoàng rực rỡ yêu đời, một phòng màu hồng nhạt dịu dàng của những bông hồng ngát hương thương yêu và mơ mộng, một phòng màu xanh hy vọng của bầu trời rộng mở đến vô cùng và căn phòng thứ tư, thật ra là căn gác dưới mái nhà, là một cái kho ngổn ngang chứa nhiều thứ đồ chưa kịp vứt đi. Căn gác này u tối như mây đen u ám giăng đầy trời.

Người ta đưa cho tôi bốn chiếc chìa khóa và chỉ dẫn sơ qua cách sử dụng, nhưng cũng nói thêm rằng cách sử dụng từng phòng cũng tùy theo sáng kiến của người thuê nhà.

Tôi dọn vào đây đã lâu nhưng dần dần tôi mới thực sự biết cách sử dụng các phòng trong nhà.

Ngày ngày thức dậy tôi thường vào căn phòng có ánh nắng chan hòa, đón nhận ân sủng của trời đất khi ánh nắng mai ấm áp reo vui vừa đậu xuống nơi khung cửa, ánh nắng chói sáng khai tâm mở lòng mở trí cho tôi. Buổi trưa có khi ánh nắng chói chang làm tôi đổ mồ hôi vì phải đuổi theo ánh nắng hay những sự giao thoa của các luồng ánh sáng của trí tuệ. Buổi chiều ánh nắng tàn phai trong niềm lưu luyến nhớ thương, hay dịu dàng an ủi, yêu thương triu mến khi ráng chiều ôm ấp bờ vai, bóng thần linh hay các luồng ánh sáng huyền bí như tia sáng từ trời vùng bắc cực đưa hồn trí tôi đắm chìm vào suy tưởng.

Nhưng cũng từ nơi cửa sổ căn phòng ấy đôi khi gió mưa đã tạt vào, mây đen hiện ra nơi khung cửa sổ bên trái suýt làm u tối cả căn phòng, tiếng gió gầm gào hay rên khóc cũng có khi lọt vào đây, rồi sấm chớp hãi hùng.

Tôi cuống quýt gọi điện thoại hỏi thăm công ty cho thuê nhà. Họ bảo tôi phải đóng bớt một cánh cửa sổ bên trái của phòng này, hoặc mở cửa sổ trên mái rầm thượng của căn phòng màu đen. Nếu không mở cửa cho mây đen và sấm chớp, gió mưa lọt vào phòng màu đen thì họ sẽ lọt cả vào cửa sổ bên trái của căn phòng Nắng .

Tôi vội vàng lên tầng hai, vào căn gác dưới rầm thượng, dùng sào chống cánh cửa sổ trên mái nhà lên cho mưa gió lọt vào. Mưa tạt làm tôi ướt đầm và gió thổi làm tôi đứng không vững. Nhưng rồi tôi cũng lần ra tới cửa và ra ngoài hành lang, khóa chặt cửa lại. Tôi chợt nhận ra rằng các cánh cửa của căn nhà này thật là dày và kín, không để lọt một chút mây đen hay hạt mưa hay tiếng gió, dù thì thầm than thở hay điên cuồng gào thét, có thể vang vọng ra ngoài hành lang.

Từ đó mây mù hay giông bão gió mưa chẳng bao giờ hiện ra nơi cửa sổ của căn phòng đầy nắng. Chỉ còn nghe thấy tiếng chim hót reo vui nơi khung cửa, tiếng suối róc rách thì thầm, tiếng sáo diều vi vu, tiếng gió ru êm hay tiếng thác ngàn vọng vào gọi giấc mộng viễn du. Tôi đã nhận được nhiều ân sủng của trời đất trong căn phòng đầy Nắng

Vào căn phòng màu hồng nhạt có cửa sổ mở ra một vườn hoa ngát hương, tôi tìm thấy trong khu vườn này từ thuở ấu thơ của chính mình cho đến khi khôn lớn, từ những trang cổ tích thần thoại xa xưa đến thế giới khoa học viễn tưởng. Tôi hái hoa đẹp kết lại thành bó. Tôi gõ vào tường màu hồng và bức tường bắt đầu lên tiếng kể chuyện hay thì thầm hát cho tôi nghe. Tôi cố gắng chép lại tất cả. Màn cửa màu hồng như tà áo lụa tiên nga, và thảm màu hồng đưa tôi bay lên giữa các vì tinh tú, bay vào trong mơ.

Tôi thường ở căn phòng này lâu lắm, vì khi hoa nở tôi vội vã ghi lại những sắc màu tuyệt đẹp, khi hoa tàn tôi ép chúng để lưu niệm, lo ghi chép lại âm thanh từ bức tường màu hồng vang lên, và mãi viễn du theo bức thảm màu hồng với màn cửa choàng trên vai.

Căn phòng màu xanh hy vọng là nơi tôi thả những cánh diều lên bầu trời bao la mở rộng đến vô cùng, những cánh diều chở những bài thơ của bức tường màu hồng hay những bó hoa trong khu vườn cùng hương thơm tỏa ra khắp trời mà tôi đã chuẩn bị nãy giờ trong căn phòng màu hồng. Thật ra tôi rất vui về nên căn phòng màu hồng đầy ắp những bức vẽ dở dang, những bó hoa xếp đặt chưa được hài hòa, những bài thơ dở ỏi là dở mà bức tường màu hồng phải che miệng cười. Dẫu vậy đôi khi tôi quên nhìn thử bức tường màu hồng để hỏi ý, xem thử bức tường có đồng ý - bằng cách gật đầu kêu cộp cộp -, hay lắc đầu - làm rung chuyển như khi có động đất nhẹ -, đã hấp tấp vội đem gửi tung lên trời qua khung cửa sổ của căn phòng màu xanh. Tôi vui thích với chuyện thả diều gửi đến muôn phương, mà chẳng thắc mắc và chẳng biết những cánh diều ấy đã bay tới đâu. Thỉnh thoảng cũng có một vài cánh diều tôi đã gửi đi lại quay trở lại rơi vào phòng Nắng, đem cho tôi những lời thăm hỏi của một người nào đó ở nơi xa đã bắt gặp chúng.

Chẳng mấy khi tôi dám mon men lên căn gác dưới rầm thượng, cho đến ngày một cánh diều không biết đi lạc thế nào lại chở về cho tôi một thông điệp hằn học của giông bão trong căn phòng màu đen. Tôi đánh liều leo lên gác, hé mở cánh cửa, mưa gió ủa ra và tạt ướt cả hành lang, cơn cuồng nộ của bão tố và những lời than khóc thù hận ngất trời làm rung chuyển cả căn nhà. Bàn ghế chúi cùn quần áo cũ trên gác thượng đôi khi bị gió mưa thổi văng cả ra ngoài suýt làm tôi bị thương tích cùng người. Những lời oán trách chửi rủa hằn học làm tôi đình tai nhức óc, như chìm tôi xuống địa ngục. Và tôi gục xuống thiếp đi cho đến khi tỉnh lại thì gió mưa đã dịu và cơn bão dường như đã lui bớt.

Tôi về căn phòng màu hồng. Bức tường còn đang sợ hãi đến nhợt nhạt như trở màu tím vì giông bão trên rầm thượng nãy giờ. Bầu trời nơi cửa sổ căn phòng màu xanh giờ đây như tím thẫm lại.

\*\*\*

Những ngày nắng vẫn dài hơn ngày mưa. Phòng Nắng vẫn chan hòa. Nhưng trời vẫn còn mưa bão thì làm sao căn gác trên rầm thượng đủ rộng để chứa những cơn thịnh nộ của thiên địa và trần gian. Tôi bèn mở hết cửa sổ của phòng Nắng, cả khung cửa sổ bên trái để biết khi nào trời giông bão và lắng nghe những tiếng thở than. Chừng như gió bão cũng đã hả giận khi biết có người chịu nghe, từ tốn nói chuyện, không còn đá thủng đụng nia, hay thổi cát làm mù mắt thiên hạ cùng rải mưa làm ướt nhẹp cả nệm ghế ngồi.

Và chúng tôi còn tâm sự suốt một thiên niên kỷ, cùng mơ một khung trời mãi ngập Nắng và đời sẽ bớt khổ đau cùng những tiếng kêu than.

Căn gác dưới rầm thượng bây giờ chỉ còn để đựng những đồ mà người ta đem tới chào hàng, chẳng bao giờ cần tới.

Quỳnh Chi (16/1/2007)

# Một Bông Hồng Trắng

*Tâm Minh Ngô Tằng Giao*  
*phóng tác*

Vào ngày cuối cùng trước Lễ Giáng Sinh tôi vội vã tới siêu thị để mua các món quà tặng còn sót lại mà trước đó chưa kịp mua. Trời ơi, sao mà đông người như thế. Tôi bực bội tự nhủ thầm: "Cả đông người thế này thời bao giờ mới xong việc đây. Còn bao nhiêu nơi phải đi nữa chứ...!" Mỗi năm lễ Giáng Sinh tới quả thật là gây phiền nhiễu cho tôi vô cùng. Tôi nhiều khi nghĩ lần thân giá mình được nằm xuống ngủ một giấc dài cho ngon lành và chỉ tỉnh dậy khi ngày lễ đã trôi qua xong xuôi thì hay biết mấy.

Tuy thế tôi vẫn phải len chân vào khu bán đồ chơi. Tại đó nhìn thấy giá cả quá mắc tôi lại lăm bằm rửa thầm. "Không biết tại sao bọn con nít cứ phải chơi các thứ đồ chơi đắt tiền như vậy chứ!" Trong khi loay hoay tìm kiếm tại khu này tôi bất ngờ nhận thấy một cậu bé chắc khoảng chừng năm tuổi. Nó đang ôm một con búp bê trong ngực. Nó cứ lấy tay vuốt tóc con búp bê mãi. Nét mặt thật buồn bã. Tôi ngạc nhiên tự hỏi không biết nó muốn mua món đồ chơi này cho ai.

Chợt cậu bé quay qua phía bà già đứng bên cạnh khẽ nói: "Bà ơi! Bà có chắc là con chẳng đủ tiền mua cái này không?" Bà già trả lời: "Con ơi! Bà biết mà, con không đủ tiền để mua cái con búp bê đó đâu!" Rồi bà dặn nó cứ đứng nguyên tại chỗ, khoảng năm phút sau bà sẽ trở lại. Bà phải chạy đi kiếm món đồ gì gần khu đó. Dặn dò xong là bà vội vã đi ngay. Cậu bé vẫn khư khư ôm con búp bê trong tay.

Tôi tò mò, bèn đi về phía nó và hỏi là nó muốn mua con búp bê này cho ai. Cậu bé nói: "Đó là đồ chơi mà em gái con ưa thích lắm và luôn ao ước được tặng làm quà vào dịp Giáng Sinh này. Em con cứ tin chắc là ông già Nô En sẽ cho em con món quà búp bê như vậy đó!" Tôi an ủi: "Thế nào ông già Nô En cũng sẽ cho em con món quà đó. Con đừng lo lắng làm chi!"

Nhưng cậu bé trả lời tôi, giọng thật buồn: "Không đâu! Ông già Nô En không thể mang món quà này tới chỗ em của con bây giờ được đâu! Con phải đưa búp bê cho mẹ con để mẹ trao lại cho em con khi mẹ về nơi đó." Mắt cậu bé thật sâu thẳm. "Em con đã về với bố con rồi. Bố nói mẹ cũng sẽ về với bố sớm thôi, nên con nghĩ rằng mẹ sẽ có thể mang búp bê theo rồi đưa lại cho em con!"

Tim tôi hầu như ngưng đập. Cậu bé ngược nhìn tôi và nói thêm: "Con đã nói với bố là dặn mẹ đừng bỏ đi vội. Hãy chờ con mua quà ở tiệm này xong và trở về kịp tới nhà đã." Rồi cậu bé móc trong túi ra một tấm hình rất đẹp chụp nó đang cười rất tươi tắn, rất dễ thương. "Con cũng muốn mẹ con mang theo tấm ảnh này để mẹ đừng có quên con! Con yêu mẹ và ước mong rằng mẹ không phải rời xa con nhưng bố nói là mẹ phải đi theo với em gái con!" Nói xong cậu bé lại nhìn vào con búp bê, cặp mắt buồn bã thẳm lặng.



Tôi vội thò tay vào túi kín đáo lấy ra vài tờ giấy bạc. Tôi nói với đứa bé: "Con hãy đếm lại tiền của con xem, biết đâu có khi đủ tiền mua quà đấy!" "Vâng!" cậu bé nói "Con mong sao có đủ tiền." Tôi khéo léo lén bỏ chút tiền bạc của tôi nhập vào xấp tiền của cậu bé không để cậu bé thấy và chúng tôi cùng đếm. Bây giờ thì có đủ tiền mua búp bê rồi, ngoài ra lại còn dư thêm một chút nữa chứ!

Cậu bé mừng rỡ ra mặt, la lên: "Cám ơn Trời đã cho con đủ tiền!" Rồi nó ngược nhìn tôi nói thêm: "Hôm qua trước khi đi ngủ con đã cầu Trời cho con đủ tiền mua con búp bê này để mẹ con có thể mang theo mà đưa lại cho em con. Vậy là ông Trời đã nghe thấy lời cầu xin rồi đó!" "Con cũng muốn có đủ tiền để mua thêm một bông hồng tặng mẹ con. Nhưng con đâu dám xin nhiều như thế. May sao Trời thương mà lại cho con đủ tiền mua cả búp bê lẫn hoa hồng!" "Bác biết không, mẹ con thích hoa hồng màu trắng lắm bác ạ!"

Câu chuyện tới đó thời bà già vừa quay lại. Tôi bèn đẩy xe đi qua khu khác để mua hàng. Tôi mua sắm xong xuôi. Ô hay! Sao trong lòng mình lại suy tư khác lúc mới vào trong tiệm như thế này! Tôi cứ nghĩ mãi về đứa bé đó. Không thể nào quên được. Rồi tôi chợt nhớ đến một tin về tai nạn xe cộ đã đăng trên báo địa phương này, khoảng hai ngày trước đó. Tin đề cập tới một kẻ lái xe tải say rượu. Hắn đâm vào một xe hơi trên đó có một bà mẹ trẻ lái xe với cô con gái nhỏ ngồi bên cạnh. Chiếc xe tan nát. Cô bé gái chết ngay tại chỗ. Còn bà mẹ bị thương rất nặng. Gia đình hiện phải quyết định có nên rút các ống thở bằng máy trợ giúp ra hay không vì nạn nhân vẫn mê man bất tỉnh. Khó mà sống nổi. Không rõ đây có phải là gia đình cậu bé nói trên hay chăng?"

Hai ngày sau khi chuyện trò với cậu bé, tôi lại đọc được một tin trên báo chí loan báo rằng bà mẹ trong tai nạn xe hơi trên nay đã qua đời rồi. Tôi bèn quyết định đi mua một bó hoa hồng màu trắng và tìm tới viếng người quá cố theo như địa chỉ nhà quản ghi trên báo. Tôi tới nơi. Bà mẹ trẻ nằm đó, trong quan tài. Một tay ôm một bông hồng màu trắng tuyệt đẹp cùng con búp bê. Một tay ôm tấm hình một đứa trẻ đặt trên ngực như ấp ủ yêu thương. Đó chính là hình đứa trẻ mà tôi đã gặp trong siêu thị.

Tôi rời nhà quản. Mắt đầm lệ. Có cảm tưởng rằng cuộc đời mình từ nay sẽ thay đổi luôn rồi. Tình yêu mà cậu bé kia đã dành cho mẹ và em gái thật tuyệt vời, khó mà tưởng tượng ra nổi. Vậy mà chỉ trong một giây phút ngắn ngủi không đầy chớp mắt một tên say sưa rượu chè lái xe đã cướp đi tất cả khối tình cảm thiêng liêng đó của cậu bé.

*Tâm Minh Ngô Tằng Giao  
phóng tác*

# Thủ Xú

## 取丑

TchyA Đái Đức Tuấn

Lời dẫn:

Tựa Bài viết là Thủ Xú, có lẽ viết theo Hán Việt là 取丑, qǔ chǒu, giản thể viết (取丑), nghĩa đơn giản là làm xấu cũng như khi viết thủ xảo 取巧, làm khéo. Chuyện Thủ Xú lần đầu đăng Báo Phổ Thông Bán Nguyệt San tháng 7 năm 1936. Chuyện đáng để ý đây là TchyA, theo Tây học, viết một chuyện ngắn về đồng tình luyến ái 同性恋爱 tòng xìng liàn ài, lesbian, mà thời đó đã đi vào phong tục nước Việt, và Thủ Xú đã đưa đến một án mạng; nạn nhân là chàng trai trẻ nhiều phong độ, nhưng quá tò mò và chủ quan, Nguyễn Khai Hoa. Hai thủ phạm, có lẽ vì muốn không ai biết đến Thủ xú, cho nên chị ruột và tình nhân của Khai Hoa đã chủ mưu ám toán chàng, để rồi sau đó, hai vị phu nhân, rất danh giá, rất giàu sang, vẫn thường đi lại đánh tổ tôm với nhau trong một tòa nhà tây lớn hai tầng ở đường Quan Thánh, và tất nhiên tha hồ tự do đi lại Thủ xú...

Nguyễn Quốc Bảo,  
tháng hai 2007.

**T**ôi không muốn nói chỗ xảy ra câu chuyện này, nó là chỗ nào. Nhưng muốn không cho các bạn phải vắn vơ tìm kiếm, ta tạm cho chỗ ấy là thành Hà-Nội, để gọi là có một hình ảnh rõ ràng.

Vậy thì, mùa xuân năm ấy, vào khoảng cuối tháng ba, trên con đường sầm uất chạy vòng quanh hồ Hoàn Kiếm, từ ga xe điện đến nhà Gòđa, người ta thấy tập nập những người qua lại. Công tôn, vương tử, thiếu gì yến lả, oanh lơi. Chỉ bởi trong gian nhà Philharmonique trước ngã ba, một cuộc chợ phiên tung bừng đương đón rước muôn ngàn hồng tía.

Cảnh xuân rực rỡ, lại đúng ngày nắng ráo êm đềm, nên thú vị chơi xuân càng lắm vẻ tốt tươi, đầm thắm. Những lớp sóng người dào dạt, những hàng xe pháo nghênh ngang, những gánh quà bôn ba giữa chốn náo nhiệt, đua tranh, tất cả các thứ ấy chen nhau, xô nhau, dồn dập lại chật đường như nêm cối. Trước cửa nhà Philharmonique, cờ bay phấp phới, vải căng ngang đường, biên vẽ hoa giấy, dán và treo lủng lẳng phía trên cửa ra vào, như muốn giục lòng khách chảy hội vào góp vui cho thỏa chí. Lại những nhịp kèn tây hùng tráng, đê tiếng ồn ào của thiên hạ để bắn vào tai những khách qua đường. Vui, thực là vui; sao mà ngày hội hôm nay được dịp tung bừng như vậy ? Có lẽ cũng bởi tại hôm đó đúng tuần lễ bái trong đền Ngọc

Sơn, nên đang náo nhiệt một phần thì lại hóa hai, vì thêm cả những phụ nữ thành tâm đi lễ Thánh.

Trên vệ đường đông nghịt những kẻ đi xem ngó ngán, bỗng dưng người ta nhận thấy hai cậu học sinh, ăn mặc cực kỳ sang trọng, vừa đi vừa nói chuyện rất ung dung. Hai cậu đó hình như không để ý xem hội hè gì, chỉ bàn nhau những lý thuyết cao siêu trong triết học. Cậu lớn tuổi nhất nói :

- Mày không rõ. Phật học không tin ở sự thiên tạo, bởi thế nên Đức Phật mới cắt nghĩa sự sinh tồn bằng thập nhị nhân duyên. Đạo Phật muốn tìm ra một nguyên nhân rõ rệt, không muốn dùng một câu cắt nghĩa dễ dàng mà các đạo khác thường vin vào khi lý luận : "Trời sinh ra muôn vật".

- Đành vậy. Nhưng ta phải nhận rằng, ngoài mọi sự liên tiếp nhau theo những luật định sẵn, người ta có thể đào tạo ra được những cái mới. Ví như ta làm câu văn ấy tuy là kết quả của nhiều sự ở ngoài vòng định ý của ta, nhưng một phần câu văn ấy là của ta, sự tạo ra nó là bởi ta có thể tạo ra được. Cái sức đào tạo ấy, đối với Hóa công, cũng thế. Sao lại bảo Trời không sinh ra thế gian này ? Cái nguyên nhân của thế gian, của vũ trụ, tức là Trời. Chỉ có Trời.

- Mày lại ngụy biện rồi.

- Ngụy biện thế nào ?

Chàng trẻ tuổi nói đến đây, thì nét mặt lộ ra vẻ ngao ngán, không muốn nói chuyện nữa. Chàng chỉ muốn chạy vào vui phiên chợ, đùa bỡn cùng những hiện trạng trước mắt, để mặc Trời, Phật, cùng thuyết thiên tạo trong găm tư tưởng viển vông. Một hàng phở đi trở lên bỗng chia rẽ hai cậu học sinh ra hai ngã. Cậu nhón tránh ra vài bước, rồi lại túm lấy tay cậu bé để bàn xong câu chuyện bỏ quên. Về phần cậu bé, thì hình như cậu đang trí, thờ ơ; được tránh cậu lớn một giây, cậu lấy làm đắc chí lắm. Câu chuyện Phật và thiên tạo, bắt đầu từ buổi tan học chiều hôm qua, không thỏa nguyện linh hồn cậu nữa. Bây giờ cậu chỉ muốn kiếm có từ già bạn, rồi đi ngay vào đám vui đùa. Đối với cậu, ngày xuân vui sướng là đủ thích rồi, cậu không cần Trời, Phật nữa. Sự phồn hoa náo nhiệt, về tập nập của thị thành, thay cho nền triết lý chứa đầy óc ngây thơ của cậu.

Không bao giờ Nguyễn Khai Hoa thấy mình trai trẻ như hôm nay. Có ai được thấy Hà thành náo nhiệt hơn ngày hôm đó ? Biết bao nhiêu là ô-tô bóng nhoáng, bao nhiêu là công tử phát phơ, bao nhiêu là mỹ nhân tha thướt ? Mà, trên nét mặt các mỹ nhân ấy, có khi nào lại được thấy, như sáng nay, bao nhiêu là sấp son trên môi họ, bao nhiêu là phấn hồng trên má họ, bao nhiêu là ý nghĩ mơ màng trong đôi đồng tử họ, khuynh thành ? Một làn gió thoảng, như êm dịu, như thơm tho, đưa những mùi phấn sấp và mùi nước hoa qua mũi cậu. Những làn áo lụa, đủ các màu óng ả, phát phơ bay như những lá cờ thêu ... Nguyễn Khai Hoa đưa hồn vào cõi mộng ...

- Mày nghĩ thế có phải không ?

Cậu nhón Trần Chí Lâm, lại nắm tay bạn hỏi dồn về triết học.

- Tao cũng chả biết ...

Cậu bé, mơ màng, ngây ngất trả lời.

Thực ra, cậu cũng không buồn nghe nữa. Một người thiếu nữ vừa thoăn thoắt tạt qua. Mùi da má nàng như đánh thức cậu ra khỏi giấc mơ tê tái.

Lâm ạ, tao xin lỗi mày. Tao đi đường này tý nhé !

Cậu Lâm buồn bã lắc đầu mấy cái, rồi để tay vào mé trái tim, cười :

- Tao hiểu rồi. Thôi mày đi.

Người con gái vừa thoáng qua, đã biến rất mau chóng trong lớp sóng người tập nập. Cậu Khai-Hoa cố tình theo đuổi kịp nàng. Len lỏi mãi trong đám hội, thích cánh chen vai mãi, cậu mới tìm được cô ở kia đang đi thẳng xuống Gò-đa. Như một thám tử đi rình, cậu Hoa không bỏ sót dáng điệu nào của thiếu nữ mà cậu đã cố theo sau từng bước.

\* \* \*

Đã mấy ngày hôm nay, người con gái ấy đã khiến cậu phải để ý đến nàng một cách tò mò, tởm. Nhiều cảm giác kỳ dị, khó hiểu, làm bằng tính thóc mách nhiều hơn sự thương yêu xui cậu phải rình mò xem xét cách hành vi cử động của nàng.

"Chắc hẳn nàng có nhân tình, nhân ngãi gì đây !" Cậu Khai Hoa lòng tự nhủ lòng như vậy. Nhưng mà nàng yêu ai, có hẹn hò, thề ước cùng ai, cậu chỉ muốn biết rõ ràng cho thỏa nguyện. Không đi xa vào những chỗ éo le của tư tưởng, cậu nhận ngay thấy ý muốn che chở cho nàng không đủ để cắt nghĩa sự cậu cố theo riết nàng mà thực tâm cậu không muốn làm, nhưng, không hiểu rõ vì sao, cậu cứ như bị một mãnh lực gì bắt cậu phải làm cho kỳ được. Hành tung của cậu, nói cho đúng, rất là phi lý, bởi lẽ cậu kém nàng có đến hai tuổi, mà, trong tình trường, kinh nghiệm của cậu không có tí gì đáng gọi là sâu sắc, hơn người. Bạn sẽ lấy làm lạ biết rằng thiếu nữ đó, tức là chị cậu. Tên nàng là Nguyễn An Trinh.

Đi luôn qua lũ người xem hội chật đông như nêm cối, cậu Khai Hoa vừa chen vai thích cánh, vừa cố đuổi kịp cô Trinh để rình xem bạn thiếu niên nào dám cả gan cùng chị cậu chỉ non thề biển. Nhân tình của cô ấy hẳn là một người có nhiều vẻ xuất sắc, nếu không chị cậu đã không bị kẻ ấy làm cho tâm trí thần thờ ! Thực vậy. Từ đã nửa tháng nay, cô An Trinh cứ hoảng hốt, thay đổi hẳn tính tình, làm cho cậu không thể nhận được nét mặt tươi vui của nàng nữa.

Trước kia chị cậu bao giờ cũng vui vẻ, tính khí khoan hòa, điềm đạm, hay đùa, hay cợt, khiến cho cả gia đình, vì nàng, ngày ngày thường được hả hê. Cô Trinh, trong cửa trong nhà, tựa như một tia ánh sáng. Trên thì cha mẹ đã già, chỉ biết an nhàn dưỡng lão và làm thần coi giữ một cái gia tài. Dưới thì chỉ có cô Trinh, rồi đến cậu. Một gia đình phong phú, thuận hòa êm ấm, tình không bao giờ dám chen vào một sự đổi thay. Thế mà sao ngày nay, chị cậu Hoa lại bỗng hóa ra ủ rũ, buồn rầu, hay gắt gỏng, hay giận giỗi, coi chón phòng khuê ấm áp như một nhà tù bó buộc, lại hình như muốn khát khao thèm muốn một điều gì ? Bây giờ nàng ngồi vào bàn ăn chỉ hơn giúng vào bát cơm một tý bằng đầu đũa, không bì với mấy năm về trước, nàng ăn uống bao giờ cũng khỏe khoắn, ngon lành. Chẳng hiểu vì sao lại có sự dị kỳ như vậy ?

Rồi, ngày lại ngày, sắc đẹp mặn mà, diễm lệ của cô Trinh có phần như phai nhạt; cô biếng soi gương, diễm phần, ăn mặc tuy còn chải chuốt, nhưng diễm dàng, không có vẻ tự nhiên.

"Thế nào cũng biết cái đứa đã để lụy đến chị Trinh, - Cậu Hoa tự nhủ lòng như vậy. - Rồi mình sẽ được rõ biết ! Chị cứ đi đi, đi đi, tôi sẽ theo chị đến cùng trời cuối đất!"

Kẻ kia lấy mất tính vui vẻ của chị cậu tức là lấy mất hạnh phúc của gia đình cậu, và hơn nữa, ăn trộm mất tình chị cậu yêu quý cậu bấy nay, chia sẻ mảnh tình cao sạch đó. Cậu phải tìm cho ra kẻ ấy, cậu phải tìm cho ra nguồn gốc xui cô Trinh, tự nhiên thay hẳn tính tình !

Cậu Hoa đi, đi mãi. Cậu len lỏi giữa đám người tụ nhau trùng trùng, điệp điệp trên Bờ Hồ. Mắt cậu không rời bỏ một khắc nào hình ảnh chị cậu đi trước cậu độ hơn mười bước. Chị cậu hình như không có vẻ đi xem ngày hội, cũng hình như không có vẻ đi chơi. Cô đi một cách rất mau, không để ý đến ai hết. Một người bán hàng thêu mời cô mua một cái mặt gối, cô lắc đầu đáp lại người ấy một cách khinh bỉ, lạnh lùng.

Đi quá hiệu Gò-đa, đến một chỗ ngã tư, cô quặt sang bên trái. Chỗ ấy vắng người qua lại nên

cậu Hoa lại phải nép vào một xó kín để ẩn thân. Cậu thấy rõ chị cậu, đến đầu đường dừng gót lại. Nàng ngoảnh nhìn tứ phía có vẻ sợ sệt, xem có ai theo dõi nàng không ? Một lúc lâu, nàng mới quả quyết bước đi, đi vào một con đường vắng.

Đến chỗ này mới khó nghĩ. Câu chuyện đi rình càng thêm hiểm hóc éo le. Cậu Hoa cứ phải chạy từ gốc cây này sang gốc cây kia, vừa đi, vừa nấp bóng. May thay, đến một phố ta, lại có đông người qua lại. Phố đó gần một cái chợ lớn, nên xe xe, gánh gánh dập dìu. Cậu Hoa nấp sau một cái xe bò, vừa lèn từng bước một, vừa để ý đến cô Trinh đi đường trước.

Lúc ấy khoảng mười giờ sáng. Mặt trời lên đã cao chiếu vào hai dãy hàng bên đường. Ngày xuân vui vẻ, lại đi giữa một nơi náo nhiệt, ồn ào, cậu Hoa tự cảm thấy tâm hồn phấn khởi. Chị cậu đối với cậu, thực như giọt nước xan đôi. Cũng dong dong cao, cũng nước da xanh lợt, cũng đôi mắt say sưa. Chắc chị cậu, như cậu, cũng đang bị ảnh hưởng ngây ngất của nắng xuân đầm ấm.

Cô Trinh ngày hôm nay ăn mặc một cách dịu dàng, nhưng hơi dĩ. Trước kia có bao giờ nàng chịu mặc một màu gì lòe loẹt như các gái giang hồ ? Tuy nhiên, màu áo nàng, dầu có sắc sỡ thật, cũng còn mỹ miều lịch sự, hơn những màu thiên hạ thường ưa. Dù thế nào mặc lòng, cô Trinh cũng vẫn còn hào hoa, quý phái lắm.

Chỉ tiếc rằng nàng không còn đủ vẻ đại gia như thừa trước, giá nàng cứ bận những thứ áo có màu kín đáo, sắc đẹp nàng sẽ có một vẻ sang trọng, diễm lệ không ai so sánh cho bằng. Hôm nay tóc nàng vẫn theo lối Huế, nàng đeo kiềng, cài khuy cổ, không mặc lối Bắc Kỳ, mở khuy cổ, đeo hạt vàng, như những buổi ngày xưa. Tóc nàng lòa xòa rủ xuống hai bên má, và óng ả cuộn trên đỉnh đầu thành một mái tóc lỏng lẻo, rất đẹp, và ở trên gáy trắng nuột thành một hàng lười trai mềm mại, dịu dàng. Chỉ những vì tóc, nàng đã đẹp lắm rồi, lọ là cần phải đến áo. Làn áo hôm ấy bằng một thứ hàng len màu đỏ sẫm, nhưng có những đường hoa ngang dọc nổi lên. Kể trông thì cũng hơi rờ, nhưng hàng len ấy mà bao bọc một thân hình đều đặn cao dong dong và tha thướt như thân hình cô Trinh, thì, áo càng sắc sỡ bao nhiêu, lại càng cho ta được thấy vẻ đẹp của tấm thân ngà ngọc phô bày ra bấy nhiêu. Một cái lưng thon thon, ỏng ẹo theo dịp để giầy thoăn thoắt, làm cho mảnh quần sa tanh trắng mịn cứ phất phơ rung động, thỉnh thoảng lại để lộ ra một tí gót nõn nà. Trông cái dáng điệu gọn gàng, nhẹ nhõm kia, dù là trông đằng sau, ai mà không phải yêu, phải mến? Nhất là cô Trinh mặc một bộ áo căng sát thân thể, khiến cho mỗi một khi hai chân bước đi thì có vẻ núng nính và dáng điệu yêu kiều càng làm tăng sắc đẹp cô gấp bội. Theo ý cậu Hoa, chị cậu tức là khuôn mẫu cho nhan sắc của thiếu nữ tân thời.

Nhưng mà, này, cô Trinh đi đâu ? Chắc không phải cô đi chơi ? Vì nếu cô đi chơi, thì đã không đi vội thế, mà lại vừa đi vừa có vẻ sợ, thỉnh thoảng cứ phải liếc ngang liếc ngửa xem có ai theo gót cô không. Mỗi khi gặp một người quen, hình như cô lại có ý lảng tránh.

Mãi sau cùng, hình như mỗi chân lấm, cô thuê xe đi. Khổ cho cậu Hoa ! Cậu lại phải bẻ sụp mũ xuống mắt, lộn cổ áo lên, tháo bỏ cà-vạt, rồi thu hình trong một chiếc xe giương mui, sau khi đeo thêm lên mắt một cặp kính râm, và dặn dò phu xe bảo phải theo xe cô Trinh cho kỳ được.

Hai cái xe nuột đường trong độ một khắc. "Lần này ta sẽ biết rõ mặt thực của chuyện đó", cậu Hoa vừa bước xuống xe, vừa tự nói một mình.

\* \* \*

Sau khi đi qua mấy con đường vắng vẻ, cô Trinh cho đỗ xe xuống nơi một biệt thự nguy nga. Nhìn trước nhìn sau, cô có ý như muốn biết rõ mình không bị ai theo; lúc bấy giờ mới thoát

như một cái bóng, lẫn vào trong biệt thự ấy.

Nấp sau một cây gạo lớn, cậu Hoa trông được rõ ràng. Cậu thấy cô đổ xe thì vội vàng cho xe quật lại vào một con đường rẽ khuất, rồi cậu đi lùi vào sau một thân cây gạo lớn ở đầu đường.

Biệt thự ấy của ai ? Vỡ vẽ dăm chữ nho còn sót lại, cậu Hoa nhận thấy trên phía cổng, một tấm biển gỗ lớn, thiếp vàng ba chữ "Tuần Khanh Viên". Sau vẻ náo nhiệt của chợ phiên, giờ đây, tiếp đến một cảnh tiêu điều, lặng lẽ. Bốn bề tịch mịch, âm thầm hình như không có người sinh hoạt; cách tỉnh thành chỉ có độ vài cây số, mà nơi biệt thự này rõ ràng ra cảnh chốn thôn quê. Bên ngoài, một bức tường cao không cho kẻ tò mò nhìn vào trong tư thất, hình như chủ nhân nhà ấy muốn giữ nhà cửa mình riêng hẳn ra một vùng, không cho dính dáng với các cửa nhà lân cận.

Mé trên tường cao, cổng kín, trở ra những cành cây cổ thụ rườm rà. Những con chim nấp trong rừng lá âm u, hót gọi nhau vui vẻ. Cậu Hoa nhìn qua khe cửa, thấy mé trong có một vườn cây lớn, hai dãy thông cao vút mọc hai bên con đường gạch rộng chạy từ cổng đến thềm nhà. Cậu tưởng tượng chốn ấy như một chỗ Bồng Lai tiên cảnh.

Cô Trinh đã lên vào trong tòa nhà bí mật ấy tự bao giờ. Hai cánh cổng hình như hé mở. Cậu Hoa trèo ngay lên một cây sấu lớn mọc ở ven tường, ngó hầu nhìn vào phía trong nhà cho rõ rệt. Quả nhiên cậu được thấy chị cậu đứng ở trên thềm ngoài, nói chuyện cùng một người nữa.

Người ấy, quái lạ, lại là một người con gái bé nhỏ, rất xinh! Mà phải ai đâu xa lạ! Chính là cô Trần Bạch Yến, con quan Tuần Cao Viễn đấy mà ! Ồ, ngỡ là ai ! Làm cho cậu phải mất công toi mãi!

Nhưng mà lạ! Có làm sao cô Trinh lại hẹn hò cô Yến đến nơi này? Nhà quan Tuần ở mãi phố Đường Thành, sao chị Trinh không đến đấy, lại vào đây làm gì nhỉ? Mà nếu đi thăm cô Yến, thì sao lại ngại ngần, lo sợ, không tự nhiên? Lạ thật!

Cậu đã trót đi rình từ mấy bữa, thì thử xem có chuyện gì bí hiểm hay không. Có nhẽ nào vì cô Yến mà chị Trinh thay đổi tính tình đến thế ? Hẳn có sự gì cậu chưa hiểu, cậu phải tìm cho ra manh mối rõ ràng. Đánh rằng chị Trinh hẳn không có ý tứ gì, song có lẽ chị và cô Yến đang mưu với nhau một việc gì bí mật. Và lại Hoa yêu Yến. Yến kém Trinh hai tuổi, nghĩa là cùng tuổi với Hoa. Yến và Trinh cùng học năm thứ tư ở một trường trung học con gái. Còn Hoa thì học mau hơn một chút, mới mười chín tuổi đã đỗ phần thứ nhất tú tài tây.

Yến là bạn thân của Trinh, thường đến nhà Trinh vui chơi, và nhiều khi ăn uống. Trinh tuy đẹp thật, đẹp một vẻ đẹp tự nhiên và sắc sảo, song nhiều khi nàng vui vẻ và bạo dạn quá, hóa nên dáng điệu nàng có phần cứng cỏi, không nhu mì. Trái lại, Yến đẹp một sắc đẹp thùy mị, dịu dàng, đầy thi vị. Hai con mắt ngậy thơ sáng sủa. Một cặp môi đỏ chói, hơi đầy, mơn mớn như một trái cây thơm ngọt. Sinh trưởng trong một chốn phong lưu, đài các, chịu ảnh hưởng của một nền giáo dục nghiêm khắc, cổ hủ, Bạch Yến có nhiều bộ điệu và dáng dấp của một thiên kim tiểu thư rất lịch sự, hào sảng, khiến cho mỗi vẻ của nàng có một nét rất khuynh thành diễm lệ, bắt cậu Khai Hoa phải chết mê chết mệt vì tình.

Cậu, ngày hôm qua, còn tưởng tượng bắt được chị cậu trong tay một thiếu niên nào khôi ngô, anh tuấn; cậu có ngờ đâu những ý nghĩ ấy lại thành ra sai cả, mà cô Trinh bây giờ niềm nở vui đùa cùng một nàng thiếu nữ cậu yêu !

Làm sao lại có sự dị kỳ như vậy ? Những bí mật càng ngày càng tăng mãi. Cái biệt thự này, không phải của quan Tuần Cao Viễn , nó vốn là nhà riêng của ông Hàn Lê Văn Tỷ mà ! Từ khi ông Hàn bất hạnh mất đi, thì tòa nhà ấy bỏ hoang đã đến hai năm có lẽ. Vợ con ông Hàn cho nhà đó có hung thần ám ảnh, không dám ở, mà cùng dất nhau lên ở tỉnh thành. Từ lúc ấy, cũng không có ai thuê, thành ra nơi biệt thự nguy nga kia vẫn chịu để rêu phong, cỏ phủ.

Nếu vậy, chắc không có ai ở trong nhà này cả, trừ ra hai ả tảo gan kia. Cậu có thể lên vào xem xét cử động của hai nàng, sẽ không có ai ngăn cản cậu cả. Cậu bèn trụt xuống gốc cây, tìm lối vào trong biệt thự.

Đi vào chính môn thì hơi thất sách, vì thế nào nghe tiếng giầy gỗ trên đường gạch, hai cô cũng sẽ biết ngay. Và trong chón thanh u tẻ vắng này, một tiếng động cũng vang lừng tứ phía. Tốt hơn là cậu tìm vào lối sau cho tiện; cậu bèn lần theo tường đá, quặt ra mé vườn sau. Tới nơi cậu tìm mãi không có cổng. Túng thế, cậu phải trèo lên một cây nhãn, đánh đu truyền sang một cây ổi lớn mọc trong vườn. Rồi cậu trụt xuống.

Vài con chim thấy động vỗ cánh bay lên một lượt. Một khắc, cảnh vật lại nhuộm màu lặng lẽ như xưa. Một vẻ hiu quạnh nặng nề bao bọc lấy Khai Hoa, cậu bỗng thấy rừng mình, ghê sợ. Chung quanh người cậu, cỏ mọc cao non một thước; các cây cối um tùm, rậm rạp làm cho vườn sau nhà hóa thành một nơi rừng cấm âm thầm.

Rẽ lá, vạch gai, cậu đi lần từng bước một. Khi gần vào đến tư thất, cậu nghe văng vẳng hình như hai cô đang nói chuyện ở từng gác phía trên. Cậu tìm cách trèo lên sân thượng, để nghe cho rõ hai cô nói chuyện những gì. Cậu bèn leo lên một cây muỗm mọc ở góc nhà, định bụng lần theo rìa tường để tiến vào trong gác. Những cành khô bị cậu đụng, xào xạc gầy ròi rảng rắc, khiến cậu lại phải đứng yên và ngồi thụp xuống hồi lâu. Khi thấy đã yên yên, cậu nhìn tường, đoán bề cao mãi, rồi mới quả quyết leo lên cây muỗm.

Cậu thấy trong tâm hồn phần khởi lạ thương. Một là vì thói tò mò xui giục cậu phải đi rình, hai là vì được nhìn trộm sắc đẹp của ý trung nhân, trong một trường hợp cực kỳ thú vị. Cậu đọc sách thấy tả những cảnh mạo hiểm trèo non, vượt suối, cậu cũng tưởng tượng như mình đương mạo hiểm trong một nơi đầy đá sỏi và gai. Cậu thấy cậu sung sướng và hăng hái vô cùng, bởi lẽ cậu được nghịch ngợm một cách tự nhiên lý thú. Vài bước nữa. Cậu cố hết sức lần vào rìa gạch men sân thượng. Cái sân đó, ngày nay bìm bịp leo và hoa "antigone" đã che phủ kín, nó nhuộm một vẻ bí mật lạ lùng. Nhìn ra mặt sân, một cái cửa lớn khóa chặt và một cái cửa sổ chỉ hơi hé mở. Đứng trên cây muỗm nhìn vào nhà tư thất, cậu thấy cái mái ngói nhà đã cũ uốn theo một diềm kiểu Tàu cong lên hai đầu và ở mỗi đầu lại có xây một con rồng cuộn khúc. Tòa nhà biệt thự đó làm cho cậu mơ màng, tưởng như lạc vào một cổ viện nào nghiêm cấm đầy thi vị.

Ngắm vẻ rực rỡ và vẻ êm ả của tòa nhà, cậu bỗng nhiên cho là hai cô Trinh và Yến là hai nữ tài tử, biết tìm một chỗ rất nhã nhặn để chuyện trò to nhỏ cùng nhau. Chuyện của các cô, phải nói ở một nơi im lặng, vì hai cô cần hết sức thành tâm, tinh trí, để kể cho nhau những tâm sự vui đầy, não nuột như thơ. Các cô thực quả sống trong biệt thự đó một quãng đời tiên nữ. Cậu Hoa thấy nóng lòng, sốt ruột, muốn vào ngay xem hai cô làm những việc gì. Cố vài bước nữa. Một chút, cậu bị trượt chân ngã xuống. Ngã xuống thì thật chết. Một cành khô gãy rơi xuống vườn, thậm chí có tiếng kêu vang động. Sau một buổi nhọc nhằn hết sức, cậu Hoa lần bám được một rìa gạch ở ống máng chìa ra. Cậu bám lấy rìa gạch ấy, cất mình trèo vào sân thượng. Rồi cậu dán tai vào khe cửa.

\* \* \*

Tuổi của hai cô Trinh và Yến không phải là tuổi chơi "búp bê" nữa. Các cô đã đến tuổi biết đem quả tâm vỡ đập cho Ái Tình. Thế thì các cô rủ nhau lại chỗ vắng này, để làm một trò gì không phải là Ái Tình, mà cũng không phải là sự nghịch ngợm ? Hai cô muốn nói chuyện, muốn đọc sách, thì cần chi đến chón tẻ lạnh này ? Sự bí mật bao giờ cũng bí mật. Cậu Hoa vẫn vợ suy nghĩ. Chắc hai cô thế nào cũng kèm theo hai cậu, nhưng hai cậu kia ần nấp không ra mặt đấy chứ gì ! Ấy, chỉ có thể thôi, cần gì phải lý luận cho mệt. Tuổi các cô là tuổi cần yêu; vậy hai cô có hai nhân tình. Không muốn ăn mảnh lẻ loi, hai cô, vì quá thân với nhau,



cùng rủ nhau lại thăm nhân tình ở cùng một chỗ. Có nhẽ là thế đấy ! Ừ, mà như thế hẳn đúng vào tâm lý hai cô.

Một giọng cười giòn giã vội ngắt ý nghĩ cậu Hoa trong lúc ấy. Cửa sổ nhìn ra sân thượng bỗng mở toang ra. Rồi, hình như cảnh vật bên ngoài làm cho hai cô lo sợ, hoảng hốt, bỗng nhiên thấy hai cô nói rất nhỏ, không phân biệt được những gì. Nấp vào chỗ lá cây rậm rạp, um tùm, gần chỗ cửa lớn khóa chặt, thông sân thượng cùng gác trong, cậu Hoa cứ ngồi yên lặng, thở rất khẽ, không dám cử.

Một lúc lâu, không nghe thấy gì nữa. Ngắt hết lá non, lại vò đến hoa bìm bịp, cậu vừa ngồi chồm hổm đợi chờ, vừa chơi nghịch hít những mùi hoa thơm đưa bát ngát vào mũi cậu, trộn lộn với mùi rêu mốc, mùi lá khô, mùi vôi gạch để lâu ngày. Bỗng chốc, cậu nghe tiếng cửa mé bên kia phòng mở rộng, rồi tiếng giầy lộp cộp đi xuống thang gác và ra hiên. Hết sức cẩn thận, dẫn đo từng bước, cậu bò lại mé cửa sổ mở, lắng nghe xem còn ai ở trong phòng gác, xong ló đầu lên nhìn trộm cho kỹ càng, rồi cậu mới nhảy qua cửa sổ vào trong phòng mà lúc nãy hai cô ngồi nói chuyện.

Đứng nấp vào tường, hé mắt nhìn xuống thềm sân trước, cậu thấy cô Yên bảo cô Trinh :

- Cứ thế nhá ! Thứ bảy sau nhá !

- Ừ, nhưng mà ta nên đến vào buổi chiều, vì buổi sớm, tôi không thích. Cô Trinh đáp lại.

- Phải đấy. Ta nên đến vào chiều, thú hơn. Nhưng mà ta nên về đi. Mau lên !

Hai cô nói đến đây thì thoăn thoắt tiến ra mé cổng. Cậu Hoa càng ngày càng thấy lẩm sự dị kỳ.

- Quái lạ ! Cậu tự hỏi lòng, hai ả này không có nhân tình, lúc nãy chỉ có một mình họ ngồi trong phòng trên gác. Thế thì lạ thực !

Khi hai cô đi khỏi, cậu lại xục xạo bốn bề, mong rằng sẽ tìm được kẻ nấp ở trong biệt thự.

Quả nhiên, nhà cửa vắng teo, không còn ai nữa. Cậu tự cho mình là rò đại, điên cuồng.

- Hai nàng ấy dắt nhau đến chơi đây, việc gì cứ phải nghĩ vơ vẩn cho bận lòng, mệt trí ?

Tuy lẩm bẩm như vậy, nhưng cậu Hoa thấy trong hồn chưa thỏa nguyện chút nào. Cái biệt thự này, từ khi ông Hàn tạ thế, bị để trống, không có đồ đạc gì bày biện trong nhà. Sao ngày nay, trong một phòng ngủ nhìn ra gác sân sau, bỗng lại thấy có giường bàn cẩn thận ? Một cái giường tây gỗ kiêu mới, rộng độ một người nằm, cao độ ba mươi phân, bày ngay ở giữa phòng, áp đầu vào mé tường hướng nam, ngửa ra trông ra sân thượng. Trên giường có đệm gối sẵn sàng tử tế, dưới chân giường lại có giải thảm bằng lông. Cách cái giường độ không xa, có một cái bàn viết, trên đầy những sách và các giấy má bề bộn. Trong phía tường đối diện với giường nằm, ở vào giữa hai tấm cửa lớn mở ra sân và cửa sổ, một cái tủ lim lớn khép chặt hai cánh cửa nặng nề.

Cậu Hoa nhìn thấy cái tủ, bỗng sung sướng vô đầu. Cậu đã tìm ra diệu kế.

- Thứ bảy sau, thế nào ta cũng đến đây trước, rồi xem các ả làm gì !

Rồi cậu ung dung sửa lại áo quần, thắt lại cà-vạt, thông thả đi ra ngoài biệt thự.

\* \* \*

Thứ bảy. Từ buổi sáng, cậu Hoa đã mầy mò mãi; ước hết chìa khóa này đến chìa khóa khác mới mở được cửa tủ. Cậu lại tìm trong cánh cửa vài chỗ kín đáo để chọc thành vài lỗ thủng, ngó hầu đứng trong tủ có thể nhìn ra ngoài mà trông thấy được tỏ tường.

Đến chiều thứ bảy, quả nhiên hai cô Trinh và Yên dắt nhau đi đến. Hai cô thực thà không biết có người đã lập tâm rình mò những hành tung kín đáo của mình. Lơ lả dựa vai vào nhau, cô

Yến nũng nịu bảo cô Trinh bằng một giọng nói dịu dàng, thỏ thẻ :

- Cái nhà này là của ông Hàn Tử; người nhà ông Hàn cho là có ma nên không dám ở, bán rẻ lại cho thầy em. Thầy em định chữa để cho thuê, nhưng chưa có thì giờ, vậy nên cứ để hoang vu như thế này mãi. Hồi một năm về trước, em có một người anh con nhà bác, anh Phấn, muốn tìm nơi tĩnh mạch để học thi tú tài. Thầy em liền cho dọn một phòng sạch sẽ để anh Phấn ở đây, rồi ngày hai buổi anh đi xe đạp về nhà em ăn cơm cho khỏi phải nấu nướng phiền phức. Bây giờ nhân vụ nghỉ hè, anh Phấn về quê, vậy nên mình mới có cái buồng này để vui chơi cho thú vị. Chị em mình thực có số gặp may, Trinh nhỉ, chả có thể sao chúng mình lại có một nơi biệt lập như chốn này ? Chị có thích không hở chị ?

- Không ! Không gọi là chị ! Gọi là "cậu" cơ ! Trinh đáp lại.

- Ừ thì cậu. Cậu vào đây đi cậu ! Lại đây ta đọc quyển Tố Tâm bỏ dở từ sáng hôm kia !

Nói đến đây, cô Yến lôi cô Trinh lại chỗ giường tây, trước mặt tủ. Hai cô giữ chân giữ đệm, giải lại chăn giường cẩn thận rồi cởi áo ra, hí hửng nhảy lên giường như hai đứa trẻ con. Cậu Hoa đứng trong tủ lấy làm lạ rằng sao chị mình từ trước đến nay vẫn thùy mị, nhu mì mà bỗng dưng lại hóa một cô con gái táo bạo vô cùng, không hề tỏ vẻ gì thẹn thùng cả. Cô Trinh không những thế, lại nghịch ngợm như một cậu con trai, tịnh không còn điệu bộ gì ngây thơ, e lệ nữa. Cậu Hoa thấy quả tim thất lại, nhưng cậu cũng thấy trống ngực đánh thình thình, dồn dập không sao đè nén được. Cậu rung mình, nhắm mắt lại. Cậu không dám nhìn chị trong khi cô chị khỏa thân. Vì cậu tự ngượng, tự cho mình vô đạo, có ý tưởng loạn luân, không chính đáng. Có nhẽ cậu sẽ dần lòng nhắm nghiền mắt lại, nếu, bên cạnh cô Trinh, không có một pho tượng khác hơn hớ làm cho cậu phải ngây ngất, thêm thuồng. Pho tượng ấy là cô Yến, cũng khỏa thân và ăn mặc như chị cậu.

Cô Trinh thì trông khỏe mạnh, cứng cáp như con trai, mà cô Yến thì lại nhỏ nhắn, xinh tươi, thực rõ là một cô thiếu nữ thuần tha, óng ả. Từ nét mặt ngây thơ của cô, từ làn tóc và đôi mắt đen nháy, từ nước da lờn lợt hơi xanh, cho đến tấm ngực nhỏ xíu, tròn trĩnh, tay chân mềm dẻo, cái lưng và cái bụng thon thon, chỗ nào trong người cô, cậu Hoa trông cũng thấy đẹp ghê gớm. Cậu cô đứng yên không động đậy, mồm thì nuốt nước dãi mà mắt thì đắm đuối nhìn hình hài cô Yến nằm trên đệm trắng phau phau. Cô Yến làm cho cậu xuýt nữa chết ngất trong tủ. Mỗi một nét cười của cô, mỗi một bộ điệu của cô, là một sự có ảnh hưởng rất sâu trong linh hồn cậu, là một dịp xướng lên để bắt con tâm cậu phải họa lại mấy lần. Cậu nóng bừng cả mặt. Ở mé ngoài tủ, hai cô vẫn thản nhiên, không biết có người rình. Hai cô kê vế kê vai, cùng nhau hờn hờ nằm đọc sách, bình phẩm văn và cười như nắc nẻ. Bỗng cô Trinh vút sách vào một xó, rồi dờ mắt nhìn lên trần như vờ suy nghĩ điều gì. Cô Yến thì rúc đầu vào vai cô Trinh, nằm yên không cựa. Một chốc, cô Trinh lật mặt cô Yến ngửa ra, rồi bỗng ôm choàng lấy cổ cô Yến mà hôn lấy hôn để ...

Hai cô lúc ấy làm những sự gì không rõ, chỉ biết khách bàng quan là cậu Hoa bỗng tức lộn ruột lên, đặng hắng, giẫm chân, rồi mở toang cửa tủ nhảy xổ ra như một con mãnh thú. Hai cô sợ hãi không còn hồn vía nào nữa, vội kéo chăn trùm kín mít cả mặt cả người. Hai cô run lẩy bẩy, mặt tái mét không còn một giọt máu, không dám lộ đầu ra, mà cũng chẳng dám nói gì.

- Hừ, chị Trinh, tôi biết chị rồi nhé ! Tôi biết rõ vì làm sao mấy tháng nay chị thay hẳn tính tình ! Thôi tôi đi.

Nói vội vàng xong mấy lời, cậu Hoa chạy vụt xuống gác, đi mất. Ra đến đường, cậu phải ngồi bên bờ cỏ, cố nén con tim cho nó đừng đập quá mạnh, quá nhiều.

Trong gian phòng trên gác, hai cô Trinh và Yến hồi lâu mới hoàn hồn, hai cô ở trong chăn

chui ra, vội mặc áo cho nhanh, rồi, vừa sợ, vừa lo, ôm chặt lấy nhau, ngồi khóc. Mãi đến tối mịt, hai cô mới lững thững ra về.

\* \* \*

Cách đây ba bốn hôm sau, cô Trinh về nhà, không dám giáp mặt em trai nữa. Cô lo ngay ngáy, chỉ sợ cậu Hoa đem tuyên bố bí mật của cô thì cô thiệt cả phẩm giá và danh dự một đời. Đến buổi ăn cơm, cô không dám xuống phòng ăn, cáo là có bệnh. Cha mẹ cô đều không biết chuyện, tưởng cô đau yếu thực. Chỉ có cậu Hoa biết rõ nguồn gốc của căn bệnh của cô, nhưng cậu khôn, không nỡ nói ra, sợ cô mất hết sĩ diện và mang tiếng xấu thì sẽ không có ai lấy nữa. Sẵn lòng thương chị hết sức và tha thứ tội lỗi cho chị, miễn là từ đây, chị sẽ sửa lại tính nết, cậu không muốn để cô Trinh bị thẹn quá, phải tránh mặt cậu trong bữa ăn. Vì thế cậu vội vàng viết cho cô một bức thư, tỏ ý rằng cậu vẫn giữ bí mật những chuyện kín của chị và vui lòng tha cho chị một lần đầu. Cậu lại khuyên chị không nên phiền lòng, không nên ngượng, cứ xuống ăn uống như thường. Cậu còn bảo cô Trinh viết thư an ủi cô Yên, cho Yên biết rằng không khi nào cậu Hoa có giả tâm làm hại và bôi nhọ danh dự của hai cô.

Quả nhiên, sau khi nhận được bức thư, cô Trinh tìm cậu Hoa, vừa khóc vừa xin lỗi. Cậu phải hết sức dỗ dành cô chị, và xin cô chị chớ nề hà. Cậu hiểu cho tình chị lắm, miễn là từ đây, chị nên cố gắng sửa mình. Chị rất cảm ơn em, từ buổi ấy lại ra vào đi lại như thường, nhưng mỗi lần thấy em, chị cũng vẫn có chiều ngượng nghịu. Có một điều rất quan hệ, là cô Trinh tựa hồ như cấm cung, không bước chân ra ngoài nửa bước, không lòng phách lên đi chơi như trước nữa. Trong gia đình cậu Hoa lại được vui vẻ như xưa; song le cái vui này nó phẳng phất giống như một cái vui miễn cưỡng, một cái vui mượn.

Cô Trinh ở nhà, không đi chơi bao nhiêu, thì cậu Hoa lại tựa hồ thay cô, ra đường lêu lổng bấy nhiêu. Từ khi cậu hãm cô được trong chốn khuê phòng, không cần phải khóa then gì cả, cậu hình như đắc chí, được tự do bay nhảy, không sợ gì cô chị lời thôi, quở trách, giày vò. Vì cô chị nể cậu, nhường cậu; cô có lỗi sẵn nên phải chiều cậu hết sức. Cậu được thể, bôn ba ngang dọc cho phỉ chí, tịnh không còn ai ngăn trở chút nào. Thì ra cậu bị mê sắc đẹp của bạn cô Trinh, cô Yên. Từ trước đến nay, cậu hai ba lần dò la ý tứ của bạn chị, song Yên vẫn giữ một thái độ nghiêm nghị khiến cậu đành ngậm miệng, khoanh tay. Bởi lúc đó, cô đang bị Trinh "thủ xú", hóa nên không bao giờ nghĩ đến thú chung tình cùng một cậu con trai. Cũng vì thế mà Khai-Hoa thất vọng. Khi cậu tìm được dịp làm cho hai cô phải sợ, cậu không nề hà gì, cốt ý khiến cho hai cô phải lo lắng và thẹn thùng, để cậu thừa cơ bắt chị ở nhà, ngõ hầu tranh lấy người yêu của chị. Cậu lại xui chị viết thư cho Yên, cảm lòng Yên một cách trực tiếp. Quả nhiên, Yên viết thư cảm ơn cậu và xin cậu nghĩ tình, giữ thể diện và danh giá cho.

Được một dịp may hiếm có ở đời, cậu Hoa vội vàng chớp lấy. Bằng một bức hoa tiên rất đẹp, cậu tả trong năm trang mỗi tình cao quý bấy lâu cậu chứa trong lòng. Cậu thề với Yên rằng, nếu Yên không phụ lòng cậu yêu thương, thì dầu chết, cậu cũng không khi nào làm hại Yên. Thế nghĩa là nếu Yên không nghe lời cậu, thì cậu sẽ trả thù cho Yên biết tay. Hiểu rằng mình không tránh khỏi được lưới sắt Hoa đã chăng khắp cả chung quanh mình, hiểu rằng nếu không chiều ý Hoa, Hoa sẽ làm cho mình và cả Trinh nữa đều mất thanh danh, phẩm giá. Yên phải nén lòng tuân theo mệnh lệnh của Hoa.

Từ đây, Hoa yêu Yên không biết đất trời là gì nữa.

Yên có yêu Hoa không, cái đó không ai hiểu rõ, chỉ biết rằng từ khi đôi uyên ương trẻ ấy dặt nhau đi trên đường tình ái, thì không ngày nào họ không gặp nhau trong biệt thự ông Hàn Lê. Cuộc sum họp và âu yếm của đôi bên, chỉ có Yên và Hoa riêng biết mà thôi, tuyệt nhiên

không còn ai rõ đôi trẻ ấy, họ đã cùng nhau luyện ái. Cả nhà quan Tuần Cao-Viển, chả ai hay cô Yên có tri âm, cũng như cả nhà bố mẹ cô Trinh, không ai biết cậu Hoa có nhân ngãi. Hai anh chị đi lại với nhau rất là kín đáo, khiến mọi người đều nghĩ rằng đôi trẻ vẫn còn đại dột, thơ ngây. Hơn nữa, những thư từ họ viết cho nhau, đều dặn nhau khi xem xong phải đốt ngay tức khắc.

Cuộc chung tình của cậu Hoa và cô Yên rất mặn mà, đắm thắm. Mặn mà đắm thắm mãi tới ngày, không hiểu vì sao, cậu Hoa phần chí quuyền sinh. Sự ấy xảy ra vào ngày mùng tám tháng chín tây, bảy ngày trước khi tàn vụ hè, ở các trường bắt đầu vào học. Cậu Phấn, vừa ở nhà quê lên, thăm hai cụ Tuần xong thì bắt đầu về thư phòng xếp đồ đạc và sách vở. Khi thoát bước chân vào cửa, Phấn bỗng giật mình kinh ngạc, chạy ra ngoài kêu la cầu cứu om xòm. Chỗ biệt thự hẻo lánh quanh hiu, vắng giềng ở tận nẻo xa nên không có ai nghe thấy gì cả. Cậu Phấn lại phải đạp xe đạp về nhà quan Tuần báo tin dữ dội; cả nhà đổ lại xem thì thấy một cậu con trai rất tuấn tú nằm cứng đờ hết thở ở trên giường. Không biết cậu kia làm sao len lỏi đến chôn này; xét kỹ thì thấy ở trên bàn một bài thơ tuyệt mệnh nằm gần một chai rượu sâm-banh uống cạn và một cốc sữa pha thuốc phiện uống hết ba phần. Vở một hộp thuốc phiện hai đồng, mở toang, vứt mé trên thảm lông, bên cạnh một vỏ hộp sữa con chim còn đựng nhiều sữa đặc. Cả nhà quan Tuần không ai biết người thiếu niên thiệt mạng đó là ai, và vì sao lại len đến biệt thự này tự tử ? Mãi khi cô Yên vào xem tường tận, họ mới biết rằng cậu trai đó là em ruột cô Trinh, con ông Phủ Nguyễn ...

Họ Nguyễn đau đớn đem xác con về chôn cất, cô Trinh đau lòng thương em chết thảm thiết, khóc ngất đi đến bốn năm lần. Ông Phủ bà Phủ vật mình lặn lội, trách Trời già ác nghiệt nỡ xui ra sự bất hạnh nhường này. Vì cậu Khai-Hoa là của quý trong một gia đình hiếm hoi, trông cả vào thẳng con một. Hai ông bà suy nghĩ mãi không hiểu vì sao con mình đến phải quuyền sinh. Đọc lại bài thơ cậu Hoa để lại trên bàn, không ai rõ cậu đau đớn thế nào mà phải quyết tình cắt đứt hẳn giây trần lụy.

\* \* \*

Cậu Khai-Hoa ngày nay chỉ là một nắm xương nằm trong một ổ đất bùn. Sự cậu tử tử ngày xưa, không còn ai nhắc đến nữa. Vì cha mẹ cậu, buồn rầu, đã theo cậu xuống Tuyên đài, sau khi gây dựng xong cho cô chị yên bề gia thất. Cô Trinh đã lấy được một ông Quan vừa trẻ, vừa giàu.

Cậu Hoa bị ám hại, hay tự cậu quuyền sinh, sự đó không ai được rõ. Cha mẹ cậu già lẫn quá nên vẫn tin rằng tự cậu vong thân. Song thiên hạ đồn rằng có nhẽ cậu bị người ta đầu độc, vì giữa ngày cậu chết, về buổi sáng, có kẻ được rõ thấy, trong biệt thự ông Hàn Ty, đi ra hai cái bóng đàn bà. Hai cô thiếu nữ.

Nhưng đó chỉ là điều phỏng đoán. Biết rõ được duyên có xui cậu Hoa phải lìa đời, bây giờ may ra chỉ có hai vị phu nhân, rất danh giá, rất giàu sang, vẫn thường đi lại đánh tổ tôm với nhau trong một tòa nhà tây lớn hai tầng ở đường Quan Thánh.

Hai vị phu nhân ấy vị tất đã muốn nhắc lại chuyện cũ, vì hai bà hiện thời còn bận nhiều việc cửa, việc nhà. Việc làm phúc nữa.

Theo ý của kẻ viết chuyện này, thô thiển, cậu Hoa sở dĩ chết đi chỉ vì cậu quá tò mò, thóc mách, muốn hiểu đến kỳ cùng nghĩa của hai chữ "Thủ xú", nó là gì ? Nguyên nhân cái chết của cậu nó ở trong lòng hai chữ ấy.

(Juillet 1936)  
TchyA

# Bói Tết

TchyA Đái Đức Tuấn

(Một trong những Bài Nói hay Đừng đăng trên Nhật  
Báo Tự Do  
dưới Bút tự Mai Nguyệt)

**N**ếu ông Táo Hóa dí dỏm và hài hước phú cho con người một con mắt sáng suốt ngay ở đằng sau gáy, có lẽ con người trông rõ quá cả phía tiền phía hậu mà đâm ra ngán ngẫm cuộc đời.

Thà rằng chẳng biết cho xong  
Biết bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.

Không biết càng đỡ khổ. Biết rằng người mình yêu đang cho mình mọc vài ba cặp sừng hươu trên trán, thì có phen không đủ can đảm và nghị lực để sống trọn ngày mai. Không biết, càng tránh được việc làm đơn xin nhà "cầm quyền đương sự" cấp một giấy phép sẵn sàng để được hạnh phúc an cư tại vườn Bách thảo cùng với đồng loại có sừng và ăn cỏ.

Không có mắt đằng sau nên mới có thú say sưa muốn biết những điều mình không biết. Bí mật có một sức quyến rũ mãnh liệt và hấp dẫn, làm cho mình tưởng tượng viễn vông để tự chìm mình trong cõi Mộng và Thơ.

Ông Táo Hóa biết như vậy nên phủ ngay trên óc con người một tấm màn bí mật tối um, khiến cho kẻ thông minh linh lợi đến đâu cũng không bao giờ trông thấy rõ đằng sau, và không đoán được ngày mai có những trạng thái gì kỳ lạ. Có thể, con người mới thiết tha về tương lai, vì tương lai chứa đầy bí mật, mà chỉ dành rất ít hoài niệm cho dĩ vãng, bởi dĩ vãng nào có gì thâm kín nữa đâu !

Ái tình chỉ đầy mộng đầy thơ khi chung quanh người ngọc có một tấm màn che phủ. Khi nào tấm màn đã hé, ái tình cũng vụt biến đi. Tấm màn là tất cả sinh thú khác khoả của cuộc đời; bởi đó, gái cũng như trai, đều cố gắng vạch rõ tấm màn cho tường tận ngọn nguồn tơ tóc.

Lòng tò mò và tính hiếu kỳ xui khiến con người xao lãng dĩ vãng và hiện tại. Tin tưởng cuồng nhiệt và hy vọng tràn trề đều hướng cả về Tương lai. Muốn phỏng đoán Tương lai, người ta đi xem bói. Mà xem bói, không gì bằng đi bói ngày Xuân. Bói ngày Xuân bởi mỗi năm Xuân lại tới một lần; mỗi dịp Tết con người tự thấy mình trẻ lại. Mạch sống dồi dào trong huyết quản, niềm yêu thương sôi nổi dưới tâm hồn.

Chả có thể thì mấy ông "Lềng Phèng tử" và "Lốc cóc tiên sinh" chết đói đến nhăn răng; mỗi một năm chỉ chờ đến ngày Tết là mới có cơ hội tán ma tán mãnh để thừa tiền tiêu dụng. Tổ sư kẻ nói hươu nói vượn lại chính là ông cụ trang nghiêm đạo mạo ngồi trong nhà Văn Miếu; ông đã chép lại Hà-Đồ của Phục-Hi và Lạc-thư của Hạ-Vũ, để rồi cho các hậu nho biến thành một lâu đài bói toán đủ trăm ngành. Nào là Thái-Ất thần kinh, Lục giáp thiên thư, cùng Tử vi

đầu số. Nào là Lục-nhâm, Dã-Hạc và Khổng-Minh thần số .. Đó là những cột trụ sinh nhai chắc chắn, có thể dựa vào mà "nói phét ăn tiền".

Nói phét ăn tiền chả ai sánh kịp mấy chú Ba Tàu vẽ một biển vải cỡ lớn, to bằng cả chiếc chiếu cạp, căng rất thẳng, rồi vác đi nghêu ngạnh ngoài đường. Trên biển, hoặc có một bộ mặt to bằng mặt ông Khổng-Lồ đầy đặc chữ chua mực chua son tíu tít. Mé trên mé dưới và hai bên tấm biển, có những giòng chữ to bằng con gà mái ghe, đọc lên thì rùng rợn sồn tóc gáy trên đầu. Đây là "Quý Cốc tái sinh" đây là "Ma y thần tướng". Đây là "Cát hung thọ yếu", đây là "Quá khứ vị lai". Nhiều lắm, nhiều lắm, nhiều quá xá, kể ra không xiết. Mười đồng xem một việc. Năm chục xem một phần đời. Một trăm thì xem tất cả mọi sự. Kể ra như thế, số mạng của mình, chỉ "nhất bách" là có thể đem giải phẫu rõ rệt dưới ánh sáng mặt trời. Có một "tờ lon lớn" là biết ngay được Tương lai rõ rệt.

Tương lai ai cũng như ai, chỉ hơn kém nhau tý chút. Tướng này dài tai tốt lắm, thế nào cũng có lúc giàu to. Nhân trung sâu hoắm, địa các nở nang, tướng này thế nào cũng sống lâu mốc trán. Lưỡng quyền cao chót vót, mắt xếch, môi cong, tướng này không bỏ chồng rồi cũng đến sát chồng, không tránh được! Tướng này tay vượn lưng rùa, có số lang thang không đạt chí như ông Cự Không. Tướng này trái lại lắm người yêu, vì "mắt phượng mày ngài". Lắm người yêu nhưng không tích tử vượng phu, vì thiếu hần dáng điệu "chữ Tâm" và chữ "Cụ".

- Nhưng mà, muốn tướng gì thì tướng, chỉ cần nhờ thầy xem hộ cho quẻ này có ứng hay không ? Số là tôi cũng như tất cả mọi người, trong thời đại nguyên tử khó khăn này, chỉ cần biết có đủ chất "giang biên" không hở ?

- Chất "giang biên" là chất thế nào ?

- Nó là chất mà mọi người cùng ưa chuộng, kể cả anh hùng Lương-Son-Bạc là Lãng lý bạch điều. Lãng lý bạch điều thường ngâm mấy vần thơ bất hủ:

"Mỗ nay sinh trưởng ở GIANG BIÊN  
Chẳng thích giao du chỉ thích TIỀN"

Tiền. Tiền. Tiền là chất thiết thực, cụ thể, cần hơn cả "Sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô danh". Bởi đó, muốn có NHAN, trước tiên phải có chất "giang biên" kha khá. Tráng sĩ sẽ "vô nhan" và mỹ nhân thì "vô nhan sắc", nếu trong lòng không có "tý tiền còm". Và nhất là Tết nhất ngày nay, "tý tiền còm" cần lắm lắm. Không tiền thì không Tết, mà ít tiền thì Tết cũng chả còn hương vị thú vui gì !

- Trời ôi! Cái này khó quá! "Nị" đưa cái tay "ngộ" xem lại một tý, "nị" ngửa mặt lên cho "ngộ" nhìn kỹ tướng tinh nó sẽ xuất hiện bao giờ? À, à ... bây giờ "ngộ" nói "nị" nghe. Vâng "nị" Tết này tới mùi rồi đó. Sắp có tiền, sắp có tiền rồi mà. Muốn cho rõ hơn "nị" đi xem bói thời biết.

Tướng không thông, lại tới bói. Bói Tết. Bói ngày Xuân. Bói hiện tại và hậu vận. Phải biết rõ ngày sinh tháng đẻ, nhất là giờ sinh, đừng quên mất, thì nguy. Ông thầy bấm đốt ngón tay, tính lăm nhăm một lúc: Số này hung tinh đặc địa, phát dã như lôi. Chỉ hiềm là số âm nam, đại hạn đi ngược. Minh thổ, cục hỏa, đại hạn, tiểu hạn hỏa; hỏa sinh thổ, sang năm sẽ phát đến nơi rồi. Phá quân cư ngộ, ngộ đào hồng, sát pha tham, thất sát triều đầu, song lộc triều nguyên, sẽ trúng số độc đắc. Nhưng mà có một điều không được tốt lắm, ấy là đào hoa phùng thiên mã chiếu vào cung Thê Thiếp, ông có một người yêu bỏ ông đi lấy chồng rồi.

Chịu thầy. Tiền bạc trúng số chưa thấy đâu, mà chỉ thấy mất ái tình mà mất luôn cả cho thầy "sáu chịch". "Sáu chịch" vì là Tết nhất, ngày thường chỉ ba chục mà thôi.



- Thầy giỏi đoán tương lai quá xá, sao không xem luận số cho thầy ? Thầy lên giá trái với lệnh Chánh phủ ban hành, thầy sắp sửa gặp trường hợp "Tham liên ty hội ngộ Thiên Hình" rồi đó! Nghĩa là thầy liệu hồn, không khéo sẽ "ủ tù".

Tốt hơn miễn vén màn bí mật của Tương Lai, đừng bói toán ngày Tết làm gì cho đỡ mệt. Đã mất một lèo hơn trăm bạc, chả thấy tiền của đâu, lại còn bị đoán non đoán già : Có chiếc đàn Tỳ Bà đang gảy tưng tưng tung, tự nhiên bỗng động cựa nhẩy đến vút sang thuyền khác.

# Ông Địa Của Tôi

Việt Hải

**T**hông thường trong đời sống hằng ngày người ta chọn một tôn giáo, một niềm tin nào đó để khẩn vái, để cầu xin những điều mà họ mong mỏi, họ bị lâm nguy hay khi trong hoàn cảnh tuyệt vọng. Ví dụ mẹ tôi thường cầu trời khẩn phật, bạn tôi cầu xin mẹ Maria, dì tôi khẩn vái phật bà Quan Âm, ông bán thịt quay BBQ ở phố Tàu mà tôi quen vái ngài Quan Công, và có lẽ hai me-sù Osama bin Laden và Saddam Hussein cúi lạy đấng tối cao Mohamad cho Đồng minh "Mỹ cút Anh nhào". Riêng tôi, Ông Địa là đấng vạn năng trong đời sống tâm linh của tôi. Tại sao vậy ? Bởi vì tôi xin ngài thứ gì thì ngài cho ngay không một chút lưỡng lự, ngoại trừ điều ước cuối cùng là trúng Superlotto Jackpot tuần này vô cùng nóng hổi: US\$100M, có thể chọn cash value option, tiền tươi. Tôi nguyện lòng khi nào ngài cho tôi vào danh sách ưu ái nhận giải Superlotto Grand Prize này thì tôi bẻ ngài đi mỗi bước du hành từ Tahiti sang Cancun, từ Jamaica sang Bahamas...

## \* Ông Địa vs. Phật Di Lạc :

Thông thường người ta hay nhầm lẫn giữa hai vị thần linh này. Khi tôi sang Trung Quốc, bạn tôi đưa tôi vào một nơi đại lý bán đồ sứ, người bán hàng chỉ tôi vài mẻo vật phân biệt. Các tay làm đồ gốm khi làm mô hình khuôn đúc đức phật Di Lạc, thì họ cho những dấu hiệu phân biệt để nhận diện như ngài Di Lạc thì khoác áo choàng cà sa có dấu chữ vạn hay tay ngài đeo chuỗi hạt. Còn ông Địa hay ông Thổ Địa thường cầm quạt hay quần khăn trên đầu như chú cuội. Dáng dấp hai vị này dù là đức Di Lạc hay ngài Thổ Thần, Thổ Địa đều bệ thế, costeau, đô con, nặng cân, mũm mĩm và bụng bẫm như nhau. Tôi bảo người bán hàng cho hai ông ngồi ngang nhau trên bàn để tôi so sánh là nên thỉnh ngài nào. Bạn đi chung cùng tôi bảo tôi so sánh làm gì, ngài nào cũng vậy thôi hay là thỉnh cả hai. Tôi trả lời anh: "Này nhé, anh nhìn xem hai ngài đều nặng ký cả đấy, lo thức ăn đàng hoàng cho các ngài là cả vấn đề lớn lao, chứ phải giỡn sao!". Vì nhà tôi thờ ngài nào là thức ăn, trái cây, mâm quả phải thay đổi định kỳ, tươm tất như lời huấn thị của madame nội tướng của tôi. Trong khi liếc nhìn thoáng qua lại ngài nào cũng tốt mã, tốt tướng, đẹp giai và nụ cười quý ngài tươi như hoa, nhân hậu, rất duyên dáng như thống đốc heavy-weight champ Jesse Ventura của tiểu bang Minnesota. Cuối cùng tôi nghe lời người bạn thỉnh luôn hai vị về Mỹ. Tiền thỉnh không đáng là bao, nhưng sợ lỡ các ngài bị thương, mang tật nguyên như sút tay, gãy chân là mình ân hận suốt đời, quý ngài sẽ quở trách tôi cho cuộc đời này te tua.

## \* Hiệp #1 - Ông Địa giúp trên biển:

Sau khi lấy tàu hỏa từ Thâm Uyên (Shengzhen) về lại Cửu Long (Kowloon), chúng tôi lên phà từ Kowloon trở lại Hong Kong. Phà đang bị cơn bão dữ đe dọa, phà nhấp nhô, lắc lư vì bị sóng gió nhồi, đột ngột thay phía trước mặt chúng tôi là chiếc tàu sắt đánh cá đang chống chọi lại cơn bão và thật tội nghiệp con tàu đánh cá di chuyển như con rùa bò, trong khi phà chúng tôi cho còi hú inh ỏi báo động và cố lách, tránh né. Hai chiếc phà và tàu tránh nhau trong đường tơ kẽ tóc, ruột gan tôi co bóp theo từng tiếng còi tàu hú, tôi ôm chiếc xách tay có Ông

Địa (OĐ) ngồi tịnh khẩu ở trong đó, OĐ chần từng nhịp tim, từng hơi thở để cho tôi sự bình yên. Lên trên bờ, chúng tôi vào một tủ lầu ăn tối, tôi cho người bạn đồng hành biết tôi may mắn vì có vị thần linh bám sát tôi, bạn tôi hỏi ai vậy. Tôi cảm bức tượng OĐ ra cho bạn tôi xem vị thần đỡ mạng chúng tôi hiệp một, gặp nạn trên biển.

### **\* Hiệp #2 - Ông Địa giúp trên không:**

Trên chuyến bay từ Hong Kong sang Đài Bắc, ngài Di Lạc được yên nghỉ trong valise gói trong compartment máy bay, riêng Ông Địa (OĐ) lại nằm theo xách tay di động của tôi, tôi cưng ngài như cưng trứng mỏng. Vì trời bão bùng trong eo biển vịnh Đài Loan, chiếc Boeing 747 của hãng Eva Airlines bị bão nhồi khủng khiếp, nó lắc lư con tàu đi, làm hành khách hoảng vía lắc lư như con tim sai nhịp đập. Bão nhồi tiếp tục càng mạnh hơn, máy bay gầm thét làm thân tàu chao đảo khi con tàu cố giữ thế thăng bằng. Giọng tiếp viên hàng không báo động cài seatbelt, giữ bình tĩnh và phòng hờ emergency đã được hướng dẫn. Tôi ôm OĐ vào lòng mà miệng đọc chú tiếng quốc ngữ Annamta:

"Úm bà la cho tai qua nạn khỏi.  
Ông Địa còn là con còn.  
Ông Địa đi là con đi  
Ông Địa có chút từ bi  
Cho con thoát nạn con thì đội ơn  
Úm bà la cho tai qua nạn khỏi ..."

Cứ thế mà úm bà la niệm chú chừng chục lần là mọi việc xong xuôi. Thế rồi phi trường Chang Kai Shek của Đài Bắc hiện ra trước mắt, chúng tôi thoát nạn vì nhờ OĐ. Ngài đỡ chúng tôi hiệp hai.

### **\* Hiệp #3 - Cháy khách sạn Nam Hoa:**

Chúng tôi vào trọ tại khách sạn Nam Hoa, 5 tầng lầu, nhân viên khách sạn cho biết họ chỉ còn phòng trống ở lầu 3 và 5 thôi. Người bạn đồng hành của tôi chọn phòng ở lầu 3 vì gần tầng dưới hơn. Tôi bảo bạn tôi nên chọn tầng thứ 5 vì tôi muốn quan sát phong cảnh chung quanh khu vực thành phố. Vả lại tôi không ưa số phòng là 23, con số vô duyên với tôi. Bạn tôi chịu ý. Khi đồng hồ chỉ đúng 12:30 khuya, khách trong khách sạn chạy náo loạn, tiếng la bằng ngôn ngữ Quan thoại, dân Annamta như tôi bí lù, chẳng biết thiên hạ nói gì, anh bạn đồng hành gốc Bông phiên dịch lại. Còi hụ báo hiệu chuyện chẳng lành, chúng tôi ngó xuống đường, xe cứu hỏa vừa trở đến, khói từ lầu 3 bốc ra ngoài. Chúng tôi không dùng thang máy được vì điện cúp, thang lầu bị kẹt cứng vì phòng 22 bị cháy sát thang lầu. Khi mọi diễn biến xong xuôi, chúng tôi đi ngủ lại lúc 3 giờ sáng, bạn tôi bảo: "Hên quá, tụi mình suýt book phòng số 23". Tôi cười khì và trả lời: "OĐ bảo rồi phòng 23 không tốt mà!", tôi ôm OĐ ra hôn ngay vào bụng "pregnant" của ngài như lời tạ ơn sâu xa nhất. Bất cứ nơi nào bạn đi, trên trời, dưới biển hay trên bộ, ngài sẵn lòng nở nụ cười hiền hòa độ lượng bảo vệ tính mạng cho bạn được bình yên.

### **\* Ông Thổ Địa vs. Ông Thần Tài:**

Ngày vợ tôi sang tiệm neo để tự làm chủ lấy mình, tiệm neo này vốn là ngôi chùa Bà Đanh, khách lựa thưa vắng vẻ quá. Người co-partner xúi bà nhà tôi nhào vô thử thời vận, sợ gì, một ăn hai thua: "It's the name of the game as we live", bà co-partner nói khích chúng tôi. Nhà tôi

hỏi ý tôi. Tôi trả lời kiểu a dua, a tòng, rất nịnh đầm: "Em sao anh vậy!". Thế là nàng vô vai trò làm co-owner. Sau 2 tháng đầu, tiệm y chang như xưa, khách vẫn ít ỏi, rất thưa thớt. Người co-partner là một phụ nữ Annamta gốc Bông bèn mời ông thầy tướng số gốc Trung quốc cư ngụ tại vùng Bông kiều Alhambra, nghe đâu người có nội công thâm hậu, thượng thừa về tử vi, phong thủy cho các cơ sở thương mại tại các khu vực đậm nét Bông kiều. Thầy ếm bùa bát quái trước sau, thầy kêu chúng tôi treo kiếng ếm diệt tà ma quỷ. Qua người thông ngôn dịch lại là quỷ vampire Dracula còn sợ kiếng, hướng chi quỷ ở tiệm neo, là loại các kếp, dễ óc tiêu, dễ trị như trở bàn tay và không đáng kể. Ông đi từ trước ra sau, ông lắc đầu ngao ngán, ông nói bọn tôi mua tiệm làm chết bỏ vì hướng cửa trước chạy thẳng một đường ra ngõ cửa sau, chả kín đáo gì cả, thảo nào vắng khách, nếu có bỏ thêm tiền vào thì như con bệnh sốt xuất huyết thôi, vì tiền vào ngã trước chạy thẳng ra ngã sau mất tiêu hết. Ông còn chê thêm cái cây oak khổng lồ ở sân trước parking đậu xe là biểu tượng ma quỷ án ngữ cản khách vào. Thầy bùa cho treo miếng kiếng chống lại bọn tà ma quỷ ám haunting ghost trước cửa ra vào, mấy bà co-owners tin như điều đồ. Thầy bảo tiệm phải có chậu nước hay bồn nước trước cửa, một nguyên tắc chính của khoa địa lý phong thủy. Chúng tôi mua chiếc bồn nước kiếng có cây bonsai, ngoài ra trang trí thêm cho kếp hoạch hốt bạc là chưng cây tiền (money tree) mà lá 5 hay 6 cánh như lá cây khoai mì, rồi thêm vài cây thủy tre (water bamboo) mà các nơi bây giờ hay chưng. Phong thủy cần nước mà water bamboo nói lên cả một cái lý thuyết Âm Dương ngũ hành: "Thủy sinh mộc, Mộc sinh hỏa, Hỏa sinh thổ, Thổ sinh Kim". Mà kim là tiền tươi theo thầy tướng số vừa đi, mồm thì thâm chú trừ ếm tà ma khi thầy bấm các nốt đốt tay. Đoạn thầy bảo các bà điều quan trọng hơn cả là phải có vị Thần Tài phù trợ, vụ này thầy bùa cung cấp vì vị thần này do một danh pháp sư Trung quốc đã thỉnh tận Trung quốc mới linh thiêng mà thầy biết nơi thỉnh. Sau này khi tôi nhận hình mà lòng tự hỏi sao Thần Tài Trung quốc của danh pháp sư lại y chang các vị Thần Tài đang ngồi chễm chệ trên các kệ bán nhang đèn ở phố Broadway, khu Chinatown. Tôi chăm chú nhìn một hình vẽ ngài Thần Tài trong y phục Trung hoa y như các đấng thần linh Quan Công, Trương Phi hay Lưu Bị. Sau khi thiết kế xong chương trình phòng chống tà ma quỷ ám tại tiệm, thầy bái bai chúng tôi và chúc lành mọi điều may mắn.

Thế là tiệm neo phục vụ người bản xứ Cờ Bông cộng thêm vị Thần Tài gốc Trung Bông trấn giữ ngay địa đầu cửa ải thì nhất xứ thiên hạ, chứ còn lo gì nữa? Cái lý thuyết địa lý phong thủy đó cản bọn tôi một phần máu, máu đã đổ mà thầy bùa pháp sư từ Trung quốc không lật nổi thế cờ, người co-partner xin tự nguyện rút lui. Chúng tôi còn lại lẻ loi, đơn chiếc, và cô thế như chưa ai sẵn lòng thế cô. Trên đường đi làm về, ngồi trên xe vợ tôi hỏi tôi tính ra sao, tôi bảo nhà tôi là kể từ nay tôi thỉnh Ông Địa Trung quốc của tôi hiện đang thờ ở nhà lên giải vây thế vai trò ngài Thần Tài Trung quốc của vị pháp sư họ Ma, tức họ Mã theo chữ bỏ dấu Annamta.

Ngày "điều động" OĐ của tôi lên cho mặt trận miền tây đang yên tĩnh của thành phố Hồ tây (Westlake), chúng tôi làm lễ ra mắt cúng bái rình rang như cô dâu mới về nhà chồng, nào là heo sữa BBQ Liên Hoa và vịt Bắc Kinh cùng hiệu Liên Bông BBQ từ Little Saigon lên yểm trợ, rượu Trung quốc Mai Quế Lộ theo đúng tiêu chuẩn văn hóa gốc Bông bên nhà vợ tôi. Nhang khói vừa tàn ngay vào mùa prom các nữ sinh hai trường trung học Westlake high school và Thousand Oaks high school chen chân nối đuôi vào, bà chủ chú tâm mần bá thờ.

### **\* Nhà Tiên Tri Tí Hon Aaron McBain:**

Nếu chúng tôi cung OĐ chúng tôi bao nhiêu thì chú bé Aaron, con trai bà Barbara McBain cung OĐ chúng tôi bấy nhiêu. Bé Aaron 5 tuổi, da mịn màng trắng toát như bông bưởi, đôi

mắt vừa xanh biếc như màu nước biển crystal blue, vừa tròn xoe, tóc vàng hoe, cười khoe hàm răng trắng đều đặn, thật xinh xắn. Bà Barbara có một mình cháu Aaron nên đi đâu cũng vác nó theo. Ông xã của bà là một pilot cho một hãng máy bay airlines lớn, ông thường vắng nhà. Tội nghiệp bà, đôi khi bà cô đơn, bà ghé tiệm chúng tôi làm neo, rồi tán dóc hay đôi khi chạy tạt qua thăm hỏi chúng tôi. Có hôm bà ghé tiệm bán sách kế bên để hai mẹ con bà xem sách. Tự trung bà là khách quen thân như người trong gia đình đối với chúng tôi.

Một hôm Barbara đang ngồi chuyện trò với nhà tôi trong lúc làm neo, tôi ngồi bàn desk bên trong đọc sách, một sự kiện bất thường, Aaron không chạy tung tăng như mọi lần, cháu ngoan ngoan im lặng ở khu vực bàn thờ. Mọi người yên tâm trò chuyện mà chả màng thắc mắc Aaron đang nghĩ gì. Cách thiết trí của tiệm là những tủ kiếng chắn phía trước che luôn bàn thờ thì từ bên trong tiệm chúng tôi không thể nhìn thấy bàn thờ và cháu Aaron. Trong sự hồ nghi nào đó vì cháu Aaron im lặng quá, tôi bỏ cuốn sách xuống bàn đi về phía Aaron, tôi há hốc mồm khi trong thấy cái messy party lầy lội của Aaron. Cháu quá vồn vã với OĐ của tôi. Cháu cho OĐ một buổi ăn trưa no nê, cháu dứt OĐ đủ thứ mà mẹ cháu mang theo trong bao xách tay từ bánh brownie đen ngòm, chocolate pudding cũng đen ngòm nốt, cho luôn một hũ Yoplait strawberry yogurt tươi lên đầu OĐ, lót dạ thêm McDonald's pancake, eggs, syrup. Cuối cùng bồi thêm bình sữa của cháu và ly Coke của mẹ cháu giải khát cho OĐ, tôi la báo động lên, mặt cháu tái mét, mẹ cháu chạy ra tức giận phết mấy cái tát vào mông cháu. Thế là nhà tôi âu sầu, người mãi lẩm bẩm: "Thôi, chết rồi, tận thế rồi, phá OĐ như vậy thì chỉ có nước húp cháo rùa thôi !".

Người ta nghĩ là cháo thượng hạng như cháo hải sâm, cháo bào ngư, kế nữa là cháo tôm, cháo cá và cháo thịt, tệ hơn thì có cháo hột vịt muối, cháo dừa mắm, cháo củ cải muối, cháo củ kiệu, và hạng bét là cháo rùa vì rùa làm gì có thịt, cái mai rùa nhai vào mỗi hàm, ê răng tức làm giàu cho nha sĩ thôi. Do đó cháo rùa là cháo đạm bạc, nghèo nàn nhất xứ, nghèo hết thuốc chữa. Chúng tôi bỏ gần 3 tiếng đồng hồ lau dọn cho khu vực được sạch sẽ. Cuối ngày khách ra về hết, hai vợ chồng lui cui tắm cho OĐ bớt nhầy nhụa, nơ nhóp vì các chất sữa, bơ, bột và đường bám vào người OĐ. Khi OĐ được lau khô bằng Kleenex soft paper tissues, rồi cho tí nước hoa fragrant body splash, mùi lemon romance vào hai vai ngài, mà hình như nhà tôi đang nói khề ngỏ lời xin lỗi, vì chú bé Aaron chơi đại quá, đã hỗn láo với ngài. Tôi còn bàn thêm trên đường về chuyến này tại tôi xui tận mạng: "OĐ ra đời, nguyên quán Trung quốc, tại miệt Á châu chỉ ưa ăn thức ăn Á đông thôi, sao bé Aaron nở tâm Mỹ hoá hay Americanized OĐ, thế thì hỏng hết, nát bét hết !". Tôi còn đưa ra lời tiên đoán, từ ngày mai trở đi là tiệm chúng tôi sẽ vĩnh viễn húp cháo rùa dài dài.

Ngày mai trở lại tiệm mọi người âu lo chờ đợi lời OĐ phán. Cái chúng tôi không ngờ là thằng bé dạy cho chúng tôi bài học vỡ lòng về việc vệ sinh cho OĐ là đã 8 tháng trời ngài bị nhang khói bụi bậm hành hạ. Trong khi theo Hiệp Hội Tim Mạch Hoa Kỳ hay Hội Ung Thư Mỹ Quốc thì đã có hàng triệu người Mỹ là nạn nhân của sự thể second-hand smoker để rồi họ bị ung thư phổi, bị hen suyễn, bị bệnh tim mạch như heart attack hay stroke,... Trong khi đó 8 tháng qua OĐ chúng tôi phải vất vả hít thở nhang khói, khổ sở trăm lần hơn các nạn nhân second-hand smokers, và tôi lại nhẫn tâm dùng dây xiềng xích OĐ lại. Lý do vì các cháu nhi đồng của nước Mỹ khi lại tiệm thường hay bê OĐ ra chơi như búp bê, mà đã xích chân OĐ thì làm cách nào OĐ exercise, hay vận động thể dục được sau mỗi ngày ăn no nê, trong khi mỗi ngày lượng cholesterol OĐ càng gia tăng vì nào là bánh bao, bánh mì thịt Lee's Sandwiches, há cảo, sủi cảo, dumplings, xá xíu, xiu mại,... toàn thứ high cholesterol thôi. Sau khi OĐ được cho tắm piscine mát mẻ thì ngày đó đông khách lạ thường.

\*\* Bài học từ bé Aaron nhắc nhở: Nên tắm cho OĐ thường xuyên, đổi thức ăn cho ngài, ăn đồ Á châu hoài OĐ sẽ ngán ngẩm, chán chết mà ngài không dám nói.



### \* **OD cảnh cáo:**

Tháng sau đó Barbara dẫn Aaron lại tiệm chúng tôi trong nỗi tức giận khi Barbara khóc bù lu bù loa thông báo cho chúng tôi biết Mark (bố cháu Aaron) đã đi theo con mèo hai chân bỏ sang Dallas và bỏ bà rồi. Những giọt nước mắt oan khiên, cô đơn được nhà tôi mách nước là chắc tại cháu Aaron đã chơi hồn với vị thần linh là OD, nên mới có chuyện xui nhà bà ấy. Vì Barbara nói lần đầu tiên xảy ra sau 6 năm sống chung vô cùng hạnh phúc. Vợ tôi dẫn Barbara ra trước bàn thờ OD mách bảo như đạo diễn rằng thì là Barbara nên chuộc tội xin lỗi, khăn vải OD và xin ngài cho Mark trở lại với gia đình. Barbara tin lời nhà tôi cứ mỗi hai tuần ghé qua làm neo và khăn vải đốt nhang và xá 3 xá rất thuần thực, nhuyễn như. Nhiệm màu thay 2 tháng sau Mark bị con mèo 2 chân Dallas đá lẫn cù, chàng chạy về lại Cali xin lỗi Barbara xin cho ở lại. Thế là tiếng đồn gần xa đến tai các khách khác. Mấy nàng Mỹ nữ bị chồng lay off, kếp cho retire, bỏ cho de, bị phụ tình đến kính cần nghiêng mình thắp nhang cho OD của chúng tôi để cầu xin một phép nhiệm màu trong đời sống hôn nhân hay trong tình yêu tràn trề hạnh phúc kiểu Cờ Bông.

### \* **Bé Aaron với bài học #2 - Trở về với cát bụi:**

Trong một hôm sáng đầu tuần vắng khách, cũng nhân dịp lễ Trung Thu vừa qua, ai nấy miệt mài làm việc cho khách hẹn. Mẹ cháu Aaron mãi mê đang đọc sách ở tiệm bên cạnh, Aaron lén vào tiệm neo chúng tôi thực hiện kế hoạch mission impossible, Aaron liếc nhìn bàn thờ có thêm gà mái dầu hấp muối của tiệm Sam Woo nằm phơi bụng "cóc chữa" trong tư thế khoe của, thế nằm ngửa rất sexy, gà mái bị phủ một lớp giấy kiếng trong suốt, transparent wrap cho khỏi bị bám bụi nhang, bên cạnh có nước tương gừng, nước chấm xí mại, cơm nấu theo kiểu Hải Nam mà tất cả đều có bao kiếng wrap, rồi hai hộp chè hạt sen, bạch quả, khoai môn cũng để nguyên ngăn nắp trong hộp (theo kiểu chè Cali), kế bên là hộp bánh Trung Thu thập cẩm cũng còn nguyên trong hộp. Chú bé Aaron ngẫm nghĩ không hài lòng hay sao đó: "Tại sao cúng lại cho OD mà mọi thứ đều bị niêm phong, phủ kín mít từ gà, cơm, bánh, chè ? Tại sao cúng mà không mở ra ?". Thế là cháu cho tự động mở toạc ra hết. Lư nhang quá đầy cháu đem các cọng nhang tàn trong lư hương đã đốt còn phần đỏ, cháu ném vung vẩy tứ tung ra thảm, xong lấy tro tàn nhang thoa lên thêm gà mái sexy, xong thoa luôn 4 cái bánh Trung Thu nhân thập cẩm, rưới tro tàn nhang lên cơm, lên chè... Lại một lần tôi nữa tôi bắt gặp Aaron làm hồn với OD, vị thần linh của tôi, tôi quát tháo lên. Thế là mẹ cháu từ tiệm sách bên cạnh chạy vội sang. Kỳ này Barbara giận dữ vì Aaron dám trù ếm OD của chúng tôi sớm về với cát bụi, nên cháu thật sự muốn tập sự cho OD làm quen dần với bụi bặm. Barbara lại đốt nhang quỳ tạ lỗi, cầu xin khăn vải sợ OD trở về với cát bụi thì chắc là chàng Mark kia sẽ bỏ mẹ con nàng nhà sang Dallas luôn và dứt tình Cali muôn thuở.

Sau khi Aaron cho OD xơi món gà ướp tro, lòng tôi hơi lo âu, vì lẽ OD có mệnh hệ chi thì business của bà nhà đi đong như chơi, nhất là ở giai đoạn suy thoái kinh tế trầm trọng nhất của nước Mỹ hiện tại. Vả lại cái dáng bề thế heavyweight champ của ngài mà chúng tôi cứ mãi cúng kiến gà, vịt, tôm càng, heo, bánh bao, bánh mì thịt, xiu mại, xá xíu, há cảo, sủi cảo, dumplings, ... thì OD sẽ một sớm một chiều sẽ thật sự trở về với cát bụi như chơi. Tôi đề nghị nhà tôi cho ngài theo chương trình comprehensive diet, tức ăn kiêng toàn diện hay ăn chay. Từ nay OD chỉ được dâng hưởng trái cây tươi và fruit juice thôi, ưu tiên là chuối cau (baby bananas) có nhiều potassium tốt cho bệnh nhân tim mạch và cho ông uống nước dừa xiêm loại tươi, nước mát bông cúc, nước mát rau má,..., nước sâm American ginseng sẽ mát rượi tâm hồn để ngài có được an giấc ngủ ngon, chứ không ngủ ngon, chúng tôi sẽ có thêm nhiều

khốn đốn, vất vả. Và cũng từ nay OĐ không còn được cung cấp các đặc sản "bia ngoại" như Heineken, Sapporo, Budweiser hay đế Mai Quê Lộ nữa, mà chỉ có:

"Nước sâm, nước mát, nước dừa.  
Trong ba thứ đó ông ưa nước nào ?"

Cách đây 2 tuần, mẹ con Barbara và Aaron McBain đến từ già chúng tôi. Barbara cho biết Mark tìm được việc làm mới tại Georgia, nên gia đình sẽ dọn qua Atlanta. Barbara và Aaron đốt nhang vái OĐ lần cuối cùng và bé Aaron thật dễ thương trong nụ cười thơ ngây, hồn nhiên, cháu hôn má và cái bụng pregnant của OĐ. Tôi bảo Barbara là OĐ sẽ phò hộ cho Aaron học hành giỏi và biết đâu 13 hay 15 năm sau này cháu trở lại Cali theo học đại học hay đi làm, hy vọng khi đó OĐ sẽ còn hiện hữu để tiếp đón người xưa với cái ân tình tri kỷ mà cháu Aaron đã dành cho OĐ của tiệm chúng tôi.

"Goodbye and good luck to you all the way you go..!!!"

**Việt Hải, los angeles**  
28 tháng 1 năm 2005



## "Yoga" hay "Thiền Công" có lợi cho sức khỏe như thế nào ?

Chu Tất Tiến

"Yoga" hay "Thiền Công" phát xuất từ Ấn Độ khoảng 6 đến 7 ngàn năm trước, tiếng nguyên thủy theo Sanskrit là "yuj" có nghĩa là kết hợp giữa linh hồn cá nhân (atma) và tinh túy vũ trụ (paramatma). Khởi thủy, Thiền Công được lập ra với mục đích đi tìm sự Khai Ngộ (Enlightenment), sau đó đã chuyển hóa thành nhiều môn phái Yoga khác. Mỗi môn phái lại có những tư tưởng chỉ đạo khác nhau như Karma Yoga chú trọng vào sự Từ Bỏ Bản Ngã, Bhakti Yoga chú tâm về sự Dâng Hiến, Jnana Yoga, Raja Yoga chỉ quan tâm về Kiến Thức... Những thế, thức tập luyện cũng khác nhau, có thể *bất động*, hay *động*, mỗi thế, thức lại biến hoá thành nhiều kiểu dáng, khó có thể đếm được hết mọi loại kiểu, thức. Sau khi được truyền qua các quốc gia khác, nhất là Tây Âu, Thiền Công tập trung nhiều về *Chữa Bệnh*, *Điều Hòa Tâm Linh*, tìm ra sự *An Vui* cho cá nhân một khi tâm thân hợp nhất, khỏe mạnh, và hạnh phúc.

Như vậy, Thiền Công hay Yoga hoàn toàn khác với Thiền hay Zen đặt trọng tâm vào sự suy tưởng có tính chất tôn giáo, nguyên thủy khai sinh từ Ấn Độ với tên gọi từ tiếng Sanskrit: "dhyana", triển khai tại Trung Hoa khoảng thế kỷ thứ 6 dưới thời Tổ Sư Bồ Đề Lạt Ma (Bodhiharma) cũng đồng thời là Tổ Sư của môn phái Thiếu Lâm. Vào thế kỷ thứ 9, Thiền được truyền bá sang Đại Hàn và được gọi là Seon. Thế kỷ thứ 12, Thiền được phát triển ở Nhật bởi Tổ Sư Myōnō Eisai sau khi Ngài đến Trung Hoa rồi về nước, lập ra hệ phái Linji, còn gọi là Rinzai. Ở Việt Nam, vào khoảng cuối thế kỷ 16, Thiền Sư Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) người Ấn Độ đến Việt Nam phổ biến về Thiền, và dưới thời Ngài Thiền Sư Vạn Hạnh, Thiền được phát huy mạnh mẽ nhất cho đến ngày nay. Trên thế giới, hiện tại, những hình thức về Thiền rất đa dạng. Ngoài Tu Thiền (Thiền Tông), những người thực tập Thiền còn thể hiện Thiền trên hội họa (Tranh Thiền), thi ca (Thơ Thiền), cắm hoa (Thiền Hoa), trang trí (vườn Thiền), hay kiến trúc theo Thiền... Những vườn cỏ với sỏi trắng được vun theo những đường nét đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa của Nhật nổi tiếng khắp thế giới và được hàng triệu người từ Đông sang Tây rất hâm mộ.

Vì sự đa dạng về Thiền như thế, người viết đã phiên dịch tiếng Yoga thành Thiền Công (Thiền = Tập trung tư tưởng, Công = sự vận dụng sức lực tinh thần hay vật chất), để tránh sự ngộ nhận với Tu Thiền. Và cũng vì mục đích là để tìm sự An Vui, Hạnh Phúc qua Sức khỏe, không mang tính chất tín ngưỡng, người viết đã đơn giản hóa việc tập Thiền Công qua 4 thế: Ngồi, Nằm, Quỳ, Đứng. Mỗi thế lại có 4 thức. Tên gọi của những thức này do người viết mạo muội đặt bằng tiếng Việt cho dễ nhớ, và để không bị ngộ nhận với bất cứ thế thức nào khác. Việc tập Thiền Công nên được thực hiện trong phòng vắng, không ồn ào; nếu có thể tập ở ngoài vườn, nơi không khí mát mẻ thì tốt hơn. Mỗi ngày tập khoảng 1 tiếng đồng hồ, thì chỉ trong vòng 1 tháng, cơ thể và tinh thần sẽ đổi khác, tươi trẻ hơn, khỏe mạnh hơn, làm việc bền bỉ hơn, hạnh phúc hơn, và một số bệnh kinh niên có thể biến mất.

## A. NGỒI

**1-Toạ thiền:** Ý Nghĩa = Con người là trung tâm điểm của vũ trụ. Không có Con Người, Vũ trụ chỉ là con số không. Ngồi xếp bằng tròn, không nhất thiết phải gác chân lên nhau, hai bàn tay để lên hai đầu gối, ngón trỏ và ngón cái của mỗi tay chạm nhau, lưng thật thẳng (Nếu ngồi cong lưng, sẽ bị đau lưng, vì xương sống sẽ bị cong, chạm vào dây thần kinh làm đau. Nếu không tự ngồi thẳng được, thì ngồi sát tường, cho lưng dựa vào tường.) Nhắm mắt lại, tập trung tư tưởng, không nghĩ ngợi bất cứ điều gì, rồi hít vào thật chậm, khi hơi xuống tới bụng (đàn điền) thì nén hơi lại và đếm 1,2,3 rồi từ từ thở ra. Trong khi hít vào và thở ra, phải tưởng tượng đến luồng khí đi từ lỗ mũi vào trong ngực, xuống bụng, tưởng tượng đến hơi thở đang nằm trong bụng, rồi tưởng tượng đến hơi thở đang ra ngoài lỗ mũi. Những ngày đầu tiên, chưa quen, có thể cảm thấy hơi thốn lưng, nhưng dần sẽ quen và không thấy thốn lưng nữa. Hít thở từ 10 đến 20 lần.

Thế này trị bệnh tim, mạch, ổn định thần kinh, thăng bằng trí nhớ, điều trị sau cơn "stroke" hay "heart attack", chống sự hồi hộp, lo lắng, mất ngủ. Có người chỉ hít thở như thế hơn 10 lần đã ngủ gục. Tập chừng một tháng, trí óc minh mẫn, sáng suốt hơn gấp bội.

**2-Bái Tổ:** Ý Nghĩa = Xã hội có thứ tự trên dưới. Biết kính trên, nhường dưới, cuộc sống mới tươi đẹp. Cũng ngồi như trên, nhưng hai bàn tay chắp lại trước ngực. Hít thở từ 10 lần trở lên. Tác dụng chữa bệnh giống như Toạ Thiền.

**3-Hoàn Hư:** Ý Nghĩa = Con Người được tạo ra bình đẳng. Nên tôn trọng lẫn nhau.

Ngồi như trên, nhưng hai tay dang thẳng ngang ra hai bên. Hít thở tối đa 10 lần. Cùng một tác dụng như hai thế trên.

**4-Trung Tâm:** Ý Nghĩa = Nhìn lại bản thân xem mình đã làm gì cho những người chung quanh vui vẻ chưa? Ngồi cúi đầu xuống, nhìn vào bụng mình. Hít thở như trên. Chữa các bệnh về tiêu hoá. Làm 10 lần. Khi xong, phải xoay cổ vài lần từ phải sang trái rồi từ trái sang phải, cho cổ không bị xơ cứng.

## B. QUỲ

**1-Hồ Phục:** Ý Nghĩa = Con Người chỉ là cát bụi và thật nhỏ bé trước thiên nhiên. Quỳ úp trán xuống đất, hai tay để thẳng, cùi chỏ để trên đất, xoải dài trên đầu. Hít thở chừng 10 lần. Giúp ổn định tim, mạch, thần kinh. Khi quá mệt sau một công việc nặng, tập thể thao quá độ, đánh võ... chỉ cần quỳ xuống và hít thở trong vài phút là khoẻ lại ngay.

**2-Tàng Long:** Ý Nghĩa = Đôi khi chúng ta phải biết thu nhỏ mình lại, Quỳ áp một bên má xuống đất, nếu áp má bên trái xuống thì thọc tay trái qua dưới nách của tay phải, nếu áp má bên phải xuống đất, thì thọc tay phải qua nách trái. Ép mình xuống thấp. Hít thở. Trị mất ngủ. Thay đổi tay từ trái sang phải, mỗi bên hít thở 10 lần.

**3-Độc Long:** Ý Nghĩa = Vận dụng ý chí để hướng thiện. Quỳ theo thế Hồ Phục, nhưng giơ một chân thẳng lên trời. Hít thở. Trị bệnh thiếu máu, hay xây xẩm, hay nhức đầu.

**4-Thiền Thờ:** Ý Nghĩa = *Tận dụng năng lực trước, phó thác cho Thiên Mệnh sau.*  
Quỳ áp trán xuống đất, hai tay bỏ xuôi theo thân mình, hai bàn tay hướng về phía bàn chân. Hít thở. Trị yếu tim, thần kinh.

## C. NẪM

**1-Bình Sơn:** Ý Nghĩa = *Chan hoà với mọi người sẽ được mọi người yêu thương..*

Nằm ngửa, không gối, hai tay xuôi theo thân mình. Từ từ rút gót chân về, nhấc thân mình lên, chỉ bám trên đất bằng gót chân và hai vai, giữ trọng lượng ở thắt lưng. Hít thở chừng 5 lần thôi, không cố gắng quá. Trị đau bắp thịt thắt lưng, yếu sinh lý, người có hơi thở quá ngắn và gấp rút. (Thể này không áp dụng được với người mỡ xương sống, thay thận, tật xương sống bẩm sinh...)

**2-Cung Tận:** Ý Nghĩa = *YU Chí của Con Người như cánh cung, càng căng càng mạnh.* Nằm sấp, hai tay xuôi theo thân mình. Từ từ đầu và chân lên tạo thành hình cây cung, hít thở 3 lần rồi hạ đầu và chân xuống, nghỉ vài giây, lại cong lên, hít thở. Chữa đau thắt lưng, yếu sinh lý, lãnh cảm. (trừ người đang hoặc đã mỡ xương sống.)

**3-Thiên Vị:** Ý Nghĩa = *Bỏ cái "Tôi" đi, thìø tiến bước nhanh nhẹn hơn.* Nằm ngửa, không gối, hai tay xuôi theo mình, từ từ rút chân về gần mông, nhấc hẳn mông lên cao, mắt nhìn theo đùi, hít thở. Chữa yếu sinh lý, lãnh cảm, đau thắt lưng.

**4-Phân Thân:** Ý Nghĩa = *Mọi vật đều vô thường. Ta có thể là Ta, có thể không là Ta.*

Dành riêng trị bệnh mất ngủ. Nằm thẳng, không gối, hai tay xuôi theo mình. Nhắm mắt, hít thở chậm rãi chừng 10 lần, theo dõi hơi thở. Sau đó, tập trung tư tưởng, hít sâu tối đa, nén hơi, đếm 1,2,3, rồi thở ra chừng 10 lần nữa, bắt đầu "phân thân", tức là chia mình ra làm hai. Tưởng tượng "mình" đang đứng bên cạnh giường, ngó lại "mình" đang nằm trên giường. Ngó từ chân lên đầu. Trước hết, ngó ngón chân cái, bên trái, cố nhớ lại những kỷ niệm xảy ra ở ngón chân này (chảy máu, sứt móng...) từ hồi còn nhỏ... Hết ngón cái qua ngón bên cạnh, lần lượt ngó hết 5 ngón chân trái, qua bên chân phải, cũng đi từ ngón cái. Hết năm ngón chân, qua gót chân trái, gót chân phải, rồi lên mắt cá chân, lên cổ chân, lên ống quyển, đầu gối, lên đùi... Hết một chân, qua chân kia. Hết chân, lên bụng, lên cổ, qua vai, xuống cánh tay, cùi chỏ, bàn tay... lộn lên tay kia... rồi tới cổ...mặt... Thường thì lên tới cánh tay, đã ngủ say... Ngủ kiểu này giúp tăng cường sức mạnh, an thần, không cần ngủ 7,8 tiếng mà vẫn khoẻ.

## D. ĐỨNG

**1-Bạch Hạc :** Ý Nghĩa = *Con người như chim Hồng, chim Hạc, luân chuyển không ngừng.* Đứng thoải mái, hai tay chắp trước ngực, từ từ giang tay ra hai bên, cúi người về trước, rồi cong dần cho mặt gần như song song với mặt đất, trong khi một chân giơ lên ngang với mặt đất. Giữ sức nặng toàn thân trên một chân. Hít thở. Trị bệnh tim, mạch, cao mỡ, cao máu.

**2-Độc Kê :** Ý Nghĩa = *Tự chủ thắng sức mạnh.* Đứng thoải mái, hai tay chắp trước ngực, từ từ co chân trái lên, gác bàn chân trái vào sau bắp vế chân phải, hai tay từ từ giang ngang ra hai bên. Hít thở. Trị bệnh tim, mạch, cao mỡ, cao máu.

**3-Kim Quy :** Ý Nghĩa = *Hãy lắng nghe nhiều hơn là nói.* Đứng áp sát vào tường, má trái áp vào tường, 10 đầu ngón chân cũng sát tường, tay trái thọc ngang, xuyên dưới nách phải, hít thở. Đổi ngược lại, áp má phải, thọc tay phải qua tay trái. Trị tim mạch.

**4-Hướng Thiên :** Ý Nghĩa = *Sống hướng thiện, hưởng quả phúc.* Đứng đứng chân trước chân sau, từ từ rùn chân trước xuống, chân sau duỗi thẳng ra, cho thắt lưng thẳng, hai tay song song từ từ đưa về phía trước, hai bàn tay chụm lại, rồi đưa thẳng lên trời. Khi hai tay giơ lên, thì hít vào, nén hơi, rồi từ từ thở ra, xong thả người trở lại vị trí đầu. Tiếp tục nhịp nhàng như vậy 10 lần. Tăng cường sức mạnh toàn thân.

**Lưu ý :** Để Thiền Công có thể chữa hết bệnh này mà không tạo ra bệnh khác, phải luôn luân chuyển các thể *Động* và *Bất Động*. Những người muốn ngồi Thiền thật lâu, phải tập từ nhỏ để cơ thể quen dần. Lớn tuổi, không nên để bất cứ bộ phận nào *Bất Động* lâu. Những người dùng Computer, thợ may... có thể bị mỏi cổ tay vì cổ tay luôn để *Bất động*. Có người phải mổ vai. Muốn tránh đau nhức, thỉnh thoảng phải lắc, xoay cổ tay chừng vài phút. Lắc trên xuống dưới, lắc trái sang phải, lắc về phía trước rồi ra sau. Các vị cao niên, sau khi ngồi các thể Thiền chừng 20 phút, phải đứng dậy, vận vẹo thân thể cho các khớp xương không bị cứng. Sau thể Hoàn Thiên, phải xoay vai theo một vòng tròn trước sau, mà trung tâm điểm của vòng tròn là đầu vai. Xoay từ sau ra trước rồi ngược lại từ trước ra sau. Trong khi xoay, vận như thế, phải tiếp tục hít sâu và thở dài. Trường hợp hay bị bệnh đau vai, đau bàn tay, hay vai bị sái: đứng khom người xuống gần 90 độ, một tay vịn vào bàn, tay kia thả lỏng và vẽ một vòng tròn tưởng tượng trên mặt đất chừng 10 vòng, rồi trở lại tay kia. Làm chừng 20 lần sẽ hết đau vai.

Trong phạm vi một bài viết ngắn ngủi, có thể còn thiếu sót, mong được cao nhân chỉ giáo thêm và cũng chân thành gửi tới mọi người lời chúc "sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc."

**Chu Tất Tiến**

# Con mèo đã sống một triệu lần

Nguyên tác : **Hyakumankai ikita neko**, Sano Yoko vẽ và viết

Người dịch : Quỳnh Chi

## Lời giới thiệu :

*Đây là một truyện tranh nhi đồng rất nổi tiếng ở Nhật, được chọn vào danh sách các truyện chọn lọc dành cho trẻ em. Hơn nữa, ngay sau khi xuất bản, các tạp chí đã bình luận rằng đây cũng là một truyện dành cho người lớn. Và cứ đến dịp Valentine Day cũng có những người lớn mua làm quà tặng cho nhau.*

*Truyện xuất bản lần đầu vào năm 1977, và cho đến năm 2006 đã tái bản đến lần thứ 86.*



**C**ó một con mèo đã một triệu năm rồi mà vẫn chưa chết.

Nó đã từng chết đi một triệu lần, rồi sống lại một triệu lần.

Một con mèo vẫn bảnh bao.

Có một triệu người đã yêu thương con mèo ấy, và một triệu người đã khóc khi con mèo ấy chết.

Mèo thì chưa khóc lần nào cả.

Có khi người chủ của mèo là một ông vua. Mèo ghét nhà vua lắm.

Nhà vua giỏi chiến trận, lúc nào cũng bày chuyện đao binh. Và ngài nhốt mèo vào một cái cũi thật sang trọng để đem theo mình khi ra trận.

Một ngày nọ, mèo trúng phải một mũi tên bay tới, lăn ra chết.

Nhà vua đã ôm mèo vào lòng mà khóc giữa trận chiến.

Rồi nhà vua bèn ngưng chiến, quay về thành, chôn mèo trong vườn ngự.

Có khi người chủ của mèo là một thủy thủ. Mèo ghét biển lắm.

Người thủy thủ đã đem mèo theo anh ta đi khắp các đại dương và ghé lại tất cả các hải cảng trên thế giới.

Một hôm, mèo bị rơi từ trên tàu xuống biển. Mèo không biết bơi. Người thủy thủ vội vàng thả lưới vớt mèo lên, nhưng mèo đã chết vì ướt sũng.

Người thủy thủ ôm mèo vào lòng, giờ đây mèo nhều như chiếc giẻ rách ướt mềm, mà khóc òa lên. Rồi anh ta chôn mèo dưới gốc cây trong công viên nơi một thành phố cảng xa lạ.

Có khi người chủ của mèo là một người làm trò ảo thuật trong gánh xiếc. Mèo ghét gánh xiếc lắm.

Ngày ngày, người làm trò ảo thuật nhốt mèo vào một cái hộp, rồi dùng cửa cửa chiếc hộp ra làm đôi, sau đó lại lấy mèo từ trong hộp ra, vẫn còn nguyên vẹn, và khán giả vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt.

Một hôm người làm trò ảo thuật đã lỡ tay cửa mèo đứt làm đôi thật. Ông ta cầm xác mèo đã bị đứt làm đôi, mỗi tay một nửa, mà khóc rống lên.

Không ai vỗ tay cả. Người làm trò ảo thuật đã chôn mèo ở đằng sau rạp xiếc bé như cái chòi .

Có khi người chủ của mèo là một tên kẻ trộm. Mèo ghét tên trộm lắm.

Tên trộm đem mèo theo bên mình khi hắn đi rón rén như mèo vòng quanh những góc phố tối tăm.

Tên trộm chỉ vào những nhà có nuôi chó. Trong lúc chó mãi gầm gừ với mèo thì tên trộm cạy tủ sắt.

Một hôm, mèo bị chó cắn chết.

Tên trộm ôm mèo cùng với những viên kim cương mà hắn đã ăn trộm được, vừa khóc vừa lầm lũi đi giữa phố khuya. Rồi hắn về nhà chôn mèo trong khu vườn nhỏ.

Có khi người chủ của mèo là một bà cụ già sống cô độc một mình. Mèo ghét cay ghét đắng bà cụ già .

Bà cụ ngày ngày ôm mèo mà nhìn ra ngoài qua khung cửa sổ nhỏ.

Mèo nằm ngủ suốt ngày trên đùi của bà cụ.

Rồi mèo chết vì già yếu. Bà cụ già lụ khụ đã ngồi khóc suốt một ngày bên xác mèo đã già khụ.

Bà cụ chôn mèo dưới gốc cây trong khu vườn nhỏ.

Có khi người chủ của mèo là một cô bé. Mèo ghét cay ghét đắng cô bé.

Cô bé cõng mèo trên lưng, và ôm mèo thật chặt trong tay khi ngủ. Cô chùi mặt vào lưng mèo mỗi khi khóc.

Một hôm, mèo bị sợi dây của chiếc đu sau lưng cô bé vướng vào cổ mà chết.

Cô bé ôm mèo với cái đầu đã bị thắt gẫy nơi cổ mà khóc suốt một ngày. Rồi cô chôn mèo dưới gốc cây trong vườn.

Mèo đã chết không biết bao lần nhưng chẳng hề chi.

Một lần mèo chẳng phải là của ai cả, mà là mèo hoang.

Đó là lần đầu tiên, mèo được là của chính mình. Mèo yêu chính mình lắm.

Là vì mèo đã trở thành một con mèo vằn bảnh bao.

Mèo cái nào cũng mong được mèo đẽ mắt tới.



Có con đem đến cho mèo một con cá lớn. Có con tặng mèo một con chuột hảo hạng.  
Có con đem đến tặng mèo cả quả matatabi quý hiếm mà giống mèo rất thích. Lại có con còn liếm cả những đường lông vằn vện của mèo.

Mèo nói:

-Ta đã từng chết một triệu lần rồi chứ bộ. Đâu phải đợi tới bây giờ. Vớ vẩn !

Là vì mèo chỉ yêu chính mình hơn bất cứ ai khác.

Chỉ có một con mèo duy nhất đã không ngó ngang tới mèo, một con mèo trắng thật đẹp.

Mèo đến bên mèo trắng, bảo:

-Ta đã từng chết một triệu lần rồi đó nghe.

Mèo trắng chỉ đáp :

-Ồ.

Mèo hơi tức mình. Vì mèo yêu chính mình mà lại.

Ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, mèo tới chỗ mèo trắng, hỏi :

- Chưa sống hết một lần, phải không?

Mèo trắng chỉ đáp :

-Ồ.

Một hôm, mèo đến trước mặt mèo trắng, lộn một lúc ba vòng, rồi bảo :

-Ta đã từng ở với một người làm xiếc.

Mèo trắng chỉ đáp:

-Ồ.

-Ta đã ..một triệu lần..

Mèo áp úng, rồi đánh tiếng hỏi mèo trắng

-Ồ bên cạnh được chứ?

Mèo trắng đáp:

-Vâng.

Thế là mèo ở lại bên cạnh mèo trắng

Mèo trắng sinh được một đàn mèo con xinh xắn.

Mèo cũng không bao giờ còn nói:

-Ta đã ..một triệu lần..

Bây giờ mèo đã yêu mèo trắng và bây mèo con hơn cả chính mình.

Chẳng bao lâu đàn mèo con lớn lên và đi đâu hết cả, mỗi con một ngả.

Mèo mãi nguyện bảo:

-Lũ chúng nó đã khôn lớn cả rồi.

Mèo trắng đáp :

-Vâng.

và dịu dàng kêu nho nhỏ trong cổ .

Mèo trắng đã hơi có dáng vẻ của một bà cụ. Mèo cũng kêu nho nhỏ trong cổ, ra chiều âu yếm đáp lại.

Mèo chỉ mong sẽ sống lâu, mãi mãi cùng với mèo trắng.

Rồi đến một ngày, mèo trắng nằm yên bất động bên cạnh mèo.

Lần đầu tiên trong đời, mèo khóc. Mèo đã khóc từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, rồi lại từ sáng đến tối và rồi lại từ tối đến sáng, cứ thế ..Mèo đã khóc một triệu lần.

Trời sáng, rồi lại tối, mèo cứ khóc mãi, cho đến một hôm mèo không còn khóc nữa.



Mèo đã yên nghỉ bên cạnh mèo trắng.

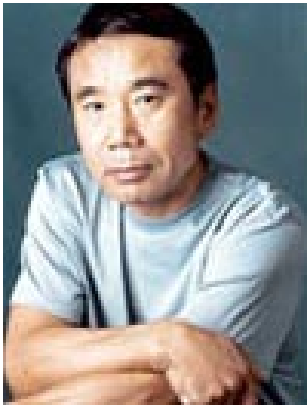
Mèo không bao giờ còn sống lại một lần nào nữa.

**Nguyên tác : Hyakumankai ikita neko, Sano Yoko vẽ và viết**  
**Người dịch : Quỳnh Chi ( 12/2/2007)**

## Murakami Haruki , Tiểu Thuyết Gia Hiện Đại Nhật Bản

\*

Phạm Vũ Thịnh



Murakami Haruki

**T**ừ Diễn Bách Khoa Columbia, ấn bản năm 2001, ghi rằng Murakami Haruki "*được công nhận một cách phổ biến là một trong những tiểu-thuyết-gia-thế-kỷ-XX quan trọng nhất của Nhật Bản*". Đề cập đến thời đại lăm bão tố hiện nay ở Nhật, Matsuda Tetsuo của Báo Yomiuri Shimbun, tờ nhật báo có số in lớn nhất Nhật Bản, viết: "*Trong bất cứ trận bão lớn nào cũng có những nhà văn gương cao ngọn đèn soi cho quần chúng. Murakami Haruki đang và sẽ lãnh vai trò đó*". Báo The Guardian ở nước Anh viết: "*không có nhiều tác giả cùng thời với ông mà tác phẩm lôi cuốn được giới độc giả trẻ trực tiếp đến như thế, không chỉ trong nước ông mà còn trên khắp thế giới*".

Murakami Haruki sinh năm 1949 ở cố đô Kyoto, nhưng lớn lên ở Kobe. Thân phụ có thời là nhà sư, dạy văn học Nhật Bản ở cấp trung học, và đã gặp thân mẫu ông trong lúc cùng dạy môn ấy. Ngay từ thuở nhỏ, Murakami Haruki đã có khuynh hướng phản kháng đối với văn hóa truyền thống. Thay vì chia sẻ với song thân quan tâm về văn học Nhật, ông tìm đọc mê mải tác phẩm của những tác giả Âu Châu thế kỷ XIX -Balzac, Flaubert, Chekhov, Dostoevsky, Dickens. Sau đó, ông học tiếng Anh, và đọc nguyên tác tiếng Anh những tiểu thuyết trinh thám, khoa học giả tưởng, Truman Capote, Kurt Vonnegut, Richard Brautigan... Ông ham mê nhạc Âu Mỹ: Elvis, Beatles, Beach Boys, nhạc Jazz... Thế giới mới đó quyến rũ ông đến nỗi không bao lâu sau khi kết hôn với bạn đồng học Takahashi Yoko, năm 1971, ông ngưng việc học ở Đại học Waseda, cùng vợ mở một quán rượu nhạc Jazz ở Tokyo. Ở quán Jazz đó, tên đặt theo con mèo ông nuôi là Peter Cat, ông hầu bàn, rửa chén đĩa, thay đĩa nhạc, bố trí nhạc công, và khi rảnh thì đọc rất nhiều sách và học tiếp khoá trình Đại học. Song thân ông rất thất vọng về việc ông lấy vợ sớm và quay lưng lại với đời công tư chức vẫn được xem là an toàn, an định, thậm chí lý tưởng trong xã hội Nhật lúc bấy giờ đang phát triển mạnh. Quán Jazz sống được 7 năm, ông và vợ ông cũng đã tốt nghiệp Đại học trong khoảng thời gian đó.

Ông chỉ bắt đầu viết từ 1978. Khi đang xem một trận bóng chày -baseball-, ý nghĩ viết văn chợt đến với ông, như một tiếng gọi siêu hình, ông cho đó là sự kiện hạnh phúc nhất của đời ông. Tác phẩm đầu tay của ông, "Lắng nghe gió hát" (Kaze no Uta wo Kike, Hear the Wind Sing) xuất bản năm 1979, kể lại thời sinh viên tranh đấu phản kháng mà ông đã tham gia với một ít hoài nghi. Tác phẩm đầu tay này được giải thưởng "Tác giả Mới -Gunzô" ngay năm đó.

Tiếp tục thành công với 2 tác phẩm sau đó và một số các truyện ngắn, ông bán quán Jazz, và trở thành một tác giả toàn thời. Ông bắt đầu dậy sớm và để ý ăn uống dưỡng sinh. Ông cũng bắt đầu việc dịch sách tiếng Anh, thường là cộng tác với một giáo sư về văn học Mỹ ở Đại học Tokyo. Nương theo tiếng tăm đang lên của ông trong lãnh vực sáng tác, số người ham chuộng những tác phẩm dịch thuật của ông từ Raymond Carver, Truman Capote, F. Scott Fitzgerald... cũng tăng nhanh.

Phong cách Murakami Haruki định hình từ tác phẩm thứ 3 là "Cuộc phiêu lưu theo con Cừu" (Hitsuji wo Meguru Bôken, A Wild Sheep Chase) xuất bản năm 1982, giải "Tác giả Mới -Noma" trong năm, pha trộn những chi tiết trinh thám đen với những ảo giác và bí mật siêu hình. Nhân vật của ông chủ trương những giá trị quan khác lạ với truyền thống xã hội Nhật, và ham mê Âm nhạc mới, Phim ảnh mới Âu Mỹ. Những đặc điểm đó hấp dẫn tâm tình giới trẻ Nhật Bản đang muốn cởi bỏ những trói buộc của văn hoá truyền thống Nhật Bản. Lúc này, số in mỗi tác phẩm của ông đã đạt mức 100 ngàn.

Dị ứng với lối sống đua đòi vật chất trong một nền kinh tế hãnh tiến, và do chưa có con, vợ chồng ông rời Nhật sang sống ở Ý năm 1986. Ở Rome, ông viết "Rừng Na Uy" (Noruegi no Mori, Norwegian Wood), tác phẩm đã đưa ông lên địa vị "siêu sao" trong văn học Nhật Bản. Những ký ức hoài niệm trong tuổi đang lớn chen lẫn với ý thức về tính cách nhất thời của đời sống, ý thức về sự không thể tránh được của những mất mát, là đề tài của tác phẩm, đặt trong bối cảnh thời sinh viên tranh đấu phản kháng cùng lúc với bình minh của phong trào tự do tính dục những năm cuối thập niên 60 và đầu 70. Độc giả cùng lứa tuổi chia sẻ được với ông những hoài niệm, đã đành, mà giới trẻ, đặc biệt là các thiếu nữ ở lứa tuổi mười mấy, đôi mươi, cũng cộng cảm với ông về những trầm tư về tình yêu và đau khổ của thời mới lớn, cùng tâm trạng bơ vơ trong cuộc sống. "Rừng Na Uy" trở thành một phong trào, được tận dụng trong giới quảng cáo, từ bánh kẹo cho đến vật dụng trong nhà; các nhà sản xuất xin làm phim; Murakami Haruki được mời làm quảng cáo truyền hình; nhạc phẩm dựa trên cuốn sách leo lên hạng bán chạy nhất; người hâm mộ hành hương về hộp đêm ở Shinjuku được nhắc đến trong sách,... Ngay trong năm đầu tiên, "Rừng Na Uy" đã bán được 1 triệu bộ (1 bộ gồm 2 cuốn Thượng và Hạ, vị chi 2 triệu cuốn).

Sống ở Âu Châu, ông vẫn băn khoăn về mục đích của đời sống của ông, một người Nhật, một tác giả Nhật. Hai vợ chồng lại quay về Nhật năm 1990, cao điểm của thời kinh tế bọt, mọi người giàu lên và không ngừng nói về tiền. Năm sau, ông lại khoác áo ra đi, lần này sang Mỹ làm giáo sư khách của Đại học Princeton 2 năm, rồi 2 năm tiếp theo làm Tác giả Thường trú (Writer-In-Residence) ở Đại học Tufts, Massachusetts. Hai tác phẩm nổi tiếng khác của ông được xuất bản trong thời gian này.

Tháng Giêng năm 1995, xảy ra thảm kịch động đất ở Kobe, trên 6000 người chết, 300 ngàn người trở thành không nhà không cửa, trong số đó có song thân của ông. 2 tháng sau, lại xảy ra vụ tấn công Chân Lý Giáo Aum thả hơi độc sarin trong tàu điện ngầm ở Tokyo làm 12 người chết và trên 2000 người bị thương. Ông nghĩ rằng hai thảm kịch này đánh dấu sự chuyển biến từ căn bản của xã hội Nhật: Ý thức an định do an toàn xã hội từ lâu nay vẫn là một biểu hiện

tính ưu việt của truyền thống văn hóa Nhật Bản, được tăng cảm nhờ tình trạng không ngừng phát triển của kinh tế bọt, bỗng một sớm một chiều đã bị thách thức gay gắt đến độ sụp đổ theo những toà nhà Kobe trong cơn động đất. Không lâu sau đó, kinh tế bọt Nhật Bản cũng vỡ tan.

Hai cơn sốc liên tiếp này đã đưa ông trở về Nhật và là nhân tố chính của các tác phẩm gần đây của ông. Tuyển tập truyện ngắn "Sau cơn động đất" (Jishin no Atode, After The Quake) có những nhân vật chính, do ảnh hưởng gián tiếp xa xôi của trận động đất Kobe, đã cảm nhận sâu sắc sự trống rỗng của chính mình, mất niềm tin vào sự an định của đời sống gia đình, bỏ vợ đi tìm những chỗ nương tựa siêu hình. Tập "Mạch ngầm" (Andaguraundo, Underground) thoát ra khỏi thể loại tiểu thuyết, ghi những cuộc phỏng vấn trực tiếp những tín đồ Chân Lý Giáo Aum cùng những nạn nhân, những chi tiết thực tế của thảm kịch hơi độc, cho thấy tâm tình phản kháng đối với những giá trị quan tôn thờ vật chất của xã hội hiện đại, cố gắng tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời từ những giải thuyết siêu hình, có khi cực đoan đến nỗi trở thành tội ác. Chưa đến nỗi cực đoan, nhưng những nhân vật chính của Murakami Haruki cũng chia sẻ tâm tình đó.

Những nhân vật chính của Murakami Haruki không những chỉ hấp dẫn giới trẻ Nhật Bản đang muốn cởi bỏ những trói buộc văn hoá truyền thống Nhật Bản, mà còn cộng hưởng với tâm tình giới trẻ Âu Mỹ vì những nét quen thuộc trong lối sống, lối suy nghĩ, thị hiếu mới; và chia sẻ với giới trẻ các nước chậm tiến bộ hơn Âu Mỹ lòng ngưỡng mộ hay ước vọng về lối sống Âu Mỹ. Rất nhiều tác phẩm của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và có nhiều người hâm mộ ở Mỹ, Anh, Nga, Đức, Pháp, Ý, Spain, Hy Lạp, Hà Lan, Phần Lan, Đan Mạch, Áo, Canada, Do Thái, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan,... Tiếng tăm của ông ở nước ngoài cộng với địa vị "siêu sao" trong nước Nhật, đã làm tăng thêm khoảng cách đối với dòng văn học truyền thống Nhật Bản vốn vẫn nghi ngờ ý đồ có vẻ tạo loạn của ông. Giải Nobel Văn học 1994 Oe Kenzaburo công kích Murakami Haruki là đã *"thất bại trong việc lôi cuốn giới độc giả trí thức bằng những kiểu mẫu cho tương lai Nhật Bản"* và chê ông là "hôi mùi bơ" (batakusai) vì hay dẫn dụ những chi tiết văn hóa Âu Mỹ. Điều đó dễ hiểu. Chính Murakami Haruki từ lâu vẫn tự nhận là "người dung" (outsider) đối với xã hội Nhật Bản nói chung, vốn cứng ngắc vì những trật tự quá gò bó, phân định trong ngoài, thân sơ quá rõ rệt.

Murakami Haruki không thích sự săn đón của giới truyền thông, ông ít khi chịu phỏng vấn. Giống như giới trẻ hiện đại, thành phần độc giả chủ yếu của ông, Murakami Haruki thoải mái với quần bò, áo thun, giày thể thao, ham thích các hoạt động tăng tiến thể lực, tham gia nhiệt tình các kỳ chạy việt dã mỗi năm trong suốt 20 năm qua: Athens, New York (3 lần), Boston (6 lần)... Koyama Tetsurô của hãng thông tấn Kyodo News nhận xét (năm 2004): *"Hiện nay, Murakami Haruki là tác giả văn-học-thuần-túy (pure literature) duy nhất cứ mỗi lần tác phẩm mới phát hành là đạt ngôi vị sách bán chạy nhất (Nhật Bản). Tác phẩm mới nhất của ông là "Kafka Bên Bờ Biển - UmibeNo Kafuka" ngay trong tháng đầu tiên (tháng 9, 2002) đã bán được 600 ngàn cuốn"*.

Tạp chí The New York Times số ra ngày 11/12/2005 trong mục bình chọn 10 tác phẩm văn học xuất sắc nhất năm 2005 đã nêu tên cuốn "Kafka On The Shore - Umibe no Kafuka - Kafka Bên Bờ Biển" của Murakami Haruki đầu tiên, tán thưởng rằng đây là công trình của một tác gia đường-đường tự tín.

Murakami Haruki hiện đang sống ở Boston, Mỹ, làm việc với Đại học Harvard, và diễn giảng tại các cơ sở văn hoá giáo dục trong vùng đất có truyền thống văn hoá lâu đời nhất nước Mỹ.

Trong năm nay (2006), ông đã được 2 giải thưởng quốc tế là Giải thưởng văn học Franz Kafka cho tiểu thuyết, và Giải thưởng Frank O'Connor cho truyện ngắn.

Phạm Vũ Thịnh

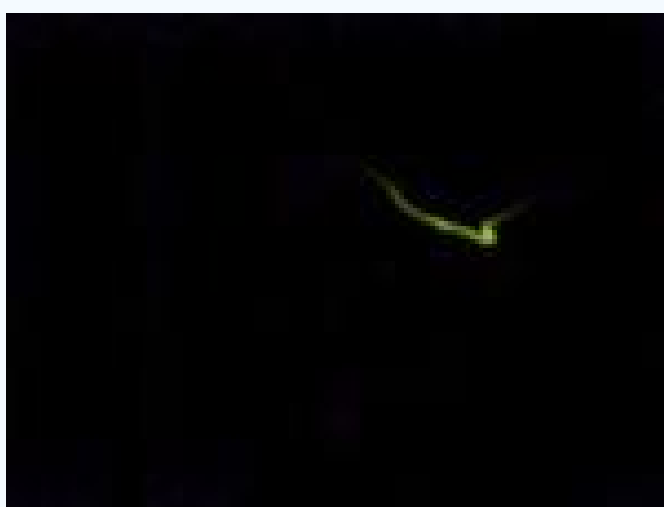
12/2006

*Tham khảo:*

- [1] Richard Williams: "Marathon man", The Guardian, 17/05/2003.
- [2] Mick Brown: "Tales of the unexpected", The Daily Telegraph, filed 15/08/2003.
- [3] Mục "Murakami Haruki", The Columbia Encyclopedia, 6th Edition, 2001.
- [4] Velisarios Kattoulas: "Pop Master", Times Asia, 25/11/2002.
- [5] Laura Miller: "The Outsider", The Salon Interview, 16/12/1997.

---

[ [Trở Về](#) ]



## Đom Đóm

\*

**Murakami Haruki**

\*

**Phạm Vũ Thịnh dịch**

*Lời người dịch:*

*Truyện ngắn "Đom Đóm - Hotaru" ra mắt độc giả năm 1983, là hạt giống sau này tăng trưởng thành "Rừng Na Uy - Noruuei no Mori" xuất bản năm 1987, tác phẩm đã đưa Murakami Haruki lên địa vị "siêu sao" ở Nhật Bản. Thực tế, toàn bộ truyện ngắn này nằm lọt trong hai chương 2 và 3 của "Rừng Na Uy", và những uẩn khúc trong truyện được giải đáp trong các chương kế tiếp.*

Ngày xưa ngày xưa ..... Nói cho oai vậy thôi chứ chỉ đâu chừng 14, 15 năm trước, tôi đã có thời sống trong một cư xá sinh viên. Lúc ấy tôi 18 tuổi, vừa mới chân ướt chân ráo vào đại học. Địa lý Tokyo thì hoàn toàn mù tịt, thêm vào đó chưa từng sống một mình bao giờ, nên bố mẹ tôi lo lắng, tìm cách lo cho tôi vào được cái cư xá ấy. Tất nhiên tài chính cũng là một lý do chính khác. Chi phí sinh hoạt trong cư xá rẻ hơn rất nhiều so với việc sống một mình ở Tokyo. Riêng tôi thì thật tình muốn thuê một căn phòng trọ sống một mình cho thoải mái, nhưng nghĩ đến các món tiền nhập học, tiền đóng mỗi học kỳ, thêm với khoản sinh hoạt phí mà bố mẹ sẽ phải gửi cho hàng tháng, tôi không thể đòi hỏi như ý mình được.

Cư xá nằm trên cuộc đất cao của phường Bunkyo, có tầm nhìn thoáng đẹp. Khuôn viên rộng rãi, có tường xi-măng cao bao quanh. Bước qua cổng thì ngay chính diện là một cây cừ<sup>[1]</sup> to tướng, xoè cành lá bao sân. Tuổi cây đâu chừng 150 năm, có khi còn xưa hơn thế nữa. Đứng ở gốc cây nhìn lên không thấy nổi khoảng trời bị che khuất bởi đám lá cành chi chít.

Lối đi tráng xi măng uốn vòng qua khỏi thân cây ấy xong lại thẳng đường cắt ngang khoảng sân giữa rộng rãi. Hai bên sân giữa là hai toà nhà lớn bằng xi măng cốt sắt 3 tầng song song đối mặt nhau. Từ những chiếc cửa sổ mở toang suốt ngày vọng ra tiếng nhạc tuyển từ các đài phát thanh. Màn cửa sổ phòng nào cũng cùng một màu kem vàng nhạt, là màu ít bị nắng chói làm phai đi nhất.

Ngay trước lối đi tráng xi măng là toà nhà 2 tầng bản doanh của ban quản lý cư xá. Tầng trệt có phòng ăn và phòng tắm rộng lớn, tầng trên có giảng đường và phòng hội họp, có cả phòng trọ cho khách quý nữa. Bên cạnh toà nhà bản doanh, là toà-nhà-ở thứ ba, cũng 3 tầng. Sân giữa rộng lớn, lát cỏ xanh, có những vòi tưới nước xoay vòng dưới ánh sáng mặt trời. Phía sau toà nhà bản doanh là sân bóng đá kiêm bóng chày, và 6 sân quần vợt. Thiết bị cho một cư xá sinh viên mà được như thế này là vạn toàn rồi.

Chỉ có một vấn đề duy nhất! mặc dù có cho là vấn đề hay không cũng tùy theo quan điểm của mỗi người. Đó là việc cư xá được vận doanh bởi một pháp nhân tài chính gồm chủ yếu là những nhân vật cực hữu! Tờ chỉ dẫn nhập cư hay bản quy chế của cư xá ghi: "*Hoàn thiện căn bản giáo dục để đào tạo nhân tài hữu ích cho quốc gia*" là tinh thần của việc sáng lập cư xá. Và nhiều nhà kinh tài tán trợ tinh thần này đã góp tiền của để lập nên ... Bề mặt là như thế, nhưng sau lưng thì như thông lệ, cứ mờ mờ ảo ảo, không ai nắm chắc được là thế nào. Người thì cho là để trốn thuế đấy, người lại bảo chẳng qua là trò lừa đảo, dùng danh nghĩa sáng lập cư xá sinh viên để chiếm đoạt lô đất ấy thôi. Có người còn quy kết đấy chỉ là hành vi mua danh không hơn không kém. Nhưng mà sự thật thế nào thì kết cuộc cũng chẳng phải là chuyện gì quan trọng. Chỉ biết là từ mùa xuân 1967 cho đến mùa thu năm sau, tôi đã sinh sống trong cái cư xá ấy. Từ góc độ sinh hoạt thường ngày mà nhìn thì có hữu khuynh hay tả khuynh, nguy thiện hay nguy ác gì gì đi nữa, cũng chẳng khác nhau bao nhiêu.

Một ngày của cư xá bắt đầu bằng lễ thượng kỳ trang nghiêm. Tất nhiên là có cả quốc ca. Thượng quốc kỳ, tấu quốc ca là hai thứ bất khả chia lìa mà. Cũng bất khả chia lìa như tin tức thể thao phải đi kèm với các bản hành khúc. Trụ cờ nằm ngay giữa sân, từ cửa sổ phòng nào trong cư xá cũng nhìn thấy.

Nhiệm vụ kéo cờ, hạ cờ là trách vụ của tay trưởng khối của toà nhà phía đông, trong đó có phòng tôi. Đó là một người đàn ông trên dưới 50, cao và có cặp mắt sắc nhọn, tóc cứng có vài sợi bạc, da cổ ăn nắng ngăm đen có một vết sẹo dài. Nghe nói nhân vật này xuất thân từ Trường Bộ binh Nakano. Đứng bên cạnh ông ta là tay trợ thủ sinh viên giúp việc kéo cờ,

trong tư thế sẵn sàng. Về tay sinh viên này thì không ai biết rõ ràng. Tóc cắt gọn, lúc nào cũng mặc đồng phục học sinh, không ai biết tên gì, mà ở phòng nào cũng chẳng ai biết. Tôi chưa hề chạm mặt anh ta cả ở phòng ăn lẫn phòng tắm. Ngay cả chuyện anh ta có thật là sinh viên hay không cũng không ai biết rõ. Nhưng mà đã mặc đồng phục thì hẳn cũng là sinh viên rồi, chứ gì. Trái với ông Bộ binh Nakano, tay này lùn mập và da có trắng hơn. Bộ đôi này mỗi ngày cứ đến 6 giờ sáng là thực hành nghi thức thượng kỳ ở sân giữa của cư xá.

Hồi mới vào ở cư xá, tôi thường ra cửa sổ ngắm quang cảnh chào cờ này. Sáng 6 giờ, cùng với tiếng chuông báo giờ, đã thấy dáng hai người ở cột cờ. Tay sinh viên mang một hộp dẹt bằng gỗ ngô đồng, ông Bộ binh Nakano mang máy khâu bằng xích tay hiệu Sony. Ông Bộ binh Nakano đặt máy dưới chân cột cờ. Tay sinh viên mở hộp gỗ, trong hộp có lá cờ đã xếp gấp cẩn thận. Tay sinh viên nâng lá cờ lên trao cho ông Bộ binh Nakano. Ông Bộ binh Nakano cột lá cờ vào dây. Xong, tay sinh viên nhấn nút trên máy khâu bằng. Quốc ca trỗi lên. Và quốc kỳ tuần tuột leo lên cột cờ. Cứ đến khúc "*Cho đến khi sỏi đá ...*" là cờ lên đến ngay giữa cột, và đến khúc "*... bám rong rêu.*"<sup>[2]</sup> là lá cờ vừa chạm đỉnh cột cờ. Lúc đó, cả hai đứng thẳng người lấy tư thế "Nghiêm" ngẩng đầu nhìn lên lá quốc kỳ. Gặp ngày đẹp trời mà có thêm chút gió nữa thì thật là một quang cảnh đáng chiêm ngưỡng.

Đến chiều tối thì có nghi lễ hạ kỳ, hình thức cũng tương tự như lễ thượng kỳ buổi sáng sớm, chỉ có thứ tự đảo ngược lại mà thôi. Lần này, quốc kỳ trôi tuần tuột xuống rồi được gấp xếp cẩn thận cho vào hộp gỗ. Cờ không bay ban đêm. Tôi không hiểu tại sao buổi tối lại phải xếp cờ vào hộp. Ban đêm thì quốc gia vẫn còn nguyên đó chứ. Ban đêm vẫn có rất nhiều người làm việc. Những người làm việc đêm không được quốc kỳ gia hộ thì có phải là bất công không? Nhưng mà chuyện này cũng không mấy quan trọng, chẳng ai chú ý đâu. Chắc chỉ có mình tôi thắc mắc, mà chính tôi cũng chỉ bâng quơ nghĩ đến thế thôi, chẳng có ý nghĩa gì sâu sắc cả.

Nguyên tắc chia phòng trong cư xá là: sinh viên hai năm đầu thì 2 người 1 phòng, lên năm thứ ba, thứ tư thì được phòng riêng. Phòng 2 người rộng cỡ 6 chiếu<sup>[3]</sup> xếp hàng dọc dài và hẹp. Tường trong cùng có cửa sổ khung nhôm. Vật dụng trong phòng thì cực kỳ đơn giản mà bền chắc. Hai cặp bàn ghế, giường hai tầng, hai tủ áo, và một kệ đóng vào tường. Trên kệ thường để máy nghe đài bán dẫn, máy xấy tóc, bình điện đun nước, lọ cà phê uống liền, soong nấu mì ăn liền, và chén bát, ly tách. Tường quét vôi, dán những trang giữa của tạp chí Playboy. Kệ sách đặt trên bàn học, có sách giáo khoa chen với vài cuốn tiểu thuyết thời thượng.

Phòng của phái nam nên nói chung là dơ bẩn kinh khiếp. Giỏ rác thì dưới đáy còn dính vò quít đã mốc meo, lon-bia-không thay gạt-tàn-thuốc thì đóng tàn thuốc đến cả tắc. Cà phê đóng cặn dính cứng trong cốc. Sàn phòng đầy những giấy bao mì ăn liền và lon-bia-không lẫn lộn tán loạn. Hễ có gió là bụi từ sàn phòng bốc lên như sương khói. Lại còn mùi hôi nữa. Áo quần cần giặt nhét vào dưới gầm giường. Chăn màn lâu ngày không phơi phóng nên mảnh chăn nào cũng hút giữ đầy mồ hôi và mùi thân thể lưu cữu.

So với tình trạng điển hình ấy thì phòng tôi đúng là sạch sẽ khác thường. Sàn phòng không có chút bụi, cái gạt tàn thuốc lúc nào cũng được rửa sạch. Chăn đắp mỗi tuần phơi ít nhất một lần. Bút chì cắm vào lọ đựng bút cẩn thận. Trên tường thay vì hình gái đẹp thì treo hình chụp kênh đào ở Amsterdam. Được thế là vì bạn ở chung phòng là người ưa sạch sẽ đến mức bệnh hoạn. Nó dành hết mọi việc quét dọn, giặt phơi của cả hai. Tôi khỏi phải động đến một ngón tay. Tôi vừa uống xong lon bia đặt xuống bàn là ngay lập tức lon-không bay biến vào sọt rác.



Bạn chung phòng của tôi chọn ngành Địa lý học. Buổi sơ kiến, nó nói:

\_"Tô ... tôi ... tôi học đị ... địa ... địa lý".

\_"Câu thích địa đồ à?" Tôi hỏi.

\_"Ừm, tương lai là vào Viện Đị ... Địa ... Địa lý Quốc gia, làm đị ... địa ... địa đồ".

Thế gian này có đủ thứ hoài bão thật. Từ trước đến nay, có bao giờ tôi thắc mắc do động cơ nào mà người ta chế ra địa đồ đâu. Đã thế, một anh chàng cứ động đến hai chữ địa đồ là lắp ba lắp bắp, mà lại nuôi chí vào làm trong Viện Địa lý Quốc gia, thì quả là trớ trêu thật. Cậu ta nói lắp cũng tùy chữ, thế nhưng mà hễ gặp chữ "địa đồ" là chắc như bắp, trăm phần trăm, lần nào cũng nói lắp.

Nó hỏi tôi: \_"Còn cậu chuyên ngành nào?"

Tôi đáp: \_"Kịch nghệ".

\_"Kịch nghệ thì là diễn tuồng đấy phải không?"

\_"Bậy nào. Có diễn tuồng gì đâu. Chỉ nghiên cứu kịch bản thôi. Racine, Ionesco, Shakespeare, vân vân ..."

Nó nói ngoài Shakespeare ra mấy cái tên kia nghe lạ hoắc. Mà chính tôi cũng chẳng rành gì mấy cái tên ấy, thấy có ghi trên tờ khái yếu của môn học thì biết thế thôi.

Nó lại hỏi: \_"Nhưng mà, chắc cậu thích ngành ấy lắm nhì?"

Tôi đáp: \_"Cũng chẳng thích gì lắm".

Nó ngơ ngẩn. Càng ngơ ngẩn lại càng nói lắp tợn. Tôi có cảm giác đã làm điều không tốt, liền giải thích:

\_"Học ngành gì cũng tốt thôi. Triết Ấn Độ hay là Sử Đông Dương, ngành nào cũng tốt, đối với tôi. Chỉ là tình cờ mà chọn kịch nghệ đấy thôi".

\_"Khó hiểu thật". Nó nói. \_"Tô ... tôi ... tôi ấy à, thích đị ... địa ... địa đồ mới chọn ngành ấy đấy. Muốn thế nên mới lên tận Tokyo này để vào đại học, bắt bố mẹ chi cấp mọi thứ. Thế mà cậu thì lại khác ..."

Điều nó nói rất phải, nên tôi dẹp chuyện giải thích thêm. Hai đứa bắt thăm xem ai nằm giường tầng trên hay tầng dưới. Nó được tầng trên. Nó hay đóng bộ cánh quần đen, áo sơ mi trắng. Cao, tóc cắt sát, xương má gồ lên. Đi học thì mặc đồng phục học sinh. Giày và cặp sách đen tuyền. Trông nó có vẻ là một sinh viên khuynh hữu, mà chung quanh lắm người cũng tưởng thế, nhưng thật ra, nó hoàn toàn trăm phần trăm chẳng lý gì đến chính trị. Aên mặc như thế là vì nó lười chuyện chọn áo quần, vậy thôi. Quan tâm của anh chàng thu hẹp trong phạm vi những sự kiện địa lý, như là biến đổi của đường bờ biển hay là chuyện hoàn thành một đường hầm xe lửa mới. Tôi mà lỡ mồm động đến mấy chuyện đó là nó vừa cà lăm vừa thao thao bất tuyệt, từ giờ này sang giờ khác, cho đến khi tôi hét lên, hay ngủ thiếp đi, nó mới ngưng.

Mỗi buổi sáng, cứ đúng 6 giờ là nó thức dậy, quốc ca thay cho đồng hồ báo thức. Xem thể thì chuyện thương kỳ mỗi sáng cũng không đến nỗi vô ích. Thế rồi nó thay quần áo, ra nhà vệ sinh đánh răng rửa mặt. Mà chuyện đánh răng rửa mặt của nó rất là mất thì giờ. Đến nỗi tưởng như nó lấy từng cái răng ra chùi rửa cẩn thận rồi mới nhét trở lại không bằng. Về lại phòng là vuốt cho thẳng cái khăn mặt, treo thẳng thớm lên móc áo. Bớt đánh răng và xả phòng trả ngay ngắn vào ngăn kéo. Xong rồi nó mở máy nghe đài, bắt đầu tập thể dục theo đài.

Tôi hay thức khuya, lúc đã ngủ thì ngủ rất say. Giờ nó bắt đầu tập thể dục theo đài thì lắm lúc tôi vẫn còn mê man ngủ. Thế nhưng, đến phần nhảy tại chỗ của nó thì tôi phải thức dậy đứng lên ngay. Chứ mỗi cú nhảy của nó, mà tay này lại nhảy rất cao, làm cái đầu của tôi cũng phải nhảy theo, lên xuống có đến 5 phân trên mặt gối, hỏi làm sao mà ngủ cho được. Chịu đựng đến ngày thứ tư, tôi bảo nó:

\_"Xin cậu. Thể dục theo đài thì làm trên sân thượng có được không? Chứ cậu làm ở đây thì tôi không làm sao ngủ được".

\_"Ấy, đâu có được". Nó trả lời. \_"Làm trên sân thượng thì tụi ở tầng ba kêu ca. Còn ở đây tầng trệt, dưới đâu có ai".

\_"Vậy cậu ra sân giữa mà tập".

\_"Ra đấy không được đâu. Dù thế nào, cũng không có đài bán dẫn để có nhạc. Mà không có nhạc thì không thể tập-theo-đài tốt được".

Đúng là nó chỉ có máy nghe đài chạy điện nhà, tôi thì có đài bán dẫn nhưng lại chỉ nghe được các băng tần FM thôi, không có nhạc cho thể dục theo đài.

\_"Thôi thì cậu vặn nhạc nhỏ lại, và bỏ cái khoản nhảy tại chỗ hộ tôi tí. Chứ cậu nhảy thì cả người tôi cũng nhảy tung tung theo ấy. Chịu phiền tí nhé?"

\_"Nhảy tại chỗ gì?" Nó ngạc nhiên. \_"Nhả ... nhảy ... nhảy gì kia?"

\_"Đấy, có đoạn cậu nhảy tung tung lên ấy mà".

\_"Nào có đâu".

Tôi cảm thấy nhức đầu, thôi thì mặc nó muốn làm gì thì làm. Nhưng đã lỡ nói ra rồi, đến đây mà rút lui thì cũng không được, nên tôi vừa hát bài đệm thể thao thứ nhất của đài phát thanh quốc gia NHK, vừa nhảy tung tung trên sàn phòng.

\_"Đấy, đoạn này này. Có đấy chứ sao không".

\_"À, có đoạn nhả ... nhảy ... nhảy thật đấy nhỉ. Có để ý đâu".

\_"Thì đấy". Tôi năn nỉ. \_"Chỉ đoạn ấy thì cậu bỏ hộ cho. Các đoạn khác tôi gắng chịu được".

\_"Không được". Nó nói thẳng thừng. \_"Đâu có đoạn nào mà bỏ được. Mười năm liên tiếp tập thể rồi, cứ bắt đầu là không cần suy nghĩ ... nghĩ ... nghĩ gì cũng làm đủ một chuỗi các động tác ấy. Bỏ một đoạn là tịt ngay, không sao làm hế ... hết ... hết được".

\_"Vậy cậu đừng tập gì cả là xong".

\_"Nói thế không tốt ... tốt ... tốt đâu. Sao lại ra lệnh cho người ta".

\_"Này, tôi có ra lệnh gì đâu. Tôi chỉ muốn được ngủ ít nhất là đến 8 giờ. Mà cho dù có phải thức dậy sớm hơn thì cũng muốn tự mình thức dậy tự nhiên thôi, chứ không muốn bị đánh thức như kiểu súng lệnh chạy đua giành bánh ấy. Chỉ có thể thôi. Cậu hiểu cho tôi không?"

\_"Chừng ấy thì hiểu chứ".

\_"Vậy, cậu nghĩ thế nào?"

\_"Thế thì, cậu cũng dậy tập thể dục theo đài với tớ là tốt nhất chứ gì".

Tôi chán nản, ngủ lại. Và nó sau đó vẫn tiếp tục thể dục theo đài, ngày nào như ngày nấy.

\*

Tôi kể chuyện bạn cùng phòng và cách tập thể dục theo đài của nó cho em nghe, em cười khúc khích. Không định kể chuyện cười, mà rồi kết cuộc tôi cũng cười theo. Đã lâu lắm tôi mới được thấy lại nét em cười, dù chỉ trong giây phút rồi tan biến đi mất.

Tôi và em rời tàu điện ở ga Yotsuya, bước đi trên con đê ven đường rầy tàu điện, về hướng Ichigaya. Một buổi chiều chủ nhật của tháng Năm. Cơn mưa buổi sáng đã dứt đâu khoảng trưa, những đám mây màu tro u ám, trĩu thấp nặng nề, đã bị luồng gió Nam thổi bay đi mất. Đám lá anh đào màu xanh đậm đã theo gió xao động lấp lánh. Ánh nắng đã bắt đầu có mùi hương tinh khôi của những ngày đầu mùa hạ. Những người đi ngược chiều phần nhiều đã cởi áo khoác, áo len, vắt lên vai. Sân quần vợt có những thanh niên chỉ mặc quần đùi ngắn, quơ những chiếc vợt vành kim loại lấp lánh phản chiếu mặt trời chiều.

Chỉ có hai bà phước đang ngồi cạnh nhau trên băng ghế là còn mặc áo chùng mùa đông màu đen phủ kín. Vậy mà cả hai như đang vui say câu chuyện, đến tưởng chừng mùa hạ vẫn còn ở nơi nào xa lắm.

Đi bộ đâu 15 phút là mồ hôi đã rịn ra khắp lưng áo. Tôi cởi bớt chiếc áo sơ-mi bằng vải dày, chỉ còn mặc áo lót. Em cuộn tay áo của chiếc áo thể thao màu tro nhạt lên đến khuỷu tay. Chiếc áo qua nhiều lần giặt đã phai nhạt đi, tôi tưởng chừng đã thấy em mặc từ kiếp nào xa lắm. Nhưng chỉ có cảm giác thế thôi. Đạo này tôi không nhớ ra được tình huống nhiều sự việc; tất cả mọi chuyện đều như xảy ra từ kiếp nào xa lắc.

\_"Sống chung với người khác có vui không anh?". Em hỏi.

\_"Nào biết đâu. Đã sống chung thế được bao lâu đâu mà biết".

Em dừng chân lại trước vòi nước uống, uống một ngụm nhỏ, rồi lấy khăn tay trong túi quần ra lau miệng. Em cúi xuống cột lại dây giày quần vợt.

\_"Em có sống như thế được không nhỉ?"

\_"Sống chung với người khác ấy à?"

\_"Vâng". Em nói.

\_"Thấy vậy chứ cũng có nhiều chuyện phiền phức hơn mình tưởng đấy. Chẳng hạn như các quy luật nhỏ nhất, hay chuyện thể dục theo đài ấy".

\_"Ừ ờ nhỉ". Em nói, suy nghĩ một lúc rồi nhìn sâu chăm bẵm vào mắt tôi. Mắt em trong suốt một cách dị thường. Tôi lạ lùng sao từ lâu không để ý mắt em trong suốt đến như thế. Cảm giác trong suốt dị kỳ, như nhìn vào khoảng không.

\_"Vậy mà, đôi khi em nghĩ cần phải sống chung như thế. Nghĩa là ..."

Em nói, mắt vẫn nhìn sâu vào mắt tôi, môi cắn nhẹ, rồi em nhìn xuống.

\_"Em cũng chẳng hiểu nữa. Mà thôi vậy ..."

Đôi thoại ngưng ở đây. Em lại tiếp tục bước đi.

Đã nửa năm rồi tôi không gặp em. Trong vòng nửa năm ấy, em đã gầy đi trông thấy. Đôi má phính đặc trưng ngày nào đã biến đâu mất, chiếc cổ tròn cũng đã thon nhỏ hơn. Thế nhưng em hoàn toàn không có vẻ xương xẩu gì cả. Tôi lại thấy em xinh đẹp hơn bao giờ. Định nói với em điều ấy, nhưng rồi chẳng biết nói như thế nào, đành thôi.

Hai đứa đến Yotsuya này cũng chẳng phải vì có mục đích gì, chỉ tình cờ gặp nhau trong tàu điện trên tuyến đường trung ương. Cả tôi lẫn em đều không có dự định gì. Em bảo xuống xe đi, tôi cũng nghe theo. Xuống rồi mới biết là ga Yotsuya. Còn lại hai người mà thật cũng chẳng có chuyện gì để nói. Tôi không hiểu em bảo tôi cùng xuống ga này vì lý do gì. Ngay từ đầu, đã không có chuyện gì cần nói với nhau.

Rời ga xong, em chẳng nói gì, xăm xăm bước đi. Tôi cũng bước như đuổi theo em. Giữa em và tôi vẫn có khoảng cách chừng một thước. Tôi bước đi vừa nhìn lưng em. Rồi thỉnh thoảng em ngoái đầu lại nói, và tôi có lúc trả lời được, có lúc không biết trả lời sao. Cũng có lúc em nói gì tôi không nghe rõ. Nhưng em có vẻ không để ý gì đến điều ấy. Nói điều muốn nói xong, em quay đầu lại phía trước mà tiếp tục bước tới.

Hai đứa rẽ phải ở khoảng Iidabashi, rời khỏi hào, vượt qua ngã tư Jinbocho, leo dốc Ochanomizu, xuyên qua khu Hongo. Rồi đi dọc theo đường tàu điện lộ thiên, đến tận Komagome. Khoảng cách khá xa. Đến Komagome thì trời đã tắt nắng.

\_"Đây là đâu anh?"

\_"Komagome đấy". Tôi đáp. \_"Đi một vòng xa quá".

\_"Đến đây làm gì thế?"

\_"Em dẫn đi cơ mà. Anh chỉ đi theo đấy thôi".

Hai đứa vào quán mì Nhật cạnh ga, ăn nhẹ. Từ lúc gọi mì cho đến khi ăn xong không nói một lời nào. Tôi thì đi bộ mệt, thân thể gần như rã ra, còn em có vẻ suy nghĩ gì lung lăm.

\_"Em có sức gớm nhỉ?" Tôi nói sau khi ăn mì xong.

\_"Ngạc nhiên lắm hả?"

\_"Ừ".

\_"Xem thế này chứ hồi trung học đã là tuyển thủ chạy đường dài đấy nhé. Thêm vào đấy, bố em thích leo núi, nên hồi nhỏ, cứ chủ nhật là đi leo núi. Cho nên bây giờ vẫn *lưng vững chân mạnh* đấy chứ".

\_"Nhìn thì chả thấy thế đâu".

Em cười.

\_"Thôi, để anh đưa về nhé?"

\_"Không phiền anh đâu, em về một mình được mà. Khởi phải lo".

\_"Anh hoàn toàn không bận gì cả đâu".

\_"Thật tình không sao đâu, em về một mình quen rồi".

Thật ra, em nói cho như thế, tôi cũng nhẹ nhõm một phần. Nhà trọ của em, phải đi tàu điện hơn một tiếng đồng hồ mới đến nơi, mà suốt quãng đường ấy, hai đứa không có chuyện gì để nói, cứ im lặng tựa lưng vào ghế như thế, cũng chán. Kết cuộc, em về một mình, và tôi chịu phần trả tiền bữa ăn. Lúc sắp chia tay, em nói:

\_"Anh này, nếu tiện ... nếu không có gì phiền, có thể gặp nhau nữa không? Tất nhiên, em vẫn biết là không có quyền gì để hỏi như thế cả".

\_"Có gì mà phải nói đến chuyện quyền?" Tôi ngạc nhiên.

Em thoáng đỏ mặt, có lẽ vì thấy tôi ngạc nhiên.

\_"Khó nói quá". Em phân trần. Em bối rối cuốn hai tay áo lên đến khuỷ tay xong lại cuốn ngược trở lại. Ánh đèn nhuộm những lông măng trên cánh tay em màu vàng óng thật đẹp.

\_"Em không định nói là quyền. Định nói một lời gì khác kia".

Em tựa khuỷ tay lên bàn, nhắm đôi mắt lại tìm lời nói cho đúng, nhưng lời nói ấy không thấy đâu.

\_"Không sao cả đâu". Tôi nói.

\_"Không làm sao nói cho đúng ý mình được. Đạo này em cứ bị thế mãi. Lúc nào có chuyện định nói, cũng chỉ có những lời nói trật chĩa thốt ra, lúc thì sai, lúc thì hoàn toàn ngược lại với điều muốn nói. Rồi vì muốn đính chính những lời ấy, lại nghĩ ra những lời sai hỏng khác, cứ xáo trộn cả lên mà nói trật chĩa hết. Cảm thấy như thân thể tách ra làm hai, nửa này đuổi bắt nửa kia. Như ngay chính giữa có cây cột thật to, hai nửa ấy cứ đuổi nhau chạy vòng vòng quanh chiếc cột. Lời nói đúng ý mình thì lại nằm trong nửa kia, còn em trong nửa này cứ phải chạy đuổi theo mà không bao giờ bắt kịp".

Em đặt cả hai bàn tay xuống bàn, nhìn tôi đăm đăm, nói tiếp:

\_"Điều ấy, anh hiểu được không?"

\_"Cảm giác ấy không ít thì nhiều ai cũng có đấy". Tôi nói. \_"Ai cũng có lúc không sao diễn tả được ý mình, nên thấp thỏm, thê thôi".

Nghe tôi nói thế, em có vẻ thất vọng.

\_"Điều đó khác chứ". Nhưng em chỉ nói thế, không thêm gì hơn.

Tôi nói: \_"Gặp nhau cũng đâu có sao. Bề nào anh cũng đang rảnh. Không làm gì cả thì chỉ bằng đi bộ với nhau như thế này lại tốt cho thân thể hơn".

Hai đứa chia tay ở ga. Tôi nói: \_"Em về". Em cũng nói em về.

\*

Lần đầu tiên tôi gặp em là khoảng mùa xuân năm tôi học năm thứ hai trung học. Em cùng tuổi với tôi, và đang học trường Dòng con gái dành cho con nhà gia giáo. Giới thiệu em cho tôi là đứa bạn thân của tôi. Hấn và em là người yêu của nhau. Hai người là bạn chơi với nhau từ hồi còn bé, từ Tiểu học. Hai nhà cách nhau chừng trăm thước. Cũng giống như nhiều cặp bạn bè từ thời thơ ấu, hai người không có nguyện vọng muốn gặp riêng chỉ hai người với nhau, mà thường qua nhà nhau ăn uống vui đùa chung với cả gia đình. Tôi có vài lần cũng đi chơi hẹn hò hai cặp cùng với họ, nhưng lần nào cặp của tôi cũng không đạt đến kết quả luyện ái nào, nên cuối cùng, tôi cùng hấn và em trở thành một bộ ba đi chơi với nhau. Mà như thế lại thoải mái nhất. Vai trò của tôi là khách, hấn là chủ, và em vừa đóng vai phụ tá, vừa đóng vai chính.

Hấn đóng vai trò chủ chốt rất tài tình. Có khuynh hướng châm chọc người khác có hơi thẳng thừng, nhưng bản tính vốn tử tế và công bình. Hấn châm chọc cả tôi lẫn em bằng những lời bông cợt không phân biệt bạn hay người yêu. Thấy bên nào yên lặng là hấn lại gọi chuyện rất khéo để bên ấy tham gia vào câu chuyện chung. Hấn có khả năng nắm bắt tình hình tức khắc và đối ứng thích đáng. Hấn lại có cái tài ít người có là nhìn thấy được nhiều điểm lý thú ngay trong những câu chuyện nghe qua chẳng thú vị gì của người đối thoại. Thế nên nói chuyện với hấn, tôi nhiều lúc cảm thấy như mình cũng đang sống một đời lý thú.

Nhưng một khi hấn rời đi là tôi và em chẳng còn biết nói chuyện gì với nhau. Hầu như giữa tôi và em không có câu chuyện gì chung. Những lúc như thế, tôi và em thường chẳng trao đổi lời nào, chỉ mân mê cái gạt tàn thuốc trên bàn, hay nhăm nháp ly nước, chờ hấn trở lại. Có mặt hấn thì lại chuyện trò rôm rả như trước.

Ba tháng sau đám tang hấn, tôi và em chỉ gặp nhau một lần. Có chút chuyện cần nên hẹn gặp nhau ở quán trà. Chuyện cần ấy giải quyết xong thì rồi chẳng có chuyện gì để nói với nhau. Sau đó, tôi có thử gọi điện thoại cho em vài lần, nhưng lần nào câu chuyện cũng chấm dứt nửa chừng. Thêm vào đó, cách nói chuyện của em khiến tôi cảm thấy vương vương góc cạnh gì đấy. Có vẻ như em giận tôi vì một lẽ gì đấy mà tôi không hiểu. Rồi tôi và em xa nhau.

Có thể em giận tôi vì người cuối cùng gặp được hấn lại là tôi mà không phải là em. Nói thế có lẽ không nên, nhưng mà tôi có thể thông cảm tâm tình ấy. Tôi muốn hiểu cho em, nếu được.

Nhưng mà kết cuộc chuyện đã xảy ra như thế thì đâu có thể làm gì được nữa. Chuyện một khi đã xảy ra rồi thì cố gắng cách mấy đi nữa, cũng đâu có thể xoá đi làm lại được.

\*

Buổi chiều tháng Năm ấy, tôi và hấn trên đường từ trường về, nói cho đúng thì không phải học xong, mà là bỏ buổi học nửa chừng, ghé quán bi-da chơi khoảng 4 ván. Tôi chỉ thắng ván đầu, còn thì hấn tóm gọn cả 3 ván sau, nên đúng như giao hẹn, tôi đã trả trọn tiền bàn.

Đêm ấy, hấn chết trong nhà xe. Ống cao su nối vào ống thải khí của chiếc xe N360<sup>[4]</sup>, dẫn vào trong xe đã đóng cửa kín mít, và băng nhựa to bản đã bít kín các khe hở cửa sổ, cứ như thế mà cho nổ máy xe. Không hiểu bao lâu sau thì hấn chết, chỉ biết bố mẹ hấn đi thăm người bà con bị bệnh trở về thì thấy hấn đã chết rồi. Máy nghe đài trong xe vẫn mở suốt. Kẹp vào que gạt nước mưa trên kính xe là tấm biên nhận của cây xăng.

Di thư đã không có mà động cơ tự sát cũng không ai hiểu. Là người đã gặp hấn lần cuối cùng, tôi bị cảnh sát thẩm vấn. Tôi khai là hoàn toàn không thấy có triệu chứng gì khác thường ở hấn, vẫn y như mọi ngày tôi gặp hấn. Có ai định tự sát mà lại thắng liên tiếp 3 ván bi-da đâu. Cảnh sát có vẻ có ấn tượng không mấy tốt về cả hấn lẫn tôi. Chắc họ nghĩ những đứa mới trung học mà đã trốn học đi đánh bi-da, thì có tự sát cũng không có gì lạ. Chỉ có một mảnh tin nhỏ trên báo, chấm dứt sự kiện. Chiếc N360 màu đỏ của hấn đã xử trí xong. Bàn học của hấn trong lớp được chưng hoa trắng một thời gian.

Lúc vừa xong trung học, lên Tokyo, tôi chỉ tâm niệm một điều duy nhất. Đó là việc gì cũng vậy, gắng không suy nghĩ thâm sâu quá. Tôi dặn lòng là phải quên quách đi cái bàn bi-da phủ vải nhung màu lục, chiếc N360 màu đỏ, cánh hoa trắng trên bàn học, ... Cả cục chặn giấy nặng trịch đặt trên bàn ở phòng tra vấn của cảnh sát. Tất cả mọi thứ, phải quên hết đi. Lúc đầu thấy có vẻ thuận chiều như ý định ấy thật. Thế nhưng trong trí tôi vẫn có cái gì đấy, lớn vờn mơ hồ như không khí. Theo với thời gian, không khí đó bắt đầu kết tụ rõ rệt dần, thành một thứ hình dạng đơn giản, mà tôi có thể dùng lời nói để phô diễn như thế này: "*Tử không phải là đối cực của Sinh, mà tồn tại như một phần của Sinh*". Nói quách ra thành lời như thế thì hoá ra có vẻ tầm thường đến phát chán. Hoàn toàn tổng quát. Nhưng mà lúc bấy giờ, tôi đã cảm nhận điều đó, không phải bằng lời nói như thế, mà như một khối không khí bên trong thân thể mình. Cái chặn giấy cũng vậy mà 4 trái banh bi-da sắp hàng trên bàn bi-da cũng vậy, Tử đã tồn tại sẵn bên trong. Và mọi người giống như đã hấp thụ Tử như hít một hạt bụi li ti vào sẵn trong phổi mình mà tiếp tục sống.

Từ trước, tôi nhận thức Tử như một tồn tại độc lập, phân ly khỏi mọi thứ gì khác trên đời. Nói rõ hơn: *Tử một ngày nào đó chắc chắn sẽ tóm được ta. Nhưng thế cũng có nghĩa ngược lại là cho đến khi Tử tóm được ta, thì ta vẫn chưa bị Tử tóm*. Đối với tôi, như thế là tư duy vô cùng nghiêm trang và luận lý. Sinh hiện hữu ở phía bên này, còn Tử hiện hữu ở phía bên kia.

Nhưng cái đêm bạn tôi chết mất đi đã vạch một lần ranh, từ đó tôi không còn có thể nhận thức Tử một cách đơn thuần như thế nữa. *Tử không phải là đối cực của Sinh. Tử đã có sẵn trong Sinh rồi*. Cố gắng cách mấy đi nữa, tôi cũng không thể quên được điều ấy. Bởi vì cái đêm tháng Năm tôi 17 tuổi đó, Tử đã bắt đi bạn tôi mà cũng vừa bắt được cả tôi nữa.



Tôi nhận thức rõ ràng như thế, đồng thời, tôi vừa tránh không suy nghĩ thâm sâu về điều ấy. Mà làm thế là chuyện vô cùng khó khăn cho tôi, lúc ấy mới 18 tuổi, còn non dại quá để có thể truy cứu đến trọng tâm của chuyện đời.

\*

Từ ngày ấy, tôi vẫn tiếp tục hẹn hò với em mỗi tháng một hai lần. Nói hẹn hò cũng tạm đúng, mà tôi cũng không tìm ra chữ nào thích đáng hơn.

Dạo ấy, em theo học một đại học dành cho nữ sinh ở ngoại vi Tokyo, một đại học xinh xắn và trang nhã nổi tiếng. Từ nhà trọ của em đi bộ đến trường không đến 10 phút. Trên đường có lạch nước thật đẹp, thỉnh thoảng em vẫn dạo quanh đấy. Có vẻ em không có bạn bè nào. Em vẫn nói nhỏ giọt như trước. Mà tôi cũng ít nói vì thật cũng chẳng có gì cần nói. Gặp nhau, hai đứa cũng chỉ im lặng bước đi. Nhưng không vì thế mà hoàn toàn không có tiến triển gì cả đâu. Khoảng gần hết kỳ nghỉ hè thì em dần dần đã bước sóng đôi bên cạnh tôi một cách tự nhiên. Vai bên vai, lên dốc xuống dốc, qua cầu qua đường, hai đứa đã đi bên nhau rất lâu. Cứ đi bên nhau như thế chẳng cần phải đến đâu hay làm gì. Đi một hồi, lại ghé vào quán cà-phê, uống xong lại tiếp tục đi. Chỉ có thời tiết là thay đổi, mùa này tiếp mùa khác trôi qua như thay phim dương bản. Mùa thu đến, sân giữa của cư xá phủ đầy những lá khô của cây cừ. Áo len mặc vào đã có hương của mùa mới. Tôi cũng mới mua một đôi giày da Thụy điển.

Mùa thu qua, khi gió lạnh bắt đầu thổi, thỉnh thoảng em tựa người vào cánh tay tôi. Xuyên qua lớp vải dày của chiếc áo khoác có mũ, tôi cảm nhận được nhịp thở của em. Nhưng chỉ có thế thôi. Tôi vẫn đút hai tay vào túi áo khoác, bước đi như mọi khi. Cả tôi lẫn em đều đi giày đế cao su nên thường không nghe tiếng chân bước. Chỉ khi nào dẫm lên lá ngô đồng khô nhả nhúm mới nghe có tiếng chân khô khốc. Có vẻ em không tựa lên cánh tay tôi, mà em đang tựa lên cánh tay ai đó. Em không tìm hơi ấm của tôi, mà em đang tìm hơi ấm của ai đó. Không biết có đúng như thế không, nhưng quả thật tôi đã có cảm giác như thế.

Tôi càng thấy đôi mắt em trong suốt hơn trước, cái vẻ trong suốt chơi vui mãi như thế. Đôi lúc dung không em nhìn sâu đắm đắm vào mắt tôi, làm dấy lên trong lòng tôi một nỗi buồn man mác.

Tụi bạn trong cư xá hẳn thấy tôi ra đi mỗi khi nhận được điện thoại của em ngày chủ nhật, là trên chộc. Không trách được tụi nó nghĩ là tôi có người yêu. Mà tôi cũng mặc kệ tụi nó, vì không sao giải thích được, mà cũng chẳng có lý do gì phải giải thích. Từ chỗ hẹn hò trở về là thế nào cũng bị một tên trong bọn hỏi chuyện làm tình có "đã" không. Và lần nào tôi cũng đáp: cũng tạm tạm.

Cứ thế, tuổi 18 của tôi cũng qua đi. Mặt trời lên, mặt trời lặn, quốc kỳ lên, quốc kỳ xuống. Chủ nhật thì hẹn hò với người yêu của bạn mình đã chết. Tôi hoàn toàn chẳng biết mình đang làm gì lúc này, và sẽ làm gì từ đây về sau. Ở lớp học, tôi đọc Claudel, đọc Racine, đọc Eisenstein, thấy họ viết câu văn nào ra câu văn ấy. Nhưng cũng chỉ học có thế thôi. Tôi hầu như không có bạn bè nào trong lớp học. Giao tế với tụi bạn trong cư xá thì vẫn không có gì thay đổi. Thấy tôi như lúc nào cũng đọc sách, tụi nó nghĩ tôi định sẽ là tiểu thuyết gia, nhưng thật tình tôi chẳng muốn thành tiểu thuyết gia, mà cũng chẳng muốn thành gì cả.

Tâm tình ấy, tôi đã lẩm lẩm định tỏ bày với em. Tôi mừng tượng rằng em thì có thể hiểu đúng được điều tôi nghĩ. Nhưng rồi tôi cũng không nói được với em. Như có lần em đã nói,

lúc nào tôi cố tìm cho ra lời chính xác để diễn đạt ý mình, thì lời chính xác ấy cũng rời xa khỏi tầm tay với của tôi mà chìm tuốt xuống hố tối thăm thẳm.

Cứ đến tối thứ bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang cư xá, chờ điện thoại của em. Có khi suốt ba tuần không có điện thoại, cũng có khi có điện thoại hai tuần liên tiếp. Nhưng dù có hay không có, mỗi tuần cứ đến tối thứ bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang cư xá, chờ điện thoại của em.

Tối thứ bảy, phần lớn sinh viên trong cư xá đều đi chơi cả rồi nên hành lang thường im vắng. Tôi ngồi nhìn đắm đắm vào những hạt ánh sáng nổi lên trong cái không gian trầm mặc ấy, cố gắng xác định lòng mình. Người ta, ai cũng tìm kiếm cái gì đấy từ người nào đấy. Hẳn thế, nhưng từ đó trở đi thì tôi không hiểu gì hơn. Chỉ một chút xiu ngay trước ngón tay tôi với ra đã là bức tường không gian mờ ảo.

Trong mùa đông, tôi đi làm thêm ở một quán nhỏ bán đĩa nhạc ở Shinjuku. Dịp Giáng Sinh, tôi đã tặng em đĩa nhạc hoà tấu Henri Mancini có bản "Dear Heart" mà em thích. Tôi đã tự mình bao giấy bóng, gắn thêm nơ màu hồng nữa. Giấy bao đặc biệt cho dịp Giáng Sinh có hình những cây thông xanh. Em đan cho tôi bao tay bằng chỉ len, ngón tay cái có hơi ngắn, nhưng mà ấm áp. Kỳ nghỉ đông ấy, em không về quê, nên tôi đến nhà trọ của em ăn tối trong mấy ngày đầu năm.

Mùa đông năm ấy đã có nhiều sự kiện xảy ra. Cuối tháng Giêng, bạn cùng phòng với tôi đã sốt đến 40 độ, nằm liệt hai ngày. Vì vậy, tôi đã phải bỏ hẹn với em. Tên bạn như sắp chết đến nơi rồi, mà tôi bỏ đi cũng không đành. Ngoài tôi ra, nó chẳng có ai coi sóc giùm cho. Tôi mua nước đá về bỏ trong bao nhựa để chườm cho nó, lấy khăn tắm nước lạnh lau mồ hôi cho nó, và cứ mỗi giờ lại đo thân nhiệt một lần. Nguyên một ngày, nhiệt không suy giảm. Nhưng sáng hôm sau, nó nhồm bật dậy như đã chẳng có chuyện gì xảy ra, và thân nhiệt cũng đã hạ xuống chỉ còn 36 độ 2.

\_"Lạ quá". Nó nói. \_"Từ trước đến nay, có khi nào tôi bị nóng đâu".

\_"Nóng suốt hôm qua đây cậu". Tôi nói, rồi chia cho nó xem hai cái vé mời nghe nhạc vì nó bệnh mà tôi và em đã phải bỏ phí.

\_"May là vé mời không tốn tiền, nên không sao cả nhĩ". Nó nói!

\*

Tháng hai có vài lần tuyết rơi. Khoảng cuối tháng hai, vì một chuyện chẳng đáng gì, tôi gây gỗ và đánh một sinh viên lớp trên ở cùng dãy trong cư xá, tông đầu vào tường xi-măng. Rất may, không bị thương tích gì cả. Tôi bị gọi lên phòng trưởng cư xá nhận cảnh cáo. Do thế mà thấy bực bội trong đời sống cư xá.

Rồi tôi lên năm thứ hai, 19 tuổi. Tôi rớt vài môn học, thành tích hầu như toàn C với D, chỉ một ít được B. Còn em thì lên năm thứ hai không rớt một môn học nào. Thế mà đã một vòng bốn mùa qua rồi.

Đến tháng sáu thì em 20 tuổi. Tôi có cảm giác là lạ: em mà 20 tuổi rồi sao. Thấy như cả tôi lẫn em đều thật sự chỉ qua lại ở tuổi 18 và 19. Hết 18 đến 19, hết 19 đến 18. Như thế thì còn

hiểu được. Nhưng mà em 20 tuổi thật rồi. Và tôi cũng sắp 20 mùa đông tới. Chỉ có người đã chết mới ở mãi tuổi 17 thôi.

Sinh nhật em, trời mưa. Tôi mua bánh ngọt ở Shinjuku, leo tàu điện đến nhà trọ của em. Tàu điện đông người mà lại chao đảo nữa, vì thế, chiều tối khi tôi lê được đến nhà em trọ thì chiếc bánh đã nát như di tích cổ thành La Mã. Dù sao, vẫn cứ dựng lên bánh 20 cây đèn cầy, châm diêm đốt. Màn cửa sổ đóng lại, tắt đèn trần đi thì cũng khá có không khí sinh nhật. Em mở một chai rượu vang. Hai đứa ăn bánh, và một bữa ăn tối nhẹ.

\_"Hai mươi tuổi! nghe có vẻ ngớ ngẩn thế nào ấy". Em nói.

Aên xong, hai đứa cùng thu dọn chén đĩa rồi ngồi xuống sàn uống nốt chai rượu vang. Tôi xong 1 cốc thì em đã uống hết 2 cốc.

Điều lạ là hôm ấy, em nói rất nhiều. Chuyện thời con nít, chuyện trường học, chuyện gia đình, chuyện nào cũng dài dòng. Không chỉ dài dòng mà chuyện nào cũng rành mạch, tỉ mỉ. Chuyện này đang kể nửa chừng thì bắt qua chuyện kia như một phần của chuyện đang kể, rồi chuyện kia lại bắt qua chuyện nọ nằm trong chuyện kia, cứ thế mà tiếp tục. Liên miên không dứt. Lúc đầu tôi cũng gắng gật gù đেম nhịp, cuối cùng phải chịu thua. Tôi cho chạy đĩa hát như đেম nhịp cho em nói, đĩa này xong đổi đĩa khác. Một vòng hết đĩa lại quay về đĩa đầu tiên. Bên ngoài trời vẫn chưa thôi mưa. Thời gian từ từ trôi, em vẫn chưa thôi nói một mình.

Đến khi đồng hồ chỉ 11 giờ đêm, ngay cả tôi cũng đâm ra lo sợ. Em đã nói liên tục như thế suốt hơn 4 giờ đồng hồ rồi. Giờ tàu cuối của tôi cũng gần kề. Tôi chẳng biết làm sao, nửa thì nghĩ cứ để cho em nói cho đến khi nào em hết chuyện, nửa thì nghĩ hay là rình chỗ nào ngắt được thì xen vào bắt em ngừng nói. Băn khoăn như thế một hồi, cuối cùng tôi quyết định ngăn em lại, bởi dù gì đi nữa thì em cũng đã nói quá lâu rồi.

\_"Nán lại trễ quá cũng không tốt, thôi anh về đây". Tôi nói. \_"Rồi lại gặp nhau ngay ấy mà".

Không hiểu điều tôi nói có truyền được đến em không. Em ngưng trong giây lát, rồi lại nói tiếp. Tôi đành chịu thua, châm thuốc hút. Ngó bộ cứ để cho em nói kỳ hết những điều muốn nói là hơn. Đến đâu hay đó vậy.

Nhưng chuyện em nói đến đây cũng không còn bao nhiêu. Sực nhìn lại thì em đã ngừng rồi. Lời nói cuối như bị ngắt đuôi, treo lơ lửng trên không. Chính xác thì chuyện em nói đã ngừng đâu, chỉ đột nhiên mất hút nơi chốn nào thôi. Em vẫn còn gắng nói tiếp nhưng đã chẳng còn lời nào phía trước nữa để mà tiếp theo. Có gì đấy đã rơi đâu mất tăm. Em vẫn còn mở nhẹ môi, nhìn lơ đãng vào mắt tôi, như đang nhìn xuyên qua một màng mờ đục. Tôi cảm thấy như đã làm điều gì rất không nên. Tôi nói chậm rãi như xác nhận từng tiếng một:

\_"Không định ngăn em lại, nhưng mà đã khuya quá rồi, vả lại ..."

Chưa nói xong, đã có dòng nước mắt ứa tràn mắt em chảy xuống gò má, rơi thành tiếng trên bìa đĩa nhạc. Một khi giọt nước mắt đầu tiên ứa ra, là dòng nước mắt tuôn theo không dứt. Chồng hai bàn tay xuống sàn phòng, em gặp người lại khóc như người đang nôn thốc. Hầu như vô thức, tôi nhẹ vươn tay chạm vai em đang rung lên từng đợt ngắn. Tôi bàng hoàng kéo em lại. Em gục mặt lên ngực tôi, khóc không thành tiếng. Hơi thở nóng ẩm và nước mắt em ướt đầm áo tôi. Mười ngón tay em lang thang tìm kiếm gì đấy trên lưng tôi. Tay trái tôi

ôm giữ thân hình em, tay phải vuốt làn tóc sợi nhỏ của em. Trong tư thế ấy một lúc thật lâu, tôi chờ em nín khóc, nhưng em vẫn khóc mãi, khóc mãi như không bao giờ ngưng.

\*

Đêm ấy, tôi ngủ với em. Tôi không biết làm thế có nên hay không. Nhưng mà làm thế nào khác được?

Đã lâu lắm rồi tôi không ngủ với người con gái nào. Với em, thì đây là lần đầu. Tôi hỏi thử rằng sao em đã không ngủ với hắn. Hỏi xong mới sực nghĩ là không nên. Em không trả lời. Tay em rời thân thể tôi. Em quay lưng lại phía tôi, nhìn mưa rơi ngoài khung cửa sổ. Tôi vừa hút thuốc vừa nhìn lên trần nhà.

Tảng sáng, mưa ngưng. Em vẫn còn ngủ, quay lưng về phía tôi. Mà cũng có thể em đã thức suốt đêm qua. Đối với tôi thì đằng nào cũng thế thôi. Trầm mặc lại chiếm trọn lấy em như dạo trước. Tôi nằm yên ngắm chiếc lưng em trắng muốt như thế một hồi lâu, rồi biết không thể làm gì hơn, tôi đứng lên rời khỏi giường. Dưới sàn vẫn còn vương vãi những bìa đĩa nhạc từ tối qua. Trên bàn ăn vẫn còn nửa cái bánh sinh nhật lở dở. Y như rằng thời gian đã ngưng đọng lại ở đây. Trên bàn học có cuốn tự điển và bản chia động từ tiếng Pháp. Tường trước bàn học có treo cuốn lịch không có hình chụp hay hình vẽ gì, chỉ toàn số, trắng trịnh, không có vết ghi nhớ, đánh dấu gì trên ấy cả.

Tôi nhặt quần áo đã cởi bỏ ở chân giường, mặc vào người. Chỗ ngực áo vẫn còn ẩm lạnh, áp gần mặt vẫn còn hương tóc em.

Tôi viết vào mảnh giấy ghi nhớ đặt trên bàn học: muốn em sớm điện thoại cho tôi, rồi rón rén bước ra và đóng cửa phòng lại.

Một tuần trôi qua không có điện thoại của em. Nhà em trọ không chịu chuyển điện thoại gọi đến cho các phòng, nên tôi viết cho em một lá thư dài. Xúc cảm của mình, tôi muốn giải bày trên ấy càng trung thực càng tốt. Thật tình tôi không hiểu rõ rất nhiều điều, đã gắng tìm hiểu nhưng vẫn không đủ thời gian. Và thời gian đã trôi qua mà tôi vẫn không biết mình đang ở chốn nào. Nhưng tôi đã định nếu có thể thì không suy nghĩ quá sâu sắc về điều gì. Đời sống quá mơ hồ để có thể suy xét sâu sắc; làm thế có thể lại đi đến chỗ bắt ép người chung quanh. Tôi thật chẳng muốn ép ai điều gì. Chỉ tha thiết muốn gặp em mà thôi. Có điều, tôi vẫn do dự như trước là gặp em như thế có nên không? Đây là tất cả những điều tôi đã viết trong thư.

Đầu tháng bảy, tôi nhận được thư em trả lời, rất ngắn:

*"Em định tạm thời nghỉ học một năm. Nói là tạm thời, nhưng có lẽ sẽ không trở lại trường nữa. Xin nghỉ học tạm chỉ là trên thủ tục mà thôi. Phòng trọ sẽ trả lại vào ngày mai. Anh có thể cho là chuyện đột ngột nhưng thật ra chuyện này em đã suy nghĩ từ lâu lắm rồi. Lần lần cũng định bàn với anh nhưng rồi cũng không làm được vì sợ chuyện phải nói ra lời."*

*Xin anh đừng lo bất cứ điều gì. Cho dù có chuyện gì đã xảy ra, hoặc chuyện gì đã không xảy ra, đi nữa, thì em nghĩ kết cuộc rồi cũng như thế này thôi. Mà nói như thế này có khi lại làm anh buồn. Nếu thế thật thì xin anh tha lỗi. Em chỉ muốn nói rằng: xin anh đừng vì em mà trách mình hay trách ai khác. Chuyện này quả thật em phải nhận trách nhiệm hoàn toàn. Một năm nay, em đã lần lữa kéo dài, làm khổ cả anh rất nhiều. Có lẽ đến đây là giới hạn rồi."*

*Trong vùng núi Kyoto có một chỗ tịnh dưỡng tốt, nên em định tạm thời vào ở đấy. Không phải bệnh viện đâu, chỗ này an dưỡng tự do hơn nhiều. Chi tiết thì xin để dịp khác sẽ viết. Ngay bây giờ em không biết phải viết như thế nào cho phải. Ngay cả thư này, em cũng đã viết đi viết lại 10 lần rồi đấy. Suốt một năm nay, anh đã vì em mà ở bên em, lòng em biết ơn anh không lời nào diễn tả nổi. Xin anh tin em, dù chỉ một điều đó. Những gì khác thì em không dám nói. Những đĩa nhạc anh cho, em sẽ thương quý mãi mãi.*

*Em nghĩ một ngày nào đó, ở một nơi nào đó trên thế giới bấp bênh này, nếu mà em lại gặp được anh thì lúc ấy, có lẽ em sẽ tỏ bày rõ ràng được với anh rất nhiều điều.*

*Tạm biệt anh."*

Tôi đã đọc đi đọc lại thư em vài trăm lần. Mỗi lần đọc là mỗi lần buồn bã không chịu nổi. Không khác gì nỗi buồn không có chỗ thoát mỗi lần em đắm đắm nhìn sâu vào mắt tôi, ngày trước. Tâm trạng ấy, tôi không ném vứt đi đâu được mà cũng không nhốt kín vào đâu được. Như gió, không có hình dung, không có trọng lượng. Bao nó ra ngoài thân mình cũng chẳng được. Phong cảnh ngoài đời qua đi chậm chậm trước mắt tôi. Tiếng người nói như không đến được tai tôi.

Vẫn như trước, cứ đến tối thứ bảy là tôi lại ngồi trên ghế ở hành lang hàng giờ. Không hy vọng gì có điện thoại của em, nhưng mà tôi không biết làm gì khác hơn. Tôi thường vặn máy truyền hình lên, giả vờ theo dõi chương trình truyền trực tiếp các trận bóng chày. Tôi ngồi đấy, nhìn đắm đắm vào khoảng không gian thăm thẳm giữa tôi và cái máy truyền hình. Mắt tôi chia khoảng không gian ấy ra làm hai, rồi lại chia làm hai, làm hai, làm hai, ... cho đến khi chỉ còn là không gian nhỏ nằm gọn trong lòng bàn tay tôi. Đến 10 giờ đêm, tôi tắt máy truyền hình, về phòng, ngủ.

\*

Cuối tháng ấy, bạn cùng phòng cho tôi con đom đóm trong một lọ đựng cà-phê. Trong lọ chỉ có con đom đóm với một ít lá cỏ và nước. Trên nắp lọ có đục sẵn vài lỗ nhỏ cho không khí vào. Chung quanh vẫn còn sáng nên chỉ thấy như là một con sâu màu đen bên bờ nước, nhìn kỹ mới nhận ra là một con đom đóm. Đom đóm gắng sức bò lên thành thủy tinh trơn trượt, leo lên được một khúc lại trượt ngay xuống. Lâu lắm rồi tôi mới lại có dịp thấy côn trùng gần gũi như thế.

\_"Bắt được nó ngoài vườn đấy. Khách sạn gần đây thả đom đóm ra để câu khách, cu cậu làm sao mà lại lạc sang đây đây". Thằng bạn nói, tay vừa nhét áo quần, sách vở vào trong chiếc túi hàng hải. Nghỉ hè đã mấy tuần rồi, cư xá có lẽ chỉ còn lại vài đứa tụi tôi. Tôi thì không muốn về quê, nó thì bận thực tập. Mà nay thực tập cũng vừa xong, nó đang thu xếp đồ đạc để về quê.

\_"Làm quà cho bạn gái tốt lắm đấy nhé. Chắc chắn là các cô thích lắm".

\_"Cám ơn cậu". Tôi nói.

Đến tối thì cư xá im vắng hẳn. Quốc kỳ đã được kéo xuống cất đi. Cửa sổ phòng ăn thấp thoáng ánh đèn. Vì số sinh viên còn nán lại rất ít nên phòng ăn chỉ thấp sáng nửa số đèn

thường ngày. Tắt dây đèn bên phải, chỉ bật dây đèn bên trái. Dù vậy, phòng ăn vẫn phảng phất mùi thức ăn tối, món hôm nay là thịt hầm rau và kem sữa.

Tôi mang lọ cà-phê đựng đom đóm lên sân thượng. Chẳng có bóng dáng người nào. Có ai bỏ quên chiếc áo sơ-mi trắng vắt trên dây phơi, trông như cái vỏ trắng phát phới trong gió đêm. Tôi leo chiếc thang sắt hoen rỉ ở góc sân thượng, lên trên nóc của tháp chứa nước. Tháp hình viên trụ, hấp thụ đầy ánh nắng mặt trời từ sáng đến chiều tối nên vẫn còn ấm nóng. Ngồi xuống khoảng trống chật hẹp, tựa người vào tay nắm đầu thang sắt, tôi nhìn thấy nổi lên trước mặt, vầng trăng tròn trắng ngà chỉ hơi khuyết đi một tí. Thấy bên phải là vùng Shinjuku, bên trái là vùng Ikebukuro. Đèn trước của xe hơi chiếu sáng thành những dòng sông ánh sáng rực rỡ, chảy từ con đường này sang con đường khác. Bao nhiêu tiếng động khác nhau trộn lẫn thành chuỗi vang động ỉ ầm êm nhẹ như tầng mây nổi bên trên đường phố.

Ở đáy lọ, đom đóm toả ra chút ánh sáng mảnh mai, thứ ánh sáng quá yếu ớt, quá nhạt, không chút gì giống với thứ ánh đèn đom đóm trong trí nhớ của tôi, rõ ràng, sắc sảo trong những đêm hè đen thẳm. Như thế mới đúng là ánh sáng đom đóm chứ. Có khi chú đom đóm này yếu quá, sắp chết đến nơi rồi. Tôi nắm miệng lọ lắc thử vài cái. Thân đom đóm đập vào thành lọ, bay lên được một tí, nhưng ánh sáng phát ra cũng chỉ yếu ớt mờ ảo như cũ. Có lẽ ký ức của tôi sai rồi. Có lẽ ánh sáng thực tế không rực rỡ như tôi nghĩ. Có lẽ chỉ là tôi tưởng lầm, thế thôi. Hoặc là lúc ấy, bóng đêm bao quanh tôi đã quá sâu thẳm chẳng? Tôi thật không sao nhớ rõ được. Ngay cả chuyện lần cuối tôi nhìn thấy đom đóm là lúc nào, tôi cũng không nhớ ra được. Tôi chỉ nhớ tiếng nước âm thầm trong đêm tối ấy. Có cái cống ngăn nước của cái đập xưa cũ bằng gạch, loại đập nước có tay quay xoay vòng để kéo cửa ngăn nước lên xuống. Dòng nước nhỏ như bị phủ kín trên mặt bởi đám cỏ nước, loại thường mọc ven bờ biển. Lúc ấy, chung quanh tôi tối đen. Phía trên vũng nước đọng ở cống ngăn nước, bay lượn vài trăm con đom đóm, toát ra một khối ánh sáng vàng tươi, chiếu lên mặt nước những hạt lửa cháy đỏ.

Lúc nào thế nhỉ? Và ở đâu thế nhỉ? Chịu, không sao nhớ nổi. Bây giờ đây, bao nhiêu chuyện đã trộn lẫn vào nhau mất rồi, chẳng còn biết đầu đuôi gì nữa.

Tôi nhắm mắt lại, thở thật sâu vài lần để chỉnh đốn lại tâm tư của mình. Nhắm mắt lại thì có cảm giác như thân thể mình sắp bị cuốn hút vào trong đêm sâu thẳm mùa hạ ấy. Nghĩ lại thì đây là lần đầu tiên tôi leo lên tháp chứa nước này vào ban đêm. Nghe tiếng gió rõ ràng hơn ngày thường. Gió hẳn không mạnh bao nhiêu, vậy mà đã thổi qua nách áo tôi lưu lại một quỹ tích sắc nét lạ thường. Đêm chầm chậm bao phủ mặt đất. Cho dù ánh sáng đô thị cố gắng chứng tỏ hiện hữu đến đâu đi nữa, cuối cùng rồi cũng không tránh khỏi bị bóng tối cuốn hút mất tiêu.

Tôi mở nắp lọ, vớt chú đom đóm ra, đặt lên viên 3 phân của tháp chứa nước. Chú đom đóm có vẻ phân vân chưa nắm được tình hình. Lúc thì lắc lư bò quanh cái đỉnh ốc một vòng, lúc thì gác chân lên mảng sơn lở như tróc da trên mặt tháp. Bò đi phía bên phải, kiểm tra cùng đường rồi, lại bò qua phía bên trái. Rồi từ từ uốn éo bò lên đỉnh cái đỉnh ốc, cuộn người nằm ở đấy. Có vẻ chú kiệt sức rồi, nằm yên không cựa quậy gì. Tôi vẫn tựa vào tay nắm thang sắt, ngắm hình dáng đom đóm. Một lúc rõ lâu, cả hai đều không động đậy chút nào. Chỉ có gió thổi, như dòng sông chảy qua giữa hai chúng tôi. Vô số lá cây cứ cọ xát vào nhau. Tôi vẫn còn ngồi mãi như thế, chờ đợi. Rất lâu về sau, đom đóm nhòe bật dậy. Như sức nhớ tới điều gì, đom đóm thỉnh thoảng giương rộng đôi cánh, thoáng chốc bay bổng lên khoảng không mờ tối. Như để kéo lại thời gian đã mất, đom đóm nhanh nhẹn lượn một vòng cung bên cạnh tháp chứa nước. Rồi ngừng lại như để chờ cho làn sáng đom đóm in đậm vào trong gió, xong nhắm

hướng đông bay mất. Đom đóm đã bay mất rồi, nhưng quỹ tích ánh sáng của đom đóm vẫn còn lưu lại trong tôi rất lâu. Trong bóng tối dày đặc của mắt tôi đang nhắm lại, đốm sáng nhỏ nhoi ấy lạc lõng hoài hoài như một mảnh linh hồn lạc mất lối về. Tôi vài lần thử rón rén vươn tay vào khoảng tối thăm ấy nhưng ngón tay tôi không chạm được gì. Đốm sáng nhỏ nhoi ấy lúc nào cũng cách một khoảng vô cùng ngắn trước đầu ngón tay tôi.

*Cước chú:*

<sup>[1]</sup> Keyaki - Zelkova, tự điển Hán Việt Thiệu Chử ghi là cây "cử"; thuộc họ "cây du - elm tree", cao đến 30 m, tàn rộng, gỗ cứng, dùng làm cột nhà và bàn ghế.

<sup>[2]</sup> Đoạn chính giữa của quốc ca Nhật "Sazare ishi no ...", và các chữ cuối "koke no musu made".

<sup>[3]</sup> Chiều: tấm cối dày lót sàn phòng, cũng là đơn vị diện tích phòng và nhà ở, khoảng 180 cm x 90 cm.

<sup>[4]</sup> Xe nhỏ Honda 360 cc khoảng năm 1969.

---

[ [Trở Về](#) ]



## Chuyện Trong Nhà

\*

**Murakami Haruki**

\*

**Phạm Vũ Thịnh dịch**

*Lời người dịch:*

*Truyện ngắn "Chuyện trong nhà - Family Affair" đã ra mắt người đọc trên tạp chí Lee số tháng 11-12 năm 1985.*

Không hiểu có phải là chuyện thường tình trên đời không, ngay từ buổi đầu, tôi đã không thể nào ưa được anh chàng vị-hôn-phu của em tôi. Rồi về sau, ít nhất tôi lại còn ôm thêm nghi vấn về việc em tôi quyết tâm kết hôn với chàng ta. Thật tình tôi đã thất vọng về việc ấy.

Mà có thể tôi nghĩ như thế là vì tính tôi hẹp hòi cũng không chừng. Ít nhất thì em tôi đã nghĩ như thế về tôi. Chúng tôi ngoài mặt không dả động đến điều ấy, nhưng chuyện tôi không mấy



ura vị-hôn-phu của em tôi thì cô ấy cũng đã cảm nhận được rõ rệt, nên dạo này có vẻ bức bối đối với tôi.

- "Anh suy nghĩ hẹp hòi quá đấy". Cô phàn nàn với tôi.

Lúc ấy chúng tôi đang nói chuyện về món mì Ý. Trục tiếp thì cô ấy chỉ trích tôi suy nghĩ quá hẹp hòi về món mì Ý. Nhưng tất nhiên, cô ấy chẳng phải chỉ nói về chuyện mì Ý mà thôi. Phía sau đó còn có chuyện vị-hôn-phu của cô, mà thật ra, chuyện vị-hôn-phu của cô mới là vấn đề cô muốn nói đến. Cũng là một loại chiến tranh đại-lý đó thôi.

Nguyên do cũng từ chuyện em tôi rủ tôi đi ăn mì Ý một buổi trưa chủ nhật. Đúng lúc tôi cũng muốn ăn mì Ý nên đồng ý ngay. Chúng tôi vào một quán mì Ý Ý xinh xắn, mới khai trương ở trước ga. Tôi gọi món mì có cà-dải-dê và tỏi, em tôi gọi món mì có rau húng thơm. Tôi uống bia ngồi chờ thức ăn mang đến. Cho đến lúc ấy thì chưa có vấn đề gì xảy ra cả. Tháng Năm, chủ nhật, mà lại là ngày đẹp trời nữa.

Vấn đề là khi thức ăn đã được mang đến, thì món mì Ý ấy thật dở tệ, phải dùng chữ "tai hại" mới đúng. Mì thì trên mặt còn lợn cợn những bọt, mà bên trong còn cứng quá, mà phó-mát lại bết nhệt như chó ăn rồi nhả ra. Tôi gắng lắm cũng chỉ nuốt được đầu nửa đĩa rồi bảo cô hầu bàn dẹp đi. Em tôi liếc thấy sự tình, nhưng ngay lúc ấy thì không nói gì, chỉ thông thả ăn cho đến hết cọng mì cuối cùng trong đĩa mình. Trong lúc ấy, tôi vừa uống lon bia thứ hai vừa ngắm cảnh sắc bên ngoài.

- "Anh này, làm gì đến nỗi phải chừa lại đến nửa đĩa để tỏ thái độ khó chịu như thế?". Em tôi nói, sau khi đĩa của cô đã được dẹp đi.

- "Dở ẹc". Tôi đáp, đơn giản.

- "Cũng đâu có dở đến phải bỏ lại đến nửa đĩa. Gắng nhin một tí có phải được hơn không?"

- "Muốn ăn mới ăn, không muốn ăn thì bỏ lại. Quyền dạ dày của tao, chẳng phải chuyện dạ dày của mày".

- "Xin anh đừng mầy tao với em. Mầy tao như thế, thiên hạ lại tưởng là ông lão bà cụ thô tục cãi nhau".

- "Quyền dạ dày của anh, chẳng phải chuyện dạ dày của cô". Tôi sửa lại.

Em tôi từ năm 20 tuổi đã huấn luyện tôi bỏ tật gọi cô ấy bằng "mày" như lúc còn nhỏ, mà gọi bằng "em". Có khác nhau lắm không thì tôi cũng không rõ.

- "Quán này vừa mới khai trương, hẳn là người làm bếp chưa quen việc đấy thôi. Chịu khó khoan dung cho họ một tí cũng được chứ". Em tôi nói, rồi uống cốc cà-phê vừa được mang lại, trông nhạt thếch và chắc cũng dở ẹc.

- "Có lẽ cô nói đúng. Nhưng mà chừa lại không ăn món dở, cũng là hành vi của người có kiến thức". Tôi giải thích.

- "Anh trở thành người có kiến thức từ lúc nào thế?"

- "Ồ hay, cô gây sự với anh đấy à?". Tôi nói. - "Đến kỳ hay gì đấy hả?".

- "Anh này hay nhỉ. Cứ nói bậy nói bạ. Có phải là chuyện anh cũng nói được đâu".

- "Có gì đâu mà cô phải ngại. Cô bắt đầu có kinh từ lúc nào thì đã chẳng là chuyện bí mật gì. So với người ta thì trẻ quá, mới phải đi với mẹ đến bác sĩ đấy chứ gì".

- "Thôi, thôi đi. Anh mà còn nói nữa thì em quật cái xách này vào người đấy nhé". Cô nói. Có vẻ cô tức giận thật rồi, nên tôi nín thinh.

- "Nói chung là: anh suy nghĩ hẹp hòi quá đấy". Cô nói, vừa cho thêm kem bột vào cà-phê (quả nhiên là dở ẹc!). - "Anh chỉ nhìn thấy khuyết điểm của sự vật mà phê phán, chứ không chịu nhìn ưu điểm. Có gì không đúng với tiêu chuẩn của anh thì anh không thêm đụng đến. Thấy anh như thế nên em bực mình lắm".

- "Nhưng đây là lối sống của anh kia mà, có phải là đời sống của em đâu". Tôi chống chế.

- "Nhưng như thế là làm tổn thương người khác, làm phiền người khác. Như chuyện thủ-dâm đấy".

- "Thủ-dâm gì?". Tôi ngạc nhiên, hỏi. - "Chuyện gì kia?"

- "Thời trung học, anh thường thủ-dâm làm dơ chăn trải giường đấy chứ gì nữa. Em biết chứ không sao. Giặt chăn trải giường cực lắm đấy anh. Thủ-dâm sao cho khỏi dơ chăn có được không? Làm thế là làm phiền người khác đấy chứ gì nữa".

- "Anh sẽ để ý để khỏi làm phiền người khác". Tôi nói. - "Sẽ để ý chuyện ấy. Nhưng mà, có vẻ lặp lại điều anh đã nói, đây là đời sống riêng tư của anh, có sự vật anh thích, có sự vật anh không thích. Làm thế nào được?".

- "Nhưng mà anh làm tổn thương người khác". Em tôi nói. - "Sao anh không cố gắng tránh đi? Sao anh không chịu khó nhìn vào ưu điểm của sự vật? Sao anh không ít nhất thì cũng chịu nhìn một tí? Sao không gắng trưởng thành hơn nữa?"

- "Anh vẫn trưởng thành chứ không sao?". Tôi nói, tâm tình có phần bị thương tổn. - "Nhấn nhin thì cũng có, mà anh cũng nhìn vào ưu điểm của sự vật đấy chứ. Có điều anh không nhìn vào cùng chỗ cô nhìn thấy mà thôi".

- "Thế thì anh kiêu ngạo đấy. Bởi thế nên đã 27 tuổi rồi mà chẳng có người yêu đàng hoàng nào cả".

- "Bạn gái thì có đấy chứ".

- "Đẽ ngủ với nhau mà thôi, chứ gì". Em tôi nói. - "Cứ mỗi năm thì thay đổi một cô bạn gái đẽ ngủ chung, hẳn là vui thích lắm nhỉ. Không hiểu nhau, không yêu thương gì nhau, không lo cho nhau thì chuyện anh có bạn gái ấy có ý nghĩa gì chứ. Chỉ giống như chuyện thủ-dâm thôi chứ có gì khác đâu".

- "Anh có thay đổi mỗi năm một cô đâu nào". Tôi phản kháng, yếu ớt.

- "Thì cũng gần như thế". Cô nói. - "Thử suy nghĩ nghiêm chỉnh một tí, sinh sống nghiêm chỉnh một tí, người lớn một tí, có phải tốt hơn không?".

Cuộc đối thoại ngừng ở đây. Sau đó, tôi có gợi chuyện gì đi nữa, em tôi hầu như hoàn toàn không hưởng ứng.

Không hiểu vì sao cô nghĩ đến nỗi như thế về tôi. Chỉ mới năm ngoái đây, cô còn vui sống với lối sống sao cũng được của tôi mà tôi cho là phóng khoáng ấy. Và nếu cảm nhận của tôi không sai lắm, tôi nghĩ là em còn phục lối sống ấy nữa là khác. Cô dần dần phê phán tôi như thể chắc chắn là bắt đầu từ ngày quen với anh chàng vị-hôn-phu của cô.

Tôi nghĩ: như thế là bất công. Bởi anh em tôi quen nhau đã 23 năm nay rồi. Anh em chúng tôi rất thân nhau, chuyện gì cũng thẳng thắn với nhau được, mà hầu như chưa từng gây gổ với nhau. Em tôi biết chuyện tôi thủ-dâm, mà tôi cũng biết chuyện em có kinh từ tuổi nào. Em tôi biết tôi mua bao cao-su đầu tiên lúc nào (năm 17 tuổi), mà tôi cũng biết cô ấy mua quần áo lót viền đăng-tên đầu tiên lúc nào (năm 19 tuổi). Tôi đã hò hẹn (dĩ nhiên không ngủ chung) với bạn của em tôi, mà em tôi cũng đã hò hẹn với bạn của tôi (tôi đoán là không ngủ chung). Nói tóm lại, anh em chúng tôi thân nhau đến như thế. Vậy mà, quan hệ thân thiết ấy đã biến chất đi mất trong khoảng chỉ một năm nay. Càng nghĩ, tôi lại càng cảm thấy tức giận.

Em tôi bảo muốn đi xem giày ở cửa hàng bách hoá trước ga, nên tôi về phòng trọ một mình. Gọi điện thoại cho bạn gái nhưng không gặp. Chuyện đương nhiên. 2 giờ chiều chủ nhật mà đột nhiên gọi điện thoại cho bạn gái rủ đi chơi thì làm sao mà gặp được? Tôi gác điện thoại, lật vài trang sổ tay, rồi gọi đến một cô bạn gái khác. Cô này là sinh viên, tôi đã gặp ở một quán disco nào đấy. May quá, cô ấy đang ở nhà.

- "Đi uống không?". Tôi rủ.

- "Mới 2 giờ chiều mà". Cô nói, có vẻ làm biếng.

- "Mấy giờ cũng đâu có sao. Uống một hồi thì trời tối chứ gì". Tôi nói. - "Có quán rượu này, ở đây mà ngắm hoàng hôn thì tuyệt vời. Mà phải đến đây trước 3 giờ chiều, chứ không thì hết chỗ ngồi đấy".

- "Anh này, làm điệu quá nhỉ". Cô nói. Nhưng rồi cũng chịu đi. Hẳn là vì tính cô vốn thương người.

Tôi lái xe chạy dọc theo bờ biển, qua Yokohama một đoạn, rồi như đã hứa, đưa cô vào một quán rượu nhìn thấy biển. Tôi uống 4 ly rượu IW Harper với đá, cô ấy uống 2 ly rượu rum pha nước chanh, đường, chuối "*Banana Daiquiri*", vừa ngắm cảnh hoàng hôn trên biển.

- "Uống rượu nhiều thế rồi lái xe có được không anh?". Cô hỏi, có vẻ lo lắng.

- "Đừng lo". Tôi nói. - "Với tử lượng của anh thì đã thấm vào đâu".

- "Còn chưa thấm nữa?"

- "4 ly là vừa mức bình thường. Chẳng có gì phải lo cả. Không sao đâu em".

- "Chán cái anh này". Cô nói.

Chúng tôi quay lại Yokohama ăn tối, rồi hôn nhau trên xe. Tôi rủ cô đi khách sạn, nhưng cô bảo không được.

- "Đã nhét nút bông rồi mà".

- "Thì lấy ra".

- "Đùa hay nhì. Mới ngày thứ hai mà".

Chán thật. Một ngày gì đâu. Biết thế thì ngay từ đầu, hẹn đi chơi với bồ còn hơn. Cứ nghĩ là lâu ngày không đi chơi với em mình nên đã dành ngày chủ nhật này cho nó mà không hẹn hò gì với ai. Thế mà hóa ra hồng cả.

- "Xin lỗi nhé. Nhưng mà thật đấy, không nói dối đâu". Cô gái nói.

- "Không sao, em đừng bận tâm. Có phải lỗi tại em đâu. Lỗi tại anh mà".

- "Em đang có kinh là lỗi tại anh à?". Cô nói, có vẻ không hiểu tôi nói gì.

- "Không phải. Anh muốn nói là số phận đó thôi". Tôi nói.

Chứ còn gì nữa. Làm sao chuyện kinh nguyệt của một cô gái nào đấy không quen biết gì lắm mà lại là lỗi tại tôi kia chứ.

Tôi lái xe đưa cô về nhà tận Setagaya. Nửa đường nghe có tiếng lục cục trong xe, tuy nhỏ nhưng rườm tai quá. Tôi thở dài. Điều này hẳn phải mang xe đi sửa sớm. Một ngày điển hình cho câu "*Hoạ vô đơn chi*", một chuyện không song suốt kéo theo một chuỗi những chuyện rủi ro khác.

- "Lần sau đi chơi với anh nữa nhé". Tôi dụ.

- "Đi chơi thôi hả? Hay đến khách sạn?"

- "Cả hai". Tôi nói, hăm hờ. - "Hai chuyện ấy là hai mặt của cùng một thể. Giống như bàn chải với kem đánh răng ấy".

- "VẬY Ạ? ĐỂ EM SUY NGHĨ LẠI XEM". Cô nói.

- "Ừ, suy nghĩ thì đầu óc chậm già đi".

- "Thế nhà anh thì sao? Em đến chơi được không?"

- "Không được đâu. Có cô em gái đang ở đấy. Đã giao ước là anh không mang bạn gái về nhà, mà nó cũng không mang bạn trai về nhà".

- "Có thật là em gái không đấy?"

- "Thật chứ. Lần sau, anh mang bản sao hộ khẩu đến cho em xem". Tôi nói.

Cô cười lớn.

Tôi nhìn theo cô vào hẳn trong nhà cô rồi mới mở máy xe, vừa lắng nghe tiếng lục cục trong hộp số, vừa lái xe về nhà.

Phòng trọ tối om. Tôi mở cửa, bật đèn và gọi em tôi. Chẳng thấy cô ấy đâu cả. Đã 10 giờ đêm rồi mà còn đi đâu nữa đây. Tôi tìm tờ báo chiều một hồi nhưng không thấy đâu. Bởi chủ nhật làm gì có báo chiều.

Tôi mở tủ lạnh lấy bia mang vào phòng khách, bật bộ máy nghe nhạc lên, tra đĩa Harvey Hancock còn mới vào máy quay đĩa. Rồi vừa uống bia vừa chờ tiếng nhạc từ loa. Nhưng chờ mãi vẫn không nghe tiếng gì cả. Lúc ấy mới nhớ ra là bộ máy nghe nhạc đã hư từ 3 ngày trước, cho điện vào cũng không ra tiếng gì cả. Mà mở TV lên cũng chẳng nghe tiếng gì, bởi TV của tôi là loại máy nhận sóng ra hình thôi, còn âm thanh thì phải cho qua bộ máy nghe nhạc mới phát ra tiếng được. Chẳng làm sao hơn, tôi đành xem hình câm trên TV vừa uống bia. TV đang chiếu một phim chiến tranh cũ, đội xe tăng của Rommel trên mặt trận Phi Châu. Cà-nông trên xe tăng khạc ra đạn vô-thanh, súng tiểu liên nhả ra những loạt đạn thâm lặng, người ta ngã chết im lìm.

Chán thật. Tôi thở dài, cái thở dài thứ 16 trong ngày.

\*

Anh em nhà tôi sống với nhau bắt đầu từ mùa xuân 5 năm trước. Lúc ấy tôi 22 tuổi, em tôi 18, tức là năm tôi vừa xong đại học bắt đầu đi làm, và em tôi vừa xong trung học, bắt đầu vào đại học. Bố mẹ tôi bảo là nếu nó chịu ở với tôi thì cho nó lên Tokyo học đại học. Nó bảo thế cũng được. Tôi cũng nói được thôi. Bố mẹ tôi thuê cho hai anh em một căn chung cư rộng có hai phòng riêng biệt, tôi chỉ phải trả một nửa tiền thuê nhà.

Như đã nói, anh em tôi rất thân nhau, nên tôi không phiền hà gì chuyện sống chung với em tôi. Tôi làm việc trong bộ môn quảng cáo cho một hãng chế máy móc điện nên buổi sáng đi làm tương đối trễ, và buổi tối về nhà trễ. Em tôi thì sáng đi học sớm, khoảng chiều là về đến nhà rồi. Thế nên, phần nhiều, lúc tôi ngủ dậy thì em đã ra khỏi nhà, và khi tôi về nhà thì cô ấy đã đi ngủ rồi. Thêm vào đây, thông thường thứ bảy, chủ nhật thì tôi hẹn hò với bạn gái, nên suốt tuần chuyện trò ra hồn với em tôi chỉ một hai lần. Nhưng kết cuộc, như thế lại tốt cho cả hai. Nhờ thế mà anh em khỏi có thì giờ cãi cọ nhau, và khỏi xía miệng vào đời tư của nhau. Có lẽ cô ấy cũng có chuyện này chuyện kia, nhưng tôi nhất thiết không đá động gì đến chuyện riêng của em tôi. Con gái lớn, trên 18 tuổi rồi, có ngủ với ai đi nữa, cũng chẳng là chuyện tôi quan tâm.

Dù vậy, cũng đã có một lần tôi nắm tay an ủi em tôi suốt từ 1 giờ đến 3 giờ khuya. Lần ấy, tôi đi làm về thấy em đang ngồi khóc ở bàn ăn trong bếp. Tôi đoán là đang ngồi khóc ở bàn ăn trong bếp như thế chắc là muốn tôi làm gì đây cho em, chứ nếu không muốn tôi dính dáng gì đến thì đã ngồi khóc trên giường trong phòng riêng rồi. Dù hiển nhiên là người hẹp hòi chỉ biết có mình đi nữa, chừng ấy thì tôi cũng hiểu được chứ.

Nghĩ thế nên tôi ngồi xuống cạnh em, và nắm chặt bàn tay em. Nắm tay em gái như thế thì cũng đã lâu lắm tôi không làm, từ đâu hồi tiểu học còn đuổi bắt chuồn chuồn với nhau. Tôi cảm thấy bàn tay em tôi, thì cũng tất nhiên thôi, có vẻ lớn hơn hồi trước rất nhiều. Kết cuộc em chẳng nói chẳng rằng, cứ ngồi thế mà khóc suốt 2 tiếng đồng hồ. Tôi thấy đáng nể là đến

chùng ấy nước mắt mà có thể tuôn ra được từ thân người nhỏ bé ấy. Tôi thì chỉ khóc chùng 2 phút là toàn thân khô rang ngay.

Đến 3 giờ khuya thì tôi cũng đã mệt quá rồi, định chấm dứt. Lúc ấy tôi nghĩ mình là anh, chắc phải nói gì đấy với em, dù đấy là chuyện cực kỳ khó khăn cho tôi, nhưng làm sao mà tránh được.

- "Em à, anh nhất thiết không muốn can thiệp vào đời sống của em". Tôi nói. - "Đời em thì em muốn thế nào tùy ý em".

Em tôi gật đầu.

- "Nhưng mà, anh chỉ cảnh cáo em một lời thôi. Trong xách tay, em không nên để sẵn bao cao su. Làm thế người ta tưởng là con gái không đứng đắn".

Nghe thế, em tôi chụp ngay cuốn niên giám điện thoại to tướng trên bàn, thẳng tay ném vào người tôi.

- "Tại sao anh lại dòm vào xách tay của người ta?". Cô gầm lên. Tính cô cứ tức lên là ném thứ gì đấy ngay. Tôi không dám chọc giận cô thêm nữa, nên thôi không thanh minh rằng thật tình tôi chưa bao giờ dòm ngó gì xách tay của cô cả.

Dù sao, lại nhờ thế mà cô hết khóc, và tôi mới chui vào chăn trên giường mình được.

Rồi từ khi em tôi xong đại học vào làm việc trong một công ty đại lý du lịch, mô thức sinh hoạt của hai anh em cũng chẳng có gì thay đổi. Em đi làm nghiêm túc, từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, còn sinh hoạt của tôi thì càng ngày càng lè phè hơn. Ngày ngày, khoảng gần trưa tôi mới đến sở, đọc báo ở bàn mình, ăn trưa, đến khoảng 2 giờ chiều mới thật sự bắt đầu làm việc, chiều tối mới bàn thảo công việc với đại lý quảng cáo, tối thì đi uống rượu đến quá nửa đêm mới về nhà.

Dịp nghỉ hè đầu tiên từ ngày vào làm cho công ty đại lý du lịch, em tôi cùng với một cô bạn đi du lịch, tất nhiên là được giảm giá, vùng bờ biển phía tây nước Mỹ, và quen thân với một anh chàng cùng đi trong đoàn du lịch ấy, nghe đâu trên cô một tuổi, làm kỹ sư máy tính. Rồi sau khi trở về Nhật, tiếp tục hò hẹn với anh ta. Chuyện thường xảy ra đấy, tuy với tôi thì khó. Đại loại du lịch theo đoàn như thế thì tôi rất ghét, và không thích gì chuyện qua đây mà quen thân với người nào.

Tuy nhiên, từ ngày quen thân với anh chàng kỹ sư máy tính ấy, em tôi có vẻ vui tươi hơn trước nhiều. Dần dần công việc trong nhà cũng thu xếp gọn gàng, mà quần áo cũng chăm sóc cẩn thận. Lúc trước, cô là mẫu người đi đâu cũng chỉ mặc áo sơ-mi đi làm, quần bò bạc màu, mang giày thể thao. Từ ngày bắt đầu chú tâm vào việc phục sức thì ngăn để giày trước phòng đầy ắp giày dép của cô, và trong nhà thì tràn ngập những móc treo bằng thép của tiệm giặt ủi. Cô siêng giặt, ủi quần áo hơn, chứ lúc trước thì phòng tắm đầy những áo quần chưa giặt chồng chất lên nhau như đồi kiến xây trong rừng Amazon. Lại siêng nấu nướng, siêng lau quét nhà cửa, không như lúc trước nữa. Tôi lơ mơ thấy rằng đấy là những triệu chứng nguy hiểm. Các cô mà bắt đầu biểu lộ những triệu chứng như thế thì đàn ông chỉ còn cách chạy trốn cho nhanh, không thì phải làm đám cưới thôi.

Rồi em tôi đưa ảnh của anh chàng kỹ sư máy tính ấy cho tôi xem. Cô cho tôi xem ảnh bạn trai như thế là lần đầu tiên. Lại một triệu chứng nguy hiểm nữa.

Có 2 bức ảnh, một chụp ở bên cá Fisherman's Wharf của San Francisco, em tôi và anh chàng kỹ sư máy tính đang sóng đôi cười toe toét trước một thân cá tuna lớn.

"Con cá tuna trông oai quá chứ". Tôi nói.

"Đừng đùa có được không". Em tôi nói. "Chuyện nghiêm trang đây".

"Thế cô muốn anh nói gì đây?"

"Anh khỏi phải nói gì cả. Đây, anh ấy đây".

Tôi cầm bức ảnh lên tay một lần nữa, ngắm gương mặt chàng trai. Nếu trên đời này có mẫu gương mặt nào tôi chỉ nhìn qua là có phản cảm, thì đây là mẫu gương mặt này. Thêm vào đây, trông anh chàng này toát ra vẻ gì giống hệt như tên đàn anh mà tôi ghét nhất trong nhóm sinh hoạt hồi trung học. Một tên mặt mày không tệ, nhưng óc rộng mà lại hay thúc ép người khác làm việc này việc nọ. Lại nữa, có trí nhớ tốt như trí nhớ của loài voi, cả chuyện nhỏ nhặt cũng ghi nhớ kỹ. Đúng là lấy trí nhớ ấy để bù lại đầu óc ngu tối!

"Thế đã làm ăn với nhau mấy lần rồi đây?". Tôi hỏi.

"Anh nói quái quỷ gì thế?". Cô nói. Vậy chứ cũng đỏ mặt lên. "Anh đừng có lấy mình làm thước đo thiên hạ chứ. Đâu phải người nào cũng như anh".

Bức ảnh thứ hai chụp sau khi về lại Nhật, và chỉ có một mình anh chàng ấy thôi. Mặc áo da nhiều mảnh nối lại với nhau, người tựa vào một chiếc xe gắn máy loại lớn, trên ghế có nón an toàn. Cũng cùng một gương mặt như trong bức ảnh chụp ở San Francisco. Hẳn là anh chàng không còn vẻ mặt nào khác cả.

"Anh ấy mê xe gắn máy lắm". Em tôi nói.

"Nhìn là biết ngay". Tôi nói. "Người không mê xe gắn máy có ai chịu mặc áo da nhiều mảnh ghép lại thế đâu".

Có lẽ cũng vì là người có tính hẹp hòi, tôi không làm sao ưa được những tay mê xe gắn máy. Bộ điệu của họ ngang tàng khoe khoang quá trớn. Nhưng tôi không nói gì với em tôi về điều ấy. Tôi im lặng trả lại bức ảnh cho em tôi.

"Chà, ...". Tôi nói.

"Chà ... cái gì chứ?" Em tôi hỏi.

"Không biết sẽ ra sao đây".

"Em cũng chẳng biết. Nhưng có thể sẽ cưới nhau đây".

"Người ta đã xin cưới cô rồi à?"



- "Đã ngỏ lời rồi. Nhưng em còn suy nghĩ".

- "Hừm".

- "Thật ra, em cũng mới đi làm chưa được bao lâu, vẫn còn muốn sống một mình, vui chơi ít lâu nữa. Mặc dù không đến nỗi quá quắt như anh".

- "Suy nghĩ thế thì phải nói là lành mạnh đấy". Tôi nói.

- "Nhưng mà, anh ấy là người tốt, và lại em cũng muốn kết hôn, nên cũng phân vân lắm".

Tôi lại cầm bức ảnh trên bàn lên xem một lần nữa. Và tôi cũng phân vân.

Lúc ấy là trước lễ Giáng Sinh.

Vài ngày sau Tết tây, mẹ tôi điện thoại đến, khoảng 9 giờ sáng. Tôi đang đánh răng, vừa nghe Bruce Springsteen hát "*Born In America*". Mẹ tôi hỏi có biết anh chàng mà em tôi quen không. Tôi đáp không.

Theo lời mẹ tôi thì em tôi viết thư bảo là hai tuần nữa, muốn cùng anh ta về thăm nhà.

- "Chắc là muốn cưới nhau rồi". Tôi nói.

- "Thì vậy mẹ mới hỏi là có biết người ta là người như thế nào chứ". Mẹ tôi nói. - "Mẹ muốn biết đôi điều về người ta trước khi gặp mặt đây mà".

- "Cái đó thì chịu. Con đã gặp anh ta lần nào đâu mà biết. Nghe nói là kỹ sư máy tính, lớn hơn em con 1 tuổi, làm việc ở hãng IBM, hay gì gì đấy. Tên hãng có 3 chữ, có khi là NEC, hay TNT cũng không chừng. Nhìn trong ảnh thì mặt mũi cũng chẳng có gì đặc biệt. Không phải là mẫu người con thích, nhưng mà có phải là con cưới đâu".

- "Cậu ấy học đại học nào, con cái nhà ai thế?"

- "Con có biết đâu".

- "Gặp người ta một lần, tìm hiểu mọi chuyện hộ mẹ nhé". Mẹ tôi nói.

- "Không được đâu. Con bận lắm. Hai tuần sau, mẹ gặp mà hỏi ngay anh ta cũng được chứ".

Nhưng rồi, kết cuộc tôi cũng đã gặp anh chàng kỹ sư máy tính ấy. Em tôi muốn tôi cùng đi chính thức thăm viếng gia đình anh ta vào chủ nhật tuần sau đó. Không sao từ chối được nên tôi đành đóng bộ, áo sơ-mi trắng thắt cà-vạt, khoác chiếc áo vét đứng đắn nhất, đi cùng với cô em đến nhà anh ta ở Meguro. Một căn nhà rất bề thế, ở ngay giữa khu nhà ở cổ kính. Chiếc xe gắn máy Honda 500 phân khối trong bức ảnh ấy đậu ngay trước nhà xe.

- "Cá tuna trông oai quá nhỉ". Tôi nói.

- "Lạy ông, xin ông bỏ giùm cho lối đùa vô duyên ấy đi. Một ngày hôm nay thôi cũng được". Em tôi nói.

- "Ừ, thì thôi". Tôi nói.

Song thân của anh chàng là những người đáng vị nể, rất là nghiêm chỉnh, mặc dù trong mắt tôi thì có phần nghiêm chỉnh thái quá. Ông bố có chức lớn trong hãng dầu hoả. Bố tôi kinh doanh một dãy tiệm xăng ở Shizuoka, nên về mặt ấy thì cũng không đến nỗi xa cách nhau lắm. Bà mẹ mang ra cho chúng tôi những cốc trà đặt trên khay sang trọng.

Tôi ngỏ lời chào hỏi trang trọng và trao danh thiếp, rồi nhận danh thiếp từ ông bố. Tôi thưa rằng theo lẽ thì bố mẹ chúng tôi xin đến thăm ông bà, thế nhưng hôm nay cả hai người đều không rỗi công việc được, cho nên tôi xin được thay mặt gia đình đến viếng ông bà. Rồi một ngày khác thuận tiện hơn, bố mẹ chúng tôi sẽ xin ông bà cho phép đến hầu chuyện ông bà.

Ông bố đáp chúng tôi nghe con nói nhiều lần về cô đây, hôm nay được gặp mặt thì quả là một trang giai nhân mà con chúng tôi rất may mắn được làm bạn, mà gia đình cô cũng rất là nề nếp, nên về chuyện hai cháu thì phía chúng tôi không thấy có trở ngại gì cả.

Tôi đoán là ông bà đã điều tra cẩn thận mọi điều rồi. Tuy đến chuyện chậm trễ 16 tuổi vẫn chưa có kinh, và hay bị táo bón, thì có lẽ là họ không biết.

Khi xong được phần nghi thức mà không vấp vấp gì lớn, ông bố rót rượu mạnh brandy mời tôi. Rượu ngon thật. Ông và tôi vừa uống rượu vừa trao đổi chuyện việc làm. Em tôi thúc mũi giày vào chân tôi, nhắc chừng đừng uống rượu quá chén.

Trong khi ấy, cậu con là chàng kỹ sư máy tính ấy thì chẳng nói năng gì, chỉ ngồi nghiêm trọng hầu chuyện bên ông bố. Chỉ nhìn thoáng qua cũng biết ở dưới mái nhà này, cậu ta phải chịu phép ông bố rồi. *Mắt mắt anh hùng*, tôi nghĩ thầm. Cậu mặc chiếc áo len có mẫu đan gì lạ kiểu tôi chưa từng thấy bao giờ, mà lại chẳng hợp màu với áo sơ-mi bên trong. Sao em tôi lại không chọn anh chàng nào chịu khó chăm sóc chuyện ăn mặc hơn một tí nhỉ.

Chuyện vẫn hồi lâu, đến 4 giờ chiều thì chúng tôi xin phép về. Chàng kỹ sư máy tính đưa hai anh em ra tận ga.

- "Chúng ta vào quán cà-phê nào đấy nói chuyện được không ạ?". Cậu ta rủ.

Tôi lúc ấy chẳng muốn uống cà-phê, mà cũng không thích ngồi cùng bàn với người mặc chiếc áo len có mẫu đan gì lạ kiểu ấy, nhưng từ chối thì không hợp tình hợp cảnh, nên đành đồng ý cả ba cùng vào quán cà-phê gần đấy. Cậu ta và em tôi gọi cà-phê, còn tôi gọi bia, nhưng không có bia nên đành gọi cà-phê vậy.

- "Hôm nay, cảm ơn anh đã giúp chúng em". Cậu ta nói.

- "Không có chi. Chỉ là chuyện đương nhiên thôi". Tôi nói, hiền lành thôi, vì chẳng còn sức đâu mà giễu với cậu ta.

- "Cô ấy cũng thường kể chuyện về huynh trưởng cho em nghe". Cậu ta nói.

Huynh trưởng à?

Tôi lấy cán muỗng cà-phê gãi lên mái tóc, rồi để lại trên đĩa. Em tôi lại đá vào chân tôi dưới bàn, nhưng cậu kỹ sư máy tính có vẻ hoàn toàn không để ý đến ý nghĩa của động tác ấy. Có lẽ chuyện đùa bỡn cơ-số-nhị-phân kiểu máy tính quen thuộc với cậu ta thì chưa phát triển mấy.

"Hai anh em thân nhau thế, đến em cũng phải ganh tỵ đấy". Cậu ta nói.

"Anh em nhà tôi khi nào vui mừng thì lại đá vào chân nhau đấy". Tôi nói.

Cậu kỹ sư máy tính có vẻ không hiểu.

"Anh ấy định nói đùa đấy". Cô em tôi nói, có vẻ chán ngán ông anh. - "Anh ấy ưa nói đùa như thế".

"Đùa tí thôi". Tôi nói. - "Anh em tôi chia việc nhà cho nhau. Cô ấy lo việc giặt giũ, còn tôi thì chuyên việc nói đùa".

Cậu kỹ sư máy tính, tên chính xác là Watanabe Noboru, nghe thế thì an tâm được phần nào nên cười nói:

"Vui vẻ được thế thì còn gì bằng. Em cũng muốn có gia đình như thế. Vui vẻ được là nhất rồi".

"Thấy chưa". Tôi bảo cô em. - "Vui vẻ được là nhất. Em có hơi chú ý chuyện này chuyện kia quá trốn đấy".

"Phải chi mấy câu đùa của anh thú vị một tí cũng đỡ". Em tôi nói.

"Nếu được thì tụi em định kết hôn vào mùa thu này đấy". Watanabe Noboru nói.

"Ừ, đám cưới mùa thu là tốt nhất". Tôi nói. - "Sóc, và gấu còn mời đến được".

Cậu kỹ sư máy tính cười lớn, nhưng em tôi làm thinh. Có vẻ cô bắt đầu giận thật sự rồi.

Tôi nói là có chút việc nên phải đi trước.

Về đến phòng trọ, tôi gọi điện thoại báo cáo tổng quát cho mẹ tôi.

"Cậu ta cũng không tệ lắm". Tôi vừa nói vừa gãi tai.

"Không tệ lắm nghĩa là thế nào?". Mẹ tôi hỏi.

"Nghĩa là cậu ta là người đáng hoàng. Ít nhất cũng đáng hoàng hơn con".

"Chứ con có gì mà không đáng hoàng nào?". Mẹ tôi nói.

"Mẹ nói làm con mừng quá. Cảm ơn mẹ". Tôi nói, mắt ngược nhìn trần nhà.

"Thế cậu ta học ở đại học nào?".

"Đại học à?".

- "Thì cậu ta học ở đại học nào chứ?".

- "Điều ấy thì mẹ phải hỏi thằng cậu ta chứ". Tôi nói, rồi cắt điện thoại. Xong mở tủ lạnh lấy bia ra uống một mình. Chán ngán mọi chuyện.

\*

Hôm sau ngày cãi nhau với em tôi về chuyện mì YU, tôi mở mắt dậy lúc 8 giờ rưỡi sáng. Cũng như ngày hôm trước, trời đẹp, không một gợn mây. Có vẻ như tiếp nối ngày hôm qua. Cuộc đời lại tiếp nối sau nhịp nghỉ tạm thời buổi tối.

Tôi thôn quần áo lót và áo ngủ đắp mồ hôi vào giỏ áo quần giặt, xong tắm vòi sen và cạo râu. Vừa cạo râu vừa nghĩ đến cô gái thiếu chút nữa là đã chiếm được hôm qua. Cũng chẳng sao. Thất bại vì những chương ngại bất khả kháng đó thôi, chứ mình đã vận dụng toàn lực rồi. Cơ hội thì vẫn không thiếu. Chủ nhật tới thế nào cũng thành công.

Tôi vào bếp nướng hai miếng bánh mì, và hâm cà-phê. Rồi định mở đài FM nghe nhưng nhớ ra là bộ stereo bị hư nên đành vừa đọc mục điểm sách trên nhật báo vừa gặm bánh mì. Mục điểm sách chẳng giới thiệu cuốn nào thuộc loại sách tôi muốn đọc cả, chỉ viết về các cuốn "*Sinh hoạt tính dục trộn lẫn hiện thực và ảo tưởng của người Do Thái về già*" hay là "*Khảo sát lịch sử trị liệu của chứng tình thần phân liệt*" hay là "*Toàn bộ tin tức về sự kiện trúng độc ở Ashio*", ..., toàn những thứ như thế thôi. Đọc những cuốn sách ấy thì thà ngủ với thủ-quân đội-con-gái đánh bóng-chày-mềm còn vui thú hơn. Nhà báo hẳn là đã chọn mấy cuốn sách như thế để chọc tức người đọc đấy thôi.

Aên xong một miếng bánh mì nướng giòn, vừa đặt tờ báo xuống bàn ăn, tôi mới để ý thấy có mảnh giấy nhỏ dán dưới lọ mứt. Chữ viết nhỏ quen thuộc của cô em tôi bảo là đã mời Watanabe Noboru đến ăn tối vào chủ nhật này, hãy ở nhà cùng với cô ấy. Tôi xong bữa sáng, phũ những vụn bánh mì bám trên áo, thu bát đĩa cho vào bồn rửa chén, xong điện thoại đến đại lý du lịch, nơi em tôi làm việc. Cô ấy bảo: - "Bây giờ em đang bận, 10 phút nữa, em gọi lại cho anh". 20 phút sau, chuông điện thoại reo. Trong khoảng 20 phút ấy, tôi đã hít đất được 43 cái, cắt móng tay móng chân tổng cộng được 20 cái, và ngáp 2 lần.

- "Anh đã đọc mảnh giấy em ghi lại chưa?" Em tôi hỏi.

- "Đọc rồi". Tôi đáp. - "Rất tiếc là chủ nhật này anh đã có hẹn trước rồi. Phải chi em cho biết sớm hơn thì anh đã để trống ngày ấy. Tiếc quá".

- "Đừng xạo thế chứ, ông anh. Chỉ là cái hẹn với cô nào đấy đến tên người ta cũng không nhớ, để đi đâu làm chuyện gì đấy chứ gì. Hẹn cô ta lại thứ bảy có được không?".

- "Thứ bảy anh phải ở suốt ngày trong phòng chụp hình, làm quảng cáo cho mền điện đấy. Đạo này anh bận lắm".

- "Vậy thì bỏ cái hẹn ấy đi nhé".

- "Bỏ thì tổn hại lắm. Lúc này là giai đoạn mong manh lắm đây".

- "Còn tương lai em ruột của anh thì không mong manh bằng đấy nhỉ?"

- "Không phải thế". Tôi ngồi xuống ghế, vừa sửa cà-vạt vừa nói. - "Chỉ vì hai anh em đã giao ước là không can thiệp vào đời sống của nhau rồi mà. Em cứ ăn tối với vị-hôn-phu của em, còn anh đi chơi với bạn gái của anh. Như thế là được chứ gì".

- "Đâu có được. Đã lâu anh có gặp mặt anh ấy đâu? Từ trước đến nay, anh chỉ gặp anh ấy có mỗi một lần, mà đã 4 tháng trước rồi. Thế thì đâu có được. Đã có nhiều cơ hội gặp nhau, mà anh cứ trốn chui trốn nhủi, anh không nghĩ là thất lễ với người ta sao? Người ta là vị-hôn-phu của em ruột anh đấy chứ. Aên tối với người ta một lần cũng không được sao?"

Em tôi nói cũng có lý nên tôi im lặng. Quả thật, tự nhiên mà tôi đã hướng về phía lẩn trốn khỏi những dịp ngồi chung với Watanabe Noboru. Nghĩ gì đi nữa, giữa Watanabe Noboru và tôi cũng chẳng có bao nhiêu chuyện chung để nói với nhau. Và nói đùa mà phải có thông dịch đồng thời thì mệt cho tôi quá.

- "Em van anh. Gặp anh ấy một ngày thôi cũng được. Được thế thì cho đến hết hè, em không cản trở gì sinh hoạt tình ái của anh đâu". Em tôi nói.

- "Sinh hoạt tình ái của anh cũng mong manh lắm đấy. Biết có qua được hết hè không?"

- "Thế nào đi nữa, chủ nhật này anh cũng ở nhà hộ em nhé anh?"

- "Chẳng làm sao hơn". Tôi chịu thua.

- "Có thể anh ấy sẽ chữa được bộ stereo cho anh đấy. Anh ấy rành những chuyện như thế lắm".

- "Mấy ngón tay anh ta hẳn là khéo léo lắm nhỉ?"

- "Đừng nghĩ bậy chứ". Em tôi nói rồi cắt điện thoại.

Tôi thắt cà-vạt, đi làm.

Suốt tuần ấy, trời quang. Ngày nào cũng như ngày nào. Tối thứ tư, tôi gọi điện thoại cho cô bồ, bảo là bận rộn việc làm nên có lẽ cuối tuần không gặp nhau được. Đã ba tuần nay không gặp nhau, nên tất nhiên là cô ấy cũng bực mình. Tôi gọi luôn đến nhà cô gái đã đi chơi với tôi hôm chủ nhật trước nhưng cô ấy đi vắng. Thứ năm, thứ sáu, cô ấy lại cũng đi vắng.

8 giờ sáng chủ nhật, em tôi dựng tôi dậy.

- "Em phải giặt chăn trải giường đấy, đừng có ngủ mãi thế". Cô nói, rồi lột chăn trải giường, áo gối, và bảo tôi bỏ quần áo ngủ ra giặt. Tôi đành vào phòng tắm cạo râu. Nghĩ thầm: con nhỏ này càng ngày càng giống bà cụ nhà mình. Đàn bà thật không khác gì cá hồi. Làm gì đi nữa, cuối cùng rồi cũng quay về chốn cũ.

Tắm vòi sen xong, tôi mặc quần đùi, tròng lên chiếc áo thun phai màu đến hầu như không còn nhìn ra chữ gì, rồi vừa toác miệng ngáp dài thật là dài, vừa cầm ly nước cam uống. Trong người vẫn còn một ít rượu đã uống tối hôm qua. Chẳng muốn đọc báo sáng. Trên bàn để sẵn hộp bánh khô nên tôi bốc vài miếng, nhai, coi như bữa sáng vậy.

Em tôi nhét chần trái giường vào máy giặt, cho máy chạy rồi dọn dẹp trong phòng tôi và phòng cô ấy. Xong nhúng khăn lau vào thuốc giặt, lau sàn phòng khách, sàn phòng ăn, và các bức tường. Trong lúc ấy, tôi nằm trên ghế dài phòng khách, xem hình khoả thân trong tờ Hustler-không-cạo-sửa bạn bên Mỹ mới gửi cho. Chỉ gọi chung là cơ quan sinh dục phái nữ, thật ra đủ các cỡ, các hình thù khác nhau. Cũng như chiều cao hay chỉ-số trí-tuệ vậy.

-"Đừng có nằm ưỡn ẹo mãi đấy, đi mua thức ăn hộ em tí đi". Cô em nói, trao cho tôi mảnh giấy chỉ chít những chữ. -"Còn mấy cuốn sách kiểu ấy thì giấu vào những chỗ không ai thấy hộ đi. Anh ấy là người đứng đắn đấy".

Tôi đặt tờ Hustler lên bàn, nhìn chòng chọc vào mảnh giấy. Rau xà-lách, cà chua, cải tần, dầu trộn kiểu Pháp, cá hồi xông khói, mù-tạc, hành tây, nước cốt xúp, khoai tây, thịt bò bíp-tếch 3 miếng, ...

-"Thịt bò bíp-tếch 3 miếng à?". Tôi nói. -"Anh mới ăn thịt bò bíp-tếch hôm qua đây mà. Ổn quá rồi. Bột chiên thịt cua tốt hơn chứ".

-"Có thể anh đã ăn thịt bò bíp-tếch hôm qua. Chứ anh ấy và em đã ăn đâu. Đừng có ngang ngạnh thế chứ. Thông thường, mời khách đặc biệt đến ăn, ai lại đưa bột chiên thịt cua ra chứ."

-"Anh đến nhà cô nào chơi mà được mời ăn bột chiên thịt cua thì cảm kích lắm nhé. Lại có thêm nhiều bắp cải xắt sợi và canh tương có hén nữa thì thấy đời thật là tuyệt".

-"Nhưng em đã định hôm nay ăn thịt bò bíp-tếch rồi. Bột chiên thịt cua thì sau này em cho tha hồ mà ăn đến nghẹn luôn, còn hôm nay thì đừng có ngang ngạnh thế, chịu khó ăn thịt bò bíp-tếch đi nhé".

-"Thôi cũng được". Tôi đầu dụi. Chê bai đủ điều thế chứ, cuối cùng thì tôi bao giờ cũng là người tử tế, biết nghe người khác.

Tôi đến siêu thị gần nhà, mua tất cả những thứ ghi trong mảnh giấy ấy. Rồi tạt vào tiệm rượu, mua một chai rượu vang hảo hạng 4500 Yen<sup>[1]</sup>, định làm quà cho hai người trẻ tuổi đính ước với nhau. Nhỡ ý đến như thế thì chỉ người tử tế mới nghĩ ra được thôi.

Về đến nhà, thấy trên giường mình có sẵn một áo polo hiệu Ralph Lauren màu xanh và một quần vải màu vàng sạch bong không một dấu vết gì, xếp ngay ngắn, chờ đợi.

-"Anh mặc bộ ấy vào đi". Em tôi bảo.

Ôi chao. Tôi nghĩ thầm, nhưng cũng mặc bộ ấy vào, không hó hé một lời nào. Có nói gì đi nữa, cũng chẳng làm sao mà đòi lại được một ngày nghỉ thanh bình, ấm áp, tuy có phần dơ bẩn nhưng quen thuộc của mình.

\*

Watanabe Noboru đến vào lúc 3 giờ chiều. Tất nhiên là gác chân hai bên chiếc xe gắn máy, nường theo gió mà đến. Tiếng xịt khói xình xích hãm dọa từ chiếc Honda 500 phân khối của cậu ta vọng đến rõ ràng từ 500 thước trước. Từ bao lon, ló đầu nhìn xuống, thấy cậu ta ngừng xe bên cổng chung cư, cởi nón an toàn. Cũng may là hôm nay, ngoài nón an toàn gắn chữ STP ấy ra, cậu ta ăn mặc gần như người bình thường. Áo sơ-mi ca-rô cứng vì hồ nhiều quá,

quần trắng rộng rãi, giày đế phẳng màu nâu. Chỉ phải cái giày và thắt lưng không hợp màu nhau mà thôi.

"Em này, người quen ở Fisherman's Wharf đến rồi đấy". Tôi gọi vọng vào bếp cho em tôi đang gọt khoai ở bồn nước.

"VẬY thì anh tiếp anh ấy một lúc hộ em. Tiện tay em chuẩn bị cơm tối luôn". Em tôi nói.

"Anh chịu thôi. Biết nói chuyện gì với cậu ấy đây? Để anh chuẩn bị cơm tối cho. Em ra mà tiếp chuyện cậu ấy đi".

"Anh nói hay nhỉ. Làm thế coi sao được. Anh tiếp chuyện anh ấy mới phải chứ".

Chuông cửa reo. Mở cửa ra thì thấy Watanabe Noboru đứng đấy. Tôi mời cậu ta vào phòng khách, ngồi vào ghế dài. Cậu ta mang quà đến: một hộp kem lạnh 31 thứ. Tủ lạnh nhà tôi thì nhỏ mà thức ăn đông lạnh đã chất đầy rồi, nên sắp xếp quà này vào nữa thì thật là cực nhọc. Anh chàng này chỉ gây thêm việc là giỏi. Quà gì không chọn, lại chọn quà kem lạnh 31 thứ!

Tôi mời uống bia, nhưng cậu ta thoái thác, bảo là không uống bia.

"Bia không hợp với thể chất em". Cậu ta nói. -"Chỉ uống một ly bia thôi là đã thấy khó chịu trong người rồi".

"Tôi thì thời đi học, đã có lần cá nhau bằng tiền xem ai uống bia nhiều nhất đấy". Tôi nói.

"Rồi kết quả ra sao, thưa anh?"

"Trộn hai ngày tiểu ra mùi bia. Thêm vào đấy, lại còn ợ chua nữa".

"Này anh, trong lúc chờ đợi, nhờ anh ấy xem hộ bộ stereo đi". Có vẻ cô em tôi cảm thấy sắp có chuyện không hay nên vội vã mang đến hai ly nước cam đặt lên bàn, nói chen vào.

"Vâng, được chứ". Cậu ấy nói.

"Nghe nói cậu khéo tay?". Tôi hỏi.

"Đúng đấy anh". Cậu ấy thành thực đáp. -"Từ nhỏ, em đã thích lắp ráp mô hình nhựa hay là máy thu thanh. Và vật dụng trong nhà hư thì em mày mò sửa được cả. Bộ stereo hư như thế nào vậy anh?"

"Không ra tiếng". Tôi nói, rồi bật máy khuếch âm lên, lắp đĩa nhạc vào, cho cậu ta thấy là máy không phát ra tiếng.

Cậu ta ngồi bệt xuống trước bộ stereo, bật thử từng nút khoá điện trên máy.

"Hư ở bộ khuếch âm đây. Nhưng không phải ở mạch điện bên trong".

"Làm sao cậu biết được thế?"

"Quy-nạp-pháp đấy anh". Cậu ta đáp.



Ghê nhĩ, quy-nạp-pháp đấy!

Thế rồi, cậu ta lôi máy tiền-khuếch-âm và máy khuếch-âm-điện-lực ra, tháo hết các dây nối, xem xét tỉ mỉ từng máy một. Trong lúc ấy, tôi lôi bia lon budweiser trong tủ lạnh ra uống một mình.

-"Uống được rượu chắc là vui lắm anh nhĩ?". Cậu ta vừa lấy đầu bút chì chạm vào đầu dây nối vừa hỏi.

-"Không biết đúng thế không". Tôi nói. -"Đã uống từ ngày xưa rồi nên không biết. Không so sánh được".

-"Em cũng đang tập uống một tí đấy anh".

-"Tập uống rượu ấy à?"

-"Vâng. Có kỳ quái không anh?". Cậu ta hỏi.

-"Cũng chẳng có gì là kỳ quái. Bắt đầu từ rượu vang trắng thì tốt. Lấy một cái ly lớn, cho rượu vang trắng và nước đá vào, rót thêm nước suối, vắt thêm chanh vào mà uống. Tôi uống thế thay cho nước ngọt đấy".

-"Em sẽ thử như anh nói". Cậu ta đáp. -"Aø, đúng là đây rồi".

-"Gì thế?"

-"Hư ở chỗ cáp nối máy tiền-khuếch-âm và máy khuếch-âm-điện-lực đấy anh. Cả hai đầu cáp đều bị hở ống cắm. Cấu tạo của loại ống này yếu quá không chịu nổi sức kéo mạnh. Mà chế tạo cũng thô sơ quá. Các máy này gần đây có bị xô dịch mạnh tay không vậy anh?"

-"Thế thì em nhớ có lúc quét dọn phía sau, đã dời các máy ấy đi đấy". Em tôi nói.

-"Chắc vì thế mà hở ra đấy".

-"Bộ máy này là của hãng anh chế đấy chứ gì?". Em tôi nói với tôi. -"Chế ra ông nói yếu quá thế mới hỏng chứ".

-"Có phải tự tay anh chế ra đâu. Anh chỉ làm chuyện quảng cáo thôi mà". Tôi phân trần với giọng yếu ớt.

-"Có mũi hàn chì thì sửa xong ngay ấy mà". Watanabe Noboru nói. -"Nhà có không anh?"

-"Không có". Tôi nói. Các thứ ấy thì tôi làm sao có được!

-"Vậy em chạy mua ngay đây. Có mũi hàn chì trong nhà cũng tiện lắm đấy anh".

-"Có lẽ thế thật". Tôi nói, không mạnh dạn gì mấy. -"Mà không nhớ tiệm bán đồ máy móc ở khoảng nào".

-"Em biết. Lúc nãy đã chạy ngang qua". Watanabe Noboru nói.

Tôi lại ra bao lon, nhìn xuống xem Watanabe Noboru đội nón an toàn, gác chân qua xe gắn máy, chạy đi.

"Anh ấy là người tốt bụng đấy chứ". Cô em nói.

"Tôi mềm lòng rồi đấy cô ạ". Tôi nói.

\*

Sửa chữa cáp nối xong khoảng gần 5 giờ chiều. Cậu ấy nói muốn nghe những bài ca êm dịu nên em tôi đề đĩa nhạc Julio Iglesias. Tôi than thầm. Ôi, Julio Iglesias à? Làm sao mà cái thứ nhạc nhão nhẹt này lại có trong nhà tôi vậy kìa?

"Huynh trưởng thì thích loại nhạc nào?". Cậu ta hỏi.

"Thích loại nhạc này lắm". Tôi nói mịa. -"Và Bruce Springteen, Jeff Beck, ..."

"Em chưa nghe các ca sĩ ấy. Chắc là cũng tương tự loại nhạc này?"

"Đại khái cũng giống". Tôi nói.

Rồi cậu ta nói chuyện về hệ thống máy tính mới mà nhóm của cậu đang khai phát. Một khi xảy ra tai nạn đường sắt, hệ thống ấy sẽ tức thì tính toán ra lịch trình mới, chuyển đổi các chuyến tàu điện, đối phó với hiệu quả tối ưu. Nghe cậu ta nói thì biết là tiện lợi đấy, nhưng tôi nghe cứ như là chia động từ trong tiếng Phần Lan, chẳng hiểu gì cả. Trong lúc cậu ta nhiệt tâm giải thích, tôi gật gù cho phải phép, chứ thật ra, chỉ nghĩ đến bạn gái. Lần nghỉ tới sẽ đi uống với ai, đi ăn ở đâu, vào khách sạn nào, ..., những chuyện như thế. Hẳn là bản tính tôi chỉ thích những chuyện này thôi. Có người thích lắp ráp mô hình nhựa, lập lịch trình tàu điện, còn tôi thì thích đi uống rượu và ngủ với bạn gái. Khác biệt ấy là định mệnh, vượt lên trên sức hiểu biết của con người.

Lúc tôi uống xong lon bia thứ tư thì thức ăn tối đã chuẩn bị xong. Thực đơn gồm có cá hồi xông khói, món xúp, thịt bò bíp-tếch, rau xà-lách, khoai tây chiên. Thức ăn em tôi nấu bao giờ cũng ngon. Tôi mở chai rượu vang hảo hạng, uống một mình.

"Huynh trưởng vì sao mà chọn làm cho hãng máy móc điện thế? Em nghe nói là anh không thích điện gì lắm mà". Watanabe Noboru vừa cầm dao cắt thịt bò vừa hỏi tôi.

"Người này thì thứ gì có ích cho xã hội lại không thích gì mấy". Em tôi nói. -"Việc làm thì đâu cũng được, tình cờ có người quen lo cho, nên vào làm trong hãng này đấy thôi".

"Đúng thế đấy". Tôi đồng ý hoàn toàn.

"Anh ấy chỉ nghĩ đến chuyện chơi bời thôi. Nghiêm túc, tận lực vào việc gì khác, hay cải thiện, hướng thượng, ... thì hoàn toàn chả bao giờ nghĩ đến".

"*Ve sầu kêu ve ve suốt mùa hè*". Tôi nói.

"Hễ thấy người khác sống nghiêm chỉnh thì lại cười mà cho là quê mùa nữa". Em tôi nói.

- "Cái đó thì không đúng đâu". Tôi nói. - "Người khác và anh là hai chuyện riêng biệt. Anh chỉ tiêu phí lượng nhiệt năng nhất định theo ý mình thôi, chuyện người khác thì không lý đến. Mà cũng không xem ai là quê mùa. Quả thật anh có thể là người bê bối, nhưng ít nhất, anh không làm phiền lụy người nào khác".

- "Anh có gì bê bối đâu". Watanabe Noboru nói ngay, gần như phản xạ. Hẳn là giáo dục gia đình tốt.

- "Cảm ơn". Tôi nói, nâng ly rượu lên. - "Và chúc mừng đính hôn. Xin lỗi uống một mình không mời ai".

- "Em định tháng Mười này thì cưới đấy anh". Watanabe Noboru nói. - "Tuy không mời được sóc và gấu như anh đã nói".

- "Ôi, chuyện ấy mà để tâm làm gì". Trời đất ơi, anh chàng này lại còn nói đùa nữa. - "Thế, trăng mật thì định đi đâu? Công ty du lịch bớt vé cho em đấy chứ?"

- "Hawaii". Em tôi đáp.

Rồi cả ba nói chuyện máy bay. Tôi vừa đọc xong mấy cuốn sách về tai nạn máy bay trong dãy Andes, nên đem chuyện ấy ra nói.

- "Khi họ ăn thịt người thì đặt lên mảnh nhôm vỡ từ thân máy bay rồi nướng bằng ánh sáng mặt trời đấy". Tôi nói.

- "Anh hay nhỉ. Đang ăn mà sao lại phải nói đến chuyện ghê gớm thế không biết". Cô em ngưng đùa, trừng mắt nhìn tôi. - "Khi tán các cô, đang ăn mà anh cũng nói những chuyện như thế hay sao?"

- "Chắc là huynh trưởng chưa định cưới vợ?". Watanabe Noboru chen vào. Chẳng khác nào vợ chồng đang hục hặc nhau mà lại mời khách đến chơi.

- "Vì chẳng có cơ hội nào cả đấy thôi". Tôi vừa nói vừa cho miếng khoai chiên vào miệng. - "Em tôi còn thơ ấu phải lo liệu, mà lại gặp lúc chiến tranh kéo dài..."

- "Chiến tranh à?" Watanabe Noboru ngạc nhiên hỏi. - "Chiến tranh nào thế anh?"

- "Anh ấy giễu dở đấy mà". Cô em tôi nói, vừa cho dầu trộn vào xà-lách.

- "Giễu dở đấy thôi". Tôi nói. - "Nhưng mà, không có cơ hội là nói thật đấy. Tôi là người có tính hẹp hòi, thêm vào đấy, vợ tất ít khi giặt, nên không may mắn gặp được người con gái xinh đẹp nào chịu sống chung cả. Không được như cậu".

- "Vợ tất bị gì thế anh?" Watanabe Noboru hỏi.

- "Anh ấy lại nói đùa nữa". Em tôi giải thích, giọng chán chường. - "Chứ vợ tất thì em giặt cho anh ấy mỗi ngày đấy".

Watanabe Noboru gật đầu, cười khoảng 1 giây rưỡi. Tôi hẹn thầm sẽ cười lại cậu ta khoảng 3 giây.

- "Thế không phải cô ấy sống chung được với anh suốt từ ấy đến nay sao?". Cậu ta chỉ em tôi và hỏi.

- "À, chỉ vì cô ấy là em ruột tôi". Tôi đáp.

- "Anh tha hồ muốn làm gì thì làm, em nhất thiết không đả động gì đến, nên mới sống chung được đây". Em tôi nói. - "Nhưng mà, đời sống thật sự không thể là như thế được. Đời sống người lớn thật sự thì người ta thẳng thắn mà nói với nhau. Dĩ nhiên là 5 năm trời sống chung với anh thì cũng có phần vui thích đấy. Tự do, sao cũng xong. Thế nhưng dạo này dần dần em nghĩ, như thế không phải là đời sống thật sự. Nói thế nào nhỉ? Em không cảm thấy được thực chất của đời sống. Anh như hoàn toàn chỉ nghĩ đến anh thôi. Dù em có định nói chuyện đàng hoàng, cũng bị anh lái sang chuyện đùa bỡn".

- "Chỉ vì anh nhút nhát đấy thôi". Tôi nói.

- "Ngạo mạn đấy chứ". Em tôi nói.

- "Nhút nhát mà ngạo mạn đấy thôi". Tôi vừa rót rượu vang vào ly vừa giải thích cho Watanabe Noboru. - "Như lái xe một cách nhút nhát, có lúc lại ngạo mạn đấy mà".

- "Em nghĩ có thể hiểu được điều ấy". Watanabe Noboru gật đầu. - "Nhưng mà, sau khi tụi em kết hôn, chỉ còn một mình, hẳn là anh dần dần sẽ muốn cưới vợ hơn chứ?"

- "Có lẽ thế". Tôi nói.

- "Thật không đấy?". Em tôi hỏi. - "Nếu quả thật anh muốn thế thì em sẵn sàng giới thiệu cho anh một cô bạn em rất là được người ..."

- "Đến lúc ấy hãy hay". Tôi nói. - "Bây giờ thì vẫn còn nguy hiểm quá".

\*

Aên tối xong, chúng tôi chuyển sang phòng khách, uống cà-phê. Em tôi lần này cho chạy đĩa nhạc Willie Nelson. Rất may là còn nghe được hơn Julio Iglesias một tí.

- "Thật ra, em cũng muốn sống độc thân như anh, cho đến khoảng 30 tuổi". Watanabe Noboru nói, như thổ lộ với tôi khi em tôi đang rửa chén bát trong bếp. - "Thế nhưng gặp cô ấy, em lại muốn kết hôn ngay".

- "Con gái được thế là tốt lắm đấy. Có hơi ương ngạnh một tí, thỉnh thoảng táo bôn, nhưng cậu chọn đúng người đấy".

- "Nhưng mà, kết hôn có vẻ đáng sợ thế nào ấy".

- "Quen nghĩ đến mặt tốt đẹp, điều tốt đẹp mà thôi, thì chẳng có gì phải sợ cả. Chuyện gì không tốt đẹp, nếu có xảy ra, thì đến lúc ấy hãy hay".

- "Có lẽ đúng như anh nói".

- "Chuyện người khác thì tôi chỉ nói được thế". Tôi nói, rồi đến chỗ em tôi, bảo cô ấy rằng tôi sẽ đi tản bộ quanh đây một lúc.

- "Anh sẽ không về trước 10 giờ đêm đâu, hai cô cậu tha hồ nói chuyện với nhau. Chăn trải giường cũng đã thay mới rồi đấy".

- "Anh thì chỉ để ý ba cái chuyện kỳ quái ấy thôi". Em tôi nói, ra vẻ chán ngán. Chẳng phản đối gì chuyện tôi đi.

Tôi đến nói với Watanabe Noboru là có chuyện cần phải đi trong xóm, có thể về trễ.

- "Em rất vui được nói chuyện với anh hôm nay". Watanabe Noboru nói. - "Sau khi tụi em kết hôn rồi, cũng xin anh đến chơi nhiều với tụi em".

- "Cảm ơn". Tôi nói, không sốt sắng gì mấy.

- "Anh đừng có lái xe đấy nhé. Hôm nay đã uống rượu nhiều quá rồi". Em tôi nói vọng theo bước chân tôi.

- "Anh đi bộ mà". Tôi đáp.

Tôi vào quán rượu gần nhà lúc gần 8 giờ tối. Ngồi ở quầy rượu, gọi rượu IW Harper với đá. TV ở quầy đang truyền hình trực tiếp trận bóng-chày giữa đội Giants và đội Yakult. Mà âm thanh lại tắt mất, thay vào đó, chơi nhạc đĩa Cindy Lauper. Người ném bóng là Nishimoto và Obana, Yakult đang dẫn trước 3 - 2. TV không có âm thanh mà xem cũng không đến nỗi chán.

Tôi vừa xem bóng chày vừa uống 3 ly whisky đá. Đến 9 giờ thì đồng điểm 3 - 3, hết chương trình truyền bóng chày, TV cũng bị tắt mất. Ngồi cách tôi một ghế là một cô gái trên dưới 20 tuổi thỉnh thoảng thấy ở quán này, cũng ngồi xem TV như tôi, nên khi TV tắt, tôi quay sang nói chuyện bóng chày với cô. Cô ấy bảo thích đội Giants, hỏi tôi thích đội nào. Tôi đáp đội nào cũng được, tôi thích xem bóng chày chung chung thế thôi.

- "Như thế thì vui thích ở chỗ nào nhỉ?". Cô hỏi. - "Không theo một đội nào thì làm sao mà nhiệt tâm, hào hứng được?"

- "Không nhiệt tâm cũng đâu có sao". Tôi nói. - "Dù gì đi nữa, cũng chỉ là chuyện người khác làm, có phải tự mình chơi đâu".

Tôi gọi thêm 2 ly whisky đá, và đãi cô 2 ly rượu-pha rum-chanh "*daiquiri*". Cô cho biết đã học về tạo mẫu thương mại ở đại học mỹ thuật, nên chúng tôi nói chuyện về mỹ thuật trong ngành quảng cáo. Đến 10 giờ tối thì tôi và cô ra khỏi quán ấy, dờn qua một quán rượu khác có ghế ngồi thoải mái hơn. Tôi lại uống whisky, cô ấy uống rượu-pha kem bạc-hà "*grass-hopper*". Cô đã say lắm, mà chính tôi cũng đã say. Đến 11 giờ tối, tôi đưa cô ta về nhà trọ của cô, và tất nhiên là đã ngủ với cô. Như khách đến thì mời ngồi và đãi trà vậy.

- "Tắt đèn đi". Cô nói.

Tôi tắt đèn. Từ cửa sổ nhìn thấy tháp quảng cáo to tướng của hãng Nikon. Từ phòng bên vắng sang tiếng TV truyền hình bóng-chày-chuyên-nghiệp nghe thật ồn. Tối thui, mà lại say nữa,

nên làm gì thì chính mình cũng chẳng biết nữa. Chẳng gọi là tình dục gì được. Chỉ là động đây củ giống và phóng xuất tinh dịch, thế thôi. Một chuỗi hành vi giản-lược-hoá đến cực kỳ ấy vừa xong, thì cô gái đã ngủ say ngay, như chỉ chờ được như thế. Tôi cũng chẳng buồn lau rửa, cứ thế sờ soạng tìm quần áo mặc vào. Trong tầm tối, tìm cho ra áo polo và quần lót, quần dài lẫn lộn vào đồng áo quần của cô ấy, quả là vất vả.

Ra đến bên ngoài, cơn say như một chuyến tàu lửa chở hàng đêm, đã chạy xuyên suốt thân người tôi thật kịch liệt. Cảm giác toi bời. Như anh chàng người thiếc trong phim "*The Wizard of Oz - Phù thủy xứ Oz*" thiếu dầu nhớt. Uống một lon nước ngọt từ máy bán hàng tự động, nhưng vừa uống cạn lon, là nôn thốc mọi thứ trong dạ dày ra. Những bã bíp-tếch, cá hồi xông khói, rau xà-lách, cà chua, ...

Thật chán. Uống rượu vào rồi nôn cả ra thế này thì mấy năm rồi mới có lại nhỉ? Không biết dạo này mình làm cái trò gì mà bết thế này? Cũng chừng ấy chuyện làm đi làm lại, mà càng làm, càng tệ hại thêm ra. Rồi, chẳng mạch lạc gì cả, tôi nghĩ sang cái mũi hàn chì Watanabe Noboru đã mua cho hôm nay. "*Có mũi hàn chì trong nhà cũng tiện lắm đấy anh*". Watanabe Noboru đã nói thế. YU nghĩ lành mạnh thật. Tôi vừa lấy khăn tay lau miệng vừa nghĩ. Nhờ cậu mà nhà tôi nay đã có được một mũi hàn chì. Nhưng cũng vì có thêm mũi hàn chì ấy mà tôi có cảm giác nơi ấy không còn là nhà của tôi nữa. Có lẽ suy nghĩ như thế cũng chỉ vì tôi là người có tính hẹp hòi.

\*

Tôi trở về phòng trọ thì đã quá nửa đêm. Tất nhiên bên cạnh cổng trước không còn bóng dáng chiếc xe gắn máy nữa. Tôi lấy thang máy lên tầng 4, mở khoá bước vào phòng. Chỉ có đèn ống nhỏ trên bồn rửa chén bát trong bếp còn sáng, còn lại thì tối om. Em tôi hẳn đã hết kiên nhẫn chờ anh nên đã đi ngủ từ lúc nào rồi. Cảm giác lúc bấy giờ thật là thơ thối.

Tôi rót nước cam, uống một hơi cạn ly, rồi vào phòng tắm, dưới vòi sen, thoa xà-phòng rửa hết mồ hôi nặng mùi, và đánh răng kỹ lưỡng. Ra khỏi vòi sen, nhìn vào tấm gương trên bồn rửa mặt, tự mình cũng phải ngán sợ đến rùng mình vì khuôn mặt phản chiếu trong gương. Khuôn mặt bần thiêu của một gã sồn sồn say rượu thỉnh thoảng tôi vẫn thấy, khi ngồi trên những chuyến tàu điện cuối cùng trong ngày. Da sần sùi, mắt phồng lên, tóc khô, xơ xác.

Tôi lắc đầu, tắt đèn trong phòng tắm, chỉ một mảnh khăn quấn quanh hông, trở lại phòng bếp, mở vòi uống nước. Sáng mai thế nào cũng sẽ khá hơn. Mà dù có tệ hơn thì ngày mai hẵng hay. "*Ôp-la-đi, Ôp-la-đa, đời trôi xuôi, hé*". Như câu nhạc của Beatles ấy.

"Về trễ dữ nhỉ". Tiếng cô em vang lên trong bóng tối mù mịt. Cô đang ngồi trên ghế dài phòng khách, uống bia một mình.

"Đi uống rượu đấy mà".

"Anh uống rượu nhiều quá đấy".

"Biết rồi". Tôi nói, mở tủ lạnh lấy lon bia cầm tay, đến ngồi đối diện với em tôi. Cả hai không nói gì một hồi lâu, thỉnh thoảng lại đưa lon bia lên uống. Gió thổi lay động lá cây trong chậu ngoài bao lon, phía xa thấy mảnh trăng bán nguyệt.

- "Nói trước là đã không làm gì cả đấy". Em tôi nói.

- "Làm gì kia?"

- "Chẳng làm gì cả. E dè thế nào ấy, nên không làm gì được cả".

- "Ra thế". Tôi nói. Những đêm có trăng bán nguyệt, không hiểu sao tôi lại ít nói.

- "E dè chuyện gì, anh không muốn biết à?". Em tôi lại nói.

- "E dè chuyện gì thế?". Tôi hỏi.

- "Căn phòng này đây. Căn phòng này khiến phải e dè, nên không làm được ở đây".

- "Hừm".

- "Này, anh sao thế? Có phải đang đau ốm gì đấy không?"

- "Mệt lắm". Tôi nói. - "Anh cũng có lúc mệt chứ bộ".

Em tôi im lặng, nhìn tôi đăm đăm. Tôi uống một hơi cạn lon bia, xong ngả người, gục cổ, nhắm mắt lại.

- "Này anh, tại vì tụi em mà anh mệt đấy à?". Em tôi hỏi.

- "Đâu có". Tôi đáp, mắt vẫn nhắm.

- "Mệt đến nỗi không nói chuyện được sao anh?". Em tôi nói, giọng nhỏ nhẹ.

Tôi nhòm người lên nhìn em tôi, lắc đầu.

- "Anh này, hôm nay em đã nói gì không tốt về anh đấy nhỉ. Nghĩa là, nói gì đấy về tính tình, hay lối sống của anh ..."

- "Có sao đâu". Tôi nói.

- "Thật không?"

- "Bấy lâu nay, em chỉ nói những điều đúng thôi. Cho nên đừng bận tâm. Nhưng mà, sao thành linh em lại nghĩ thế?"

- "Sau khi anh ấy về, trong lúc ngồi chờ anh thế này, em chợt nghĩ như thế. Có thể em đã nói gì đấy hơi quá trớn đối với anh ...".

Tôi lấy từ tủ lạnh ra hai lon bia, mở máy stereo, chạy đĩa Richie Beirach Trio, âm thanh nho nhỏ. Đĩa nhạc này tôi vẫn nghe mỗi lần uống rượu say trở về nửa đêm.

- "Chắc là em bán loạn một tí đấy mà". Tôi nói. - "Đối với sự thay đổi trong sinh hoạt ấy. Cũng như khi khí áp biến đổi. Chính anh cũng bán loạn theo lối của anh đấy chứ".



Em tôi gật đầu.

- "Em đã kiếm chuyện với anh đấy nhỉ?".

- "Mọi người đều kiếm chuyện với người nào đấy, chẳng cứ gì em". Tôi nói. - "Nhưng mà, nếu em chọn anh là người để em kiếm chuyện, thì chọn lựa ấy không sai đâu. Cho nên chẳng có gì phải áy náy cả".

- "Đôi khi không hiểu sao em thấy sợ quá, về tương lai". Em tôi nói.

- "Gắng nhìn mặt tốt mà thôi, gắng nghĩ đến điều tốt mà thôi. Làm thế thì không còn sợ gì cả. Chuyện xấu có xảy ra đi nữa, thì lúc ấy hẵng suy nghĩ cũng được mà". Tôi lặp lại lời đã nói với Watanabe Noboru.

- "Nhưng có thật song suốt được như thế không anh?"

- "Không song suốt được thì đến lúc ấy hẵng suy nghĩ cũng được".

Em tôi cười khúc khích.

- "Từ trước đến giờ, anh vẫn là người quái kỳ như thế". Em tôi nói.

- "Này em, anh hỏi một chuyện này có được không?". Tôi nói, kéo khoen lon bia lên.

- "Được chứ".

- "Trước cậu ấy thì đã ngủ với mấy người rồi?"

Cô em hơi ngần ngừ một chút, rồi đưa hai ngón tay lên. - "Hai người".

- "Một người cùng tuổi, người kia thì lớn tuổi hơn em, có phải thế không?"

- "Làm sao anh biết được thế?"

- "Diễn hình là thế mà". Tôi nói, uống một ngụm bia. - "Anh ăn chơi thế này đâu phải là vô ích. Chừng ấy thì hiểu được chứ".

- "Đúng tiêu chuẩn phải không anh?"

- "Thế là lành mạnh đấy".

- "Còn anh, đã ngủ với bao nhiêu người rồi?"

- "26 người". Tôi nói. - "Mới đếm thử đây. Nhớ lại được thì 26 người. Không nhớ lại được có thể khoảng mười người. Có ghi vào nhật ký đâu mà nói cho chính xác được".

- "Sao anh ngủ với nhiều cô thế?"

- "Chẳng biết". Tôi thành thực đáp. - "Có lẽ phải ngưng ở khoảng nào đấy, nhưng tự mình không nắm được thời cơ đó thôi".

Cả hai lại im lặng một hồi, mỗi người suy nghĩ chuyện cần suy nghĩ của mình. Xa xa nghe có tiếng nổ của xe gắn máy, nhưng hẳn không phải là của Watanabe Noboru. Đã 1 giờ sáng rồi.

"Này, anh nghĩ sao về anh ấy?". Em tôi hỏi.

"Về Watanabe Noboru ấy à?"

"Vâng".

"À, đàn ông thế thì cũng được. Tuy chẳng phải mẫu người anh thích, và lối ăn mặc có hơi lạ kiêu". Tôi suy nghĩ một lúc rồi thành thực đáp. -"Nhưng trong gia đình, có một người lạ kiêu thì cũng chẳng sao".

"Em cũng nghĩ thế. Em cũng thích con người như anh, tuy nếu mọi người trên đời này, ai cũng giống như anh cả thì thế giới sẽ tệ hại lắm đấy".

"Hắn thế". Tôi nói.

Sau đó, anh em tôi uống cạn lon bia, rồi ai về phòng nấy. Chăn trải giường mới tinh, sạch bong, không một nếp nhăn. Tôi nằm dài trên đấy, ngắm trăng qua khe màn cửa sổ. Không hiểu chúng tôi sẽ ra sao nữa. Nhưng tôi đã quá mệt mỏi không còn sức để suy nghĩ sâu xa về những vấn nạn như thế.

Nhắm mắt lại, giấc ngủ dần dần đến, như tấm lưới đen thẫm từ đỉnh đầu uốn éo phủ dần xuống, âm thầm.

*Cước chú:*

<sup>[1]</sup> 4500 Yen: khoảng 45 USD.

# Miyazawa Kenji, Người viết truyện nhi đồng cho mọi lứa tuổi

Nguyễn Nam Trân



## Con Người và Tác Phẩm

Miyazawa Kenji (Cung Trạch, Hiền Trị, 1896-1933) chỉ là nhà văn Nhật muốn đi tìm một cõi đời không tưởng (Utopia) nghĩa là không thể nào thực hiện trong thế giới hữu hạn của chúng ta. Ông vừa cố vấn về nông nghiệp, vừa rao giảng kinh Pháp Hoa, lại làm thơ và viết truyện nhi đồng, sống một cuộc đời vị tha, nhân ái.

Ông vốn là con trai trưởng trong một gia đình làm nghề cầm đồ ở vùng Hanamaki thuộc tỉnh Iwate miền Bắc nước Nhật, nơi nổi tiếng nghèo nàn, dân chúng thường lâm vào cảnh đói kém. Điều này ám ảnh ông nhiều, nhất là vì được nuôi dạy trong truyền thống từ bi của Phật giáo, ông rất thông cảm kiếp sống nhọc nhằn của họ.

Từ nhỏ ông đã làm quen với truyện nhi đồng của Iwaya Sazanami (Nham Cốc, Tiểu Ba, 1870-1933) và thơ Ishikawa Takuboku (Thạch Xuyên, Trác Mộc, 1886-1912), hai nghệ sĩ có tư tưởng cấp tiến. Sau khi học xong bậc trung học, ông không chịu nối nghiệp nhà mà ghi tên vào Trường canh nông Morioka và học ở đó từ năm 1915 đến 1918. Thời ấy ông đã bắt đầu làm thơ (mà ông gọi là "ký họa của tâm hồn") và đăng những truyện nhi đồng trong tạp chí Azaria do ông sáng lập năm 1917.

Ông tự bỏ tiền xuất bản tập thơ *Mùa Xuân và Tu La* (Haru to Shura, 1924). Tu La là một chữ trong kinh Phật có nhiều nghĩa nhưng ý chính hiểu là một cảnh tranh chấp, chém giết hỗn độn. Thơ ông gây được tiếng vang nhưng tập truyện nhi đồng mang tên *Quán ăn mè neho lăm chuyện* (Chuumon no ôi ryôriten) ra đời cùng năm lại bị rơi vào quên lãng. Ra trường xong ông vào dạy Trường canh nông Hanamaki cũng ở trong vùng nhưng từ 1926, đã xin thôi việc để mở một văn phòng cố vấn về canh nông cho dân nghèo. Hành động này làm gai mắt nhà cầm quyền đương thời vì lúc đó phong trào đòi quyền sống do nông dân đề xướng đang bộc phát và họ sợ rối loạn trị an.

Năm 1928, ngã bệnh nhưng ông vẫn cố gắng viết tập văn *Đêm theo đường sắt lên Ngân Hà* (*Ginga tetsudô no yoru*) và *Matasaburô như làn gió* (*Kaze no Matasaburô*), hai tác phẩm chính của ông..

Ông mất ngày 20 tháng 9 năm 1933 vì bệnh lao lúc mới 37 tuổi.

Trong các tác phẩm của ông, ảnh hưởng của Phật Giáo phái Nhật Liên (Nichiren) và tư tưởng xã hội nhân đạo được nhận thấy rõ ràng. Truyện nhi đồng của ông giống như truyện thần tiên, khác hẳn với loại cổ tích mà trẻ em Nhật Bản vẫn được nghe. Nhất là từ khi ông mất, giới phê bình và quần chúng mới bắt đầu tìm thấy những cái hay đẹp trong các tác phẩm của ông (năm 1934, sau khi *Đêm theo đường sắt lên Ngân Hà* được phát hành). Không những giàu nhạc tính, tươi tắn, dí dỏm, đậm đà ngôn ngữ địa phương, tình yêu thiên nhiên và cuộc đời, truyện của ông còn có tính quốc tế, đầy chất thơ, không bị thời gian xoi mòn dù đã trải qua hơn nửa thế kỷ.

### **Lịch Sáng Tác và Hoạt Động**

-1896: sinh ra ở thôn Hanamaki, tỉnh Iwate, miền Đông Bắc Nhật Bản..

-1903: 7 tuổi, học tiểu học ở quê nhà, từ năm 3 tuổi đã thuộc nhiều kinh kệ Phật Giáo.

-1909: 19 tuổi, lên học trường trung học trên huyện. Ở ký túc xá.

-1910: 14 tuổi, cùng thầy và các bạn leo núi Iwate.

-1911: 15 tuổi, biết đến tập tanka *Ichi no Tsuna* (Vốc Cát) của Takuboku và bắt đầu làm thơ.

-1913: 17 tuổi, học tham thiền và đọc văn chương Nga.

-1914: 18 tuổi, tốt nghiệp trung học, bắt đầu biết khổ vì yêu. Cảm động khi đọc kinh Pháp Hoa.

-1915: 19 tuổi, vào học Cao Đẳng Canh Nông ở Morioka, thủ phủ của Iwate. Tham gia hoạt động Phật Giáo với bạn học.

-1916: 20 tuổi, lên Tôkyô chơi. Về bắt đầu viết văn và làm thơ với bút hiệu Kenkichi (Kiện Cát).

-1918: 22 tuổi, bắt đầu đi làm sau khi tốt nghiệp Cao Đẳng Canh Nông. Nghiên cứu về phân bón. Có triệu chứng sức khoẻ kém, hay đau ốm. Về sáng tác, bắt đầu chuyển qua truyện nhi đồng.

-1919: 23 tuổi, quen biết với thi sĩ Hagiwara Sakutarô và chịu ảnh hưởng thơ tượng trưng của tác giả *Tsuki ni hoeru* (Sữa Trăng). Chuyên chú vào việc đọc sách và thu thập tranh mộc bản Nhật Bản.

1921: 25 tuổi, lại lên Tôkyô, bắt đầu sáng tác mạnh. Những truyện *Tsukiyo no denshinbashira* (Cột truyền tin trong đêm trăng), *Donkuri to yamaneko* (Đám hạt dẻ và mèo rừng), *Chuumon no ôi ryôriten* (Quán ăn mè dẻo lắm chuyện) và tập thơ *Fuyu no sukechi* (Ký họa về mùa đông) ra đời vào năm này.

- 1922: 26 tuổi, bắt đầu viết *Haru to Shura* (Mùa Xuân và Tu La), *Suisenzuki no yokka* (Ngày thứ tư tháng thủy tiên), *Yamaotoko no shigatsu* (Tháng tư của người rừng). Tự học tiếng Đức và Esperanto. Em gái mà ông rất thương yêu là cô Toshi, mới có 24 tuổi, qua đời. Thương tiếc, ông viết *Eiketsu no asa* (Buổi mai vĩnh quyết), *Musei dôkoku* (Khóc không thành tiếng).
- 1923: 27 tuổi, viết *Hyôganezumi no kegawa* (Bộ lông của con chuột vùng băng hà). Lên đảo Karafuto miền cực bắc và viết một số thơ loại *banka* (tang khúc) để vơi đi nỗi buồn thương xót người em xấu số.
- 1924: 28 tuổi, ra tập thơ *Hizashi to karekusa* (Ánh nắng và cỏ khô), tự bỏ tiền xuất bản 1000 cuốn Mùa Xuân và Tu La. Đưa học trò trường Canh Nông Hanamaki thăm đảo Hokkaidô.
- 1925: 29 tuổi, tự học đàn phong cầm và trung hồ cầm (violoncelle). Đăng nhiều thơ trên báo.
- 1926: 30 tuổi, viết truyện nhi đồng *Opperu to zô* (Ozbel và con voi), *Neko no jimusho* (Văn phòng con mèo). Diễn giảng và viết sách về nghệ thuật của nông dân và cách bón ruộng, canh tác lúa gạo.
- 1927: 31 tuổi, khuyến khích nông dân dựng kịch, chơi trung hồ cầm trong giàn nhạc giao hưởng. Viết 1000 về cách dùng phân bón ruộng. Đồng thời đăng thơ *Fuyu to ginga sutêshon* (Mùa đông và trạm xe Ngân Hà).
- 1928: 32 tuổi, trúng mưa trong khi đang quan sát vụ lúa, mắc bệnh sưng phổi. Mặc dầu đau ốm, viết hai tác phẩm quan trọng nhất văn nghiệp ông: *Đêm theo đường sắt lên Ngân Hà* (*Ginga tetsudô no yoru*) và *Đứa con của gió* (*Kaze no Matasaburô*).
- 1931: 35 tuổi, bệnh có hơi đỡ, nhận chức kỹ sư khai thác than đá ở vùng Đông Bắc. Viết *Kitamori Shôgun to sannin kyodai no isha* (Ba anh em thầy thuốc và ông tướng Kitamori). Tháng 9, lên cơn sốt ở Tôkyô, chữa không khỏi nhưng phải về quê. Bài thơ *Ame ni mo makezu* (Không chịu thua mưa gió) viết vào thời điểm này.
- 1936: 36 tuổi, trên giường bệnh lại tự học toán. Vẫn viết báo và thơ, kể cả thơ tản văn và haiku.
- 1933: 37 tuổi, đi đứng khó khăn nhưng vẫn góp ý với nông dân về việc dùng phân bón. Tiếp tục làm thơ và viết văn nhưng đến ngày 21 tháng 9, sau khi dặn người nhà cho phát kinh Pháp Hoa thì nhắm mắt, ra đi vĩnh viễn.

### Sách tham khảo về Miyazawa Kenji

- Origas, Jean-Jacques, *Dictionnaire de littérature japonaise*, Quatridge PUF, Paris, 2000.
- Napier, J. Susan, *The Fantastic in Modern Japanese Literature. the subversion of modernity*, Routledge, London & New York, 1996.
- Bester, John, *The Tales of Miyazawa Kenji*, Kodansha International, Tokyo, 1996.
- Bester, John, *Night Train to the Stars and other stories*, Kodansha English Library, Tokyo, 1987.
- Miyazawa, Kenji, *Les Pieds nus de lumière*, Morita, Hélène et Burgnat Shizuko, Le Serpent à Plumes, Paris, 1997.
- Miyazawa Kenji, *Shinhen Ginga tetsudô no yoru*, Shinchô Bunko, 2003, (32th edition).

- Miyazawa, Kenji, *Train de nuit dans la voie lactée*, Morita, Hélène, Le Serpent à Plumes, Paris, 1995.
- Miyazawa, Kenji, *Chuumon no ôi ryôriten*, Kadokawa Bunko 924, Kadokawa Shoten, Tokyo, 1992.

## Quán ăn mè neho lảm chuyện

(Chuumon no ôi ryôriten)

Miyazawa Kenji

Hai vị công tử ăn mặc y hệt binh sĩ quân đội Anh hoàng, khoác súng săn bóng loáng trên vai, dắt theo hai con chó to như gấu trắng, đang đạp lá khô rào rào, bước trên con đường khá sâu trong núi. Họ vừa đi vừa tán gẫu:

- Cái vùng núi rừng này sao mà quái thế! Chẳng có lấy một bóng chim bóng thú. Bây giờ tớ muốn gặp bất cứ thứ gì miễn là pằng pằng được cho đỡ ngứa tay thôi.

- Nếu mà có con nai nào nằm phơi cái bụng vàng ra đây để tụi mình nện hai ba phát hỏi thăm sức khỏe thì hết ý nhỉ. Tớ cứ tưởng tượng lúc nai chạy loanh quanh mấy vòng rồi ngã đánh ầm.

Hiện họ đã đi khá sâu vào trong núi đến nỗi người thợ săn chỉ đường cho họ cũng lạc mất dấu. Họ không biết mình đang loanh quanh ở đâu. Tệ hơn nữa, cảnh núi rừng khủng khiếp quá thế nên hai con chó săn to như gấu trắng kia bỗng thấy đầu óc choáng váng một loạt, hộc lên hộc xuống rồi sùi bọt mép lăn quay ra chết.

- Thế là tớ mất toi hai nghìn bốn trăm đồng yên bỏ ra mua con nồm này.

Một trong hai vị công tử lật sơ mí mắt một con chó chết, vừa xem vừa bình phẩm.

- Còn phần tớ thì thiệt mất những hai nghìn tám vì con này cơ đấy!

Công tử thứ hai lắc đầu ngán ngẩm.

Sắc mặt công tử thứ nhất bỗng nhợt nhạt, cậu kia nhìn mặt bạn rồi bảo:

- Tớ muốn quay về thôi, cậu ạ!

- Ừ, tớ cũng thấy gầy gầy lạnh và hơi đói. Thế mình về nhé!

- Hôm nay chấm dứt ở đây được rồi. Có gì trên đường về mình ghé cái nhà trọ tôi qua, bỏ mười yên mua vài con chim núi đem về cùng là được.

- Ở đó, bọn họ còn bán cả thỏ rừng. Rốt cuộc, không phải vậy mà cũng giống vậy. Thôi, mình về!

Thế nhưng kẹt cho hai cậu là dù họ có muốn về cũng không biết phải đi lối nào.

Gió giật từng cơn, cỏ xào xạc, lá lao xao và cành cây rung lách cách.

- Đói bụng quá đi thôi. Từ nãy giờ đói đau thắt cả ruột.

- Tớ có hơn gì cậu đâu. Thiếu điều bước hết nổi rồi.

- Sức đâu mà đi. Tớ muốn có cái gì dẫn bụng ngay thôi.

Hai công tử nói với nhau như thế khi họ đứng giữa đám cỏ lau.

Cũng vừa lúc đang nhìn đáo dác chung quanh, họ chợt thấy một căn nhà gạch sang trọng cất theo lối Tây Phương hiện ra. Ngoài hiên nhà có tấm biển đề:

*Restaurant Hiệu Cơm Tây*

*Wild Cat House - Quán Mèo Rừng (2)*

-Này cậu! Vừa vặn quá! Sao ở chốn này lại có được cái quán. Mình vào đi nhé!

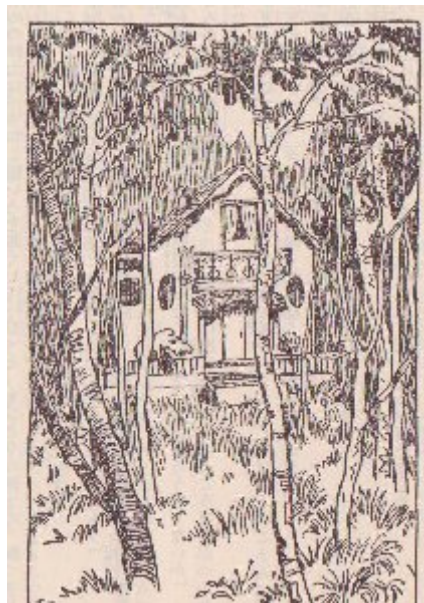
-Tớ ngại quá, tiệm nào mà mở ra nơi đây. Nhưng thôi, chắc phải có cái gì ăn chứ!

-Dĩ nhiên. Không thấy biển đề kia à?

-Ta vào đi vậy. Tớ mà không có cái gì vào bụng là xui ngay bây giờ!

Hai người đứng trước tiền sảnh. Nơi này lợp toàn ngói bằng sứ trắng, trông thật hoa lệ. Thế rồi họ thấy trên cánh cửa kính để mở có khắc một hàng chữ vàng như sau:

*Bất cứ vị nào cũng mời bước vào trong. Xin đừng e ngại.*





## *Wild Cat House - Quán Mèo Rừng*

Hai người hết sức mừng rỡ, nói với nhau:

-Cậu thấy không. Mọi sự rồi cũng suông sẻ thôi. Suốt ngày mình thiếu may mắn bao nhiêu nhưng bây giờ cũng có cái hên như thế này. Coi bộ họ muốn nói ở tiệm này mình cứ ăn mà chẳng phải lo trả tiền.

-Có lẽ cậu nói đúng. Câu nói của họ chắc ngụ ý như thế.

Hai người mới đẩy cửa vào trong và gặp ngay cái hành lang. Đằng sau cánh cửa kính, họ lại thấy khắc mấy chữ vàng:

*Đặc biệt hoan nghênh các vị khách trẻ và béo tốt.*

Hai người thấy viết được đặc biệt hoan nghênh, không khỏi vui mừng.

-Này cậu, cứ như bọn mình là hết sức được hoan nghênh đấy nhé!

-Tụi mình đáp được cả hai điều kiện kia mà!

Họ đi xâm xâm dọc hành lang thì vừa vặn gặp một cánh cửa sơn màu xanh dương.

-Cái nhà này kỳ ghê ta! Sao mà nhiều cửa nẻo vậy kìa!

-Nhà kiểu Nga đó. Ở trong núi sâu lạnh lẽo nên phải bố trí như thế.

Khi họ dợm mở cánh cửa thì thấy trên đó lại ghi một giòng chữ màu vàng:

*Quán chúng tôi đòi hỏi lắm chuyện. Dám mong quý khách niệm tình.*

-Làm ăn khá quá hả! Ở giữa rừng -núi như thế này!

-Nhằm gì! Mấy hiệu ăn lớn ở Tôkyô cũng đâu nằm ngay ở ngay phố chính.

Hai người vừa nói với nhau vừa mở cánh cửa thì ở mặt trái của nó, họ thấy viết:

*Khách đặt món ăn rất đông. Cảm phiền đợi đến phiên mình.*

-Viết thế này là muốn nói cái gì?

Một trong hai cậu hơi nhăn mặt.

-Hừm. Chắc họ muốn cho biết không hờ tay vì nhiều khách đặt món ăn nên xin lỗi trước.

-Ừ, chắc thế. Tớ chỉ muốn họ nhanh nhanh đưa mình vào cái phòng nào đó.

-Rồi sắp cái bàn để mình ngồi nhí!

Có điều rắc rối là hai người bỗng thấy một cánh cửa khác hiện ra và bên cạnh nó có treo tấm kính. Dưới chân đã bày sẵn một bàn chải có cán dài.

Trên cánh cửa thấy ghi một hàng chữ đỏ.

*Yêu cầu quý khách chải tóc và gạt bùn sạch giày nơi đây.*

-Phải đằng hoàng sạch sẽ như thế chứ. Hồi nãy ngoài tiền sảnh, tôi đã nghĩ đây không phải là quán cho dân rừng rú.

-Tiệm này đòi hỏi khắt khe. Chắc chắn thể nào cũng thường có khách hạng sang tới ăn.

Cả hai bèn chải tóc gọn gàng rồi gỡ bùn dính vào đôi ủng.

Sau đó thì sao? Vừa khi họ đặt lại bàn chải lên kệ gỗ thì thoáng cái nó đã tan biến đâu mất. Một luồng gió thổi thốc vào gian phòng.

Hai người ngạc nhiên, tựa sát nhau rồi mở cánh cửa bước vào gian bên kia. Bọn họ nghĩ thầm nếu bây giờ không ăn một món gì nóng để lấy sức thì không làm tiếp được những gì có thể đòi hỏi sau đó.

Đằng sau cánh cửa, họ lại thấy có viết mấy chữ kỳ lạ:

*Hãy để tất cả súng đạn nơi đây.*

Nhác thấy bên cạnh đã có cái kệ đen. Một trong hai cậu mới nói.

-Đúng rồi, đi ăn mà lại mang súng thì đâu phải phép.

-Chính thế. Tớ nghĩ dân tới đây ăn toàn là mấy ông lớn.

Hai cậu công tử mới tháo súng và cởi băng đạn. Họ đặt tất cả lên cái kệ.

Họ thấy tiếp đó một cánh cửa màu đen.

*Làm ơn cởi bỏ giày mũ và áo khoác.*

-Sao, cởi ra nhé!

-Đành làm theo chó biết sao giờ. Chắc khách đang ngồi trong kia toàn mấy ông lớn.

Hai cậu cởi áo ngoài và mũ khoác lên cái đinh treo, xong tháo cả giày rồi lết bệt đi vào sau cánh cửa. Đằng sau, đã thấy viết thêm hàng chữ:

*Kẹp ghim cà vạt, cúc cài tay áo, kính mắt, ví tiền, tất cả những vật làm bằng kim loại hay có đầu nhọn đều phải bỏ lại.*

Xế ngang bên cánh cửa là một tủ sắt uy nghi sơn đen, cửa đã mở sẵn. Có cả chìa khóa cài lên đằng hoàng.

-Chắc họ nấu nướng bằng điện nên không cho mang kim loại vào sợ nguy hiểm. Đặc biệt những vật nhọn. Tớ đoán thế.

-Có lẽ. Thấy thế thì biết là khi ra về họ sẽ tính tiền ở chỗ này.

-Không khéo là như vậy!

-Chắc chắn phải thế thôi.

Hai người hết tháo kính, lại cởi bộ cúc trên ống tay rồi cho tất cả vào trong tủ sắt, sập khóa cẩn thận.

Đi thêm một quãng, cả hai lại gặp một cánh cửa khác. Đằng trước cánh cửa thấy có đặt cái vò. Trên cửa viết như thế này:

*Xin dùng kem trong vò thoa kín mặt mũi tay chân.*

Nhìn lại thấy đúng là trong vò có chứa một loại kem sữa bò:

-Bảo bôi kem là để làm gì thế nhỉ?

-Này nhé! Bên ngoài lạnh, trong nhà thì ấm, da mình làm gì chẳng nứt nẻ. Bôi kem là để đề phòng hờ đó. Mới biết quán này tiếp toàn hạng người sang trọng. Không chừng chúng mình sẽ có dịp gần gũi với những nhà quý tộc.

Hai cậu mới lấy kem trong vò bôi lên mặt, lên tay. Xong lại cởi cả tất để thoa chân. Bôi bao nhiêu mà vẫn còn thừa kem thành thử họ lại vò bôi thêm lên mặt để nhân đó thử nhấm nháp.

Sau đó họ vội vã mở cánh cửa và tiến vào bên trong. Đằng sau cánh cửa thấy viết:

*Quý vị thoa kem đầy đủ chưa? Đã bôi lên cả hai tai chưa nào?*

Nơi đó lại có để một vò kem nhỏ.

-Đúng, đúng. Tớ quên mất, không bôi kem hai tai. Suýt nữa thì bị nẻ tai. Cái ông chủ hiệu này chu đáo thật.

-Ừ, ông ta để ý cả đến từng chi tiết. Có điều là tớ đang đói đây mà đi suốt hành lang này giờ vẫn chưa tìm ra được cái ăn

Vừa nói đến đó, họ đã đến nơi có cánh cửa kế tiếp.

*Cơm sắp xong xuôi.*

*Quý vị chỉ còn đợi khoảng mười lăm phút.*

*Sẽ được xơi thôi.*

*Trong khi chờ đợi, xin rưới nhanh ít nước hoa lên đầu hộ cho.*

Trước cánh cửa đã để sẵn một bình đựng nước hoa vàng ánh. Hai người thi nhau tưới lên đầu mình thứ nước hoa đó nhưng sao thứ này lại thoảng mùi giấm.

-Nước hoa này chua như giấm. Sao lại thế nhỉ?

-Chắc người ta lộn thôi. Chị giúp việc có lẽ bị cảm mạo chi đó mà chế nhầm chẳng?

Hai người mở cửa rồi bước vào bên trong.

Đằng sau cánh cửa, có viết một giòng chữ lớn như thế này:

*Quán đòi hỏi lắm chuyện chắc làm phiền quý khách. Xin thứ lỗi. Chỉ quấy quả bấy nhiêu thôi. Bây giờ xin quý khách vào trong xát muối lên người nhiều vào.*

Hai cậu công tử đã thấy một vại gốm đựng đầy muối để ngay ngắn. Nhưng sau khi hết chuyện này chuyện khác lại xảy ra, trong lòng các cậu đã dậy mỗi ngò. Hai cái mặt bóng đầy kèm ngoảnh lại nhìn nhau.

-Có thấy kỳ không nào?

-Tớ cũng lấy làm lạ!

-Quán có thể đặt lắm món nhưng đó là phía bên quán họ đòi hỏi mình làm.

-Cho nên theo ý tớ, khi gọi là Quán Cơm Tây không phải có nghĩa chỗ làm cơm Tây cho người ta đến xơi mà ngụ ý là nơi bắt khách làm thành món ăn rồi dọn họ ra. Cho nên cái quán này là ừ à.....nó là.....ừ à.....

Cậu ta không đủ sức nói tiếp nữa, chỉ run lập cà lập cập, nói cà lăm...

-Thế thì chúng mình...à mà.....

Cậu kia cũng lắp ba lắp bắp, không thêm được lời nào cả..

-Thôi, trốn cho mau....!

Một trong hai cậu lấy bẫy muốn đẩy cánh cửa sau lưng nhưng cửa vẫn không nhúc nhích một phân.

Phía trong cùng hãy còn một cánh cửa nữa, trên đó tạc hình đao và nĩa bạc, có hai lỗ khóa thật to.

*Ôi chao, quý vị đã bỏ nhiều công sức.*

*Nhưng mọi sự đâu vào đấy cả rồi.*

*Xin mời vào bên trong ngay cho.*

Trên cửa không những ghi như vậy thôi đâu mà từ hai lỗ khóa có hai đôi mắt xanh lè đang dò xét họ.

-Ôi chu choa....! Một cậu lập cà lập cập...

-Ôi chu choa...! Cậu kia cũng lập cà lập cập theo.

Hai cậu bỗng khóc òa.

Thì cùng lúc, phía bên kia cánh cửa lại vọng ra tiếng nói:

-Không xong. Hai đứa nó biết rồi. Coi bộ tụi nó không chịu xát muối.

-Chứ gì nữa! Ông chủ mình viết bậy quá. Sao lại ngu đến nỗi tội nghiệp chúng nó nọ kia!

-Viết thế cũng đâu nhằm gì. Tụi mình có được mẫu xương nào đâu!

-Thế thì thế nhưng tụi nó mà không chui vào đây, mọi trách nhiệm sẽ đổ lên đầu mình đấy chứ!

-Gọi nhé? Gọi chúng nó nhé? Kìa, quý khách ơi, đến đây với chứ. Chén bát đã rửa sạch, rau đã bóp muối sẵn sàng rồi. Bây giờ chỉ còn cần sắp quý khách với rau lên mấy cái đĩa trắng tinh kia thôi. Đến đây nhanh lên nào!

-Này, đến nhanh đi, đến đi. Hay quý khách không thích rau? Nếu không thích rau sống thì để bắc lửa xào nó lên nhé. Nhưng bẻ gì cũng đến gấp cho.

Hai cậu công tử lòng đau như cắt, mặt dúm dỏ ra như tờ giấy nhàu, đưa mắt nhìn nhau run rẩy, thút thít khóc.

Phía trong cửa lại nghe như có ai cười khúc khích, rồi ở đó vọng ra tiếng gọi:

-Mời vào, mời vào. Khóc làm gì? Đã cắt công bôi kem lại để cho nó vừa ra à? Này, đến giờ rồi đấy nhé. Vào đây mau!

-Nhanh lên nào. Ông chủ đã đeo khăn ăn, cầm dao lên và thè lưỡi liếm môi rồi đấy. Chỉ còn đợi quý khách vào thôi.

Hai cậu công tử chỉ biết khóc, khóc, khóc và khóc!

Vừa vặn lúc đó thì đằng sau họ có tiếng gâu gâu rồi gầm gừ...và hai con chó săn, to như gấu trắng, phá toang cửa nhảy xổ vào phòng. Hai cặp mắt trong lỗ khóa bỗng biến mất. Lũ chó xộc mũi đánh hơi, sục qua sục lại trong phòng.

Đùng một cái, chúng gâu một tiếng rõ to rồi phóng vào phía cánh cửa bên trong. Cánh cửa bật ra đánh ầm, nuốt chửng hai con chó đang chạy bay vào.

Trong khoảng tối đen đằng sau cánh cửa, nghe có tiếng meo, meo, rừ rừ... rồi có tiếng xô xát và rền rĩ.

Căn phòng chợt biến mất như một ngọn khói và hai cậu công tử của chúng ta thấy mình đang đứng giữa đám cỏ, lạnh lẽo và run như cây sậy. Từ áo khoác, đồ ghim cà vạt, đôi ủng cho đến ví tiền của họ, tất cả vẫn còn treo lủng lẳng trên cành cây hay bày ra giữa đám rể cây. Một luồng gió thổi qua làm đám cỏ lại xào xạc, vòm lá lao xao và cành cây rung lên lách cách.

Lũ chó đã quay lại, chúng thở hồng hộc và từ sau lưng chúng, có ai đang lên tiếng gọi:

-Mấy cậu! Mấy cậu ơi!

-Ồi, ơi!

Hai cậu công tử đã lấy lại chút thần hồn, cũng gọi trả.

-Chúng tôi ở đây này. Đến mau lên!

Người thợ săn dẫn đường đội cái mũ bện bằng rom cũng vừa đến nơi làm hai cậu cảm thấy an tâm.

Xong, hai cậu ngón nghiêng mấy cái bánh bao người thợ săn mang đến cho rồi lên đường trở lại Tôkyô, dọc đường không quên bỏ mười đồng Yen mua ít con thịt đem về.

Thế nhưng lúc đến nhà và sau khi đã ngâm người trong bồn tắm, hai cái mặt đã có lúc dùm dỏ như tấm giấy vò nhàu kia không còn bao giờ trở lại bình thường như trước nữa.

(Dịch xong ngày 8 tháng 10 năm 2006)

## Thổ Thần và Con Chồn

(Tsuchigami to kitsune)

Miyazawa Kenji



*Tượng đồng Miyazawa Kenji dựng trên sân ngôi trường cũ ở Hanamaki, quê ông.  
(Ảnh báo International Herald Tribune, 2006)*

## (1)

Tít bờ phía bắc của cánh đồng Ippongi (Một Cây) có nổi lên cái gò, trên đó mọc toàn loại cỏ có gié nhọn như đuôi chó. Ngay giữa gò trổ một cây phong. Đó là một cây phong nữ xinh xắn.

Thật ra cây không cao to gì lắm nhưng thân nó đen nhánh, cành vươn ra đẹp đẽ, đến tháng năm thì vòm hoa nở trông như chòm mây trắng, còn vào thu thì lá vàng lá đỏ và bao nhiêu màu sắc nữa rụng xuống bồi bồi.

Vì thế từ những giống chim giang hồ như chim cu gáy hay chim bách thiết cho đến những con chim bé như chim tiêu hay chim bạch nhãn, tất cả đều đến tụ họp trên cây. Chỉ có điều là khi mấy con chim ung trẻ hay giống chim to nào tìm đến thì các loài chim nhỏ từ xa đã đề mắt cảnh giác chúng rồi và không bao giờ dám lại gần.

Nàng phong này vốn có hai người bạn. Một người là ông thổ thần sống cách nó chỉ có khoảng năm trăm bước trong một vùng đất trũng sinh lầy và một người nữa là con chồn nâu lúc nào cũng từ phía nam cánh đồng đi tới.

Nàng phong coi bộ thích chú chồn hơn. Lý do là thổ thần, tuy mang tiếng là thần đất nhưng tính nết lão ta lại quá hung hãn, tóc để bù nhùi như bó bông gòn, mắt thì đỏ ngầu và quần áo cứ kéo lê lếch thếch bên người như mớ rong biển. Thổ thần lúc nào cũng đi chân trần, móng chân để dài và đen thui. Ngược lại, chú chồn hết sức thanh lịch và ít khi làm cho ai phải nổi cáu vì mình.

Thế nhưng nếu so sánh cho rốt ráo thì điều đáng nói là thổ thần rất thẳng thắn trong khi chú chồn có hơi đều giả một chút.

## (2)

Đó là một buổi chiều đầu hạ. Nàng phong kia đang mang đầy những chiếc lá mới mềm mại hương thơm lựng. Trên bầu trời, dòng sông Ngân như vệt sữa đang chảy ngang qua và những vì sao lung linh run rẩy, chợt sáng chợt tắt.

Vừa lúc đó, dưới đất, chú chồn tay cầm một quyển thơ, tìm đến thăm nàng phong. Hắn mặc một cái áo khoác màu xanh đậm mới may, đôi giày da màu nâu đỏ nghiêng nhẹ dưới mỗi bước chân.

-Đêm yên tĩnh quá nhỉ?

-Vâng.

Nàng phong dịu dàng trả lời.

-Này, cô có thấy chòm sao Bò Cạp đang bò qua bầu trời đằng kia không? Bên Tàu, người ta thường gọi ngôi sao màu đỏ trong chòm đó là sao Hỏa đấy.

-Ngôi sao ấy không phải là Hỏa Tinh à?

-Nó khác với Hỏa Tinh chứ. Hỏa Tinh (3) là một hành tinh, còn ngôi sao Hỏa tôi nói là một định tinh cơ.



-Hành tinh với định tinh khác nhau thế nào?

-Này nhé, hành tinh là ngôi sao tự nó không phát ra ánh sáng.Nhờ nó nhận ánh sáng từ một ngôi sao khác mà người ta tưởng như là nó sáng. Còn định tinh tự nó đã sáng rồi. Ví dụ mặt trời dĩ nhiên là một định tinh. Nay ta thấy nó lớn và làm ta lóa mắt nhưng nếu nhìn nó từ một nơi thật xa thì nó cũng giống như những ngôi sao bé khác thôi.

-Ôi chu cha, ông mặt trời chỉ là một ngôi sao thôi à.Thế thì trên bầu trời này phải có biết bao nhiêu ông mặt trời, không, bao nhiêu là ngôi sao, ý, không phải, bao nhiêu là mặt trời đó hả!

Chú chồn mỉm cười khoái trá:

-Ồ, cô hiểu như thế thì cũng tạm được!

Chồn lại cười vênh váo, vòng hai tay rõ cao trước ngực.Tập thơ hần đang kẹp xộc xệch dưới nách nhiều lúc tưởng suýt rơi đến nơi nhưng sao vẫn bám được vào chỗ đó

-Các ngôi sao cái thì màu da cam, cái thì xanh, đủ loại màu nhưng chúng đều có cơ cả đấy.Này nhé, lúc đầu tất cả các thiên thể chỉ giống như những đám mây với hình thù không rõ rệt. Bây giờ trên trời hãy còn những đám mây như thế. Trong những chòm sao như Tiên Nữ (4) , Lạp Hộ (5) hay Lạp Khuyển chẳng hạn. Trong chòm Lạp Khuyển thì chúng là đám mây có hình cái xoáy nước. Có loại được gọi là hoàn trạng tinh vân vì có hình tròn. Còn nếu giống miệng cá thì được gọi là ngư khẩu tinh vân (7) nữa. Tinh vân như thế thì trên bầu trời nhiều lắm.

-Trời ơi, em muốn xem một lần cho biết. Chòm sao giống hình miệng cá chắc đẹp hết chỗ nói!

-Đẹp chứ sao không hở cô. Tôi đã xem nó ở biết bao nhiêu lần ở đài thiên văn.

-Em cũng muốn đi xem ghê.

Được, để rồi tôi cho xem. Nói thật cô hay, tôi đã đặt mua một chiếc viễn vọng kính của Đức đấy. Sang xuân, khi kính tới nơi thì thế nào tôi cũng cho cô dùng thử.ngay.

Chồn nói liều như thế không suy nghĩ nhưng sau đó thì cu cậu tự nhủ ôi thôi ta lại nói dối với người bạn duy nhất của ta rồi. Tuy nhiên, ta chẳng hề có ác ý.Ta chỉ định làm vui lòng cô nàng thôi. Được rồi, sau này ta sẽ nói rõ sự thật cho cô ấy vậy.

Chồn lặng người một lúc, suy nghĩ miên man như thế. Nàng phong thì nào có biết, cứ mừng rơn và bảo:

-Thích quá. Anh lúc nào cũng dễ thương với em.

-Chớ sao, nếu cô muốn tôi còn làm được bao nhiêu thứ khác nữa chứ. Có muốn đọc tập thơ này không. Của cái ông tên là Heine (8) viết đấy. Chỉ là bản dịch thôi nhưng hay đáo để.

-Anh cho em mượn đọc có được không?

-Được chứ sao không. Cầm lấy thùng thỉnh mà đọc! Bây giờ, tôi phải đi có việc một chút. Thế nhưng, hình như tôi có điều gì quên nói với cô thì phải.

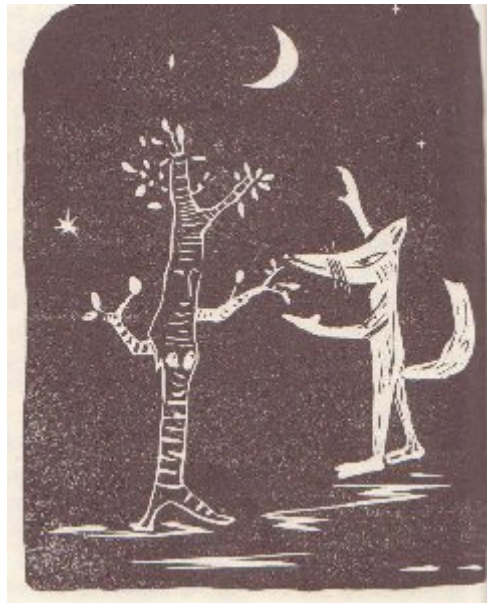
-Chuyên về màu của các ông sao đây anh!

-Đúng, đúng đấy. Thôi để lần sau đi nhé. Tôi không dám làm phiền cô lâu.

-Không, có chi đâu anh!

-Tôi còn tới nữa mà. Thôi, chào cô. Tôi để cuốn thơ lại cho cô mượn. Thôi, chào nhé.

Chồn nói xong, vội vã bỏ ra về. Còn cây phong, nàng để mặc cho chòm lá của mình xạc xào trong luồng gió Nam lúc bấy giờ đang thổi tới, lần giở những trang thơ mà chồn ta để lại dưới ánh sáng mờ mờ của dòng sông Ngân và của ngàn sao dát trên bầu trời. Tập thơ đó đầy những bài tuyệt đẹp ví dụ bài Lorelei (9) của Heine. Nàng phong đọc nó suốt cả một buổi tối. Chỉ đến khi sao Kim Ngưu (10) hiện ra ở phương Đông bầu trời trên cánh đồng hoang sau ba giờ sáng thì nàng phong mới bắt đầu lim dim buồn ngủ.



*-Này, cô có thấy chòm sao Bò Cạp đang bò qua bầu trời đằng kia không?*

Bình minh đã rạng. Mặt trời lên cao.

Cỏ lấp lánh ánh sương và ngàn hoa đua nở. Từ phía đông bắc của cánh đồng, thổ thần, người tắm trong ánh nắng nên toàn thân như nhuộm màu đồng nung chảy, đỉnh đặc đi đến. Đường như đang tư lự điều gì, lão ta vừa khoanh tay trước ngực vừa chậm rãi bước

Cây phong dù có vẽ ngại ngùng nhưng cũng huơ huơ những cành lá xanh lấp lánh về hướng thổ thần đang tiến đến. Bóng của chúng lướt tha lướt thướt quét qua quét lại trên mặt cỏ.

-Phong ơi! Chào cô nhé.

-Em xin chào ông.

-Này cô, ta có nhiều chuyện thắc mắc hết sức. Có bao nhiêu là chuyện ta không sao hiểu nổi.

-Chuyện gì mà ông không hiểu thế ông?

-Ví dụ nhé, tại sao cỏ sinh ra từ đất đen mà lại có màu xanh. Hoa của chúng có cái trắng, cái vàng? Đó là những chuyện ta không hiểu.

-Có phải bởi vì trong hạt giống của cỏ đã có sẵn màu xanh và trắng rồi, hờ ông nhỉ?

-À, à, phải rồi. Cô nói như thế thì quả là thế nhưng ta vẫn chưa nắm được tại sao. Ví dụ mấy cái nắm mùa thu, cũng từ dưới đất ngoi lên, nào có hạt giống gì đâu mà cũng có cái màu đỏ, cái màu vàng, cái đủ màu đủ sắc kia nữa đấy. Không hiểu nổi!

-Thế thì ông thử đi hỏi anh chồn xem sao?

Chỉ vì cây phong chợt nhớ đến câu chuyện hết sức lôi cuốn về bầu trời sao cô nghe tối qua nên mới ngộ lời như thế.

Nghe thế, thổ thần liền đổi ngay sắc mặt. Ông ta vung nắm đấm lên:

-Cái gì? Chồn à? Thế thằng chồn nói những gì nào?

Giọng của cây phong bỗng trở thành rung rung:

-Anh ấy có nói gì đâu nhưng em nghĩ có khi anh ấy giải thích được chút ít.

-Chồn cáo mà dạy được thần thánh à? Ai bảo cô như thế hử?

Cây phong sợ hết vía, mình mẩy tứ chi run lên bần bật. Thổ thần thì nghiêng răng trèo trẹo, hai tay đang khoanh khuỷu lên cao, bước qua bước lại. Cái bóng đen của lão in đến đâu trên mặt cỏ thì ở đấy, lá cỏ cũng sợ hãi run lên.

-Cái giống chồn là thứ nguy hại cho xã hội. Chúng toàn nói láo nói lếu, không những làm biếng, hèn nhát mà còn ganh tỵ hết cỡ nữa chứ. Đồ súc vật, cái tui đó!

Lúc đó, cây phong bèn nói lảng qua chuyện khác:

-Hình như lại sắp đến ngày lễ hội ở đền ông rồi đây ạ?

Thổ thần mới dịu giọng đôi chút.

-Phải rồi. Hôm nay mùng ba tháng năm. Chỉ còn sáu hôm nữa thôi.

Thế nhưng sau khi nghĩ ngợi gì đó, lão lại nổ bùng cơn tức giận:

-Loài người thật là giống không xài được. Mấy lúc sau này, gặp ngày lễ của ta, chúng chẳng chịu đem gì đến cúng kiến cả. Do đó, lần này nếu có đưa nào bèn mắng trước tiên đến địa phận của ta, ta sẽ kéo nó chìm xuống đáy đầm bùn cho chúng biết tay!

Thỏ thần vừa nói vừa nghiêng răng trèo treo.

Cây phong mới nhận ra rằng những cố gắng xoa dịu thỏ thần của nàng đã mang đến toàn hậu quả trái ngược nên không biết làm gì hơn là để mặc cành lá của mình đong đưa theo làn gió nhẹ. Còn thỏ thần thì toàn thân đã đỏ rực lên vì tắm trong màu nắng chiều, hai tay khoanh lên cao trên ngực và răng vẫn nghiêng trèo treo. Lão có vẻ đang nghĩ tới nghĩ lui và càng nghĩ càng tức lộn ruột. Rồi như không kìm hãm nổi nữa, lão rống lên mấy tiếng rồi bực dọc chui về hang động của mình.

### (3)

Chỗ thỏ thần cư ngụ khoanh vùng được cho một trường đua ngựa cỡ nhỏ. Đó là một cái đầm lạnh lẽo âm thấp phủ đầy rêu và lau sậy, cỏ hoang mọc um tùm, ở vài nơi, gai góc chen giữa đám dương liễu thân thấp chùn và oằn oại. Những vệt phèn đỏ như rỉ sét trôi lên mặt đầm úng nước nhầy bùn gây ra một cảm giác khó ở.

Chính giữa miếng đất ấy là cái gò giống hòn đảo con và trên đó có một cái miếu thỏ thần bằng gỗ cao chỉ độ hai thước.

Về đến hòn đảo đó rồi, thỏ thần nằm duỗi người dài trước miếu. Rồi gãi sồn sột hai cái chân đen thui dài ngoẵng của mình. Lão chợt thấy một con chim đang bay trên trời vút ngang qua đầu mình. Lập tức lão trở mình nhồm dậy và "Hù!" một tiếng. Con chim nghe kêu, ngạc nhiên, chao mình suýt rơi xuống đất, rồi cánh nó như tê liệt, mất hẳn độ cao, sà thấp xuống và trồn về đằng xa.

Thỏ thần cười cười rồi bật dậy. Lão dán mắt về phía ngọn đồi không xa mấy nơi có cây phong mọc, mặt biến sắc và đứng đực mặt. Thế rồi đưa tay lên đầu vò bứt tả tơi mớ tóc bờm xồm của mình

Lúc đó từ phía Nam trũng đất, một gã tiểu phu đang tiến lại. Có lẽ anh chàng lên ngọn núi Mitsumori kiếm củi. Bằng những bước nhanh, anh ta men theo con đường nhỏ bên bờ trũng đất. Như thể đã biết chuyện về thỏ thần nên lâu lâu anh ta lại ném một cái nhìn lo âu về phía miếu. Tuy vậy, gã tiểu phu này không thể nào nhìn thấy hình ảnh của vị thần.

Khi thỏ thần vừa nhận ra gã tiểu phu, mặt lão ửng hồng lên vì sung sướng. Thế rồi lão vươn cánh tay mặt về phía đó chụp lấy gã còn tay trái thì nắm cườm tay phải để dồn sức kéo lấy nó về phía mình. Điều kỳ lạ xảy ra là tuy gã tiểu phu nghĩ mình đang đi trên đường mà thật ra gã cứ tiến dần vào vùng đất trũng. Rồi như ngạc nhiên về điều đó, gã dần bước cho nhanh, mặt bắt đầu tái và mồm há rộng để thở. Thỏ thần bèn từ từ vặn tréo nắm tay mặt. Tiểu phu đang bước nhanh bỗng như bị vật gì ngáng lại, miệng gã ú ớ còn chân cứ đi lòng vòng một chỗ. Hình như gã cũng muốn thoát cho mau khỏi vùng đất trũng nhưng dầu hết sức cố gắng, chỉ xoay quanh được mỗi một nơi. Rốt cuộc gã chỉ còn biết òa khóc, nhấc hai tay lên định ù té chạy. Điều đó hình như làm cho thỏ thần khoái trá, lão không cần nhắc mình ngồi dậy, chỉ cười khinh khỉnh và đưa mắt nhìn gã tiểu phu chẳng mấy chốc đã kiệt sức, choáng váng ngã gục xuống nước. Lúc đó thỏ thần mới từ từ đứng lên, lộ bì bõm đến, vác thân hình gã tiểu phu

vừa ngã xuống ném cái ình về phía cánh đồng cỏ. Gã tiểu phu rên ư ử mấy cái và hơi nhúc nhích một chút nhưng có lẽ vẫn chưa lại hồn.

Thỏ thần bật cười khanh khách. Tiếng cười của hắn biến thành những âm ba quái gỡ vọng về phía trời xa.

Tiếng cười bay cao lên không trung lại dội về rơi ngay đúng chỗ cây phong kia. Nàng phong mặt mày bỗng đổi sắc, những tia nắng lọc qua vòm lá của nàng cũng trở thành tái xanh, và nàng bắt đầu run lẩy bẩy.

Thỏ thần như không nhin nổi, đưa cả hai tay vò đầu bứt tóc, bụng thì nghĩ: "Sở dĩ ta khó chịu trong người thế này, trước tiên là tại cái thằng chồn. Mà tại cái con phong kia còn hơn cả thằng chồn nữa chứ. UỖ, tại cả thằng chồn lẫn con phong. Thế nhưng mà mình không giận được cái con phong mới cay. Con phong mà tử tế thì ta cũng bỏ qua cho thằng chồn. Ta có bản tiện chẳng nữa thì cũng mang cương vị một ông thần. Bây giờ phải bận tâm vì một con chồn thì thật muối mặt. Nhưng nó cứ ám ảnh thì ta biết sao đây! Thôi ráng quên cây phong ấy đi cho được việc. Nhưng làm cách nào để quên nó bây giờ! Sáng nay thấy nó mặt xanh lè run lẩy bẩy, trông thương quá làm ta không tài nào quên được. Ta nổi khùng nên mới ăn hiếp cái thằng người tội nghiệp kia cho đã nư nhưng rốt cục chả giải quyết được gì cả. Lúc giận dữ quá thật không ai lường được việc mình làm".

Thỏ thần càng nghĩ lòng càng tê tái. Trên bầu trời, một con chim ưng đang dương cánh bay qua nhưng khác với lần trước, thỏ thần chẳng làm gì cả, chỉ im lặng đưa mắt nhìn.

Ở một nơi cách đó xa khơi mù tít chợt có tiếng súng của đám kỵ binh đang diễn tập nổ lốp đốp như tiếng muối ném vào lửa. Từ trên bầu trời, vệt sáng màu xanh biếc tuôn tràn lên khắp cánh đồng. Làm như thể hộp được sinh khí đó, gã tiểu phu này giờ bị ném ra giữa đám cỏ bắt đầu tỉnh táo trở lại, hoảng hốt lồm ngồm bò dậy rồi đảo mắt dòm quanh.

Thế rồi lấy lại thần hồn, như tên bắn, gã chạy trốn khỏi nơi đó và phóng một lèo về hướng núi Mitsumori.

Nhìn cảnh tượng đó, thỏ thần cất tiếng cười to. Tiếng cười của lão lại vọng lên từng không, đến giữa chừng lại rơi đánh bịch xuống chỗ cây phong

Cây phong một lần nữa lại đổi màu lá và cả người run rẩy nhưng khá nhẹ nhàng nên khó ai nhận ra.

Thỏ thần bước tới bước lui lòng vòng quanh ngôi miếu của mình một hồi thì hình như tạm lắng dịu, hình bóng lão cũng tan biến vào trong điện thờ.

#### (4)

Đó là một đêm tháng tám, sương mù thật dày. Thỏ thần cảm thấy cô đơn và buồn đến nẫu người nên lão bắt chợt rời cái miếu để ra bên ngoài. Thế rồi dù muốn hay không, bàn chân đã đưa lão về chỗ có cây phong. Không hiểu tại sao, mỗi lần nghĩ đến cây phong thì lão thấy hồi hộp và se sắt con tim. Đạo này, lão cảm thấy tâm thần có khác đi, thư thái hơn, cho nên lão muốn mình không phải bận lòng vì con chồn hay cây phong nữa. Tuy không muốn nghĩ nhưng lão không sao đuổi được hai nhân vật đó ra khỏi đầu. Lão vẫn tự nhủ ngày đêm "Dù

tính tình mi có ti tiện nhưng mi vẫn đứng ở cương vị một ông thần. Nó chỉ là cây phong thì nào có gì đáng kể đối với mi!". Thế nhưng buồn vẫn hoàn buồn, nhất là chỉ cần nghĩ một chút về con chồn thì lão đã cay cú ngay, toàn thân phùng phùng bốc hỏa.

Chìm đắm trong dòng suy nghĩ, dần dần lão đã gần tới cạnh cây phong. Khi lão nhận ra rõ ràng mình đang ở trên đường đi đến chỗ của nàng ta, tim lão đã như nhảy múa reo vui trong lồng ngực. Lâu rồi không gặp chắc nàng cũng trông ngóng mình chứ chẳng chơi! Càng nghĩ thổ thần càng tin chắc về điều đó và cảm thấy mình thực tệ vì đã bỏ bê nàng bấy lâu. Thổ thần xăm xăm đạp cỏ bước tới, lòng như mở hội. Thế nhưng bước chân dừng mãi kia chợt khựng lại và một bức màn xanh buồn bã bao trùm lên đầu lão. Bởi vì chồn ta đã có mặt ở đó rồi. Tuy trời đã tối hẳn nhưng dưới ánh trăng mờ và sau bức màn sương mù, lão vẫn nghe được tiếng của con chồn vọng lại:

-Vâng, dĩ nhiên rồi. Đâu phải vì có sự phù hợp với nguyên tắc đối xứng một cách máy móc mà gọi là đẹp được. Cái đẹp đó có chăng nữa chỉ là cái đẹp không hồn.

-Em hoàn toàn đồng ý với anh!

Giọng nàng phong trả lời dịu dàng.

-Cái đẹp thực sự không giống như một mô hình hóa thạch. Mọi người đòi hỏi phải tuân theo luật đối xứng nhưng thật ra chỉ cần có trong đầu cái tinh thần đối xứng là đã tốt rồi.

-Em thật tình cũng nghĩ vậy, anh ạ.

Giọng nói thổ thần của nàng phong lại cất lên.

Lúc ấy, thổ thần cảm tưởng như có những lưỡi lửa hồng đang liếm khắp người lão. Nhịp thổ lão mỗi lúc càng hỗn hển đến mức độ không chịu nổi nữa. Thổ thần trách mình: "Có gì đâu mà mi lại đau khổ đến thế! Cùng lắm chỉ là mẩu chuyện ngắn ngủi trao đổi giữa một cây phong và con chồn trên cánh đồng không này mà thôi. Để chút việc đó làm bán loạn tâm trí mà mi cũng đòi xưng thần xưng thánh à?".

Con chồn lại cất tiếng:

-Vì thế nên quyển sách nào viết về mỹ thuật cũng đều bàn đến điều này.

- Thế anh có nhiều sách viết về mỹ thuật hử anh?

Nàng phong ướm hỏi.

-Ồ, nhiều thì tôi không dám nói nhưng sách viết bằng tiếng Nhật, Anh hay Đức đại khái tôi đều có cả. Quyển mới ra thì hãy còn bên YÙ, chưa qua đến nơi.

-Chắc đằng nhà anh phải có cả một thư viện?

-Không đâu, chỉ loe hoe vài cuốn thôi cô ạ. Vì tôi dùng chỗ để sách làm cả nơi nghiên cứu nên bừa lắm, góc thì kính hiển vi, góc thì máy tờ London Times (Luân Đôn Thời Báo), có cả tượng ông Julius Ceasar bằng cẩm thạch nằm lẫn lóc ra nữa kia.

-Chao ôi, thế thì tuyệt quá. Thật là tuyệt vời đó anh!

Con chồn hình hích một tiếng không biết để tỏ vẻ khiêm tốn hay tự mãn, thế rồi sau đó, trong phút chốc, không nghe họ nói gì nữa cả.

Giờ đây, thổ thần đứng không yên mà ngồi cũng không yên. Nghe những lời chồn ra oai thì thấy rõ ràng hấn ăn đứt mình. "Cho dù ti tiện thì thần vẫn là thần", cái lý lẽ mà lão luôn luôn nhấn nhủ với chính mình coi bộ lần này không còn hiệu quả nữa. Tức chết đi được, lão chỉ muốn chạy vùng ra banh thầy xé xác con chồn. Thế nhưng chuyện như thế thì mình cũng không nên mơ tưởng đến, nếu mà làm, rốt cuộc mình sẽ trở thành giống gì đây, thấp kém hơn cả con chồn mất thôi. Ta phải hành động thế nào cho phải? Lão rầu rĩ, muốn cào cấu ngực mình.

-Thế cái viễn vọng kính anh nói hôm trước vẫn chưa tới nơi ă?

-Ồ, cái kính viễn vọng hôm trước hả. Chưa tới đâu! Không biết sao mà lâu thế. Đường tàu bè từ bên Âu Châu qua đây lúc này khá kẹt. Khi nào kính đến nơi, tôi sẽ mang đến cô ghé mắt xem. Cái vòng bao chung quanh Sao Thổ nom đẹp lắm cô ạ.

Thỏ thần đưa tay lên bụng lấy hai tai mình và chạy vù về hướng Bắc. Nếu cứ im lặng mà nghe họ nói với nhau như thế này thì lão sợ rằng sẽ không lường được phản ứng của mình.

Lão cứ mê mãi chạy như bay cho đến lúc hết hơi và ngã sòng soài dưới chân ngọn núi Mitsumori.

Thỏ thần vừa vò đầu bứt tóc vừa lăn lộn trên bãi cỏ. Thế rồi lão cất tiếng gào khóc. Tiếng khóc của hấn giống như một cơn sấm không đúng mùa vang dội vào không gian, làm cho khắp cả đồng cỏ chỗ nào cũng nghe thấy. Thỏ thần tiếp tục khóc cho đến khi ngày rạng ra, và sau đó thất thểu bước lui về cái miếu của mình.

## (5)

Thế rồi, chẳng bao lâu sau mùa thu đã tới. Cây phong hầy còn xanh ngắt nhưng đám cỏ đuôi chó chung quanh đã phô những cái gié vàng điệp lấp lánh đong đưa trong gió và đó đây quả cây lan đại chín tới đỏ ối.

Buổi sáng ấy có nắng vàng trong vắt, thổ thần thấy người thật khoan khoái. Tất cả những điều khó chịu trong đầu suốt dịp hè đã tan loãng làm thành những vòng tròn sương mù mờ hồ lượn lờ trên đầu lão. Thế rồi cái tính nết khó khăn ác độc không tưởng tượng nổi của lão cũng biến đi đâu mất. Lão cảm thấy rằng cho dầu cây phong kia có muốn trò chuyện với con chồn thì lão cũng để mặc chúng, và nếu chúng có vui vẻ với nhau thì càng tốt cho chúng thôi. Trong lòng nhẹ nhàng, thổ thần tiến bước về phía cây phong với ý định thổ lộ điều đó cho nàng.

Nàng phong đã nhìn thấy thổ thần từ xa và cũng như mọi lần, nàng không khỏi lo lắng, run rẩy đón chờ.

Thỏ thần đến gần, chào hỏi một cách nhẹ nhàng:

-Chào cô phong. Hôm nay trời đẹp quá nhỉ?



-Em chào ông. Vâng, hôm nay trời thực đẹp.

-Sự vận hành của mặt trời thật cần thiết. Mùa xuân sắc đỏ, mùa hè sắc trắng, còn vào thu lại vàng. Khi mùa thu vàng nho sẽ có màu tím. Đáng quý thật!

-Ông dạy chí phải ạ.

-Hôm nay ta thấy trong người rất sáng khoái. Từ dạo hè đến giờ, ta phải chịu đựng nhiều điều khó chịu nhưng từ sáng hôm nay, lòng ta nhẹ nhõm ra.

Nàng phong dạm nói điều chi nhưng không hiểu vì sao, có gì đè nặng trong ngực nên không thốt được thành lời.

-Giờ đây ta sẵn sàng chết cho bất cứ ai. Ngay cả đôi mạng ta để cứu một con giun phải chết nếu nó chưa muốn chết.

Thỏ thần nói và nhìn về phía bầu trời xanh ở đằng xa. Mắt lão ánh lên đen lánh.

Lần nữa, nàng phong định trả lời nhưng lại cảm thấy có điều gì hết sức nặng nề trong lòng cho nên chỉ biết thở dài thườn thượt

Lúc đó, chính lúc đó, chồn ta bỗng từ đâu đi đến.

Vừa nhìn thấy bóng thỏ thần, mặt chồn chợt biến sắc. Thế nhưng không lẽ quay về, chồn đành tiến lại gần, người thì run lẩy bẩy.

-Chào em phong. Có phải ông thỏ thần đứng cạnh em đây không?

Chồn hỏi thăm. Hôm nay chàng ta đi một đôi giày bằng da màu đỏ, khoác chiếc áo *rain coat* đi mưa nâu nhưng vẫn đội cái nón mùa hè.

-Ừ, có ta là thỏ thần đây. Trời đẹp há?

Thỏ thần tình thật vui vẻ như thế. Chồn cố dấu đi tình cảm ghen tuông của mình khỏi hiện lên nét mặt, nói với cây phong:

-Xin lỗi đến quấy rầy lúc em đang có khách. Đây là quyển sách tôi hứa hôm trước. Còn cái viễn vọng kính thì để đêm nào trời quang tôi sẽ đem đến em xem. Thôi, chào em!

-Ôi chao, em cảm ơn anh.

Trong lúc cây phong đang nói thì chồn đã lĩnh đi về mất, nó không thềm chào thỏ thần một tiếng. Cây phong liền tái xanh tức khắc và cả thân hình lại run lên nhẹ nhẹ.

Trong một chốc lát, thỏ thần chỉ biết thần thờ nhìn theo bóng chồn đi nhưng lão bất chợt sợ hãi vì ánh nắng loang loáng từ đôi giày da màu đỏ của chồn phản chiếu khi nó bước trong đám cỏ. Liên sau đó, có gì như bật dậy trong óc lão. Còn chồn thì cứ hiên ngang bước đi về phía xa, dáng điệu hờn như thách đố. Thỏ thần giận sôi lên. Mắt lão xám xịt lại. "Sách về thẩm mỹ với kính viễn vọng là cái chó gì, để rồi mày xem ông!". Nghĩ xong lão liền phóng lên đuổi theo chồn. Cả lá lẫn cành của cây phong hoảng hốt cùng rung lên một lượt. Cảm thấy

có gì chẳng lành, chồn ta quay đầu ngo lại, vừa vặn thấy thổ thần, toàn thân đen kịt, đang bay đến như một con giông. Chồn sợ hãi, mặt trắng bệch ra, mồm miệng méo mó, cũng chạy biến như con trót.

Thổ thần cảm thấy đồng cỏ chung quanh lão như đang bốc lửa cháy rực. Ngay cả khung trời xanh lấp lánh ở đằng xa cũng đột ngột biến thành một cái hố đen ngòm và từ đó những ngọn lửa đỏ bùng lên dữ dội.

Cả hai bên phì phò ra sức rượt đuổi chẳng khác hai chiếc xe lửa. Chồn chạy mà như đang nằm mơ, trong đầu nó, chỉ còn đủ chỗ cho một ý nghĩ: "Thôi, thôi, thế là tiêu tan tất cả, tiêu tan tất cả! Viễn vọng kính, viễn vọng kính, ời là viễn vọng kính!".

Phía trước họ là một ngọn đồi trọc màu đỏ. Chồn chạy vòng chung quanh tìm cho được lỗ tròn của cái hang mình khoét dưới chân đồi. Giữa lúc chồn đang cúi đầu và hai chân sau đang tung cao để chui vào trong hang thì thổ thần đã nhào tới chụp được nó từ phía đuôi. Một giây sau là cả người chồn đã bị thổ thần gô lại và vặn téo, đầu nó ngoẹo trong cánh tay của lão và mồm chầu ra như đang phác một nụ cười.

Thổ thần bèn ném chồn lên mặt đất và chà đạp bẹp nhẹp người nó bốn năm bận.

Thế rồi lão đột ngột chui vào hang chồn. Bên trong tối tăm và trống trơn, chỉ có mỗi cái sàn bằng đất đỏ được nện cứng cẩn thận. Thổ thần mồm há hốc có lẽ vì có gì làm lão ngạc nhiên, xong chui ra bên ngoài.

Thổ thần bèn thọc tay phanh phui cái đẫy đựng đồ trong chiếc áo đi mưa của con chồn, giờ đây đã là cái xác không hồn. Vật mà chồn cất trong đó chỉ có hai gié cỏ gà khô nâu mà bọn chồn thường dùng làm lược chải lông. Từ cái mồm há hốc tự nãy giờ của thổ thần cứ như thế mà phát ra những âm thanh khó có ai dự tưởng, đó là tiếng khóc của lão.

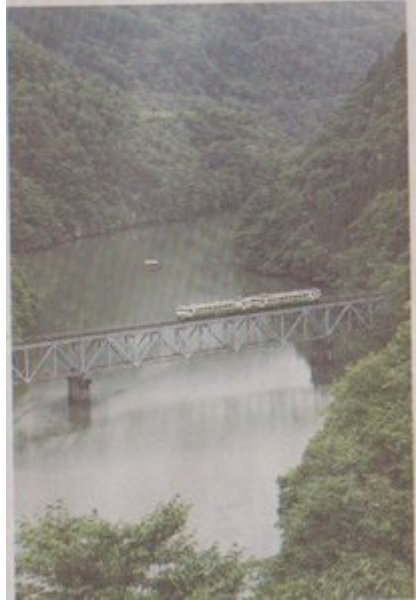
Những giọt nước mắt đỏ tuôn xuống như mưa rơi trên xác chồn. Chồn nằm chết, đầu của nó duỗi thẳng và trên môi như còn thoáng điềm nụ cười.

(Dịch xong ngày 15 tháng 10 năm 2006)

## **Đám hạt dẻ và mèo rừng**

**(Donguri to yamaneko)**

**Miyazawa Kenji**



*Vùng Đông Bắc Nhật Bản thanh u và nghèo khó, quê hương của Miyazawa Kenji.  
(Ảnh nhật báo Nihon Keizai Shinbun, 2006)*

Một chiều thứ bảy, Ichirô nhận được tấm bưu thiếp với nội dung kỳ lạ như thế này:

*Ngày 19 tháng 9.*

*Kính gửi ông Kaneta Ichirô,*

*Được biết ông khỏe, thế là không gì vui hơn.*

*Ngày mai tôi phải xử một vụ kiện hơi rắc rối, mời ông đến nhé. Xin đừng mang theo súng ống.*

*Trân trọng chào ông,*

*Mèo Rừng*

Vốn vẹn chỉ có thế. Chữ viết xấu như quào, mực lem luốc dây ra cả đầu ngón tay cậu ta nhưng Ichirô cảm thấy sung sướng vô cùng. Cậu kín đáo cất tấm bưu thiếp vào trong cặp đi học của mình và suốt ngày cứ vui vẻ chạy nhảy tung tăng.

Đêm đó dầu đã chui vào chăn rồi mà Ichirô vẫn không tài nào dỗ giấc ngủ. Đầu óc cậu ta cứ bị ám ảnh với hình ảnh nụ cười "khinh khỉnh" của Mèo Rừng và quang cảnh vụ kiện sẽ được xét xử ngày mai.

Nói thế chứ khi Ichirô thức giấc thì trời đã sáng bạch. Bước ra đằng trước nhà xem, cậu ta thấy những ngọn núi ở chung quanh đang vươn mình đứng dậy, dàn hàng dưới bầu trời xanh

như thể chúng mới được dựng lên cách đây không lâu. Ichirô lừa vội miếng cơm rồi một mình lấy con đường men theo khe núi trèo lên thượng nguồn.

Mỗi lần có trận gió sớm quét nhanh qua, từ trên cây dẻ, hạt rụng xuống tung tóe. Ichirô ngược mặt nhìn lên cây, hỏi:

-Dẻ ơi, Dẻ. Chú có thấy Mèo Rừng đi ngang qua đây không?

Cây Dẻ trầm ngâm một lát rồi mới trả lời:

-Mèo Rừng à? Hồi hừng sáng có thấy ông ta ngồi xe ngựa phóng như bay về hướng Đông.

-Hướng Đông à. Tôi cũng đang trên đường đi về hướng Đông đây mà. Lạ nhỉ! Thôi, để tôi đi xem đoạn nữa xem sao. Cảm ơn Dẻ nhé!

Cây Dẻ không nói gì, tiếp tục rắc những hạt dẻ xuống khắp mặt đất.

Ichirô đi thêm một đôi thì đã đến Thác Thổi Sáo. Sở dĩ thác mang cái tên này vì ở vào khoảng giữa khe đá trắng tinh có một chỗ hở ra thành hình cái lỗ nhỏ. Nước đổ ào ào xuống thung lũng xuyên qua nơi đó tạo ra những âm thanh nghe như tiếng sáo.

Ichirô cất tiếng hỏi Thác Thổi Sáo:

-Này, này, hỏi người thổi sáo, Mèo Rừng có đi ngang chỗ này không?

Thác trả lời bằng một giọng cao trong như tiếng hót:

-Mèo Rừng hồi nãy phóng xe đi về hướng Tây rồi!

-Lạ quá, nếu hướng Tây thì là hướng nhà tôi. Thế nhưng thôi, để tôi đi thêm chút nữa xem sao. Cảm ơn người thổi sáo nhé.

Nhưng lúc đó thác đã tiếp tục thổi sáo trở lại như cũ.

-Ichirô đi thêm một thôi đường nữa thì thấy dưới chân một cây giẻ gai, vô số nắm trắng đang họp thành đội hàng, chơi một điệu nhạc kỳ dị, kèn trống ồn ào.

Ichirô khom người xuống hỏi chúng:

-Này mấy chú nắm. Có thấy Mèo Rừng qua đây không nào?

Nói xong thì đám nắm trắng bèn trả lời:

-Hồi sáng sớm, Mèo Rừng đã phóng xe ngựa đi về hướng Nam rồi.

Ichirô chỉ biết lắc đầu kinh ngạc:

-Nếu hướng Nam thì nằm phía bên kia rặng núi. Kỳ cục quá ta! Thôi, cứ đi thêm một khúc nữa hẳn hay. Cảm ơn nắm nhé!

Nhạc đội nắm đã trở lại bận rộn với điệu nhạc huyền ảo của chúng.

Ichirô đi thêm một chút nữa bỗng chợt thấy có chú sóc đang chuyền thoăn thoắt trên ngọn một cây hồ đào. Ichirô bèn vẫy tay bảo sóc ngừng để hỏi thăm:

-Này, sóc ơi. Mèo Rừng có đi ngang qua đây không vậy?

Nghe thấy thế, trên cành cao, sóc đưa tay ngang trán nhìn Ichirô rồi trả lời:

-Hồi mới tờ mờ sáng, Mèo Rừng đã phóng xe ngựa đi về hướng Nam rồi.

-Phía Nam à! Lạ lùng quá! Ít nhất có hai người trả lời với ta một kiểu như thế. Nhưng thôi, hãy tiến lên thêm một quãng nữa thử xem. Cảm ơn sóc nhé!

Thế nhưng sóc đã biến mất dạng. Chỉ thấy mấy cành cao trên ngọn cây hồ đào lay động và thoắt cái, có ánh nắng loáng loáng trong khóm lá của cây giẻ gai bên cạnh trong giây lát.

Ichirô đi thêm một đôi nữa thì thấy con đường men theo khe núi hẹp dần rồi mất hẳn nhưng lại có một con đường mòn mở ra ở phía nam của cái khe ấy, đưa anh về hướng một khu rừng cây cao tối sẫm. Ichirô theo con đường ấy mà trèo lên. Cành cây đen chồng lên nhau thành nhiều tầng, che kín cả trời xanh, đường thì dốc đứng. Mặt Ichirô đỏ kè, mồ hôi đổ thành giọt lớn. Bỗng nhiên, qua khỏi con dốc ấy, trời sáng hẳn đến chói cả mắt. Trước mặt anh là một cánh đồng vàng chóc, lá cỏ reo lên trong gió. Những hàng cây lớn màu xanh ô-liu vây bọc chung quanh.

Ở ngay chính giữa cánh đồng, Ichirô nhận ra có một người đàn ông hình thù kỳ lạ, thấp bé, đầu gối co lại, trong tay cầm một cái roi da, đang im lặng nhìn về phía mình.

Ichirô từ từ tiến đến bên cạnh người đó nhưng bỗng đột ngột ngừng bước. Anh thấy gã ta chỉ có mỗi một mắt, con mắt không thấy đường thì trắng nhợt và động đậy không ngừng. Gã mặc một cái áo khoác lạ lùng nửa thầy nửa thợ. Không những thế, chân gã khoanh ra như thể chân dê núi, đặc biệt mấy đầu ngón chân lại giống vá xúc cơm. Ichirô tuy kinh hoàng nhưng cũng cố lấy lại bình tĩnh, hỏi thăm:

-Thưa, ông có quen biết Mèo Rừng không ạ?

Gã đàn ông đưa con mắt còn lại liếc ngang Ichirô rồi nhả mặt cười khó chịu:

-Ngài Mèo Rừng sắp về bây giờ. Ông là Ichirô chắc?

Ichirô chưng hửng, thụt lùi một bước:

-Vâng, tôi là Ichirô. Sao ông lại biết?

Nói xong đã thấy gã đàn ông quái dị ấy nhe răng cười khinh:

-Đã đọc bưu thiếp rồi chứ hả?

-Đọc rồi ạ. Vì thế hôm nay tôi mới đến đây.

-Văn chương lủng củng lắm hả?

Gã đàn ông cúi mặt nhìn xuống đất, trông có vẻ buồn bã làm Ichirô thấy tội nghiệp:

-Đâu, tôi thấy hay đáo để.

Nghe trả lời, gã đàn ông có vẻ hài lòng, thở phào, mặt đỏ bừng đến cả mang tai, phanh ngực áo ra như muốn gió lùa hơi mát vào trong người.

-Thế chữ viết cũng coi được chứ?

Gã lại hỏi. Ichirô nhin cười không nổi, trả lời:

-Coi được chứ. Người học hết năm thứ năm chưa chắc đã viết hơn!

Gã đàn ông bỗng xụ mặt.

-Ông muốn bảo là học trò năm thứ năm tiểu học?

Câu hỏi yếu ớt, nghe mới thê thảm. Ichirô vội vã đính chính:

-Không, sinh viên năm thứ năm đại học chứ.

Nghe xong, gã đàn ông vui trở lại, mồm miệng cười nói tía lia.

-Chính tôi thảo cái bưu thiếp ấy đấy!

Ichirô buồn cười nhưng ráng nín, hỏi thăm:

-Thật ra chức vị ông là gì vậy?

Gã đàn ông chột nghiêm nghị đáp:

-Tôi là người đặc biệt phụ trách đánh xe cho ngài Mèo Rừng đấy.

Lúc ấy, gió bỗng ào ào thổi tới, cả vùng cỏ đều ngã rạp xuống như làn sóng. Ông phụ tá đặc biệt kia bỗng khom lưng cúi chào một cách trịnh trọng.



*Kìa, chúng đã tới. Trông chúng chẳng khác gì đàn kiến!*

Ichirô lấy làm quái lạ mới quay lại nhìn thì đã thấy Mèo Rừng, khoác bên ngoài một tấm áo như thể chiến bào màu vàng có thêu vân, hai con mắt xanh tròn xoe, đang đứng đó nhìn mình. Khi anh vừa nhận ra rằng Mèo Rừng có đôi lỗ tai nhọn đứng thẳng tắp như mọi con mèo thì Mèo Rừng đã khẽ nghiêng người. Ichirô cũng lễ phép chào:

-Ô, xin chào ông. Hôm qua tôi vừa nhận được bưu thiếp. Cảm ơn ông ạ.

Mèo Rừng đưa tay lên vuốt chòm râu cho thẳng thơm, ưỡn ngực:

-Chào ông. Cảm ơn ông đã quá bộ đến chơi. Thực ra, từ hôm kia đã bắt đầu có một cuộc tranh chấp khá phức tạp. Vì không thể phán quyết dễ dàng nên tôi muốn mời ông đến để hỏi ý kiến. Giờ thì ông nghỉ ngơi cho khỏe đi. Bọn hạt dẻ cũng tới ngay thôi. Năm nào cũng như năm này, tôi cứ khổ tâm vì mấy vụ kiện tụng kiểu này.

Mèo Rừng lấy trong áo ra một hộp thuốc lá vắn và đưa một điếu đặt lên môi và chìa hộp thuốc về phía Ichirô:

-Ông xơi một điếu?

Ichirô ngạc nhiên, đáp:

-Không dám.

Mèo Rừng cười có vẻ kênh kiêu:

Ừ ừmm. Ông còn trẻ, không sao!

Rồi đánh diêm cái xoẹt, làm bộ nghiêm sắc mặt, thổi phù ra ngọn khói xanh. Còn gã đánh xe cho Mèo Rừng thì đứng phăng phắc bên cạnh đợi lệnh, hình như gã đang lên cơn ghiền thuốc lá, nước mắt cứ ràn rụa vắn dài.



Trong lúc đó thì Ichirô bỗng nghe dưới chân mình có tiếng nổ lộp độp như ai rắc muối lên lửa. Hoảng hồn, anh cúi mình nhìn xuống thì trên mặt cỏ, rải rác từ chỗ nọ đến chỗ kia, có những vật thể hình tròn vàng ánh chiếu lấp la lấp lánh. Nhìn kỹ thêm chút nữa thì anh thấy đó là những hạt dẻ, tính ra cũng hơn ba trăm, chúng đều mặc quần màu đỏ và đang cố sức tranh cãi ồn ào náo nhiệt.

Mèo Rừng vút điều thuốc lá, tức tốc ra lệnh cho gã đánh xe:

-Kìa, chúng đã tới. Trông chúng chẳng khác gì đàn kiến. Này, rung chuông mau lên coi! Hôm nay, ở chỗ đó có nắng tốt đấy. Cắt cỏ phía đó cho ta!

Gã đánh xe bèn nhanh nhẩu lấy cái liềm lớn lặn trong lưng ra cắt phăng phăng đám cỏ ở miếng đất trước mặt Mèo Rừng. Từ bốn phía đám cỏ, đám hạt dẻ lấp lánh đều

ùa ra cả đấy, ồn ào như vỡ chợ.

Gã đánh xe bấy giờ mới rung chuông kính coong kính coong. Tiếng chuông âm vang kính coong kính coong khắp khu rừng cây. Đám hạt dẻ vàng từ từ im lặng. Không biết tự lúc nào Mèo Rừng đã lấy cái áo choàng dài bằng xa-tanh đen mặc lên, ngồi bệ vệ giữa đám hạt dẻ. Ichirô có cảm tưởng cảnh tượng này đã từng thấy trong bức tranh vẽ đoàn người đi tham bái đức Phật bằng đồng ở Nara. Sau đó, gã đánh xe còn vung roi da quất hai ba bận nghe đôm đốp. Trời trong xanh không một gợn mây. Đám hạt dẻ lấp lánh trông thật đẹp mắt.



*Mèo Rừng ngồi bệ vệ giữa đám hạt dẻ*

-Hôm nay là ngày thứ ba của phiên tòa đấy nhé. Liệu hồn các người mà thỏa thuận với nhau đi!

Mèo Rừng nói với vẻ lo âu nhưng cũng cố gắng giằng giọng. Khổ cái vừa dứt lời thì đám hạt dẻ đã nhao nhao:

-Không, không, không thể được. Dầu muốn nói thế nào, hạt dẻ đầu nhon mới là kẻ quan trọng nhất. Mà đầu tôi lại nhon hơn cả ai hết.

-Sai, sai rồi. Đầu tròn mới quan trọng chứ. Tròn nhất là tôi đây!

-Phải to mới được. To mới oai chứ. Tôi to nhất, vậy tôi quan trọng nhất.

-Không đúng. Sao to bằng tôi được. Hôm qua quan tòa đã phán quyết như thế mà.

-Lại nói nhảm rồi, phải tính chiều cao chứ! Chiều cao mới quan trọng.

-Người có sức đẩy mạnh mới quan trọng. Lấy sức đẩy làm tiêu chuẩn quyết định đi!

Tất cả mọi người la hét om sòm để tranh lấy phần phải, bảo cái này cái nọ, nặng xị như một đàn ong, không còn biết đầu vào đâu. Mèo Rừng lúc ấy phải gất lên:

-Quậy như thế đủ rồi! Chúng bay biết đây là đâu không? Im ngay! Im ngay!

Gã đánh xe lai vung roi đập đôm đốp thị uy và đám hạt dẻ yên ắng trở lại. Mèo Rừng mới vuốt râu cho thật ngay ngắn, nói:

-Phiên tòa đã kéo dài đến hôm thứ ba, các người phải khôn hồn mà thỏa thuận với nhau đi.

-Nói thế sao được. Đầu phải nhọn mới ...

Và nọ nọ kia.....

-Hết chịu nổi chúng bay. Phải biết đây là đâu chứ! Im ngay, im ngay.

Gã đánh xe lại vung roi vụt đôm đốp và tất cả đám hạt dẻ hết ồn ào. Mèo Rừng thì thầm với Ichirô:

-Đây, ông thấy chưa. Bây giờ tôi phải tính sao đây?

Ichirô mới cười trả lời:

-Nếu thế thì ông chỉ cần bảo bọn này như sau: Trong bọn các người ai ngu nhất, ai khùng nhất, ai vô tích sự nhất sẽ là người quan trọng nhất. Tôi có lần nghe người ta dùng câu nói đó khi giảng đạo!

Mèo Rừng gật gù có vẻ như chợt hiểu ra. Hắn mới vén cái cổ áo xa-tanh để cái chiến bào thêu vàng lộ ra ngoài một tí cho oai, trình trọng sửa soạn ban bố phán quyết của mình cho đám hạt dẻ:

-Được rồi, lắng tai mà nghe! Đây là phán quyết: Trong đám các người, đứa nào hèn kém nhất, điên khùng nhất, ngu ngốc nhất, vô tích sự nhất, đầu óc tối tăm nhất sẽ là người quan trọng hơn cả.

Đám hạt dẻ tự nhiên xù xuống. Bọn chúng nín thin thít.

Khi ấy, Mèo Rừng mới cởi áo choàng xa-tanh đen ra, vừa lau mồ hôi trán vừa cầm lấy tay Ichirô. Gã đánh xe cũng khoái chí vung roi lên đập chí cha chí chất. Mèo rừng nói:

-Cảm ơn ông thật nhiều. Một phiên tòa rắc rối như thế này mà ông chỉ cần có một phút rưỡi đã giải quyết hộ xong. Xin ông vui lòng từ nay nhận chức thẩm phán danh dự cho tòa án của tôi. Khi nào nhận được thiệp mời, xin ông cảm phiền quá bộ đến nhé. Tôi sẽ không quên tạ lễ ông trọng hậu đâu.

-Đến thì xin vâng. Thế nhưng lễ lạc tôi không dám nhận.

-Không được. Ông nhận cho tôi nhờ. Ông không nhận là làm mất mặt tôi đây. Từ nay, trên thiệp tôi sẽ đề tên ông là Ngài Kaneta Ichirô và gọi nơi đây là Pháp Đình. Ông thấy viết thế đã đúng cách thức chưa?

-Vâng, sao cũng được.

Khi Ichirô vừa dứt lời thì Mèo Rừng như còn có điều gì muốn bổ túc nên cứ đưa tay lên vuốt hàm râu và mắt thì hấp ha hấp háy. Lát sau, dường như đã quyết tâm, hấn mới cho biết tiếp:

-Ngoài ra, về phần văn từ trong thiệp mời thì xin được viết kiểu này nhé: *"Nhân vì có việc quan trọng cần xét xử, yêu cầu ngài đến trình diện vào đúng ngày mai"*.

Ichirô bật cười nói:

-Hả, kiểu viết như thế hơi kỳ cục đấy nhé. Tôi khuyên ông dẹp dùm nó đi.

Mèo Rừng có vẻ thất vọng vì không tìm ra được kiểu nói nào hay hơn, mặt cúi gằm trong ít lâu, tay thì vẫn mân mê chòm râu nhưng cuối cùng đành bỏ cuộc.

-Thế thì thôi, ông cho tôi giữ nguyên cách viết lúc đầu vậy. Còn về phần lễ tạ hôm nay thì tôi xin biếu ông hoặc một thăng hạt dẻ bằng vàng hoặc một đầu cá hồi muối, tùy ông lựa chọn.

-Tôi thích hạt dẻ bằng vàng hơn ạ.

Mèo Rừng coi bộ mừng ra mặt vì Ichirô không chọn cái đầu cá muối, mau mắn quay sang ra lệnh cho gã đánh xe của mình,.

-Mang tới đây cho ta một thăng hạt dẻ bằng vàng. Nếu không đủ một thăng thì pha loại hạt dẻ mạ vàng vào cũng được. Nhanh lên!

Gã đánh xe bèn tóm mấy cái hạt dẻ khi nãy bỏ vào trong cái đấu, cân xong rồi hô lên:

-Đúng một thăng!

Mảnh chiến bào của Mèo Rừng bay phấp phật trong gió. Hấn vươn vai đuổi người thăng ra, sụp mi mắt xuống, ngáp vội một cái rồi nói:

-Tốt lắm. Bây giờ, thăng xe cho ta ngay!

Chiếc xe ngựa vốn làm bằng một cái nắm trắng khổng lồ được đánh tới. Kéo nó là một con ngựa hình thù kỳ quặc với bộ lông xám tro như chuột.

-Này để tôi đưa cậu về nhà.

Mèo Rừng mời. Hai người leo lên xe. Gã đánh xe đã cho vào trong đó cái đầu đầy ắp hạt dẻ bằng vàng.

-Đốp, đốp, chát!

Chiếc xe ngựa ra khỏi cánh đồng. Cây cối bờ bụi lung linh nhạt nhòa dần như làn khói. Trong khi Ichirô nhìn đầu hạt dẻ vàng thì Mèo Rừng làm ra dáng dừng dưng, mắt dõi về đâu mãi xa.

Chiếc xe ngựa càng tiến về phía trước màu vàng của hạt dẻ cứ dần dần cứ nhạt đi. Được một đổi, khi chiếc xe ngựa dừng lại thì mấy cái hạt dẻ ấy đã lấy lại màu nâu thiên nhiên của nó. Thế rồi, chiếc chiến bào màu vàng của Mèo Rừng, gã đánh xe và cả chiếc xe ngựa, tất cả đã biến mất cùng một lượt. Ichirô mới nhận ra là anh đang đứng trước ngôi nhà của mình, trên vắn cầm cái đầu hạt dẻ.

Từ đó về sau Ichirô không bao giờ còn nhận được thiệp mời với dòng chữ "*Trân trọng chào ông*" của Mèo Rừng nữa. Nhiều khi anh ngẫm nghĩ nếu mình cứ để cho hấn mặc tình viết "*Yêu cầu ngài đến trình diện*" kia nọ thì có phải hay hơn không!

(Dịch xong ngày 22/ 10/2006).

- (1) - Nguyên tác Golden Week, tuần có những ngày nghỉ lễ liên tục.
- (2) - Tiếng Anh có sẵn trong nguyên tác.
- (3) - Mars. Tiếng Hán là sao Huỳnh Hoắc.
- (4) - Tiên Nữ (Cô Tiên Bị Xiềng) hay Andromeda
- (5) - Lạp Hộ (Thợ Săn) hay Orion (Hiệp Sĩ).
- (6) - Lạp Khuyển (Chó Săn) hay Hunting Dogs
- (7) - Fish-Mouth Nebulae.
- (8) - Heinrich Heine (1797-1856) thi sĩ trữ tình người Đức.
- (9) - Truyền thuyết của Đức nói về một nàng yêu nữ trên kè đá dốc đứng bên bờ sông Rhine, giữa Mainz và Koblenz, có tiếng hát quyến rũ làm mê hoặc những người lái thuyền đi ngang qua đó, để cho thuyền đắm.
- (10) - Taurus. Con gọi là sao Tất, một ngôi sao trên đường hoàng đạo.

## Hayashi Mariko

(Lâm, Chân Lý Tử, sinh năm 1954)

Nguyễn Nam Trân

Bà vốn người tỉnh Yamanashi, một vùng gần Tôkyô. Sau khi tốt nghiệp ngành nghệ thuật ở Đại Học Nihon, đã hành nghề trong lĩnh vực thảo án quảng cáo (copywriter). Năm 1982, nổi tiếng với *Runrun wo katte okô ni kaeru* "Đi mua Runrun rồi về!". Sang năm 1986, viết tiếp *Saishuubin ni ma ni aeba* "Nếu kịp chuyến bay cuối" và *Kyôto made* "Cho đến Kyôto". Lần lượt đoạt các giải thưởng văn chương lớn như Naoki (1986), Shibata Rentarô (1995) và Yoshikawa Eiji (1998), những giải mang tên các nhà văn danh tiếng Nhật Bản. Viết rất dồi dào và ăn khách. Tác phẩm tiêu biểu của bà là *Fukigenna Kajitsu* "Những trái cây khó ở", trong đó nhân vật nữ chính đã ngoại tình và không làm sao rút ra khỏi một anh nhân tình giỏi việc truy hoan. Lý do là dù có yêu chồng, nàng không tìm thấy được lạc thú nhục thể bên cạnh ông ta. Cảnh tượng này đã phản ánh tình trạng xã hội Nhật Bản hiện đại khi sự ngoại tình của các bà chứ không phải của các ông mới trở thành thời sự.

Trong một ý nghĩa nào đó, Hayashi Mariko cũng là một tiếng nói đòi quyền sống và mưu cầu hạnh phúc của người phụ nữ.

## Đêm đầu (Shoya)

Có lẽ vì trời cứ mưa dầm dề nên lũ cỏ dại mọc càng mạnh, chúng vươn rễ dài và cắm sâu vào lòng đất. Mỗi lần đưa tay liềm xuống tận gốc mà thấy rễ cỏ vẫn còn đâm sâu như muốn trêu mình, Sumio không khỏi chặc lưỡi chán ngán.

Sau vườn chợt có tiếng xe ngừng bánh. Kyôko, con gái ông đang tiến lại gần nhưng Sumio không quay lại nhìn, làm ra vẻ bình thản, chỉ lên tiếng hỏi con mới về à. Không chào trả lại cha, Kyôko cứ thế nói luôn:

-Đúng là cỏ đã tới lúc phải cắt, hờ ba!

Vẫn lom khom người, Sumio nhìn con gái. Cô ta có cái tật mỗi khi trong lòng ngổn ngang trăm mối là hay tỏ ra thèn thẹn. Từ vị trí này mà nhìn lên, ông thấy cái cằm của con gái mình đã xệ xuống thành một thứ cằm đôi.

-Ba nè, hồi nãy bác sĩ nói hẳn ra rồi đó! Họ bảo nếu nhà thương có giường trống là con nên nhập viện...

-Vậy sao ? Hơi phiền đó nghe !

Sumio lúc ấy đứng thẳng người lên, lấy chiếc khăn lông quấn đầu xuống lau mặt. Mới nghe hai chữ " nhập viện ", cả người ông đã toát mồ hôi ướt đầm Mặt trời giữa hạ lúc đó cũng vừa đứng bóng.

-Ba chưa dùng cơm hả ba. Hay để con nấu miến *sômen* cho ?

-Thôi được, đừng bày vẽ. Nằm nghỉ một chút có phải hơn không ?

-Không sao, không sao mà. Có nhọc mệt gì đâu ba !

Mở vòi nước ngoài vườn rửa tay xong, đi ngang sân để vào trong nhà, Sumio thấy Kyôko đang bận tay xắt thái cái gì. Nghe tiếng dao lảnh nghề của con gái đi đúng nhịp thoăn thoắt, Sumio thấy mỗi năm nó càng giống tiếng dao người vợ quá cố của mình. Ăn miến *sômen* phải có ít nhất năm thứ gia vị . Tía tô xanh, bột gừng nhuyễn, mè, hành lá và cá ngừ khô bào thành lát, tất cả đều đã được đem bày ra trên những cái đĩa con con. Mẹ nó ngày xưa cũng giống như vậy. Và Sumio không khỏi cảm thấy qua tất cả những nghi thức phiền phức cũng như sự cẩn thận đó, cái bạc phước của số kiếp người phụ nữ.

Chuyện Kyôko than trong người không được khỏe, hay chóng mặt như thiếu máu, đã xảy ra hồi cuối " Tuần Lễ Vàng " (1) tháng năm vừa rồi.

-Thêm vào đó.....

Kyôko bỗng ghen lời. Cô không biết phải giải thích thế nào những biến chuyển trong cơ thể đàn bà của mình cho cha hay.

-Con còn bị băng huyết nữa ba !

Sumio ra mặt giận hỏi tại sao con không nói sớm hơn. Vợ ông, Taeko, bị ung thư vú di căn đi khắp nơi, chết cách đây đã ba năm. Cả mẹ lẫn dì lớn của Taeko, hai chị em đều chết vì ung thư.

" Coi bộ phía nhà bên mẹ có cái noi như vậy, ăn uống gì mà cũng phải coi chừng nghe con ! ". Sau khi an táng vợ ít lâu, trong một lúc khá say, Sumio có lần bảo Kyôko như thế.

-Con không sao đâu ba !

Kyôko đã bình tĩnh trả lời.

-Con có sinh con đẻ cái như dì với mẹ đâu mà ba lo !

Nghĩ mình buột miệng nói hớ, Sumio đã khỏ tâm nhiều vì câu nói đêm đó.

Không chịu nổi sự lo âu về triệu chứng dự báo một điều chẳng lành, Sumio đã bực mình quát tháo :

-Sao không chịu đi bệnh viện sớm sớm, hả. Sáng mai đi ngay coi !

Ngày hôm sau, thấy Kyôko trở về về khuôn mặt rạng rỡ, Sumio mừng như thoát nạn, ông cảm thấy gánh nặng trên người có ai đó đã cất đi.

-Họ nói con chỉ bị u lành ở tử cung.

Sumio nghĩ mình mới nghe lần đầu tiên hai chữ " tử cung " từ miệng con gái.

-Hình như đàn bà, cứ bốn người lớn thì một người mắc phải. Có điều cái u của con hơi to. Bác sĩ mắng con, bảo sao đợi đến nước này mới đi khám.

Cái vui bệnh của con mình không phải là ung thư đánh bật cả mối lo, Sumio không nghĩ ngợi xa xôi hơn nữa. Kyôko hình như cũng có tình cảm tương tự, nói ra những câu không mấy e dè:

-Thật tình bụng con cứng hẵn, ba ạ. Ngồi vào bồn tắm cứ tưởng mình mập ra như mấy bà có tuổi.

Cách đó mấy hôm, trong khi đang ăn sáng, cô bỗng buột miệng :

-Này ba, coi bộ không chừng phải cắt lấy nó ra.

-Cắt cái gì ?

-Cắt tử cung.

Kyôko, răng cắn môi dưới.

Hình như nỗi tiếc hận vì đã phải hướng về phía người cha mà phát âm hai tiếng " tử cung " thêm một lần nữa còn lớn hơn nỗi lo buồn về sự nghiêm trọng của bệnh trạng.

-Làm gì có chuyện láo như vậy. Ai bảo con thế ?

-Bác sĩ Endô. Con mới đi khám hôm qua.

Endô là ông bác sĩ phụ trách cô ở bệnh viện thành phố gần nhà. Sumio có cảm tưởng có lần nghe con nhắc đến tới cái tên đó nhưng cũng có khi chưa từng nghe thấy bao giờ.

-Ai đòi trước mặt con gái chưa chồng mà lại ăn nói như thế à ?

Bàn tay cầm đĩa run run, Sumio đặt nó xuống.

-Con gái chưa chồng cái gì ! Ba biết con năm nay bao nhiêu không ?

Kyôko nói, cười nhẹ như người đang húng hắng ho.

-Bác sĩ còn hỏi con có ý định lập gia đình hay không. Nghe con than tới tuổi này đâu nghĩ gì nữa thì bác sĩ mới nói thôi để...

Kyôko năm nay bốn mươi hai tuổi. Nếu là phụ nữ làm việc nơi thành thị thì cô đã được ghép với một hình dung từ nào khác rồi nhưng ở thôn quê, cứ sống trong nhà trong cửa thì chỉ có



thể gọi là " gái già " mà thôi. Cho dầu người ta không còn khả năng lấy chồng hay có mang chẳng nữa, nhưng nếu đòi cắt lấy tử cung đi mất thì quả là tàn nhẫn. Sau khi bị kích động, cơn giận trong người Sumio bỗng trào lên :

-Bề gì cũng chỉ là ý kiến của anh lang vườn ở bệnh viện thành phố thôi chứ gì. Thiên hạ nói từ ngày thay giám đốc, không có bác sĩ nào cho ra hồn. Tốn bao nhiêu thì tốn, con cứ đi kiểm bệnh viện nào khác hơn, bác sĩ nào giỏi hơn mà khám đi.

-Ba kỳ quá !

Kyôko làm ra vẻ mặt tươi cười nhưng không thành công nên hơi nhăn nhúm. Cô được cái nước da trắng của bà mẹ để lại nhưng giờ đây qua cái tuổi bốn mươi hai, còn đâu vẻ tươi nhuận nữa. Làn da giống như mảnh vải khô động đậy, mỗi lần thay đổi nét mặt thì bên má và khóe miệng đã hiện ra những nếp nhăn. Vì thế mỗi lần cô cười, khổ cái, gương mặt đậm ra già thêm.

-À, được rồi. Để mai tao điện thoại cho Takada. Trên đó là nhà thương tỉnh, họ làm ăn khá hơn đây.

Người tên gọi Takada đối với Sumio là trong vòng họ hàng. Gia đình họ có một cậu con trai tốt nghiệp đại học y khoa ở Tôkyô, anh ta trở về làm việc ở một bệnh viện lớn có liên hệ với Đảng Cộng Sản. Phải đó, nếu là anh chàng thì chắc chắn là quen biết nhiều bạn bè trong ngành y. Tìm ra được điều ấy, Sumio cảm thấy nhẹ nhàng sáng khoái ngay. Đến đây, ông ta lớn tiếng gọi con :

-Còn mày, từ rày về sau không biết thế nào nhưng cái quý báu nhất của người con gái đừng để mất đi dễ dàng như vậy nghe !

-Ba kỳ ghê!

Kyôko cười buồn. Bên khóe miệng hằn mấy nếp nhăn giống như khuôn mặt của một người đã ngoài năm mươi.

-Tại sao con nhỏ nó không chịu chịu trang điểm há?

Bất chợt cơn giận ở đâu kéo đến ngập lòng. Tại sao nó lại không mặc chịu mặc quần áo đẹp đẽ hơn, tô môi tươi tắn hơn ? Mày cứ xuề xòa như thế này, không quan tâm chuyện chung diện, thành thử những điều bất hạnh nó mới đến với mày đó.

Bao nhiêu câu chữ như trào lên trong lồng ngực nhưng Sumio cố gắng đè nén không cho nó thoát ra đầu lưỡi. Bởi vì hơn ai hết, Sumio biết rằng suy luận như thế là vô lý.

Nỗi cay đắng ấy đã đến với ông cách đây một tháng. Kyôko sau đó đi kiểm tra lại ở bệnh viện nơi con trai Takada làm việc. Hôm nay là ngày cô nhận kết quả.

Thấy con gái biết mình biết sẽ phải chịu một cuộc giải phẫu quan trọng nhưng khi về đến nhà vẫn sửa soạn cơm nước cho mình như mọi ngày, Sumio tội nghiệp con vô cùng. Một nỗi buồn thương đơn thuần, không còn vương chút giận dữ, xuyên suốt lòng ông.

- Cái con nhỏ này...

Sumio đưa mắt nhìn cô con gái đang lẳng lặng sửa soạn nấu miến.

....chẳng lẽ để cho nó bị cắt mất tử cung trong khi cả đời chưa biết một người đàn ông !

Có thể Kyôko hãy còn trinh. Ông chỉ phán đoán theo trực giác của một người cha. Lúc Kyôko mới ngoài hai mươi thì Sumio còn âm thầm xem việc đó là một điều đáng hãnh diện. So sánh với thời nay thì ở miền quê dù là hai mươi năm về trước, thiên hạ còn có hơi bảo thủ nhưng trước khi lấy chồng, đa số các cô gái vẫn đã biết chuyện này chuyện nọ. Riêng Sumio cố giữ cho con gái mình được trinh trắng.

Lúc đó Sumio cứ ước mơ là khi con gái có một tấm chồng thì sau ngày cưới, ông sẽ có dịp nghe chàng rể cảm kích nói với mình :

-Con xin cảm ơn ba đã trao em Kyôko xinh đẹp nguyên vẹn như thế này cho con.

Thế nhưng chàng rể trong mộng ấy đã không hiện ra.

Sumio chưa bao giờ nghĩ rằng không có ai thèm lấy con gái mình. Nhìn chung quanh, có biết bao nhiêu cô bất tài vô tướng, không có nét na, thua xa hẳn con mình, đều lần lượt bước lên xe hoa. Thế rồi ai nấy cũng mang bầu, phát phì, trở thành những bà mẹ không ít thì nhiều hạnh phúc.

Sumio có lần tự hỏi có nên để cho Kyôko đi theo cái con đường tròn trịa bình thản ấy hay không. Và ông nghĩ rằng chắc hẳn cô sẽ không đi theo con đường đó.

Gia đình Sumio từ xưa vốn là đại điền chủ trong vùng. Ngày nay, quanh chòm xóm, những kẻ cất được một cái nhà nho nhỏ xinh xắn có nhà để xe chứa được hai chiếc một lúc, hỏi ra đều là con cháu những người đã làm tá điền cho gia đình ông. Sumio nghĩ bọn con gái của những cặp vợ chồng đó làm gì đã có đẳng cấp của con mình nếu không nói là khó mà đem ra so sánh với cô. Không phải vì cha mẹ thương con mà nói chứ ông thấy Kyôko có phẩm cách hơn bọn thiếu nữ trong vùng. Có lúc lái xe ngang qua trường của con, ông thấy con mình khác hẳn đám nữ sinh cùng mặc đồng phục nhà trường kiểu lính thủy. Từ trong đám bạn, Kyôko đã nhận ra bố và đưa tay vẫy. Tuy là chung một kiểu quần áo nhưng với mái tóc cắt ngắn, Kyôko nổi bật trong đám với vẻ thanh khiết đáng yêu.

Kyôko lúc đó tuy không thể gọi là đẹp được nhưng da thịt cô tươi tắn, mặt mũi nhỏ nhắn tròn trịa. Mấy người bà con lớn tuổi ai nấy đều tấm tắc khen Kyôko giống bà nội thời trẻ như đúc. Mẹ của Sumio là người con gái đầu tiên trong vùng đã đậu vào trường nữ học trên tỉnh. Hình dáng của bà với mái tóc dài thắt cái nơ to, ngồi trên xe kéo về thăm nhà hồi đó vẫn làm cho bọn con nít chạy theo reo hò. Bà là chị cả của ba chị em gái, mười tám tuổi đã đi lấy chồng và đám cưới lớn thế nào, mấy chục năm sau người ta còn nhắc nhở. Ví dụ chuyện những thứ áo xống, đồ đạc dành cho đám cưới đã phải đặt mãi tận Kyôto, còn những sính lễ sang trọng đàn trai mang xuống thật nhiều đã làm chói mắt mọi người như thế nào...

Vân vân và vân vân... là những truyền thuyết về gia đình. Không phải Sumio mà chính là người vợ của ông, Taeko, đã kể lại cho cô con gái. Về làm dâu một gia đình thế gia vọng tộc như vậy, bà đã sớm mang trọng trách mà sau này đã trở thành một niềm tự hào. Nó được thể hiện qua những lời trách mắng. Tự hồi nhỏ, Kyôko đã nghe mẹ nói những câu kiểu như:

-Con nên biết là con không giống con cái các nhà khác. Còn phải làm gương cho họ nữa đấy !

Những lời Taeko nghe từ miệng mẹ chồng ra sao thì nay bà cứ thế nhắc nguyên lại cho con gái.

Tuy trong lòng cũng có đôi điều lo lắng về con nhưng Sumio vẫn ở tư thế đàn ông. Mọi sự dạy dỗ con gái, ông đều phú thác cho bà, ít khi bàn thêm vào. Thời đó, người nào làm cha cũng như vậy cả.

Những năm ấy, Sumio từng sự ở tòa tỉnh trưởng. Tình hình kinh tế đang hồi phát triển mạnh mẽ nên công việc ngập đầu. Việc học hành thi cử, trường trại của con, ông cũng để một tay bà lo liệu.

Kyôko từ bé học thì có chăm nhưng kết quả không xứng đáng với nỗ lực của cô. Trước những kỳ thi quan trọng, lúc cô bị cảm cúm, lúc lại đau bụng. Hồi còn học trung học, có lần cô nói chuyện :

-Con cứ làm sao đó ba, chẳng bao giờ trúng tử ! Còn mấy đứa bạn không học hành gì hết, cứ đoán mò, chọn đại một trang xem trước lại có xác suất lớn đúng ngay đề thi.

Lúc đó, Sumio đã khuyên con :

-Điểm thi cao kiêu đó có gì hay đâu con ! Điểm tối đa nhờ vận may lâu lâu mới lấy được một lần đầu bằng cái điểm trung bình lấy được thường xuyên do mình cố gắng học hành.

Ôi thôi, chắc mình đã lầm lẫn khi dạy con như thế, Sumio nghĩ mà cảm thấy sâu khổ vô cùng. Con người ta đôi khi, không, không, trước tình thế nào cũng vậy, cần phải có cách thức để đối phó chứ. Sao lúc đó mình lại không trả lời nó kiêu đó.

Rốt cuộc, Kyôko không lọt được vào trường đại học ở Tôkyô mà cô mong mỏi nhất. Cô phải chọn một trường công ở tỉnh nhà dành cho nữ sinh viên. Bạn bè chung quanh đưa nào đưa nấy cũng ráng lên Tôkyô cho bằng được, mặc dầu chỉ vào những tư thực hạng hai hoặc hạng ba. Taeko cứ bảo những nơi ấy không phải là trường, dầu vào được chưa chắc đã có giá trị gì. Với lại cá nhân Kyôko cũng chẳng hề nằng nặc đòi lên học Tôkyô.

Quả thật, tự ngày xưa, Kyôko chưa bao giờ là đứa con gái bướng bỉnh, thích chống đối. Có lẽ chuyện đó cũng không cần thiết đối với cô.

Tuy tính hay cằn nhằn nhưng Taeko, mẹ cô, lúc còn sống, là người mẹ hiền, hay lam hay làm. Bà có cả chứng chỉ dạy mỹ nghệ cho nên trong nhà trang hoàng bao nhiêu thứ như đồ thêu hay bình cắm hoa tươi. Ngày còn nhỏ, Kyôko thường được mẹ tự tay nấu đồ ăn dặm hay may quần áo kiểu Âu cho mặc và cho ngủ trên giường Tây, một thứ hầy còn hiếm hoi vào thời ấy.

Có thể nói cho đến lúc đó, Kyôko được nuôi dạy một cách lành mạnh và sống êm ả như một cô con gái nhà lành. Hậu quả trái ngược của cuộc sống êm ả này chỉ lộ ra vào những năm về sau.

Đó là từ khi Kyôko tốt nghiệp trường nữ đại học, lúc bắt đầu có mấy đám gấm ghé. Về chuyện này, Taeko thường tỏ ra cứng rắn. Khi nói chuyện với chồng thì hay tự mãn :

-Thời buổi này, người như con Kyôko nhà mình cần gì phải đi kiếm ai ! Coi mấy con nhỏ cùng trang lứa với nó kia. Lên Tôkyô học những thứ trường hạng hai hạng ba gì, về lại đây còn làm dáng làm điệu. Lên đó sút mẻ hết, coi có được đâu.

Thường ngày Kyôko vẫn bị mẹ theo dõi chặt chẽ. Trước đó, một cậu người cũng dân vùng này, sinh viên đại học nhà nước nữa chứ, thường hay gọi điện thoại đến cho cô. Khi có dịp bà mẹ vẫn tỏ ra khó chịu một cách khéo léo, như thể bảo chàng ta nên bỏ cuộc cho rồi :

-Khi tôi dụ ý Kyôko xem nó muốn chơi với bạn kiểu nào thì nó nói chỉ muốn chơi với bạn quen biết trong nhóm thôi, còn hỏi con có muốn giao du cá nhân không thì nó nói không. Cho nên tôi mới bảo đã vậy thì không nên để cậu mất công điện thoại nữa làm gì.

Bà báo cáo lại với chồng một cách đặc ý nhưng trong bụng Sumio thì nghĩ cần gì phải làm đến thế. Tuổi trẻ có một thời thôi, con trai người ta tìm đến với mình thì cũng phải đối xử nhẹ nhàng. Nếu không có cả niềm vui nho nhỏ chừng đó, làm thân con gái còn có gì là lẽ sống nữa. Phải rồi, cho đến lúc đó, Sumio vẫn tin con gái mình nhất định có một tương lai tươi sáng. Ông nghĩ chẳng mấy chốc con mình sẽ có người đến dạm hỏi mà thôi. Con ông thì phải lấy cỡ bác sĩ hay viên chức ngân hàng. Cho nên gạt phắt được chuyện cậu sinh viên kia như quét một bóng mây thoáng qua có khi lại là đặc sách.

Thế nhưng chuyện đời không êm xuôi như Sumio nghĩ. Một hôm ông nhận được điện thoại từ cô em út. Bà này lấy chồng bác sĩ và là người thích giúp đỡ con cháu, lần nào đến chơi cũng xin lý lịch và hình ảnh của Kyôko mang về.

-Này anh, chuyện của cháu Kyôko đó mà. Em nghe người ta nói ai lấy nó phải đến ở rể đằng anh ? Có thật không hở?

Chuyện đó làm gì có, Sumio tức tốc phủ nhận. Vì chỉ có mỗi một đứa con, gái, Sumio đã định bụng kiếm một anh chàng nào chịu về ở rể để nối dõi tông đường nhưng nhìn tình hình xung quanh, ông đã hiểu đó là một đòi hỏi hết sức vô lý.

-Ừ anh! Gia đình mình từ ngày xưa gốc gác điền chủ nên cứ muốn đòi hỏi nọ kia nhưng bây giờ tàn mạt rồi, nếu còn bắt người ta đến ở rể thì rõ ràng là sai lầm, có phải không anh?

Có thể nói cô em gái đó là người cuối cùng còn được thừa hưởng chút vinh quang của gia đình. Lúc đó nhà ông còn có gia thế, cô tìm được một tấm chồng xứng đáng và cũng được sửa soạn mọi thứ cho phù hợp với vị địa vị của mình. Cô em đó lại nói như chận họng :

-Nhà mình sa sút từ bao lâu rồi, đừng có suy nghĩ theo kiểu xưa nữa nghe anh.

Ông nghe mà không khỏi cảm thấy một cơn giận dậy lên trong lòng.

Cô em này đã đánh tiếng giùm cho bốn mối bác sĩ nhưng Kyôko từ chối cả bốn. Theo thuyết của mẹ cô, Taeko, anh thì béo quá, anh thì lại thấp, nghĩa là bốn anh đều có gì không hoàn hảo.

-Đâu phải cứ nghe nói người ta là bác sĩ mà mình đâm đầu vào ngay !

Taeko bèn nói rộng phạm vi một chút, bắt đầu sưu tập cả lý lịch mấy cậu dân ngân hàng hay công chức. Thế nhưng họ toàn là con trai cả trong những gia đình theo nghề nông. Tuy xuất

thân từ những đại học tên tuổi ở Tôkyô và được coi như là tinh hoa của địa phương nhưng vì là trưởng nam, tất cả đều bị gọi về sống cạnh cha mẹ.

-Họ bảo không bao giờ để cô phải lam lũ mó tay vào công việc đồng áng kia nọ, nhưng nói là nói thế thôi chứ mình đâu lấy gì làm chắc.

Taeko cứ thở dài.

-Cái tính con Kyôko nhà mình nếu thấy ông già bà già chồng vác liềm ra đồng thì nó không đang tâm tính bơ nhìn theo đâu. Nhưng tôi thì tôi quyết không để cho con nhỏ nhà mình chân lấm tay bùn.

Chuyện nói qua nói lại như thế, Kyôko bước tới cái tuổi hăm lăm bao giờ không hay. Sumio lại nhận được điện thoại từ người em gái :

-Này, chị nhà không được tiếng tốt đâu đó nghe anh !

Chị nhà đây tức Taeko.

Thiên hạ họ cứ nói nhà đó bộ muốn gả con gái cho con vua cháu chúa hay sao. Nào đòi điều kiện không được là trưởng nam, không được là gia đình nhà nông, phải xuất thân đại học tên tuổi, người ngợm còn phải xinh trai nữa kìa. Ở cái chốn quê mùa này đào đâu ra được mấy người như vậy !

Thị trấn này nhỏ thôi nên chắc mấy tấm ảnh với bản lý lịch của Kyôko cứ chạy lòng vòng quanh đây. Sumio tưởng tượng.

-Không những vậy mà họ còn nói nhiều điều không tốt cho con Kyôko nữa mới tội nghiệp chứ. Thế nhưng cháu nó cũng có chỗ không phải. Chuyện hôn nhân cần phải quyết định gọn gàng ngay mà thấy nó không cả quyết chút nào !

Theo chỗ suy nghĩ của Sumio, sở dĩ Kyôko thiếu cương quyết hay lần lữa cũng chỉ vì cô thiếu kinh nghiệm trước đàn ông. Nếu là trường hợp một người con gái đã từng trải với vài anh thì nhất định có thể trả lời một cách lẹ làng. Bởi vì hiểu đàn ông con trai như thế nào rồi nên khi gặp anh chàng cỡ này cỡ nọ, họ biết dứt khoát ngay, cho đậu cho rớt cũng nhanh.

Sumio nhờ cô em thử nói rộng phạm vi tìm tòi ra xa hơn chút nữa để xem sao rồi cúp máy.

Thế rồi thời giờ lại cứ trôi qua. Gia đình Sumio bắt đầu cảm thấy một sự khuấy nhục, tình cảm mà trước đây họ chưa hề nếm bao giờ. Khi Kyôko đến tuổi hăm bảy thì bắt đầu đã có sự từ chối, nhưng lần này từ cánh bọn con trai.

Cùng lúc, điều không lọt được qua mắt bất cứ ai là tầm cỡ của các anh chàng cũng xuống thấp hẳn. Lần đầu tiên khi có anh muốn tái hôn nên mới tìm đến với cô thì Taeko, bà mẹ, đã bắt giắc thét lên. Sau đó khi có đám hỏi cô chịu lấy người đã có con hay không thì mọi người hết biết nói gì nữa.

Năm cô ngoài ba mươi, nghe ai hiển kế, hai mẹ con có đi lên Tôkyô để nhờ Sở Giới Thiệu Hôn Nhân can thiệp nhưng đã kinh hãi quay về. Taeko hoảng sợ khi biết đến món chi tiêu

động trời sẽ phải bỏ ra, còn Kyôko thì hoàn toàn không còn hứng thú khi nghe lời ăn nói sỗ sàng của người đàn bà sồn sồn mang tiếng là cố vấn cho cô.

Dù vậy, trong khoảng thời gian dài này, đã có nhiều câu chuyện xảy ra.

Thị trấn kề bên có một cậu con nhà có cửa từ xưa. Nghe nói cậu ta rất thích Kyôko và sẵn sàng xin làm đám hỏi đám cưới ngay. Thấy lối tiếp cận nhậm lẹ của cậu này có vẻ khả nghi nên Taeko đã thuê thám tử điều tra. Mới vỡ lẽ ra cậu ta vốn có mối liên hệ với một bà lớn tuổi hơn mình mà không được cha mẹ chấp thuận. Vì lo lắng chuyện bà này nên bố mẹ mới hăm he bắt cậu xúc tiến việc Kyôko.

Năm cô ba mươi bốn tuổi, có một ông phó giáo sư đại học nọ muốn đến coi mắt. Quen biết được ít lâu và thấy người đàn ông kia cũng có vẻ thuận lòng, vợ chồng Sumio đều vui mừng coi như đây là dịp may cuối cùng của con gái mình. Thế nhưng trước khi nạp sính lễ có mấy ngày, chẳng biết sao mà Kyôko lại vùng vằng không chịu nữa. Theo cô, một người mới bốn mươi một mà tóc bạc như thế thì là nhiều quá, ngón tay lại núc na núc nác nhìn muốn lợm giọng. Hôm cuối cùng, nghe con vừa khóc vừa thổ lộ tâm sự với mẹ nó, Sumio đành coi mọi sự như một chuyện phải xếp vào hồ sơ.

Sau đó còn có vài chuyện mai mối khác nhưng cô toàn là bị từ chối bởi những người tưởng đã xong đến nơi. Nhân vì kẻ mai mối cho họ là trong chỗ thân tình, Sumio mới thẳng thắn hỏi:

-Chắc vấn đề của cháu là tuổi tác ?

-Không, không phải vậy đâu...

Người đang nói chuyện bỗng ngập ngừng.

-Theo tôi nghe được thì họ nói cháu Kyôko nó không có gì gọi cảm. Còn phần tôi thì tôi thấy chính cái điểm đó chứng tỏ cháu là con gái nhà lành, thời buổi này ít ai được như vậy. Hình như bọn con trai bây giờ tụi nó nghĩ hơi khác mình.

Cầm ống nghe điện thoại trong tay, Sumio giận run lên. Bắt con gái người ta phải kêu gọi à, nói thế là thế nào ? Sống cạnh cha cạnh mẹ, ngoan hiền trong trắng như con gái mình thì dù có khờ chuyện đời một chút đã chết ai đâu. Thế rồi vì chừng đó mà bảo nó không gọi cảm và xa lánh nó à ?

Thôi được, Sumio quyết tâm, thế thì từ nay chỉ có ba người, cha mẹ và con gái, hằm hút bên nhau. Cũng may là đối với Sumio, một người đi làm nay đã nghỉ hưu, muốn sống đủ ăn trong nhà thì cũng dễ thôi.

Hãy còn có ít nhà cho thuê, tiền thu nhập nhờ mấy bãi đậu xe cũng đáng kể, đó là chưa nói đến ý định phá bớt một bãi để xây phòng trọ. Như thế thì lúc hai vợ chồng nhắm mắt xuôi tay thì Kyôko cũng không đến nỗi túng thiếu.

Trong khi đang bắt đầu lập kế hoạch như thế thì bỗng phát hiện chứng ung thư nơi Taeko. Khởi phải nói, Kyôko đã hết lòng chăm sóc bệnh tình của mẹ. Năm cuối cùng, cô phải vào ngủ luôn trong bệnh viện để túc trực, suốt ngày thoa nắn cho Taeko đỡ đau đớn vì lúc đó bệnh đã bước vào thời kỳ cuối cùng.

-Chính ra có lẽ cháu là người hạnh phúc...

Cái đêm túc trực bên linh cữu mẹ, Kyôko đã nói như thế với người trong thân tộc. Sumio bây giờ vẫn nhớ mồn một dáng điệu của con gái mình lúc đó.

-Thường thường, con gái đã đi lấy chồng thì mấy ai có thể chăm sóc bệnh tình cho cha mẹ. Nhưng cháu đây lại có cái hạnh phúc được trông nom mẹ cháu.

Nghe con gái nói cảm thấy hạnh phúc vì được chăm sóc cho mẹ nó trong những ngày tàn, Sumio không khỏi mỉm lòng, âm thầm để mặc nước mắt tuôn rơi.

Lúc đó, phải nói là Kyôko trong tấm áo tang đã thể hiện được tất cả tính bi kịch và cái trang trọng phù hợp với hình ảnh một cô gái quá lứa lỡ thời.

\*

Đứng trước tủ, Kyôko đang xếp dọn đồ đạc vào trong cái túi khoác vai đi đường. Cô phân chia đồ đạc phải mang theo vào bệnh viện thành từng nhóm nhỏ và gói ghém cẩn thận trong mấy khuôn khăn vải.

-Xin lỗi ba, con cứ nhắc đi nhắc lại mãi nhưng sáng mai khi con nhỏ Yôko tới, ba nhớ nói nó đọc tám giấy trong bếp ghi mấy điều con dặn nó nghe. Cái gì cần con đều đã viết lên trên đó hết.

Yôko là người bà con xa đến giúp việc trong lúc Kyôko phải nhập viện.

-À mà còn chuyện này ! Ba nhớ khóa bếp hơi cẩn thận nghe ba...

Kyôko vung tay lên như đang ra lệnh cho lính. Bầu ngực lắc nhẹ dưới tấm áo sơ-mi đan thêu màu trắng. Sumio biết con gái mình người thì gầy nhom nhưng có bộ ngực no đầy như thể mượn được của ai. Nếu Kyôko còn trẻ trung và gặp được cậu con trai nào thương cô thì chắc chắn cô sẽ đem lại hạnh phúc cho chàng ta.

-Thôi, con đi ngủ nghe ba. Bệnh viện bắt con phải đến trước mười giờ sáng.

-Có muốn ngủ chung với ba không ?

Tự nhiên câu nói trên bỗng vượt ra khỏi miệng.

-Đêm nay đặc biệt, ba qua phòng con nằm được chứ gì ?

Đôi môi Kyôko khẽ lay động, cô nói được thôi ba.

-Nhưng con giao hẹn ba không được ngáy đó nghe. Nếu bị mất ngủ là con mệt lắm.

-Được mà. Từ hồi chữa rượu tới giờ ba hết ngáy rồi.

Việc con nhỏ biết mình ngáy ồn khó ngủ chắc là do bà mẹ quá cố của nó học lại. Lòng Sumio bỗng cảm thấy có gì ảm áp.

Từ trong bồn tắm bước ra, Sumio đi vào phòng Kyôko thì đã thấy tấm nệm dùng cho khách đến chơi đã được trải thêm bên mép giường cô. Cạnh cái gối, cô đặt sẵn cả một chiếc quạt.

-Con sợ tối phòng này muỗi ra. Nếu có muỗi thì ba nói con nghe.

-Ừ, được rồi !

Kyôko mặc một mảnh áo ngủ cộc tay bằng vải. Nhìn mấy mẫu hình hoa lá trên đó biết ngay là loại rẻ tiền mua ở siêu thị mà thôi. Coi bộ giặt giũ thường xuyên hay sao mà màu đã phai nhiều.

-Không gọi cảm !

Sumio chợt nhớ lại câu người ta bình phẩm về con gái mình trước đó mấy năm.

Có ánh sáng ở đâu lọt qua khung cửa sổ lấp lánh chiếu hắt vào cái tối thẫm của đêm mùa hạ. Có lẽ ánh sáng của ngọn đèn nê-ông từ khu vườn sau nhà.

Dĩ nhiên đây là lần đầu tiên Sumio ngủ ở phòng con gái nên ông hơi trần trọc. Mà hình như Kyôko cũng trần trọc như cha. Trên cái giường bên cạnh ông, vẫn chưa nghe tiếng thở đều đều của một người đã tìm được giấc ngủ.

Nếu nó có thao thức thì cũng chẳng có gì làm lạ. Ngày mai vào nhà thương, ba bốn hôm sau là người ta sẽ cắt lấy tử cung ra. Nó đang chờ đợi cái số phận như thế.

Cái tử cung của một đứa con gái chưa một lần biết hơi trai chắc phải đẹp lắm. Mềm mại và đỏ tươi chứ nhỉ !....

Giữa lúc đó thì tiếng của Kyôko cất lên:

-Ba còn thức à?

-Ồ ờ !

-Này, định kể cho ba mà quên. Cái khối u của con đó ba, nghe nói lớn bằng đầu của đứa con nít mới sinh. Buồn cười không hở ba. Con không thai nghén gì mà trong bụng lại có một đứa nhỏ nằm đó.

-Thôi, nói chi chuyện đó con !

Sumio se sẽ gằn giọng. Ông có cảm tưởng như thể những gì mình vừa thoáng nghĩ trong đầu đã bị người khác bắt gặp.

-Mai phải dậy sớm mà, ngủ đi là vừa!

-Vâng, ba.

Ông thấy hình như đứa con gái trở mình.



Sau đó, cả hai im lặng một hồi lâu. Bây giờ xem ra hãy còn kịp. Sumio như đang bị lôi cuốn bởi một ý tưởng không biết ở đâu vừa chợt đến. Ông muốn chạy ra ngoài đường phố, tìm lấy một gã đàn ông nào đó, ai cũng được miễn là hãy còn trẻ trung và hình thù đừng quá khó coi. Thế rồi ông sẽ lôi gã ta về căn phòng này và chỉ cho gã ta thấy đứa con gái đang nằm ngủ trên giường :

-Xin làm ơn ôm ấp đứa con gái này hộ tôi. Nó chưa hề biết đàn ông bao giờ mà sắp bị người ta cắt mất tử cung rồi.

Hay hơn như thế nữa là mình...Sumio hít thở thật sâu trong lồng ngực. Chính người cha là mình sẽ làm việc đó với con gái. Chỗ đứa con gái thương yêu nằm cách ông chỉ có mỗi ba mươi phân. Ông muốn để lại cho con kỷ niệm đầu tiên và cũng là cuối cùng của đời con gái. Cho dầu hai cha con có trao đổi xác thịt với nhau thì thử hỏi đã làm gì nên tội nào...

Rốt cuộc, tiếng thở đều đặn đã vọng ra từ chiếc giường bên cạnh. Giấc ngủ bình an mà không ai có thể quấy phá hình như cuối cùng đã đến với Kyôko. Còn mi thì mi cũng ngủ đi thôi chứ, Sumio lẩm bẩm với chính mình.

Hãy ngủ một lượt và thức dậy một lượt với nó. Sumio sau cùng đã hiểu ra đó là cách duy nhất để chia sẻ nỗi bất hạnh của đứa con.

(Dịch xong ngày 21/12/2006)  
Nguyễn Nam Trân

# L'APPROCHE BOUDDHISTE DE LA MORT

---

**Trinh Dinh Hy**

## INTRODUCTION

La mort est une question importante qui nous accompagne pendant toute la vie, et qui ne cesse de nous interpeller jusqu'au dernier souffle.

En tant que bouddhistes, nous nous sentons plus particulièrement concernés par ce sujet, puisque selon la légende ce fut à la vue d'un malade, d'un vieillard et d'un *mort* à la sortie de son palais, que le prince *Siddharta Gotama* prit la ferme résolution de partir en quête de la Vérité, et devint plus tard le *Bouddha*, le Parfait Eveillé.

Mais, une question brûle sans doute sur vos lèvres : pourquoi avoir choisi de parler de la *mort* en ce début d'année, où l'on devrait plutôt se présenter des vœux de santé, de prospérité et de bonheur ? N'est-ce pas faire preuve de pessimisme, de morosité, alors que le monde d'aujourd'hui, en proie à la violence et au doute, a plus que jamais besoin d'optimisme et d'espérance ?

Je répondrais indirectement à cette question en citant un *gatha* (poème) que vous connaissez bien, composé par le maître *Zen* vietnamien *Man Giac* (11<sup>e</sup> siècle) avant de mourir :

« Le printemps s'en va, cent fleurs se fanent.

Le printemps revient, cent fleurs s'épanouissent.

Devant nos yeux, la roue du temps tourne sans cesse,

Et déjà les cheveux sur nos tempes blanchissent.

Mais ne croyez pas qu'avec le départ du printemps, toutes les fleurs sont tombées.

Hier soir encore, devant mon jardin, j'ai trouvé une branche de pêcher en fleurs. »

Vous l'avez sans doute remarqué, la première image était celle de fleurs fanées et non pas de fleurs épanouies, comme nous avons l'habitude de voir.

Mais après tout, pourquoi pas ? Le fruit, qui donne naissance à un arbre, n'apparaît-il pas à la chute de pétales d'une fleur ? Qu'est-ce qui distingue le bourgeon de la fleur, qui fait succéder la fleur morte à la fleur éclore, sinon notre esprit ? C'est lui aussi qui sépare artificiellement la vie de la mort, qui oppose la vie à la mort, alors que, vous le savez bien, tout n'est que processus de transformation, un continuum de la vie qui se poursuit au-delà de l'apparition et de la disparition des choses.

Le poème souligne aussi que la mort n'est qu'une manifestation de l'impermanence des phénomènes. Et l'impermanence, c'est la marque du temps, le temps qui est une dimension inhérente aux choses. Il ne peut y avoir de vie sans mort. Ainsi, méditer sur la mort n'est rien de plus que de méditer sur la vie.

Vous avez aussi certainement ressenti l'extraordinaire sérénité qui se dégage de ce *gatha* prononcé par le maître *Zen* juste avant sa mort. N'importe qui ne peut avoir cette attitude de tranquillité, d'équanimité en ses derniers instants. Elle n'a été certainement acquise qu'après un patient travail spirituel, de longues heures de méditation permettant le développement de la compréhension profonde des choses (*pañña* en pali, *prajña* en sanskrit). L'approche bouddhiste de la mort nécessite donc une préparation, un entraînement de toute une vie.

Ceux qui parmi vous espèrent trouver dans cet exposé un développement sur la réincarnation (ou renaissance), et une démonstration de « la vie après la mort » vont être déçus, je m'en excuse par avance. L'attitude bouddhiste devant la mort, en mon sens, ne dépend pas de la croyance ou non en la réincarnation. Nous en reparlerons plus tard.

Avant d'aborder le point de vue bouddhiste, je voudrais rappeler brièvement les points de vue philosophiques et scientifiques sur la mort.

## LA MORT REDOUTEE, SPECIFIQUE DE L'HUMAIN

Il est banal de dire que de tout temps, l'homme a été angoissé par la mort, et qu'il est « le seul animal qui sait qu'il va mourir ». Les premières traces de civilisation humaine trouvées sur les sites archéologiques ont été les outils, les objets d'art et les *sépultures*. Qu'il le veuille ou non, l'homme se retrouve tout le long de la vie et de façon épisodique confronté à la mort, lors de funérailles de proches ou de spectacles de mort.

La mort est ainsi vécue par les uns et les autres comme une destination obligée, comme l'aboutissement d'un chemin, comme un piège, un filet d'où personne ne peut s'échapper, ou comme un anéantissement irréversible.

Pour *Héraclite*, la mort fait partie de *panta rhei*, ce mouvement d'écoulement de toutes choses. Vie et mort, jeunesse et vieillesse, le changement de l'un donne l'autre, et réciproquement. Pour les *stoïciens*, il ne sert à rien de gémir, prier, pleurer, bref de s'agiter devant la perspective de la mort. Il faut simplement vivre comme il se doit, puis mourir dignement le moment venu.

Les *épicuriens* voient aussi la mort avec sérénité, car en réalité elle ne concerne que les autres, mais pas nous-mêmes. Comme dit *Montaigne*, dans ses *Essais* : « La mort ne vous concerne ni mort ni vif. Vif, parce que vous êtes. Mort, parce que vous n'êtes plus ». Après avoir rappelé la phrase de *Cicéron* « Philosopher, ce n'est autre chose que se préparer à la mort », il

poursuit : « La mort est une des pièces de l'ordre de l'univers, c'est une pièce de la vie du monde... Pourquoi changerais-je pour vous ce bel agencement des choses ? La mort est la condition de votre création : elle fait partie de vous, et en la fuyant, vous vous fuyez vous-même. Cette existence dont vous jouissez appartient à la mort et à la vie. Le jour de votre naissance est le premier pas sur le chemin qui vous mène à la mort aussi bien qu'à la vie ».

En fait, c'est le spectacle de la mort des autres qui nous fait redouter notre mort future, une mort qui n'est pas encore là, autrement dit une mort *imaginaire*. Le moment même de la mort ne dure que quelques secondes à quelques heures au plus, mais l'idée de la mort peut obséder, hanter toute la vie, c'est là le grand paradoxe de la mort.

## LA MORT : PHENOMENE NATUREL, PHYSIOLOGIQUE

A l'inverse de la mort psychologique, la mort physique et physiologique est dénuée de toute subjectivité. Pour un être humain, la mort est médicalement définie par l'arrêt des activités cérébrales objectivé par deux électro-encéphalogrammes plats successifs.

Comme la flèche du temps, la vie obéit à la deuxième loi de la thermodynamique, celle de l'*entropie*, qui tend toujours à augmenter. L'ordre, qui structure la vie, tend irrémédiablement vers le désordre, c'est-à-dire la dégénérescence, la mort.

L'être vivant est constitué d'innombrables cellules, qui naissent, se développent, s'altèrent et meurent. Chaque organe de notre corps est constitué de milliards de cellules, dont une grande partie se renouvelle tous les jours. De l'infiniment petit à l'infiniment grand, tout ce qui existe dans l'univers obéit à la même loi du changement, de l'évolution.

La vie est aussi le résultat d'un combat quotidien mené par les cellules défensives de l'organisme (comme les globules blancs) et les substances qu'elles sécrètent (comme les anticorps) contre des envahisseurs étrangers (comme les micro-organismes), voire même contre ses propres cellules. Ces luttes génèrent des morts cellulaires par milliards, et l'on pourrait dire que notre corps est un champ de bataille jonché de cadavres...

Au niveau moléculaire, la mort est même programmée, dans un phénomène que l'on appelle *apoptose*. « Cette mort, comme dit *François Jacob*, non pas venue du dehors, comme conséquence de quelque accident, mais imposée du dedans, comme une nécessité prescrite, dès l'oeuf, par le programme génétique même ». Elle est « nécessaire à la possibilité même d'une évolution », c'est-à-dire la continuation de la vie dans l'univers.

La mort est donc du point de vue scientifique, sauf par accident, un phénomène physiologique, normal et nécessaire à la vie.

Quoiqu'il en soit, si la science éclaire mieux le phénomène de la mort, en le plaçant dans un contexte objectif et universel, elle ne permet guère de

diminuer l'angoisse spécifiquement humaine de la mort, ni de trouver une attitude adéquate à l'approche de la mort. C'est pour cela que l'homme se tourne vers les religions.

## LES RELIGIONS : SOLUTIONS A L'ANGOISSE DE LA MORT ?

En effet, l'une des principales raisons pour laquelle l'homme se tourne vers les religions est justement l'*angoisse* de la mort.

Dès l'antiquité, toutes les religions ont essayé de calmer la peur de la mort, et de rassurer la crainte du néant par la notion d'*immortalité de l'âme* et de la *vie éternelle* dans l'au-delà, dans un autre monde.

Dans l'ancienne Egypte des pharaons, chacun se préparait ce passage par la construction d'une sépulture digne de son rang, avec une barque conduisant le corps momifié vers l'au-delà.

Pour les religions monothéistes comme le judaïsme, le christianisme et l'islam, le but est l'arrivée après la mort dans le monde de Dieu, tout puissant et créateur de toutes choses. A quelques nuances près, elles menacent l'enfer à ceux qui ont péché et promettent le paradis et la vie éternelle à ceux qui ont reçu la grâce de Dieu.

Pour les religions de l'Inde, le brahmanisme, le jaïnisme, le bouddhisme, la mort n'est qu'une étape, une transition vers une autre vie, suivant le cycle de réincarnation ou de renaissance (*samsâra*). Le brahmanisme préconise, pour sortir du *samsâra*, la fusion du moi individuel (*atman*) avec le Moi universel (*Brahman*) « comme les fleuves qui se jettent dans la mer ». L'essentiel est d'avoir un bon *karma* (sanskrit) ou *kamma* (pali), de façon à avoir une bonne renaissance en une personne de la caste brahmane, seule capable par des rituels, des formules magiques, de réaliser cette fusion *atman-Brahman*. En fait, cette conception de la réincarnation (encore appelée métempsychose ou transmigration des âmes) n'est pas propre à la civilisation indienne, mais également partagée par d'autres religions et philosophies de l'antiquité.

## LA MORT DANS LE BOUDDHISME ORIGINEL

Les points de vue bouddhistes sur la mort présentent quelques nuances selon les traditions bouddhiques, bien que partageant une base commune, l'enseignement originel du *Bouddha Gotama*.

Contrairement à une notion répandue, le *Bouddha* a très peu parlé du devenir après la mort, notamment du *samsâra*, qui comme je viens de le dire, est une conception répandue dans l'Inde ancienne bien avant son arrivée.

Le *Bouddha* était préoccupé seulement par la *souffrance* dans laquelle étaient plongés les êtres humains de leur vivant, et leur indiquait le chemin de la délivrance. Telle était la signification de son premier sermon dans le Parc

des Gazelles à *Sarnath*, sur les 4 Nobles Vérités qui forment l'enseignement de base du bouddhisme : la souffrance (*dukkha*), l'origine de la souffrance (*samudaya*), et son extinction (*nirodha*), par le chemin (*magga*) qui est l'Octuple Sentier de la Sagesse. « De même que l'océan n'a qu'une saveur, le salé, mon enseignement n'a qu'un objet, la souffrance », disait le *Bouddha*. La mort faisait partie de cette souffrance universelle, comme l'immense douleur que chacun éprouve devant la disparition d'un être cher.

Rappelons-nous également de la parabole de l'homme blessé par une flèche empoisonnée, qui refusant obstinément tout soin médical avant d'avoir des renseignements complets sur la flèche, l'arc, l'auteur du tir, la direction du vent, etc., finissait par mourir avant de réunir toutes ces données. Le *Bouddha* utilisait cette parabole pour répondre à la question posée par son disciple *Malunkyaputta* sur la finitude ou non de l'univers, sur l'immortalité ou non de l'âme, sur le devenir de l'homme après la mort. Pour le *Bouddha*, il ne faut pas s'égarer inutilement dans les spéculations métaphysiques, et perdre son temps dans les interrogations sans réponse, mais plutôt se préoccuper de se libérer de ses souffrances, ici et maintenant.

C'est ce que l'on appelle le *silence du Bouddha*, d'où son appellation de *Shakyamouni*, le silencieux du clan des *Shakya*.

Le silence du *Bouddha* revêt en fait une double signification : tout d'abord, l'urgence de la situation, telle « une maison en flammes », imposant une action concrète et salvatrice. Ensuite, l'impossibilité d'appréhender la Vérité, qui dépasse de loin notre intellect et nos moyens conceptuels. Cette attitude, que l'on pourrait qualifier d'agnostique, s'impose aux simples humains que nous sommes.

Dans les textes anciens, notamment le *Dhammapada* (Paroles du *Bouddha*), on retrouve souvent l'allusion à *Mara*, le Seigneur de la Mort. C'est aussi le symbole du mal, des passions qui enchaînent l'homme et qui entravent sa progression vers la délivrance.

Le *Bouddha* quant à lui, n'a jamais fait de miracle, il n'a jamais ressuscité personne. L'histoire de *Kisa Gautami* est à ce titre édifiante. Cette jeune femme venait de perdre son unique enfant, et dans son immense douleur vint déposer le petit corps aux pieds du *Bouddha*, en l'implorant de ramener celui-ci à la vie. Le *Bouddha* la regarda avec une grande compassion, et lui demanda d'aller chercher une poignée de graines de moutarde, dans une maison où il n'y a jamais eu de mort. *Kisa* errait ainsi de maison en maison quémander ces graines, mais partout la réponse était la même : chacun était disposé à lui donner la poignée de graines, mais aucun foyer n'était exempt de deuil, ici un enfant, là un mari, ailleurs une grand'mère... Finalement, elle revint auprès du *Bouddha*, épuisée mais apaisée par la prise de conscience qu'elle n'était pas la seule à souffrir d'un deuil, et que la mort était le lot de tous les vivants. Elle demanda alors au *Bouddha* de la prendre comme disciple et parvint plus tard à l'état d'Arhat, c'est-à-dire Eveillé.

Pour le *Bouddha*, la maladie, la vieillesse et la mort sont des phénomènes naturels, auxquels ne peut se soustraire aucun être vivant, y compris lui-même. La fin de sa vie fut racontée en détail par le sutra de la Grande Extinction (*Mahaparinibbana-Sutta*). A son plus proche disciple, *Ananda*, qui s'inquiétait de sa santé et du devenir de la *Sangha*, il répondit : « Ô *Ananda*, je suis usé, âgé, vieux et chargé d'années. Je suis arrivé à la fin de mes jours. Je suis âgé de quatre-vingts ans. Tout comme un vieux char qui ne peut servir qu'à grand renfort de courroies, je perçois que mon corps ne peut marcher qu'à l'aide de soins... ». Il continuait néanmoins à enseigner jusqu'à ses derniers instants, en invitant à plusieurs reprises ses disciples à poser des questions s'ils avaient encore quelque doute ou perplexité au sujet de la Doctrine. Ses dernières paroles furent : « Tous les phénomènes conditionnés sont sujets à l'impermanence. Soyez persévérants, ne relâchez point vos efforts. »

A elle seule, cette phrase pourrait résumer l'enseignement originel du Bouddha sur l'attitude à prendre devant la mort : comprendre profondément l'impermanence (*anicca*) et le non-moi (*anatta*), lesquels forment avec la souffrance (*dukkha*) les trois Sceaux de l'existence (*tilakkhana*) ; et persévérer dans la pratique du *Dhamma* (pali) ou *Dharma* (sanskrit), c'est-à-dire le chemin qui mène à la délivrance.

Ainsi, comme il a été rapporté dans une strophe du *Dhammapada* :

« Celui qui considère son corps  
Comme un mirage,  
Comme un flocon d'écume,  
Parviendra à ne plus voir la mort. »

Bien entendu, c'est aussi l'attitude du bouddhisme *Theravada* (Petit Véhicule), pratiqué essentiellement en Asie du Sud et Sud-Est (Sri Lanka, Birmanie, Thaïlande, Cambodge et au Laos), et qui est la continuation du bouddhisme primitif ou originel.

## LA MORT DANS LE BOUDDHISME MAHAYANA

Rappelons que le *Mahayana* (Grand Véhicule), mouvement réformateur du bouddhisme apparu au début de l'ère chrétienne, s'est propagé vers le Nord et l'Est de l'Asie, en donnant trois branches principales, qui sont à l'heure actuelle : 1) le *Vajrayana* (Véhicule du Diamant), plus ou moins confondu avec le tantrisme, ou Bouddhisme Tibétain, 2) le *Chan* (chinois), *Zen* (japonais) ou *Thiền tông* (viêtnamien), ou Ecole de la Méditation, et 3) le *Jing Du* (chinois), *Jo Do* (japonais) ou *Tịnh Dô* (viêtnamien), ou Ecole de la Terre Pure, ces deux dernières pratiquées essentiellement en Chine, au Japon, en Corée et au Viêt Nam.

### 1) Le Vajrayana

dans ses fondements, partage le même enseignement originel du *Bouddha*, mais s'appuie aussi sur l'enseignement de l'Ecole du Milieu (*Madhyamaka*) ou de la Vacuité (*Shunyataवाद*) de *Nagarjuna*, et de l'Ecole Rien que Conscience (*Vijñānavada* ou *Yogacara*) d'*Asanga* et *Vasubandhu*. Néanmoins, probablement en raison de l'influence de la religion autochtone *Bön*, il attache beaucoup plus d'importance à la renaissance, comme la reconnaissance de *tulkus* dans des enfants nés après la disparition de lamas plusieurs années auparavant.

Pour le *Vajrayana*, une étape cruciale de cette renaissance est le *bardo* (entre-deux), état de conscience intermédiaire entre la mort physiologique et le véritable départ dans l'autre monde.

Ainsi au chevet d'un mourant, on commence la lecture du *Bardo-Thodöl* (Livre tibétain des morts) et on la poursuit pendant sept semaines (qui est la durée maximale du *bardo*), même lorsqu'il apparaît un état d'inconscience. Il est important que le mourant se rappelle ses bonnes actions et qu'il puisse ainsi aller à la rencontre de la mort dans le sentiment d'une totale confiance à l'égard de sa vie écoulée. On évite tout pleur et toute lamentation de la part de la famille, de façon à ne pas perturber son esprit et à lui assurer une mort paisible, et par là une bonne renaissance.

Citons quelques passages de ce livre particulièrement instructif et utile : « Lorsque les symptômes de la mort sont sur le point d'être réunis, on exhorte le mourant à prendre la disposition de l'esprit d'éveil. Chuchotant doucement à son oreille, on lui dit : 'Noble fils, ne laisse pas ta pensée se distraire ! Tu es parvenu maintenant à ce qu'on appelle la mort, prends la disposition de l'esprit d'éveil de la manière suivante : Hélas, maintenant que pour moi est venue l'heure de la mort, je ne veux, grâce à l'avantage de cette mort, qu'éveiller en moi l'amour, la compassion et la disposition de l'esprit d'éveil. Puissé-je pour le bien de tous les êtres qui s'étendent jusqu'aux confins de l'espace, atteindre ainsi le parfait éveil et l'épanouissement appelé état de *Bouddha*'... »

« Ô noble fils, reconnais que tous les phénomènes que tu constates, toutes les impressions effrayantes, sont tes propres projections. N'aie pas peur, lorsque cela t'apparaît. Puisque tu es un corps-mental produit de tes tendances inconscientes, tu ne peux mourir en réalité, même si l'on te tue ou te hache en morceaux. En réalité ta forme n'est que vacuité, de sorte que tu n'as rien à craindre. Et puisque les émissaires de la mort sont également tes propres projections, il n'existe en eux aucune réalité matérielle. Et la vacuité ne peut point blesser la vacuité ! Sois certain que les divinités paisibles et courroucées, les buveurs de sang à têtes multiples, les lumières d'arc-en-ciel et les terrifiantes formes du Seigneur de la Mort, et d'autres encore, n'ont pas de réalité, de substance propre, qu'ils émanent seulement du jeu de ton esprit. Si tu comprends cela, toute peur est naturellement bannie... Reconnais que la



claire lumière est ta propre connaissance, ta propre irradiation. Si de cette manière, tu obtiens la vue pénétrante, sans le moindre doute, sur-le-champ, tu seras devenu un *Bouddha*. »

Ce qui est important à noter, c'est qu'il n'y a en fait rien de surnaturel, de fantastique, et que tout ce que le mourant ressent et perçoit émane simplement de son propre esprit, lequel est naturellement vide. Comme le notait Lama *Anagarika Govinda* dans une préface du livre, « le *Bardo-Thodöl* n'est pas un guide des morts, mais un guide de tous ceux qui veulent dépasser la mort, en métamorphosant son processus en un acte de libération ».

### 2) Pour la branche *Jing Du* (Terre Pure)

fondée essentiellement sur la *foi-dévotion* en le *Bouddha Amitabha* (*E Mi Tuo* (chinois), *Amida*, (japonais), ou *A Di Da* (viêtnamien)) et les *Bodhisattvas*, parmi lesquels les plus vénérés sont *Avalokiteshvara*, ou *Guan Yin* (chinois), *Kannon* (japonais), *Quan Âm* (viêtnamien), « à l'écoute des suppliques du monde », et *Ksitigarba Di Zang* (chinois), *Jizo* (japonais), ou *Dia Tang* (viêtnamien), qui a fait le vœu de demeurer dans les enfers tant qu'il y reste des suppliciés, la mort est aussi le passage dans l'au-delà, dans le meilleur des cas vers le pays de l'Ouest de la Suprême Félicité (*Sukhavati*, *Tây Phương Cực Lạc* (viêtnamien)).

Par la dévotion, les bonnes actions et les mérites, les prières, la répétition du nom de *Bouddha* (*niàn fo*, *nembutsu*, *niêm Phât*), la récitation des *mantra* et *darani*, chacun espère améliorer son *karma* et être accueilli à sa mort par le *Bouddha Amitabha* dans son pays de Félicité.

Ainsi la mort peut être attendue sereinement, grâce à l'espérance en un passage à la vie éternelle, un peu comme dans les religions monothéistes, mais dans un esprit, il faut le reconnaître, assez éloigné de la doctrine bouddhique originelle.

Une autre façon de concevoir la Terre Pure est celle d'une « Terre Pure intérieure », par opposition à la « Terre Pure d'ailleurs », c'est-à-dire un monde de pureté et de sérénité de son propre esprit. Cette conception, plutôt rare parmi les adeptes du *Jing Du*, est plus proche du bouddhisme originel et du *Chan*.

### 3) Le *Chan* (*Zen* ou *Thiền tông*)

a une vision différente, inspirée des *Prajña-paramita Sutra* (Perfection de Sagesse), de la notion de Vacuité (*Shunyata*, *Không*), et née de la pratique de la méditation, visant directement l'esprit, au-delà de la pensée discursive.

Les maîtres *Zen* avaient l'habitude de laisser avant de mourir des *gathas*, courts poèmes constituant chacun un véritable enseignement posthume, et dont l'esprit peut être résumé en quelques mots : simplicité, naturel, lâcher-prise.

Écoutons ce *haiku* de *Bashô* :

« Ce même paysage  
entend le chant  
et voit la mort de la cigale. »

Et ce *gatha* du maître *Thiên* vietnamien *Van Hanh* (11<sup>e</sup> siècle),  
composé à l'approche de sa mort :

« Le corps apparaît et disparaît, comme l'éclair,  
Les arbres verdoyants au printemps, se dessèchent en automne.  
De la prospérité et du déclin, n'ayons aucune crainte,  
Prospérité et déclin sont comme de la rosée sur la pointe de l'herbe ».

Puisque tout est changement, vie et mort se retrouvent entremêlés,  
vides de signification, d'attribut, de caractère propre. Seul l'instant présent  
existe. Il n'existe que dans notre esprit, mais c'est l'instant-cosmos qui  
englobe l'univers tout entier. Tout le reste n'est qu'illusion, y compris la  
mort.

« Quand l'esprit apparaît, dit *Tuê Trung Thuong Si*, le maître du  
premier patriarche de l'école *Thiên* vietnamienne *Truc Lâm Yên Tu* (13<sup>e</sup>  
siècle), la naissance et la mort apparaissent,

Quand l'esprit disparaît, la naissance et la mort disparaissent. »

Alors, pourquoi se poser encore la question de la naissance et de la  
mort ? N'est-ce pas par pur attachement à son *ego* ? Car si le moi n'existe pas  
en réalité, qui meurt finalement ?

Comme le disait *Muso Soseki*, maître *Zen Rinzai* et aussi maître du  
jardin japonais (13<sup>e</sup> - 14<sup>e</sup> siècle) : « En jetant cette toute petite chose qu'on  
appelle ' moi ', je suis devenu le monde immense ».

Cet effacement de soi n'arrive pas spontanément ni facilement, mais au  
prix d'un travail intérieur quotidien et un effort soutenu.

« Ici et maintenant, conseillait le maître *Taisen Deshimaru*, il faut  
arrêter la roue du *karma*, actionnée par la pensée, la parole et l'action. Au  
mouvement, il faut substituer l'immobilité, au bruit le silence. C'est cela,  
entrer dans le cercueil du *za-zen*. Et lorsqu'on en sort, la mort ne nous effraie  
plus, elle nous est familière. L'univers n'est plus regardé à travers une  
paille. »

## CONCLUSION

Au terme de cette analyse, que peut-on conclure ?

La méditation sur la mort, c'est aussi la méditation sur la vie, nous  
l'avons dit au départ.

A moins de croire en la vie éternelle, le bon sens fait que l'on finit  
toujours par se recentrer sur la vie actuelle, sur l'instant présent. Pour *Léonard  
de Vinci*, « Une journée bien remplie donne un bon sommeil ; une vie bien  
remplie donne une mort tranquille. » La meilleure façon d'aborder la mort est  
sans aucun doute de mener la meilleure vie possible.

Pour le bouddhiste, la meilleure vie est la *vie juste*, en suivant l'Octuple Sentier de la Sagesse enseigné par le *Bouddha Gotama*. L'important est d'avoir une vue juste des choses (*samma-ditthi*), de se débarrasser de l'ignorance (*avijja*), avec ses deux composantes majeures : l'illusion de la permanence et l'attachement à l'ego.

Il ne s'agit pas là d'un discours purement intellectuel, mais d'une pratique spirituelle, d'un entraînement mental nécessitant discipline et persévérance durant toute une vie.

L'exemple de grands maîtres bouddhistes montre que le développement de la compréhension profonde (*pañña*) et l'amour-compassion (*metta-karuna*), leur a conféré une énergie spirituelle et un détachement tels qu'ils ont toujours abordé la mort avec une joie sereine, en la transcendant complètement.

Olivet, le 11 Février 2007

**Trinh Dinh Hy**

# L'ABECEDAIRE DE TOKYO

Par Natsuki Nguyễn Cao Duc

**Asakusa** (prononcer «asaksa»): quartier de Tokyo ayant gardé un certain côté nostalgique évoquant le Tokyo d'avant les gratte-ciels ; les amoureux du charme de l'ancien Tokyo du début du 20<sup>è</sup> siècle aimeront.

*Petite fille à Asakusa pour son « shi chi go san », anniversaire des 7, 5 et 3 ans*

*Temple de Sensoji, vu à partir de l'intérieur*



**Bains publics** : c'est une tradition japonaise de se baigner ensemble en famille tout nus et tous nus, à la maison, ou dans des bains publics (hommes et femmes séparés). On passe naturellement à la douche et au savon auparavant car l'eau chaude du bassin doit rester totalement propre durant le bain.

*A gauche : les bains publics tokyoïtes sont toujours immaculés.*

**Depato** (prononcer « dé-pa-tô », de l'anglais *department store*) : les grands magasins sont ouverts le dimanche ce qui aide beaucoup les familles pour leurs achats ; les rayons alimentation (en général au sous-sol) vous permettent de goûter gratuitement certains produits et vous n'avez plus faim en sortant. L'une des chaînes de grands magasins les plus chics : Takashimaya ; même le papier d'emballage des cadeaux, au motif superbe, y est sous marque et modèle déposés, tout comme chez Hermès ou Dior.

*Fontaine intérieure d'un grand magasin Takashimaya*



**Hachiko** : sa statue érigée à la fin des années 30 est le point de rendez-vous incontournable des Tokyoïtes à la gare de Shibuya, parfois cachée par la foule de ceux qui attendent. Ce chien a attendu chaque soir à la gare pendant 10 ans -en vain- son maître décédé. A sa mort, le chien fit l'objet d'une quête pour immortaliser cet animal doté d'une fidélité peu commune.



**Fruits** : vraiment chers à Tokyo, ils sont vendus à la pièce et non pas au kilo ; la poire verte sur la photo coûte 3 euros pièce, et c'est une variété nommée « La France » (c'est vrai !) issue d'un croisement de poire Williams française.



**Fugu** (« fou-gou ») : poisson-lune, très apprécié, à condition d'être préparé par un poissonnier spécialisé et diplômé d'Etat, sinon vous risquez la mort instantanée (plusieurs cas / an) à cause de son venin : il est même vendu tout préparé à emporter, 55 euros la grande assiette en bas, pour 4 personnes.



**Japonaises de Tokyo** : non, ce ne sont pas des « Marie-couche-toi-là » (merci Georges, pour cette expression française), même si les jeunes Tokyoïtes sont aussi libres que les Européennes. Pour les charmer : prendre un accent européen, en particulier le français ou le britannique. Elles travaillent dès la fin de l'université (22-23 ans) et deviennent extrêmement sérieuses dès 28-30 ans.

**Japonais de Tokyo** : ils sont parfois étroits d'esprit et machos, mais d'une très grande politesse en public

**Kabukicho** : quartier des plaisirs nocturnes jouxtant Shinjuku : bars « gay », librairies pornographiques, boîtes de strip tease etc. Si vous êtes délicats, évitez ce quartier, sinon vous aimerez...peut-être.

Mais c'est aussi là que vous trouverez parfois des boutiques normales vendant des tas d'objets typiques du Japon. Et c'est également là que vous pourrez voir vers 11h le soir plein de *salarymen* (salariés) japonais faire l'échelle (passer d'un bar à l'autre jusqu'à plus soif) avant de rentrer chez eux par le dernier train. S' y trouvent également quelques *soaplands*: salons de « massage »...



**Rues**: 80% des rues tokyoïtes sont très petites, sans trottoirs, et sans nom, d'où l'obligation de circuler partout avec un plan ; même les Tokyoïtes s'y perdent (photo de gauche)

**Ryokan** : c'est l'hôtel à la mode traditionnelle ; il y en a beaucoup à Tokyo ; le prix inclut automatiquement le dîner, servi très tôt, à 18h (photo de droite)





**Ramen-ya** (prononcer « lamen-ya ») : échoppe de nouilles; c'est là qu'il faut aller pour manger pas cher (1 ramen + 1 bière = 7 euros environ); y faire du bruit en aspirant les nouilles est considéré comme normal sauf dans les milieux extrêmement bien élevés.



**Shibuya** : quartier de Tokyo où on peut voir les très jeunes Japonaises les plus branchées, sinon les plus incroyables, ainsi que leurs homologues masculins.

Beaucoup viennent là par provocation pure, afin de se faire prendre en photo par les passants !

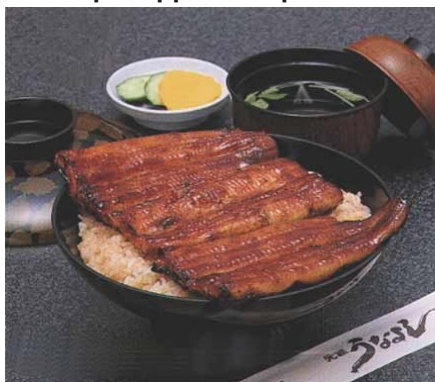
A cause de leurs dépenses énormes, certaines de ces jeunes filles y pratiquent aussi et malheureusement la prostitution non-professionnelle.



**Shinjuku** : « le » quartier de Tokyo pour les sorties, avec une animation matin/soir permanente (restaurants, magasins, cinémas, boîtes et ...love hotels pour les rencontres furtives). Un mélange de Grands Boulevards, du quartier parisien de l'Opéra, et de Pigalle, avec des gratte-ciels pour décor. Dans la journée, y aller pour visiter la mairie de Tokyo (2 tours immenses), œuvre de Kenzo TANGE, et les grands magasins. Y dîner le soir dans un des différents « ya » (maison de) : unagi-ya, sushi-ya, etc.

**Shinjuku-gare/station de métro** : le plus fort trafic ferroviaire du Japon et peut-être du monde: plus de 2 millions de passagers par jour, 3 fois le trafic de la gare St Lazare, pourtant la plus dense de Paris: déambuler dans ses galeries commerciales (et s'y égarer vraiment !) est un *must*.

**Unagi** : l'anguille. Dans les *unagi-ya*, elle est servie grillée, sur un lit de riz blanc chaud, et nappée d'une sauce qui rappelle un peu celle de votre « ca kho »



L'anguille est considérée comme un mets de choix à Tokyo et au Japon, d'où un coût assez élevé. Vous pouvez en ramener à Paris sous vide, à la fin de votre séjour, dans une petite enveloppe scellée spéciale.

**Taxi**



Intérieur d'un taxi tokyoite; têtes des sièges changées tous les jours, chauffeur en costume cravate, propreté absolue



## MAIS EGALEMENT....



**Discipline** : à ce carrefour de Ginza, les feux sont neutralisés plusieurs dizaines de secondes pour laisser les passants traverser – dans les deux sens des rues, en tout sens



**Robotisation** : en cas de travaux de rues, la circulation est réglée par des automates ; les Tokyoïtes respectent totalement leurs « ordres » car il y a des caméras avec des haut-parleurs, dirigés d'un centre d'opérations.



A Tokyo, vous verrez partout et tout le temps des lycéens en **uniforme**, souvent accompagnés de leurs professeurs (à gauche)

Pensez à goûter le **Shabu-shabu** (à droite), un équivalent lointain du « bo nhun dam » vietnamien en moins assaisonné ; mon mari Georges prétend même que c'est un peu fade : il a tort !



**Tsukigi**: gigantesque marché aux poissons, le plus grand au monde. Visitez-le le matin puis installez-vous dans un restaurant proche pour savourer les **sashimis** les plus frais qui soient.



**Police tokyoïte**: serviable et polie, elle ne plaisante pourtant jamais : obéissez toujours quand il vous dit de remonter sur le trottoir, ça peut coûter très cher !

Les seuls vrais postes de gros coût à Tokyo : les transports et la nourriture. Ne prendre que le métro. Prendre à midi le « **Téishoku** » (menu à prix fixe) d'environ 10 euros vous permet de mieux dîner le soir. L'hôtel n'est pas trop trop cher, surtout sur Internet (discount de 20%) : 100 euros la nuit sur Internet pour l'équivalent d'un petit Mercure ou un Holiday Inn Express. Faire une orgie d'achats en électronique : appareil photo numérique à 5 mégapixels pour 150 euros.

Après ce tout petit parcours visuel, je vous souhaite de pouvoir visiter ma ville natale, où mon mari Georges – qui a corrigé ce texte - a été 2 fois. Merci beaucoup de m'avoir lu.

**Natsuki Nguyễn Cao Duc**

# Bảy Viễn

## Le Vidocq vietnamien

En cette fin de novembre 1963, les 2 lycées saigonnais Jean-Jacques Rousseau et Marie Curie organisent une fête réunissant les futures promotions 1964 et 1965 des 2 établissements pour célébrer la chute de Ngô Đình Diêm, en présence de la quasi-totalité de la junte militaire sud-vietnamienne récemment montée au pouvoir. Oh, ils n'ont guère l'esprit ou la formation politique pour prévoir la conséquence de cette chute, ou si peu, ces lycéens. Mais du moins savent-ils par leurs parents que le lieu - fermé durant l'été 1954 - où la fête est organisée n'est nul autre que l'ancien « Grand Monde » (Dai Thê Gioi), le casino gigantesque à l'entrée de Cho Lon, la ville jumelle chinoise de Saigon, c'est-à-dire l'ancienne source des revenus du Vidocq (1) vietnamien : Lê Van Viên, dit Bảy Viễn, général dans l'armée nationale vietnamienne, ancien brigand du mouvement des Binh Xuyên, mais également ancien dirigeant de troupes viêt-minh dans le sud du Vietnam, et ancien bagnard à Poulo Condor (maintenant Côn Dao).



Les journalistes visitant les casernements nouveaux des troupes Binh-Xuyên en 1950, près du Cầu Chu<sup>2</sup> Y (« pont en Y ») à Saigon sont surpris : mais où sont donc passés les anciens bandits non point de grand chemin mais plutôt de grand canal, qui contrôlaient et rançonnaient il y a encore peu les barges et jonques transportant par les canaux et bras divers du Mékong et de la rivière de Saigon le riz vers la métropole du Sud? Il n'y a là que des soldats bien habillés, bien équipés, et visiblement disciplinés. Et au milieu de ces baraquements, une maison toute simple dans laquelle les reçoit Bảy Viễn.

Une gueule de reître mais respirant l'intelligence malgré la brutalité, les cheveux coupés en brosse, une main tenant en laisse un félin, l'autre posée sur le holster d'un revolver dont la crosse est bien visible : oui, c'est bien lui, le fameux Bảy Viễn, désormais intégré avec ses troupes (1000 hommes en 1950, 2500 en 1952) dans l'armée nationale vietnamienne (quân đội quốc gia Việt Nam), et sur qui repose la lutte contre les comités cherchant à imposer l'ordre viêt minh à Saigon. Mais revenons quelques années en arrière.

1936 : Bảy Viễn est écroué au bagne de Poulo Condor. Il a 32 ans, et c'est le fils de Le Van Dau, un sino-vietnamien chef de l'association Nghĩa Hoà, une branche de la triade Thiên Địa Hôi fondée en Chine.

Il pratique le chinois, et excelle à la lutte. Cette incarcération au bagne, réservée aux grands condamnés et aux éléments politiques, est la conséquence d'un hold-up sur un autocar l'année précédente, aboutissement d'une jeunesse extrêmement tumultueuse. Il a été identifié formellement par l'un des passagers, qui sera d'ailleurs assassiné 2 jours après la condamnation de Bảy Viễn. Déjà condamné en 1927, il est en outre soupçonné de plusieurs meurtres. Auparavant, il aura connu une adolescence sulfureuse, ayant quitté sa famille à l'âge de 16 ans et menant depuis lors une vie de larcins et de rapines, et de « protection » (comprendre racket) du côté de Cho Lon, sœur jumelle chinoise de Saigon, et du quartier du Cầu Muôi (Pont du Sel).



Au bagne pendant 4 ans il va s'imposer parmi les détenus, et faire connaissance avec les éléments politiques qui y sont emprisonnés. Ces derniers incluent des responsables communistes de ces années-là. Ceci déterminera son orientation anti-française en 1945, malgré son mépris absolu de tout ce qui est politique. Chose extraordinaire, il va réussir une évasion sensationnelle en 1940, en radeau, après avoir auparavant tué l'un des petits responsables du bagne, un « mã tà » redouté, Kham Chay. Débarquant sur la côte du côté de Phan Thiêt, il replonge dans le milieu de sac et de corde de Saigon de 1940 à 1942, retrouvant le groupement semi-mafieux des Binh Xuyên, alors dirigé par un certain Ba Duong. Ce mouvement des Binh Xuyên (le nom d'un village à 20 kms au sud de Saigon, où se réunissaient les membres, à l'origine), à l'instar des divers groupes ou plus moins troubles de l'Indochine, est aidé par la Kempetaï. La feld-gendarmerie des troupes japonaises stationnées en Indochine l'utilise discrètement pour des opérations anti-françaises, la France de Vichy gardant officiellement et en façade les rênes de l'Indochine de 1940 à Mars 1945.

Ils sont particuliers, ces Binh Xuyên: bandits, oui, mais peut-être pas sans loi ; c'est une « famille » comme on dit dans la mafia sicilienne, et dont les membres clament qu'ils ne s'attaquent pas au pauvres (voire !), s'entraidant jusqu'à la mort, et qui, traqués par la police, se retrouvent dans la mangrove impénétrable couvrant le sud de Saigon-Cholon (le Rùng Sat), y vivant pour échapper aux filets de la justice.

Ne prenant pas assez de précautions, il est suivi et ceinturé en pleine rue par la Police Spéciale du commissaire Bazin en 1942.

Bảy Viễn est cette fois-ci écroué à la prison centrale de Saigon (rasée à la fin des années 50), jouxtant le Palais du Governorat de la Cochinchine et actuel Musée de la Révolution (ex-Palais Gia-Long, ex-Palais Lagrandière), le long de la rue Nam Ky Khoi Nghĩa actuelle, ex-Công Ly.

C'est là que libéré par le coup de force des Japonais en Mars 1945, il va bénéficier d'un décret d'amnistie du gouvernement vietnamien éphémère de Trần Trọng Kim (Mars-Août 1945), confirmée avec la prise du pouvoir par le Việt Minh.



Remise de décorations au camp Chanson le 4/02/1952  
Passage d'une unité Binh Xuyen.

Avec la chute de l'Empire d'Annam en Août 1945, les Binh Xuyên vont faire cause commune avec le nouveau pouvoir, dont les chefs ont pu quitter Poulo Condor ou la clandestinité. Allié à Trần Văn Giàu, chef viêt-minh de Saigon, Bảy Viễn est officiellement nommé commandant de la Zone N°7 viêt-minh, englobant tout l'Est de la Cochinchine. Il mène alors et pendant 2 ans la vie dure aux troupes françaises revenues au Vietnam à la fin de 1945 avec le général Leclerc, recevant même en Avril 1948 une lettre de félicitations de Hồ Chi Minh, tout en s'autorisant des écarts : les Binh Xuyên gardent leurs mauvaises habitudes de bandits.



Soldats dans le Rùng Sat, début années 50

Les tentatives du Việt Minh pour éliminer physiquement tous les nationalistes non communistes vont inciter Bảy Viễn à se rallier en Juin 1948 aux forces de la zone nationaliste avec moins de 200 hommes, sur les 1200 qu'il commandait. Il venait d'échapper 2 mois auparavant et *in extremis* à un piège au cours duquel il devait être tué sur l'ordre de Nguyễn Bình, chef viêt-minh du Sud, et ses troupes avaient été surprises, désarmées, et avaient du rentrer dans le rang et le moule imposé.

Les bataillons binh-xuyên reconstitués progressivement vont permettre aux Français de laisser à Bay Viễn la lutte contre les partisans viêt-minh à Saigon. Appliquant les méthodes les plus expéditives – celles-mêmes de ses ex-alliés - Bảy Viễn va faire éliminer en peu de temps tous les émissaires et représentants clandestins viêt minh à Saigon - Cho Lon, dont il prend de facto la responsabilité de la sécurité.

Dès lors, Saigon ne connaîtra pas d'attentat notable jusqu'en 1955, à l'exception d'une explosion devant le Théâtre Municipal en 1951 ordonnée vraisemblablement par Trinh Minh Thê, un chef caodaïste téléguidé par une CIA américaine aveugle sur l'avenir. Bảy Viễn est devenu entretemps chef suprême des Binh Xuyên.



319

Avec le retour de l'ex-empereur Bao Daï en tant que chef de l'Etat du Vietnam au début de 1949, Bảy Viễn va avoir les mains libres. On lui accorde la gérance du Grand Monde, le plus grand centre de jeux de l'Asie de l'époque (roulette, poker, tài xỉu etc.). Il force la direction originaire de Macao à passer la main. Le Grand Monde en son pouvoir va lui permettre de régler les salaires des troupes binh-xuyen sans dépendance financière du CEFEQ, et également de fournir des subsides mensuels secrets à l'ex-empereur. « Bao Daï nullement effrayé par ses nombreuses cicatrices, vestiges de coups de couteaux reçus dans des rixes sanglantes, s'en fit un ami qu'il invitait à la chasse au gaur sur les hauts plateaux d'Annam ou encore sur son yacht, amarré au pied de sa résidence de Nha Trang (2). Il alla même jusqu'à lui offrir sa puissante Jaguar avec tableau de bord en bois de loupe

En 1997, peu avant sa mort, l'empereur me raconta: « Dans les cocktails, Bay Vien venait toujours accompagné d'un jeune tigre, qui, un soir dévora le pied d'une invitée aux ongles passés au vermillon. », citera plus tard Pierre Rossion dans un bulletin francophone de Thaïlande (3), narration similaire à celle de Pierre Darcourt (cf « Sources »)

Cette amitié impériale va l'aider: il étend son pouvoir économique. La route Saigon-Ba Ria – Cap Saint Jacques nettoyée par ses troupes, il y crée une compagnie d'autocars. Le monde du vice n'est pas oublié: la plus grande maison de prostitution du monde, située boulevard Galliéni (actuel boulevard Trần Hưng Đạo), et surnommé « le parc aux buffles » (photo à droite) va être sous son contrôle, avec plus de 2000 prostituées, de toute classe, qui s'y relaient. En sus du trafic plus ou moins clandestin de l'opium. Et pendant plus de 5 ans, Bảy Viễn sera redouté, après avoir été nommé officiellement général de brigade, car les Binh Xuyên se battent vraiment, et très bien. Bay Vien reçoit d'ailleurs la Légion d'Honneur à titre militaire.



Il ne va pas pour autant perdre la main et rouiller: en effet, il dirige lui-même certaines opérations sur le terrain, au milieu de ses troupes (2500 en 1952), n'ayant perdu ni son courage physique ni sa cruauté froide. Le reste du temps, il vit au milieu de ses fidèles, près du pont en Y, avec un félin tenu en laisse. Les Binh Xuyên, consécration, vont même recevoir en 1954 la direction de la Sûreté vietnamienne avec la nomination d'un adjoint de Bảy Viễn, Lai Van Sang. Des bandits dirigeant la police !



Réunion à Saigon, 1955 : Nam Lua (hoà hao), Pham Công Tac (Cao Đài) et Bảy Viễn, de gauche à droite

Bảy Viễn, abandonné par ses alliés Cao Đài et Hoà Hảo<sup>2</sup>, et battu, se replie vers le Rừng Sắt, cette mangrove jouxtant Saigon en direction de la mer. Il y cache une partie de son trésor de guerre découvert quelques mois plus tard (5) lors d'une opération militaire de nettoyage par les troupes aux ordres de Duong Van Minh, de Nguyễn Khanh, et de Nguyễn Chanh Thi. Par des voies mystérieuses (6), il est « exfiltré » vers le Cambodge, puis se réfugie en France.

Ralliement des troupes Hoà Hảo<sup>2</sup> de Nam Lua<sup>2</sup> à Diêm - 1955

Les événements de 1955 (4) ne le surprennent pas, de par l'hostilité immédiate de Ngô Đình Diêm, Premier Ministre depuis Juin 1954. Dès la réception de l'ordre impérial en Avril transférant le commandement de l'armée au général Nguyễn Văn Vy et convoquant à Cannes Ngô Đình Diêm pour le limoger, Bảy Viễn se lance à l'assaut des édifices militaires à Saigon, après une réunion avec ses alliés: les Cao Đài et les Hoà Hảo<sup>2</sup>. Les hostilités ont en fait déjà commencé depuis plusieurs semaines (début Mars), mais une trêve les avait « gelées ». Mal lui en prend. Les chefs de l'armée nationale – à l'exception du général Nguyễn Văn Vy et du Ngu Lân Quân (la garde impériale) - déjà choqués par la présence de troupes irrégulières hors de leur autorité, et « retournés » par le premier ministre, lancent leurs propres forces.





Mais son fils Paul capturé par les forces gouvernementales sera finalement tué par ces forces dans des circonstances mystérieuses.

Désormais, Bảy Viễn n'est plus, ne reste que Monsieur Lê Van Viên, résidant en France avec la sollicitude des Français. Mieux, il entre dans la discrétion totale, vivant sans bruit. La rumeur le suit: il aurait acheté le célèbre café-restaurant *Le Fouquet's* sur les Champs-Élysées, dit-on. Il aurait dilapidé sa fortune sur le tapis vert des casinos français, dit-on encore. Rumeur ou vérité, peu importe, car l'homme de la rue n'en saura pas plus, jusqu'à la disparition de Bảy Viễn en 1970.



Avec l'ouverture, le pouvoir vietnamien qu'il a combattu âprement après avoir été son bref allié laisse réaliser en 2002 un film télévisé sur sa jeunesse dévoyée, dans lequel le jeune acteur vietnamien Quốc Thai (photo à gauche) incarne cet aventurier hors norme, et destiné aux chaînes HTV7 et HTV9, à Saigon : « *Ngũoi Binh Xuyen* » (« Les hommes du Binh Xuyen »). La série était prévue totaliser 78 épisodes de 30 mn.

Il semblerait néanmoins qu'en 2005, cette série ait vu une partie de sa diffusion décalée, malgré le fait qu'elle s'arrêtât à 1947, juste après la mort en 1946 de Ba Dương chef suprême des Binh Xuyen et le premier général viêt-minh du Sud (Nguyễn Bình a été le 2<sup>e</sup>), donc avec l'arrivée de Bảy Viễn à la tête du mouvement alors encore allié du viêt-minh (7).

Et Bảy Viễn, finalement? Un extraordinaire aventurier et grand bandit sans scrupule aucun, assurément, mais étrangement un homme ayant offert sur le tard sa fidélité à un ex-empereur l'ayant bien manipulé. Ce dernier, en quittant Saigon en 1954 pour être au plus près de Genève, lieu des négociations alors ouvertes entre les belligérants de la guerre d'Indochine, a reconnu par écrit Bảy Viễn comme *Bảo Đệ* (« frère d'entrailles »), ce qui donne automatiquement le rang de baron d'Empire dans l'ancien système monarchique vietnamien. Fidèle, Bảy Viễn se sera battu jusqu'au bout. Charles Meyer dira de lui qu'« *au contraire des militaires, les brigands avaient des élégances de ce genre* » (8)

Ainsi a vécu un Vietnamien peu commun, simple voyou monté en grade, probablement meurtrier, devenu plus tard grand bandit, bagnard, puis dirigeant nationaliste de troupes viêt-minh, pour finir général quasiment monarchiste dans une armée anti-viet minh qui l'appréciait peu. Etre différent n'a jamais plu à qui que ce soit, en plus dans de telles circonstances, et Bảy Viễn aura été hors norme durant toute sa vie.

GNCD



#### Sources :

- « Bay Vien », Pierre Darcourt , éditions Hachette – 1977. *Seule source exhaustive et fiable ;P. Darcourt, né au Viet Nam, journaliste au Figaro, ayant connu personnellement tous les grands personnages vietnamiens des années 40 à 70 et ayant eu accès aux archives du Renseignement et de la Police. Ce livre sera à l'origine du récit « Bảy Viễn thủ lĩnh Bình Xuyên » écrit par Nguyễn Hùng deux décennies après, et base du feuilleton télévisé de la HTV (télévision saigonaise) réalisé par la TFS.*
- Fils de la rizière (derniers chapitres) – Jean Leroy – Editions Robert Laffont, 1977
- Đòì quân ngu² - Trần Ngọc Nhuận – Editions Xuân Thu, USA, 1992
- Symboles & Traditions, numéro spécial sur l'armée nationale vietnamienne, 1986
- Revue Historia, numéros hors-série 24 et 25 - 1972

#### Renvois :

- (1) : ancien bagnard français, Vidocq collabore avec la police et finit Préfet de Police de Paris, au début au 19<sup>e</sup> siècle
- (2) : les villas dites « de Bảo Đại », à Cầu Đá, au sud de la plage de Nha Trang, désormais des hôtels ; le yacht impérial était le « *Hương Giang* »
- (3) : Pierre Rossion, in <http://www.gavroche-thailande.com/ailleurs.php?pays=vietnam&sujet=55>,
- (4) : Bảo Đại se voyant perdre progressivement le pouvoir songe à remplacer Ngô Đình Diệm en Mars 1955 par Bảy Viễn ; l'armée – alors loyale à Bảo Đại – ayant été matée déjà en Octobre 1954 par Diệm avec l'aide de la CIA représentée par le colonel Lansdale
- (5) : « *Việt Nam : một trời tâm sự* », Nguyễn Chánh Thi, Editions Xuân Thu, USA, 1986
- (6) : par le SDECE (contre-espionnage français), selon P. Darcourt
- (7) : <http://www.nhalamphim.com/nguoi-binh-xuyen.htm>
- (8) : Historia hors série N° 24 - 1972

# LES COSTUMES DE COUR DES MANDARINS D'ANNAM

ICONOGRAPHIE: dessins © BAVH, Huê, 1916, ré-édité par l'EFEO en 1999. Photos © Archives Nationales de France. TEXTE © Georges Nguyễn Cao Duc

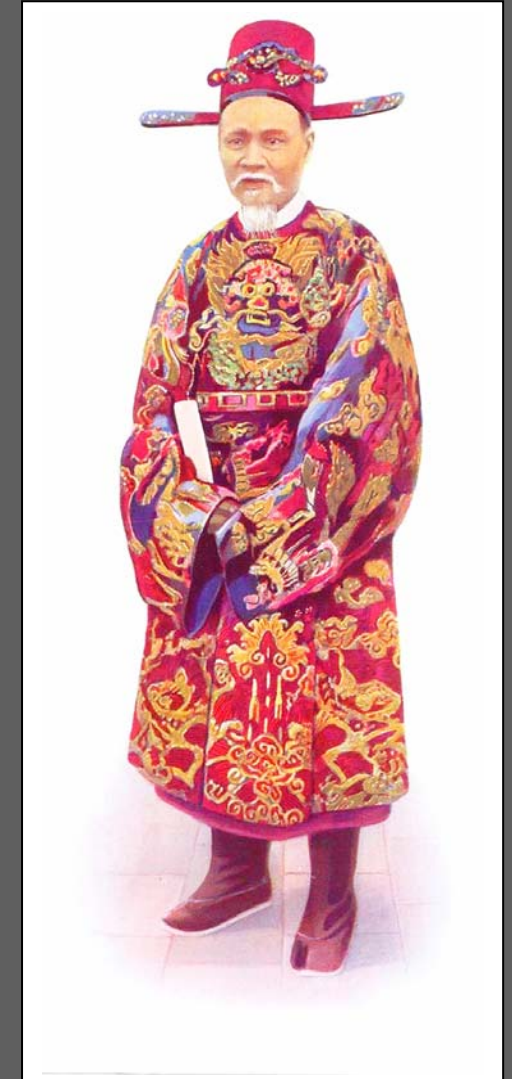
L'habit fait le moine, dit-on. On pourrait en dire de même pour l'uniforme, concept qui remonte dans la nuit des temps. Les sénateurs romains portaient la toge. La justice de tous les pays a doté les juges d'uniformes. Et que dire des soldats ! Question d'image de l'Etat. Il en a été pareillement pour les mandarins de l'Empire d'Annam, dont la tenue hiérarchisée était d'une richesse et d'une variété de couleurs éblouissantes. Pour mémoire, rappelons que les mandarins ne constituaient pas une caste héréditaire, mais un corps de serviteurs de l'Etat vietnamien recruté lors de grands concours annuels (concours régionaux) et triennaux (concours nationaux), ouverts à des candidats de toute origine. Les reçus, dès lors détenteurs des grades de bacheliers (*tu tai*), licenciés (*cu nhon*), ou docteurs (*tiên sy*), étaient nommés aux divers postes du pays. Les meilleurs - ou jugés tels - rejoignaient au fil de leur carrière le Palais, à Huê, d'où la double tenue, normale de travail d'une part, et de Cour d'autre part. La photo de droite montrant un mandarin en tenue de cour en donne une idée; elle montre la tenue couleur « vieux cuivre » (*cô đông*) du 1<sup>er</sup> grade mandarinal, le plus élevé. Les tenues variaient selon l'origine: mandarin civil ou mandarin militaire. Au sein de ces deux « ordres », les grades variaient également: 9 degrés chez les civils. A chaque grade correspondaient une couleur et des motifs dédiés (des animaux). Disons-le immédiatement, la tenue de cour n'était utilisée que lors des grandes audiences ou cérémonies au Palais.



Ministre de la Justice de l'empereur Khai Dinh, avec 2 mandarins de moindre rang, tous les trois en tenue de cour.

Pour les audiences ordinaires et le travail, la tenue simple (le fameux *ao dài* complété du turban) suffisait, d'une couleur unique à partir de Khai Dinh en 1916 (le bleu), sur laquelle était ajouté l'insigne de la fonction (le *bai*, une plaque d'or ou d'argent sur laquelle le titre en idéogrammes était gravé), et les décorations éventuelles (ex: Kim Khanh). Inutile de souligner le coût de ces tenues de cour, très élevé de par les broderies en fils d'or, d'argent et/ou de soie de couleur. Détail révélateur de ce coût, les Pho` Ma<sup>2</sup> (époux roturiers des princesses du sang) recevaient en allocation lors de leur mariage une tenue de cour, entre autres attributions. D'ailleurs, la nomination à la cour était souvent accompagnée d'une allocation d'habillement.

Et pas question de donner libre cours à ses envies vestimentaires : les couleurs et motifs des tenues de cour des mandarins à Huê, capitale de l'Empire, était régit par des textes impériaux : règlement de Gia Long de 1805, et ordonnance de Thiêu Tri de 1845. Ces textes sont restés en vigueur jusqu'à la chute de la monarchie en 1945, bien qu'allégés amplement, avec le temps. Bible de l'habillement mandarinal, ces textes avaient tout prévu : couleurs des tuniques, animaux symboliques figurant sur la tunique, bonnets, ceinturons avec leurs plaques de métal, et la tablette portée des 2 mains.



Mandarin du 1<sup>er</sup> degré en grande tenue de cour vers 1910 ; noter la tablette en ivoire à la main

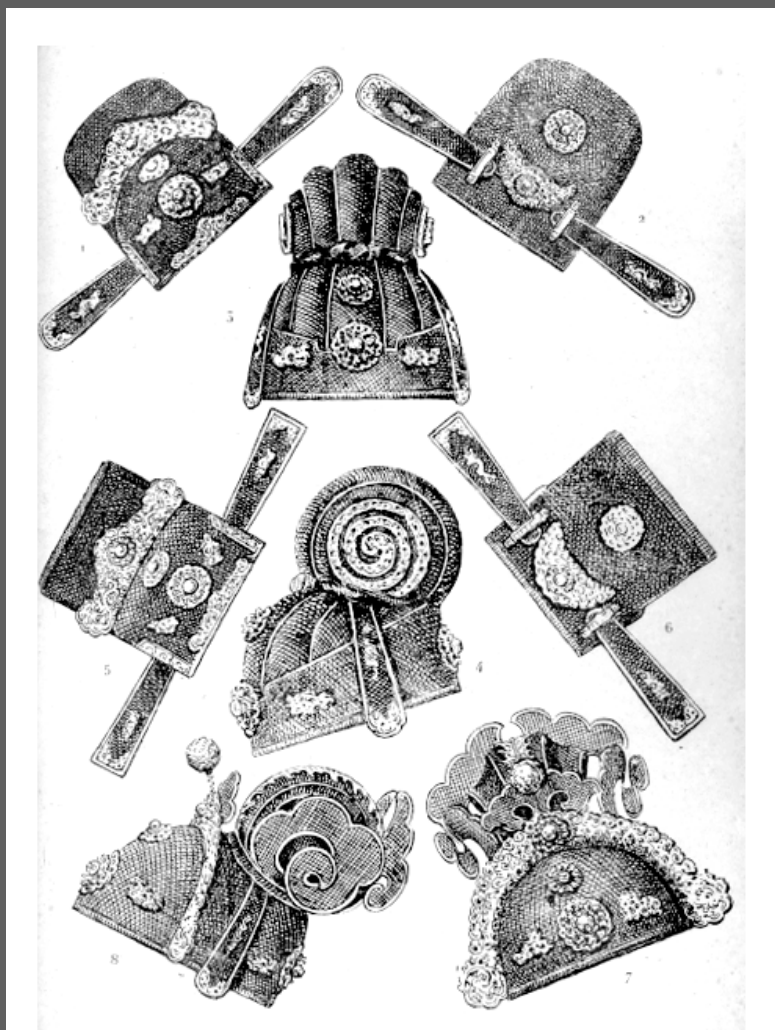


Planche XXVIII. — Le costume mandarin : le bonnet : mandarins civils, 1er degré, 1re classe, audiences solennelles (1, vu par devant ; 2, vu par derrière) ; audiences ordinaires (3, vu par devant ; 4, vu de côté) ; — mandarins militaires, 1er degré, 1re classe, audiences solennelles (5, vu par devant ; 6, vu par derrière) ; audiences ordinaires (7, vu par devant ; 8, vu de côté). (Dessin de M. Tôn -Thất -Sa).

Ces édits de Gia Long et de Thiêu Tri étaient tellement minutieux que leur observation s'est relâchée à partir du règne de Khai Dinh (1916-1925). Voyons-en les composantes, après avoir rappelé que la tenue de cour est réservée aux 7 premiers grades de mandarin civil et des 3 premiers grades de mandarins militaires (les autres grades n'en avaient pas) et que ce qui suit est un résumé court, les textes étant particulièrement précis et détaillés donc extrêmement longs.

Les couleurs d'abord ; elles étaient au nombre de 6, par ordre de grade décroissant : vieux cuivre, bleu ciel, violet rougeâtre, vert « mandarin » (couleur équivalente à celle d'une feuille foncée de bananier), bleu indigo, bleu « de jade ». L'étoffe était du satin.

Les bonnets (voir tableau illustré à gauche) portaient des plaques d'or, et les extrémités des ailettes étaient en or. Le ceinturon était fait en...bambou, revêtu de tissu, sur lequel étaient agrafées 18 plaques carrées et/ou rectangulaires, et/ou ovales, toutes gravées, certaines revêtues de feuilles d'or, les autres étant revêtues de feuilles d'écaille. Les bottes étaient les seules pièces que le mandarin pouvait éventuellement décorer, ce qu'il ne faisait pas en général. Bonnet et bottes étaient de la même couleur que la tunique.

Compte tenu du climat pluvieux de Huê, les mandarins portaient des chaussettes, dans leurs bottes.

Rappelons encore une fois que le costume de cour étant porté lors des grandes audiences (cérémonies, présentation initiale à la Cour, fêtes etc.) ; la tenue simple était portée pour les tâches quotidiennes, même au Palais, même pour l'empereur, avec un turban. Le port de la grande tenue était en effet peu pratique, car les mains tenaient une tablette en ivoire, autre signe du grade et/ou des fonctions, tablette remplacée par le *bai* agrafé sur l'*ao dài* du travail quotidien. D'autre part, les cérémonies impliquaient que l'on se prosternât soit devant l'empereur, soit devant des autels, mouvement incommode avec la tenue de cour, surtout quand les mandarins étaient réunis en rangs serrés dans la grande cour faisant face à la salle du trône.







*Mandarin de 4<sup>e</sup> degré en grande tenue . Ce bonnet est typique de ce degré mandarinal. Noter les pointes très recourbées des bottes.*



*Le héron (broderie couleur argent), motif réglementaire des tuniques des mandarins du 7<sup>e</sup> degré.*

*Tenue d'audience ordinaire: le « bai » sur le côté droit de la poitrine remplace la tablette d'ivoire ; les bottes sont conservées.*

Cependant, dans une société aussi figée dans le passé que celle de l'Empire d'Annam, la tenue de Cour était le symbole-même de la présence sur les marches du pouvoir, ou du moins du peu de pouvoir qui restait entre les mains des grands mandarins (*công thân*) depuis le protectorat imposé par les Français.

Peu pratique était cette tenue de cour, aussi l'ordonnance de Thiêu Tri fut-elle de moins en moins respectée strictement, et la cérémonie marquant au Palais le retour de France de Bao Dai à la fin de ses études, en 1932 (après son couronnement en 1925), vit la dernière très grande cérémonie traditionnelle avec la réunion de l'ensemble des grands mandarins au Palais en tenue de cour. Dès ce moment, Bao Dai supprima les prosternations, et fit alléger la tenue de Cour: les 2 dernières fois où les grandes tenues de cour apparurent dans le respect de l'ordonnance de Thiêu Tri furent en 1934 (mariage et intronisation de l'impératrice Nam Phuong) et 1938 (proclamation de Bao<sup>2</sup> Long comme héritier de la Couronne), à part les cérémonies du Nam Giao - une fois tous les 3 ans - jusqu'en 1945.

On peut cependant encore voir ces grandes tenues dans les milliers de photos restés disponibles, évoquant un temps révolu, à moins que l'on ait l'occasion d'être à Huê et de soit visiter le Musée d'Art Royal (palais Long An, construit en 1845) au 3 rue Lê Truc, renfermant plus de 500 pièces originales de la dynastie des Nguyễn - transférées à ce musée sur l'ordre de Khai Dinh - dont des grandes tenues royales, soit assister à la reconstitution de la cérémonie du Nam Giao lors du Festival de Huê.

Le reste des grandes tenues de cour est encore conservé -peut-être- dans certains foyers soucieux de conserver leur histoire familiale, en dépit des événements de 1945 et 1975. En effet le souvenir des mandarins et de leurs costumes chatoyants est toujours vivace.

Le gouvernement vietnamien l'ayant compris ne manque d'ailleurs pas de les faire revivre fréquemment dans les reconstitutions des grandes cérémonies traditionnelles, ne serait-ce que pour les touristes : aucune nation n'a jamais pu renier son passé.



*Arrière de tunique de cour, mandarin du 1<sup>er</sup> degré de 2<sup>e</sup>me classe (le 1<sup>er</sup> degré comporte 2 classes), de couleur bleu ciel. Couleurs ajoutées sur un dessin de M. Tôn Thât Sa - BAVH*



## **Mai hoa**

*Ngâm hoài trường hận phụ phương thì  
Vĩ kiến mai hoa triếp nhập thi  
Tuyết hậu viên lâm tài bán thụ  
Thủy biên li lạc hốt hoành chi  
Nhân liên hồng điểm đa ứng tục  
Thiên dữ thanh hương tự hữu tư  
Kham tiểu Hồ sồ diệc phong vị  
Giải tương thanh điều giác trung xuy*

**Lâm Bô**

## **Hoa mai**

*Tìm thơ vội tả hoa mai  
Giận thơ mãi vụng để hoài vẻ xinh  
Trên cành khi ngậm tuyết trinh  
Khi kê bên giậu nước in bóng lông  
Người ưa phàm tục sắc hồng  
Trời ban thanh khiết mùi hương đậm đà  
Rợ Hồ cũng biết yêu hoa  
Soạn cho trẻ khúc từ và " Lạc mai "*

**Quỳnh Chi phỏng dịch ( 21/12/2006)**





## **Mai Hoa**

*Tường giác số chi mai  
Lãng hân độc tự khai  
Điều tri bất thị tuyết  
Vĩ hữu ám hương lai*

*Vương An Thạch*

## **Hoa mai**

*Góc tường mấy nhánh hoa mai  
Nở trong băng giá tuyết rơi trắng ngần  
Xa trông vẫn biết, chẳng nhầm  
Mùi hương thanh khiết đã thắm tỏa lan*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 27/1/2007)*



***Xuân Hiếu***

*Xuân miên bất giác hiểu  
Xử xử vẫn đề điều  
Dạ lai phong vũ thanh  
Hoa lạc tri đa thiếu*

*Mạnh Hạo Nhiên*

### *Buổi sáng mùa xuân*

*Xuân còn say ngủ mơ màng  
Tiếng chim buổi sáng rộn ràng khắp nơi  
Đêm qua gió tạt mưa rơi  
Trong vườn nào biết hoa rơi ít nhiều*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 12/5/2006)*



### *Đại Lâm tự đào hoa*

*Nhân gian tứ nguyệt phương phi tận  
Sơn tự đào hoa thủy thịnh khai .  
Trường hận xuân quy vô mịch xử  
Bất tri chuyển nhập thử trung lai*

*Bạch Cư Dị*

### *Hoa đào chùa Đại Lâm*

*Tháng tư vườn hết cỏ thơm  
Hoa đào lại nở rộ trong sân chùa  
Xuân qua nào biết đi mô  
Nào hay lên núi vào chùa gặp xuân*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 20/12/2006)*



### *Giang bạn độc bộ tầm hoa*

*Hoàng Tứ nương gia hoa mãn khê,  
Thiên đoá vạn đoá áp chi đề.  
Lưu liên hí điệp thời thời vũ,  
Tự tại kiêu oanh khắp khắp đề.*

*Đỗ Phủ*

### *Một mình dạo chơi tìm hoa bên sông*

*Ngàn bông vạn đoá trĩu trên cành  
Trải hoa đầy suối cạnh nhà em  
Luyến lưu mãi lượn đùa đàn bướm  
Véo von cao giọng hót chim oanh*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 28/1/2007)*



### *Xuân nhật túy khởi ngôn chí*

*Xử thế nhược đại mộng  
Hồ vi lao kỳ sinh*

*Sở dĩ chung nhật túy  
Đôi nhiên ngoạ tiền doanh  
Giác lai miện đình tiền  
Nhất điểm hoa gián minh  
Tá vấn thử hà nhật  
Xuân phong ngữ lưu oanh  
Cảm chi dục thán tức  
Đôi chi hoàn tự khuynh  
Hạo ca đãi minh nguyệt  
Khúc tận dĩ vong tình*

*Lý Bạch*

### *Ngày xuân uống rượu*

*Đời như một giấc mộng dài  
Làm chi cho khổ cũng hoài công thôi  
Cho nên say khướt suốt ngày  
Nằm lăn lóc ngủ mé ngoài dưới hiên  
Tỉnh ra ngó quanh trước thềm  
Trong vườn hoa có tiếng chim hót chào  
Hôm nay tháng mấy ngày nào ?  
Chim oanh riu rít thoảng vào gió xuân  
Nghêu ngao cảm hứng mấy vần  
Lại nghiêng bầu rượu chuốc thêm chén  
mình  
Chờ trăng ca hát ngông nghênh  
Hát rồi chẳng nhớ là mình hát chi*

*Quỳnh Chi phỏng dịch ( 16/5/2006)*



### *Vọng xuân từ*

*thơ Tiết Đào*

*I*

*Hoa khai bất đồng thưởng  
Hoa lạc bất đồng bi  
Dục vấn tương tư xứ  
Hoa khai hoa lạc thì.*

*Không cùng được trông hoa hé nở  
Chẳng cùng buồn thương khóc hoa  
rơi*

*Xui lòng ta nhớ thương ai  
Là khi hoa nở, hoa phai hỡi người*

*(11/2/2004)*

## **II**



*Lãm thảo kết đồng tâm  
Tương dĩ dị tri âm  
Xuân sầu chánh đoạn tuyệt  
Xuân điệu phục ai ngâm*

*Cỏ thơm kết lại một vòng  
Vòng hoa để tặng tri âm bạn lòng  
Sầu xuân gửi lại tháng đông  
Chim oanh lại hót vui mừng xuân  
sang*

## **III.**



*Phong hoa nhật tương lão  
Giai kỳ do miếu miếu  
Bất kết đồng tâm nhân  
Không kết đồng tâm thảo.*

*Ngày qua gió thổi hoa tàn  
Một thời xuân sắc huy hoàng qua  
mau  
Tri âm giờ chẳng thấy đâu  
Vòng hoa chẳng kết cho nhau làm  
gì*

## **IV.**



*Na kham hoa măn chi  
Phiên tác lưỡng tương tư  
Ngọc trợ thùy triều kính  
Xuân phong tri bất tri.*

*Hoa xuân nở rộ đầy cành  
Tình chia đôi ngả cho mình tương  
tư  
Sáng soi gương lệ như mưa  
Gió xuân nào thấu biết cho nỗi  
niềm*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 6/6/2006)*



### ***Tuyệt cú***

*Lưỡng cá hoàng li minh thuý liễu,  
Nhất hàng bạch lộ thương thanh thiên.  
Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết,  
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền*

*Đỗ Phủ*

### ***Tuyệt cú***

*Liễu biếc đôi hoàng oanh véo von  
Trời xanh cò trắng bay giàn hàng  
Song in núi phủ nghìn năm tuyết  
Cửa đậu thuyền qua vạn bến thương*

*Quỳnh Chi phóng dịch ( 21/12/2006)*





André Malraux

## André Malraux và Việt Nam

Vĩnh Đào

Khi **André Malraux** bước lên chiếc tàu *Angkor* tại hải cảng Marseille một ngày tháng 10 năm 1923 để thực hiện một chuyến du hành dài sang Đông Dương, ông chưa được 22 tuổi tròn. Sau này, có ngày ông nói với Julien Green: *"Từ 18 đến 20 tuổi, cuộc đời như một thị trường chứng khoán; người ta mua chứng khoán không phải với tiền mà với hành động. Một số lớn người ta không mua gì hết..."* [1] Tự áp dụng cho mình phương châm đó, Malraux lúc còn đang tuổi thanh niên quyết định lao mình vào một cuộc phiêu lưu tại một miền đất xa xôi, trong rừng sâu Đông Dương, với mục đích đi tìm vết tích của đền Bantei Srey.

André Malraux sau này trở thành một trong những nhà văn lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của nền văn học Pháp thế kỷ 20. Ông không những là một nhà văn, ông còn là một nhà hoạt động, một kẻ phiêu lưu, một nhà tư tưởng, một chuyên gia về nghệ thuật cổ của Trung Đông, châu Phi, châu Á... Những tiểu thuyết đầu tiên của ông khiến ông nổi danh trên văn đàn Pháp lấy bối cảnh là những cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc khiến cho André Malraux có tiếng là một người am hiểu về khung cảnh chính trị, văn hóa của châu Á. Nhiều bài nghiên cứu, nhiều công trình đại học đã bàn đến ảnh hưởng của Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... trên tư tưởng và tác phẩm của Malraux. Ít ai nhắc đến Việt Nam, có lẽ vì cho đến thập niên 1940, Việt Nam vẫn còn là một thuộc địa của Pháp; đất nước Việt Nam nhỏ, không sánh được với



những nền văn minh lâu đời và đồ sộ trên lục địa châu Á như Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... Nhưng thật ra, khi Malraux khám phá châu Á lúc ông còn là một thanh niên hơn 20 tuổi, mảnh đất đầu tiên ông đặt chân tới là Việt Nam, và những kinh nghiệm sống và hoạt động của ông trong thời gian tại Việt Nam đã ảnh hưởng một cách quyết định trên tư tưởng chính trị của Malraux và định hướng cho con đường hoạt động cách mạng và chính trị của ông sau này.

### **Cuộc mạo hiểm đi tìm vết tích đền Bantei Srey**

Lý do của cuộc mạo hiểm trong rừng sâu ở Đông Dương có thể trước hết là vấn đề tài chính. Năm 1921, Malraux vừa làm quen với một thiếu nữ con một gia đình giàu có gốc Đức Do Thái tên là Clara Goldschmidt, mà ông cưới làm vợ vài tháng sau đó. Hai vợ chồng thực hiện nhiều chuyến du lịch tại châu Âu, trong khi Malraux tiếp tục công việc cộng tác với các nhà xuất bản tại Paris. Ông đem tiền của vợ đầu tư tại thị trường chứng khoán, không may bị thua lỗ và tài sản của hai vợ chồng tan biến theo mây khói. Vào lúc đó, một số cổ vật Đông phương xuất phát từ các di tích lịch sử tại Đông Dương đã xuất hiện khá nhiều tại các cửa hàng đồ cổ và các phòng bán đấu giá tại châu Âu. Các đồ vật cổ này càng lúc càng được giá.

Trong những năm sau này, khi làm việc để mưu sinh tại một số nhà sách và nhà xuất bản tại Paris, Malraux chú trọng rất nhiều đến nghệ thuật châu Á. Một bài khảo cứu đăng trong tập san của Trường Viễn Đông Bác Cổ (E.F.E.O.) [2] chắc chắn đã được ông đọc rất kỹ. Tác giả bài viết tên Henri Parmentier khẳng định rằng giữa nghệ thuật các đền khmer cổ nhất của thế kỷ thứ VII và thứ VIII, và nghệ thuật "cổ điển" của các đền tháp tại Đế Thiên Đế Thích 5 thế kỷ sau đó, có một giai đoạn chuyển tiếp gọi là "nghệ thuật Indravarman". Henri Parmentier nghiên cứu 12 di tích qui tụ các đặc điểm của giai đoạn chuyển tiếp đó, trong đó có di tích Banteai Srey.

Di tích Banteai Srey đã được tình cờ khám phá năm 1914 do một viên trung úy của Sở Địa chất. Henri Parmentier viếng di tích này năm 1916. Di tích không rộng nhưng phẩm chất các tượng trang trí rất cao về mặt nghệ thuật. Nhưng đền bị đổ nát qua thời gian, rễ các cây cổ thụ quấn chặt công trình xây cất. Malraux đoán biết được giá trị các pho tượng tại di tích này và ông quyết định thực hiện một cuộc thám hiểm khảo cổ. Theo ông, đền Banteai Srey là một di tích bỏ hoang, không thuộc về ai cả, nhưng cần phải ra tay gấp, trước khi nhà cầm quyền thuộc địa ban hành các biện pháp kiểm soát và bảo vệ gắt gao hơn các di tích lịch sử tại Đông Dương. Ông đem dự án ra bàn với một người bạn thuở niên thiếu tên Louis Chevasson và hai người đồng ý hùn hạp trong công tác này.

Trước khi thực hiện dự án, Malraux phải xin một giấy phép ở bộ Thuộc địa. Giấy phép được cấp khá dễ dàng, với điều kiện khi đến nơi phải thông báo chi tiết dự án cho nhà cầm quyền thuộc địa và cho E.F.E.O. tại Hà Nội. Dự án của André Malraux là tìm lại vết tích một con đường nối thủ đô Angkor với các tỉnh phía bắc vương quốc Khmer, thực hiện một công trình nghiên cứu nghệ thuật các đền dọc theo con đường đó.

Mùa thu 1923, André Malraux xuống tàu tại Marseille, cùng đi với vợ là Clara. Louis Chevasson lên đường hai tuần sau đó. Sau cuộc hành trình hơn ba tuần, tàu cập bến Sài Gòn. Sau vài ngày ghé bến, tàu tiếp tục đi đến Hải Phòng. Từ đó Malraux đi đường bộ đến Hà Nội và trình diện tại Trường Viễn Đông Bác Cổ. Nơi đây ông được tiếp đón một cách nghi kỵ và lạnh nhạt. Cơ quan này qui tụ những nhà sử học, địa chất học, khảo cổ học với đầy đủ tước vị và bằng cấp. André Malraux là một thanh niên tự học, chỉ đến trường hết bậc trung học, không có một mảnh bằng nào trong người. Vị quyền giám đốc E.F.E.O. nhắc lại thể lệ mới :

mọi vật khám phá phải được để lại tại chỗ. André Malraux phải ký giấy cam kết để E.F.E.O. chia sẻ các khám phá và thành tựu của công tác khảo cổ mà ông sẽ tiến hành với phương tiện riêng của mình.

Rời Hà Nội, André Malraux vào Sài Gòn bằng đường bộ. Tại đó ông gặp lại Louis Chevasson, khởi hành từ Marseille hai tuần sau André và Clara. Cả ba lên đường đi Nam Vang, rồi Siem Reap và Angkor. Sau khi thuê công nhân khuân vác, Malraux cùng một đoàn khoảng 20 người lên đường hướng về phía Bắc và tìm ra địa điểm Banteai Srey như dự tính. Sau khi khai quật trong vòng một tuần, đoàn người trở về Siem Reap. André Malraux thuê tàu trở về Nam Vang theo đường thủy, mang theo một tấn hàng hóa, nhưng tàu bị chặn lại và khám xét tại Nam Vang.

### Vụ án Malraux

André Malraux và Louis Chevasson bị truy tố về tội tháo gở và lấy trộm di tích cổ. Hai người không bị tổng giam nhưng được lệnh túc trực để trình diện luật pháp. Một dự thẩm được bổ nhiệm để điều tra nội vụ. Tòa án yêu cầu cảnh sát Paris điều tra về quá khứ của các bị can. Phúc trình cảnh sát cho biết Malraux là tác giả của một tập sách lập dị, khó hiểu, mang tựa đề "Mặt trăng giấy" (*Lunes en papier*), qua lại với giới nghệ sĩ lãng tử ở thủ đô, cộng tác với một số tạp chí tiên phong chuyên về các trường phái nghệ thuật lập thể, dada... Tất cả hoạt động này dưới mắt cảnh sát gần như đồng nghĩa với những hoạt động đáng nghi ngờ, phá rối trị an. Kết quả điều tra cảnh sát được chuyển cho Bộ Thuộc địa và cho tòa án Nam Vang.

Sau 6 tháng điều tra, phiên xử xảy ra tại Nam Vang trong hai ngày 16 và 17/07/1924. Clara vắng mặt tại phiên tòa vì vài ngày trước đó bà đã đi Sài Gòn để trở về Paris, chuẩn bị vận động cho chồng trong trường hợp André Malraux bị kết án. Sau hai ngày nghị án, bản án được tuyên bố : André Malraux bị xử 3 năm tù ở và 5 năm cấm lưu trú trên lãnh thổ Đông Dương. Louis Chevasson 18 tháng tù. Các pho tượng được tháo gở được lệnh trao trả lại cho chính quyền thuộc địa. Bản án rất nặng so với tội trạng, tòa không kể đến những trường hợp giảm khinh như tuổi trẻ của các bị can, tội trạng không có gì nghiêm trọng, và nhất là qui chế pháp lý mù mờ của địa điểm Banteai Srey vì di tích này chưa hề được chính quyền thuộc địa tuyên bố là một di tích lịch sử được bảo vệ. Sau khi bản án được tuyên bố, hai bị can quyết định kháng cáo. Phiên xử trước tòa Thượng thẩm tại Sài Gòn được quyết định sẽ xảy ra vào ngày 23/09. André Malraux và Louis Chevasson rời Nam Vang về Sài Gòn để chuẩn bị ra trước tòa Thượng thẩm.

Clara Malraux về tới Paris, vận động sự ủng hộ cho Malraux trong giới văn nghệ sĩ thủ đô. Một bản kiến nghị với hơn 50 chữ ký của những nhà văn, nghệ sĩ có tiếng tăm nhất tại Paris thời đó kêu gọi khoan hồng cho Malraux, được xem là một nhà văn trẻ đầy triển vọng của văn học Pháp, mặc dù vào lúc đó, Malraux chỉ mới xuất bản một tập sách mỏng và vài bài báo trên các tạp chí. Bản kiến nghị được đăng trên tạp san *Les Nouvelles littéraires* ngày 6-9-1924.

Trong khi đó tại Sài Gòn, các báo chí Pháp ngữ, phần lớn đứng vào phe thân cận với chính quyền thuộc địa cực kỳ bảo thủ, dựng lên một chiến dịch ồn ào lên án nặng nề André Malraux. Ông được xem như là một kẻ phiêu lưu nguy hiểm, một tên trộm vô lương tâm tàn phá và hủy hoại di tích lịch sử và tác phẩm nghệ thuật cổ tại Đông Dương. Báo chí tay sai chính quyền thuộc địa đòi hỏi một bản án rất nặng để làm gương. Không khí nặng nề và bất lợi cho các bị can đến nỗi tòa quyết định dời phiên xử lại vào ngày 8/10.

Lần này, trước tòa Thượng thẩm, André Malraux chỉ bị kết án một năm tù treo, và Louis Chevasson 8 tháng tù treo. Tòa xác nhận lại lệnh hoàn trả các pho tượng cho nhà nước thuộc địa Pháp.

### Hoạt động chính trị tại Sài Gòn

Bốn ngày sau bản án của tòa Thượng thẩm, André Malraux lên tàu trở về Pháp, với ý định sẽ trở lại Đông Dương hoạt động chính trị. Là một công dân Pháp, nhưng không thuộc thành phần bảo thủ, có thể lực, mà bị đối xử bất công, gắt gao, thì theo ông nghĩ, số phận những người dân bị trị, còn bị đàn áp, đối xử tàn tệ đến mức nào? Trong thời gian 7 tuần ở lại Paris, André Malraux chuẩn bị cho việc xuất bản một tờ báo đối lập tại Sài Gòn.

Giữa tháng 1-1925, André Malraux và vợ lên tàu trở lại Đông Dương.

Vào những năm 1924-25, chế độ thuộc địa áp dụng tại Việt Nam là một chế độ hết sức khắc nghiệt đối với người dân bản xứ bị trị. Quyền lực trong tay một tập đoàn tư bản tài phiệt, nắm trong tay một chính quyền thực dân cực kỳ bảo thủ, khư khư quyết bảo vệ cho những quyền lợi của mình. Thái độ này gây căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân; các sĩ phu yêu nước lên tiếng đòi hỏi công bằng đối xử cho người Việt Nam. Các đảng phái chính trị liên tiếp ra đời trong một bầu không khí sôi sục.

André Malraux tiếp xúc với các nhân vật đấu tranh Việt Nam, tham gia thành lập đảng Jeune Annam (Việt Nam Thanh Niên Đảng), một trong những đảng phái nhỏ mọc ra như nấm trong những năm 1924-1925. Cùng lúc, André Malraux hợp tác với luật sư Paul Monin để chuẩn bị ra mắt tờ báo *Indochine* ("Đông Dương"). Người đứng tên tờ báo với chức vụ quản lý là Maurice Dejean de la Batie, một người Pháp lai, cha đã từng là công chức cao cấp trong chính quyền thuộc địa, mẹ người Việt Nam. André Malraux và Paul Monin giữ chức đồng chủ nhiệm tờ báo. Báo ra số đầu tiên ngày 17-6-1925, và ra đều đặn trong hai tháng, cho đến ngày 14-8 năm đó, tức là ra được 49 số. Chủ trương của tờ báo thật ra không có gì là cách mạng, chỉ kêu gọi một chế độ công bằng hơn, nhân đạo hơn, cho phép người dân Việt Nam được bảo vệ bởi những luật lệ y như người Pháp, được hưởng những quyền tự do cá nhân như người Pháp. Ngay những sĩ phu Việt Nam lúc đó, như Nguyễn An Ninh cũng đòi hỏi cải cách hơn là hô hào một cuộc cách mạng đánh đổ chế độ thực dân Pháp. [3]

Phan Chu Trinh trong một bức thư gửi nhà cầm quyền Pháp đã viết : "*Chính phủ nên chọn hiền tài trao cho quyền bính, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, nói rộng quyền ăn nói cho các thân sĩ (...) sửa đổi luật pháp, giảm bớt sưu thuế, khuyến khích công nghệ thì sĩ dân vui lòng giúp chính phủ, chứ còn ai lo toan chống cự nữa*". [4]

Tờ báo *Indochine* đề nghị nuôi dưỡng một tầng lớp trí thức ưu tú người Việt, tạo cơ hội cho thanh niên Việt Nam ưu tú có thể sang Pháp du học, cho những người này có thể nhập quốc tịch Pháp dễ dàng, và lần lần giao thêm quyền hành cho tầng lớp trí thức này. Chỉ với điều kiện này, Pháp mới có thể bảo vệ sự hiện diện lâu dài tại Đông Dương, tránh việc thanh niên Việt Nam bất mãn vì bị bạc đãi, quay sang đấu tranh cách mạng triệt để và lật đổ chế độ thực dân. Lập trường đấu tranh của nhóm tờ báo *Indochine*, cũng như của André Malraux, chỉ là một lập trường đòi hỏi cải cách xã hội, có thể nói là ôn hòa, không có gì có thể gọi là cách mạng. Nhưng chỉ với bao nhiêu đó, André Malraux đã bị liệt kê vào thành phần phá rối trị an, một phần tử xách động nguy hiểm thuộc loại cực tả, đồng hóa với các phần tử bolchevik.

Chính quyền thuộc địa tìm mọi cách gây khó khăn để ngăn cản tờ báo *Indochine* phát hành. Biện pháp cuối cùng là sở mật thám Pháp đe dọa các công nhân Việt Nam làm cho nhà in phụ trách in tờ báo. Cuối cùng, nhóm biên tập tờ *Indochine* không tìm ra được một nhà in nào khác nhận in báo. Ban chủ trương chỉ còn một cách cuối cùng là in lấy tờ báo bằng những phương tiện riêng. Malraux và Monin sau khi kêu gọi sự giúp đỡ của những người quen biết, các công nhân các nhà in Saigon, ráp được một máy in thủ công. Nhưng không có các bộ chữ để có thể in báo. Vì vậy Malraux phải quyết định sang Hương Cảng vào mùa thu 1925 để mua chữ cho máy in.

Với những phương tiện chắp vá đó, Malraux và Monin cho tái bản tờ báo vào tháng 11-1925, với tên mới là *L'Indochine enchaînée* ("Đông Dương bị xiềng"). Tờ báo từ đó ra được mỗi tuần hai lần, nhưng vì thiếu thốn phương tiện và các khó khăn trong việc phát hành, nên xuất bản được cho đến ngày 24-2-1926 thì đình bản vĩnh viễn. Trước đó, vào ngày cuối năm 1925, Malraux đã lên tàu trở về Pháp.

André Malraux đã trở lại Việt Nam hồi đầu năm 1925, với ý định đấu tranh chống lại bộ máy chính quyền thực dân, đến nay chưa đầy một năm. Trong thời gian ngắn ngủi đó, Malraux đã lao vào một cuộc chiến đấu bền bỉ và gay gắt, nhưng ông nhận thấy là bộ máy chính quyền thuộc địa quá đè nén và mạnh bạo, cuộc đấu tranh bằng báo chí của ông chỉ làm gai mắt chính quyền, không hy vọng buộc nhà nước thuộc địa cải tổ và thay đổi cách cai trị. Ông quyết định trở về Pháp, với lời hứa sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh ngay tại đất Pháp. Ông có ý định chuyển hướng hành động và sẽ tập trung nỗ lực để báo động dư luận Pháp về những áp bức và lạm dụng của chính quyền thuộc địa tại Đông Dương. Dư luận Pháp không biết rõ những gì xảy ra tại các thuộc địa xa xôi. Tổ cáo các hành động của tập đoàn cầm quyền tại các thuộc địa để dư luận gây áp lực đòi hỏi thay đổi có thể là một phương thức đấu tranh hiệu quả hơn.

### Các tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên

Khi Malraux trở về Pháp, tại châu Âu đã xuất hiện một hiểm họa lớn đe dọa cả tương lai của loài người, là sự manh nha bành trướng của chủ nghĩa phát-xít quốc xã tại Đức với những thủ đoạn đàn áp, cầm tù, thủ tiêu cực kỳ thô bạo. Ông lao vào một cuộc chiến đấu mới. Từ đây, André Malraux tiến hành song song cuộc đời viết văn và những hoạt động đấu tranh chính trị chống độc tài và những lực lượng hủy hoại và áp bức con người.

Quyển tiểu thuyết đầu tiên của ông được xuất bản năm 1928 với tựa đề *Les Conquistadors* ("Những kẻ chinh phục"). Quyển tiểu thuyết lấy bối cảnh cuộc nổi dậy tại thành phố Quảng Đông vào năm 1925, khi một cuộc tổng đình công vừa được ban hành để đánh vào các hoạt động thương mại với Hương Cảng, biểu tượng của sức mạnh kinh tế của đế quốc Anh tại châu Á. Cuộc tổng đình công được đặt dưới sự tổ chức và lãnh đạo của đệ tứ quốc tế, mà nhân vật điển hình là Borodine, lãnh tụ người Nga của quốc tế cộng sản tại Quảng Đông, đại diện cho nhóm người mà tác giả gọi là những "người cách mạng chuyên nghiệp". Trong số những người ngoại quốc đủ quốc tịch đến tham gia hoạt động cách mạng tại Quảng Đông, có những người mà tác giả gọi là những "kẻ phiêu lưu", những người làm cách mạng với tâm trạng những kẻ đi chinh phục, điển hình là Garine, nhân vật chính của quyển tiểu thuyết. Garine làm cách mạng không phải vì một mục tiêu đấu tranh chính trị nào, cũng không phải vì tham vọng cá nhân, mà chỉ vì cách mạng là một môi trường cho phép ông lặn xả hết mình vào hành động, để chứng tỏ sức mạnh và quyền lực của con người không chịu khuất phục.



Theo quan điểm của André Malraux, xã hội Tây phương từ xưa sống dưới ảnh hưởng của thiên chúa giáo. Bắt đầu từ thế kỷ 18, niềm tin vào thiên chúa giáo bắt đầu lung lay. Con người phương Tây từ đây đặt niềm tin vào lý trí và tiến bộ khoa học để đem lại hạnh phúc cho con người. Nhưng cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất cho thấy là lý trí và khoa học không những không đem lại hạnh phúc mà còn có thể đưa đến những tai họa thảm khốc. Thanh niên châu Âu lớn lên sau thế chiến I, đứng trước những hoang tàn và đổ vỡ, niềm tin vào tôn giáo đã mất nên không còn những dấu mốc để nhận diện đâu là lẽ phải, đâu là ý nghĩa của cuộc sống. Thế giới trở thành càng ngày càng xa lạ, vô ý nghĩa và phi lý. Hành động là liều thuốc duy nhất giúp con người chống lại mối kinh hãi khi đứng trước một cõi đời xa lạ.

Để chống lại nỗi kinh sợ siêu hình, nhân vật của Malraux chọn lao mình vào hành động để chứng tỏ sức mạnh của một con người nổi loạn trước một thế giới phi lý, và đó là ý nghĩa tiềm ẩn của quyển tiểu thuyết "*Những kẻ chinh phục*". Trong truyện, nhân vật Garine đối chọi với Borodine, điển hình cho một đảng viên cộng sản : cứng nhắc và máy móc. Garine là một mẫu người anh hùng cá nhân, tham gia cách mạng một cách tài tử, không màng đến mục tiêu chính trị và hiệu quả đấu tranh cách mạng, và chỉ nhằm thỏa mãn những mục đích cá nhân. Tất nhiên là quan niệm này là một quan niệm xa lạ và nguy hiểm dưới mắt của những người chủ trương một nền văn nghệ "hiện thực xã hội chủ nghĩa". Vì vậy, không lạ gì khi quyển "*Những kẻ chinh phục*" bị cấm tại Liên Xô.

Năm 1930, Malraux xuất bản quyển tiểu thuyết thứ hai tên *La Voie Royale* ("Đường hoàng cung"). Quyển này được rút trực tiếp từ những kinh nghiệm của tác giả trong rừng sâu Kampuchea, trong chuyến thám hiểm đi tìm đền Banteai Srey. Hai nhân vật chính trong truyện, Claude Vannec và Perken, thực hiện một chuyến mạo hiểm trong rừng già với mục đích tìm vết tích con đường hoàng cung cũ của vương quốc khmer, và họ hy vọng tìm thấy nhiều di tích kiến trúc cổ dọc theo con đường đó. Hai người cũng muốn tìm ra một nhân vật hào hơn khác, tên Grabot, một kẻ phiêu lưu đã mất tích trong rừng sâu trong một tình huống bí hiểm.

Nhưng mục đích của Malraux không phải là viết một tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm trong rừng. Một lần nữa, ông dùng tiểu thuyết để trình bày những ý tưởng của ông về con người, về thái độ con người trước vũ trụ và ý nghĩa cuộc sống. Claude và Perken là những kẻ phiêu lưu giống như Garine trong "*Những kẻ chinh phục*". Họ lấy hành động để giải quyết những thắc mắc và trăn trở siêu hình, dùng hành động để chống lại sự phi lý của cuộc đời, chứng tỏ sức mạnh không chịu khuất phục của con người trong một cuộc chiến đấu tay đôi với định mệnh. *Định mệnh* theo quan điểm của André Malraux có một ý nghĩa đặc biệt, đó là "những lực nhằm đè nén con người dưới sự thống trị của mình, bắt buộc cho con người nhận thức được đâu là thân phận con người, và ép con người phải cam chịu thân phận mình". Thân phận con người, theo Malraux, là sống với niềm cô đơn giữa một cõi đời xa lạ, là sự bất lực trước một thế giới phi lý, là sự mất nhân cách và phẩm giá trước những áp bức của xã hội, vì nghèo đói, vì bệnh tật, vì sự đau đớn của thể xác... Để chiếm lại phẩm giá con người, nhân vật anh hùng của Malraux là một con người nổi loạn trước sự phi lý của cuộc đời đã trở thành vô nghĩa, và chứng tỏ sức mạnh của mình bằng một hành động phi thường.

Trong "*Đường hoàng cung*", nhân vật của Malraux không tham gia vào một cuộc đấu tranh cách mạng, mà tự đặt ra một hành động mạo hiểm, và dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đơn độc, lấy đó làm chiến trường cho một cuộc chạm trán tay đôi với định mệnh. Định mệnh ở đây được thể hiện qua một môi trường thiên nhiên hết sức hiểm độc, bệnh tật trong rừng sâu, qua sự đau đớn thể xác, những vết thương quật ngã con người... Trong cả hai tác phẩm tiểu

thuyết đầu tiên của Malraux, kết quả của cuộc chiến đấu tay đôi giữa anh hùng phiêu lưu của Malraux và định mệnh là cuối cùng, nhân vật của Malraux vì bệnh hoạn, vì thương tích, phải ngưng cuộc chiến đấu. Một kết cục bi quan nói lên nỗi vô vọng của một cuộc chiến không cân bằng.

Năm 1933 quyển *La Condition humaine* ("Thân phận con người") ra đời. Quyển tiểu thuyết thứ ba của Malraux lấy lại bối cảnh là cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc, vào thời kỳ xảy ra cuộc tranh chấp giữa quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch và những lực lượng cộng sản trong thời kỳ manh nha. Quyển tiểu thuyết chấm dứt vào thời điểm xảy ra cuộc tàn sát các đảng viên cộng sản do quân đội Tưởng Giới Thạch tiến hành, trước khi Mao Trạch Đông quyết định cuộc trường chinh về phía Bắc để bảo toàn lực lượng.

Một lần nữa, tiểu thuyết của Malraux không phải là một tài liệu lịch sử, kể lại cuộc xung đột giữa các lực lượng Quốc Dân đảng và cộng sản năm 1927. "*Thân phận con người*", sau quyển "*Những kẻ chinh phục*", lại dùng bối cảnh lịch sử để trình bày quan điểm của tác giả về con người và ý nghĩa cuộc sống. Thay vì có một, hai nhân vật chính chi phối toàn bộ tác phẩm, quyển "*Thân phận con người*" dựng lên hàng chục nhân vật có tầm quan trọng ngang nhau : những chiến sĩ cách mạng, vài tên khủng bố quá khích, một nhà hiền triết Nhật, một nhân vật lập dị sống trong ảo tưởng và theo đuổi những câu chuyện hoang đường, một nhà tư bản Âu châu v.v. Một số nhân vật này vẫn bị dẫn dắt bởi những lo âu siêu hình : niềm đơn độc lẻ loi, nhận thức về sự phi lý của cuộc đời... và mỗi người tìm một phương cách giải thoát riêng cho mình. Nhưng điều mới là sự xuất hiện của những nhân vật anh hùng cách mạng. Những nhân vật này không còn bị ám ảnh vì những thắc mắc siêu hình, mà họ tìm thấy lẽ sống trong việc đấu tranh để đem lại hạnh phúc, danh dự và phẩm giá cho đồng loại của mình. Hành động có một mục đích lịch sử, trở thành một phương tiện để thay đổi trật tự xã hội, hoàn trả lại danh dự làm người, không phải cho một anh hùng đơn độc, mà cho toàn thể những người sống trong một cộng đồng. Với quyển "*Thân phận con người*", trong tác phẩm của Malraux xuất hiện một triết lý nhân bản cách mạng. Từ tình trạng suy đồi do thương tích, bệnh tật, gây ra khiến cho con người phải chịu khuất phục trước định mệnh, đến một tình trạng suy đồi do cực khổ khốn cùng, khiến con người mất hết nhân cách. Trật tự xã hội của người giàu khiến cho nhân phẩm bị chà đạp. Danh dự của người hùng cách mạng của Malraux là đứng lên chống lại một trật tự xã hội chối bỏ nhân phẩm và tìm thấy ý nghĩa cuộc sống trong cuộc chiến đấu này.

Quyển "*Thân phận con người*" được giải thưởng Goncourt cuối năm 1933, và sau này được công nhận là một trong những tác phẩm lớn nhất của nền văn học thế giới thế kỷ 20. Nhà văn 32 tuổi bỗng nhiên nổi danh, với một hào quang là kẻ trở về từ châu Á sôi sục, xa xôi và bí hiểm. Đối với xã hội Pháp vào những thập niên 1920-30, châu Á còn là một một lục địa xa vời, huyền bí, chìm trong màn sương mù của huyền thoại, tượng trưng cho phiêu lưu mạo hiểm... Những người có óc phiêu lưu đều bị thu hút, mê hoặc bởi vùng đất còn bí hiểm này. Nhiều huyền thoại được theo đuổi quanh tác giả quyển "*Thân phận con người*" (người đã tham gia vào hoạt động cách mạng tại Trung quốc, là ủy viên chính trị cạnh Borodine trong cuộc cách mạng Trung quốc...). Tác giả im lặng không dính chính, và huyền thoại kéo dài trong mấy thập niên, cho đến khi một học giả Hoa Kỳ, Walter Langlois, nghiên cứu tường tận về thời gian Malraux ở Đông Dương [5] và quyển tiểu sử André Malraux do Jean Lacouture viết, xuất bản năm 1973 [6], cho biết sự thật về thời gian nhà văn ở châu Á trong các năm 1924-1925. Cho đến năm Malraux viết quyển "*Thân phận con người*", ông chỉ biết có Việt Nam, và thời gian ông đặt chân lên đất Trung quốc là chỉ vồn vện mấy ngày vào mùa thu 1925 khi ông đến Hương Cảng mua bộ chữ in để có thể tiếp tục in tờ báo đối lập *Indochine*. Kinh nghiệm kể lại trong "*Thân phận con người*" về những người dân đen sống trong cảnh bần cùng, bị áp

bức và chà đạp, là những kinh nghiệm sống tại Việt Nam, khi André Malraux chứng kiến những bất công và cách đối xử đàn áp mà chính quyền thực dân dành cho người dân bị trị.

Quyển "*Thân phận con người*" chấm dứt một bộ ba tác phẩm được gọi là thuộc "thời kỳ châu Á" trong văn nghiệp của Malraux. Một năm hoạt động báo chí tại Sài Gòn chưa đủ để cho André Malraux một danh hiệu là chiến sĩ cách mạng, nhưng đã chuyển hướng ý nghĩ và hành động của ông khiến cho từ nay, André Malraux sẽ dành phần lớn cuộc đời và tác phẩm của mình cho cuộc chiến đấu cho công bằng xã hội, chống lại sự áp bức, chà đạp phẩm giá con người.

Sau cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân tại Đông Dương, trước hiểm họa bành trướng của chủ nghĩa phát-xít, Malraux tập trung nỗ lực đấu tranh chống lại nền độc tài phát-xít đang bắt đầu hoành hành tại châu Âu. Năm 1934 ông sang Bá Linh và Liên Xô, can thiệp đòi trả tự do cho những người bị chế độ phát-xít Đức cầm tù. Năm 1935 ông cho xuất bản một quyển sách ngắn *Le Temps du mépris* ("Thời khinh bạc"), tố cáo sự khinh bạc con người của chế độ phát-xít. Nhân vật chính là một đảng viên cộng sản bị phát-xít Đức giam giữ. Đây là thời kỳ mà André Malraux đi gần với chủ nghĩa cộng sản nhất.

### André Malraux và chủ nghĩa cộng sản

Malraux chưa bao giờ là một đảng viên cộng sản, tuy nhiên đối với chính quyền thực dân tại Đông Dương, một chính quyền bảo thủ, khư khư ôm lấy đặc quyền, những ai bảo vệ người dân bản xứ đều được gọi chung là "bolchevik". André Malraux có tiếng, trong thời gian ông đấu tranh tại Việt Nam, là một ký giả "đỏ" bị cộng sản mua chuộc. Nhưng trong tác phẩm của mình, trước quyển "*Thời khinh bạc*" Malraux thường có những nhận xét nghiêm khắc về thái độ cứng nhắc thường thấy nơi các đảng viên cộng sản. Trong "*Những kẻ chinh phục*", André Malraux đã dựng lên hai mẫu người đối lập : Garine là một loại anh hùng cá nhân, có một ý thức cao về phẩm giá con người, hành động một cách độc lập, không chịu gò bó vào một khuôn khổ, và con người cộng sản lạnh lùng và máy móc mà Borodine là nhân vật điển hình.

Trở về châu Âu, dấn thân vào cuộc chiến đấu chống phát-xít, có lẽ ông thấy đảng cộng sản có một tổ chức hữu hiệu nhất để chống lại phát-xít Đức vào thời điểm này. Quyển "*Thời khinh bạc*" ca ngợi cuộc chiến đấu và hy sinh của một đảng viên cộng sản bị bắt vào nhà tù phát-xít. Lần đầu tiên, nhân vật chính của Malraux là một đảng viên cộng sản, hoàn toàn tuân phục và chiến đấu theo đường lối của đảng. Không lạ gì khi các nhà phê bình văn học cộng sản đón tiếp một cách nồng hậu và ca ngợi tác phẩm này : "So với quyển "*Thân phận con người*", thì "*Thời khinh bạc*" đánh dấu một bước tiến lớn trong việc thấu hiểu các vấn đề của cuộc cách mạng vô sản và chủ thuyết cộng sản" [7].

Năm 1936, nội chiến Tây Ban Nha bùng nổ. Quân đội phát-xít của tướng Franco làm đảo chánh lật đổ chính phủ cộng hòa dân cử. André Malraux không do dự, dấn thân vào cuộc chiến đấu bảo vệ nền cộng hòa Tây Ban Nha, cầm đầu một lữ đoàn quốc tế gồm những chí nguyện quân thuộc mọi quốc tịch dùng phi cơ để yểm trợ cho quân đội cộng hòa và du kích quân Tây Ban Nha trong các trận đánh chống quân của Franco. Trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, lần đầu tiên André Malraux có dịp gần gũi và chạm trán với các đảng viên cộng sản.

Năm 1937, trong khi cuộc nội chiến Tây Ban Nha còn đang tiếp diễn, Malraux đã viết xong và xuất bản quyển tiểu thuyết *L'Espoir* ("Niềm hy vọng"). Quyển sách được viết với mục đích tuyên truyền cho cuộc chiến đấu cho dân chủ của phe cộng hòa tại Tây Ban Nha, nhưng tác



giả cho thấy, trong hàng ngũ phe chống phát-xít có những chiến sĩ chiến đấu trong một tinh thần bảo vệ cho dân chủ, công bằng và tự do, và một số khác sẵn sàng hy sinh tất cả cho mục đích chiến thắng của họ, nghĩa là cũng không ngần ngại dùng những biện pháp độc tài, bất công, miễn là đạt được mục đích cuối cùng. Malraux tỏ ý hoài nghi về tương lai của cách mạng và nêu lên câu hỏi : cuộc chiến đấu cho tự do và phẩm giá con người còn ý nghĩa không, nếu trong cuộc chiến đấu đó phải phản bội lại chính những lý tưởng làm mục tiêu cho cuộc chiến đấu ?

Biến cố làm cho André Malraux hoàn toàn xa rời với đảng cộng sản là Hiệp ước bất tương xâm ký kết giữa chế độ quốc xã của Hitler và chính quyền Liên Xô của Staline năm 1939.

### Đông Dương trong hồi tưởng

Năm 1965, trong khi làm Tổng trưởng Văn hóa cho Tổng thống De Gaulle, André Malraux thực hiện một cuộc viễn du sang châu Á bằng đường biển, mà chặng cuối là Bắc Kinh và cuộc hội kiến với Mao Trạch Đông. Trong cuộc du hành, ông ghi lại cảm tưởng và ký ức của mình. Những ghi chép trong hành trình sẽ là chất liệu để Malraux viết tập *Antimémoires* ("Phản hồi ký"), xuất bản năm 1967. Chiếc tàu *Cambodge* đến vùng châu Á và bỏ neo tại hải cảng Singapore. Đây là dịp để Malraux nhớ lại những kỷ niệm dân thân đấu tranh tại Việt Nam.

Câu chuyện người công nhân nhà in tại Sài Gòn trở về trong ký ức của ông : do những áp lực và đe dọa của nhà nước thuộc địa, không còn nhà in nào dám nhận in tờ báo *Indochine* của cặp André Malraux và Paul Monin; hai người tìm cách ráp được một máy in thủ công, nhưng thiếu các bộ chữ để in báo. Malraux phải sang Hương Cảng vào mùa thu năm 1925 để tìm mua các bộ chữ in. Các bộ chữ được giao, nhưng lại thiếu hết các dấu sắc, huyền, mũ... cần thiết để in tiếng Pháp, vì bộ chữ mua tại Hương Cảng làm cho sách, báo tiếng Anh, không cần dấu. Nhóm chủ trương báo *Indochine* bối rối trước tình huống bất ngờ này, nhưng một buổi tối, một công nhân người Việt gõ cửa tìm đến nhà báo. Anh mở ra một gói đồ trên bàn, toàn là những dấu sắc, huyền... mà anh đã lấy cắp nơi nhà in anh ta làm việc để giúp Malraux có thể tiếp tục ra báo. Malraux cảm động nhìn người công nhân nhà in : nếu anh ta bị bắt gặp khi lấy cắp, anh sẽ phải ra tòa bị xét xử, không phải với tư cách một chiến sĩ cách mạng, mà như là một tên trộm tầm thường. Câu chuyện này, ông đã kể một lần đầu khi viết lời tựa cho quyển sách *Indochine S.O.S.* của Andrée Viollis, xuất bản năm 1935. Ba mươi năm sau, trong chuyến viễn du trở về chốn cũ, câu chuyện lại trở về đậm nét trong ký ức ông để nhà văn ghi lại trong quyển *Antimémoires*. Một lần nữa sau này, vào cuối năm 1972, khi ông bệnh nặng được đưa vào điều trị tại nhà thương Salpêtrière ở Paris, trong cơn mê sản giữa sự sống và cõi chết, những hình ảnh mạnh mẽ nhất đánh dấu cuộc đời ông nối tiếp nhau hiện ra rộn rã trong ký ức. Và câu chuyện người thợ in Sài Gòn lại trở về cùng với những kỷ niệm hào hùng trong cuộc đời hoạt động và chiến đấu của nhà văn, từ cuộc cách mạng Tây Ban Nha đến cuộc kháng chiến chống Đức quốc xã. Những hình ảnh này cùng với câu chuyện người thợ in được Malraux gợi lại trong quyển *Lazare*, viết sau khi ông thoát chết sau cơn bạo bệnh, và sau này in lại trong tập tự thuật *La Corde et les souris*, xuất bản năm 1976.

Nếu câu chuyện người công nhân nhà in Sài Gòn, thật ra không có gì ly kỳ mà còn rất tầm thường nhưng lại để một dấu ấn mạnh mẽ đến như vậy trong tiềm thức của Malraux, đó là vì nó có tính cách biểu trưng cho tình huynh đệ, tình đồng chí, hay cao cả hơn là tình người. Một tình người mà những nhân vật của Malraux xem như là một khí giới để chống lại những gì là phi nhân mà trật tự xã hội hay định mệnh áp đặt để khống chế con người.

Trong lúc Malraux trở lại vùng Viễn Đông trên chiếc tàu *Cambodge*, chính sách của Tổng thống De Gaulle về một kế hoạch trung lập hóa miền Nam Việt Nam đã khiến cho bang giao giữa chính phủ miền Nam và Pháp căng thẳng. Khi tàu ghé bến Singapore, đại sứ Pháp tại Việt Nam lúc đó gửi điện tín đến André Malraux khuyên ông không nên ghé Sài Gòn. Tại Singapore, ông đáp một chuyến phi cơ bay thẳng từ Singapore sang Hương Cảng. Phi cơ băng ngang khu rừng rậm và vượt qua dãy Trường Sơn; từ cửa kính phi cơ ông nhìn thấy hải cảng Đà Nẵng và các chiến hạm Mỹ bỏ neo nằm im lìm dưới nắng.

Trong lần trở lại miền đất Đông Dương sau đúng 40 năm, André Malraux đã không có dịp đặt chân lần nữa lên thành phố Sài Gòn, nơi chứng kiến một quãng đời sôi nổi của một nhà văn trẻ, tuổi ngoài 20, nay đã trở thành Tổng trưởng Văn hóa Pháp.

Thời gian ngắn ngủi Malraux lưu lại Việt Nam đã có một ảnh hưởng quyết định trên tư tưởng và hành động của nhà văn. Từ những kinh nghiệm chứng kiến tại Việt Nam về một chính sách thực dân hà khắc đàn áp con người và cuộc đấu tranh của ông để bênh vực cho người dân bị trị tại Đông Dương, ông đã xây dựng trong tác phẩm một hệ thống tư tưởng triết lý nhân bản đề cao danh dự và phẩm giá con người, chống lại mọi thế lực tàn phá và hủy hoại niềm kiêu hãnh làm người. Trong cuộc đời hoạt động của Malraux, từ đó ông đã chọn con đường đấu tranh giải phóng con người thoát khỏi sự bất công, đàn áp, chiến đấu cho gì mà ông gọi là "công bằng xã hội". Malraux không bao giờ chối bỏ tầm quan trọng của thời gian ông ở Đông Dương trong cuộc chiến đấu sau này trong cuộc đời ông. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà văn Guy Suarès năm 1973, ông nói : *"Tôi nghĩ là trong đời tôi, Đông Dương có một vai trò thiết yếu. Khi những người bản xứ đã đứng ra bảo vệ tôi, có một cái gì đó đã chuyển hướng. Trước đó, không phải là tôi đứng phía bên kia. Phía bên kia, là sự thờ ơ. Nhưng sự gắn bó của tôi đối với - nói giản dị cho dễ hiểu - đối với sự công bằng xã hội đã phát sinh vào lúc đó"*. [8]

Ông cũng nhắc lại điều này trong các tác phẩm tự thuật viết vào những năm cuối đời : *"Tôi đã được đưa đẩy tới Cách Mạng, theo quan niệm người ta nghĩ vào khoảng năm 1925, vì sự ghê tởm chế độ thực dân mà tôi đã biết tại Đông Dương"*. [9]

André Malraux là một trong những nhà văn nhân bản lớn nhất của thế kỷ 20, có một cuộc đời hoạt động dài dấn thân bền bỉ chiến đấu cho sự cao cả của con người trước những thử thách của định mệnh. Chúng ta không nên quên ảnh hưởng quyết định của thời gian ngắn ngủi tại Việt Nam trong hành động, tư tưởng và trong tác phẩm của ông.

Vĩnh Đào

### Chú thích

[1] - Julien Green, *Journal I*, Plon, 1938, tr. 23

[2] - Trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient) được thành lập năm 1889 với mục đích "nghiên cứu khảo cổ và ngữ học trên bán đảo Đông Dương", trụ sở đặt tại Hà Nội.

[3] - Tập san *Europe*, xuất bản tại Paris, số 31, ngày 15-7-1925.

- [4] - Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Saigon, nxb Đại Nam, 1960, tr. 700. Cụ Phan Chu Trinh cũng nhắc lại những ý kiến này trong một bài báo đăng trong tờ *Indochine* ngày 29-6-1925.
- [5] - Walter G. Langlois, *André Malraux, L'aventure indochinoise*, Mercure de France, 1967.
- [6] - Jean Lacouture, *André Malraux, Une vie dans le siècle*, Seuil, 1973.
- [7] - Tạp chí *Văn học quốc tế* của Liên Xô, số 8, 1935.
- [8] - Guy Suarès, *Malraux, celui qui vient*, Stock + Plus, 1974, tr. 38.
- [9] - *La Corde et les souris*, 1976, Folio, tr. 13.



Eugène Dejean de la Batie

## Quelques notes sur Eugène Dejean de la Batie

Vĩnh Đào

**E**ugène Dejean de la Batie jouait un rôle très actif pendant les années 1920 au sein des nationalistes et opposants à l'administration coloniale en Indochine qui réclamaient des réformes radicales dans la colonie. De père français, haut fonctionnaire de surcroît, et de mère vietnamienne, il se rangeait non pas du côté de l'administration coloniale comme on pouvait s'y attendre, mais combattait avec acharnement aux côtés de célèbres leaders nationalistes vietnamiens comme Ta Thu Thâu, Nguyễn An Ninh, Bui Quang Chiêu, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... Dejean de la Batie était l'un des principaux collaborateurs du journal vietnamien de langue française *L'Echo Annamite*, dans lequel il déclarait lutter en vue de défendre "la race à laquelle je dois ma mère".

Walter G. Langlois rapporte que Dejean de la Batie était connu depuis longtemps comme un partisan actif de la réforme au sein de la colonie. De retour à Saigon après un exil politique en France, Phan Châu Trinh l'avait reçu presque comme un fils. (1)

Printemps 1925, André Malraux préparait avec l'avocat Paul Monin la sortie d'un journal qui allait s'appeler *L'Indochine*. Alors que la quasi-totalité des journaux saonnais de l'époque

étaient à la solde du gouvernement, *L'Indochine* serait un instrument destiné à propager des critiques virulentes à l'encontre de la politique coloniale. C'est Dejean de la Batie qui allait assumer les dangereuses fonctions de gérant du nouveau journal.

La loi exigeait qu'un citoyen français fût légalement responsable en tant que gérant de tout journal qui demandait l'autorisation de paraître. Comme son père était un diplomate français de haut rang et pendant un temps ministre plénipotentiaire en Indochine, l'administration coloniale n'osa pas inventer un prétexte pour refuser un visa à Dejean de la Batie, bien qu'elle n'ignorât pas que *L'Indochine* serait un dangereux journal d'opposition.

Malraux et Monin trouvaient en Dejean de la Batie, "le collaborateur le plus sûr, compétent et fidèle". En effet, comme le juge Jean Lacouture: "Excellent professionnel, militant et déterminé, ami fidèle, sachant résister aux pressions comme aux menaces qui furent adressées à sa famille, Dejean de la Batie fut un élément de base de *L'Indochine* aux côtés de Monin, de Clara et d'André Malraux." (2)

Au sein du journal *L'Indochine*, Dejean de la Batie n'était pas simplement gérant, mais était aussi chroniqueur et journaliste. La décision de Dejean de la Batie de quitter *L'Echo Annamite*, journal exclusivement vietnamien, pour s'associer à deux Français, en l'occurrence Malraux et Monin, suscitait quelques commentaires défavorables de la part de ses amis vietnamiens, mais Dejean de la Batie justifiait sa décision en ces termes : "Si j'ai quitté une feuille exclusivement annamite, c'est pour mieux servir la cause; puisqu'à présent on met à ma disposition des moyens puissants de la faire aboutir au succès. J'aurais peut-être manqué à mes devoirs si j'avais refusé mon concours à des Français qui vont au devant des Annamites, les bras tendus, le cœur ouvert, et décidés à se faire les champions des revendications légitimes des indigènes". (3)

Dejean de la Batie demeura fidèle à cet engagement durant toute l'existence de *L'Indochine*, en dépit des menaces dirigées contre lui et contre certains de ses parents.

Les autorités coloniales multipliaient les pressions et les tracasseries policières auprès des imprimeurs de Saigon afin de les dissuader d'imprimer *L'Indochine*. Le journal avait paru d'une façon régulière tous les jours pendant deux mois. A la fin, ne trouvant plus

d'imprimeur, le journal cessa de paraître après son 49ème numéro. Avec l'aide de nombreux sympathisants vietnamiens qui travaillaient dans les grandes imprimeries de Saigon, Malraux et Monin réussissaient à rassembler de vieilles pièces afin de monter une presse. Malraux entreprit un voyage à Hongkong en automne 1925 pour acheter des caractères d'imprimerie. Grâce à ce matériel de fortune, il pouvait recommencer la publication de son journal à partir de novembre 1925 sous un nouveau nom: *L'Indochine Enchaînée*. Dejean de la Batie continua à remplir la mission de gérant du nouveau journal jusqu'au numéro huit. Puis il passa à *La Cloche fêlée*, "organe de propagande démocratique" dirigé par Nguyen An Ninh, autre célèbre leader nationaliste vietnamien. Dejean de la Batie fut remplacé par Malraux lui-même à *L'Indochine Enchaînée*.

Il faut enfin noter que d'après Jean Lacouture, le personnage de Kyo, un des personnages principaux de *La Condition Humaine*, a été probablement inspiré par Dejean de la Batie: "On pourra observer que l'idée bizarre de faire de Kyo, le chef de l'insurrection de Shanghai, un Eurasien, est peut-être venue du personnage généreux du métis Dejean de la Batie,

cofondateur de *"l'Indochine."* (4) Il est intéressant de se rappeler que plusieurs critiques croyaient que Chu En Lai aurait inspiré à Malraux le personnage de Kyo. Quand Malraux a publié *La Condition Humaine* en 1933, après *Les Conquérants* en 1928, on croyait que l'auteur avait été intimement lié aux luttes révolutionnaires en Chine et combattu notamment aux côtés de Borodine. Cette légende, que Malraux lui-même avait complaisamment contribué à entretenir, fut à l'origine de bien de confusions et malentendus. En réalité, l'expérience asiatique de l'auteur de *La Condition Humaine* se résumait à deux séjours en Indochine, passés principalement à Saigon. Il est donc invraisemblable que le personnage de Kyo eût été inspiré par Chu En Lai. Il est dès lors plus crédible de penser comme Jean Lacouture, que Dejean de la Batie aurait été pour Malraux le modèle de Kyo.

Vinh Dao

(1) - Walter G. Langlois, *André Malraux, l'aventure indochinoise*, Mercure de France, 1966, p. 69.

(2) - Jean Lacouture, *André Malraux, une vie dans le siècle*, Seuil, 1973, p.91.

(3) - *L'Indochine*, 22 juin 1925.

(4) - Jean Lacouture, op. cité, p. 115

# Chữ quốc ngữ bành trướng từ Nam ra Bắc

Nguyễn Phú Phong

## 1. Chữ quốc ngữ buổi đầu ở Nam Kỳ thuộc Pháp

Từ *quốc ngữ* dùng ở chương này dùng để chỉ tiếng Việt và chữ viết theo mẫu tự La Tinh. Tình hình dạy quốc ngữ ở Nam Kỳ từ buổi đầu Pháp mới chiếm đóng có những điểm đáng nêu ra sau đây.

Ngày 17.2.1859, ngay khi đổ bộ lên Sài Gòn, đô đốc R. de Genouilly đã thấy có mặt tại đây một chủng viện và một trường học gọi là Trường d'Adran do Hội Truyền Giáo Nước Ngoài thiết lập. Học sinh trường này học đọc và học viết chữ quốc ngữ. Họ cũng được học tiếng La Tinh, đôi khi vài chữ/tiếng Pháp nhưng rất hiếm. Dĩ nhiên, quân viễn chinh Pháp phải nhờ đến Hội Truyền Giáo để được cung cấp những người thông ngôn đầu tiên; các người này về ngoại ngữ chỉ biết tiếng La Tinh, nhưng một thứ tiếng La Tinh tồi.

Năm 1861, một trường dạy tiếng Việt được thiết lập ở Sài Gòn để đào tạo những viên thông ngôn người Pháp, các người này về sau trở thành những giáo sư đầu tiên về bộ môn tiếng Việt. Học viên người Âu của trường này đều xuất thân từ bộ binh hoặc hải quân Pháp. Điều đáng ghi nhận là trường này vốn là cơ sở hành chánh chứ không phải giáo dục.

Ngày 31.3.1863, đô đốc Bonard ra quyết định tái lập các hạt giáo dục cũ (do nhà Nguyễn thiết lập) với các chức đốc học, giáo thọ, huấn đạo; tạo chỗ cho học sinh các loại: học sanh, tú tài, cử nhân; tái lập các cuộc thi hương (mà kỳ đầu tiên phải được thực hiện năm 1864). Kiến thức về chữ quốc ngữ không bắt buộc trong các kỳ thi nhưng thí sinh biết thứ chữ viết này được ưu đãi hơn.

Bắt đầu năm 1866, việc dạy tiếng Pháp cho người Việt Nam được khởi sự nhưng vẫn còn nằm trong tay các giáo sĩ; giáo hội lần hồi mở trường ở Mỹ Tho, Vĩnh Long và Chợ Lớn. Các trường học nhà dòng được chính quyền thuộc địa trợ cấp, đã phát triển đáng kể trong 5 năm trời.

Dưới thời đô đốc Ohier, năm 1869, một số trường được lần lượt mở ra ở Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Tân An, Rạch Giá, Cần Giộc, Ích Thạnh (?), để dạy cho bọn tráng niên chữ quốc ngữ và những bài vỡ lòng tiếng Pháp.

Ngày 17.11.1874, đô đốc Dupré ra quyết định tổ chức lại hoàn toàn nền giáo dục quốc dân. Nền giáo dục này được tuyên bố là miễn phí và tự do, tuân theo qui định chung của giáo dục quốc dân ở Pháp. Việc giáo dục (ở Nam Kỳ lúc đó) chịu mệnh lệnh trực tiếp của giám đốc nội vụ và đặt dưới sự giám sát của các trường quận mà trách nhiệm thuộc về các viên chức hành chánh.

Các trường làng dạy chữ Hán bị bãi bỏ hoặc sáp nhập vào trường ở quận lỵ, biến thành một trường duy nhất dạy chữ quốc ngữ. Có sáu trung tâm thanh tra: Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre, Sóc Trăng, mỗi nơi đều có một trường Pháp.



Có thể nói rằng buổi đầu thời Nam Kỳ thuộc địa Pháp, tổ chức giáo dục ở đây còn đang trong thời kỳ mò mẫm, việc đem chữ quốc ngữ thay thế hán chữ nôm và chữ Hán có khi phải khựng lại, bằng chứng là việc tái lập các chức đốc học, giáo thọ, huấn đạo, và tổ chức lại các cuộc thi hương.

Việc thứ hai đáng ghi nhận là giáo dục được đặt dưới quyền của một viên chức nội vụ, tức là phụ trách an ninh.

Nhận xét thứ ba là vì nhu cầu hành chánh mà người Pháp lúc bấy giờ học tiếng Việt và những người này đều xuất thân từ quân đội.

Có một sự khác biệt lớn giữa người Việt và người Pháp hay người ngoại quốc trong việc học quốc ngữ. Người Việt học quốc ngữ là học đọc và học viết tiếng mẹ; ngữ nghĩa và cú pháp tiếng Việt họ đã nắm. Còn người ngoại quốc học quốc ngữ thì phải rèn luyện cú pháp, ngữ nghĩa, đọc và viết. Người Việt học chữ Hán không phải học viết mà thôi mà còn học đọc, học nghĩa, học cách dùng, tóm lại là học một ngoại ngữ.

Nói chung bước đầu của chữ quốc ngữ ở miền Nam gặp nhiều khó khăn vì nhiều lý do. Tại những người chủ xướng là ngoại nhân đi chinh phục. Tại họ là những quân nhân chỉ lấy những biện pháp cấp thời để giải quyết những vấn đề giai đoạn nên không có một cái nhìn lâu dài. Tại việc giáo dục mới mà chữ quốc ngữ là công cụ chuyển tải chính mặc dù có những kiện tướng như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, phải đương đầu với một hàng ngũ còn hùng mạnh thuộc trường học Hán-nôm truyền thống mà đại diện là các nhà nho yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, v.v. Cuộc đối địch không thuần xảy ra giữa hai chữ viết của một ngôn ngữ mà còn giữa hai thái độ chính trị, hợp tác và chống đối; giữa các tôn giáo, đạo Kỳ Tô một bên, và Nho, Đạo và Phật, bên kia.

## **2. Chữ quốc ngữ lan rộng ra phía Bắc**

Sau khi được sử dụng làm chữ viết "chính thức" của tiếng Việt ở Nam Kỳ thuộc Pháp, chữ quốc ngữ bành trướng ra phía Bắc. Những biến cố lịch sử có tác động vào, hoặc đánh dấu lên, sự bành trướng này là:

- Ngày 15.3.1874, Triều đình Huế ký hiệp ước thừa nhận chủ quyền Pháp trên lãnh thổ Nam Kỳ, từ địa giới phía nam tỉnh Bình Thuận trở vào Nam.
- Ngày 25.4.1882, Pháp đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai. Hà Nội thất thủ, Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết.
- 25.8.1883, Triều đình Huế ký với Pháp hiệp ước Harmand thừa nhận Nam Kỳ là thuộc địa Pháp, thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.
- 6.6.1884, Triều đình Huế và Pháp ký hiệp ước Patenôtre theo đó nước Pháp sẽ thay mặt nước An Nam trong mọi quan hệ đối ngoại. Như vậy từ đây chữ/tiếng Hán nhường bước cho chữ/tiếng Pháp trên mặt ngoại giao. Một cách lặng lẽ trong các cuộc giao thiệp quốc tế, tiếng Việt/chữ quốc ngữ hoàn toàn vắng bóng, chịu sự "bảo hộ" của tiếng Pháp.

- 27.1.1886, Tổng thống Pháp bổ nhiệm Paul Bert sang cai trị Trung-Bắc Kỳ, mở đầu chế độ văn quan thay chế độ võ quan trước đó. Cũng năm này Paul Bert thiết lập *Bắc Kỳ Hàn lâm viện (Académie Tonkinoise)*.

- 1895, Phan Đình Phùng mất, phong trào Cần Vương mà Phan là chủ tướng cũng tắt theo. Bài thơ tuyệt bút của Phan Ngự sử nói lên tâm sự của một người bày tôi phò vua cứu nước theo quan niệm của một nhà nho yêu nước truyền thống được viết bằng Hán văn.

- 1896, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho thành lập một trường Pháp-Việt ở Huế, gọi là *Trường Quốc học Huế*.

- 6.6.1898, Toàn quyền Đông Dương đặt thêm một kỳ thi phụ cho khoa thi Hương trường thi Nam Định. Môn thi gồm năm bài tiếng Pháp: viết tập, chính tả, dịch Pháp ra Việt, hội thoại, đọc và dịch miệng (hệ số 5); chính tả tiếng Việt (hệ số 3); bài dịch từ Hán văn ra tiếng Việt (hệ số 4). Ai đã đỗ tú tài, cử nhân kỳ thi Hương chính mà còn đỗ cả kỳ phụ sẽ được ưu tiên chọn ra làm quan.

Việc đưa tiếng Pháp làm môn thi ở Trường Nam Định là một biến cố quan trọng vì tính cách biểu tượng của trường thi này trong chế độ khoa cử theo nho học của Việt Nam. Trần Văn Giáp (1941: 2) có nói qua lịch sử tỉnh Nam từ đời Hùng Vương để kết luận: "Trong khoảng một trăm năm trước đây, tỉnh Nam-định sở dĩ có tiếng, toàn quốc thiếu-niên nào bậc anh-tuấn, nào người ngu-độn, ai ai cũng chú-trọng đến tỉnh Nam, là vì có trường-thi hương ở đó."

- 15.12.1898, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra nghị định thành lập *Phái đoàn Khảo cổ học Thường trực tại Đông Dương (Mission Archéologique Permanente en Indochine)*, đến 20.10.1900 đổi gọi là *Trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient)*.

- 30.12.1898, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh về chế độ báo chí ở Đông Dương.

- 20.6.1903, Thống sứ Bắc Kỳ ra nghị định thành lập *Trường Hậu bổ Hà Nội (Ecole d'apprentis mandarins)* theo chỉ thị ngày 9.2.1897 của Tổng thư ký Phủ Toàn quyền Đông Dương. Ngày 18.4.1912 Trường Hậu bổ Hà Nội đổi thành *Trường Sĩ hoạn (Ecole des Mandarins)*. Ngày 15.10.1917, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định lập *Trường Pháp chính Đông Dương (Ecole de Droit et d'Administration)* thay cho hai trường Sĩ hoạn Hà Nội và Hậu bổ Huế (thiết lập ngày 5.5.1911).

- 27.4.1904, Pháp cho thiết lập chương trình giáo dục hệ Pháp-Việt ở Bắc kỳ.

- 5.1904, Thành lập *Hội Duy Tân* ở Quảng Nam. Hội này do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội trưởng mà mục đích là *Khôi phục nước Việt Nam, lập thành nước quân chủ lập hiến*. (Xin đừng lẫn lộn Hội Duy Tân với Phong trào Duy Tân do Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng chủ xướng.)

- 7.1905, Mở đầu *Phong trào Đông du* của Duy Tân hội. Phan Bội Châu viết *Khuyến quốc dân du học văn*.

- 8.3.1906, Toàn quyền Đông Dương cho thiết lập *Hội đồng Hoàn thiện nền giáo dục bản xứ (Conseil de Perfectionnement de l'enseignement indigène)*.

Như vậy từ đầu thế kỷ 20 trở đi, sau khi cuộc đấu tranh vũ trang của Phong trào Cần Vương tan rã, nước Việt Nam dưới mắt người Pháp, xem như đã được bình định, nhà cầm quyền Pháp bắt đầu đặt để những cơ chế về hành chánh, giáo dục để cai trị các xứ thuộc địa và bảo hộ. Các cơ chế chính quyền của Triều đình nhà Nguyễn dần dần hoặc bị thay thế hoặc bị làm suy yếu đi không còn thực quyền. Hán học, nền tảng của công cuộc đào tạo sĩ phu, quan chức nhà Nguyễn, theo đó cũng tàn tạ nhường chỗ cho lớp quan chức mới xuất thân từ các trường Pháp-Việt. Chữ quốc ngữ từ trong Nam lan ra đất Bắc, xen vào các kỳ thi; biết quốc ngữ trở thành một yêu cầu để bước vào quan trường. Tuy vậy vào cuối thế kỷ 19, những bước đầu của quốc ngữ ở miền Bắc còn rất e dè, như lời tự thuật của nhà nho Nguyễn Bá Học: "Tôi lúc mới học quốc-ngữ thường không dám học to tiếng, chợt có khách đến phải giấu ngay sách vào trong túi áo, hình như có hai mươi bốn mẫu-tự quốc ngữ, là một cái sách bí-mật cấm thư". (xem *Cụ Nguyễn-Bá-Học, Nam Phong*, số 50, aoút 1921, tr. 167).

### 3. Bước ngoặt quyết định của chữ quốc ngữ

Nhưng bước ngoặt quyết định dẫn đến sự thành công của chữ quốc ngữ là do chính các nhà nho trong hàng ngũ Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục.

Phong trào Duy Tân phát động từ năm 1905 ở Quảng Nam với ba lãnh tụ: Trần Quý Cáp (1871-1908), quê huyện Điện Bàn, Quảng Nam, đậu tiến sĩ năm 1904; Phan Châu Trinh (1872-1926), quê huyện Tiên Phước, Quảng Nam, đậu phó bảng năm 1901; Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), quê huyện Tiên Phước, Quảng Nam, đậu tiến sĩ khoa hội thi năm 1904. Bộ ba này năm 1905 nhân chuyến vào Nam, đến Bình Định, mượn tên ứng thí trong một kỳ thi đã làm hai bài thơ *Chí thành thông thánh* và *Danh sơn lương ngọc* đã kích những người còn *bát cổ văn chương thụy mộng trung* (*ngủ mê trong giấc mộng văn chương bát cổ*). Hai bài thơ này rõ ràng tấn công vào nền cựu học, bài xích cái học cử nghiệp, mở đầu cho chủ trương tân học sau này của Phong trào.

Đông Kinh Nghĩa Thục khai giảng tháng 3, 1907 tại phố Hàng Đào, Hà Nội, chương trình noi theo đường lối *tân học* của Trung Quốc và Nhật Bản. Trong các sĩ phu sáng lập có cụ cử Lương Văn Can, thực trưởng của Trường; cụ huân Nguyễn Quyền, giám học; cụ án Nghiêm Xuân Quảng, v.v., và một số nhà tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, v.v. Trọng tâm các trước tác của Đông Kinh Nghĩa Thục nhắm vào hai mặt, đánh đổ và xây dựng. Đánh đổ các hủ tục, lối nhắm mắt học từ chương theo kiểu khoa bảng cũ, các tư tưởng thoái hoá của tầng lớp sĩ phu thủ cựu. Xây dựng bằng cách hướng sự học vào các khoa học kỹ thuật mới, xem nặng thực nghiệp, chấn hưng công thương nghiệp. Và nhất là kêu gọi học chữ quốc ngữ.

Từ buổi đầu cuộc chiếm đóng Nam Kỳ của Pháp đến khi Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời, nửa thế kỷ trôi qua, chữ quốc ngữ đã lọt xác dưới mắt các sĩ phu Việt Nam. Chữ quốc ngữ trước kia bị xem như một toan tính của chính quyền thuộc địa hòng La Mã hoá nền quốc học Việt Nam, như một vũ khí đi chinh phục của ngoại nhân, bây giờ được đón tiếp như một công cụ chuyển tải hữu hiệu những tư tưởng yêu nước, những tri thức mới. Như vậy là từ một công cụ La Mã chữ viết bị ép buộc, việc áp dụng chữ quốc ngữ đã chuyển thành một cuộc La Mã hoá đồng thuận và tự nguyện. Và chuyện lọt xác này phần lớn lại do tác động của các nhà nho, của các ông tiến sĩ, phó bảng, thám hoa, cử nhân triều Nguyễn, những người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, tinh thông chữ Hán.

Lập trường của ba vị Trần, Phan và Huỳnh, của Phong trào Duy Tân, đối với chữ quốc ngữ thực quá rõ ràng qua *Bài hát khuyên học chữ quốc ngữ* mà tác giả chắc là Trần Quý Cáp, có đoạn:

*... Chữ quốc ngữ là hồn trong nước  
Phải đem ra tính trước dân ta  
Sách các nước, sách Chi Na  
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra tỏ tường...*

Bài thơ này cũng được xếp vào thơ văn của Đông Kinh Nghĩa Thục (xem Vũ Văn Sách và đtg, 1997: 110) chứng tỏ rằng hai phong trào đều có những chủ trương giống nhau về ngôn ngữ và chữ viết. Hơn nữa một người như Phan Tây Hồ chẳng hạn lại cùng hoạt động ở cả hai bên.

Khuyên học chữ quốc ngữ không phải là một trào lưu cách biệt mà là một bộ phận trong một phong trào qui mô hơn có thể gọi là sách lược học văn minh theo đường lối mới.\* Như vậy ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy xuất hiện một hiện tượng khác của phong trào, việc cổ động hót tóc:

Cúp hề! cúp hề!  
Tay mặt cầm kéo  
Tay trái cầm lược  
Cúp hề! cúp hề!  
Đừng đỉnh cho khéo.  
Bỏ cái ngu mày,  
Bỏ cái dại mày,  
Học theo người Tây.  
Hãy còn ăn mặn,  
Hãy còn nói láo,  
Phen này ta cúp,  
Phen sau ta cạo. (*Về cúp tóc*)

Phản ứng lại phong trào hót tóc, nổi lên vụ án thế phát về phía chính quyền: những người có mái tóc hót ngắn bị các quan bắt bớ. Các nhà nệ cổ cũng làm thơ chống đối:

Mồ cha, mả mẹ anh đâu?  
Còn vua còn chúa, hỏi anh cúp cái đầu thờ ai?  
Chữ rằng phục quốc Tây lai,  
Xem trong Nam Việt ai ai cũng buồn tình.  
Nước Nam mình còn miếu, còn đình,  
Còn khoa, còn mục, còn mình, còn ta,  
Làm chi khác thể ông thầy chùa,  
Khỏi râu, khỏi thuế cũng nên đưa cúp đầu.

Xem thế, cái phạm vi của nền văn minh mới mà phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục cổ vũ thật là đa dạng, rộng rãi và bao quát. Việc dạy và học quốc ngữ trong ý đồ Pháp hoá (francisation) dân thuộc địa của chính quyền Pháp ở Đông Dương trở thành một chủ trương nhằm giáo hóa dân chúng của các nhà nho thức thời mà mục đích cuối cùng vẫn là giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho nước nhà.

#### **4. Thắng lợi vĩnh viễn của chữ quốc ngữ**

Như vậy *chữ quốc ngữ* loại hẳn *chữ nôm* để dùng viết tiếng Việt trên toàn cõi Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 và từ đó danh từ *chữ quốc ngữ* thường được dùng để chỉ *tiếng Việt* nhiều hơn để chỉ *chữ viết*. Cứ đọc kỹ *Bài hát khuyến học* ở trên thì ta thấy ngay. Khi nói *Chữ quốc ngữ là hồn trong nước* thì các cụ nhà nho muốn nói *Tiếng Việt là hồn trong nước* chứ chẳng lẽ trước khi chữ quốc ngữ được các nhà truyền giáo Âu Châu phát minh nước ta không có hồn hay sao? Sau này có kẻ hậu bối dựa heo câu hát này mà nói lên lời *Tiếng ta còn thì nước ta còn*. Còn trong hai câu: *Sách các nước, sách Chi Na. Chữ nào nghĩa ấy dịch ra tỏ tường...* thì quả là *chữ nghĩa* ở đây là thuộc về *từ* chứ không thuộc về *tự*, và dịch ra thì dịch ra tiếng Việt chứ không thể dịch ra chữ quốc ngữ hiểu như chữ viết.

Tình hình thắng lợi của chữ quốc ngữ trong cuộc cạnh tranh với chữ nôm và sự lẫn lộn giữa chữ viết (chữ quốc ngữ) và ngôn ngữ (tiếng Việt) được thể hiện rõ trong bài diễn văn của đại úy Jules Roux\* đọc ở Toà Đốc lý quận 6 Paris, ngày 6.7.1912 nhan đề là: *Le triomphe définitif en Indochine du mode de transcription de la langue annamite à l'aide des caractères romains ou "Quốc ngữ"* [Cuộc thắng lợi vĩnh viễn của phương thức ghi tiếng Annam bằng con chữ La Mã hay "Quốc ngữ"]. Dưới đây xin trích ra một số đoạn của bài diễn văn nói lên sức mạnh và sự thành công của quốc ngữ theo quan điểm của một người Pháp có thiện cảm và tin tưởng vào tiếng Việt.

Trước hết Roux xác nhận *quốc ngữ* - Roux dùng *quốc ngữ* thay vì *chữ quốc ngữ* - là:

"đồ nghề dùng để phổ biến một cách thần diệu tư tưởng phương Tây... là yếu tố xâm nhập mãnh liệt vào một dân tộc... nhờ vào sự ổn định ngữ nghĩa đem lại cho các từ của tiếng An Nam, quốc ngữ sẽ có sứ mạng làm công cụ chuyển tải những tư tưởng của chúng ta [tức người Pháp] có mời góp phần vào sự phát triển xứ thuộc địa Đông Dương to lớn của chúng ta...

"Phần tôi [tức là Roux], tôi không thù ghét gì chữ Hán nhưng thứ chữ này đối với quốc ngữ trong 30, 40 năm tới đây sẽ giống như tiếng La Tinh đã trở thành đối với tiếng Pháp như ngày nay...

"Việc giảng dạy quốc ngữ đã toả lan với một tốc độ chóng mặt ...

"Tư tưởng và sự vật được họ [những người Việt du học ở Paris] diễn tả bằng những chữ Hán thích hợp. Những chữ Hán này, thường là chữ đôi, phát âm theo một cách nào đó trong tiếng Việt, và cách phát âm này được ghi lại rất chính xác bằng quốc ngữ. Các từ mới này dưới dạng quốc ngữ ... càng ngày càng làm giàu cho tiếng An Nam ...

"... Hậu quả khác: ngôn ngữ này [tức tiếng Việt], được viết bằng con chữ La Mã như thế, có chiều hướng trở thành đa âm tiết ... Như vậy những từ như *tự-do*, *đồng-bào*, *tự-lập*, *bảo-hộ*, được ghép bằng hai từ đơn âm hiện nay lập thành, đồng thời cùng với số động từ khác, những từ hai âm tiết chân chính mà sự biến chuyển tự nhiên của quốc ngữ rất cuộc sẽ bỏ bớt cái gạch nối để trở thành những từ nối liền (*tựdo*, *đồngbào* ... ghi chú thêm của NPP) giống như các từ Pháp *portemonnaie* hay *portefeuille* (thay vì *porte-monnaie* hay *porte-feuille*, ghi chú thêm của NPP).

"Như vậy, quốc ngữ ... xâm nhập mọi thứ. Nó được dạy mọi nơi ...

"Chính là thông qua quốc ngữ mà dân An Nam gắn bó với nền văn minh Pháp và chính cũng qua quốc ngữ mà chúng ta xấp lại gần với dân tộc này...

"Tướng Pennequin hiện đang chỉ huy quân đội ở Đông Dương, có viết năm 1909 : *'Quốc ngữ là công cụ chân chính để đưa tư tưởng chúng ta xâm nhập vào dân An Nam ...*

*"... Thật đáng buồn thay trong một thời gian dài quốc ngữ không những không được quan tâm mà còn bị chống đối."*

"Ông Farjenel, người học chữ Hán từ 20 năm nay... đã nói như sau:

*'Ở Bắc Kỳ, thế hệ mới đã dốc lòng học quốc ngữ mà họ nhận ra cái thế hơn trội đối với chữ tượng hình nhất là trên phương diện dễ học. Chỉ những thầy đồ già mới nuối tiếc cái kiểu viết cổ lỗ sĩ (archaïque) của chữ tượng hình.'*

"Một công văn năm 1910 của Khâm sứ Bắc Kỳ định rằng tất cả các văn bản dùng cho việc quảng bố như nghị định, quyết định, lệnh, chỉ thị, phán quyết, phải được viết bằng quốc ngữ. Công văn này cũng nói thêm rằng [việc dùng quốc ngữ] phải áp dụng cho thư tín thường lệ giữa các quan triều Nguyễn và chính quyền Pháp, và càng nhiều càng hay, cho các thông tri của các quan lại gửi đến người dân ...

"Năm 1909, ở Hanoi có thành lập một Hội thân hữu Pháp Việt để phổ biến và quảng bá chữ quốc ngữ. Hội này còn có tên là Bác Văn Hội nhắm đến những mục đích sau đây:

1. Đưa ra mắt những tác phẩm văn học An Nam viết bằng chữ khối vuông - chữ nho hay chữ nôm - bằng cách dịch ra quốc ngữ hay tiếng Pháp ;
2. Dịch ra quốc ngữ những sản phẩm của tri thức Pháp về những môn khoa học, nghệ thuật, luật, kinh tế chính trị, văn học, với dụng ý là ổn định... ngữ nghĩa các từ trong tiếng nói của xứ An Nam ...

"Khâm sứ Bắc Kỳ tuyên bố là không đặt vấn đề gạt bỏ văn tự Trung Quốc để thay thế bằng quốc ngữ.

*'Mọi cuộc phiên viết theo ngữ âm dành cho tiếng An Nam hay Hán-Việt đều thiếu sót và đưa đến nhiều chỗ không rõ ràng. Ông Simoni [Khâm sứ Bắc Kỳ] viện lý do là số lượng âm tiếng An Nam hay Hán-Việt rất giới hạn nên rất khó khăn để phân biệt chúng nếu không dùng chữ tượng ý. [Vấn đề từ đồng âm, chú thích NPP]'*

*"Nhưng đó chính là điểm mà tôi (Roux) phản bác bằng cách nêu lên sự sử dụng càng ngày càng tăng trong quốc ngữ những từ đôi, những từ này đem lại cho tiếng An Nam tính chính xác ...*

*"... Không, ông Khâm sứ ơi! Các cuộc phiên viết theo ngữ âm dành cho tiếng An Nam, nhất là Hán-Việt, sẽ đáp ứng và sự phiên viết này sẽ không gây ra nhầm lẫn khi các ông đồ An Nam dùng quốc ngữ để thông qua những chữ đôi ..."*

Tóm lại để chứng minh cái thế thượng phong của chữ quốc ngữ, Roux đã triển khai hai điểm chính sau đây:

1. Dưới mắt một sĩ quan thuộc địa, quốc ngữ là một phương tiện tốt, có hiệu năng để truyền bá văn minh phương Tây, để xâm nhập tư tưởng dân bảo hộ, và nhất là công cụ tiện lợi để soạn thảo công văn hành chánh, điều hành chính quyền.

2. Theo quan điểm của nhà nghiên cứu thì Roux tuy thường lẫn lộn giữa chữ viết và ngôn ngữ nhưng vẫn có cái nhìn sáng suốt về sức mạnh và sự phong phú của tiếng Việt. Khác với một số người kể cả người Việt, xem trọng chữ Hán, tức tiếng Trung Quốc, cho là chữ của thánh hiền, chữ của bác học (*langue savante*), dè bĩu chữ nôm, tức tiếng Việt, cho *nôm na là cha mách quế*, thì Roux tin tưởng là quốc ngữ, hiểu theo nghĩa vừa chữ viết vừa ngôn ngữ, có thể diễn tả những ý niệm trừu tượng trong nghệ thuật, khoa học, chính trị, văn học, v.v..., có thể giúp "ôn định ngữ nghĩa các từ." Đối với chữ quốc ngữ mà một số người cho là kém hơn chữ nôm vì có quá nhiều từ đồng dạng đồng âm thì Roux phản bác lại, nói rằng các từ này sẽ được hiểu nghĩa rõ ràng qua các từ đôi (hay từ ghép). Thông qua các từ đôi này với số lượng càng ngày càng nhiều, tiếng Việt có chiều hướng trở nên đa âm tiết. Đó là một nhận định khá đúng đắn của Roux.

Qua chương trình hành động của Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục, qua tình hình và nhận xét của viên quan ba pháo binh Jules Roux, thì quốc ngữ thắng lợi hoàn toàn. Chữ viết La Tinh hoá trở thành quốc tự và quốc ngữ/tiếng Việt chứng tỏ có đủ sức để trở thành một ngôn ngữ khoa học, nghệ thuật, chính trị. Còn cái điều cho tiếng Việt đã đạt đến độ một ngôn ngữ văn chương trác tuyệt chưa thì đã được chứng minh qua các tác phẩm nôm như *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm* ở thế kỷ 18, và nhất là *Truyện Kiều* ở đầu thế kỷ 19.

---

(\*) - Roux, đại úy pháo binh thuộc địa, tiến sĩ luật, là bạn của cụ Phan Châu Trinh